

ELIZABETH GILBERT

THE #1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

*"Tôi say mê Ăn, cầu nguyện, yêu."
— Hillary Clinton*



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



nhà nam

Ăn, Cầu Nguyện, Yêu

Elizabeth Gilbert

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

[1]

LỜI GIỚI THIỆU – hay - QUYỂN SÁCH NÀY THẾ NÀO – hay - Hạt thứ 109

Ý – hay - “Nói Như Ta Ăn” – hay - Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Kiếm Tìm Hạnh Phúc

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

ẤN ĐỘ - Hay - “Hân Hạnh Được Gặp Quý Vị” – Hay - Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Theo Đuổi
Tín Ngưỡng

[37](#)
[38](#)
[39](#)
[40](#)
[41](#)
[42](#)
[43](#)
[44](#)
[45](#)
[46](#)

Nói sự thật. Chỉ nói sự thật. Elizabeth Gilbert đã tuyên ngôn vậy, khi cô kể lại câu chuyện cuộc đời mình trong **Ăn, cầu nguyện, yêu**. Những đau khổ rất nhân bản nhưng vẫn quá ngỡ ngàng đã xuất hiện giữa tuổi ba mươi đầy xáo động của cô. Vượt qua tuyệt vọng, Liz tự mình thực hiện một hành trình dũng cảm để tìm kiếm thanh thản. Chính vì sự thật mà chuyện kể của một con người đã đủ sức mở lối cho hàng triệu người khác nhau trên khắp thế giới tìm được con đường thoát khỏi trầm cảm, thấy lại niềm vui và sự cân bằng, đồng thời sẵn sàng yêu nhau lần nữa.

Ăn, cầu nguyện, yêu – cuốn hồi ký xuất sắc của Elizabeth Gilbert, một bestseller của *The New York Times*, được đánh giá là một trong những cuốn sách có ảnh hưởng lớn tới đời sống tâm lý Mỹ hiện đại. Tác phẩm đã bán hơn 5 triệu bản và được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên toàn cầu. Thành công rực rỡ của **Ăn, cầu nguyện, yêu** cũng chính là bước ngoặt đưa Elizabeth Gilbert trở thành một trong bốn nhà văn được tạp chí *Time* bình chọn vào danh sách 100 nhân vật có ảnh hưởng nhất thế giới năm 2008.

- “Món quà tôi mang tặng tất cả bạn gái của mình.” – Julia Roberts
- “Mọi phụ nữ đều nên đọc cuốn sách này” – Ellen Macpherson
- “**Ăn, Cầu nguyện, yêu** thật đáng yêu... Tôi thẩm thía cả nỗi khao khát trái lòng trên từng trang giấy lẫn ước vọng chữa lành vết thương của tác giả” – Meg Ryan
- “Một suy ngẫm về yêu dưới muôn dạng thức – yêu món ăn tinh tế, yêu ngôn ngữ mới mẻ, yêu con người, yêu thượng đế, và cả thứ tình yêu đã thực sự cứu rỗi Gilbert, yêu chính bản thân mình” – Los Angeles Times
- “Một giọng văn ríu rít mà bí ẩn, một tầm thâm thấu văn hoá cùng cảm xúc, một trạng thái say mê lẫn nồng nhiệt, một câu chuyện hấp dẫn kết nối tới cả lịch sử và giai thoại” – Publishers Weekly.

Giới thiệu tác giả:

Elizabeth Gilbert sinh năm 1969 tại Connecticut, Mỹ. Cô tốt nghiệp ngành Khoa học Chính trị tại Đại học New York năm 1991.

Elizabeth Gilbert say mê viết văn từ thuở nhỏ. Sự nghiệp sáng tác của cô bắt đầu từ khi cô bước vào nghề báo. Elizabeth là một trong những cây bút viết toàn diện, xuất sắc nhất của American GQ. Cô đã hai lần nhận được đề cử Giải thưởng Tạp chí Quốc gia.

Đến nay Elizabeth Gilbert đã xuất bản được 4 cuốn sách, bao gồm tập truyện ngắn *Pilgrims* (tác phẩm lọt vào chung kết giải thưởng Pen/Hemingway 1997), tiểu thuyết *Stern Men* (2000), tiểu thuyết *The Last American Man* (đề cử Giải thưởng Sách Quốc gia, và ghi nhận Sách Tiêu biểu năm 2002 của *The New York Times*), và cuốn hồi ký xuất bản năm 2006 *Ăn, cầu nguyện, yêu (Eat, pray, love)*. *Ăn, cầu nguyện, yêu* được độc giả Mỹ cũng như trên khắp thế giới đón nhận hết sức nồng nhiệt. Tác phẩm hiện đang được dựng phim với sự tham gia diễn xuất của nữ minh tinh Julia Roberts.

Thành công rực rỡ của *Ăn, cầu nguyện, yêu* đã đưa Elizabeth Gilbert trở thành một trong bốn nhà văn được tạp chí *Time* bình chọn vào danh sách 100 nhân vật có ảnh hưởng nhất thế giới năm 2008. Hiện cô đang sống giữa Philadelphia (Mỹ) và Brazil.

Tặng Susan Bowen – người mang lại niềm trú ẩn dù cách xa 12.000 dặm xa.

Nói sự thật, nói sự thật, nói sự thật.^[1]

- Sheryl Louise Moller

LỜI GIỚI THIỆU

hay

QUYỂN SÁCH NÀY THẾ NÀO

hay

Hạt thứ 109

Khi du lịch ở Ấn Độ - nhất là qua các địa điểm linh thiêng và các Ashram^[2], ta sẽ thấy rất nhiều người đeo tràng hạt ở cổ. Ta cũng sẽ thấy rất nhiều bức hình cũ chụp những hành giả^[3] mình trần, gầy trơ xương và dữ tợn (hay đôi khi là những hành giả béo tròn, hiền lành và rạng rỡ) cũng đeo tràng hạt. Tràng hạt này được gọi là *japa mala*. Ở Ấn Độ, trong nhiều thế kỷ tràng hạt được dùng để giúp các tín đồ đạo Hindu và Phật giáo sùng đạo tập trung khi tham thiền cầu nguyện. Người ta cầm tràng hạt và dùng ngón tay lần hạt theo vòng tròn – chạm vào một hạt là lặp lại một câu chú. Khi quân Thập Tự Chinh thời Trung cổ tràn sang phương Đông tiến hành Thánh Chiến, chứng kiến các tín đồ dùng những *japa mala* này để cầu nguyện, họ đã rất thán phục cách thức đó và đưa niệm này về quê nhà ở châu Âu, gọi là chuỗi tràng hạt.

Một xâu *japa mala* truyền thống có 108 hạt. Trong giới hiền triết phương Đông thần bí, số 108 được xem là tốt lành nhất, bội số ba chữ số hoàn hảo của số ba, các thành phần của nó cộng lại thành chín, là ba lần ba. Và ba, tất nhiên, là con số tượng trưng cho sự cân bằng tối thượng như bất kỳ ai từng nghiên cứu về Chúa Ba Ngôi linh thiêng hay chỉ về cái ghế quầy rượu đơn giản đều có thể thấy rõ ràng. Vì toàn bộ cuốn sách này là về những cố gắng tìm thấy cân bằng của tôi, tôi quyết định tạo cho nó kết cấu như một *japa mala*, chia thành 108 câu chuyện, hay 108 hạt. Chuỗi 108 câu chuyện này sẽ được chia tiếp thành ba phần về Ý, Ấn Độ và Indonesia – ba xứ sở tôi đã ghé thăm trong năm tự khám phá bản thân này. Sự phân chia này có nghĩa là một phần có 36 câu chuyện lời cuốn tôi trên phương diện cá nhân vì tôi đã viết tất cả những điều này vào năm tôi ba mươi sáu tuổi.

Giờ thì trước khi tôi trở nên quá giống Louis Farrakhan với vấn đề thần số học ở đây này, cho phép tôi kết luận bằng cách nói rằng nó cũng thích cái ý tưởng xâu chuỗi những câu chuyện này theo kết luận của một *japa mala* vì nó rất... có kết cấu. Khám phá chân thực về tâm linh là, và luôn là, một nỗ lực của kỷ luật có phương pháp. Đi tìm Chân Lý không phải là một thứ ngớ ngẩn miễn-phí-cho-tất-cả, ngay cả trong cái thời đại ngớ ngẩn vĩ đại miễn-phí-cho-tất-cả này. Với tư cách vừa là một người kiếm tìm vừa là một nhà văn, tôi thấy cố gắng dựa vào chuỗi hạt là điều hữu ích, phương pháp tốt nhất giúp tôi tập trung chú ý vào cái mình đang cố hoàn tất.

Bất luận thế nào, mỗi *japa mala* đều có một hạt đặc biệt, hạt thêm vào – hạt thứ 109 – xâu bên ngoài cái vòng 108 hạt cân xứng như một đối trọng. Tôi vẫn thường nghĩ hạt thứ 109 là một thứ dự phòng khẩn cấp như cái khuy áo dự phòng dính vào chiếc áo len đẹp đẽ, hay người con trai út trong một gia đình hoàng gia. Nhưng rõ ràng ở đây có một mục đích cao cả hơn. Khi ngón tay ta chạm đến dấu mốc này là lúc cầu nguyện, ta phải ngưng trạng thái

thiền định và đa tạ sự phụ mình. Vậy nên ở đây, ở hạt 109 của riêng mình, tôi dừng trước cả khi bắt đầu. Tôi xin được dâng lời cảm tạ đến những người thầy của tôi, những người đã xuất hiện trước mắt tôi trong rất nhiều thể dạng lạ lùng trong năm này.

Nhưng lời cảm tạ đặc biệt nhất tôi dành cho Sư phụ^[4] của tôi, người có lòng bi mẫn trong mỗi nhịp đập trái tim, và là người đã rất rộng lượng cho phép tôi học hỏi tại Ashram của bà khi tôi ở Ấn Độ. Đây cũng là lúc tôi muốn giải thích là tôi viết về những trải nghiệm của mình ở Ấn Độ thuần túy từ quan điểm cá nhân chứ không phải như một học giả thần học hay phát ngôn viên chính thức của bất kỳ ai. Đây là lý do tôi sẽ không nhắc đến tên Sư phụ mình trong cuốn sách này – vì tôi không thể là người phát ngôn cho bà. Những giáo huấn của bà tự nó nói lên tất cả. Tôi cũng sẽ không tiết lộ tên hay địa điểm Ashram của bà, để nơi đó tránh được sự chú ý của công chúng, một điều nó không quan tâm mà cũng chẳng có các nguồn lực để quản lý.

Một biểu hiện cuối cùng của lòng biết ơn: khi những cái tên rải rác khắp cuốn sách này đã được thay đổi vì nhiều lý do, tôi quyết định thay đổi tên của từng người mình gặp tại Ashram này ở Ấn Độ, cả người Ấn và người Tây phương. Vì tôn trọng một thực tế là hầu hết mọi người không thực hiện chuyển hành hương tâm linh để rồi sau đó xuất hiện như một nhân vật trong sách. (Trừ khi, tất nhiên, đó là tôi.) Tôi chỉ có một ngoại lệ cho cách giấu tên tự đặt ra này. Richard từ Texas thực sự tên là Richard, và đúng là người Texas. Tôi muốn dùng tên thật của anh ấy vì anh là người rất quan trọng với tôi khi tôi ở Ấn Độ.

Một điều cuối cùng – khi tôi hỏi Richard nếu tôi nhắc đến việc anh từng là một người nghiện rượu và ma túy trong cuốn sách của mình thì có sao không, anh trả lời là điều đó hoàn toàn được.

Anh nói, “Dù sao thì tôi cũng đã thử tìm cách nói ra chuyện đó.”

Nhưng đầu tiên – nước Ý...

**Ý – hay - “Nói Như Ta Ăn” – hay - Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Kiếm
Tìm Hạnh Phúc**

Ý

hay

“Nói Như Ta Ăn”

hay

Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Kiếm Tìm Hạnh Phúc

Tôi ước gì Giovanni hôn tôi.

Ồ, nhưng có quá nhiều lý do vì sao điều này sẽ là một ý tưởng khủng khiếp. Đầu tiên, Giovanni trẻ hơn tôi mười tuổi, và – như hầu hết các chàng trai Ý ở tuổi hai mươi – anh vẫn còn sống cùng mẹ. Chỉ riêng những điều này thôi cũng đã khiến anh khó có thể là một người tình lãng mạn của tôi, vì thực tế tôi là một phụ nữ Mỹ có nghề nghiệp khoảng ngoài ba mươi, vừa trải qua một cuộc hôn nhân thất bại và vụ ly dị tàn hại và bất tận, liền theo là cuộc tình say đắm có một kết cục làm tan nát cõi lòng. Mất mát này chồng lên mất mát khác khiến tôi cảm thấy buồn, mong manh và chùng như đã già bảy ngàn tuổi rồi. Thuần về nguyên tắc thì tôi không thể để anh chàng Giovanni trong sáng, đáng yêu phải chịu đựng một kẻ sấu muộn già nua đổ vỡ trong hôn nhân là mình. Chưa kể là rốt cuộc tôi cũng đã tới cái tuổi mà một phụ nữ bắt đầu hỏi, có thực cách khôn ngoan nhất để vượt qua nỗi mất mát vì một người đàn ông trẻ đẹp mắt nâu là mời ngay một người đàn ông khác lên giường hay không. Đây là lý do tôi đã đơn độc nhiều tháng nay. Đây là lý do, trên thực tế, tôi đã quyết định sống độc thân suốt năm nay.

Một người quan sát sắc sảo có thể sẽ chất vấn, “Vậy thì tại sao cô lại đến Ý?”

Và để trả lời, tôi chỉ có thể đáp – nhất là khi nhìn anh chàng Giovanni đẹp trai ngồi bên bàn – “Một câu hỏi hay.”

Giovanni là Bạn Giao Lưu Xe đạp đôi của tôi. Nghe có vẻ như ám chỉ cái gì đấy khác, nhưng tiếc là không phải. Thật ra tất cả chỉ có nghĩa là chúng tôi gặp nhau vài tối mỗi tuần ở đây, tại Roma, để thực hành ngôn ngữ của cả hai. Đầu tiên chúng tôi nói tiếng Ý anh ấy nhắn nài với tôi; rồi chúng tôi nói tiếng Anh, và tôi kiên nhẫn với anh. Tôi đã phát hiện ra Giovanni vài tuần sau khi đến Roma, nhờ cái quán cà phê Internet lớn ở Piazza Barbarini ấy, bên kia đường đối diện đài phun nước có bức tượng chàng trai người cá gọi tình đang thối cái vỏ sò. Anh (là Giovanni, không phải chàng người cá) đã dán một quảng cáo lên bảng tin nói là một người Ý bản ngữ đang tìm một người Anh bản ngữ để thực hành ngôn ngữ đàm thoại. Ngay dưới yêu cầu giúp đỡ của anh là một quảng cáo khác với cùng một yêu cầu, giống hệt nhau từng chữ một, đến cả kiểu chữ. Khác biệt duy nhất là thông tin liên hệ. Một quảng cáo ghi địa chỉ email của một ai đó có tên là Giovanni; còn cái kia thì giới thiệu ai đó tên là Dario. Nhưng ngay cả số điện thoại nhà cũng là một.

Tôi sử dụng năng lực trực giác nhạy bén của mình gửi email cho cả hai người một lúc, hỏi bằng tiếng Ý, “Có lẽ các anh là anh em?”

Chính Giovanni là người viết thư trả lời rất *provocatio*^[5] như sau, “Còn hay hơn nữa. Sinh đôi!”

Đúng vậy, hay hơn nhiều. Hóa ra đây là hai anh em sinh đôi tuổi hai mươi lăm giống hệt nhau, to cao, đẹp trai, rậm nắng với đôi mắt Ý to nâu mơ màng khiến tôi muốn mở lòng. Sau khi đích thân gặp cả hai người họ, tôi bắt đầu không biết có nên chỉnh lại chút xú điều lệ độc thân trong năm nay của mình hay không. Ví dụ, có lẽ tôi vẫn độc thân hoàn toàn *trừ việc*

giữ anh em sinh đôi người Ý hai mươi lăm tuổi đẹp trai này làm nhân tình. Chuyện này có chút làm nhớ lại chuyện một người bạn của tôi ăn chay trừ món thịt lợn muối xông khói, nhưng dù sao thì... Tôi đã bắt đầu viết thư cho tạp chí Penthouse:

Trong bóng tối lung linh ánh nến của quán cà phê Roman, chẳng thể nào nói được tay ai đang vuốt ve...

Nhưng không.

Không và không.

Tôi cắt ngang hình ảnh mộng mị này lưng chừng câu. Đây không phải là lúc tôi tìm kiếm lãng mạn và (như ngày tiếp nối đêm) làm cuộc sống đã nan giải của mình phức tạp thêm. Đây là lúc tôi tìm kiếm sự hàn gắn và yên tĩnh chỉ có thể có được từ sự đơn độc.

Dù sao thì, đến lúc này, vào giữa tháng Mười một, anh chàng Giovanni nhút nhát, siêng năng và tôi đã trở thành bạn thân. Còn về phần Dario – kẻ ưa tiệc tùng đàn đúm hơn trong hai anh em – tôi đã giới thiệu với cô bạn nhỏ Sofie đáng yêu người Thụy Điển của mình, và họ đã cùng chia sẻ những buổi tối *của họ* ở Roma ra sao thì lại hoàn toàn là một kiểu Bạn Giao Lưu Xe đạp đôi khác. Còn Giovanni và tôi, chúng tôi chỉ trò chuyện. À không, ăn uống và chuyện trò. Đã nhiều tuần lễ thú vị chúng tôi cùng ăn uống và trò chuyện, chia nhau món pizza và nhẹ nhàng sửa những lỗi văn phạm, và đêm nay cũng không phải ngoại lệ. Một buổi tối dễ thương và những thành ngữ mới và món pho mát tươi mozzarella.

Giờ là nửa đêm và trời mù sương. Giovanni đưa tôi trở về căn hộ qua những con đường của Roma hiền hòa lượn quanh các tòa nhà cổ như những nhánh sông trườn quanh những khoảng rừng bách mờ ảo. Giờ thì chúng tôi đang đứng trước cửa, đối diện nhau. Anh trao tôi một cái ôm ấm áp. Đây là một tiến bộ; trong mấy tuần đầu tiên anh chỉ bắt tay tôi thôi. Tôi nghĩ nếu mình ở lại Ý thêm ba năm nữa, rất có thể anh sẽ ghì lấy tôi mà hôn nồng nhiệt. Tuy nhiên, giá mà anh hôn tôi ngay lúc này, đêm nay, ngay đây cạnh cửa nhà tôi... có thể lắm chứ... ý tôi là chúng tôi đang ôm ghì nhau dưới ánh trăng này... và dĩ nhiên điều đó sẽ là một sai lầm *khủng khiếp*... nhưng đó vẫn thật là một khả năng tuyệt vời nếu anh thật sự có thể làm điều đó ngay lúc này... rằng giá mà anh cúi xuống... và... và...

Không.

Anh buông vòng tay.

“Chúc ngủ ngon, Liz yêu dấu,” anh nói.

“*Buona notte, caro mio,*”^[6] tôi đáp.

Tôi bước lên những bậc thang dẫn đến căn hộ tầng bốn của mình, hoàn toàn đơn độc. Tôi trôi vào căn hộ bé xíu xiu của mình, cũng hoàn toàn đơn độc. Tôi đóng cánh cửa lại sau lưng. Lại một đêm ngủ một mình nữa ở Roma. Lại một đêm dài nữa đang đợi, chẳng có ai và chẳng có gì trên chiếc giường ngoại trừ một chồng sách thành ngữ Ý và từ điển.

Tôi một mình, tôi cô độc, tôi hoàn toàn cô độc.

Hiểu thấu thực tế này, tôi buông túi xách, khụy xuống và tì trán vào tường. Nơi đây, tôi dâng lên vũ trụ lời cầu nguyện cảm tạ nhiệt thành.

Đầu tiên là bằng tiếng Anh.

Rồi đến bằng tiếng Ý.

Và rồi – để trình bày rõ ràng hơn – bằng tiếng Phạn.

Và vì tôi đã quỳ trên sàn mà khẩn nguyện, cho phép tôi giữ nguyên tư thế đó để trở về thời điểm ba năm trước, khi toàn bộ câu chuyện này bắt đầu – thời khắc tôi cũng đang đứng trong tư thế đó: quỳ gối, trên sàn nhà, cầu nguyện.

Thế nhưng những thứ còn lại trong khung cảnh của ba-năm-trước thì có khác. Lúc đó, tôi không ở Roma mà trong phòng tắm trên lầu căn nhà lớn ở ngoại ô New York mới mua cho chồng. Khi ấy là khoảng ba giờ sáng một ngày tháng Mười một lạnh lẽo. Chồng tôi còn đang ngủ trên giường. Tôi nấu mình trong phòng tắm đầu như đã đêm thứ bốn mươi bảy liên tiếp rồi, và – cũng như tất cả những đêm trước – tôi đang khóc nức nở. Thật vậy, nước nức đến độ trên sàn gạch men phòng tắm trước mặt tôi lan dài một hồ rộng đầy nước mắt nước mũi, một Hồ Hạ^[7] thật sự (nếu bạn cho phép), đầy nỗi tủi thẹn, sợ hãi, bối rối và đau buồn của tôi.

Tôi không muốn đời sống hôn nhân nữa.

Tôi cố hết sức không nghĩ đến điều này nữa, nhưng sự thật vẫn cứ bám riết lấy tôi.

Tôi không muốn đời sống hôn nhân nữa. Tôi không muốn sống trong căn nhà lớn này. Tôi không muốn có con.

Nhưng lẽ ra tôi phải muốn có con. Tôi đã ba mươi mốt tuổi. Chồng tôi và tôi – chung sống trong tám năm, cưới nhau được sáu năm – đã xây dựng toàn bộ đời sống cả hai quanh một mong đợi chung là, sau khi bước qua ngưỡng cửa tuổi ba mươi già nua lập cập rồi, tôi sẽ muốn ổn định và có con. Chúng tôi cùng trông đợi là, đến lúc đó, tôi sẽ chán ngấy đi đây đó và sẽ sống hạnh phúc trong một đại gia đình bận rộn đầy bọn nhóc và chăn bông tự làm, có vườn ở sân sau và món hầm sôi lục bục trên bếp. (Thực ra đây là miêu tả khá chính xác về mẹ tôi, cho thấy ngay cả tôi cũng từng khó mà nêu ra được sự khác biệt giữa tôi và người phụ nữ mạnh mẽ đã nuôi dạy mình ấy ra sao.) Nhưng, tôi kinh hoàng nhận ra, mình không muốn bất cứ gì trong những thứ này cả. Thay vì vậy, khi thời hai mươi của tôi đã qua, cái hạn chót BA MƯƠI TUỔI đó lơ lửng trước mặt tôi như một bản án tử hình, và tôi hiểu ra là mình không muốn có mang. Tôi cứ chờ lúc mình muốn có con, nhưng điều đó không xảy ra. Và tôi biết cái cảm giác muốn một điều gì đó như thế nào, xin hãy tin tôi. Tôi biết rất rõ cảm giác khát khao thì sẽ ra sao. Nhưng o có. Vả chăng, tôi không thể thôi nghĩ đến điều chị tôi đã từng nói với tôi khi đang cho đứa con đầu lòng bú, “Có con giống như xăm hình trên mặt mình vậy. Em phải thật sự chắc chắn đó là điều mình muốn trước khi cam kết.”

Thế nhưng làm sao tôi có thể quay trở lại? Mọi thứ đã sẵn sàng cả rồi. Năm đó là dành cho việc có mang. Trên thực tế, chúng tôi đã cố để có con vài tháng nay rồi. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả (trừ việc – gần như một trò chế giễu mỉa mai của thai nghén – tôi bị mệt mỏi căng thẳng thần kinh vào buổi sáng, bồn chồn đến độ ngày nào cũng nôn hết bữa sáng đã ăn.) Và mỗi tháng tới chu kỳ tôi thường thăm thì lén lút trong phòng tắm: *Cám ơn, cám ơn, cám ơn, cám ơn đã cho tôi sống thêm một tháng nữa...*

Tôi đã cố thuyết phục mình rằng điều đó là tự nhiên. Mọi phụ nữ khác hẳn cũng cảm thấy vậy khi cố để có mang, tôi nghĩ. (Tôi dùng từ “do dự” để tránh một miêu tả chính xác hơn nhiều, “khiếp đảm cực độ”.) Tôi cố buộc mình tin những cảm giác đó là bình thường, bất chấp mọi bằng chứng ngược lại – ví như tuần trước tôi tình cờ gặp một người quen vừa biết mình có thai lần đầu sau khi đã dành trọn hai năm và một món tiền lớn cho việc điều trị sinh sản. Cô ấy vô cùng sung sướng. Cô nói với tôi rằng lúc nào cô cũng muốn được làm mẹ. Cô thú nhận nhiều năm rồi đã âm thầm mua quần áo sơ sinh và giấu dưới giường, nơi chồng cô không thể phát hiện. Tôi thấy niềm vui trên khuôn mặt cô và tôi nhận ra nó. Đó chính là niềm vui rạng rỡ trên mặt tôi mùa xuân năm ngoái, cái ngày tôi được biết là tờ tạp chí nơi tôi làm việc sắp cử tôi đi New Zealand công tác để viết một bài về cuộc tìm kiếm loài mực khổng lồ. Và tôi tự nhủ, “Chùng nào mình chưa thể cảm thấy sướng rơn về chuyện có con như mình đã cảm thấy về chuyến đi đến New Zealand tìm loài mực to tướng thì mình chưa thể có con được.”

Tôi không muốn đời sống hôn nhân nữa.

Ban ngày, tôi cự tuyệt ý nghĩ ấy, nhưng đêm đến nó thường giày vò tôi. Thật là một thảm họa. Làm sao tôi lại có thể ngu xuẩn một cách vô đạo đức khi dẫn thân đến thế vào hôn nhân, chỉ để rồi bỏ đi? Chúng tôi chỉ mới mua căn nhà này một năm trước thôi. Tôi không muốn căn nhà xinh đẹp này sao? Tôi không yêu thích nó sao? Vậy sao giờ đây tôi lại lang thang khắp các gian phòng hàng đêm, gào khóc như Medea^[8]? Phải chăng tôi không hãnh diện về tất cả những gì chúng tôi đã tích lũy được – ngôi nhà hoành tráng ở thung lũng Hudson, căn hộ ở Manhattan, tám đường điện thoại, bạn bè, những cuộc dã ngoại và tiệc tùng, những ngày cuối tuần lang thang trên các lối đi của các cửa hiệu lớn ưa thích, sắm thật nhiều đồ dùng bằng thẻ tín dụng? Tôi đã hăng hái tham gia vào mỗi phút giây tạo nên cuộc sống này – vậy tại sao tôi lại cảm thấy như chẳng có gì ở đó tương đồng với mình? Tại sao tôi lại cảm thấy ngập trong nghĩa vụ, phát chán phải làm người nuôi sống gia đình, người nội trợ, người sắp xếp giao tế xã hội, người dắt chó đi dạo, người vợ và người mẹ tương lai, và – đâu đó trong những khoảnh khắc giành giật được – một nhà văn...?

Tôi không muốn đời sống hôn nhân nữa.

Chồng tôi đang ngủ trong căn phòng khác, trên giường chúng tôi. Tôi yêu anh ấy đồng thời cũng không chịu nổi anh ấy. Tôi không thể đánh thức anh dậy để chia sẻ nỗi khổ của mình – để làm gì cơ chứ? Anh đã chứng kiến tôi suy sụp từ nhiều tháng nay rồi, thấy tôi cư xử như một mụ điên (cả hai chúng tôi cùng đồng ý với từ này), và tôi chỉ làm anh kiệt sức mà thôi. Cả hai đều biết *có điều gì đó không ổn với tôi*, và anh đã mất kiên nhẫn với chuyện đó. Chúng tôi cãi nhau và khóc, rồi chúng tôi mệt mỏi theo lối chỉ một cặp vợ chồng có hôn nhân đang sụp đổ mới cảm thấy. Ánh mắt chúng tôi trở thành ánh mắt của những kẻ tị nạn.

Những lý do khiến tôi không muốn làm vợ của người đàn ông này nữa là quá riêng tư và quá buồn để chia sẻ ở đây. Phần lớn các lý do đó liên quan đến những vấn đề của tôi, nhưng một phần khá lớn những rắc rối của chúng tôi cũng liên quan đến các vấn đề của anh ấy. Cũng tự nhiên thôi; suy cho cùng, hôn nhân nào cũng có hai nhân vật – hai biểu quyết, hai ý kiến, hai khuynh hướng quyết định, hai ước muốn và giới hạn mâu thuẫn nhau. Nhưng tôi cho rằng nói về những vấn đề của anh ấy trong cuốn sách của mình là không thích hợp. Tôi cũng không thể đòi hỏi ai đó tin là tôi có thể thuật lại câu chuyện của chúng tôi một cách

khách quan, và do vậy, biên niên sử cuộc hôn nhân thất bại của chúng tôi sẽ không bao giờ được đề cập đến ở đây. Tôi cũng sẽ không thảo luận ở đây tất cả những lý do tại sao tôi vẫn đã *rất* muốn là vợ anh, hay điều tuyệt vời nơi anh, hay tại sao tôi yêu anh, tại sao lại cưới anh và tại sao không thể hình dung nổi một cuộc sống thiếu anh. Tôi sẽ không thổ lộ bất kỳ điều gì hết. Hãy cứ biết là, vào đêm đó, anh ấy vẫn là ngọn hải đăng và cũng là con chim hải âu lớn của tôi. Điều duy nhất khó nghĩ hơn ra đi là ở lại; điều duy nhất bất khả hơn ở lại là ra đi. Tôi không muốn phá hoại bất kỳ điều gì hay bất kỳ ai. Tôi chỉ muốn lẳng lặng lên ra cửa sau, không làm ầm ĩ hay gây ra một hậu quả nào, và rồi chạy một mạch tới khi đến được Greenland.

Phần này của câu chuyện không vui, tôi biết. Nhưng tôi chia sẻ ở đây vì một điều gì đó sắp xảy ra ngay tại sàn phòng tắm ấy đã vĩnh viễn thay đổi tiến trình cuộc đời tôi – kiểu như một trong những siêu sự kiện thiên văn diễn ra khi một hành tinh lật ngược trong vũ trụ không vì một lý do nào cả, rồi cái tâm nóng chảy của nó dịch chuyển, kéo theo vị trí hai cực dịch chuyển và hình dạng của nó thay đổi hoàn toàn, đến mức toàn khối hành tinh đột nhiên trở thành hình khuôn thay vì hình cầu. Đại loại như vậy.

Điều xảy ra là tôi bắt đầu cầu nguyện.

Bạn biết đấy, như là cầu nguyện *Thượng Đế*.

Bấy giờ, đó là lần đầu tiên đối với tôi. Và vì đây là lần đầu tiên tôi đưa từ gay go ấy – THƯỢNG ĐẾ - vào quyển sách của mình, và vì đây là từ sẽ xuất hiện lặp lại nhiều lần trong suốt các trang sách này, có lẽ là đúng đắn nếu tôi dùng ở đây giấy lát nhằm giải thích chính xác ngụ ý của mình khi dùng từ này, để mọi người có thể quyết định ngay mình có cần cảm thấy khó chịu thế không.

Để dành tranh luận liệu Thượng Đế có tồn tại hay không về sau (mà không, tôi có một ý kiến hay hơn: ta hãy bỏ qua luôn tranh luận đó), cho phép tôi trước tiên giải thích tại sao tôi dùng từ Thượng Đế khi có thể chỉ đơn giản dùng các từ như *Jehovah*, *Allah*, *Shiva*, *Brahma*, *Vishnu* hay *Zeus*. Hoặc giả, tôi có thể gọi Thượng Đế là “Đó” là cách gọi của kinh Phạn cổ mà tôi cho là sát với thực thể bao trùm vạn vật và không thể gọi tên từng được tôi đôi lần chứng nghiệm. Nhưng tôi cảm thấy từ “Đó” có vẻ phi nhân cách – một vật, không phải một sinh thể - và bản thân tôi không thể cầu nguyện với một Đó. Tôi cần một cái tên riêng, để cảm nhận trọn vẹn một sự hiện diện cá nhân. Cũng vì lý do này, khi cầu nguyện, tôi không hướng lời nguyện cầu đến Vũ Trụ, Đại Không, Sức Mạnh, Bản Thể Tối Thượng, Toàn Thể Tính, Đấng Sáng Tạo, Ánh Sáng, Quyền Năng Cao Cả, hay ngay cả lối biểu thị tên gọi Thượng Đế nên thơ nhất, tôi tin là từ sách Phúc âm phái Ngộ đạo, “Bóng của Vầng Xoay”.

Tôi chẳng chống đối bất cứ thuật ngữ nào trong những thuật ngữ này cả. Tôi cảm thấy chúng như nhau vì chúng đều là những miêu tả tương xứng và không tương xứng như nhau về cái không thể tả được. Nhưng mỗi người chúng ta cần một cái tên thiết thực cho cái không thể tả được đó, và “Thượng Đế” là cái tên với tôi có vẻ ảm áp nhất, vậy nên tôi dùng từ này. Tôi cũng nên thú nhận là tôi thường nghĩ Thượng Đế là “Ông” mà không áy náy vì theo tôi, đó chỉ là một đại từ cá nhân hóa tiện dụng, không phải một miêu tả cơ thể học chính xác hay một động cơ cách mạng. Tất nhiên, tôi không phiền nếu mọi người gọi Thượng Đế là “Bà”, và tôi hiểu sự thôi thúc khi người ta làm vậy. Lần nữa, với tôi, những từ này ngang bằng nhau, tương xứng và bất xứng như nhau. Tuy nhiên tôi thực sự cho rằng viết hoa bất kỳ đại từ nào cũng đều là một nét hoa mỹ, một sự lễ phép nho nhỏ với sự hiện diện của thiêng liêng.

Về mặt văn hóa, dù không phải thần học, tôi là một tín đồ đạo Cơ đốc. Tôi xuất thân là một người da trắng Anglo-Saxon theo đạo Tin lành. Và trong khi vẫn yêu kính vị thầy vĩ đại của hòa bình là Jesus, trong khi vẫn bảo lưu quyền tự hỏi trong những tình huống thử thách rằng quả thực Ông có thể làm gì, tôi không thể chấp nhận cái nguyên tắc bất di bất dịch của đạo Cơ đốc cứ khẳng khẳng Chúa là con đường *duy nhất* đến với Thượng Đế. Vậy thì, nói đúng ra, tôi không thể nhận mình là tín đồ Cơ đốc. Hầu hết những tín đồ Cơ đốc tôi biết đều chấp nhận những cảm nhận của tôi về điều này với lòng khoan dung và đầu óc cởi mở. Nhưng ngược lại, hầu hết tín đồ Cơ đốc tôi biết không phân định khắt khe. Đối với những người phân định (và nghĩ) khắt khe, tất cả những gì tôi có thể làm ở đây là xin lỗi nếu có gì xúc phạm và giờ thì xin cáo lui khỏi công việc của họ.

Theo truyền thống, tôi hưởng ứng những nhà thần học siêu việt của tất cả mọi tôn giáo. Tôi đã luôn hưởng ứng với niềm phấn khích đến ngẹt thở bất kỳ ai nói rằng Thượng Đế

không ở trong kinh sách giáo điều hay ngự trên một ngai vững cách biệt trên trời mà thật ra ở rất gần chúng ta – gần hơn chúng ta tưởng rất nhiều, hít thở ngay qua chính tim của chúng ta. Tôi hưởng ứng với lòng biết ơn bất kỳ ai đã từng du hành đến tận tâm của trái tim ấy, và rồi trở lại thế gian cho tất cả những người còn lại chúng ta biết, Thượng Đế là *một chứng nghiệm tình yêu cao cả*. Mọi truyền thống tôn giáo trên trái đất đều luôn có những vị thánh thần bí và những con người siêu việt truyền đạt lại chính xác chứng nghiệm này. Rủi thay là nhiều người trong số họ cuối cùng đã bị bắt và bị giết. Dù vậy, tôi vẫn đánh giá rất cao về họ.

Cuối cùng, điều tôi dần dần tin về Thượng Đế rất đơn giản. Nó như thế này – tôi từng nuôi một con chó rất tuyệt vời. Nó vốn đến từ nơi nhốt chó, mèo lạc. Con chó ấy là sự pha trộn của hàng mười giống khác nhau, nhưng dường như nó thừa hưởng những ưu điểm trội nhất của tất cả các giống ấy. Bộ lông của nó màu nâu. Khi mọi người hỏi, “Nó là chó gì vậy?” tôi luôn trả lời cùng một câu, “Nó là con chó màu nâu.” Tương tự, với câu hỏi đặt ra, “Cô tin vào Thượng Đế nào?”, câu trả lời của tôi rất đơn giản, “Tôi tin vào Thượng Đế cao cả.”

Tất nhiên, tôi đã có rất nhiều thời gian để hình thành quan điểm của mình về linh thiêng từ cái đêm trên sàn phòng tắm tôi lần đầu tiên trực tiếp nói chuyện với Thượng Đế. Dù sao, ngay giữa cơn khủng hoảng tháng Mười một tối tăm ấy, tôi đã không lưu tâm đến chuyện hình thành quan điểm thần học của mình. Tôi chỉ nghĩ đến việc cứu lấy đời mình. Cuối cùng tôi nhận ra rằng dường như mình đã rơi vào một tình trạng hiểm nghèo tuyệt vọng vô phương và tôi chợt nghĩ rằng đôi khi trong tình trạng hiểm nghèo tuyệt vọng vô phương, và tôi chợt nghĩ rằng đôi khi trong tình trạng này người ta sẽ tìm đến Thượng Đế cầu xin giúp đỡ. Tôi chắc đã đọc điều này đâu đó trong một cuốn sách.

Những điều tôi vừa khóc nức vừa nói với Thượng Đế gần như vậy, “Xin chào, Thượng Đế. Ngài khỏe không? Tôi là Liz. Hân hạnh được biết ngài.”

Đúng thế - tôi đang trò chuyện với đấng sáng thế như thể chúng tôi vừa làm quen với nhau tại một buổi tiệc rượu. Nhưng trong cuộc sống chúng ta thường làm theo cách quen thuộc với mình, và đây là câu tôi luôn dùng khi bắt đầu một mối quan hệ. Thật ra, đó là tất cả những gì tôi có thể làm để ngăn mình không nói, “Tôi vẫn luôn là một người hâm mộ cuồng nhiệt tác phẩm của ngài...”

“Tôi xin lỗi đã làm phiền ngài đêm hôm khuya khoắt thế này,” tôi tiếp. “Nhưng tôi đang gặp rắc rối thật sự. Và tôi cũng xin lỗi vì chưa bao giờ trực tiếp nói chuyện với ngài trước đây, nhưng tôi tin tôi đã luôn bày tỏ lòng biết ơn vô bờ đối với tất cả những phước lành ngài ban cho tôi trong đời.” Ý nghĩ này càng khiến tôi nức nở hơn. Thượng Đế đợi cho tôi dịu xuống. Tôi cố trấn tĩnh lại đủ để nói tiếp: “Tôi không thạo việc cầu nguyện, ngài biết rồi đấy. Nhưng ngài có thể giúp tôi không? Tôi đang quá cần được giúp đỡ. Tôi không biết phải làm sao. Tôi cần một câu trả lời. Xin hãy cho tôi biết tôi phải làm gì đi. Xin hãy cho tôi biết tôi phải làm gì. Xin hãy cho tôi biết tôi phải làm gì...”

Và rồi lời cầu nguyện rút gọn lại chỉ còn là một khẩn nài đơn giản lặp đi lặp lại: *hãy cho tôi biết tôi phải làm gì*. Tôi không biết mình đã cầu khẩn bao nhiêu lần. Tôi chỉ biết là tôi đã cầu xin như một người đang cầu xin cho mạng sống của mình. Và tôi cứ khóc mãi.

Cho đến khi – hoàn toàn đột ngột – tôi thôi khóc.

Hoàn toàn đột ngột, tôi nhận ra mình không còn khóc nữa. Tôi đã thôi khóc, thật sự, giữa lúc đang thổn thức. Nỗi thống khổ trong tôi rút đi sạch trơn. Tôi nhấc trán khỏi sàn và ngồi dậy ngạc nhiên, không biết mình có sắp thấy một Đấng Chí Tôn nào đấy vừa lấy những giọt nước mắt của mình đi hay không. Nhưng chẳng có ai ở đó cả. Chỉ có mình tôi. Mà cũng không hoàn toàn một mình. Một cái gì đó bao quanh tôi mà tôi chỉ có thể mô tả như một cái túi nhỏ tĩnh lặng – một sự tĩnh lặng mong manh đến nỗi tôi không muốn thở ra, e sẽ làm nó tan mất. Tôi đã tĩnh lặng một cách hoàn toàn. Tôi không biết đã có bao giờ mình cảm thấy một sự tĩnh lặng như vậy chưa.

Rồi tôi nghe thấy một giọng nói. Xin đừng hoang mang – đó không phải là một giọng như Charlton Heston của Hollywood đọc Cựu ước, cũng không phải một giọng ra lệnh tôi phải

xây bóng chày ở sân sau nhà mình đâu. Đó chỉ là giọng của chính tôi, phát ra từ bên trong bản ngã của tôi. Nhưng đây là giọng nói của tôi mà tôi chưa từng nghe thấy trước kia. Giọng của tôi, nhưng lại hoàn toàn sáng suốt, điềm tĩnh và cảm thông. Đó là giọng nói, của tôi nếu có lúc nào đó trong đời tôi có chứng nghiệm được tình yêu và sự vững vàng. Làm sao tôi có thể tả nổi sự ấm áp yêu thương trong giọng nói đó khi mà câu trả lời nó đem lại đã vĩnh viễn đóng dấu đức tin của tôi vào thiêng liêng?

Tiếng nói bảo: *Đi ngủ lại đi, Liz.*

Tôi thở ra.

Thật rõ ràng, ngay lập tức đó là điều duy nhất cần làm. Tôi không thể chấp nhận bất kỳ câu trả lời nào khác. Tôi không thể tin cậy một giọng nói trầm hùng phán rằng: *Mi Phải Ly Dị Chồng!* hay: *Mi Không Được Ly Dị Chồng!* Vì đó không phải là sự sáng suốt đích thực. Sáng suốt đích thực phải đem lại câu trả lời khả dĩ duy nhất vào một thời khắc nhất định, và vào đêm đó, đi ngủ lại là câu trả lời khả dĩ duy nhất. *Đi ngủ lại*, giọng nói nội tâm toàn tri nói, vì người không cần phải biết câu trả lời tối hậu ngay lúc này, vào ba giờ sáng một ngày thứ Năm của tháng Mười một. *Đi ngủ lại*, vì ta yêu người. *Đi ngủ lại*, vì điều duy nhất người cần làm lúc này là nghỉ ngơi và tự chăm sóc mình cho đến khi biết được câu trả lời. *Đi ngủ lại* để khi bão tố đến, người sẽ đủ mạnh mẽ để đối phó. Và giông tố đang đến, con thân yêu. Chóng thôi. Nhưng không phải đêm nay. Vậy nên:

Đi ngủ lại đi, Liz.

Về một phương diện mà nói, tình tiết nhỏ này có tất cả những dấu hiệu của một chứng nghiệm cải tạo Cơ đốc giáo điển hình – đêm tối của tâm hồn, tiếng kêu cứu, giọng nói đáp lại, cảm giác chuyển hóa. Nhưng tôi không thể nói đó là một *sự cải đạo* với tôi, không phải theo cách truyền thống là được sinh ra lần nữa hay được cứu rỗi. Thay vì vậy, tôi sẽ gọi điều xảy ra đêm đó là sự khởi đầu của một *cuộc chuyện trò* tôn giáo. Những lời đầu tiên của một cuộc đối thoại cởi mở và khám phá, cuối cùng, quả thực đã có thể đưa tôi đến rất gần Thượng Đế.

Nếu có cách nào đó để tôi biết rằng mọi sự - như Lily Tomlin từng nói - sắp sửa trở nên hoàn toàn tồi tệ hơn trước khi chúng đã trở nên tồi tệ hơn, tôi không chắc làm sao mình đã có thể ngủ ngon đêm đó. Nhưng bảy tháng rất khó khăn sau đó, tôi đã chia tay chồng mình. Khi cuối cùng có quyết định này, tôi tưởng điều tồi tệ nhất đã qua. Chuyện này cho thấy tôi ít hiểu biết về ly hôn ra sao.

Trước đây có một biếm họa trong tạp chí *The New Yorker*. Hai phụ nữ đang trò chuyện, người này nói với người kia: “Nếu ta thật sự muốn biết rõ ai, ta phải ly dị anh ta.” Tất nhiên, kinh nghiệm của tôi thì ngược lại. Tôi sẽ nói là nếu ta thật sự muốn NGỪNG biết ai đó, ta phải ly dị anh ta. Hay cô ta. Vì đó là điều đã diễn ra giữa tôi và chồng. Tôi tin là cả hai chúng tôi đã làm người kia sốc khi nhanh chóng từ những người hiểu nhau nhất thành hai kẻ xa lạ khó hiểu đối với nhau nhất trên đời. Nguyên nhân sâu xa của sự xa lạ đó là sự thật thắm thẳm rằng cả hai chúng tôi đều làm điều mà người kia chẳng bao giờ quan niệm là có thể; anh ấy không bao giờ nghĩ là tôi sẽ thật sự rời bỏ anh, và tôi ngay cả trong tưởng tượng rồi đại nhất cũng không nghĩ được là anh ấy sẽ gây khó khăn cho sự ra đi của mình đến vậy.

Khi chia tay chồng, tôi đã thành thật tin là chúng tôi có thể thu xếp mấy vụ việc thực tế của mình trong vài giờ với một cái máy tính, một chút lương tri và một ít thiện chí đối với người mình đã từng yêu. Gợi ý ban đầu của tôi là chúng tôi bán căn nhà và phân chia tất cả tài sản theo tỉ lệ 50/50; tôi chưa từng thoáng nghĩ có thể có cách thu xếp nào khác hơn. Anh ấy không cho gợi ý đó là công bằng. Vậy nên tôi nâng đề nghị của mình lên, thậm chí đã gợi ý cách chia đôi khác: hay là anh ấy lấy hết toàn bộ tài sản còn tôi nhận tất cả trách cứ? Nhưng ngay cả đề nghị đó cũng không đem lại một thỏa thuận. Bây giờ thì tôi lúng túng. Ta thương lượng ra sao khi đã dâng hết mọi thứ? Giờ tôi chẳng thể làm gì ngoài việc chờ đợi một phản đề nghị của anh ấy. Tội lỗi rời bỏ anh ấy không cho phép tôi nghĩ đến việc giữ dù chỉ một hào tiền mình đã kiếm được trong mười năm qua. Hơn nữa, tinh thần mới tìm thấy trong tôi khiến tôi thấy điều thiết yếu là chúng tôi không phân tranh. Vậy nên đây là lập trường của tôi – tôi sẽ không tự vệ trước anh ấy mà cũng không tranh đấu với anh. Trong một thời gian rất dài, trái với lời khuyên của những người quan tâm đến tôi, tôi phản đối ngay cả chuyện hỏi ý kiến luật sư, vì tôi cho rằng ngay cả điều đó cũng là một hành vi bạo động. Tôi đã muốn hoàn toàn là một Gandhi trong chuyện này. Tôi muốn hoàn toàn là Nelson Mandela trong chuyện này mà lúc đó lại không nhận ra là cả Gandhi và Mandela đều là *luật sư*.

Nhiều tháng trôi qua. Cuộc sống của tôi treo lơ lửng khi tôi chờ được giải thoát, chờ xem những điều khoản sẽ ra sao. Chúng tôi sống ly thân (anh ấy đã chuyển về căn hộ của chúng tôi ở Manhattan), nhưng chẳng có việc gì được giải quyết. Hóa đơn chất đống, công việc đình trệ, ngôi nhà rơi vào tình trạng hư hỏng, còn chồng tôi thì thỉnh thoảng phá tan sự im lặng chỉ để nhắc chuyện tôi là kẻ ngu ngốc tội lỗi ra sao.

Và rồi David xuất hiện.

Tất cả những phức tạp và tổn thương của những năm ly hôn đáng sợ đó được nhân lên nhiều lần với biến cố David – chàng trai tôi đã phải lòng khi già từ cuộc hôn nhân của mình. Tôi đã nói tôi “phải lòng” David phải không? Điều tôi muốn nói là tôi đã lao ra khỏi cuộc hôn nhân và ào vào vòng tay David cũng y như một người biểu diễn xiếc trong phim hoạt hình phóng ra từ một cái bục cao rồi lao vào một chén nước nhỏ, mất tăm hoàn toàn. Tôi bám chặt lấy David để thoát khỏi hôn nhân như thể anh là chiếc trục thẳng cuối cùng rút khỏi Sài Gòn. Tôi trút lên anh tất cả mọi hy vọng về cứu rỗi và hạnh phúc của mình. Và, đúng, tôi đã yêu anh ấy. Nhưng nếu tôi có thể nghĩ ra một từ nào mạnh hơn từ “tuyệt vọng” để miêu tả tôi đã yêu David như thế nào, tôi sẽ dùng từ đó ở đây, và yêu tuyệt vọng luôn là cách yêu mãnh liệt nhất rồi.

Tôi dọn đến ở với David ngay sau khi chia tay chồng. Anh từng là – và đang là – một chàng trai trẻ tuyệt đẹp. Một người sinh quán New York, một diễn viên và một nhà văn, với cặp mắt Ý nâu mơ màng luôn làm tôi xáo trộn (tôi đã đề cập điều này chưa?). Lối đời, độc lập, ăn chay, ăn nói thô lỗ, tâm linh, quyến rũ. Một tay hành giả-thi sĩ nổi loạn từ Yonkers. Một lính mới ở vị trí chặn ngắn^[9] gọi tình của Thượng Đế. Lớn hơn cả sự sống. Lớn nhất thế giới. Hay chí ít anh đã là như vậy đối với tôi. Lần đầu tiên khi Susan người bạn thân nhất của tôi nghe tôi kể về anh ấy, cô nhìn vẻ say sưa trên mặt tôi và nói, “Ôi lạy Chúa, cưng ơi, bồ gặp rắc rối to rồi.”

David và tôi gặp nhau vì anh đang tham gia một vở kịch dựa trên các truyện ngắn tôi viết. Anh đóng một nhân vật hư cấu của tôi, điều đó có đôi chút ấn tượng. Trong tình yêu tuyệt vọng vẫn luôn là vậy, phải không? Trong tình yêu tuyệt vọng, chúng ta luôn bịa ra những phẩm chất của người bên cạnh của mình, đòi hỏi họ là cái mà ta cần ở họ, và rồi cảm thấy tan nát khi họ từ chối đóng vai trò ta tạo ra ban đầu.

Nhưng, chao ôi, chúng tôi đã có một thời gian tuyệt vời bên nhau trong suốt những tháng đầu tiên ấy khi anh vẫn còn là nhân vật nam chính lãng mạn của tôi và tôi vẫn còn là mộng tưởng sống của anh. Sôi động và tương hợp tới mức tôi chưa từng tưởng tượng được. Chúng tôi chế ra ngôn ngữ của riêng mình. Chúng tôi thực hiện những chuyến đi trong ngày và những chuyến đi xa. Chúng tôi lên đến đỉnh của mọi thứ, chìm ngấm xuống tận đáy những thứ khác, lập kế hoạch những chuyến đi khắp thế giới chúng tôi sẽ cùng nhau thực hiện. Chúng tôi cùng nhau xếp hàng tại Cửa hàng Xe động cơ mà vui hơn hầu hết những cặp khác trong tuần trăng mật. Chúng tôi cho nhau cùng một biệt danh để không có gì ngăn cách giữa chúng tôi. Chúng tôi đặt ra các mục tiêu, thề nguyện, hẹn ước và ăn tối cùng nhau. Anh đọc sách cho tôi nghe, và anh *giặt giũ cho tôi*. (Lần đầu tiên chuyện đó xảy ra, tôi gọi cho Susan kể điều kỳ lạ ấy với vẻ sững sốt, như thể tôi vừa thấy một con lạc đà sử dụng điện thoại di động. Tôi nói: “Một người đàn ông vừa giặt giũ đồ của tớ! Anh ấy thậm chí còn giặt tay đồ lót của tớ nữa!” Và cô ấy lặp lại, “Ôi lạy Chúa, cưng ơi, bồ gặp rắc rối to rồi”.)

Mùa hè đầu tiên của Liz và David giống như cảnh người ta phải lòng nhau trong mọi phim lãng mạn chúng ta từng xem, giống đến cả cảnh bắn nước tung tóe trong biển sóng và tay trong tay băng qua đồng cỏ ánh vàng lúc hoàng hôn. Lúc đó tôi vẫn còn nghĩ là vụ ly hôn của mình sẽ được tiến hành một cách lịch thiệp, tuy vậy tôi vẫn cho chồng mình một mùa hè nghỉ ngơi không đả động gì về chuyện đó để cả hai có thể lắng dịu lại. Dù sao, trong hạnh phúc như thế thì thật dễ dàng không nghĩ về tất cả những mất mát. Rồi mùa hè đó (hay còn gọi là “thời điểm hoãn thi hành”) cũng kết thúc.

Vào ngày 9 tháng Chín năm 2001, tôi gặp mặt riêng chồng lần chót mà không nhận ra rằng mỗi lần gặp sau phải có luật sư giữa chúng tôi, để điều đình. Chúng tôi ăn tối ở một nhà hàng. Tôi cố đề cập đến chuyện chia tay của chúng tôi, nhưng cả hai chỉ lại tranh cãi. Anh bảo tôi là kẻ dối trá, kẻ phản bội và rằng anh căm ghét tôi và sẽ không bao giờ nói với tôi nữa. Hai sáng sau đó tôi thức dậy sau một giấc ngủ không yên để rồi biết rằng những chiếc máy bay bị không tặc đã đâm sầm vào hai tòa nhà cao nhất trong thành phố tôi, khi tất cả những gì không thể bị đánh bại từng đứng cùng nhau giờ đã trở thành một đồng đồ nát âm ỉ cháy. Tôi gọi cho chồng mình để biết chắc anh vẫn bình an vô sự và chúng tôi cùng khóc vì thảm họa này, nhưng tôi không đến chỗ anh. Trong tuần đó, khi mọi người trong thành phố New York từ bỏ thù oán vì một thảm kịch lớn lao hơn gần kề, tôi vẫn không trở về với chồng. Vì cả hai chúng tôi đều biết là mọi chuyện đã kết thúc, thật sự kết thúc rồi.

Chẳng có gì là phóng đại khi nói rằng tôi không ngủ được trở lại trong liền bốn tháng sau.

Tôi đã nghĩ mình tan nát từ trước đó, nhưng giờ đây (hài hòa với sự sụp đổ rành rành của toàn thể thế giới này) cuộc sống của tôi thật sự vỡ vụn. Giờ đây tôi đang cau mày nghĩ lại những gì mình đã buộc David phải chịu trong những tháng chúng tôi chung sống, ngay sau ngày 11/9 và việc ly thân của tôi với chồng. Hãy hình dung anh ấy ngạc nhiên ra sao khi khám phá ra rằng người phụ nữ hạnh phúc nhất, tự tin nhất anh từng gặp đã thật sự - khi ta để cô ấy một mình - là một lỗ hổng âm u của sầu muộn thăm thẳm. Một lần nữa, tôi không thể thôi khóc. Đó là lúc anh ta bắt đầu rút lui, và đó là khi tôi thấy mặt trái của người hùng lãng mạn đam mê của mình - một David cô độc như kẻ bị ruồng bỏ, lạnh ngắt cảm xúc, cần không gian cá nhân hơn cả một đàn bò rừng bizon Mỹ.

Sự bất ngờ thoái lui về cảm xúc của David có thể là một thảm họa với tôi ngay cả trong tình huống tốt đẹp nhất, vì rằng tôi là thể dạng sống cần nhiều âu yếm nhất trên hành tinh (như một giống lai giữa một loài chó cưng và một con hàu), mà đây lại là tình huống tồi tệ nhất của tôi. Tôi đã tuyệt vọng và cần được che chở, cần nhiều chăm sóc hơn cả một đứa bé để non trong cặp sinh ba. Anh rút lui càng làm tôi thêm thiếu thốn, và sự thiếu thốn của tôi chỉ càng thúc đẩy anh rút lui, cho tới khi chẳng mấy lâu sau anh rút lui trong những cầu xin khóc lóc vỡ òa của tôi kiểu, “Anh đi đâu? Điều gì đã xảy ra giữa chúng mình?”

(Mẹo hẹn hò: Đàn ông THÍCH chuyện này.)

Sự thật là, tôi đã trở nên say mê David (tôi thường biện hộ, anh đã khuyến khích điều này để trở thành một thứ gì đó như *“man-fatale”*^[10]), và giờ đây khi sự quan tâm của anh đang dao động, tôi gánh chịu những hậu quả có thể thấy trước dễ dàng. Say mê là dấu hiệu của mọi cuộc tình dựa trên mê muội. Toàn bộ bắt đầu khi đối tượng ta tôn thờ ban cho ta một liều gây ảo giác nặng thứ gì đó thậm chí ta chưa từng dám thú nhận là mình muốn - có lẽ thế, một liều tiêm cocain lẫn heroin cảm xúc của tình yêu sấm động và phấn khích trào dâng. Chẳng mấy chốc ta sẽ bắt đầu thèm khát sự quan tâm chăm sóc nồng nàn đó, với cái ám ảnh đói khát của một kẻ nghiện. Khi không được cấp thuốc nữa, ta sẽ nhanh chóng ngã bệnh, điên khùng và suy yếu (chưa kể phần uất kẻ bán thuốc là người đã khuyến khích chứng nghiện này đầu tiên nhưng giờ lại từ chối không chỉ cho thứ này nữa - bất chấp sự thật là ta *biết* hẳn ta có giấu nó đâu đó, chết tiệt, vì *hắn ta thường đưa nó cho ta miễn phí*). Giai đoạn kế tiếp ta sẽ da bọc xương và run cầm cập trong một xó, chỉ biết chắc một điều là ta sẽ bán linh hồn mình hay trộm cướp nhà hàng xóm chỉ để có *thứ đó* dù chỉ một lần nữa.

Trong khi đó, đối tượng ta tôn thờ giờ đã ghê tởm ta. Hắn nhìn ta như thể ta là ai đó hắn chưa từng gặp trước kia, chứ đừng nói là người hắn đã từng yêu say đắm. Trớ trêu là ta khó lòng trách hắn. Ý tôi là, ta biến đi thôi. Ta là một mớ hỗn độn đáng khinh, không còn nhận ra được ngay cả trong mắt mình.

Nên kết thúc rồi. Giờ thì ta đã đến trạm cuồng si cuối cùng – sự mất giá trị toàn triệt và không thương tiếc của bản ngã.

Ngày hôm nay tôi có thể thậm chí bình thản viết về điều này là bằng chứng hùng hồn cho khả năng hàn gắn của thời gian, vì tôi đã không chịu đựng được khi nó xảy ra. Mất David ngay sau cuộc hôn nhân đổ vỡ, ngay sau vụ khủng bố thành phố mình, và ngay trong cái khó chịu tồi tệ nhất của ly hôn (một trải nghiệm sống mà bạn Brian của tôi ví như “mỗi ngày bị một vụ tai nạn xe thật sự tồi tệ trong chừng hai năm”)... thế đấy, điều này đơn giản là quá nhiều.

Ban ngày David và tôi tiếp tục những chiều vui và sự tương hợp của mình, nhưng tối đến, trên giường anh ta, tôi trở thành kẻ sống sót duy nhất của một mùa đông hạt nhân khi mà anh ấy *rõ ràng* đã rút lui khỏi tôi, mỗi ngày một xa thêm, như thể tôi bị bệnh truyền nhiễm. Tôi dần dần sợ buổi tối như thể đó là phòng giam của kẻ tra tấn. Tôi nằm đó cạnh cơ thể David xinh đẹp đang ngủ, không thể tiếp cận, và tôi quay sang nỗi hoảng loạn đơn độc và những ý nghĩ tự sát được vạch ra chi tiết tỉ mỉ. Mọi bộ phận cơ thể tôi đều làm tôi nhức nhối. Tôi cảm thấy mình như một loại máy thô sơ có lò xo nào đó, bị đặt dưới sức ép lớn hơn nhiều lần sức chịu đựng thực của nó, sắp sửa nổ tung thành từng mảnh đe dọa bất cứ ai đứng gần. Tôi hình dung các bộ phận cơ thể mình đang bay ra khỏi thân mình để thoát khỏi cái tâm hỏa diệm sơn bất hạnh đã trở thành là: *tôi*. Hầu hết các buổi sáng khi tỉnh dậy David thường thấy tôi ngủ chập chờn trên sàn cạnh giường anh, rúc trong một đồng khăn tắm, như một con chó.

“Chuyện gì xảy ra thế này?” anh thường hỏi – một người đàn ông khác đã hoàn toàn kiệt quệ vì tôi.

Tôi nghĩ mình sụt đâu chừng ba mươi pound trong thời gian đó.

Ồ, nhưng những năm đó không *hoàn toàn* tệ đến thế...

Vì Thượng Đế không bao giờ đóng sầm cửa trước mặt ta mà không mở một hộp bánh quy của Nữ Hướng Đạo Sinh, (hay như câu ngạn ngữ cổ có nói) một vài điều tuyệt vời đã xảy đến với tôi trong bóng tối của toàn bộ buồn phiền đó. Đầu tiên, rốt cuộc thì tôi đã bắt đầu học tiếng Ý. Ngoài ra, tôi đã tìm thấy một Sư phụ Ấn Độ. Cuối cùng tôi được một ông thầy mo cao tuổi mời đến sống với ông ở Indonesia.

Tôi sẽ giải thích tuần tự.

Đầu tiên, mọi việc bắt đầu sáng sủa đôi chút khi tôi dọn ra khỏi chỗ David vào đầu năm 2002 và lần đầu tiên trong đời, tôi tìm được một căn hộ cho riêng mình. Tôi không thể trả nổi tiền cho căn hộ vì vẫn đang phải trả tiền căn nhà lớn ở ngoại ô đã không có ai ở nữa mà chồng tôi thì cấm tôi bán, và tôi vẫn đang cố giữ cho những chi phí luật sư và tư vấn trong tầm kiểm soát... nhưng có Một Phòng Ngủ của riêng mình là cốt tử cho sự sống còn của tôi. Tôi xem căn hộ gần như một viện điều dưỡng, một bệnh viện cho kẻ cận tử để mình bình phục. Tôi sơn tường bằng những màu sắc ấm áp nhất có thể tìm được và mua hoa cho mình mỗi tuần, như thể tôi đang đi thăm chính mình ở bệnh viện. Chị tôi tặng tôi một bình nước nóng như một món quà tân gia (vậy là tôi sẽ không phải hoàn toàn một mình trên chiếc giường lạnh lẽo) và tôi đặt nó trên ngực hàng đêm khi ngủ, như thể săn sóc một chấn thương thể thao.

David và tôi đã chia tay mãi mãi. Hay có thể là không. Giờ đây thật khó mà nhớ chúng tôi đã chia tay rồi lại đến với nhau bao nhiêu lần trong những tháng đó. Nhưng có một mô thức xuất hiện: tôi tách khỏi David, lấy lại sức mạnh và tự tin, và rồi (như anh vẫn luôn bị sức mạnh và sự tự tin của tôi lôi cuốn) đam mê của anh dành cho tôi lại bùng lên. Một cách tôn trọng, đúng mực và thông minh, chúng tôi bàn chuyện “cố gắng lần nữa”, luôn với một kế hoạch mới lành mạnh nào đó để giảm thiểu những xung khắc rành rành giữa chúng tôi. Cả hai đã rất dốc lòng tháo gỡ điều này. Vì làm sao hai người đã từng yêu nhau đến vậy lại *không* có một kết cục sống hạnh phúc mãi mãi? Nó *phải* có kết quả, phải không? Tái hợp với những hy vọng mới mẻ, chúng tôi chia sẻ ít ngày hạnh phúc tốt cùng bên nhau. Hay đôi khi thậm chí nhiều tuần. Nhưng cuối cùng rồi David lại rút lui và tôi bám lấy anh (hay tôi bám vào anh rồi anh rút lui – chúng tôi chưa bao giờ có thể hình dung được điều đó khỏi sự ra sao) và tôi đã bị tàn hoại mọi thứ. Còn anh ấy thì cuối cùng cũng ra đi.

David là cây bạc hà mèo và là điểm yếu của tôi.

Nhưng trong những giai đoạn chúng tôi đã phân ly, cũng khó khăn như mọi khi, tôi tập sống một mình. Và trải nghiệm này đã đem đến một chuyển biến nội tâm mới mẻ. Tôi bắt đầu cảm thấy rằng – dù cuộc sống của tôi vẫn giống như một tai nạn dồn đống đủ loại xe trên đường cao tốc. New Jersey trong giao thông ngày lễ - tôi đang chấp chững gần trở thành một cá thể tự trị. Khi không cảm thấy muốn tự sát vì vụ ly dị, hay tự sát vì bi kịch của mình với David, tôi đã thật sự cảm thấy gần như hài lòng về tất cả ngăn ô thời gian và không

gian xuất hiện trong những lúc sáng sủa của mình, khi tôi có thể tự hỏi một câu hỏi mới quyết liệt, “*Mi* muốn làm gì hả, Liz?”

Phần lớn thời gian (trong khi vẫn còn phiền muộn về chuyện cứu mình ra khỏi cuộc hôn nhân) tôi thậm chí không dám trả lời câu hỏi đó mà chỉ âm thầm phẫn khích về sự tồn tại của nó. Và cuối cùng khi bắt đầu trả lời, tôi đã trả lời một cách dè dặt. Tôi chỉ cho phép mình nói lên những ước muốn nhỏ nhoi chập chững. Ví dụ:

Mình muốn đến một lớp Yoga.

Mình muốn rời buổi tiệc này sớm để có thể về nhà và đọc một cuốn tiểu thuyết.

Mình muốn mua cho mình một hộp bút chì mới.

Rồi vẫn luôn là một câu trả lời kỳ lạ đó, lần nào cũng như nhau:

Mình muốn học nói tiếng Ý.

Từ nhiều năm, tôi ước mình có thể nói tiếng Ý – ngôn ngữ mà tôi thấy đẹp đẽ hơn cả hoa hồng – nhưng tôi chưa bao giờ tìm được một biện minh cụ thể nào về việc học tiếng Ý. Tại sao không học gạo tiếng Pháp hay tiếng Nga như mình đã học nhiều năm trước? Hay học nói tiếng Tây Ban Nha, cách tốt hơn giúp mình giao tiếp với hàng triệu đồng bào Mỹ của mình? Mình sẽ làm gì với *tiếng Ý*? Không những thế mình sắp *chuyển đến* đó. Sẽ thực tế hơn nếu học chơi đàn phong cầm.

Nhưng tại sao mọi thứ phải luôn có một ứng dụng thực tế? Tôi đã làm một tên lính mẫn cán nhiều năm rồi – làm việc, tạo dựng, không bao giờ trệt một hạn chót nào, quan tâm đến những người thân yêu, đến nướu răng của tôi, đến hồ sơ tín dụng, bầu cử v.v... Đời sống này chỉ bao hàm nghĩa vụ thôi sao? Trong giai đoạn mất mát tối tăm này, tôi có cần bất kỳ thanh minh nào cho việc học tiếng Ý ngoài việc đó là thứ duy nhất tôi có thể tưởng tượng sẽ đem lại cho mình chút vui thích nào đó ngay lúc này? Và dù sao, muốn học một ngôn ngữ cũng không phải là mục tiêu quá đáng. Nó không như điều tôi nói ở tuổi ba mươi hai, “Tôi muốn trở thành diễn viên vũ ba lê chính cho đoàn Ba lê New York.” Học một ngôn ngữ là một cái gì đó ta thật sự có thể *làm*. Nên tôi ghi danh học tại một trong những điểm giáo dục thường xuyên (hay Trường Đêm dành cho Quý cô Ly dị). Bạn bè tôi thấy chuyện này vui nhộn. Bạn tôi là Nick hỏi, “Tại sao bồ học tiếng Ý? Để - phòng khi Ý xâm lược Ethiopia lần nữa, và lần này thành công thực sự - bồ có thể khoác lác là biết một thứ tiếng được sử dụng ở cả hai xứ sở à?”

Nhưng tôi thích nó. Với tôi mỗi từ là một con chim sẻ lú lo, một trò ma thuật, một cái kẹo mềm sô cô la. Tôi thường lồm bồm dưới mưa về nhà sau giờ học, pha một bồn nước nóng, rồi nằm đó trong bọt xà phòng đọc to cuốn từ điển tiếng Ý cho mình nghe, làm sao lãng tâm trí mình khỏi những áp lực của vụ ly hôn và nỗi buồn tan nát. Mấy con chữ làm tôi cười thích thú. Tôi bắt đầu gọi chiếc di động của mình là *il mio telefonino* (“chiếc di động bé xíu xiu của tôi”). Tôi đã trở thành một trong những người rầy rà luôn nói *Ciao!* Chỉ có điều tôi còn quá rầy rà, vì tôi luôn giải thích từ *ciao* là từ đâu. (Nếu bạn cần biết, nó là viết tắt của một cụm từ dân Venice thời Trung cổ dùng như một lời chào thân mật: *Sono il suo schiavo!* Nghĩa là, “Tôi là nô lệ của anh!”) Chỉ nói những từ này thôi cũng khiến tôi cảm thấy mình gọi tình và hạnh phúc. Luật sư lo vụ ly dị của tôi bảo tôi không phải lo; bà nói bà từng có một

thân chủ (người Hàn Quốc theo huyết thống), sau một vụ ly dị góm guốc, đã hợp pháp đổi tên thành một tên Ý nào đó, chỉ để cảm thấy mình gọi tình và hạnh phúc trở lại.

Rốt cuộc có lẽ tôi sẽ chuyển đến Ý...

Điều đáng kể nữa xảy ra trong thời gian đó là chuyến phiêu lưu kỷ luật tinh thần mới tìm thấy. Dĩ nhiên là được giúp đỡ và tiếp tay, tôi được làm quen với một Sư phụ Ấn Độ đang còn sống – mà tôi sẽ luôn phải cảm ơn David vì điều đó. Tôi được làm quen với Sư phụ của mình đêm đầu tiên tôi tới căn hộ của David. Tôi gần như phải lòng cả hai người cùng một lúc. Tôi bước vào căn hộ của David và thấy bức ảnh một phụ nữ Ấn đẹp rạng rỡ trên kệ gương liền hỏi, “Ai vậy?”

Anh ấy nói, “Đó là vị đạo sư của anh.”

Tim tôi đập lồi một nhịp, vấp ào và rồi té sấp. Rồi tim tôi đứng dậy, phúi bụi, hít một hơi thật sâu rồi nói, “Tôi muốn một vị đạo sư.” Tôi muốn nói theo nghĩa đen là chính *tim* tôi nói điều này, nói bằng miệng tôi. Tôi cảm thấy sự phân chia kỳ lạ này ở mình, và tâm trí tôi trong giây phút bước ra khỏi thân xác tôi, đầy sửng sốt quay nhanh lại đối diện tim tôi và thầm thì hỏi: “Mi MUỐN thật chứ?” “*Đúng vậy,*” tim tôi trả lời. “Ta muốn.”

Rồi trí tôi hỏi tim tôi, có chút chế nhạo, “Từ *KHI NÀO* vậy?”

Nhưng tôi đã biết câu trả lời: từ cái đêm trên sàn phòng tắm ấy.

Lạy Chúa, nhưng tôi muốn một vị đạo sư. Ngay lập tức tôi bắt đầu tưởng tượng ra nếu có một vị thầy như vậy thì sẽ thế nào. Tôi tưởng tượng người phụ nữ Ấn xinh đẹp này sẽ đến căn hộ của mình vài tối mỗi tuần và chúng tôi sẽ ngồi với nhau uống trà và đàm đạo về linh thiêng, bà sẽ giao cho tôi các bài đọc và giải thích tầm quan trọng của các cảm giác lạ tôi cảm thấy khi tham thiền...

Toàn bộ mộng mị này nhanh chóng bị quét sạch khi David kể cho tôi nghe về uy tín quốc tế của người phụ nữ này, về hàng chục ngàn môn đệ của bà – nhiều người trong số họ chưa từng trực tiếp gặp mặt bà. Tuy nhiên, anh nói, thành phố New York này, mỗi tối thứ Ba có một buổi họp mặt các tín đồ của sư phụ, họ tập hợp thành một nhóm để tham thiền và tụng kinh. David nói, “Nếu em không quá ghê cái ý nghĩ ở trong một căn phòng với vài trăm người để xưng tụng tên Thượng Đế bằng tiếng Phạn, thỉnh thoảng em có thể đến.”

Tối thứ Ba sau đó tôi đi cùng anh. Chẳng những không ghê sợ những con người trông bình thường đang cầu nguyện Thượng Đế này, trái lại tôi còn cảm thấy tâm hồn mình trở nên trong suốt từ sau buổi cầu kinh ấy. Tôi trở về nhà đêm đó mà cảm thấy như thể không khí có thể luân chuyển trong tôi, như thể tôi là vải sạch phấp phới trên dây phơi, như chính New York đã trở thành một thành phố làm bằng giấy gạo – còn tôi đủ nhẹ để chạy trên khắp mọi mái nhà. Tôi bắt đầu đến các buổi tụng kinh mỗi thứ Ba. Rồi tôi bắt đầu tham thiền mỗi sáng với câu chú tiếng Phạn cổ mà Sư phụ ban cho tất cả môn sinh của bà (câu chú tôn quý *Om Namah Shivaya*, nghĩa là, “Tôi tôn kính thiêng liêng ngự trị trong tôi”). Rồi tôi được nghe đích thân Sư phụ nói lần đầu tiên, và những lời bà nói làm tôi nổi da gà toàn thân, thậm chí khắp da mặt. Và khi nghe nói bà có một Ashram ở Ấn Độ, tôi biết mình phải đến đó càng nhanh càng tốt.

Dù sao, trong khi chờ đợi tôi phải tiếp tục chuyển đi tới Indonesia này.

Một lần nữa, chuyện này xảy ra do phân công của một tờ tạp chí. Đúng lúc tôi đang cảm thấy đặc biệt thương thân mình vì đồ vỡ, cô đơn và bị giam cầm trong Trại Giam Ly Hôn, một biên tập viên của một tờ tạp chí phụ nữ hỏi bà có thể thanh toán các chi phí để tôi đến Bali viết một câu chuyện về các kỳ ẩn dật Yoga không. Đáp lại tôi hỏi bà một loạt câu hỏi, chủ yếu là về các chủ đề *Đậu màu xanh phải không?* Và Có phải Giáo hoàng theo Thiên Chúa giáo không? Khi tôi đến Bali (một nơi, nói gọn là, rất đẹp) người thầy đang trông nom một kỳ ẩn dật Yoga hỏi chúng tôi: “Trong thời gian tất cả các bạn đang ở đây, có ai muốn đi thăm một thầy mo Bali đời thứ chín không?” (lại một câu hỏi quá rõ ràng không cần trả lời), và thế là một đêm tất cả chúng tôi đến nhà ông ấy.

Hóa ra, ông thầy mo là một ông già nhỏ người, da nâu đỏ, ánh mắt vui vẻ với cái miệng răng sún gần hết và sẽ không quá phóng đại nếu nói ông giống hệt nhân vật Yoda trong *Chiến tranh giữa các vì sao*. Tên ông là Ketut Liyer. Ông nói thứ tiếng Anh rời rạc và rất là thú vị, nhưng cũng có một người phiên dịch giúp mỗi khi ông bị kẹt một từ nào đó.

Thầy Yoga của chúng tôi đã dặn trước là mỗi người chúng tôi có thể nêu ra một câu hỏi hay vấn đề với ông thầy mo, và ông ấy sẽ cố giúp chúng tôi với những rắc rối của mình. Trong nhiều này tôi nghĩ xem sẽ hỏi ông cái gì. Những ý tưởng ban đầu của tôi rất không đâu vào đâu. Ông có thể khiến chồng tôi chấp thuận ly hôn không? *Ông có thể làm cho David lại cảm thấy hấp dẫn tình dục với tôi không?* Tôi đã thật sự xấu hổ vì những ý nghĩ như vậy của mình: ai lại đi cả một hành trình dài vòng quanh trái đất gặp một thầy mo già ở Indonesia, chỉ để yêu cầu ông ta can thiệp giúp *rắc rối về đàn ông?*

Vậy nên khi ông già hỏi ngay tôi là tôi thực sự muốn gì, tôi đã tìm thấy những lời khác, những lời lẽ chân thật hơn.

“Tôi muốn có một chứng nghiệm trường cửu về Thượng Đế.” Tôi nói với ông ấy. “Đôi khi tôi cảm thấy như thể mình nắm bắt được điều thiêng liêng của thế giới này, nhưng rồi tôi đánh mất nó vì sao lãng trong những ham muốn và sợ hãi nhỏ nhặt của mình. Tôi muốn lúc nào cũng được bên Thượng Đế. Nhưng tôi không muốn làm thầy tu, hay từ bỏ hoàn toàn những thú vui trần tục. Tôi nghĩ điều mình muốn học hỏi là làm sao sống trên đời này và thưởng thức những thú vui của nó, nhưng đồng thời cũng hiến dâng mình cho Thượng Đế.”

Ketut nói ông có thể trả lời câu hỏi của tôi bằng một bức tranh. Ông cho tôi xem bức hình một lần ông đã vẽ khi tham thiền. Đó là một hình người bán nam bán nữ, đứng thẳng, hai tay chấp lại cầu nguyện. Nhưng hình người này có bốn chân và không có đầu. Thay vào đó là một tán lá dương xỉ đại và hoa. Bên trên trái tim có một gương mặt nhỏ tươi cười.

“Để tìm thấy cân bằng như cô muốn,” Ketut nói qua người phiên dịch, “cô phải trở thành như vậy. Cô phải đứng vững trên mặt đất đến độ như thể cô có bốn chân, thay vì hai. Bằng cách đó, cô có thể trụ lại trên thế gian. Nhưng cô phải thôi nhìn thế gian bằng cái đầu của mình. Thay vào đó, cô phải nhìn bằng trái tim. Bằng cách đó, cô sẽ nhận biết Thượng Đế.”

Rồi ông hỏi ông có thể xem tướng tay cho tôi không. Tôi chìa tay trái cho ông và ông bắt đầu rập tôi lạ như rập trò chơi đồ ba mảnh.

“Cô là một người chu du thế giới,” ông bắt đầu.

Tôi nghĩ chuyện này có lẽ phần nào hiển nhiên, vì rằng lúc này đây tôi đang ở Indonesia, nhưng tôi không muốn ép câu chuyện...

“Cô gặp nhiều may mắn hơn bất kỳ ai ta đã từng gặp. Cô sẽ sống thọ, có nhiều bạn bè, nhiều trải nghiệm. Cô sẽ thấy cả thế giới. Cô chỉ có duy nhất một vấn đề trong đời mình. Cô lo lắng quá nhiều. Lúc nào cô cũng quá xúc động, quá bồn chồn. Nếu ta hứa với cô là cô sẽ không bao giờ có lý do gì để lo nghĩ về bất cứ điều gì trong đời mình, cô có tin ta không?”

Tôi bồn chồn gật đầu mà không tin ông ấy.

“Về công việc, cô làm việc gì đó có tính sáng tạo, có thể như một nghệ sĩ, và cô được trả rất nhiều tiền cho việc mình làm. Cô sẽ luôn được trả nhiều tiền cho việc làm của cô. Cô rất rộng rãi về tiền bạc, có lẽ quá hào phóng. Cũng là một vấn đề. Cô sẽ mất tất cả tiền bạc một lần trong đời mình. Ta nghĩ có lẽ chuyện này sẽ sớm xảy ra thôi.”

“Tôi nghĩ có lẽ điều đó sẽ xảy ra trong vòng sáu tháng đến mười tháng tới,” tôi nói khi nghĩ đến vụ ly hôn của mình.

Ketut gật đầu như muốn nói: *Đúng vậy, gần đúng thế*. “Nhưng đừng lo,” ông nói. “Sau khi mất hết cả tiền, cô sẽ có lại tất cả. Cô sẽ ổn ngay thôi. Cô sẽ có hai cuộc hôn nhân trong đời mình. Một ngắn ngủi, một lâu dài. Và cô sẽ có hai đứa con...”

Tôi đợi ông nói “một đứa cao, một đứa thấp”, nhưng ông đột nhiên im lặng, cau mày nhìn lòng bàn tay tôi. Rồi ông nói, “Thật kỳ lạ...”, điều này là thứ gì đó ta chẳng bao giờ muốn nghe từ miệng thầy xem tướng tay hay nha sĩ của mình. Ông yêu cầu tôi đi lại ngay dưới ngọn đèn treo để ông có thể nhìn rõ hơn.

“Ta lầm rồi,” ông nói. “Cô sẽ chỉ có một đứa con. Về sau này trong đời, một đứa con gái. Có lẽ. Nếu cô quyết định... nhưng ở đây còn có điều gì khác nữa.” Ông cau mày, rồi nhìn lên, đột nhiên hoàn toàn tự tin. “Một ngày gần đây cô sẽ trở lại Bali này. Cô phải trở lại. Cô sẽ ở đây tại Bali trong ba, có thể bốn tháng. Cô sẽ là bạn của ta. Có lẽ cô sẽ sống ở đây với gia đình ta. Ta có thể thực hành tiếng Anh với cô. Ta chẳng bao giờ có ai để cùng thực hành tiếng Anh cả. Ta nghĩ cô giỏi với chữ nghĩa lắm. Ta nghĩ công việc sáng tạo mà cô đã làm là cái gì đó về chữ nghĩa, phải không nào?”

“Đúng vậy!” Tôi nói. “Tôi là một nhà văn. Tôi viết sách.”

“Cô là một nhà văn từ New York,” ông nói, tán thành xác nhận. “Vậy là cô sẽ trở lại Bali và sống ở đây và dạy tiếng Anh. Và ta sẽ dạy cô tất cả những gì ta biết.”

Rồi ông đứng lên và phủ hai tay, như kiểu: *Nhất định rồi đấy*.

Tôi nói, “Nếu ông nói nghiêm túc, thưa ông. Tôi cũng nghiêm túc.”

Ông nhìn tôi cười rạng rỡ với cái miệng sún và nói: “Hẹn gặp lại, cá sấu Mỹ.”

Giờ đây, tôi là loại người mà, khi một thầy mo Indonesia đòi thứ chín phán rằng mi có số phận phải đến Bali và sống với ông ta trong vòng bốn tháng, nghĩa là mi phải làm tất cả để thực hiện điều đó. Và cuối cùng, toàn bộ ý tưởng về chuyến du hành năm này của tôi bắt đầu thành hình như vậy đấy. Nhất định thế nào tôi cũng phải trở lại Indonesia lần này bằng tiền túi của mình. Chuyện này là hiển nhiên. Dù rằng tôi vẫn chưa thể hình dung ra làm sao để thực hiện việc đó, dựa trên đời sống hỗn loạn và lo âu của mình. (Không những tôi vẫn còn một vụ ly hôn tốn kém phải lo, và những-rắc-rối-với-David, mà vẫn còn một công việc ở tạp chí không cho phép tôi đi đâu liền ba hay bốn tháng.) Nhưng tôi *phải* trở lại đó. Phải không? Không phải ông ấy đã *báo trước* chuyện này rồi sao? Vấn đề là ở chỗ, tôi cũng muốn đi Ấn Độ để viếng thăm Ashram của Sư phụ tôi, và đi Ấn cũng là một chuyện tốn kém thời gian và tiền bạc. Để vấn đề còn rối tinh rối mù hơn, gần đây tôi cũng khát khao được sang Ý, để có thể thực hành tiếng Ý ngay trong khung cảnh đó, mà cũng vì ý tưởng sống một thời gian trong một nền văn hóa mà thú vui và cái đẹp được trọng vọng đã cuốn hút tôi.

Tất cả những mong muốn này dường như mâu thuẫn nhau. Đặc biệt là mâu thuẫn Ý/Ấn. Cái gì quan trọng hơn? Cái phần trong tôi muốn ăn thịt bê ở Venice? Hay cái phần trong tôi muốn thức dậy thật sớm trước rạng đông trong sự khổ hạnh của một Ashram để bắt đầu một ngày dài tham thiền và cầu nguyện? Nhà thơ vĩ đại Sufi và nhà hiền triết Rumi đã từng khuyên môn đệ của mình ghi ra ba điều họ muốn nhất trong đời. Rumi cảnh cáo, nếu bất kỳ điều gì trong danh sách này mâu thuẫn với điều khác, các người chỉ chịu bất hành thôi. Ông dạy, tốt hơn nên sống một cuộc sống nhất tâm. Nhưng còn những ích lợi khi sống hài hòa giữa những thái cực thì sao? Nếu ta có thể bằng cách nào đó tạo ra một cuộc đời đủ khoáng đạt để có thể đưa tất cả những trái ngược có vẻ phi lý khớp vào một thể giới quan không loại trừ điều gì cả thì sao? Sự thật của tôi đúng là điều tôi đã nói với ông thầy mo ở Bali – tôi muốn ném trái *cả hai*. Tôi muốn cả thú vui trần thế lẫn siêu nghiệm thiêng liêng – những vinh quang đối ngẫu của một kiếp người. Tôi muốn cái mà người Hy Lạp gọi là *kalos kai agathos*, sự cân xứng đặc biệt giữa thiện và mỹ. Tôi đã bỏ lỡ cả hai trong suốt những năm nặng nề đã qua, vì cả thú vui và lòng sùng đạo đều đòi hỏi một không gian yên bình để đơm hoa kết trái mà tôi thì lại sống trong một cái máy ép rác khổng lồ của tâm trạng bất an triền miên. Còn làm sao để cân bằng thôi thúc tìm kiếm thú vui và khát khao sùng tín... thôi được, thế nào cũng có một cách để học được bí quyết này. Và ngay từ chuyến lưu lại ngắn ngày ở Bali, tôi đã thấy dường như mình có thể học được điều này từ người Bali. Thậm chí có thể từ chính ông thầy mo.

Bốn chân trên mặt đất, một cái đầu đầy lá cây, nhìn thế gian bằng trái tim...

Vậy là tôi thôi cố gắng chọn lựa – Ý? Ấn Độ? Hay Indonesia? – và cuối cùng chỉ thừa nhận là mình muốn đến tất cả những xứ sở này. Bốn tháng ở mỗi nơi. Một năm cả thảy. Tất nhiên giấc mơ này có chút xíu tham vọng hơn. Nhưng đây là điều tôi muốn. Và tôi biết rằng mình muốn viết về nó. Cũng chẳng có gì là quá đáng khi tôi muốn khám phá thấu đáo chính những nước này; và điều này tôi đã làm. Hơn thế nữa tôi là muốn thăm dò thấu đáo một khía cạnh của chính mình trong khung cảnh của mỗi nước nơi có truyền thống làm điều ấy

rất tốt. Tôi muốn khám phá nghệ thuật hoan lạc ở Ý, nghệ thuật sùng tín ở Indonesia là nghệ thuật cân bằng cả hai. Chỉ mãi về sau khi thú nhận ước mơ này, tôi mới nhận thấy sự trùng hợp tài tình là cả ba nước này đều bắt đầu bằng chữ I^[11]. Đường như đây à một dấu hiệu khá tốt lành trên hành trình tự khám phá.

Giờ nếu bạn đồng ý thì hãy hình dung xem tất cả những cơ hội chế giễu mà ý tưởng này tung ra giữa đám bạn bè lấu cá của tôi. Tôi muốn đến Ba Chữ I, phải không? Vậy sao không ành một năm ở Iran, Ivory Coast^[12] và Iceland? Hoặc còn hay hơn – sao không hành hương đến Ba Tiểu bang Lớn bắt đầu bằng chữ I: Triumvirate of Iclip, I-95 và Ikea? Cô bạn Susan của tôi gợi ý có lẽ tôi nên thành lập một tổ chức cứu trợ phi lợi nhuận gọi là “Phụ nữ ly dị không biên giới”. Nhưng tất cả những trò đùa này đều chỉ là trên tranh luận thôi vì “tôi” vẫn chưa tự do để đi đâu hết. Vụ ly dị đó – rất lâu sau khi tôi ra khỏi hôn nhân – vẫn chưa diễn ra. Tôi đã bắt đầu phải gây sức ép pháp lý với chồng, làm những điều khủng khiếp vì cơn ác mộng ly dị tồi tệ nhất của mình, như tổng đạt giấy tờ và viết những cáo buộc quỵ quai (theo đòi hỏi của luật tiểu bang New York) viện dẫn sự tàn nhẫn tinh thần của anh ấy – những tài liệu không có chỗ cho phẩm chất tinh tế, hoàn toàn không thể nói với thẩm phán, “Nghe này, đó là một mối quan hệ thực sự phức tạp và tôi cũng đã phạm những lỗi lầm to lớn, và tôi rất lấy làm tiếc về điều đó, nhưng tất cả những gì tôi muốn là được phép ra đi.”

(Ở đây tôi dùng để dâng lời cầu nguyện cho bạn đọc cao quý của tôi: cầu mong các bạn không bao giờ phải có một vụ ly dị ở New York.)

Mùa xuân năm 2003 ấy mọi việc đến điểm sôi. Một năm rưỡi sau tôi ra đi, cuối cùng chồng tôi cũng đã sẵn sàng thảo luận các điều khoản thỏa thuận. Phải, anh ấy muốn tiền mặt và căn nhà và tiền cho thuê căn hộ Manhattan – tất cả mọi thứ tôi đã đề nghị trong suốt thời gian này. Nhưng anh ấy còn đòi những thứ thậm chí tôi chưa từng nghĩ đến (một quyền lợi trong nhuận bút sách tôi viết trong thời gian hôn nhân, một phần bản quyền đối với phim có thể được dựng trong tương lai trên tác phẩm của tôi, một phần chia các tài khoản lương hưu của tôi, vân vân...) và đến đây thì cuối cùng tôi phải lên tiếng phản đối. Nhiều tháng trời thương lượng đã diễn ra giữa các luật sư của chúng tôi, một thỏa hiệp linh tinh đủ thứ nhích từng bước một đến bàn thương lượng và bắt đầu có vẻ như chồng tôi có thể sẽ thực sự chấp nhận một thỏa thuận đã sửa đổi. Điều đó sẽ khiến tôi trả giá đắt, nhưng một tranh chấp tại tòa án sẽ tốn kém thời gian và tiền bạc hơn rất nhiều, chưa kể là làm mục ruỗng tâm hồn. Nếu anh ta ký thỏa thuận, tất cả những gì tôi phải làm là thanh toán và bỏ đi. Mà điều ấy thì ổn với tôi vào thời điểm đó. Quan hệ giữa chúng tôi giờ đây đã hoàn toàn sụp đổ, thậm chí cả phép lịch sự giữa chúng tôi cũng đã không còn, tất cả những gì tôi muốn thêm nữa chỉ là một cánh cửa.

Vấn đề là – anh ta sẽ ký hay không? Thêm nhiều tuần trôi qua vì anh ta còn tranh luận nhiều chi tiết nữa. Nếu anh ta không đồng ý dàn xếp này, chúng tôi sẽ phải ra tòa. Một phiên tòa gần như chắc chắn có nghĩa là mọi xu còn lại sẽ mất hết cho tòa án phí. Tệ hơn hết, một phiên tòa sẽ có nghĩa là một năm nữa – ít nhất – với tất cả tình trạng hỗn loạn này. Nên bất cứ điều gì chồng tôi quyết định (và xét cho cùng, anh vẫn còn là chồng tôi), cũng sẽ quyết định một năm nữa của đời tôi. Tôi sẽ một thân một mình du lịch Ý, Ấn Độ và Indonesia? Hay tôi sẽ bị chất vấn tại một cuộc thẩm cung đâu đó trong tầng hầm phòng xử án?

Mỗi ngày tôi gọi luật sư của mình mười bốn lần – *có tin gì mới không?* – và mỗi ngày bà ấy đều đoán chắc với tôi rằng bà đang làm hết sức mình, rằng bà sẽ gọi ngay lập tức khi thỏa thuận được ký. Cảm giác bồn chồn tôi cảm thấy lúc này nửa giống như chờ đợi bị gọi lên văn phòng hiệu trưởng nửa như phỏng đoán các kết quả sinh thiết. Tôi muốn kể là tôi vẫn bình thản và Thiền, nhưng không phải vậy. Một vài đêm, trong cơn giận dữ dâng trào, tôi đập nhừ tử cái ghế dài của mình bằng cái gậy softball^[13]. Phần lớn thời gian tôi chỉ trầm cảm đau đớn.

Trong khi ấy, David và tôi lại chia tay. Lần này, dường như là mãi mãi. Hay cũng có thể không – chúng tôi không thể thôi nhau hoàn toàn. Thường thì khát khao hy sinh tất cả cho tình yêu dành cho anh ấy xâm chiếm tôi. Nhưng những lúc khác, tôi có bản năng ngược lại hoàn toàn – dựng lên càng nhiều càng tốt những lực địa và đại dương giữa tôi và người đàn ông ấy, hy vọng tìm thấy thanh thản và hạnh phúc.

Giờ thì trên mặt tôi xuất hiện các nếp nhăn, những rãnh sâu thường trực giữa hai lông mày, vì khóc và vì lo âu.

Và giữa tất cả những *thứ ấy*, người ta xuất bản một cuốn sách bìa mềm tôi viết vài năm trước và tôi phải thực hiện một chuyến quảng cáo nhỏ. Tôi đưa cô bạn Iva của mình theo cho có bạn. Iva bằng tuổi tôi nhưng lớn lên ở Beirut, Lebanon. Điều đó có nghĩa là, khi tôi đang chơi thể thao và thử giọng trong các vở nhạc kịch tại một trường trung học cấp hai ở Connecticut, thì cô ấy rúm mình trong hầm trú bom năm đêm một tuần, cố để không chết. Tôi không rõ toàn bộ việc tiếp xúc sớm với bạo lực này đã tạo ra một con người giờ đây cứng rắn đến thế nào, nhưng Iva là một trong những người điềm tĩnh nhất tôi biết. Hơn nữa, cô có cái mà tôi gọi là “Số điện thoại riêng đến vũ trụ” gần như một kênh đặc biệt, chỉ-của-Iva, mở thường trực nối với thiên liêng.

Vậy là chúng tôi đang chạy xe ngang qua Kansas, và tôi đang trong tình trạng thường lệ của mình là bị xáo trộn đến vã mồ hôi vì vụ thỏa thuận ly dị đó – *anh ta sẽ ký hay là không?* – và tôi nói với Iva, “Tớ không nghĩ mình có thể chịu đựng một năm nữa ở tòa án. Ước gì tớ có thể viết một *thỉnh nguyện* cho Thượng Đế, cầu xin vụ này chấm dứt.”

“Vậy sao cậu không làm?”

Tôi giải thích với Iva những ý kiến cá nhân về cầu nguyện. Cụ thể là tôi không thấy thoải mái khi thỉnh nguyện Thượng Đế những điều cụ thể, vì với tôi điều đó giống với một kiểu kém cỏi về đức tin. Tôi không thích hỏi, “Ngài làm thay đổi điều khó khăn này hay điều hớ hển nọ trong đời tôi được không? – Vì – ai biết được – có thể Thượng Đế muốn tôi đổi mặt thử thách đó là có lý do. Thay vì vậy, tôi cảm thấy thoải mái hơn khi cầu xin có dũng khí để thanh thản đối diện bất kỳ điều gì xảy ra trong đời mình, bất luận mọi chuyện sẽ ra sao.

Iva lịch sự lắng nghe rồi hỏi, “Cậu đào đâu ra cái ý nghĩ ngu ngốc đó vậy?”

“Ý cậu là sao?”

“Cậu lấy đâu ra cái ý nghĩ rằng cậu không được phép thỉnh nguyện vũ trụ bằng cầu nguyện? Cậu là *một phần* của vũ trụ này, Liz à. Cậu là một phần tử - cậu hoàn toàn có quyền tham dự vào những hành động của vũ trụ và bộc bạch những cảm nhận của mình. Vậy nên

cứ đưa ý kiến của cậu ra ngoài thính không kia. Cứ trình bày trường hợp của mình đi. Tin tớ đi – chỉ ít điều đó sẽ được xem xét.”

“Thật chứ?” Tất cả những điều này đều lạ lùng đối với tôi.

“Thật! Nghe này, ví dụ cậu *phải* viết một thỉnh cầu cho Thượng Đế ngay lúc này, cậu sẽ nói gì?”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi rút ra một cuốn sổ và viết lời thỉnh nguyện này:

Thượng Đế thân mến,

Xin hãy can thiệp và giúp chấm dứt vụ ly dị này.

Chồng tôi và tôi đã bất thành trong hôn nhân và giờ đây lại thất bại trong ly dị. Quá trình độc hại này đang đem đến khổ đau cho chúng tôi và những ai quan tâm đến chúng tôi.

Tôi biết là ngài rất bận bịu với chiến tranh và thảm kịch và những xung đột lớn lao hơn rất nhiều so với những tranh chấp đang diễn ra của một đôi bất ổn. Nhưng theo tôi hiểu thì sự lành mạnh của hành tinh chịu ảnh hưởng bởi sự lành mạnh của mỗi cá nhân sống trên nó. Chỉ cần hai con người bị giam cầm trong mâu thuẫn, toàn thể thế giới cũng bị ô uế vì điều đó. Cũng vậy, nếu một hay hai người có thể thoát khỏi bất hòa, sức khỏe chung của toàn thể giới sẽ tăng theo, giống như một số tế bào khỏe mạnh trong một cơ thể có thể nâng cao sức khỏe chung của cơ thể đó.

Vậy thì, đây là yêu cầu hèn mọn nhất của tôi, xin ngài giúp chúng tôi chấm dứt xung đột này, để hai con người nữa có thể có cơ hội trở nên tự do và lành mạnh, và vậy là thù địch và cay đắng trong một thế giới đã quá khổ đau sẽ giảm đi được chút ít.

Tôi xin cảm ơn Ngài đã để tâm.

Trân trọng,

Elizabeth M. Gilbert.

Tôi đọc thỉnh cầu cho Iva nghe, và cô ấy gật đầu tán thành.

“Tớ sẽ ký,” cô nói.

Tôi trao tờ thỉnh nguyện cùng với cây bút cho cô, nhưng cô ấy quá bận lái xe nên nói, “Không, giả dụ là tớ đã ký rồi đó. Tớ ký trong tâm mình.”

“Cảm ơn, Iva. Tớ rất cảm kích ủng hộ của cậu.”

“Giờ thì, ai sẽ ký nữa?” cô hỏi.

“Gia đình tớ. Mẹ tớ và bố tớ. Chị tớ.”

“Được rồi,” cô nói. “Họ vừa ký rồi đó. Hãy xem là đã có thêm tên họ rồi. Tớ thực sự cảm thấy họ ký. Giờ thì họ có tên trong danh sách rồi. Tốt, còn ai sẽ ký nữa nào? Bắt đầu nêu tên đi.”

Vậy là tôi bắt đầu nêu tên của tất cả những người tôi nghĩ có thể ký tờ thỉnh nguyện. Tôi nêu tên tất cả bạn thân của mình, rồi một số thành viên gia đình và một số đồng nghiệp. Sau mỗi tên, Iva nói quả quyết, “Rồi. Anh ấy vừa ký,” hay “Cô ấy vừa ký.” Thỉnh thoảng cô chen vào tên những người ký của chính cô, ví dụ, “Bố mẹ tớ vừa ký rồi đó. Họ nuôi dạy con mình trong chiến tranh. Họ ghét xung đột vô ích. Bố mẹ tớ sẽ rất vui thấy vụ ly dị của cậu chấm dứt.”

Tôi nhắm mắt đợi xem còn nhớ ra tên nào nữa không.

“Tớ nghĩ Bill và Hillary Clinton vừa mới ký,” tôi nói.

“Tớ không nghi ngờ điều đó,” cô nói. “Nghe này, Liz, *ai* cũng có thể ký tờ thỉnh nguyện này. Cậu có hiểu điều đó không? Cứ kêu gọi bất kỳ ai, người sống hay kẻ đã chết, và bắt đầu thu thập chữ ký.”

“Thánh Francis xứ Assisi vừa ký!”

“*Dĩ nhiên* là ngài ấy đã ký!” Iva vỗ lên tay lái vẻ chắc chắn.

Giờ thì tôi đang bịa ra:

“Abraham Lincoln vừa ký! Rồi Gandhi, rồi Mandela và tất cả các sứ giả hòa bình. Eleanor Roosevelt, Mẹ Teresa, Bono, Jimmy Carter, Muhammad Ali, Jackie Robinson và Đạt Lai Lạt Ma... rồi bà tớ mất hồi năm 1984 và bà nội vẫn còn sống... rồi thầy dạy tiếng Ý của tớ, bác sĩ trị liệu của tớ, rồi người đại diện của tớ... rồi Martin Luther King Con và Katharine Hepburn... rồi Martin Scorsese (bạn không nhất thiết yêu cầu, nhưng ông ấy vẫn tử tế)... rồi Sư phụ của tớ, dĩ nhiên... và Joanne Woodward, rồi nữ thánh Joan d’Arc, rồi cả cô Carpenter, cô giáo lớp bốn của tớ, và Jim Henson...”

Những cái tên cứ tràn ra. Trong gần một giờ, chúng không ngừng tràn ra khi chúng tôi chạy xe qua Kansas và thỉnh nguyện hòa bình của tôi kéo dài hết trang giấy vô hình này đến trang giấy vô hình khác với tên những người ủng hộ. Iva tiếp tục xác nhận – *rồi, ông ấy đã ký, rồi, cô ấy đã ký* – và trong tôi mệnh mang một cảm giác được che chở, được bao bọc trong thiện chí tập thể của biết bao tâm hồn vĩ đại.

Cuối cùng danh sách cạn dần, và bất an của tôi cũng vui theo. Tôi buồn ngủ. Iva nói, “Chợp mắt chút đi. Tớ sẽ lái.” Tôi nhắm mắt lại. Một cái tên cuối cùng hiện ra. “Michael J. Fox vừa ký,” tôi thì thào rồi trôi vào giấc ngủ. Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu, có lẽ chỉ mười phút, nhưng rất sâu. Khi tôi tỉnh dậy, Iva vẫn đang lái xe. Cô hát một khúc hát cho chỉ mình cô nghe. Tôi ngáp.

Điện thoại di động của tôi reo.

Tôi nhìn cái *telefonino* nhỏ khùng điên ấy đang rung phẫn khích nơi chiếc gạt tàn trong chiếc xe thuê. Tôi cảm thấy mất phương hướng, gần như bị mê sau giấc ngủ ngắn, bất thần không thể nhớ ra cái điện thoại hoạt động ra sao.

“Cứ nghe đi,” Iva nói, đã biết điều gì. “Trả lời chuyện đó đi.”

Tôi nhắc máy, chào thì thào.

“Tin tốt lành đây!” luật sư của tôi thông báo từ thành phố New York xa tím. “Anh ta vừa ký!”

Vài tuần sau, tôi đang sống ở Ý.

Tôi đã bỏ việc, thanh toán thỏa thuận ly hôn của mình và các hóa đơn luật sư, từ bỏ căn nhà của mình, nhường lại căn hộ của mình, để đồ dùng cá nhân lại trong kho ở chỗ chị gái và thu dọn đồ đạc vào hai cái va li. Năm du hành của tôi bắt đầu. Và tôi có thể thật sự *đủ điều kiện* để làm việc này vì một phép lạ riêng tư kinh ngạc: nhà xuất bản của tôi đã mua trước cuốn sách tôi sẽ viết về chuyến chu du của mình. Nói cách khác, hóa ra tất cả diễn ra đúng y như ông thầy mo Indonesia đã tiên đoán. Tôi sẽ mất tất cả tiền của mình và ngay lập tức sẽ được bù lại – hay ít nhất nó cũng đủ để tôi mua cho mình một năm sống.

Nên giờ đây tôi đang là cư dân Roma. Căn hộ tôi tìm được là một studio yên tĩnh trong một tòa nhà lịch sử, chỉ cách Spanish Steps một vài khối nhà hẹp, núp dưới bóng mát khoan dung của vườn Borghese tao nhã, phía cuối đường tính từ Piazza del Popolo nơi người La Mã xưa thường đua chiến xa. Tất nhiên, quận này hoàn toàn không có cái vẻ đồ sộ ngồn ngàng của vùng phụ cận thành phố New York cũ của tôi nhìn qua lối vào đường hầm Lincoln, nhưng dù sao...

Sẽ đủ thôi.

Bữa ăn đầu tiên của tôi ở Roma chẳng có gì nhiều. Chỉ một ít mì ống carbonara đặc sản và một món ăn kèm là rau bina chiên áp chảo và tỏi. (Nhà thơ lãng mạn vĩ đại Shelley đã từng khiếp hãi viết một bức thư cho một người bạn ở Anh về ẩm thực Ý, “Phụ nữ trẻ có địa vị xã hội thực sự có ăn – bạn sẽ chẳng bao giờ đoán được đâu – TỎI!”). Ngoài ra, tôi còn dùng atisô, chỉ để thử; người Roma hết sức tự hào về atisô của mình. Rồi cô phục vụ mang lại món ăn kèm miễn phí bất ngờ - một phần nhỏ hoa bí xanh chiên với một phết mỏng phô mát ở giữa (được chuẩn bị tinh tế đến nỗi có lẽ những bông hoa không nhận ra là mình không còn trên cành nữa). Sau món mì ống, tôi thử món thịt bê. Ô, rồi tôi còn uống một chai vang đỏ địa phương, chỉ dành cho tôi. Rồi ăn ít bánh mì nóng, với dầu ô liu và muối. Món Tiramisu tráng miệng.

Về nhà sau bữa ăn đó, khoảng 11 giờ đêm, tôi có thể nghe thấy tiếng ồn từ một trong những tòa nhà trên phố tôi, cái gì đó nghe như một buổi tụ họp của các cô cậu tuổi lên bảy – một buổi tiệc sinh nhật chẳng? Tiếng cười và la hét và chạy nhảy. Tôi trèo lên mấy bậc thang dẫn đến căn hộ của mình, nằm xuống chiếc giường mới rồi tắt đèn. Tôi đợi mình bắt đầu khóc hay lo lắng, vì đó là điều thường xảy ra với tôi khi đèn tắt, nhưng tôi thực sự cảm thấy ổn. Tôi thấy ổn. Tôi đã cảm thấy những dấu hiệu mãn nguyện đầu tiên.

Cơ thể mệt lử của tôi hỏi thần trí mệt mỏi của tôi, “Vậy ra đây là tất cả những gì mi muốn?”.

Không có câu trả lời. Tôi đã ngủ say rồi.

Trong mọi thành phố lớn ở Thế giới phương Tây, có một số thứ vẫn luôn luôn như vậy. Cũng những người đàn ông châu Phi luôn bán túi xách tay và kính mắt nhái hàng hiệu, và cũng những nhạc công Guatemala luôn chơi “Tôi thà một con chim sẻ hơn là một con ốc sên” bằng những chiếc kèn hơi của họ. Nhưng có một số thứ chỉ có ở Roma. Như người bán sandwich ở quầy hàng rất thoải mái gọi tôi là “người đẹp” mỗi khi chúng tôi nói chuyện. *Cô muốn món panino^[14] này nóng hay lạnh, bella?* Hay những cặp hôn hít vuốt ve nhau khắp mọi nơi, như thể có một cuộc thi cho chuyện ấy vậy, xoắn lấy nhau trên những chiếc ghế dài, vuốt tóc và đung quần nhau, áp vào nhau và xoay vòng liên tục...

Và rồi đến những đài phun nước. Pliny the Elder đã từng viết: “Nếu ai đó xem xét sự dồi dào trong việc cung cấp nước công cộng của Roma, cho bồn tắm, bể chứa, mương, nhà cửa, vườn tược, biệt thự; và có chú ý đến cái khoảng cách mà nó đi, vươn lên những nhịp cầu xuyên qua những núi non, trải dài những thung lũng – anh ta sẽ thừa nhận là trên khắp thế giới chưa từng có gì phi thường hơn.”

Rất lâu sau, tôi đã có một vài đối thủ cho đài phun nước ưa thích của mình ở Roma. Một là ở Villa Borghese. Ở giữa đài phun nước này có một gia đình bằng đồng đang vui đùa. Ông bố là một thần đồng áng còn bà mẹ là người bình thường. Họ có một cậu con trai thích ăn nho. Bố và mẹ ở trong tư thế kỳ lạ - đối mặt nhau, nắm lấy cổ tay nhau, cả hai cùng ngả người. Khó mà phân biệt được là họ đang vùng ra khỏi nhau vì bất hòa hay đang nhảy vòng quanh vui vẻ, nhưng ở họ tràn đầy sinh khí. Dù thế nào thì, cậu con trai ngồi trên cổ tay họ, ngay giữa hai người họ, vẫn thản nhiên trước vui đùa hay xung đột của họ, nhai tộp tộp một chùm nho. Mấy cái móng guốc nhỏ chẻ đôi của cậu toòng teng phía dưới khi cậu ăn. (Cậu giống bố cậu.)

Lúc này là đầu tháng Chín năm 2003. Thời tiết ẩm áp và uể oải. Đến lúc này, ngày thứ tư của tôi ở Roma, bóng tôi vẫn chưa in trên lối vào một nhà thờ hay viện bảo tàng nào, thậm chí tôi cũng chưa xem sách hướng dẫn. Nhưng tôi cứ đi liên tu bất tận không mục đích, và cuối cùng đã tìm ra một nơi nhỏ xíu mà một người lái xe buýt thân thiện cho biết có bán Kem Ngon nhất ở Roma. Chỗ đó gọi là “Il Gelato di San Crispino”. Tôi không chắc, nhưng tôi nghĩ có thể dịch là “kem của vị thánh khô lạnh”. Tôi đã ăn thử loại kết hợp bưởi chùm và dưa. Rồi, sau buổi ăn chiều cũng tối ấy, tôi lặn lội cả quãng đường đến đó một lần cuối, chỉ để ăn thử một cốc quế-gừng.

Mỗi ngày tôi cố gắng đọc hết một bài báo, bất luận mất bao lâu thời gian. Cứ khoảng ba từ là tôi phải tra từ điển một lần. Báo chí thời nay thật hấp dẫn. Khó mà hình dung được cái tit nào ấn tượng hơn “*Obesità! I Bambini Italiani Sono i Più Grassi d'Europa!*” Lay Chúa! Béo Phì! Tôi nghĩ, bài báo tuyên bố trẻ con Ý là những đứa trẻ mập nhất ở châu Âu! Đọc tiếp, tôi biết rằng trẻ con Ý mập hơn trẻ con Đức nhiều và mập hơn trẻ con Pháp rất nhiều. (Thật nhân từ, không thấy họ so sánh với trẻ con Mỹ.) Bài báo nói ngày nay trẻ em Ý ở độ tuổi lớn hơn cũng đang béo phì một cách nguy hiểm. (Ngành mì ống đã tự bào chữa.) Những thống kê báo động về chứng béo phì của trẻ em Ý được “*una task force internazionale*” – không cần phải dịch ở đây – công bố hôm qua. Tôi mất gần một giờ mới giải mã được cả bài báo

này. Trong thời gian đó, tôi ăn một cái pizza và nghe một đứa trẻ Ý chơi đàn phong cầm bên kia đường. Tôi thấy đứa bé không mập lắm, nhưng có lẽ vì cậu là dân gypsy. Tôi không rõ mình có hiểu sai dòng cuối của bài báo không nhưng hình như có vài thảo luận từ phía chính phủ cho rằng cách duy nhất để đối phó với cơn khủng hoảng béo phì ở Ý là đánh thuế trên số cân thừa...? Chuyện này có thể nào là thật không? Sau một vài tháng ăn kiểu này, liệu họ có truy đến tôi không?

Điều quan trọng nữa là đọc báo mỗi ngày để xem Giáo hoàng đang ra sao. Ở Roma này, người ta ghi lại sức khỏe của Giáo hoàng trong báo hàng ngày, giống như với thời tiết, hay chương trình truyền hình. Hôm nay Giáo hoàng đang mệt. Hôm qua, Giáo hoàng đỡ mệt hơn hôm nay. Ngày mai, chúng ta hy vọng Giáo hoàng sẽ không mệt như hôm nay.

Đối với tôi nơi đây gần như một thiên đường của ngôn ngữ. Với một người luôn muốn nói tiếng Ý, còn gì có thể hơn được Roma? Như thể ai đó dựng nên cả thành phố chỉ để phù hợp các đặc điểm của tôi, nơi mọi người (ngay cả trẻ con, ngay cả tài xế taxi, ngay cả diễn viên các tiết mục quảng cáo!) đều nói thứ ngôn ngữ có ma lực này. Cứ như cả xã hội đang chung sức dạy tôi tiếng Ý. Thậm chí họ còn in báo chỉ bằng tiếng Ý khi tôi đang ở đây nữa chứ; họ không phiền! Ở đây họ có những hiệu sách *chỉ bán sách viết bằng tiếng Ý*! Tôi đã tìm thấy một hiệu sách như vậy sáng hôm qua và cảm thấy như mình bước vào một cung điện bị bỏ bùa mê. Tất cả đều bằng tiếng Ý – thậm chí cả Dr.Seuss. Tôi thơ thẩn khắp nơi, sờ vào mọi quyển sách, bất kỳ ai đang nhìn tôi sẽ nghĩ tôi là một người bản ngữ. Chao ôi, tôi muốn tiếng Ý rộng mở cho tôi biết chừng nào! Cảm giác này gợi nhớ chuyện hồi tôi bốn tuổi, còn chưa biết đọc nhưng đã khát khao học hỏi. Tôi nhớ là đã ngồi trong phòng đợi ở phòng mạch với mẹ, tay cầm tờ tạp chí Good Housekeeping trước mặt, chậm rãi lật các trang báo, nhìn chăm chăm vào bản văn với hy vọng người lớn trong phòng đợi sẽ nghĩ là mình đang đọc thực sự. Từ đó đến nay tôi vẫn chưa cảm thấy thèm khát lĩnh hội đến thế. Tôi tìm được vài tác phẩm của các nhà thơ Mỹ ở hiệu sách đó, với nguyên bản tiếng Anh in ở một mặt và phần dịch tiếng Ý ở mặt kia. Tôi mua một cuốn của Robert Lowell, một cuốn của Louise Glück.

Ở đây khắp nơi đều có những khóa đàm thoại tự phát. Hôm nay, khi tôi đang ngồi trên một chiếc ghế trong công viên thì một phụ nữ lớn tuổi nhỏ bé mặc một đồ đen đến gần, ngồi xuống cạnh tôi và bắt đầu hăm he tôi về một điều gì đó. Tôi lắc đầu, nín thinh và bối rối. Tôi xin lỗi bằng tiếng Ý rất lịch sự, “Tôi xin lỗi, nhưng tôi không nói tiếng Ý,” và có vẻ như bà sẽ quát tôi bằng một cái thìa gỗ, nếu bà có. Bà khẳng khái: “Cô hiểu mà!” (Thật thú vị, bà ấy nói đúng. Câu nói đó thì tôi *có* hiểu.) Giờ bà muốn biết tôi từ đâu đến. Tôi bảo bà tôi từ New York rồi hỏi bà từ đâu đến. Rõ rồi – bà ấy từ Roma. Nghe thấy thế, tôi vỗ tay như trẻ con. *A, Roma! Roma xinh đẹp! Tôi thích Roma lắm! Roma dễ thương!* Bà lắng nghe sự khoa trương thô thiển của tôi một cách hoài nghi. Rồi bà tỏ ra thích thú điều đó và hỏi tôi lập gia đình chưa. Tôi nói tôi đã ly dị. Đây là lần đầu tiên tôi nói điều này với bất kỳ ai, và giờ thì tôi đang vậy, nói bằng tiếng Ý. Dĩ nhiên là bà hỏi: “*Perché?*” Ôi... “Tại sao” là một câu hỏi khó trả lời trong bất kỳ ngôn ngữ nào. Tôi lắp bắp, rồi cuối cùng cũng nói được là “*L’abbiamo rotto*” (chúng tôi đã đổ vỡ).

Bà gật đầu, đứng lên, bước ra đường đến trạm xe buýt, leo lên xe và thậm chí không quay lại nhìn tôi lần nữa. Bà ấy giận mình sao? Thật lạ, tôi đã ngồi trên ghế công viên đó đợi bà trong hai mươi phút, nghĩ một cách vô lý là bà có thể trở lại và tiếp tục chuyện trò, nhưng bà chẳng bao giờ trở lại. Tên bà là Celeste, phát âm phụ âm điếc ch, như trong cello.

Trong ngày hôm đó lúc muộn hơn, tôi tìm thấy một thư viện. Trời ơi, tôi mê thư viện làm sao. Vì chúng ta đang ở Roma, thư viện này là một thứ cổ kính xinh đẹp, bên trong có một sân vườn mà ta sẽ không bao giờ có thể đoán được nó tồn tại nếu chỉ nhìn từ ngoài đường. Khu vườn vuông vức điểm xuyết bằng những cây cam vào ở giữa có một đài phun nước này sắp sửa là một đối thủ với những thứ ưa thích của tôi ở Roma, dù nó không giống bất kỳ thứ gì tôi từng thấy từ trước đến nay. Trước hết là, nó không được chắc chắn bằng đá cẩm thạch trắng lợt. Đây là một đài phun nước tự nhiên nhỏ, màu xanh đầy rêu. Nó giống như một bụi dương xỉ tua tua đang rửa nước. (Thực ra nó giống y như tán lá cây đại mộc ra từ đầu người cầu nguyện trong bức hình ông thầy mo già ở Indonesia vẽ cho tôi.) Nước phun ra từ trung tâm cây bụi đang trổ hoa này, rồi tưới trở lại trên lá, tạo nên một âm thanh u buồn và dễ chịu khắp cả sân.

Tôi tìm thấy một chỗ ngồi dưới một cây cam rồi mở một trong những cuốn thơ đã mua hôm qua. Louise Glyck. Đầu tiên tôi đọc bài thơ bằng tiếng Ý, rồi bằng tiếng Anh, rồi sống lại ở dòng này:

Dal centro della mia vita venne una grande fontana...

“Từ tâm cuộc sống tôi, một đài phun nước tuyệt vời xuất hiện...”

Tôi đặt cuốn sách vào lòng, lắc đầu khuây khỏa.

Thật ra, tôi không phải là lữ khách giỏi nhất thế giới.

Tôi biết điều ấy vì tôi đã đi đây đó rất nhiều và đã gặp những người rất thạo chuyện này. Những người có năng khiếu thật sự. Tôi đã từng gặp những du khách thể chất khỏe mạnh đến nỗi có thể dùng hộp đánh giày uống nước từ một máng nước ở Calcutta mà không bao giờ mắc bệnh. Những người có thể làm quen với ngôn ngữ mới ở nơi những người khác trong chúng ta chỉ có thể mắc phải các bệnh truyền nhiễm. Những người biết cách làm một lính biên phòng ưa dọa nạt rút lui hay tán tỉnh một viên chức không hợp tác tại văn phòng thị thực. Những người có chiều cao và nước da hợp lý đến gần như trông bình thường dù họ đi đâu - ở Thổ Nhĩ Kỳ họ có thể thấy người Thổ, ở Mexico họ bỗng thành người Mexico, ở Tây Ban Nha họ có thể bị nhận lầm là một người Basque, ở Bắc Phi đôi khi người ta tưởng họ là người Ả Rập...

Tôi không có những phẩm chất này. Đầu tiên, tôi không lẫn lộn được. Cao, tóc vàng hoe và nước da hồng, tôi giống một con hồng hạc hơn là một con tắc kè hoa. Trừ ở Dusseldorf ra, đi tới đâu tôi cũng nổi bật sắc sỡ. Khi ở Trung Quốc, phụ nữ trên đường phố thường đến gần tôi rồi trở tôi cho họ xem như thể tôi là một con thú sống chuồng từ sở thú nào đó. Và con họ - chưa từng thấy thứ gì thật giống người ma mặt hồng đầu vàng này - thường òa khóc khi thấy tôi. Tôi thật sự ghét chuyện đó ở Trung Quốc.

Tôi không rành (hay, đúng hơn, lười) nghiên cứu một nơi trước khi du lịch, tôi thường chỉ xuất hiện và xem chuyện gì xảy ra thôi. Khi du lịch kiểu này, điều thường “xảy ra” là ta mất rất nhiều thì giờ đứng giữa ga xe lửa và bối rối, hay mất quá nhiều tiền cho khách sạn vì không biết gì hơn. Nhận thức phương hướng và địa lý không vững của tôi có nghĩa là trong đời mình tôi đã thám hiểm cả sáu lục địa với chỉ một ý niệm mơ hồ nhất về việc mình đang ở đâu vào một thời điểm nhất định mà thôi. Ngoài cái la bàn sai bét trong bụng của mình, tôi còn thiếu sự điềm tĩnh riêng, điều này có thể là một của nợ khi đi lại. Tôi chưa bao giờ biết cách tạo cho mình cái vẻ trơ trơ như không tồn tại thật thành thạo, thứ rất hữu ích khi du lịch ở những nơi nguy hiểm, xa lạ. Bạn biết đấy - cái vẻ cực kỳ thoải mái, nhập vai hoàn toàn làm ta giống như thuộc về nơi đó, bất kỳ đâu, mọi nơi, ngay cả giữa bạo loạn ở Jakarta.Ồ, không. Khi tôi không biết mình đang làm gì, tôi trông có vẻ không biết mình đang làm gì. Khi tôi phấn khích hay lo lắng, tôi trông có vẻ khẩn khích hay lo lắng. Khi tôi bị lạc, mà chuyện này thì thường xuyên, tôi trông có vẻ bị lạc. Mặt tôi là một máy phát rõ ràng mỗi ý nghĩ của tôi. Như David có lần nói, “Mặt em thì trái ngược với bộ mặt lạnh như tiền. Em có gương mặt luôn ‘tố giác’ em.”

Và, trời, còn những rắc rối mà chuyện đi lại bắt bộ máy tiêu hóa của tôi phải chịu! Tôi thật sự không muốn mở cái *vấn đề phiền hà đó* (xin thứ lỗi cho từ ngữ này), nên chỉ cần nói rằng tôi đã nếm trải mọi thái cực khẩn cấp liên quan đến tiêu hóa. Một đêm ở Lebanon tôi ngã bệnh dữ dội đến nỗi tôi chỉ có thể cho rằng bằng cách nào đó mình đã nhiễm phải một kiểu virus Ebola Trung Đông. Ở Hungary, một kiểu tai họa về ruột hoàn toàn khác tôi phải chịu đã thay đổi mãi mãi cách tôi cảm nhận về thuật ngữ “Khối Xô Viết”. Và tôi cũng có yếu kém về thể xác khác nữa. Lưng tôi kiệt quệ ngay ngày đầu tiên ở châu Phi, tôi là thành viên duy

nhất trong đoàn ra khỏi rừng rậm Venezuela với những vết nhện cắn nhiễm trùng, và tôi hỏi bạn – xin bạn đấy! – ai lại bị cháy nắng ở *Stockholm*?

Dù sao, bất chấp mọi chuyện này, du lịch là tình yêu chân chính vĩ đại của đời tôi. Tôi đã luôn cảm thấy rằng, từ khi tôi mười sáu tuổi và lần đầu tiên đến Nga bằng tiền giữ trẻ dành dụm được, du lịch đáng bất kỳ giá nào và hy sinh nào. Tôi trung thành và kiên định trong tình yêu dành cho du lịch, trong khi không phải luôn trung thành và kiên định trong những tình yêu khác. Tôi cảm nhận về du lịch như cái cách một bà mẹ trẻ hạnh phúc cảm nhận về đứa con sơ sinh luôn luôn hiếu động, đau bụng và quá quắt của mình – tôi không *quan tâm* nó bắt mình chịu cái gì. Vì tôi tôn sùng nó. Vì nó là của tôi. Vì nó đúng là trông giống tôi. Nó có thể trở khấp lên tôi nếu nó muốn – đơn giản là tôi không quan tâm.

Dù sao, với cái lỗi của một con hồng hạc, tôi không hoàn toàn bất lực giữa đời. Tôi có một tập hợp các kỹ thuật sống của riêng mình. Tôi kiên nhẫn. Tôi biết cách gói ghém hành lý gọn nhẹ. Tôi là một người ăn chẳng kiêng gì. Tuy nhiên năng khiếu du lịch phi thường của tôi là tôi có thể kết bạn với *bất kỳ ai*. Tôi có thể làm bạn với người đã chết. Một lần tôi làm bạn với một tội phạm chiến tranh ở Serbia, và anh ta mời tôi thực hiện một kỳ nghỉ ở miền núi với gia đình anh ta. Không phải là tôi hãnh diện đưa những kẻ giết người hàng loạt Serbia vào danh sách người gần gũi thân yêu nhất của mình (tôi phải đối xử với anh ta như bạn bè vì một câu chuyện, và cũng là để anh ta không đâm tôi), nhưng tôi chỉ muốn nói là – tôi có thể làm điều đó. Nếu không có ai xung quanh để trò chuyện, có lẽ tôi sẽ bầu bạn với một đồng tấm ốp tường đá Sheetrock cao bốn feet. Vì vậy mà tôi không ngại du lịch đến những nơi hẻo lánh nhất trên thế giới, không ngại bất cứ đâu nếu ở đó có người. Trước khi tôi đi Ý mọi người đã hỏi, “Cô có bạn bè nào ở Roma không?”, tôi thường lắc đầu nói không và thầm nghĩ. *Nhưng tôi sẽ có.*

Thường khi đi du lịch ta gặp bạn bè mình một cách tình cờ, như khi ngồi cạnh họ trên xe lửa, hay trong quán ăn, hay trong một nhà giam. Nhưng đó là những gặp gỡ tình cờ, và ta đừng bao giờ nên tin cậy hoàn toàn vào sự tình cờ. Để có một phương pháp hệ thống hơn thì phải nói đến một hệ thống cũ rất quan trọng là “thư giới thiệu” (ngày nay có thể là một email), trình trọng giới thiệu ta với người quen của một người quen. Đây là cách thức tuyệt vời để gặp gỡ mọi người, nếu ta đủ trơ tráo gọi một cú điện thoại tiếp thị rồi tự mời mình đến nhà người ta ăn tối. Vậy nên trước khi đi Ý, tôi đã hỏi tất cả những người mình biết ở Mỹ là họ có bạn bè nào ở Roma không, và tôi vui mừng thông báo là tôi đã được cử ra nước ngoài với một danh sách đầu mối liên lạc Ý đáng kể.

Trong tất cả những người được đề cử trong Danh Sách Bạn Ý Mới Tiềm Năng của tôi, tôi tò mò muốn gặp nhất một anh chàng tên là... chuẩn bị nghe đây... Luca Spaghetti. Luca Spaghetti là một người bạn tốt của cậu bạn thân Patrick McDevitt tôi quen từ những ngày còn học đại học. Và nói thật đó là tên của anh ấy, tôi thề có Chúa, tôi không bịa ra đâu. Thật quá điên rồ. Ý tôi là – thử nghĩ xem. Hãy tưởng tượng đi qua cuộc đời với một cái tên như *Patrick McDevitt*?

Dầu sao, tôi định sẽ liên lạc với Luca Spaghetti càng sớm càng tốt.

Dù sao, đầu tiên tôi phải ổn định trường lớp đã. Lớp học của tôi bắt đầu hôm nay tại Học viện Nghiên cứu Ngôn ngữ Leonardo da Vinci, nơi tôi sẽ học tiếng Ý bốn giờ một ngày, năm ngày một tuần. Tôi rất háo hức đi học. Tôi thật là một *sinh viên* không biết mắc cỡ. Tối qua tôi bày quần áo của mình ra, y như tôi làm trước ngày đầu vào lớp một, với đôi giày da sơn và hộp đựng cơm trưa mới của mình. Tôi hy vọng thầy giáo sẽ thích mình.

Tất cả chúng tôi phải làm một bài kiểm tra vào ngày đầu tiên tại Học viện Leonardo da Vinci để được xếp vào các *trình độ* lớp tiếng Ý theo khả năng của mình. Khi nghe thấy chuyện này, tôi liền bắt đầu hy vọng mình không bị xếp vào lớp Trình độ Một, vì vậy sẽ rất bề mặt, vì rằng tôi đã học cả một học kỳ tiếng Ý tại Trường Đêm dành cho Quý cô Ly di ở New York, và rằng tôi đã học thuộc lòng các thẻ ghi chú trong mùa hè, và rằng tôi đã ở Roma một tuần lễ, và đã thực tập tiếng Ý trực tiếp, thậm chí trò chuyện với các cụ bà về lý di. Vấn đề là, tôi thậm chí không biết trường này có bao nhiêu lớp, nhưng ngay khi nghe từ trình độ, tôi nhất định là mình phải qua được bài kiểm tra để vào Trình độ Hai, *ít nhất*.

Hôm nay trời mưa rầm rập, và tôi có mặt ở trường sớm (tôi vẫn luôn vậy – *lập dị!*) và làm bài kiểm tra. Thật là một bài kiểm tra khó! Thậm chí tôi không thể làm xong một phần mười của bài! Tôi biết rất nhiều tiếng Ý, tôi biết *hàng tá* từ tiếng Ý, nhưng họ không hỏi tôi bất kỳ điều gì tôi biết. Rồi đến một bài kiểm tra miệng, còn tệ hơn nữa. Người giáo viên Ý gầy nhom phỏng vấn tôi nói quá sức nhanh, theo tôi thấy, lẽ ra tôi có thể làm tốt hơn rất nhiều nhưng tôi căng thẳng và phạm lỗi ở những chỗ đã biết (ví dụ, sao tôi lại nói *Vado a scuola* thay vì *Sono andata a scuola*?^[15] Tôi biết cái này mà!).

Dù sao thì cuối cùng, mọi chuyện cũng ổn. Thầy giáo người Ý gầy nhom kiểm tra bài làm của tôi rồi chọn lớn cho tôi:

Trình độ HAI!

Các lớp học bắt đầu vào buổi chiều. Vậy nên tôi đi ăn trưa (rau diếp quăn chiên) rồi thông dong trở về trường và bảnh chọe đi ngang qua tất cả những sinh viên Trình độ Một đó (họ hẳn là *molto stupido*, thật vậy) và bước vào lớp đầu tiên của mình. Với người bằng vai phải lứa của mình. Chỉ trừ việc mọi chuyện nhanh chóng trở nên rõ ràng là những người này không ngang hàng với tôi và rằng tôi không dính dáng gì ở đây cả vì Trình độ Hai thật sự khó quá sức. Tôi cảm thấy như mình đang bơi, nhưng phải chạt vật lắm. Như mỗi khi hít vào tôi lại uống luôn nước. Người thầy, một anh chàng gầy nhách (sao mấy ông thầy ở đây lại ốm đến vậy? Tôi không tin cậy những người Ý gầy nhom), đi quá nhanh, bỏ qua cả mấy chương sách giáo khoa, và cứ nói, “Cái này các bạn đã biết rồi, cái kia các bạn đã biết rồi...” và tiếp tục một cuộc đàm thoại nhanh như gió với những bạn học của tôi rõ ràng là đã quá trôi chảy. Bụng tôi thắt lại hoảng sợ và tôi thở khò khèn, cầu cho ông thầy đừng kêu tôi. Vừa đến giờ giải lao, tôi nhào ra khỏi lớp, hai chân loạng choạng và chạy vụt một mạch đến phòng hành chính chực khóc, van xin rành mạch bằng tiếng Anh là họ có thể vui lòng chuyển tôi xuống lớp Trình độ Một không. Và thế là họ chuyển tôi xuống. Và giờ thì tôi đang ở đây.

Người thầy này đầy đặn và nói từ từ. Vậy thì tốt hơn nhiều.

Điều thú vị về lớp học tiếng Ý của tôi là không ai thật sự cần phải có mặt ở đó. Chúng tôi có cả thầy mười hai học viên, thuộc mọi lứa tuổi, từ khắp nơi trên thế giới, và tất cả đều đến Roma với cùng một lý do – học tiếng Ý vì họ cảm thấy thích. Không một ai trong chúng tôi có thể xác định được dù chỉ một lý do cụ thể tại sao mình có mặt ở đây. Không ai có ông chủ nói rằng, “Điều thiết yếu là anh học tiếng Ý để chúng ta tiến hành kinh doanh ở nước ngoài.” Tất cả mọi người, kể cả ông kỹ sư Đức nghiêm trang, đều chia sẻ điều tôi tưởng là động cơ của cá nhân mình: tất cả chúng tôi muốn nói tiếng Ý vì chúng tôi thích cái cách nó làm chúng tôi cảm nhận nó. Một phụ nữ Nga có gương mặt u buồn nói với chúng tôi là bà đã mình những lớp học tiếng Ý vì “Tôi nghĩ tôi xứng đáng được một cái gì đó đẹp đẽ.” Ông kỹ sư Đức nói, “Tôi muốn tiếng Ý vì tôi thích *dolce vita*” – một cuộc sống ngọt ngào. (Chỉ có điều, với giọng Đức cứng nhắc của ông, nghe có vẻ như ông nói ông thích một “*deutsche vita*” – cuộc sống Đức – mà tôi e ông đã có quá nhiều rồi.)

Như tôi khám phá ra trong vài tháng sau đó, quả thực có một số lý do chính đáng khi nói tiếng Ý là ngôn ngữ đẹp một cách quyến rũ nhất trên thế giới và tại sao tôi không phải là người duy nhất nghĩ vậy. Để hiểu tại sao, đầu tiên ta phải hiểu rằng châu Âu đã từng là một nơi hỗn loạn với vô số thổ ngữ bắt nguồn từ tiếng La tinh mà dần dần, qua nhiều thế kỷ, phân hóa thành một số ngôn ngữ riêng biệt – tiếng Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha. Điều đã diễn ra ở Pháp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là một cuộc tiến hóa tự nhiên: thổ ngữ của thành phố nổi bật nhất dần trở thành ngôn ngữ được cả vùng chấp nhận. Do vậy, cái mà ngày nay chúng ta gọi là tiếng Pháp thật ra là một phiên bản của tiếng Pari thời Trung cổ. Tiếng Bồ Đào Nha thật ra là tiếng Lisbon. Tiếng Tây Ban Nha về cơ bản là tiếng Madrid. Đây là những thắng lợi tư bản chủ nghĩa: thành phố hùng mạnh nhất cuối cùng đã quyết định ngôn ngữ của cả quốc gia.

Ý thì lại khác. Một sự khác biệt then chốt là, trong một thời gian rất dài, Ý thậm chí không phải là một quốc gia. Mãi về sau (năm 1861), Ý mới được thống nhất và cho đến lúc đó vẫn còn là một bán đảo gồm các thành bang trong đó chiến tranh bị các hoàng tử địa phương kiêu hãnh hay các cường quốc châu Âu khác thống trị. Nhiều vùng của Ý thuộc về Pháp, nhiều vùng thuộc về Tây Ban Nha, nhiều vùng khác thuộc về Giáo hội, nhiều vùng thì thuộc về bất kỳ ai có thể chiếm được pháo đài hay cung điện trong đó. Người Ý đã hoặc nhu nhược hoặc hào hiệp với tất cả sự thống trị này. Hầu hết không ưa gì lắm chuyện làm thuộc địa của những người bạn châu Âu, nhưng luôn có một nhóm người thờ ơ nói “*Franza or Spagna, purchè se magna*”, trong thổ ngữ là “Dù Pháp hay Tây Ban Nha, miễn là ta còn có thể ăn.”

Tất cả sự chia rẽ nội bộ này có nghĩa là Ý đã chưa bao giờ thống nhất theo đúng nghĩa, và tiếng Ý cũng vậy. Vậy nên không có gì ngạc nhiên khi, trong nhiều thế kỷ, người Ý viết và nói bằng những thổ ngữ mà giữa họ với nhau không thể hiểu được. Một nhà khoa học ở Florence khó mà giao tiếp với một nhà thơ ở Sicily hay một thương gia ở Venice (dĩ nhiên là trừ khi bằng tiếng La tinh mà hầu như không được xem là ngôn ngữ quốc gia). Vào thế kỷ mười sáu, một số trí thức Ý đã họp lại và quyết định rằng chuyện này là vô lý. Bán đảo Ý này cần một ngôn ngữ Ý, chí ít là cũng trong hình thức chữ viết, và mọi người đều đồng ý về

điều này. Vậy là cuộc họp mặt của các trí thức này tiến hành một điều vô tiền khoáng hậu trong lịch sử châu Âu: họ chọn thổ ngữ đẹp đẽ nhất trong tất cả các thổ ngữ Ý và tôn lên làm *tiếng Ý*.

Để tìm ra thổ ngữ đẹp đẽ nhất từng được nói ở Ý, họ đã phải trở lui đúng hai trăm năm về Florence thế kỷ mười bốn. Cái mà đại hội này quyết định từ thời điểm đó trở đi sẽ được xem là tiếng Ý hợp thức là ngôn ngữ riêng của nhà thơ xứ Florence Dante Alighieri. Khi Dante công bố *Thần khúc* vào năm 1321 mô tả tỉ mỉ hành trình ảo tượng qua Địa Ngục, Tĩn Ngục và Thiên Đường, ông đã làm choáng váng giới học thức vì đã không viết bằng tiếng La tinh. Ông cảm thấy rằng tiếng La tinh là một ngôn ngữ mục nát của giới thượng lưu và rằng sử dụng nó trong văn xuôi nghiêm trang đã “biến văn học thành một gái điếm” khi biến thể văn kể chuyện phổ thông thành thứ gì đó chỉ có thể mua bằng tiền, nhờ đặc quyền của một nền giáo dục quý tộc. Thay vì vậy, Dante trở về với đường phố, chọn thứ ngôn ngữ Florence đích thực mà cư dân thành phố của ông nói (trong số đó có cả những người đương thời lỗi lạc như Boccaccio và Petrarch) và sử dụng ngôn ngữ đó để kể câu chuyện của mình.

Ông đã viết kiệt tác của mình bằng cái mà ông gọi là *dolce stil nuovo*, “phong cách mới ngọt ngào” của biệt ngữ, và ông đã gieo gột biệt ngữ này ngay khi đang viết nó, cũng đích thân ảnh hưởng đến biệt ngữ này như rồi đây Shakespeare sẽ ảnh hưởng đến tiếng Anh thời Elizabeth. Chuyện một nhóm nhà trí thức dân tộc rất lâu về sau này ngồi lại và quyết định rằng tiếng Ý của Dante từ đây trở thành ngôn ngữ chính thức của Ý hẳn rất giống như thể một ngày đầu thế kỷ mười chín một nhóm giảng viên Oxford ngồi lại và quyết định là – từ đây trở đi – mọi người ở Anh sẽ nói tiếng Shakespeare thuần khiết. Và điều đó thật sự đã có *kết quả*.

Vì vậy, tiếng Ý chúng ta nói ngày nay không phải là tiếng Roma hay tiếng Venice (dù đây đã từng là những thành phố quân sự và thương mại hùng mạnh), thậm chí cũng không hoàn toàn thật sự là tiếng Florence. Về cơ bản, đó là tiếng *Dante*. Không có ngôn ngữ châu Âu nào lại có một nguồn gốc nghệ thuật như thế. Và có lẽ cũng không có ngôn ngữ nào được thụ phong để thể hiện cảm xúc con người một cách hoàn hảo hơn tiếng Ý Florence thế kỷ mười bốn này, vì được một trong những nhà thơ vĩ đại nhất của văn minh phương Tây tô điểm. Dante đã viết *Thần khúc* với *terza rima*, thể thơ ba câu, một chuỗi vần với mỗi vần lặp lại ba lần sau mỗi năm dòng, đem lại cho biệt ngữ Florence duyên dáng của ông cái mà các học giả gọi là “nhịp chảy êm đềm” – một nhịp điệu vẫn còn sống động trong các ngữ điệu nên thơ, líu ríu mà những người lái taxi, những người hàng thịt và những lãnh đạo chính phủ Ý vẫn nói ngày nay. Dòng cuối cùng của *Thần khúc*, nơi Dante đối mặt với ảo tượng của chính Thượng Đế, là một ẩn ý bất kỳ ai quen thuộc với cái gọi là tiếng Ý hiện đại cũng có thể dễ dàng hiểu được. Dante viết Thượng Đế không đơn thuần chỉ là một ảo tượng ánh sáng huy hoàng lóa mắt mà trên hết, Ngài là *l'amor che move il sole e l'altre stelle...*

“Tình yêu dịch chuyển mặt trời và các tinh cầu khác”.

Vậy nên thực ra không có gì lạ khi tôi tha thiết muốn học ngôn ngữ này đến vậy.

Trầm Cảm và Cô Đơn lần theo dấu tôi sau khoảng mười ngày ở Ý. Một buổi tối tôi thả bộ dọc Villa Borghese sau một ngày vui vẻ ở trường và mặt trời đang dát vàng lên khắp nhà thờ St.Peter. Tôi cảm thấy mãn nguyện giữa khung cảnh lãng mạn này, dù rằng tôi chỉ có một mình trong khi những người khác trong công viên hoặc đang vuốt ve người yêu hoặc đang chơi đùa vui vẻ với trẻ con. Nhưng rồi tôi thôi không dựa vào hàng lan can ngắm mặt trời lặn nữa và bắt đầu nghĩ ngợi hơi nhiều, và rồi từ nghĩ ngợi chuyển sang nghiền ngẫm, và đó là khi Trầm Cảm và Cô Đơn đuổi kịp tôi.

Chúng tấn công tôi bất thành hình, hoàn toàn lằm lì và đe dọa như các thám tử Pinkerton, rồi chúng uy hiếp bên sườn tôi – Trầm Cảm bên trái, Cô Đơn bên phải. Chúng không cần phải xuất trình phù hiệu. Tôi biết những gã này rất rõ. Chúng tôi đã chơi trò mèo đuổi chuột nhiều năm nay rồi. Tuy vậy tôi thừa nhận là thật ngạc nhiên khi thấy chúng trong vườn Ý trang nhã này lúc hoàng hôn. Chúng không thuộc về nơi này.

Tôi nói với chúng, "Làm sao mấy ông tìm ra tôi ở đây? Ai cho mấy ông hay là tôi đã đến Roma?"

Trầm Cảm, luôn là gã khôn ngoan, nói, "Sao hả - bà không vui thấy tụi tôi sao?"

"Đi đi," tôi bảo gã.

Cô Đơn, tên cóm nhạy cảm hơn, nói, "Tôi rất tiếc, thưa bà. Nhưng có thể tôi phải bám theo bà suốt thời gian bà đi du lịch. Đó là nhiệm vụ của tôi."

"Tôi thật sự mong ông không làm thế," tôi nói với hấn rồi hấn nhún vai gần như xin lỗi, nhưng lại tiến đến gần hơn.

Rồi chúng lục soát người tôi tìm vũ khí. Chúng dốc túi tôi đổ hết ra bất cứ niềm vui nào tôi đã mang đến đây. Gã Trầm Cảm thậm chí còn tịch thu kẻ căn cước của tôi; như gã luôn làm vậy. Rồi gã Cô Đơn bắt đầu hỏi cung tôi, chuyện tôi rất kinh hãi vì nó luôn kéo dài hàng giờ. Gã lịch sự nhưng không thương xót, và cuối cùng bao giờ gã cũng tóm được sai sót của tôi. Gã hỏi tôi có biết một lý do để hạnh phúc nào không. Gã hỏi tại sao tôi lại chỉ có một mình tối nay. Gã hỏi (dù chúng tôi đã xong kiểu tra vấn này hàng trăm lần rồi) tại sao tôi không thể duy trì nổi một mối quan hệ, tại sao tôi hủy hoại cuộc hôn nhân của mình, tại sao tôi làm hỏng chuyện với David, tại sao tôi làm hỏng hết mọi chuyện với tất cả những người đàn ông bên cạnh. Gã hỏi tôi đã ở đâu vào cái đêm tôi sang tuổi ba mươi, và tại sao mọi chuyện đã trở nên chua chát từ đó. Gã hỏi tại sao tôi không thể chinh đồn đời mình cho khá hơn, và tại sao tôi không ở lại và sống trong một căn nhà đẹp đẽ và nuôi dạy những đứa con xinh xắn như bất kỳ phụ nữ đáng kính nào ở tuổi tôi nên làm. Gã hỏi chính xác là tại sao tôi nghĩ tôi xứng đáng với một kỳ nghỉ ở Roma khi đã phá tan đời mình như thế. Gã hỏi tại sao tôi nghĩ rằng chạy trốn đến Ý như một nhóc học đại học sẽ khiến tôi hạnh phúc. Gã hỏi, tôi nghĩ kết cục tôi sẽ ở đâu lúc về già nếu tôi cố sống kiểu này.

Tôi thả bộ về nhà, hy vọng rũ bỏ được chúng, nhưng chúng cứ bám theo tôi, hai kẻ khủng bố thuê này. Gã Trầm Cảm giữ chặt vai tôi còn gã Cô Đơn thì rộng dài với trò tra vấn của

hắn. Tôi thậm chí không buồn ăn tối; tôi không muốn chúng nhìn tôi. Tôi cũng không muốn để chúng lên cầu thang dẫn đến căn hộ của mình, nhưng tôi biết gã Trầm Cảm lắm, gã có một cái dùi cui, vậy nên chẳng có gì cản gã vào nếu gã thấy đó là điều gã muốn.

“Thật không công bằng nếu ông lên đây,” tôi nói với gã Trầm Cảm. “Tôi đã thanh toán với các ông rồi. Tôi đã thụ án của mình ở New York rồi.”

Nhưng hắn chỉ nhìn tôi với cái cười u tối đó, ngồi vào trong chiếc ghế ưa thích của tôi, gác chân lên bàn tôi rồi châm một điếu xì gà, nhả khói um khắp nơi. Gã Cô Đơn nhìn và thở dài, rồi len lên giường tôi kéo chăn trùm kín, mặc nguyên quần áo, giày và mọi thứ. Hắn sắp bắt tôi ngủ với hắn đêm nay, tôi biết vậy.

Tôi chỉ mới ngừng uống thuốc vài ngày trước. Uống thuốc chống suy nhược ở Ý quả có vẻ *điên rồ*. Làm thế nào tôi lại có thể trầm cảm ở đây?

Lúc đầu tôi chưa hề muốn dùng thuốc. Tôi đã vật lộn với chuyện dùng thuốc trong một thời gian dài, chủ yếu vì một danh sách dài những phản đối cá nhân (ví dụ: người Mỹ lạm dụng thuốc; chúng ta vẫn chưa biết những tác dụng về lâu dài của thứ này trên não người; việc ngày nay ngay cả trẻ con Mỹ cũng dùng thuốc chống suy nhược là một tội ác; chúng ta đang điều trị các triệu chứng chứ không phải nguyên nhân của trường hợp khẩn cấp sức khỏe tâm thần quốc gia...) Dù sao, suốt mấy năm vừa qua của đời mình, không nghi ngờ gì rằng tôi đã trong tình trạng rắc rối trầm trọng và rắc rối này không sớm chấm dứt. Khi cuộc hôn nhân của tôi tan rã và biến cố với David diễn ra, tôi đã dần dần có tất cả các triệu chứng trầm cảm nghiêm trọng – mất ngủ, mất cảm giác thèm ăn và dục tình, khóc không tự chủ được, đau lưng và đau bao tử kinh niên, xa lạ và thất vọng, khó tập trung trong công việc, thậm chí mất khả năng bực bội chuyện những đảng viên đảng Cộng hòa giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử tổng thống... cứ liên miên như thế.

Khi bị lạc trong những đám rừng này, đôi khi phải mất một thời gian ta mới nhận ra là mình *đang* lạc. Trong một thời gian rất dài, ta có thể tự thuyết phục mình là ta chỉ mới lang thang khỏi con đường vài feet, rằng ta sẽ tìm thấy đường về điểm xuất phát ngay thôi. Rồi màn đêm buông xuống không biết bao lần, và ta vẫn không hình dung được mình đang ở đâu, và đã đến lúc phải thú nhận là ta đã lạc quá xa con đường đến nỗi ta không còn biết hướng mặt trời mọc nữa.

Tôi gánh vác tình trạng trầm cảm của mình như thể nó là trận chiến của đời mình, mà dĩ nhiên, nó là vậy. Tôi trở thành một học trò của trải nghiệm trầm cảm của chính mình, thử lần mò những nguyên nhân của nó. Gốc rễ của tất cả tuyệt vọng này là gì? Phải chăng là nguyên nhân tâm lý? (Lỗi của bố mẹ?) Phải chăng chỉ là tạm thời, một “thời gian tồi tệ” trong đời mình? (Khi vụ ly hôn kết thúc, trầm cảm có chấm dứt theo không?) Phải chăng là do di truyền? (Sầu Muộn, được gọi bằng nhiều tên khác nhau, đã thấm qua gia đình tôi từ nhiều thế hệ, cùng với cô dâu buồn bã của nó, Chứng Nghiện Rượu.) Văn hóa? (phải chăng đó chỉ là hệ quả của việc một đứa con gái Mỹ có nghề nghiệp thời hậu phong trào nữ quyền cố gắng tìm thấy cân bằng trong một đời sống thành thị ngày càng căng thẳng và vong thân?) Hay nguyên nhân tử vi? (Tôi buồn đến vậy vì tôi thuộc cung Cự Giải quá nhạy cảm vốn có các biểu hiện chính đều do cung Song Sinh hay thay đổi chi phối?) Nguyên nhân nghệ thuật chăng? (Không phải những người sáng tạo luôn bị trầm cảm vì chúng ta quá nhạy cảm và *đặc biệt* sao?) Hay là nguyên nhân tiên hóa? (Tôi có mang trong mình nỗi hoang hốt còn lại từ nhiều thiên niên kỷ khi loài của mình cố gắng sống sót trong một thế giới bạo tàn không?) Nghiệp ư? (Phải chăng tất cả những bực phát sầu não này rõ là hậu quả của hành vi xấu ở những kiếp trước, những chương ngại cuối cùng trước khi giải thoát?) Do hormone chăng? Chế độ ăn uống? Triết học? Mùa? Môi sinh? Hay vì tôi đang thăm dò vào nỗi khát khao Thượng Đế mọi người đều có? Hay tôi bị thiếu cân bằng hóa học? Hay tôi chỉ cần có quan hệ tình dục?

Thật quá nhiều yếu tố tạo thành chỉ một con người! Sao chúng ta hoạt động trên nhiều tầng đến thế, và sao chúng ta phải chịu nhiều ảnh hưởng từ trí óc ta, cơ thể ta, lịch sử ta, gia đình ta, thành phố ta, tâm hồn ta và những bữa ăn trưa của ta đến thế! Tôi bắt đầu cảm thấy chứng trầm cảm của mình có lẽ là một sự đa dạng luôn thay đổi nào đó gồm tất cả các yếu tố này, và có lẽ cũng bao gồm cả một số thứ tôi không thể kể tên hay khẳng định. Vậy nên tôi đối mặt cuộc chiến ở mọi bình diện. Tôi mua tất cả những quyển sách tự thực hành có những cái tựa rối rắm ấy (luôn chắc chắn là đã bọc chúng trong tờ *Hustler* số mới nhất, để người lạ sẽ không thể biết tôi đang thật sự đọc gì). Tôi bắt đầu tìm đến sự giúp đỡ chuyên môn của một bác sĩ trị liệu vừa tốt bụng vừa sâu sắc. Tôi cầu nguyện như một người mới tu. Tôi ngừng ăn thịt (dù sao cũng chỉ trong một thời gian ngắn) sau khi ai đó bảo tôi là tôi đang “ăn nỗi sợ hãi của con vật vào thời điểm nó chết”. Một nhà trị liệu xoa bóp phong trào thời đại mới lập dị bảo tôi nên mặc quần lót màu cam, để làm cân bằng những luân xa tình dục của mình, và, bạn ơi – tôi thực sự đã làm vậy. Tôi uống cái loại trà cỏ Saint-John chết tiệt mà cũng không thấy hiệu quả nào rõ rệt. Tôi tập luyện. Tôi tiếp xúc với những môn nghệ thuật làm phấn chấn và cẩn thận tránh xa những phim ảnh, sách vở và bài hát buồn (thậm chí đến ai đó nhắc đến những từ *Leonard* và *Cohen* trong cùng một câu, tôi có thể phải rời khỏi phòng).

Tôi cố hết sức để kiềm chế những thốn thức vô tận. Tôi nhớ đã từng tự hỏi một đêm nọ, khi đang cuộn mình trong cũi cái góc cũ kỹ của cũi chiếc ghế dài cũ mèm của mình, khóc lóc vì cũng một điệp khúc những ý nghĩ sầu muộn cũ rích, “Có gì đó mi có thể làm thay đổi tình hình này không, Liz?” và điều tôi chỉ có thể nghĩ ra là đứng lên vừa khóc nức nở vừa cố đứng thẳng bằng một chân giữa phòng khách. Chỉ để chứng minh là – khi tôi không thể thôi khóc hay thay đổi cuộc độc thoại âm thầm ảm đạm, tôi vẫn chưa hoàn toàn mất kiểm soát: chí ít tôi có thể khóc lóc điên cuồng mà vẫn giữ thẳng bằng trên một chân được. Này, đó là một khởi đầu.

Tôi băng qua đường để dạo trong nắng. Tôi dựa vào mạng lưới hỗ trợ của mình, yêu thương gia đình mình và nuôi dưỡng những tình bạn sáng láng nhất của mình. Và khi mấy tờ tạp chí phụ nữ nhiều sự cứ nói với tôi rằng sự kém tự trọng của tôi chẳng giúp giải quyết được phiền muộn, tôi đi làm một kiểu tóc mới xinh đẹp, mua ít đồ trang điểm đắt tiền và một chiếc đầm đẹp. (Khi một người bạn khen vẻ ngoài mới của tôi, tôi chỉ có thể nói được, một cách dứt khoát, là, “Chiến Dịch Tự Trọng – Ngày Một Khốn Kiếp”).

Điều cuối cùng tôi thử, sau khoảng hai năm chiến đấu với nỗi sầu muộn này, là thuốc. Nếu tôi có thể áp đặt ý kiến mình ở đây, tôi nghĩ đó luôn nên là thứ bạn thử cuối cùng. Với tôi thì, quyết định đi con đường “Vitamin P” đến sau một đêm tôi ngồi giữa sàn phòng ngủ hàng giờ, cố hết sức thuyết phục mình không khĩa tay mình bằng một con dao bếp. Tôi đã thắng cuộc tranh luận với con dao đêm đó, nhưng phải khó khăn lắm. Vào khoảng thời gian ấy tôi còn có vài sáng kiến khác hay hơn – là nhảy từ một tòa nhà xuống hay thối bay óc bằng một khẩu súng, sẽ có thể chấm dứt sự chịu đựng này ra sao. Tuy nhiên điều gì đó như ngồi suốt đêm với một con dao trong tay cũng đã là thực hiện ý tưởng.

Sáng hôm sau, khi mặt trời lên tôi gọi cô bạn Susan, van xin cô ấy giúp đỡ. Tôi không tin cả trong lịch sử gia đình mình trước đây từng có một phụ nữ làm việc này, và có lúc ngồi giữa ngã đường, giữa đời mình như thế này, và nói, “Tôi không thể bước thêm một bước nào nữa – phải có ai đó giúp tôi.” Điều đó cũng sẽ không khiến những phụ nữ ấy dừng bước.

Chẳng có ai sẽ có thể, hay đã có thể, giúp họ. Điều duy nhất sẽ không thể xảy ra là họ và gia đình sẽ chết đói. Tôi không thể thôi nghĩ về những phụ nữ này.

Và tôi sẽ không bao giờ quên gương mặt của Susan khi cô ấy lao vào căn hộ của tôi khoảng một giờ sau khi tôi gọi cuộc gọi cấp cứu, và thấy tôi ngồi thu lu trên chiếc ghế dài. Hình ảnh nổi đau của tôi phản chiếu lại rõ ràng trong vẻ lo lắng mà cô dành cho tính mạng của tôi vẫn là một trong những ký ức rùng rợn nhất đối với tôi về những năm kinh hoàng đó. Tôi cuộn tròn như một trái banh khi Susan gọi mấy cuộc điện thoại và tìm ra một chuyên gia tâm thần sẽ tư vấn cho tôi ngay hôm ấy để bàn bạc khả năng kê đơn thuốc chống suy nhược. Tôi lắng nghe cuộc trò chuyện của Susan với bác sĩ qua điện thoại, lắng nghe cô ấy nói, “Tôi e rằng bạn tôi sắp làm tổn thương bản thân trầm trọng.” Tôi cũng e vậy.

Chiều hôm đó khi tôi đến gặp chuyên gia tâm thần, ông ấy hỏi điều gì đã khiến tôi chờ lâu đến vậy mới yêu cầu giúp đỡ - như thể tôi đã không cố tự cứu mình trong một thời gian dài đến thế. Tôi cho ông biết những phản đối và cân nhắc của mình về thuốc chống suy nhược. Tôi đặt ba cuốn sách đã xuất bản của mình trên bàn ông và nói, “Tôi là một nhà văn. Xin đừng làm bất cứ gì tổn hại đến cái đầu của tôi.” Ông ta nói, “Nếu như cô có bệnh thân, cô sẽ không ngần ngại dùng thuốc để chữa - vậy tại sao cô lại do dự chuyện này?” Nhưng mà, thật ra, điều đó chỉ chứng tỏ là ông ấy không biết gì về gia đình tôi; một người dòng họ Gilbert rất có thể sẽ *không* điều trị bệnh thân, bởi vì chúng tôi là một gia đình xem bất kỳ bệnh tật nào cũng đều là dấu hiệu của thất bại cá nhân, đạo đức và tinh thần.

Ông ta chỉ định tôi dùng một vài thuốc khác nhau - Xanax, Zoloft Wellbutrin, Busperin - cho đến khi chúng tôi tìm thấy một phối hợp không làm tôi buồn nôn hay biến ham muốn tình dục của tôi thành một ký ức xa xăm. Rất nhanh, trong vòng chưa đầy một tuần, tôi đã có thể cảm nhận thêm một tia ánh sáng ban ngày trong tâm trí mình. Ngoài ra, cuối cùng tôi đã có thể ngủ được. Và đó là một món quà thật sự, vì khi ta không thể ngủ, ta không thể thoát ra được khỏi cái vũng lầy - không thể nào. Mấy viên thuốc trả lại cho tôi những giờ ngủ ban đêm có khả năng làm hồi phục và cũng làm tay tôi không run rẩy nữa, giải tỏa cái áp lực đè nặng lên ngực tôi và cái nút báo động trong tim tôi.

Thế nhưng, tôi chưa từng thoải mái khi dùng mấy thứ thuốc đó, dù chúng giúp tôi tức thì. Tôi chưa bao giờ quan tâm ai đã bảo mình mấy thứ thuốc men này là một ý kiến hay và hoàn toàn an toàn; tôi luôn cảm thấy mâu thuẫn trong chuyện này. Không nghi ngờ gì nữa, mấy thứ thuốc đó là chiếc cầu đưa tôi qua bờ bên kia, nhưng tôi muốn thoát khỏi chúng càng sớm càng tốt. Tôi bắt đầu dùng thuốc vào tháng Một năm 2003. Đến tháng Năm, tôi đã giảm liều lượng xuống một cách đáng kể. Dù sao đi nữa, đó là những tháng khó khăn nhất - những tháng cuối cùng của vụ ly dị, những tháng dây dưa cuối cùng với David. Nếu chỉ cảm cự thêm chút nữa, tôi có thể chịu đựng được thời gian đó mà không dùng thuốc không? Tự mình, tôi đã có thể qua khỏi không? Tôi không biết. Đó là vấn đề về sinh mệnh một con người - không có nhóm kiểm soát, tuyệt đối không thể nào biết bất kỳ ai trong chúng ta sẽ ra sao nếu có một biến số nào đó đã thay đổi.

Tôi biết rõ mấy thứ thuốc đó làm cho nỗi bất hạnh của tôi có vẻ bớt thê thảm. Vậy nên tôi biết ơn về điều ấy. Nhưng tôi vẫn hết sức bán tính bán nghi về những dược phẩm thay đổi tâm trạng. Tôi kinh sợ sức mạnh của chúng, nhưng lo lắng khi chúng được sử dụng tràn lan. Tôi nghĩ các dược phẩm này cần được kê toa và sử dụng một cách dè dặt hơn nữa ở đất

nước này, đồng thời không bao giờ được thiếu sự điều trị tư vấn tâm lý song song. Chỉ những người phương Tây cổ điển liều lĩnh mới nghĩ rằng điều trị triệu chứng mà không khảo sát tỉ mỉ nguyên nhân sâu xa của bệnh sẽ khiến cho bệnh nhân nào đó có thể thật sự trở nên khá hơn. Những viên thuốc đó có thể đã cứu đời tôi, nhưng chỉ cùng chung với chừng hai mươi cố gắng khác tôi đã làm đồng thời trong thời gian đó để cứu mình, và tôi hy vọng sẽ không bao giờ phải dùng đến những thứ thuốc như vậy nữa. Nhưng một bác sĩ đã nói rằng tôi có thể phải dùng thuốc chống suy nhược dai dẳng nhiều lần trong đời vì “khuyh hướng u sầu” của tôi. Tôi cầu Chúa là ông ấy lầm. Tôi định làm tất cả những gì có thể để chứng minh là ông ấy lầm, hay ít ra là chống chọi với khuynh hướng u sầu đó bằng mọi biện pháp. Tôi không thể nói được điều này biến tôi thành một kẻ cứng đầu chỉ để tự chuốc lấy thất bại hay chứng đầu để tự bảo tồn.

Nhưng tôi là thế rồi.

Hay, đúng hơn – tôi đây rồi. Tôi đang ở Roma, và tôi đang gặp rắc rối. Mấy tên khủng bố thuê Trầm Cảm và Cô Đơn đột nhập vào đời tôi lần nữa, mà tôi thì chỉ mới uống viên Wellbutrin cuối cùng ba ngày trước. Còn nhiều viên nữa trong ngăn kéo dưới cùng của tôi, nhưng tôi không muốn chúng. Tôi muốn thoát khỏi chúng mãi mãi. Nhưng tôi cũng không muốn hai gã Trầm Cảm và Cô Đơn xung quanh, nên tôi không biết phải làm gì, và tôi lại đang bị cuốn vào cơn hoảng loạn, như vẫn luôn vậy khi không biết phải làm gì. Vậy nên điều đêm nay tôi làm là tìm quyển sổ tay riêng tư nhất vẫn để cạnh giường phòng khi gặp rắc rối khẩn cấp. Tôi mở sổ ra. Tôi tìm được trang trắng đầu tiên. Tôi viết:

“Tôi cần sự giúp đỡ của ngài.”

Rồi tôi chờ đợi. Một lát sau, một lời đáp xuất hiện, bằng chính chữ viết tay của tôi:

Ta ở ngay đây. Ta có thể làm gì cho người?

Và thế là cuộc chuyện trò lạ lùng nhất và bí ẩn nhất của tôi lại bắt đầu. Ở đây, trong cuốn sổ tay riêng tư nhất này, là tôi trò chuyện với chính mình. Tôi nói với chính tiếng nói tôi gặp đêm ấy trên sàn phòng tắm khi lần đầu tiên khóc lóc cầu xin Thượng Đế giúp đỡ, khi một cái đó (hay một ai đó) đã nói, “Đi ngủ lại đi, Liz.” Những năm về sau, tôi lại gặp giọng nói ấy vào những thời khắc hiểm nghèo cấp độ da cam, và tôi biết rằng cách tốt nhất để tiếp cận giọng nói đó là bút đàm. Tôi cũng đã ngạc nhiên nhận ra rằng mình có thể gần như luôn luôn tiếp cận giọng nói đó, bất luận nỗi thống khổ của tôi ảm đạm thế nào. Cả trong nỗi buồn tồi tệ nhất, giọng nói điềm tĩnh, cảm thông, thương yêu và vô vàn sáng suốt đó (mà có lẽ là tôi, hay cũng có thể không đúng là tôi) luôn luôn sẵn sàng cho một cuộc chuyện trò trên giấy và bất kỳ thời điểm nào ngày hay đêm.

Tôi đã quyết định giải thoát mình khỏi lo ngại là độc thoại trên giấy có nghĩa là mình là một kẻ tâm thần phân liệt. Có thể tiếng nói tôi đang hướng đến là của Thượng Đế, cũng có thể là Sư phụ tôi đang nói qua tôi, hay có thể đó là thiên thần được chỉ định cho trường hợp của tôi, hay đó cũng có thể là Bản Ngã Tối thượng của tôi, hay có thể đó thực ra lại chỉ là một ý niệm tiềm thức của tôi, được tôi bày vẽ ra để tự bảo vệ khỏi nỗi giằng vò của chính mình. Thánh Teresa đã gọi những tiếng nói nội tâm thần thánh đó là “những cách phát biểu” – những từ ngữ siêu nhiên đi vào tâm thức một cách tự phát, được diễn dịch ra ngôn ngữ của chính ta và đem lại cho ta nguồn an ủi siêu phàm. Tôi biết rõ Freud có thể sẽ nói về những an ủi tinh thần đó ra sao, đương nhiên – là chúng vô lý và “không đáng để tin tưởng. Kinh nghiệm dạy chúng ta rằng thế giới này không phải là nhà trẻ.” Tôi đồng ý – thế giới không phải là một nhà trẻ. Nhưng chính vì thế giới đầy thử thách đến thế mà *tại sao* thật sự đôi khi ta phải vượt ra khỏi quyền hạn của nó để tìm giúp đỡ, khẩn khoản yêu cầu một uy quyền cao hơn để tìm thấy nguồn an ủi cho mình.

Trong thế giới đầy thử nghiệm tâm linh của mình, không phải lúc nào tôi cũng có đức tin như vậy vào tiếng nói nội tâm minh triết này. Tôi nhớ đã từng tìm cuốn sổ riêng trong sôi trào cuồng giận và buồn phiền cay đắng, rồi nguệch ngoạc một thông điệp cho giọng nói nội

tâm của mình – cho niềm an ủi bên trong thiêng liêng của mình – bằng chữ in trên một trang giấy:

“TA CÓC TIN NGƯỜI!!!!”

Một lát sau, vẫn còn thở khó nhọc, tôi đã cảm thấy một chấm sáng rõ ràng thấp lên trong mình, và rồi tôi thấy mình viết lời đáp buồn cười và hết-sức-bình-tĩnh:

Vậy thì người đang nói chuyện với ai?

Từ đó tôi không còn hoài nghi sự tồn tại của giọng nói ấy nữa. Vậy nên đêm nay tôi lại tìm đến giọng nói ấy. Đây là lần đầu tiên tôi làm điều này từ khi đến Ý. Tối hôm ấy tôi viết trong nhật ký là tôi đang yếu đuối và đầy sợ hãi. Tôi phân trần là hai gã Trầm Cảm và Cô Đơn đã xuất hiện, và tôi sợ chúng sẽ không bao giờ bỏ đi. Tôi nói là tôi không muốn dùng thuốc nữa, nhưng tôi khiếp đảm rằng sẽ phải làm vậy. Tôi kinh hãi là tôi sẽ không bao giờ thật sự làm cuộc sống mình ổn định lại được nữa.

Để đáp lại, đầu đó từ trong tôi trỗi dậy một sự hiện diện giờ đã thân thuộc, đem lại cho tôi tất cả vững tâm tôi vẫn hằng ước một người khác sẽ nói với tôi khi tôi lo âu. Và tôi thấy mình viết cho chính mình trên mặt giấy thế này:

Ta đây. Ta thương yêu người. Ta không cần biết người có cần thuốc có cần thuốc và khóc cả đêm không, ta vẫn sẽ ở lại với người. Nếu người lại cần thuốc, cứ đến lấy mà dùng – ta cũng sẽ yêu thương người kể cả điều đó. Nếu người không cần thuốc, ta cũng sẽ yêu thương người. Người sẽ chẳng bao giờ làm điều gì có thể khiến người đánh mất tình yêu của ta. Ta sẽ bảo vệ người cho đến khi người chết, và sau khi người chết ta sẽ vẫn ở bên người. Ta mạnh hơn Trầm Cảm, dũng mãnh hơn Cô Đơn và sẽ chẳng có gì có thể làm ta ngã gục.

Đêm nay, cử chỉ tình bạn bên trong lạ lùng này – cánh tay giúp đỡ từ tôi chìa ra cho tôi khi mà chẳng có ai xung quanh mang lại niềm an ủi – nhắc tôi về một cái gì đó đã từng xảy ra với mình ở thành phố New York. Một buổi chiều tôi vội vã bước vào một tòa nhà văn phòng, xông vào một thang máy đang chờ. Khi chen vào, tôi chợt thoáng thấy hình ảnh phản chiếu của mình trong một tấm gương an ninh. Trong giây phút ấy nào tôi làm một điều kỳ quặc – nó gửi cấp tốc một thông điệp trong chớp mắt thế này, “Ơ, mình biết cô ta! Đó là một người bạn của mình!” Và tôi quả đã chạy tới phản chiếu của mình với một nụ cười, sẵn sàng chào đón cô gái mình đã quên mất tên nhưng khuôn mặt thì rất thân quen ấy. Trong chớp mắt, dĩ nhiên, tôi nhận ra mình lầm và bối rối cười nhạo sự nhầm lẫn như con mèo nhầm chức năng của một cái gương. Nhưng vì lý do nào đó sự việc ấy lại hiện về trong tâm trí tôi khi tôi đang sâu muộn ở Roma, và tôi thấy mình viết nhắc nhở dễ dàng này ở cuối trang giấy:

Đừng bao giờ quên rằng ngày xưa ngày xưa ấy, trong một phút giây bất ngờ mình đã thừa nhận chính mình là một người bạn.

Tôi ngủ thiếp đi với cuốn sổ ghì trên ngực, mở lòng ra với sự trấn an gần nhất. Buổi sáng khi thức giấc, tôi vẫn còn ngủi thấy một thoáng khói thuốc phảng phất của gã Trầm Cảm còn

rơi rớt lại, nhưng bản thân gã thì biến đâu mất. Đâu đó trong đêm, gã đứng lên và bỏ đi. Và tay bạn thân Cô Đơn của gã cũng cút đi.

Nhưng đây mới là điều kỳ lạ. Từ khi đến Roma tôi có vẻ như không thể tập Yoga. Tôi đã thực hành đều đặn và nghiêm túc trong nhiều năm rồi, và thậm chí còn mang theo tấm thảm tập Yoga, đầy quyết tâm. Nhưng điều đó không xảy ra ở đây. Tôi muốn nói là, tôi sẽ tập những bài căng duỗi Yoga của mình vào lúc nào? Trước buổi điểm tâm món Ý tuyệt vời với bánh ngọt sô cô la và cappuccino đúp của mình ư? Hay sau đó? Trong mấy ngày đầu ở đây, mỗi sáng tôi thường hăng hái trải tấm đệm Yoga của mình ra, nhưng nhận thấy là mình chỉ có thể nhìn nó và cười. Thậm chí có lần tôi đã nói to với mình, trong vai tấm đệm Yoga, “Thôi được, Cô *Penne ai Quattro Formaggi* bé nhỏ... để xem hôm nay cô làm được gì.” Lúng túng, tôi giấu phớt tấm đệm Yoga của mình dưới đáy va li (thành ra tôi chẳng bao giờ trải nó ra cho mãi tới khi đến Ấn Độ). Rồi tôi đi dạo và ăn một ít pistachio gelato. Thứ mà người Ý xem là món hợp lý hoàn hảo để ăn vào 9 giờ 30 sáng, và thành thật mà nói tôi hoàn toàn đồng ý vộih.

Nền văn hóa Roma không khớp với văn hóa Yoga, không, theo như tôi thấy. Thật ra, tôi đã quyết định là Roma và Yoga hoàn toàn không có gì chung cả. Ngoại trừ cái cách cả hai đều gần như làm ta nhớ đến từ *toga*.

Tôi phải làm quen với vài người bạn. Vậy là tôi trở nên khá bận bịu với việc đó, bây giờ là tháng Mười và tôi đã có khá nhiều bạn bè. Giờ thì ngoài mình ra, tôi biết được thêm hai người tên Elizabeth ở Roma nữa. Cả hai là người Mỹ, cả hai đều là nhà văn. Elizabeth thứ nhất là người viết tiểu thuyết và Elizabeth thứ hai là người viết về ẩm thực. Với một căn hộ ở Roma, một căn nhà ở Umbria, một người chồng Ý và một công việc đòi hỏi cô phải đi khắp nước Ý ăn những món ăn và viết lại cho tờ *Gourmet*, hình như Elizabeth thứ hai hẳn là đã cứu rất nhiều trẻ mồ côi khỏi chết đuối trong một kiếp trước. Không lạ gì khi cô biết tất cả những nơi ăn uống ngon nhất ở Roma, kể cả một *gelateria* phục vụ loại bánh pudding gạo đông lạnh (và nếu họ không phục vụ loại này ở thiên đường thì quả thật tôi không muốn đến đó). Mới đây cô dẫn tôi đi ăn trưa, và chúng tôi không chỉ ăn thịt cừu rồi kẹo mềm sô cô la rồi món carpaccio^[16] và tiếp theo là kem mút quả phỉ mà còn thêm một suất ăn nhỏ, lạ là *lampascione* dầm, như mọi người đều biết, thân của hoa dạ lan hương đại.

Tất nhiên, lúc này tôi cũng đã kết bạn với Giovanni và Dario, hai anh em sinh đôi Bạn Giao lưu Xe đạp đôi đẹp trai của tôi. Theo tôi, với sự ngọt ngào của mình, Giovanni là một kho báu của nước Ý. Ngay từ buổi tối gặp gỡ đầu tiên anh đã khiến tôi mến anh mãi mãi. Khi tôi trở nên thất vọng vì không thể tìm ra những từ mình muốn trong tiếng Ý, anh đã đặt tay lên cánh tay tôi và nói, “Liz, chị phải thật nhã nhặn với chính mình khi học hỏi điều gì mới.” Đôi khi tôi cảm thấy như anh già dặn hơn mình, nào là vẻ nghiêm trang rồi thì bằng triết học và những ý kiến chính trị nghiêm túc của anh. Tôi thích chọc anh cười, nhưng không phải lúc nào Giovanni cũng hiểu những câu đùa của tôi. Khó mà nắm bắt được sự hài hước trong một ngôn ngữ thứ hai. Nhất là khi ta lại là một chàng trai trẻ nghiêm túc như Giovanni. Một đêm mới đây anh nói với tôi, “Khi chị châm biếm, tôi luôn sau chị. Tôi chậm hơn. Giống như chị là sét còn tôi là sấm.”

Và tôi nghĩ: *Đúng vậy, anh yêu! Và anh là nam châm còn em là thép! Hãy mang em đến thế giới của anh, hãy lấy đi thế giới của em!*

Ấy vậy mà anh vẫn chưa hôn tôi.

Tôi ít khi thấy Dario, người anh em sinh đôi kia, dù cậu ta dành rất nhiều thời gian với Sofie. Sofie là bạn thân nhất của tôi ở lớp ngoại ngữ, và cô ấy dứt khoát là người mà bạn cũng sẽ muốn được ở bên cạnh, nếu bạn là Dario. Sofie là người Thụy Điển độ ngoài hai mươi và xinh kinh khủng đến nỗi ta có thể để cô ấy vào một lưới câu và dùng cô ấy như một cái mồi để bắt đàn ông thuộc mọi quốc tịch và mọi lứa tuổi. Sofie vừa mới xin nghỉ phép bốn tuần ở chỗ làm ngon lành tại một ngân hàng Thụy Điển, khiến gia đình cô rất hoảng sợ còn đồng nghiệp rất hoang mang, chỉ vì cô ấy muốn đến Roma và học nói tiếng Ý kiều diễm. Mỗi ngày sau giờ học, Sofie và tôi đến ngồi bên sông Tiber, ăn gelato và cùng học. Bạn thậm chí không thể gọi chính xác cái việc chúng tôi đang làm là “học”. Đúng hơn phải là cùng thưởng thức tiếng Ý, gần như một nghi thức sùng tín, và chúng tôi luôn giới thiệu với nhau những cụm từ và câu mới hay tuyệt. Ví như mới đây, chúng tôi vừa học được *un’amica stretta* là “một người bạn thân”. Nhưng *stretta* theo nghĩa đen là chặt, như khi nói về quần áo, ví dụ một cái váy chặt. Nên một người bạn thân, trong tiếng Ý, là một người bạn có thể

ôm chặt lấy và cảm nhận sự ấm áp thoải mái ngay trên da *ta*, và cô Sofie Thụy Điển bé bỏng của tôi đang trở nên như thế đối với tôi...

Lúc đầu, tôi muốn nghĩ Sofie và tôi trông giống như chị em. Thế rồi mới đây khi chúng tôi gọi một chiếc taxi chạy khắp Roma, người lái taxi đã hỏi có phải Sofie là con gái tôi không. Này, mấy anh, cô gái này chỉ nhỏ hơn tôi khoảng bảy tuổi thôi đó. Đầu óc tôi dần sâu vào chế độ biện bạch, cố thanh minh điều ông ấy vừa nói. (Ví dụ, tôi nghĩ, có lẽ người taxi bản xứ Roma này nói tiếng Ý không chuẩn lắm, và có ý hỏi có phải chúng tôi là chị em không.) Nhưng, không. Ông nói con gái và ông ngụ ý là con gái. Ôi, tôi phải nói gì bây giờ? Trong mấy năm vừa qua tôi có vẻ trải qua rất nhiều thứ. Tôi hẳn có vẻ tàn tạ và già đi sau vụ ly dị ấy. Nhưng như ca khúc đồng quê-Viễn Tây cũ vùng Texas ấy, “Tôi đã bị lừa đảo, bị kiện và đánh đập, vậy mà tôi vẫn đang đứng đây trước mặt anh...”

Tôi cũng trở thành bạn của một đôi tuyệt vời là Maria và Giulio, do cô bạn Anne của tôi giới thiệu – một họa sĩ người Mỹ đã sống ở Roma vài năm trước. Maria từ Mỹ, còn Giulio thì từ miền Nam nước Ý. Anh ấy là một nhà sản xuất phim, còn Maria làm việc cho một tổ chức chính sách nông nghiệp quốc tế. Anh nói tiếng Anh không giỏi lắm, nhưng cô thì nói tiếng Ý rất trôi chảy (và còn nói trôi chảy tiếng Pháp và tiếng Trung nữa, nên điều đó không đáng sợ). Giulio muốn học tiếng Anh và hỏi anh có thể thực tập tiếng Anh với tôi trong một Giao lưu Xe đạp đôi khác không. Nếu bạn thắc mắc tại sao anh ấy không chỉ cần học tiếng Anh với cô vợ người Mỹ của mình, thì đó là vì họ là vợ chồng và tranh cãi quá nhiều mỗi khi một người cố chỉ cho người kia bất kỳ điều gì. Nên giờ đây Giulio và tôi gặp nhau vào giờ ăn trưa hai lần mỗi tuần để thực tập tiếng Ý và tiếng Anh của mình; một nhiệm vụ tốt cho hai người không có bất kỳ chuyện gì làm người kia khó chịu.

Giulio và Maria có một căn hộ rất đẹp mà nét ấn tượng nhất của nó, theo tôi là bức tường một lần Maria đã phủ lên những lời nguyên rủa giận dữ dành cho Giulio (nguech ngoạc bằng nét bút lông đen) vì họ đã tranh cãi và “anh ấy hét to hơn tôi” nên cô ấy muốn chen lời vào.

Tôi nghĩ Maria cực kỳ gợi tình, và bức graffiti^[17] mãnh liệt bộc phát này chỉ minh chứng thêm cho điều đó. Tuy nhiên điều thú vị là, Giulio xem bức tường với chữ viết guech ngoạc ấy cho thấy rõ ràng là Maria đã kiềm chế, vì cô viết những câu chữ rửa anh bằng tiếng Ý, mà tiếng Ý là ngôn ngữ thứ hai của cô, thứ ngôn ngữ cô phải suy nghĩ một lát trước khi có thể tìm được từ ngữ. Anh nói nếu Maria đã thực sự cho phép cô giận mất khôn – điều cô *không bao giờ* làm, vì cô là một tín đồ Tin lành gốc Anglo chân chính – cô ấy đã viết đầy cả bức tường bằng tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh rồi. Anh nói tất cả những người Mỹ đều giống như vậy: kiềm chế. Điều này khiến họ nguy hiểm và rất có khả năng chí mạng khi họ đã nổi nóng.

“Một kiểu người hoang dại”, anh chẩn đoán.

Điều tôi rất thích là tất cả chúng tôi có cuộc chuyện trò này trong một buổi ăn tối thư thả dễ chịu, ngồi ngắm bức tường.

“Thêm chút rượu chứ, cưng?” Maria hỏi.

Nhưng bạn tốt nhất của tôi ở Ý là, dĩ nhiên rồi, Luca Spaghetti. Nhân tiện, ngay cả ở Ý người ta cũng thấy có một cái họ như Spaghetti là buồn cười. Tôi biết ơn Luca vì anh ấy đã cho phép tôi cuối cùng trả đũa được anh bạn Brian của mình, người đã rất may mắn lớn lên

ở kế nhà một cậu bé Mỹ bản xứ tên là Dennis Ha-Ha, và vì vậy luôn có thể khoác lác là anh có người bạn với cái tên tuyệt nhất. Cuối cùng, tôi có thể đề nghị cạnh tranh rồi.

Luca cũng nói tiếng Anh rất thạo và là một người sành ăn (trong tiếng Ý là *una buona forchetta* – một cái đĩa tốt), nên anh là người bạn tuyệt vời với một kẻ háu đói như tôi. Anh thường gọi giữa ngày để nói, “Này, tôi đang ở gần cô đây – muốn hẹn nhau uống một tách cà phê không? Hay một đĩa nuôi bò?” Chúng tôi dành rất nhiều thời gian trong các cửa hàng tăng hầm nhỏ bán thịt tại những con hẻm của Roma. Chúng tôi thích mấy cái quán ăn trong ánh đèn huỳnh quang và không có tên bên ngoài đó. Khăn bàn nylon ca rô đỏ. Rượu mùi *limoncello* địa phương. Rượu vang đỏ địa phương. Mì ống được dọn ra nhiều đến không thể tin nổi mà Luca gọi là “những Julius Caesar bé bỏng” – những anh chàng địa phương huênh hoang tự đắc với mu bàn tay lông lá và mái tóc hất ngược ra sau được chăm chút rất kỹ. Một lần tôi nói với Luca, “Tôi thấy hình như những anh chàng này tự xem mình trước hết là người Roma, hai mới đến là người Ý và thứ ba là người châu Âu.” Anh chỉnh tôi, “Không – đầu tiên họ là người Roma, thứ hai là người Roma, và thứ ba cũng là người Roma. Và mỗi người họ là một Hoàng Đế.”

Luca là một nhân viên kế toán thuế. Một nhân viên kế toán thuế Ý, theo chính anh miêu tả, có nghĩa là “một nghệ sĩ”, vì ở Ý có vài trăm luật thuế trong sách và tất cả chúng đều mâu thuẫn với nhau. Vậy nên điều một tờ khai thuế ở đây đòi hỏi một khúc jazz ngẫu hứng. Tôi thấy buồn cười khi anh là một nhân viên thuế, vì có vẻ như đây là một công việc quá cứng nhắc cho một chàng trai quá vui vẻ như thế. Còn Luca thì nghĩ thật buồn cười là có một khía cạnh khác ở tôi – khía cạnh Yoga – mà anh chưa từng thấy. Anh không thể hiểu nổi tại sao trong tất cả các nơi, tôi lại muốn đi Ấn Độ - và đến một Ashram! – trong khi tôi chỉ cần ở lại Ý cả năm, nơi rõ ràng là tôi thuộc về. Mỗi khi anh thấy tôi dùng một khoanh bánh mì chấm hết phần nước sốt còn lại trong đĩa của mình và liếm ngón tay, anh nói, “Cô sẽ ăn gì đây khi đến Ấn Độ?” Đôi khi anh gọi tôi là Gandi, bằng cái giọng giễu cợt nhất, thông thường là khi tôi mở chai rượu thứ hai.

Luca đã đi chu du khá nhiều, dù anh tuyên bố không bao giờ có thể sống ở bất kỳ đâu ngoài Roma, gần mẹ anh, vì anh là một người đàn ông Ý, xét cho cùng – anh có thể nói gì đây? Nhưng không chỉ có *mamma* là người khiến anh quanh quẩn. Anh mới đầu độ tuổi ba mươi, và có một cô bạn gái từ hồi anh còn là thiếu niên đến giờ (cô Giuliana dễ thương mà Luca mô tả một cách trêu mến và thông minh là *acqua e sapone* – “xà phòng và nước” vì sự ngây thơ ngọt ngào của cô ấy). Tất cả bạn bè của anh đều là những người bạn từ thuở ấu thơ, và tất cả đều cùng là hàng xóm. Mỗi Chủ nhật họ cùng xem các trận bóng đá - ở sân vận động hay trong một quán rượu (nếu mấy đội Roma thi đấu ở xa) – và rồi cả bọn mỗi người một ngã về ngôi nhà nơi họ lớn lên để ăn buổi cơm trưa Chủ nhật thật ê hề do mẹ và bà mình nấu.

Tôi cũng sẽ không đi đâu khỏi Roma, nếu tôi là Luca Spaghetti.

Dù vậy, Luca đã đến Mỹ vài lần và thích Mỹ. Anh thấy thành phố New York hấp dẫn nhưng cho rằng mọi người ở đấy làm việc quá cật lực. Tuy nhiên anh thừa nhận họ có vẻ thích thú điều ấy. Trong khi đó người Roma làm việc cật lực nhưng bức tức chuyện đó khủng khiếp. Thứ Luca Spaghetti không thích là thức ăn Mỹ mà anh có thể mô tả trong hai chữ: “Amtrak Pizza”.

Lần đầu tiên trong đời tôi thử ăn ruột cừu sơ sinh là cùng với Luca. Đây là một món đặc sản của Roma. Về thực phẩm, Roma quả thực là một thành phố khá phàm tục, nổi tiếng với thực ăn truyền thống thô như lòng và lười – tất cả các bộ phận của con thú mà người giàu trên miền Bắc ném đi. Mùi vị món ruột cừu non của tôi cũng được, với điều kiện tôi không nghĩ quá nhiều nó là cái gì. Người ta dọn món ruột cừu này với nước sốt đậm đặc, có bơ, thơm ngon mà tự nó cũng đã tuyệt rồi, nhưng ruột thì có một kiểu như... ờ... trước sau như một vẫn là *ruột*. Kiểu như gan, nhưng xộp hơn. Tôi cũng xoay sở được cho đến khi bắt đầu cố nghĩ xem mình có thể mô tả món này thế nào, và tôi tự nhủ: *Nó trông không giống ruột. Thực ra nó trông như sán dây*. Rồi tôi đẩy nó qua một bên và gọi một đĩa xà lách.

“Cô không thích nó à?” Luca hỏi, anh rất thích món này.

“Tôi cá trong đời mình Gandhi chưa bao giờ ăn ruột cừu non,” tôi nói.

“Có thể ông ấy đã ăn.”

“Không, ông ấy không làm vậy, Luca. Gandhi là người ăn chay.”

“Nhưng những người ăn chay *có thể* ăn món này,” Luca cứ khẳng khẳng. “Vì ruột thậm chí không phải là thịt, Liz à. Nó chỉ là phân.”

Phải thú nhận là có đôi khi tôi tự hỏi mình đang làm gì ở đây.

Mặc dù đến Ý để nếm mùi thú vị, trong vài tuần đầu ở đây, tôi cảm thấy một chút kinh hoảng không biết nên làm sao. Thành thật mà nói, thú vui thuần túy không phải là mô hình văn hóa của tôi. Tôi xuất thân từ một dòng họ lâu đời của những người quá cần mẫn. Gia đình mẹ tôi là những nông dân Thụy Điển nhập cư, trong hình chụp họ có vẻ như, nếu như lúc nào đấy trông thấy cái gì vui thú, họ có thể lấy đôi ủng đinh đầu to của mình mà giậm lên nó. (Cậu tôi gọi tất cả bọn họ là “những con bò”.) Gia đình bên bố tôi lại là những người theo Thanh giáo Anh, những người vĩ đại chỉ yêu thích những thú vui ngờ nghệch. Nếu tôi xem cây phả hệ của bố một mạch trở về từ thế kỷ mười bảy, tôi có thể thực sự thấy những họ hàng Thanh giáo với những cái tên như Cẩn Cù và Nhu Mì.

Bố mẹ tôi có một nông trại nhỏ, còn chị tôi và tôi lớn lên đi làm. Chúng tôi được dạy dỗ để làm người đáng tin cậy, trách nhiệm, đứng đầu ở lớp, những cô trông trẻ có tổ chức và hiệu quả nhất trong thị trấn, đúng là những hình mẫu thu nhỏ của một người mẹ nông dân/ y tá làm việc cật lực, một cặp dao nhíp quân dụng Thụy Sĩ con sinh ra có thể làm đủ mọi việc. Trong gia đình chúng tôi có rất nhiều niềm vui, rất nhiều tiếng cười, nhưng các bức tường thì dán đầy các danh sách việc phải làm và tôi chưa bao giờ trải qua hay chứng kiến sự biếng nhác, chưa một lần trong cả đời mình.

Tuy nhiên, nói chung, người Mỹ không có khả năng thả lỏng mình trong thú vui thuần túy. Người Mỹ chúng tôi là một dân tộc mưu cầu giải trí, nhưng không hẳn là một dân tộc tìm kiếm thú vui. Người Mỹ chi bạc tỉ để mua vui bằng tất cả từ sách báo khiêu dâm đến công viên giải trí đến chiến tranh, nhưng điều đó không đúng hoàn toàn là thưởng thức sự yên tĩnh. Người Mỹ ngày càng làm nhiều giờ cật lực hơn, dài hơn và căng thẳng hơn bất kỳ ai trên thế giới ngày nay. Nhưng như Luca Spaghetti chỉ ra, dường như chúng tôi thích vậy. Các thống kê báo động đã khẳng định nhận xét này khi chỉ ra rằng nhiều người Mỹ cảm thấy hạnh phúc và mãn nguyện trong văn phòng hơn là ở nhà mình. Tất nhiên, không thể tránh khỏi là tất cả chúng tôi làm việc quá cật lực, rồi chúng tôi hết hơi và phải nường cả ngày nghỉ cuối tuần trong áo ngủ, ăn hạt ngũ cốc ngay trong hộp và ngáy người nhìn cái ti vi (chuyện này thì trái ngược với làm việc, đúng, nhưng không chính xác là vui thú.) Người Mỹ không thật sự biết làm sao để *không làm gì cả*. Đây là nguyên nhân của cái mâu thuẫn rập khuôn Mỹ buồn thảm hết sức đó – người quản lý cao cấp quá căng thẳng được nghỉ phép nhưng không thể thư giãn.

Một lần tôi hỏi Luca Spaghetti người Ý đi nghỉ có gặp cùng vấn đề đó không. Anh cười dữ đến nỗi gần như đâm xe vào một đài phun nước.

“Ồ, không!” anh nói. “Chúng tôi là những bậc thầy của *bel far niente*.”

Đây là một thành ngữ ngọt ngào. *Bel far niente* là “cái đẹp của không làm gì cả”. Giờ thì nghe này – người Ý luôn có truyền thống là những người làm việc cật lực, nhất là những người lao động nhẩn nại mà người ta gọi là *braccinati* (gọi vậy vì họ chẳng có gì ngoài sức mạnh vũ phu của đôi tay mình – *braccie* – giúp họ sống còn trong thế giới này.) Nhưng ngay

cả trên cái nền làm việc cật lực đó, *bel far niente* vẫn luôn là một lý tưởng được người Ý yêu chuộng. Cái đẹp của không làm gì cả là mục đích của tất cả công việc của ta, là thành tựu cuối cùng mà nhờ nó ta được chúc tụng nhiều nhất. Ta càng có thể không làm gì cả một cách trang nhã và vui tươi hơn, thành tựu cuộc đời ta càng cao hơn. Ta cũng không nhất thiết phải giàu có mới trải nghiệm được điều này. Có một thành ngữ Ý tuyệt vời khác nữa: *l'arte d'arrangiarsi* – nghệ thuật biến không thành có. Nghệ thuật biến một vài thành phần đơn giản thành một bữa tiệc, hay một vài bạn bè nhóm họp thành một lễ hội. Bất kỳ ai có khiếu tạo hạnh phúc cũng có thể làm điều ấy, không chỉ người giàu.

Dù sao, ý thức Thanh giáo về tội lỗi đã ăn sâu trong tôi là một cản trở lớn trong quá trình tìm kiếm thú vui của chính tôi. Tôi có thật sự xứng đáng được hưởng thú vui không? Điều này cũng rất Mỹ - lo lắng không biết hạnh phúc đó có phải do chính mình kiếm được hay không. Hành tinh Quảng cáo ở Mỹ hoàn toàn quay quanh nhu cầu thuyết phục người tiêu thụ còn đang đắn đo rằng đúng, anh chị *đã* thực sự được bảo đảm một đối xử đặc biệt. Lon Bud^[18] này là cho anh đây! Anh xứng đáng nghỉ ngơi hôm nay! Vì anh đáng được thế! Anh đã đi được một chặng đường dài rồi, cưng à! Và người tiêu dùng bản khoản này liền nghĩ. *Được! Cám ơn! Tôi sẽ mua một két sáu lon, mẹ kiếp!* Thậm chí có thể là hai! Và rồi đến cuộc chè chén như thường lệ. Tiếp theo là ăn năn. Mấy chiến dịch quảng cáo đó có lẽ sẽ không hiệu quả như vậy trong nền văn hóa Ý, nơi người ta đã biết rằng mình được quyền hưởng thụ trong cuộc đời này. Câu trả lời ở Ý cho “Anh xứng đáng được nghỉ ngơi hôm nay” sẽ là: *Ừ, rõ rồi. Vậy nên tôi đang định giải lao vào buổi trưa, qua nhà ông và ngủ với vợ ông.*

Có lẽ vì vậy mà, khi tôi nói với bạn bè Ý của mình là tôi đến xứ họ để trải nghiệm bốn tháng hoan lạc thuần túy, họ chẳng có vấn đề gì với chuyện đó. *Complimenti! Vai avanti!* Chúc mừng, họ sẽ nói. Tiến lên. Hạ đo ván mình đi. Xin mời. Chưa từng có ai dó nói, “Cô thật hoàn toàn vô trách nhiệm.” hay, “Thật là một sự buông thả xa xỉ.” Nhưng khi mà người Ý đã cho tôi toàn quyền vui hưởng, tôi vẫn không thể cho chuyện đó qua đi. Trong những tuần đầu ở Ý, tất cả các khớp thần kinh Tin lành của tôi rít lên vì buồn rầu, tìm kiếm một việc để làm. Tôi muốn đón nhận vui thú như lãnh bài tập về nhà, hay một công trình triển lãm khoa học đồ sộ. Tôi bản khoản với những câu hỏi kiểu, “Cách nào tăng tối đa thú vui hiệu quả nhất?” Tôi phân vân không biết mình có nên dành cả thời gian ở Ý trong thư viện nghiên cứu về lịch sử thú vui không. Hay có lẽ mình nên phỏng vấn những người Ý đã trải nghiệm rất nhiều thú vui trong đời họ, hỏi họ xem thú vui của họ đem lại cảm giác ra sao, và rồi viết một bài về đề tài này. (Cách hai dấu cách giữa các chữ, chừa lề ba phân chẳng? Để nộp đầu tiên vào sáng thứ Hai?)

Khi tôi nhận ra câu hỏi duy nhất trong tầm tay là, “*Mình định nghĩa lạc thú như thế nào?*” và rằng mình đang thật sự ở trong một xứ sở nơi mọi người cho phép mình khám phá câu hỏi đó một cách tự do, tất cả đều đã thay đổi. Tất cả đều trở nên... ngon lành. Tất cả những gì tôi phải làm là tự hỏi mình mỗi ngày, lần đầu tiên trong đời, “Hôm nay *mi* muốn thưởng thức cái gì hả, Liz? Cái gì có thể đem lại niềm vui cho *mi* ngay lúc này?” Vì không có chương trình của ai khác để cân nhắc và không có những nghĩa vụ nào khác để lo nghĩ, câu hỏi này cuối cùng trở nên cô đọng và rõ ràng hẳn.

Tôi thú vị khám phá ra điều mình không muốn làm ở Ý một khi đã cấp cho mình giấy phép thưởng thức trải nghiệm ở đây. Ở Ý có rất nhiều biểu hiện vui thú, và tôi không có thời gian để thử tất cả. Ở đây ta gần như phải khai một môn vui thú chính, nếu không sẽ bị ngập

lụt. Nếu vậy, tôi không bước vào thời trang, hay điện ảnh, hay xe hơi đắt tiền, hay trượt tuyết núi Alps. Tôi thậm chí không muốn thưởng lãm nền nghệ thuật phong phú đó nữa. Tôi có phần xấu hổ phải thú nhận chuyện này, nhưng trong suốt bốn tháng ở Ý tôi đã không tham quan lấy *một* viện bảo tàng. (Ôi, bạn ơi, thậm chí còn tệ hơn nữa. Tôi phải tự thú là có đến một viện bảo tàng: Bảo tàng Mì ống Quốc gia ở Roma). Tôi nhận ra rằng tất cả những gì mình thật sự muốn là ăn những món ăn đẹp mắt và nói càng nhiều tiếng Ý đẹp đẽ càng tốt. Chỉ có thế. Vậy là thực ra tôi đã khai một môn đúp chính – nói và ăn (tập trung vào gelato).

Mức độ vui thú mà ăn và nói đem lại cho tôi là không thể ước lượng nổi, nhưng lại rất đơn giản. Một lần giữa tháng Mười tôi đã trải qua một vài giờ có thể dường như chẳng có gì ghé góm đối với người quan sát ngoại cuộc, nhưng là điều tôi sẽ luôn tính vào những giờ phút hạnh phúc nhất đời tôi. Tôi tìm thấy một cái chợ gần căn hộ tôi ở, chỉ cách vài con phố mà không hiểu sao trước đó tôi đã không nhận thấy. Thế rồi tôi tiến lại một quầy hàng rau quả nhỏ có một phụ nữ Ý và cậu con trai đang bán đủ loại nông sản chất lượng của họ - những lá rau bina ngon lành xanh như tảo, cà chua mọng và đỏ thắm đến nỗi trông như nội tạng của con bò, và nho màu rượu sâm banh với lớp vỏ sần chắc như quần áo nịt của mấy cô người mẫu.

Tôi chọn một búi măng tây mỏng, sáng màu. Tôi đã có thể hỏi người phụ nữ Ý, bằng tiếng Ý trôi chảy, tôi có thể mua chỉ một nửa số măng tây này thôi được không. Tôi chỉ có một mình, tôi phân trần với bà – tôi không cần nhiều. Bà nhanh nhẹn lấy chỗ măng tây trong tay và chia làm đôi. Tôi hỏi bà tôi có thể tìm thấy chợ này mỗi ngày cũng ở nơi này không, và bà nói, có, bà ở đây mỗi ngày, từ bảy giờ sáng. Rồi cậu con trai bà, rất kháu khỉnh, nhìn tôi ranh mãnh và nói, “Phải, bà ấy sẽ *cố* ở đây lúc bảy giờ...” Cả ba chúng tôi cùng cười. Toàn bộ cuộc chuyện trò này diễn ra rằng tiếng Ý – một ngôn ngữ mà chỉ vài tháng trước thôi tôi không thể nói được một từ.

Tôi thả bộ về căn hộ của mình và luộc sơ hai quả trứng nâu mới cho bữa trưa. Tôi bóc trứng và xếp lên một cái đĩa bên cạnh bảy cọng măng tây (chúng mảnh và đầy hương vị đến nỗi hoàn toàn không cần phải nấu). Tôi để thêm một ít ô liu vào đĩa, và bốn viên pho mát dê tôi kiếm được hôm qua ở formaggeria^[19] dưới phố, và hai lát cá hồi dầu hồng hồng. Còn tráng miệng – một quả đào dễ thương và vẫn còn ấm nằng Roma mà người đàn bà ở chợ đã biếu không tôi. Trong một lúc lâu sau, tôi thậm chí không thể chạm đến món ăn này vì nó là một bữa ăn trưa kiệt tác, một biểu hiện đích thực của nghệ thuật biến không thành có. Cuối cùng, khi đã hấp thụ đủ đầy vẻ xinh tươi của bữa ăn rồi, tôi đến ngồi trong một khoảng nắng trên sàn gỗ sạch sẽ của mình và bốc ăn hết sạch trong lúc đọc bài trên báo ngày tiếng Ý. Hạnh phúc đang ở trong từng phân tử của tôi.

Cho đến khi – như vẫn thường xảy ra trong những tháng đầu du lịch đó, mỗi khi tôi cảm thấy hạnh phúc như thế - tín hiệu báo động tội lỗi của tôi vang lên. Tôi nghe thấy giọng chồng mình khinh miệt bên tai: “*Vậy ra cô từ bỏ tất cả vì cái này à? Đây là lý do cô đục ruỗng toàn bộ đời sống chung của chúng ta? Chỉ vì một ít cọng măng tây và một tờ báo Ý?*”

Tôi lớn tiếng đáp lời anh ấy, “Trước tiên,” tôi nói, “em lấy làm tiếc, nhưng chuyện này không liên quan gì đến anh nữa. Và thứ hai, để trả lời câu hỏi của anh... *đúng vậy.*”

Một chủ đề rõ ràng liên quan đến cả cuộc kiếm tìm vui thú ở Ý vẫn cần xem xét: *Còn tình dục thì sao?*

Để trả lời câu hỏi đó một cách đơn giản: tôi hoàn toàn không muốn có tình dục khi ở đây.

Để trả lời câu hỏi đó thấu đáo và trung thực hơn – tất nhiên, đôi lúc tôi muốn ghé góm có một chút, nhưng tôi đã quyết định không cho tiết mục đặc biệt tham gia trong một thời gian. Tôi không muốn dan díu với bất cứ ai. Tất nhiên tôi thèm được hôn vì tôi thích hôn. (Tôi phàn nàn chuyện này với Sofie nhiều đến nỗi cuối cùng mới đây cô ấy cáu tiết nói, “Vì Chúa, Liz, nếu trầm trọng đến vậy, *em sẽ hôn chị.*”) Nhưng lúc này tôi sẽ không làm bất cứ điều gì cho chuyện đó cả. Những ngày này khi thấy cô đơn, tôi nghĩ, “*Cứ cô đơn đi, Liz à. Học cách cô đơn đi. Vẽ một bản đồ về nó. Ngồi lại với nó, một lần trong đời. Chào mừng đến trải nghiệm con người. Nhưng đừng bao giờ lại dùng cơ thể hay cảm xúc của người khác làm cái cột mè o cào cho những khát khao không thỏa của mi nữa.*”

Đó là một kiểu chính sách cứu sinh khẩn cấp, hơn là bất kỳ ai khác. Tôi đã bắt đầu tìm kiếm lạc thú và yêu đương từ sớm trong đời. Tôi đã có bạn trai đầu tiên khi chỉ vừa mới đến tuổi dậy thì. Và tôi liên tục có một chàng trai hay một người đàn ông (hay đôi khi cả hai) trong đời mình từ lúc mười lăm tuổi. Đó là, ồ, để xem, khoảng mười chín năm về trước. Đã gần hai thập kỷ liền tôi cứ xoắn vào một loại kịch tính nào đó với một kiểu đàn ông nào đó. Cái này chồng lên cái kia, nhiều đến không có lấy một tuần xả hơi chen giữa. Và tôi không thể không nghĩ nó là một cái gì đó như một cửa nợ trên đường đến trưởng thành của mình.

Hơn nữa, tôi có vấn đề về ranh giới với đàn ông. Hay có lẽ nói vậy không hợp lý. Để có vấn đề về ranh giới, đầu tiên người ta phải có ranh giới, đúng không? Nhưng tôi tan biến vào người tôi yêu. Tôi là một màng thấm. Nếu tôi yêu anh, anh có thể có tất cả. Anh có thể có thời gian của tôi, tận tụy của tôi, cái mộng tôi, tiền tôi, gia đình tôi, chó của tôi, tiền dành cho chó của tôi, thời gian dành cho chó của tôi – *tất cả mọi thứ*. Nếu tôi yêu anh, tôi sẽ mang giùm anh tất cả đống đau của anh, tôi sẽ gánh tất cả nợ nần giùm anh (trong mọi nghĩa của từ này), tôi sẽ che chở anh khỏi bất an của chính anh, tôi sẽ phóng chiếu lên anh tất cả những phẩm chất tốt đẹp anh chưa từng thực sự vun trồng trong anh và tôi sẽ mua quà Giáng sinh cho cả gia đình anh. Tôi sẽ cho anh cả nắng và mưa, và nếu không được, tôi sẽ xin khất lại lần sau. Tôi sẽ cho anh tất cả những thứ này và còn nhiều nữa, cho đến khi tôi trở nên kiệt sức và suy yếu đến nỗi cách duy nhất để nạp lại năng lượng là mê đắm một người khác.

Tôi không nói những thực tế về bản thân này với niềm tự hào, nhưng luôn là vậy đấy.

Một lần đó sau khi chia tay chồng mình, tôi có mặt tại một buổi tiệc và một gã tôi chỉ mới quen thôi nói với tôi, “Cô biết không, cô trông như một người hoàn toàn khác khi cô ở bên cạnh người bạn trai mới này. Cô đã từng trông như chồng cô, nhưng giờ thì cô trông như David. Thậm chí cô ăn mặc như anh ta và nói năng như anh ta. Cô biết một số người trông như chó của họ ra sao không? Tôi nghĩ có lẽ cô luôn trông như những người đàn ông của mình.”

Chúa ơi, tôi có thể lợi dụng chút nghỉ ngơi, tách khỏi cái chu kỳ này, cho mình chút không gian để khám phá xem mình trông thế nào và nói năng ra sao khi không cố nhập thể với một ai đó. Và ngoài ra, hay thành thật nào – nói chung sẽ rất tốt cho xã hội nếu tôi không dính dáng đến chuyện gần gũi giới tính một thời gian. Khi tôi rà lại tình sử của mình, tôi thấy nó có vẻ không khá lắm. Chỉ là thảm họa nối tiếp thảm họa. Còn bao nhiêu kiểu đàn ông khác nhau nữa tôi có thể tiếp tục cố lao vào yêu, và tiếp tục thất bại. Hãy nghĩ theo kiểu này – nếu ta bị mười vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng liên tục, cuối cùng họ có thu bằng lái của ta không? Ta có phần nào *muốn* họ làm vậy không?

Còn có một lý do cuối cùng tôi đang ngần ngại mắc mứu với một ai khác. Thế nào đó mà tôi vẫn còn yêu David, và tôi không nghĩ điều ấy công bằng cho anh chàng kế tiếp. Tôi thậm chí còn không biết liệu David và tôi đã chia tay hẳn rồi hay chưa. Chúng tôi vẫn còn luẩn quẩn bên nhau rất nhiều trước khi tôi đi Ý, dù chúng tôi đã không ngủ với nhau trong một thời gian dài. Nhưng chúng tôi vẫn thú nhận rằng cả hai ôm hy vọng có lẽ một ngày nào đó...

Tôi không biết nữa.

Nhưng điều này thì tôi biết – tôi kiệt sức vì những hệ quả tích lũy của cả đoạn đời với những chọn lựa vội vàng và đam mê hỗn loạn. Khi đến Ý, thể xác và tinh thần tôi đã kiệt quệ. Tôi cảm thấy mình như đất nông trại của một người lính canh tuyệt vọng nào đó, đã bị khai thác quá mức và cần được bỏ hoang một mùa. Vậy nên đó là lý do tôi ra đi.

Hãy tin tôi, tôi ý thức được cái mĩa mai trong chuyện đến Ý tìm kiếm thú vui trong một giai đoạn tự áp đặt tình trạng độc thân. Nhưng tôi vẫn tin rằng sự kiên khem là điều đúng cho mình lúc này. Tôi đặc biệt chắc chắn điều đó vào cái đêm tôi có thể nghe thấy người hàng xóm lầu trên của mình (một cô gái Ý rất xinh với bộ sưu tập boots gót đáng kinh ngạc) có một cuộc làm tình lâu nhất, âm ỉ nhất, sáng khoái nhất, mạnh mẽ nhất, kiệt sức nhất mà tôi từng nghe với một vị khách may mắn cuối cùng đến căn hộ cô ta. Vũ điệu Slam này tiếp diễn trong hơn một giờ, có đủ cả hiệu ứng âm thanh của tiếng thở mạnh và tiếng gọi của thú hoang. Tôi nằm đó chỉ dưới họ một tầng, đơn độc và mệt mỏi trên giường, và tôi chỉ có thể nghĩ được là: *Nghe như có hết sức nhiều việc...*

Tất nhiên đôi khi tôi thật sự bị cảm giác thèm khát giày vò. Mỗi ngày tôi đi ngang qua trung bình một tá đàn ông Ý mà tôi có thể dễ dàng tưởng tượng họ đang trong giường tôi. Hay trong giường họ. Hay bất kỳ đâu. Đối với khẩu vị của tôi, đàn ông Roma xinh đẹp đến nức cười, tai quái và ngớ ngẩn. Thành thật mà nói, thậm chí còn đẹp hơn phụ nữ Roma. Đàn ông Ý đẹp như phụ nữ Pháp đẹp, nghĩa là – không bỏ sót một chi tiết nào trong cuộc theo đuổi sự hoàn hảo. Họ giống như chó xù trình diễn. Đôi khi họ trông tuyệt đến nỗi tôi muốn vỗ tay khen ngợi. Đàn ông ở đây, vì vẻ đẹp của họ, buộc tôi phải nhờ đến lối khoa trương cường điệu của tiểu thuyết lãng mạn để mô tả họ. Họ “hấp dẫn kinh khủng” hay “đẹp trai tàn bạo” hay “cường tráng đáng ngạc nhiên”.

Tuy vậy, nếu giờ tôi có thể thú nhận điều gì đó không lấy làm hãnh diện cho lắm, thì đó là chuyện những người đàn ông Roma trên phố này không thật sự nhìn tôi đến lần thứ hai. Thậm chí nhiều người còn không nhìn lấy một cái, cũng vì họ đã quá đẹp. Mới đây tôi thấy chuyện này hơi đáng báo động. Trước đây tôi đã từng đến Ý, hồi mười chín tuổi, và điều tôi nhớ là liên tục bị những người đàn ông trên phố quấy rối. Cả trong tiệm bánh pizza. Cả

trong rạp chiếu phim. Cả ở Vatican. Chuyện đó bất tận và khủng khiếp. Nó thường là một của nợ thật sự khi du lịch ở Ý, cái gì đó gần như có thể làm cho ta ăn mất ngon. Giờ thì, ở tuổi ba mươi tư, tôi đang rõ ràng là vô hình rồi. Dĩ nhiên, thỉnh thoảng một người đàn ông sẽ nói với tôi một cách thân thiện. “*Trông cô hôm nay đẹp quá, signorina,*” nhưng chuyện này không thường lắm và không bao giờ trở nên hăng hái. Và tuy rằng dứt khoát là dễ chịu, dĩ nhiên, khi không bị một kẻ lạ ghê tởm sờ soạng trên xe buýt, nhưng người ta có lòng tự trọng phụ nữ của mình mà, và người ta phải thắc mắc, *Cái gì đã thay đổi ở đây? Tôi? Hay là họ?*

Nên tôi hỏi quanh, và tất cả mọi người đều đồng ý là, đúng, đã có một thay đổi thực sự ở Ý trong vòng mười mười lăm năm qua. Có lẽ đó là một chiến thắng của nữ quyền, hay một tiến hóa của văn hóa, hay những tác động tất yếu của hiện đại hóa khi tham gia Liên minh châu Âu. Hay có lẽ chỉ đơn giản là sự bối rối từ phía những người đàn ông trẻ về tính dâm dật bỉ ổi của cha ông họ. Dù sao, bất luận là nguyên nhân nào, hình như cả xã hội Ý đã thấy kiểu hành vi theo đuôi và quấy rầy phụ nữ là không thể chấp nhận được nữa. Không chỉ cô bạn trẻ dễ thương Sofie của tôi bị quấy rối trên phố, mà những cô gái Thụy Điển trông như những cô gái vắt sữa cũng đã từng thật sự phải chịu chuyện tồi tệ nhất đó.

Để kết luận – dường như đàn ông Ý đã giành được cho mình Giải thưởng Tiến bộ nhất.

Thật nhẹ nhõm, vì trong một thời gian tôi đã e nguyên nhân từ phía *tôi*. Ý tôi là, tôi sợ có lẽ mình không được ai chú ý cả vì mình không còn ở tuổi mười chín và không còn xinh xắn nữa. Tôi sợ có lẽ người bạn Scotland của mình đã đúng khi mùa hè năm ngoái anh ấy nói, “A, đừng lo, Liz – mấy gã Ý đó sẽ không quấy rầy bồ nữa đâu. Không phải như ở Pháp, nơi tụi nó chú ý tới cả mấy cô gái già.”

Chiều qua tôi đi xem một trận bóng đá với Luca Spaghetti và các bạn anh. Chúng tôi đến đó để xem đội Lazio chơi. Ở Roma có hai đội bóng – Lazio và Roma. Sự tranh đua giữa các đội và những người hâm mộ của họ rất dữ, và còn có thể chia rẽ những gia đình êm ấm cùng xóm giềng thanh bình thành những vùng nội chiến. Điều quan trọng là ta phải chọn làm một cổ động viên của Lazio hay Roma từ đầu đời, vì việc này sẽ quyết định, phần lớn, ta sẽ đàn đúm với ai mỗi chiều Chủ nhật trong suốt phần đời còn lại của mình.

Luca có một nhóm chừng mười người bạn thân thương yêu nhau như anh em. Chỉ có điều một nửa trong số họ là cổ động viên của Lazio và một nửa còn lại là cổ động viên của Roma. Thực sự họ không thể tránh được điều đó; tất cả họ đều sinh ra trong những gia đình nơi lòng trung thành đã được thiết lập. Ông của Luca (người tôi hy vọng mọi người biết là Nonno Spaghetti) đã cho cậu cái áo nịt len Lazio xanh da trời đầu tiên khi cậu bé mới chập chững biết đi. Như thế Luca sẽ là một cổ động viên của Lazio cho đến chết.

“Chúng tôi có thể thay vợ,” anh nói. “Chúng tôi có thể đổi việc, đổi quốc tịch và thậm chí tôn giáo của mình, nhưng chúng tôi không bao giờ có thể đổi đội bóng của mình.”

Nhân đây, từ “cổ động viên” trong tiếng Ý là *tifoso*. Có gốc từ typhus – bệnh sốt Richkettisia. Nói cách khác – người bị sốt dữ dội.

Đối với tôi trận bóng đầu tiên tôi xem với Luca Spaghetti là một đại tiệc tiếng Ý cuồng nhiệt. Trong sân vận động đó tôi đã học được mọi loại từ mới và thú vị mà người ta không dạy ta ở trường. Một người đàn ông lớn tuổi ngồi cạnh tôi đang xâu một vòng hoa lồng lầy đầy lời chửi rủa khi ông ta gào thét xuống phía các cầu thủ trên sân. Tôi không biết nhiều lắm về bóng đá, nhưng dĩ nhiên tôi không phí thời gian hỏi Luca những câu hỏi ngớ ngẩn về chuyện gì đang xảy ra ở sân bóng. Tôi cứ hỏi mỗi một điều là, “Luca, gã bên cạnh tôi vừa nói gì vậy? *Cafone* là gì?” Và Luca – không hề rời mắt khỏi sân bóng – đáp, “Đồ khốn. Nghĩa là đồ khốn.”

Tôi ghi lại từ đó. Rồi nhắm mắt và lắng nghe thêm chút nữa bọc bạch của ông già, nó đại loại thế này:

Dai, dai, dai, Albertini, dai... va bene, va bene, ragazzo mio, perfetto, bravo, bravo... Dai! Dai! Dai! Via! Nella porta! Eccola, eccola, eccola, mio bravo ragazzo, caro mio, eccola, ecco – AAAHHHHHHHHH!!! VAFFANCULO!!! FIGLIO DI MIGNOTTA!! STRONZO! CAFONE! TRADITORE! Madonna... Ah, Dio mio, perché, perché, perché, questo è stupido, è una vergogna, la vergogna... Che casino, che bordello... NON HAI UN CUORE, ALBERTINI! FAI FINTA! Guarda, non è successo niente... Dai, dai, ah... Molto migliore Albertini, molto migliore, sì sì sì, eccola, bello, bravo, anima mia, ah, ottimo, eccola adesso... nella porta, nella porta, nell – VAFFANCULO!!!!!!

Tôi có thể thử dịch ra thế này:

Lên, lên, lên nào, Albertini, lên nào... OK, OK, chàng trai của ta, hoàn hảo, xuất sắc, cừ lắm... Tiếp đi! Tiếp tục đi! Lên! Lên! Vào gôn đi! Đây rồi, đây rồi, tới rồi, chàng trai tài giỏi của ta, cưng ời, đó đó, đó rồi, đó – AHHHH! CHẾT ĐI CHO RỒI! THẮNG CHÓ! THẮNG ĐẦN! ĐỒ KHỐN! ĐỒ PHẢN BỘI!...Lạy Đức Mẹ... Ôi trời ời, tại sao, tại sao, tại sao, thật ngu ngốc, xấu hổ, xấu hổ quá... Thật là lộn xộn... [Ghi chú của tác giả: không may là không có cách nào hay để dịch sang tiếng Anh cái từ Ý thật hoang đường che casino và che bordello mà nghĩa đen là “quả là một cái sòng bạc”, và “quả là một cái nhà thổ,” nhưng về cơ bản có nghĩa là “quả là một lũ ma lanh chết tiệt.”] MÀY KHÔNG CÓ TIM, ALBERTINI!!!! MÀY LÀ MỘT KẺ LỪA ĐẢO! Nhìn coi, chẳng có gì xảy ra cả... Đi đi, đi nào, này, đúng rồi... Khá hơn nhiều rồi, Albertini, khá hơn nhiều rồi, đúng rồi, đúng rồi, ừ, thế thế thế, đẹp lắm, xuất sắc, ôi trời, cừ lắm, giờ thì nó đây rồi... nhắm vào gôn, nhắm vào gôn vô – MEJEEEEEE KIEESPPPPPPPP!!!

Ôi chao, được ngồi ngay trước mặt người đàn ông này quả là giây phút tuyệt vời và may mắn trong đời tôi. Tôi thích mỗi từ thốt ra từ miệng ông. Tôi muốn ngả đầu vào lòng ông và để ông xối những tiếng nguyên rửa hùng biện của ông vào tai mình mãi mãi. Mà không chỉ có ông! Cả sân vận động cũng đầy những độc thoại như vậy. Trong cơn sốt cao đến thế! Mỗi khi trên sân có một vụ xử oan trầm trọng nào đó, cả sân vận động nhóm dậy, người đàn ông nào cũng khoát tay tức giận và chửi rửa, như thế tất cả 20.000 người họ đang trong một cuộc cãi lộn do va chạm trên đường. Các cầu thủ Lazio cũng không kém phần kịch tính như cổ động viên của mình, lẫn lộn trên sân đấu đón như những cảnh chết chóc trong phim Julius Caesar, hoàn toàn bị đẩy về tuyến sau, thế rồi hai giây sau chồm lên thực hiện một đợt tấn công mới vào khung thành.

Dù sao thì đội Lazio cũng đã thua

Luca Spaghetti, vì cần lên tinh thần sau trận đấu, đã hỏi bạn bè, “Chúng ta đi chơi chứ?”

Tôi tưởng điều đó có nghĩa là, “Chúng ta đến quán rượu chứ?” Đó là điều các cổ động viên thể thao ở Mỹ thường làm nếu đội họ vừa thua. Họ đến một quán rượu rồi ăn uống. Mà không chỉ người Mỹ làm vậy – người Anh, người Úc, người Đức... cũng thường làm thế, tất cả mọi người, đúng không? Nhưng Luca và các bạn anh không đến quán rượu để lên tinh thần. Họ đến một hiệu bánh mì. Một hiệu bánh mì nhỏ, vô thưởng vô phạt khuất bên trong một tầng hầm tại một quận ẩn khuất ở Roma. Đêm Chủ nhật đó ở đây rất đông người. Mà ở đây vẫn luôn đông sau các trận đấu. Cổ động viên Lazio luôn dừng ở đây trên đường từ sân vận động về nhà để đứng hàng giờ giữa phố, ngả người tựa trên xe máy của họ, bình luận về trận đấu, trông như những bậc trượng phu hết sức, và rồi *ăn bánh xốp kem*.

Tôi yêu nước Ý.

Mỗi ngày tôi học thêm khoảng hai mươi từ Ý. Tôi học suốt, vừa lướt xem mấy cái phiếu ghi từ mới trong lúc dạo phố, vừa né mấy người địa phương đi bộ. Tôi lấy đầu ra chỗ trong óc để chứa những từ này à? Tôi hy vọng là có lẽ đầu óc tôi đã quyết định dọn dẹp một số ý nghĩ tiêu cực và ký ức buồn thảm, thay thế chúng bằng những từ ngữ mới sáng chói này.

Tôi tích cực học tiếng Ý, nhưng tôi vẫn cứ hy vọng một ngày nó sẽ hé lộ cho tôi, toàn thể, hoàn hảo. Một ngày tôi sẽ mở miệng và nói trôi chảy như có phép lạ. Rồi tôi sẽ là một cô gái Ý thật sự, thay vì là một người Mỹ hoàn toàn vẫn không thể nghe thấy ai đó từ bên kia đường gọi bạn mình là Marco mà không hề muốn thét lại một cách bản năng, “*Pollo!*” Tôi ước gì tiếng Ý đơn giản là ở trong tôi. Nhưng ngôn ngữ này cũng có rất nhiều khuyết điểm. Ví dụ, tại sao những từ Ý như “cây” và “khách sạn” (*albero* với *albergo*) lại giống nhau đến thế? Vì vậy mà tôi lỡ lời nói với mọi người là mình lớn lên ở “một nông trại khách sạn Giáng sinh” thay vì mô tả chính xác hơn và ít siêu tự nhiên hơn là “nông trại cây Giáng sinh”. Và rồi có những từ có hai hay thậm chí đến ba nghĩa. Ví dụ: *tasso*. Nó có thể nghĩa là lái suốt, con lửng, hoặc cây thủy tùng. Tùy vào ngữ cảnh, tôi nghĩ. Điều làm tôi bực bội nhất là khi tình cờ gặp những từ tiếng Ý, quả thực – tôi ghét phải nói điều đó – xấu xí. Tôi xem đó gần như là một lăng mạ cá nhân. Tôi xin lỗi, nhưng tôi không đi cả một ngày ấy đường đến Ý để học nói một từ như *schermo* (màn hình).

Nhưng về đại thể thì đáng giá lắm. Chủ yếu đó là một niềm vui thanh khiết. Giovanni và tôi đã có một thời gian rất vui vẻ chỉ cho nhau các thành ngữ tiếng Anh và tiếng Ý. Một tối mới đây chúng tôi đang nói về các cụm từ người ta sử dụng khi cố an ủi ai đó đang đau buồn. Tôi bảo anh là trong tiếng Anh đôi khi chúng tôi nói, “Tôi đã từng đến đó.” Ban đầu, anh chưa hiểu điều này – *Tôi đã từng đến đâu?* Nhưng tôi giải thích là nỗi buồn sâu thẳm đôi khi gần giống như một địa điểm cụ thể, một tọa độ trên bản đồ thời gian. Khi ta đang đứng trong khu rừng sâu muộn đó, ta không thể hình dung rằng có thể lúc nào đó ta tìm được đường đến một nơi tốt đẹp hơn. Nhưng nếu ai đó có thể quả quyết với ta rằng chính họ cũng đã đứng ở nơi đó, và giờ đã tiến lên, đôi khi điều ấy sẽ mang lại hy vọng.

“Vậy ra nỗi buồn là một nơi chốn?” Giovanni hỏi.

“Đôi khi người ta sống ở đó nhiều năm trời,” tôi nói.

Đáp lại, Giovanni bảo tôi là để cảm thông người Ý nói *L'ho provato sulla mia pelle*, nghĩa là “Tôi cũng đã nếm trải chuyện này trên chính da thịt mình.” Nghĩa là, tôi cũng đã bị cháy hay thành sẹo theo cách đó, và tôi biết chính xác bạn đang trải qua điều gì.

Dù sao thì, cho đến giờ, cái tôi thích nói nhất trong tiếng Ý một từ đơn giản, thông dụng:

Attraversiamo.

Nghĩa là “Hãy cùng băng qua nào.” Bạn bè nói với nhau từ này liên tục khi đi dọc vỉa hè và quyết định đã đến lúc sang bên kia đường. Theo nghĩa đen thì đây là một từ của người đi bộ. Chẳng có gì đặc biệt cả. Ấy thế mà, không hiểu sao, từ này thấm ngay vào tôi. Lần đầu tiên

Giovanni nói với tôi từ đó là lúc chúng tôi đang đi dạo gần Colosseum. Đột nhiên tôi nghe thấy anh nói cái từ đẹp đẽ đó, và tôi sửng lại, hỏi, “Từ ấy nghĩa là gì? Anh vừa nói cái gì?”

“Attraversiamo.”

Anh không thể hiểu nổi tại sao tôi thích từ đó đến vậy. *Hãy băng qua đường nào?* Nhưng trong tai tôi, nó là một kết hợp những âm thanh Ý hoàn hảo. Âm *a* mở đầu đằm chiêu, âm rung ngân vang, chữ *s* êm dịu, rồi cái ban nhạc jazz. “e-a-mo” vẫn vương ở cuối. Tôi thích từ này. Giờ thì tôi cứ nói từ này suốt. Tôi chế ra mọi có để nói từ đó. Và Sofie phải nổi cáu. *Cùng băng qua đường nào! Cùng băng qua đường nào!* Tôi liên tục kéo cô ấy tới lui khắp nơi giữa giao thông điên rồ của Roma. Tôi sắp làm cho cả hai chết vì cái từ này.

Từ yêu thích của Giovanni trong tiếng Anh là *halfassed*^[20].

Của Luca Spaghetti là *surrender*^[21].

Những ngày này khắp châu Âu đang diễn ra một cuộc tranh giành quyền lực. Một số thành phố đang cạnh tranh với nhau để xem ai sẽ nổi lên như một thủ phủ châu Âu thế kỷ hai mươi mốt hùng mạnh. Sẽ là London? Paris? Berlin? Zurich? Hay Brussels, trung tâm của liên minh non trẻ? Tất cả họ đều nỗ lực vượt lên hẳn những thành phố kia về văn hóa, kiến trúc, chính trị, tài chính. Nhưng Roma, phải nói là không bận tâm đến chuyện tham gia vào cuộc đua địa vị. Roma không cạnh tranh. Roma chỉ dõi theo tất cả sự nhặng xị và tranh giành, hoàn toàn điềm nhiên, lộ một vẻ như: *Này, cứ làm bất cứ gì các anh muốn, nhưng tôi vẫn là Roma*. Tôi cảm thấy xúc động vì sự tự tin vương giả của thành phố này, vững chắc và toàn vẹn đến thế, hoan lạc và tráng lệ đến thế, bởi nàng tin vẫn được bảo bọc an toàn trong lòng bàn tay của lịch sử. Tôi muốn được như Roma khi về già.

Hôm nay tôi làm một chuyến dạo chơi sáu tiếng đồng hồ khắp thành phố. Làm chuyện này thì thật dễ dàng, nhất là khi ta thường xuyên dùng để nạp nhiên liệu bằng espresso và bánh ngọt. Tôi bắt đầu từ cửa căn hộ của mình, rồi thơ thẩn khắp trung tâm mua sắm quốc tế là hàng xóm của mình. (Tuy nhiên tôi không thể gọi chính xác đây là hàng xóm theo nghĩa truyền thống. Ý tôi là, nếu đây là hàng xóm, vậy thì hàng xóm của tôi là những-người-rất-đổi-bình-thường-giản-dị với những cái tên như Valentino, Gucci và Armani). Nơi này xưa nay vẫn là một quận thượng lưu. Rubens, Tennyson, Stendhal, Balzac, Liszt, Wagner, Thackeray, Byron, Keats – tất cả họ đều đã từng lưu lại đây. Tôi đang ở nơi người ta vẫn gọi là “Khu Người Anh”, tất cả những nhà quý tộc sang trọng đã nghỉ ngơi nơi đây khi thực hiện những chuyến du hành lớn khắp châu Âu của mình. Một câu lạc bộ du lịch Luân Đôn được gọi chính xác là “Hội Tay chơi tài tử” – hãy hình dung cái *quảng cáo* rằng ta là một tay chơi tài tử! Ôi, quả là một cái sự trơ tráo huy hoàng...

Tôi tới Piazza del Popolo có những cổng vòm lớn. Berini đã chạm khắc để tỏ lòng tôn kính chuyến viếng thăm lịch sử của Nữ hoàng Thụy Điển Christina (người thực sự là một trong những quả bom nowtron của lịch sử. Cô bạn Thụy Điển Sofie của tôi đã miêu tả nữ hoàng vĩ đại như thế này: “Bà có thể cưỡi ngựa, bà có thể đi săn, bà là một học giả, bà trở thành một tín đồ Công giáo và đó là một vụ tai tiếng ghê gớm. Một số người nói bà là đàn ông, nhưng chỉ ít có lẽ bà cũng là một người đồng tính. Bà mặc quần dài, bà đến các điểm khai quật khảo cổ, bà sưu tầm nghệ thuật và bà từ chối để lại một người thừa kế.”) Kế cổng vòm là một nhà thờ ta có thể vào tự do và chiêm ngưỡng hai bức họa của Caravaggio miêu tả cảnh tử vì đạo của Thánh Peter và cảnh cải tâm của Thánh Paul (trần ngập ân sủng đến nỗi ngài ngã xuống đất trong trạng thái ngây ngất thần thánh, ngay cả con ngựa của ngài cũng không tin nổi điều đó). Những bức tranh của Caravaggio ấy luôn khiến tôi rung rung muốn khóc và choáng ngợp, nhưng để tinh thần phần chấn trở lại tôi sang phía bên kia nhà thờ và thưởng lãm một bức bích họa miêu tả cảnh Chúa Hài Đồng bé nhỏ hạnh phúc nhất, gốc gác nhất, hay cười rúc rích nhất trong cả Roma.

Tôi bắt đầu đi veefp hía Nam lần nữa. Tôi đi qua Palazzo Borghese, tòa nhà đã từng biết mặt không biết bao nhiêu người thuê nhà nổi tiếng, kể cả Pauline, người em gái tai tiếng của Napoleon, người đã âm thầm giữ không biết bao nhiêu là nhân tình ở đây. Bà cũng thích

dùng những cô hầu làm ghế kê chân. (Người ta luôn hy vọng mình đọc sai câu này trong *Số tay hướng dẫn đến Roma*, nhưng, không – chính xác là vậy. Người ta còn kể Pauline cũng thích được “một người da đen khổng lồ” bế đi tắm.) Rồi tôi tản bộ dọc hai bờ sông Tiber rộng lớn, có đầm lầy, mang về thôn dã, một mạch đến đảo Tiber, một trong những nơi yên tĩnh ưa thích của tôi ở Roma. Đảo này luôn gắn liền với việc chữa bệnh. Sau một trận dịch bệnh vào năm 291 trước Công nguyên người ta đã xây ở đây đền Aesculapius; vào thời Trung cổ một nhóm tu sĩ gọi là Fatebenefratelli (có thể dịch một cách hấp dẫn là “Những Huynh Đệ Làm Việc Thiện”) xây dựng ở đây một bệnh viện; và trên đảo có một bệnh viện thậm chí còn đến ngày nay.

Tôi qua sông đến Trastevere – vùng phụ cận mà người ta tuyên bố là nơi cư ngụ của những người La Mã chân chính nhất, những người thợ, những anh chàng qua nhiều thế kỷ đã xây tất cả các đài tưởng niệm trên bờ kia của Tiber. Tôi ăn trưa trong một quán ăn yên tĩnh ở đây, rồi nhâm nhi thức ăn và rượu hàng giờ vì sẽ chẳng có ai ở Trastevere này cản ta ăn uống dềnh dàng nếu đó là điều ta muốn. Tôi gọi một loại *bruschette*^[22], một ít *spaghetti cacio e pepe* (món đặc sản giản dị của Roma là mì ống phục vụ kèm phô mát và tiêu) và rồi một con gà quay nhỏ mà cuối cùng tôi phải chia với con chó đi lạc cứ đứng nhìn tôi ăn theo cái kiểu chỉ có chó lạc mới thế.

Rồi tôi đi trở lại qua cầu, dọc khu Do Thái cũ, một nơi hết sức buồn thảm đã tồn tại nhiều thế kỷ trước khi bị Đức Quốc xã dọn sạch. Tôi đi trở lại phía Bắc, ngang qua Piazza Navona với cái đài phun nước khổng lồ để tỏ lòng tôn kính bốn con sông vĩ đại của Hành tinh Trái đất (thật tự hào, nếu không thì là hoàn toàn chính xác, trong danh sách đó có cả con sông Tiber lưng lờ). Rồi tôi đến thăm đền Pantheon. Tôi cố xem đền Pantheon mỗi khi có cơ hội, vì suy cho cùng thì tôi đang ở Roma đây, là một câu tục ngữ cổ nói ai đến Roma mà không chiêm ngưỡng Pantheon là “đi rồi về như một con lừa.”

Trên đường về nhà tôi đi vòng một chút và dừng lại ở một địa chỉ ở Roma mà tôi thấy làm xúc động kỳ lạ nhất – Augusteum. Đồng gạch lớn, hình tròn và điêu tàn này bắt đầu cuộc đời mình là một lăng mộ tráng lệ mà Octavian Augustus đã cho xây để gìn giữ thi hài ông và thi hài gia đình ông mãi mãi. Chắc hẳn lúc đó vị hoàng đế này khó mà hình dung được Roma có thể là gì khác mà không phải là một đế quốc tôn thờ Augustus hùng cường. Làm sao ông ấy lại có thể thấy trước sự sụp đổ của một vương quốc? Hay biết rằng, với tất cả cống hiến nước bị người dã man phá hủy và những con đường bỏ phế điêu tàn, thành phố sẽ vắng bóng người, và phải mất đến gần hai mươi thế kỷ Roma mới thu hồi được dân cư mà nàng đã từng khoe khoang trong đỉnh vinh quang của mình?

Lăng tẩm Augustus đã rơi vào cảnh đổ nát và trộm cắp trong đêm trường Trung cổ. Ai đó đã trộm tro của hoàng đế - không thể nào biết được là ai. Tuy nhiên, đến thế kỷ mười hai, người ta đã sửa sang di tích lại thành một pháo đài cho dòng họ Colona hùng cường, để bảo vệ họ khỏi những cuộc tấn công của những chàng hoàng tử tham chiến khác nhau. Rồi thế nào đó mà Augusteum biến thành một vườn nho, rồi một vườn Phục hưng, rồi một trường đấu bò (lúc này chúng ta đang ở thế kỷ mười tám), rồi một kho chứa pháo hoa, rồi một phòng hòa nhạc. Vào những năm 1930, Mussolini thuê tóm cơ ngơi này và cho phục chế lại những nền móng cổ điển để một ngày nào đó có thể là nơi yên nghỉ cuối cùng cho thi hài của ông ta. (Lại là thế, vào thời đó chắc hẳn ông ta không thể nào hình dung được Roma có thể là cái gì khác mà không phải là đế quốc tôn thờ Mussolini.) Tất nhiên, giấc mộng phát xít

của Mussolini không kéo dài, và ông ta cũng không có được sự chôn cất đế vương mà ông ta trông đợi).

Ngày nay Augusteum là một trong những nơi tĩnh lặng và đơn độc nhất ở Roma, vùi sâu dưới lòng đất. Thành phố đã phát triển bên trên nó qua nhiều thế kỷ. (Một inch mỗi năm là kinh nghiệm chung cho việc tích lũy những mảnh vỡ của thời gian). Giao thông bên trên di tích quay trong một vòng tròn cuồng nhiệt, và chẳng bao giờ có ai xuống đây – theo chỗ tôi biết – trừ chuyện dùng nơi này như một nhà vệ sinh công cộng. Nhưng tòa nhà vẫn tồn tại, gìn giữ mảnh đất La Mã cùng với phẩm giá, đợi ngày tái sinh.

Tôi thấy sự cam chịu của Augusteum thật khiến ta vững lòng, rằng công trình này, với một cuộc đời thăng trầm đến thế, vậy mà vẫn luôn thích nghi với những đảo điên khốn đốn của thời đại. Đối với tôi, Augusteum như một người đã trải qua một cuộc đời hoàn toàn không êm ả - khởi đầu có thể chỉ là một bà nội trợ, nhưng rồi đột nhiên trở thành góa phụ, rồi mấy trò múa quạt để kiếm sống, cuối cùng không hiểu sao thành nữ nha sĩ đầu tiên trong không gian vũ trụ, rồi lại thử nhúng tay vào chính trị quốc gia – vậy nhưng vẫn xoay sở giữ vững được ý thức bản thân nguyên vẹn qua mọi thăng trầm.

Tôi nhìn Augusteum, và nghĩ rằng suy cho cùng, có lẽ cuộc sống của mình không thực sự hỗn loạn *đến thế*. Chỉ có thế giới này mới hỗn loạn, mới đem đến cho tất cả chúng ta những đổi thay mà không ai có thể tiên liệu. Augusteum nhắc tôi không bám víu vào bất kỳ ý niệm lỗi thời nào về việc tôi là ai, tôi đại diện cái gì, tôi thuộc về ai, hay trách nhiệm nào đó tôi có thể đã từng định phục vụ. Thật vậy, hôm qua tôi có thể là một đài tưởng niệm lộng lẫy đối với ai đó, không nghi ngờ gì nữa, nhưng ngày mai tôi có thể là một kho chứa pháo hoa. Ngay cả trong Thành phố Vĩnh cửu, Augusteum thầm lặng nói, ta cũng phải luôn chuẩn bị mình cho những làn sóng chuyển hóa náo loạn và bất tận.

Tôi đã gọi đi trước cho mình một thùng sách, ngay trước khi rời New York đến Ý. Người ta bảo đảm cái thùng sẽ tới căn hộ của tôi ở Roma trong vòng bốn đến sáu ngày, nhưng tôi nghĩ bưu điện Ý chắc đã hiểu sai hướng dẫn là “bốn mươi sáu ngày”, vì đã hai tháng trôi qua rồi, tôi chẳng thấy bóng dáng thùng sách của mình đâu. Mấy người bạn Ý khuyên tôi dẹp quách cái thùng sách ra khỏi đầu đi. Họ nói rằng cái thùng có thể đến hoặc có thể không đến, nhưng những chuyện như vậy ta không kiểm soát được.

“Có khi ai đó đã đánh cắp nó rồi chẳng?” Tôi hỏi Luca Spaghetti. “Bưu điện có để thất lạc không?”

Anh che mắt. “Đừng hỏi những câu này,” anh nói. “Cô sẽ chỉ làm mình bực bội thôi.”

Bí ẩn về cái thùng sách thất lạc của tôi một tối đã gợi nên một cuộc thảo luận dài giữa tôi, người bạn Mỹ Maria và chồng cô ấy, Giulio. Maria cho rằng trong một xã hội văn minh lẽ ra người ta có thể trông cậy vào những chuyện như bưu điện phát thư nhanh chóng, nhưng Giulio xin phép có ý kiến khác. Anh trình bày là bưu điện không thuộc về con người, mà về số phận, và việc phát thư không phải là điều ai đó có thể bảo đảm. Maria, phật ý, nói rằng điều này chỉ là một minh chứng nữa về sự khác nhau giữa Tin lành và Cơ đốc. Cô nói sự chia rẽ này được chứng minh rõ nhất ở thực tế là người Ý – kể cả chồng cô – không bao giờ có thể lập kế hoạch cho tương lai, dù chỉ trước một tuần. Nếu ta yêu cầu một tín đồ Tin lành vùng trung tâm phía Bắc nước Mỹ hứa một cái hẹn ăn tối vào tuần sau, tín đồ Tin lành đó, tin tưởng mình là thuyền trưởng của số mệnh mình, sẽ nói, “Tối thứ Năm sẽ tiện cho tôi hơn.” Nhưng nếu ta yêu cầu một tín đồ Công giáo vùng Calabria cam kết như vậy, anh ta sẽ chỉ nhún vai, ngước mắt nhìn trời, và hỏi, “Làm sao ai trong chúng ta biết được mình có rảnh để ăn tối vào thứ Năm tới không, vì rằng tất cả mọi sự đều nằm trong tay Chúa và không ai trong chúng ta có thể biết được số phận mình?”

Dù sao, tôi đến bưu điện một vài lần để thử lần dò cái thùng của tôi, chẳng ích gì cả. Cô nhân viên bưu điện Roma không vui vẻ chút nào khi đang gọi điện cho bạn trai lại bị sự hiện diện của tôi làm gián đoạn. Và thật lòng mà nói, tiếng Ý của tôi – đã trở nên khá hơn – đánh trượt tôi trong tình huống căng thẳng như vậy. Khi tôi cố nói hợp lý hợp lẽ về cái thùng sách thất lạc của mình, cô nàng nhìn tôi như thể tôi đang thổi bong bóng bằng kẹo gôm.

“Có lẽ nó sẽ đến đây tuần sau?” Tôi hỏi cô ta bằng tiếng Ý.

Cô ta nhún vai, “*Magari.*”

Lại một mẫu tiếng lóng Ý không thể dịch được, nghĩa là gì đó giữa “hy vọng vậy” và “có mà mơ, đồ khờ.”

À, có lẽ vậy là tốt nhất. Thậm chí bây giờ tôi không thể nhớ lúc đầu mình đã xếp những quyển sách nào vào thùng. Chắc chắn đó là mấy thứ tôi nghĩ mình nên học, nếu tôi phải thực sự hiểu tiếng Ý. Tôi đã xếp đầy các thùng đó đủ loại tài liệu nghiên cứu cặn kẽ về Roma mà giờ có vẻ không quan trọng nữa vì tôi đang ở đây. Tôi nhớ mình thậm chí còn chất một bản đầy đủ *Lịch sử suy vong và sụp đổ của đế quốc La Mã* của Gibbon vào cái thùng đó. Suy cho

cùng thì có lẽ tôi sẽ vui vẻ hơn nếu không có nó. Vì cuộc đời quá ngắn ngủi, mình có thật sự muốn dành một phần chín mươi những ngày còn lại của mình trên đời để đọc Edward Gibbon không?

Tuần trước tôi gặp một cô gái trẻ người Úc đang xách ba lô du lịch khắp châu Âu lần đầu tiên trong đời. Tôi chỉ đường cho cô ấy đến ga xe lửa. Cô ấy đang tiến về Slovenia, chỉ để xem nó ra sao. Khi nghe thấy kế hoạch của cô, tôi bỗng chết lặng vì ghen tị mà nghĩ rằng: *Mình muốn đến Slovenia! Thế nào mà mình chưa bao giờ có thể đi du lịch đâu cả?*

Lúc này, trong cái nhìn vô can thì có vẻ như tôi đang đi du lịch. Và ao ước du lịch khi ta đang du lịch, tôi thừa nhận, là một kiểu điên rồ tham lam. Kiểu như mơ tưởng chuyện ái ân với ngôi sao điện ảnh ưa thích khi đang ái ân với một ngôi sao điện ảnh ưa thích khác của mình. Nhưng việc cô gái này hỏi đường tôi (rõ ràng là, trong suy nghĩ của cô ấy, tôi là một người dân bản địa) ngầm chỉ ra rằng tôi không phải đang du lịch ở Roma mà đang sống ở đây. Dù tạm thời đến đâu đi nữa, tôi vẫn là một thường dân. Thật ra, khi tình cờ gặp cô gái, tôi đang đi thanh toán hóa đơn điện, không phải là điều những du khách bận tâm. Sinh lực du-lịch-đến-một-nơi và sinh lực sống-ở-một-nơi là hai sinh lực khác nhau cơ bản, và điều gì đó từ việc gặp cô gái Úc đang trên đường đi Slovenia đã cho tôi một khát khao để lên đường.

Và đây là lý do tôi gọi cho cô bạn Sofie và nói, “Mình xuống Naples trong ngày và ăn pizza đi!”

Ngay lập tức, chỉ vài giờ sau, chúng tôi đang trên xe lửa, và rồi – như có phép lạ – chúng tôi đã ở đó. Tôi thích Naples ngay lập tức. Naples hoang dại, hỗn loạn, âm ỉ, dơ bẩn, quá khích. Một khu dân cư đông đúc như một tổ kiến, với tất cả cái vẻ ngoại lai của một khu chợ Trung Đông và nét tà thuật vùng New Orleans. Một nhà thương điên hơn hở, nguy hiểm và lộn xộn. Bạn Wade của tôi đến Naples vào những năm 1970 và đã bị chặn cướp... trong một *viện bảo tàng*. Cả thành phố được trang hoàng bằng quần áo mắc khắp các cửa sổ và tòng teng khắp mọi phố; áo lót và nịt ngực mới giặt của tất cả mọi người phan phật trong gió như phurôn cầu nguyện Tây Tạng. Không có một con phố nào ở Naples mà không có mấy đứa trẻ du côn mặc quần cộc và mang hai chân hai vớ khác nhau hò hét từ lề đường về phía đám trẻ du côn khác trên mái nhà gần bên. Trong thành phố này cũng không tồn tại tòa nhà nào không có ít nhất một bà già lưng còng ngồi bên cửa sổ, soi mói nghi hoặc những gì diễn ra bên dưới.

Dân ở đây cực kỳ bối rối khi xa Naples, và sao họ lại không nên làm như vậy chứ? Đây là thành phố đem lại cho cả thế giới pizza và kem. Phụ nữ Naples nói riêng là một đám người béo mập, giọng the thé, ba hoa, thốc mách, tất thảy đều hoành hợ, khó chịu, nói quang quác vào mặt ta và luôn chỉ cố *giúp đỡ* vì Chúa, còn ta là đồ ngốc – *sao họ lại phải làm mọi thứ quanh đây?* Giọng ở Naples thì cứ như cái tát thân thiện vào tai. Giống như đi qua một thành phố có những đầu bếp làm món ăn nhanh, tất cả đều hò hét cùng một lúc. Ở đây họ vẫn còn có thổ ngữ của riêng mình và một từ điển tiếng lóng địa phương luôn thay đổi, nhưng không hiểu sao tôi thấy dân Naples nói dễ hiểu nhất ở Ý. Tại sao? Vì họ *muốn* ta hiểu, khổn kiếp. Họ nói to và dứt khoát, và nếu ta không thể hiểu miệng họ đang thật sự nói gì, thông thường ta có thể suy ra từ cử chỉ của họ. Như cô học sinh tiểu học bé nhỏ du côn ngồi sau xe máy ông anh họ kia, búng ngón tay với tôi và cười quyến rũ khi chạy ngang, chỉ để tôi hiểu, “Này, đừng có giận, cô à. Ngoài chuyện tui chỉ mới bảy tuổi, và tui đã biết ngay cô là một kẻ

ngốc hoàn toàn, và ngoài chuyện như thế cũng tuyệt – tui nghĩ dù thế nào thì cô cũng tạm tạm và tui cũng khá là thích khuôn mặt dần dần của cô. Tất cả chúng ta đều biết cô muốn được như tui, nhưng xin lỗi nghen, cô không thể đâu. Dù gì, ngón giữa của tui nè, cứ vui vẻ ở Naples nghen, và *ciao!*”

Cũng như mọi không gian công cộng khác ở Ý, tại đây luôn có mấy cậu bé, thanh thiếu niên và đàn ông trưởng thành chơi đá bóng, nhưng ở Naples này còn có một thứ khác nữa. Ví dụ, hôm nay tôi thấy mấy đứa nhỏ - ý tôi là một nhóm các cậu bé chừng tám tuổi – đang tập hợp mấy cái thùng cũ của nhà bếp để làm những cái ghế và một cái bàn tạm bợ, rồi chúng đang chơi *xì phé* ở nơi họp chợ một cách căng thẳng đến nỗi tôi sợ một trong số chúng có thể bị bắn.

Giovanni và Dario, anh em sinh đôi Giao lưu Xe đạp đôi của tôi, sinh trưởng ở Naples. Tôi không thể hình dung được điều ấy. Tôi không thể tưởng tượng nổi anh chàng Giovanni nhút nhát, siêng năng và đáng mến là một cậu bé con trong – và tôi không dùng từ một cách khinh suất – bọn du thủ du thực này. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, anh là người Naples, vì trước khi tôi rời Roma anh cho tôi tên một tiệm bánh pizza ở Naples mà tôi nhất định phải thử, vì, Giovanni cho tôi biết, ở đó bán pizza ngon nhất Naples. Tôi thấy đó là một triển vọng phần khích kinh khủng, vì rằng pizza ngon nhất ở Ý là từ Naples, và *pizza ngon nhất trên thế giới* là từ Ý, có nghĩa hiệu bánh pizza này hẳn phải đem đến... tôi gần như quá mê tín mà nói là... pizza ngon nhất trên thế giới? Giovanni đã trao cái tên tiệm bánh với vẻ nghiêm túc và trầm trọng đến nỗi tôi cảm thấy gần như được giới thiệu vào một hội bí mật. Anh giúi địa chỉ vào lòng bàn tay tôi và nói, với sự cương quyết long trọng nhất, “Xin hãy đến hiệu pizza này. Gọi margherita pizza với phần dúp pho mát mozzarella. Nếu ở Naples chị không ăn pizza này, về sau hãy nói dối với tôi là chị đã ăn rồi nhé.”

Nên Sofie và tôi đã đến Pizzeria da Michele, và những miếng bánh chúng tôi vừa gọi này – mỗi người một cái – đang làm chúng tôi quẩn trí. Quả thật, tôi mê cái pizza của mình đến nỗi dần dần tin một cách mê sảng là đến lượt cái pizza của mình, có lẽ cũng thích mình. Tôi đang có một quan hệ với cái pizza này, gần như một chuyện tình. Trong lúc đó thì Sofie gần như đang giàn giụa nước mắt với cái bánh của cô, cô đang có một cuộc khủng hoảng siêu hình về nó, cô cứ hỏi tôi, “Sao ở Stockholm họ lại còn *nghĩ đến* chuyện cố làm pizza cơ chứ? Tại sao chúng ta còn nghĩ tới chuyện ăn thức ăn ở Stockholm *làm gì cơ chứ?*”

Pizzeria da Michele là một nơi nhỏ với chỉ hai phòng và một cái lò hoạt động liên tục. Nơi đây cách ga xe lửa chừng mười lăm phút đi bộ dưới mưa, thậm chí đừng bận tâm chuyện đó, cứ đi đi. Ta cần phải đến đó khá sớm trong ngày vì đôi khi họ hết bột nhào, và tìm ta sẽ tan nát. Đến một giờ trưa, những con phố bên ngoài tiệm pizza đã chật như nêm dân Naples đang cố chen vào quán, xô đẩy nhau để vào như thể người ta cố giành một chỗ trên phao cứu sinh. Ở đây không có thực đơn. Họ chỉ có hai loại pizza – loại thường và loại có thêm pho mát. Cả hai đều không phải thứ nhảm nhí cảnh vẽ như pizza ô liu và cà chua phơi nắng Nam California thời đại mới. Bột nhào, phải đến nửa bữa ăn tôi mới nhận ra, có vùi vị giống *nan*^[23] của Ấn hơi giống bất kỳ bột nhào pizza nào tôi đã từng thử. Nó xốp và dai và dẻo, nhưng mỏng không thể tin được. Tôi luôn nghĩ với vỏ bánh pizza chúng ta chỉ có hai chọn lựa trong đời – mỏng và giòn, hay dày và mềm. Làm sao tôi lại biết được trên thế giới này có một loại vỏ bánh mỏng và mềm? Vật linh thiêng trong những vật linh thiêng! Thiên đường pizza mỏng, mềm, chắc, dính, dai, mặn, ngon tuyệt. Bên trên là nước sốt cà chua ngọt sủi bọt

như kem khi nó làm tan chảy phô mát trâu mozzarella tươi, và thế nào đó mà nhánh húng quế ở giữa toàn thể ấy làm cả cái pizza ngạt ngào mùi thảo dược rất giống như một ngôi sao điện ảnh tỏa sáng giữa một buổi tiệc đem lại một tiếp xúc rất quyến rũ cho mọi người quanh bàn. Về kỹ thuật thì không thể nào ăn thứ này, tất nhiên. Ta thử cắn một miếng và vỏ bánh dính gập lại, rồi phô mát nóng chảy ra như tầng đất mặt trong một trận lở đất, làm ta và xung quanh rối tinh, nhưng cứ thưởng thức đi.

Mấy anh chàng đã tạo nên phép lạ này đang đổ bột rồi xúc bánh pizza ra từ cái lò đun bằng củi, trông hết như những người thợ lò trong bụng một con tàu lớn đang xúc than vào lò lửa phừng phừng. Ống tay áo xắn cao trên khuỷu tay mồ hôi mồ kê, mặt đỏ bừng vì ráng sức, nheo một mắt hướng về hơi nóng của lửa và điều thuốc trể trên môi. Sofie và tôi mỗi người gọi thêm một miếng bánh nữa – mỗi người cả một cái pizza – và Sofie cố tỉnh trí lại, nhưng thực ra, bánh pizza tuyệt đến nỗi chúng tôi hầu như không còn đối phó nổi.

Nói một lời về cơ thể tôi. Tôi đang tăng cân mỗi ngày, tất nhiên. Ở Ý đây tôi đang mạnh tay với cơ thể mình, ăn những lượng khủng khiếp phô mát và mì ống rồi bánh mì và rượu rồi sô cô la và bột nhào pizza. (Ở một nơi khác tại Naples, người ta bảo tôi, ta thực sự có thể kiếm được thứ gì đấy như là pizza sô cô la. Kiểu ngớ ngẩn gì vậy chứ? Ý tôi là, về sau tôi có đi tìm thử, và nó thật ngon, nhưng thực lòng mà nói thì – *pizza sô cô la* ư? Tôi không tập luyện, không ăn đủ chất xơ, không dùng vitamin. Trong đời sống thực của tôi, mọi người biết là tôi ăn điểm tâm sữa chua làm từ sữa dê hữu cơ rắc thêm mầm lúa mì. Những ngày sống thực của tôi đã qua lâu rồi. Hồi còn ở Mỹ, cô bạn Susan của tôi nói với mọi người là tôi đang trong chuyến du lịch “Không chừa lại chất Carb^[24]”. Nhưng cơ thể tôi quả là đang độ lượng với mọi thứ này. Cơ thể tôi đang nhắm mắt làm ngơ với những việc làm tai hại và buông thả quá trớn này của tôi, như thể nó nói, “Được, nhóc, cứ tận hưởng đi. Ta biết là chuyện này chỉ tạm thời. Cho ta biết khi nào thì thí nghiệm nhỏ về thú vui thuần túy của mì chấm dút, rồi ta sẽ xem có thể làm gì với chuyện kiểm soát thiệt hại không.”

Nhưng mà, khi nhìn lại mình trong chiếc gương của hiệu bánh pizza tuyệt nhất ở Naples, tôi thấy một gương mặt lành mạnh, vui vẻ, da dẻ mịn màng và mắt sáng. Đã lâu rồi tôi chưa được thấy gương mặt mình như vậy.

“Cám ơn,” tôi thầm thì. Rồi Sofie và tôi chạy ra ngoài mưa để tìm bánh ngọt.

Tôi cho là (thực sự đã từ vài tháng trở lại đây rồi) chính hạnh phúc này khiến tôi nghĩ trên đường trở về Roma rằng mình phải làm một cái gì đó về chuyện David. Có lẽ đã đến lúc chúng tôi kết thúc câu chuyện của mình mãi mãi. Chúng tôi đã chia tay rồi, chính thức, nhưng vẫn còn một cửa sổ hy vọng để ngỏ rằng có lẽ một ngày nào đó (có lẽ sau chuyến đi của tôi, có lẽ sau một năm xa cách) chúng tôi có thể thử một lần nữa. Chúng tôi yêu nhau. Điều đó không bao giờ phải nghi ngờ. Chỉ có điều chúng tôi không thể hình dung ra cách nào để thôi làm cho nhau khốn khổ một cách tuyệt vọng, gào thét và kiệt quệ tâm hồn đến vậy.

Mùa xuân năm ngoái David đưa ra một giải pháp điên rồ cho những phiền muộn của chúng tôi thế này, chỉ một nửa là đùa: “Nếu mình công nhận là quan hệ của hai đứa mình tồi tệ, nhưng dù sao vẫn chịu đựng đến cùng thì sao? Nếu mình thừa nhận là cả hai đều làm cho nhau cáu tiết lên, mình tranh cãi liên miên và họa hoằn lắm mới ái ân, nhưng mình không thể sống thiếu nhau, nên hai đứa sẽ xử lý chuyện này, thì sao? Và rồi mình có thể sống bên nhau dù khốn khổ, nhưng cũng hạnh phúc vì không xa lìa.”

Hãy để điều đó là bằng chứng tôi yêu người đàn ông ấy tuyệt vọng ra sao khi tôi đã dành cả mười tháng qua suy xét nghiêm túc lời đề nghị đó.

Một khả năng khác trong thâm tâm chúng tôi là, dĩ nhiên, một trong hai người có thể thay đổi. Anh ấy có thể trở nên cởi mở và triu mến hơn, không thu mình lại với bất kỳ ai chỉ vì sợ cô ta sẽ ăn mất linh hồn mình. Hay tôi có thể học cách làm sao để... thôi chuyện cố ăn linh hồn anh ấy.

Biết bao lần tôi nói với David là tôi ước gì có thể giống mẹ mình hơn như cách bà hành xử trong cuộc hôn nhân của mình – độc lập, mạnh mẽ, không phụ thuộc. Một cái máy tự cấp. Có thể tồn tại mà không cần những liều lượng lãng mạn hay tán tỉnh thường xuyên từ người nông dân cô độc là cha tôi. Có thể hơn hờ trồng vườn hoa cúc giữa những vách đá im lặng không thể giải thích nổi mà đôi khi cha tôi dựng lên quanh ông. Rất đơn giản cha tôi là người tôi yêu chuộng nhất trên đời, nhưng ông có chút gì đấy là một trường hợp kỳ quặc. Một cô bạn trai cũ của tôi đã từng tả ông như vậy, “Bố em chỉ có một bàn chân trên mặt đất này. Và hai cái cẳng chân thực sự, thực sự là dài...”

Tôi lớn lên thấy trong nhà mình một người mẹ thường đón nhận tình yêu và triu mến của chồng mỗi khi ông ấy nghĩ cần phải mang lại, rồi thì bà thường tránh đi và tự lo cho mình khi ông trôi dạt vào vũ trụ riêng biệt thờ ơ quên lãng kém cỏi của ông. Dù sao, nó có vẻ như vậy đối với tôi, khi xem xét cái điều rằng không ai (và nhất là trẻ con) có thể hiểu được những bí ẩn của hôn nhân. Tôi tin khi lớn lên đã nhìn thấy một người mẹ không đòi hỏi điều gì từ bất kỳ ai. Suy cho cùng thì, đây là mẹ tôi – một phụ nữ khi ở tuổi dậy thì đã tự dạy mình bơi một mình ở hồ Minnesota lạnh buốt, với một cuốn sách mượn ở thư viện địa phương có tựa *Làm sao để bơi*. Trong mắt tôi, không có gì người phụ nữ này không tự làm được.

Nhưng rồi tôi đã có một cuộc trò chuyện sáng tỏ với mẹ, không lâu trước khi tôi đi Roma. Mẹ tôi đến New York để ăn bữa trưa cuối với tôi, và mẹ hỏi tôi thẳng thắn – phá vỡ mọi quy

tắc giao tiếp trong lịch sử gia đình chúng tôi – chuyện gì đã xảy ra giữa con và David. Tiếp tục phốt lò Sổ Nội quy Giao tiếp Chuẩn mực của Gia đình Gilbert, tôi đã thực sự kể cho mẹ nghe. Tôi kể cho mẹ nghe mọi chuyện. Tôi nói với mẹ mình yêu David đến chừng nào, nhưng tôi cô đơn và thất vọng ra sao bên cạnh con người này, người luôn biến đi khỏi phòng, khỏi giường, khỏi hành tinh.

“Nghe có vẻ như anh ta giống bố con,” mẹ nói. Một thú nhận can đảm và rộng lượng.

“Vấn đề là,” tôi nói. “Con không giống mẹ. Con không cứng rắn được như mẹ, mẹ à. Con cần một mức độ gần gũi thường trực từ người con yêu. Ước gì con có thể giống mẹ, lúc đó con mới có thể có chuyện tình này với David. Nhưng nếu không thể trông cậy vào cảm giác yêu thương đó khi cần, nó chỉ hủy hoại tôi thôi.”

Rồi mẹ làm tôi choáng. Mẹ nói, “Tất cả những điều con mong muốn từ quan hệ của mình đó hả, Liz? Mẹ cũng đã luôn mong muốn những điều này.”

Vào giây phút đó, như thể người mẹ mạnh mẽ của tôi vươn qua bàn, mở nắm tay ra và cuối cùng cho tôi thấy một nhúm đắng cay mẹ đã nhẫn nhục chịu đựng qua hàng chục năm để vẫn hạnh phúc với hôn nhân trong mắt cha tôi (và, nếu cân nhắc mọi điều, mẹ có hạnh phúc trong hôn nhân). Tôi chưa từng thấy khía cạnh này của mẹ trước đây, chưa từng. Tôi chưa từng hình dung mẹ có thể đã muốn điều gì, mẹ có thể đã thiếu thốn điều gì, mẹ có thể đã quyết định điều gì để không đòi hỏi điều gì vì cái toàn thể. Khi biết được tất cả những điều này tôi đã có thể cảm thấy thế giới quan của mình bắt đầu có một thay đổi triệt để.

Nếu ngay cả mẹ cũng mong muốn điều tôi muốn, vậy thì...?

Tiếp tục dòng câu chuyện thân mật chưa có tiền lệ này, mẹ nói, “Con phải biết là mẹ đã được nuôi dạy mong đợi rất ít điều mẹ xứng đáng trong đời, con yêu. Hãy nhớ - mẹ từ một thời đại và không gian khác với con.”

Tôi nhắm mắt và thấy mẹ, mười tuổi trong trang trại gia đình ở Minnesota, làm việc như một người làm mướn, nuôi dạy những đứa em trai của mình, mặc quần áo của chị, dành dụm từng xu để ra khỏi đó...

“Và con phải hiểu mẹ yêu bố con đến thế nào,” bà kết luận.

Mẹ tôi đã có những chọn lựa trong đời, như tất cả chúng ta phải vậy, và mẹ an thuận với chúng. Tôi có thể thấy sự thanh thản của mẹ. Mẹ không thoái thác chính mình. Những lợi ích từ lựa chọn của mẹ thật lớn lao – một cuộc hôn nhân lâu bền và ổn định với một người đàn ông mẹ vẫn gọi là bạn thân nhất của mình; một gia đình giờ đã mở rộng thêm với những đứa cháu vốn ngưỡng mộ bà; vững tin vào chính nghị lực của bà. Có lẽ mẹ phải hy sinh một số thứ, và bố tôi cũng có những hy sinh của mình nữa –nhưng có ai trong chúng ta sống mà không có những hy sinh?

Và giờ đây câu hỏi cho tôi là: những chọn lựa *của tôi* phải là gì? Điều gì tôi tin mình xứng đáng trong đời? Tôi có thể chấp nhận hy sinh điều gì và điều gì thì không thể? Đối với tôi, khó mà hình dung một cuộc sống thiếu David. Thậm chí chỉ tưởng tượng thôi rằng sẽ không bao giờ còn những chuyến đi xa với bạn đồng hành ưa thích của mình nữa, rằng tôi sẽ không bao giờ còn đỗ xe lại lề đường nhà anh với cửa kính xe hạ xuống và tiếng nhạc của Springsteen trên radio, với một nguồn cung cấp bất tận những lời bông đùa và thức ăn vặt

giữa hai chúng tôi, và với một điểm đến nơi vùng biển hiện ra mờ mờ cuối xa lộ. Nhưng làm sao tôi có thể chấp nhận niềm vui sướng đó khi nó đi cùng với mặt trái tối tăm này – cô lập hạ nhục, bất an xói mòn, phần hận âm ỉ và, tất nhiên, sự triệt hạ hoàn toàn bản ngã tất yếu diễn ra khi David ngừng trao, và bắt đầu lấy đi. Tôi không thể làm vậy nữa. Cái gì đó liên quan đến niềm vui gần đây của tôi ở Naples giúp tôi tin tưởng là mình không chỉ *có thể* tìm thấy hạnh phúc mà không có David, mà còn *phải* tìm thấy. Dù tôi yêu anh ấy đến đâu (và tôi yêu anh ấy, một cách thái quá xuẩn ngốc), giờ đây tôi phải chia tay người này thôi. Và tôi phải chứng tỏ.

Nên tôi viết cho anh ấy một email.

Lúc này là tháng Mười một. Chúng tôi không liên lạc gì với nhau từ tháng Bảy. Tôi đã yêu cầu anh ấy đừng liên lạc khi tôi đi du lịch vì tin rằng mình quyến luyến anh mãnh liệt đến nỗi không thể tập trung vào hành trình của mình nếu cứ dõi theo anh. Nhưng giờ thì tôi đang bước vào đời anh lần nữa với email này.

Tôi nói với anh rằng tôi mong anh vẫn ổn, và báo là tôi cũng ổn. Tôi pha trò một chút. Chúng tôi luôn thạo pha trò. Rồi tôi phân trần rằng tôi nghĩ chúng tôi cần chấm dứt mối quan hệ này mãi mãi. Rằng có lẽ đã đến lúc thừa nhận mối quan hệ này sẽ không bao giờ xảy ra, rằng nó *nên* không bao giờ xảy ra. Bức thư ngắn không kịch tính thái quá. Có Chúa biết chúng tôi đã có đủ thăng trầm với nhau rồi. Tôi viết ngắn gọn và đơn giản. Nhưng còn một điều nữa tôi cần phải thêm vào. Nín thở, tôi gõ, “Nếu anh muốn tìm một người đồng hành khác trong đời mình, dĩ nhiên em sẽ cầu chúc cho anh.” Tay tôi run lên. Tôi ngừng lá thư bằng chữ yêu anh, cố giữ một giọng điệu vui vẻ có thể.

Tôi cảm thấy như bị một đòn vào ngực.

Đêm đó tôi không ngủ được mấy, hình dung anh ấy đang đọc những lời của mình. Ngày hôm sau, tôi chạy lại quán cà phê Internet đó mấy lần tìm một lời đáp. Tôi cố lờ đi phần trong tôi cháy lòng muốn thấy anh ấy trả lời, “TRỞ LẠI ĐI! ĐỪNG ĐI! ANH SẼ THAY ĐỔI!” Tôi cố không đếm xỉa cô gái trong tôi có thể quăng cái ý tưởng du lịch vòng quanh thế giới vĩ đại này chỉ để đổi lấy chìa khóa căn hộ của David. Nhưng vào khoảng 10 giờ đêm đó, cuối cùng tôi có được câu trả lời. Một cái email tuyệt vời, dĩ nhiên. David luôn luôn viết tuyệt vời. Anh đồng ý là, đúng, đã đến lúc chúng tôi thật sự nói lời chia tay mãi mãi. Anh cũng đã suy nghĩ về chuyện này, anh nói. Anh đã đáp lại nhã nhặn hết mức và anh chia sẻ những cảm giác mất mát, nuối tiếc của mình một cách rất dịu dàng mà đôi khi anh có thể đạt đến một cách nhức nhối đến vậy. Anh hy vọng tôi biết anh ngưỡng mộ tôi đến chừng nào, thậm chí anh không đủ khả năng diễn đạt. “Nhưng cả hai đều không phải là người mà người kia cần,” anh nói. Nhưng, anh tin chắc là một ngày nào đó tôi sẽ tìm thấy tình yêu lớn của đời mình. Anh chắc chắn điều đó. Cuối cùng, anh nói, “cái đẹp hấp dẫn cái đẹp.”

Thật vậy, đó là một điều đẹp để nói. Đúng là điều đẹp để nhất mà tình yêu của đời ta có thể nói, khi anh ấy không nói, “TRỞ LẠI ĐI! ĐỪNG ĐI! ANH SẼ THAY ĐỔI!”

Tôi im lặng ngồi đó ngáy người nhìn cái màn hình máy tính trong một lúc lâu và buồn bã. Mọi chuyện thế là tốt nhất, tôi biết vậy. Tôi biết mình đang chọn lựa hạnh phúc thay vì đau khổ, tôi biết mình đang làm thế. Tôi dọn chỗ cho tương lai bí ẩn sẽ làm đầy cuộc sống mình với những bất ngờ còn chưa đến. Tôi hiểu tất cả những điều này. Nhưng mà...

David. Giờ tôi đã mất anh ấy rồi.

Tôi gục mặt vào hai bàn tay một lúc lâu hơn và buồn hơn nữa. Cuối cùng tôi ngẩng lên thì thấy một phụ nữ người Albani làm việc ca tối tại quán cà phê Internet vừa dùng lau chùi sàn nhà, dựa vào tường và nhìn tôi. Chúng tôi nhìn nhau chăm chăm một mỗi một lúc. Rồi tôi lắc đầu dứt khoát với cô ta và nói to, “Chuyện này quá tệ.” Cô ấy gật đầu cảm thông. Cô không hiểu, nhưng dĩ nhiên, theo cách của cô, cô hiểu hoàn toàn.

Điện thoại reo.

Là Giovanni. Anh có vẻ bối rối. Anh nói đã đợi tôi hơn một giờ rồi ở Piazza Fiume, là nơi chúng tôi luôn gặp nhau vào các tối thứ Năm để giao lưu ngôn ngữ. Anh hoang mang, vì thông thường *anh* là người đến trễ hoặc quên mất cuộc hẹn, nhưng tối nay, lần anh đến đúng giờ và khá chắc chắn – không phải chúng tôi có hẹn sao?

Tôi đã quên. Tôi cho anh biết mình đang ở đâu. Anh nói sẽ đưa xe đến đón tôi. Tôi không có tâm trạng để gặp ai, nhưng quá khó để giải thích việc này qua *telefonino*, theo như khả năng ngôn ngữ hạn hẹp của chúng tôi. Tôi ra ngoài đứng đợi anh trong rét buốt. Vài phút sau, chiếc xe nhỏ màu đỏ của anh dừng lại và tôi leo lên. Anh hỏi tôi bằng tiếng lóng của Ý là có chuyện gì vậy. Tôi mở miệng trả lời và gục xuống khóc. Ý tôi là – gào khóc. Tôi muốn nói là – cái kiểu kêu khóc tả tơi, khủng khiếp mà bạn Sally của tôi gọi là “bơm đúp”, mỗi khi nước nở ta phải hít vào hai hóp oxy. Tôi thậm chí chưa từng thấy cơn chấn động thống thiết như thế diễn ra, và nó ập đến khiến tôi hoàn toàn bất ngờ.

Tội nghiệp Giovanni! Anh ngập ngừng hỏi bằng tiếng Anh, anh có làm điều gì sai không. Hay là tôi đang bức anh? Anh có làm tổn thương tình cảm tôi không? Tôi không thể trả lời mà chỉ lắc đầu và tiếp tục gào khóc. Tôi quá xấu hổ về mình và thấy ái ngại cho Giovanni thân yêu, bị kẹt ở đây trong chiếc xe này với một gái già nước nở, lảm nhảm, một người đang hoàn toàn là *pezzi* – một thứ vỡ vụn.

Cuối cùng, tôi cũng có thể hỗn hển một lời trấn an là nỗi thống khổ của mình không liên quan đến anh. Tôi nghẹn ngào thốt ra một lời xin lỗi vì đã như thế. Giovanni đảm đương tình huống với một phong cách vượt xa tuổi của anh. Anh nói, “Đừng xin lỗi vì mình khóc. Không có cảm xúc này, chúng ta chỉ là những người máy.” Anh đưa tôi ít khăn giấy từ cái hộp phía sau xe. Rồi nói, “Thôi mình đi nào.”

Anh nói đúng – không thể suy sụp ở một nơi quá công nhiên và quá sáng đèn như ở mặt trước của quán cà phê Internet này. Anh chạy xe một chốc, rồi lái về phía trung tâm của Piazza della Repubblica, một không gian công cộng quý phái hơn của Roma. Anh đỗ xe trước cái đài phun nước tráng lệ có những nữ thần trần truồng trơ trên đang nhảy nhót rất khiêu dâm với biểu tượng dương vật là tượng đài thiên nga khổng lồ kiêu ngạo của mình. Đài phun nước này mới được xây khá gần đây, theo tiêu chuẩn Roma. Trong sổ hướng dẫn tôi đọc, những cô gái làm mẫu các nữ thần là hai chị em, hai vũ nữ hài kịch tục tĩu nổi tiếng vào thời họ. Họ nhận khá điều tiếng khi đài phun nước được hoàn thành, trong nhiều tháng nhà thờ đã cố ngăn việc khánh thành đài phun nước này vì nó quá khiêu gợi. Hai chị em sống sung túc đến già, thậm chí mãi đến những năm 1920 người ta còn thấy hai bà già đáng kính này mỗi ngày cùng nhau đi dạo đến Piazza để xem đài phun nước “của họ”. Và mỗi năm một lần, khi họ còn sống, nhà điêu khắc Pháp đã khắc họa một lần, khi họ còn sống, nhà

điều khắc Pháp đã khắc họa được họ trong thời kỳ xuân sắc nhất của mình vào đá cẩm thạch lại đến Roma và mời hai chị em đi ăn trưa, nơi họ cùng nhau hồi tưởng những ngày họ còn trẻ đẹp và hoang dại đến vậy.

Vậy là Giovanni dừng xe ở đó và chờ tôi trấn tĩnh lại. Tôi chỉ có thể ấn gò bàn tay vào mắt, cổ đẩy ngược nước mắt vào trong. Tôi và Giovanni, chúng tôi chưa từng có một cuộc chuyện trò riêng tư. Tất cả những tháng này, tất cả những buổi ăn tối cùng nhau này, tất cả những gì chúng tôi đã từng đàm đạo là triết học, nghệ thuật, văn hóa, chính trị, và thức ăn. Chúng tôi không biết gì về cuộc sống riêng tư của nhau. Thậm chí anh không biết là tôi đã ly dị hay tôi đã để lại tình yêu ở Mỹ. Tôi không biết một điều gì về anh ngoại trừ chuyện anh muốn trở thành một nhà văn và anh ra đời ở Naples. Chuyện tôi khóc, dù sao, sắp đẩy trò chuyện giữa hai người tới một mức độ mới. Tôi mong điều đó không xảy ra. Không phải tình huống kinh khủng này.

Anh nói, “Tôi rất tiếc, nhưng tôi không hiểu. Hôm nay chị làm mất cái gì sao?”

Nhưng tôi vẫn chưa hình dung được phải nói sao. Giovanni cười và khích lệ, “*Parla come magni.*” Anh ấy biết đây là một trong những thành ngữ yêu thích của tôi trong thổ ngữ Roma. Nghĩa là, “Hãy nói theo cách ta ăn” hay, theo phiên dịch cá nhân của tôi, “Hãy nói như ta ăn”. Đó là một nhắc nhở - khi ta cố gắng quá mức để giải thích điều gì đó, khi ta tìm những từ đúng - hãy giữ cho ngôn ngữ của ta đơn giản và trực tiếp như thức ăn Roma. Đừng cầu kỳ quá. Chỉ cần đặt nó lên bàn.

Tôi thở một hơi thật sâu và thuật lại ngắn gọn tình trạng của mình bằng tiếng Ý (tuy nhiên thể nào đó mà vẫn đầy đủ).

“Là về một chuyện tình, Giovanni à. Hôm nay tôi đã phải nói lời chia tay với một người.”

Rồi tôi lại vỗ hai tay lên mắt, nước mắt trào qua những ngón tay tôi khép chặt. Chao ôi trái tim chàng, Giovanni không cố đặt vòng tay đỡ dành quanh tôi, cũng không thể hiện sự khó chịu nhỏ nhất về nỗi buồn òa vỡ của tôi. Trái lại, anh chỉ ngồi im lặng suốt thời gian tôi khóc cho đến khi tôi nguôi ngoai. Lúc đó anh nói với một sự đồng cảm trọn vẹn, cẩn trọng lựa từng từ (là giáo viên tiếng Anh của anh, tối nay tôi rất *tự hào* về anh!), chậm rãi, rõ ràng và ân cần, “Tôi hiểu, Liz. Tôi đã từng đến đó.”

Việc chị tôi đến Roma vài ngày sau đó đã lái chú ý của tôi ra khỏi nỗi buồn dai dẳng về chuyện David và đưa tôi trở lại nhịp điệu. Chị làm tất cả mọi chuyện rất nhanh, và sinh khí quanh chị xoáy lên như những cơn lốc thu nhỏ. Chị lớn hơn tôi ba tuổi và cao hơn tôi ba inch. Chị là một vận động viên, một học giả, một người mẹ, một nhà văn. Suốt thời gian ở Roma, chị tập luyện cho một cuộc chạy đua maratông, nghĩa là chị thường thức dậy vào lúc bình minh và chạy mười tám dặm trong khoảng thời gian thông thường tôi đọc được một bài báo và uống hai tách cappuccino. Khi chạy, trông chị thực sự như một con nai. Lúc đang mang thai đứa con đầu lòng, một đêm chị đã bơi hết chiều dài một cái hồ trong bóng tối. Tôi không thể theo chị, và thậm chí tôi cũng không có thai. Tôi đã quá sợ hãi. Nhưng chị tôi thực sự không sợ hãi. Khi chị có thai đứa con thứ hai, một bà đỡ hỏi liệu Catherine có bất kỳ lo lắng nào chưa nói ra về bất kỳ điều gì có thể không ổn với đứa bé không – như các khiếm khuyết di truyền hay biến chứng khi sinh. Chị nói, “Tôi chỉ sợ duy nhất một điều là thằng bé lớn lên thành một người của đảng Cộng hòa.”

Đó là tên chị tôi – Catherine. Tôi chỉ có mình chị. Khi chúng tôi lớn lên ở vùng nông thôn Connecticut, chỉ có hai chị em sống trong nông trại với bố mẹ. Chẳng có trẻ con nào khác gần đó. Chị rất kiêu ngạo và độc đoán, vị chỉ huy của cả đời tôi. Tôi sống trong sợ hãi và kính sợ chị ấy; chỉ có ý kiến của chị ấy là quan trọng. Tôi chơi bài gian lận với chị để *thua*, để chị sẽ không nổi khùng với tôi. Không phải lúc nào chúng tôi cũng là bạn. Chị bức mình vì tôi, còn tôi thì sợ chị, tôi nghĩ vậy, cho đến khi tôi được hai mươi tám tuổi và đã trở nên chán chuyện đó. Đó là năm tôi cuối cùng đã dũng cảm phản kháng chị, và phản ứng của chị đã kiểu như, “Sao giờ này mi mới làm vậy?”

Khi chúng tôi chỉ mới bắt đầu nghĩ ra những điều khoản mới cho tương quan giữa chúng tôi thì cuộc hôn nhân của tôi trượt dốc. Có thể đã quá dễ dàng để Catherine giành được thắng lợi từ cuộc bại trận của tôi. Tôi đã luôn là kẻ được yêu thương và là kẻ may mắn, kẻ được cả gia đình và số phận cưng chiều. Thế giới đã luôn là một nơi dễ chịu và cởi mở đối với tôi hơn là với chị tôi, người đã chà xát cuộc đời thật mạnh và đôi khi bị nó làm tổn thương lại khá nhiều. Có lẽ đã quá dễ dàng để Catherine đáp lại cuộc ly hôn và phiền muộn của tôi bằng một câu, “ha! Nhìn Mary Tia Nắng Bé Nhỏ xem!” Thay vì vậy, chị giúp tôi đứng dậy như một nhà vô địch. Chị trả lời điện thoại giữa đêm bất cứ khi nào tôi đau buồn và nói những lời an ủi. Và chị đến với tôi khi tôi tìm kiếm câu trả lời cho việc tại sao mình buồn đến vậy. Trong một thời gian rất dài, chị ấy gần như cùng chia sẻ việc trị liệu với tôi. Sau mỗi buổi tôi đều gọi cho chị kể lại tất cả mọi thứ tôi đã nhận ra trong văn phòng bác sĩ trị liệu của mình, và chị bỏ bất cứ gì đang làm để nói, “A... điều đó giải thích được nhiều đấy.” Nghĩa là giải thích được rất nhiều về *cả hai* chúng tôi.

Giờ chúng tôi trò chuyện với nhau qua điện thoại gần như mỗi ngày – hay chí ít chúng tôi đã làm vậy, trước khi tôi tới Roma. Giờ thì trước khi một trong hai chúng tôi lên máy bay, chị luôn gọi cho tôi (hoặc ngược lại) và nói, “Chị biết vậy bệnh hoạn, nhưng chị chỉ muốn nói là chị yêu em. Em biết đó... phòng khi...” Và tôi luôn đáp, “Em biết mà... chỉ là phòng khi.”

Chị đã chuẩn bị trước khi đến Roma, luôn vậy. Chị mang theo năm quyển sách hướng dẫn đã đọc cả rồi, và chị đã có sẵn bản đồ thành phố trong đầu. Chị đã hoàn toàn có định hướng thậm chí từ trước khi chị rời Philadelphia. Và đây là một ví dụ cổ điển về sự khác nhau giữa chúng tôi. Tôi là người mất cả những tuần đầu ở Roma lang thang khắp nơi, chín mươi phần trăm lạc lối và một trăm phần trăm vui sướng thấy tất cả mọi thứ xung quanh mình là một bí ẩn đẹp để không thể cắt nghĩa được. Nhưng thế giới gần như luôn có vẻ như thế đối với tôi. Trong mắt chị tôi, không có gì là không thể giải thích được nếu người ta tiếp cận được một thư viện tham khảo chính xác. Đây là người phụ nữ thường để cuốn *Từ điển Bách khoa Columbiat* trong bếp kế bên những cuốn sách nấu ăn – để đọc, cho vui.

Có một trò chơi đôi khi tôi thích chơi với bạn bè gọi là “Xem Đây!” Mỗi khi bất kỳ ai thắc mắc về vài dữ liệu mơ hồ nào đó (ví dụ, “Thánh Louis là ai?”) tôi sẽ nói, “Xem Đây!” rồi vớ lấy chiếc điện thoại gần nhất và quay số của chị tôi. Đôi khi tôi bắt được chị trong xe, đang chở bọn trẻ từ nhà đến trường ở Volvo, và chị sẽ đăm chiêu, “Thánh Louis... ờ, ngài là một vị vua Pháp mặc áo vải tóc, thật ra, điều ấy thú vị vì...”

Thế là chị tôi đến Roma thăm tôi – trong thành phố mới của tôi – và rồi chỉ cho tôi. Đây là Roma, phong cách Catherine. Đầy đủ các dữ kiện và ngày tháng và kiến trúc mà tôi không thấy được vì đầu óc tôi không làm việc theo cách đó. Điều duy nhất tôi muốn biết về bất kỳ nơi nào hay bất kỳ ai là *câu chuyện*, đây là điều duy nhất tôi để ý xem – chứ không bao giờ là những chi tiết thẩm mỹ. (Sofie tới căn hộ của tôi một tháng sau khi tôi chuyển đến và nói, “Một phòng tắm màu hồng xinh xắn”, và đấy là lần đầu tiên tôi nhận thấy quả thực, nó màu hồng. Màu hồng sáng, từ sàn đến trần, gạch men hồng sáng khắp nơi – thực tình là trước đó tôi đã không thấy điều ấy). Những cặp mắt tinh tường của chị tôi nhặt được những chi tiết Gothic, Roman hay Byzantine của một tòa nhà, những hoa văn của nền nhà thờ, hay một phác họa lơ mơ trong một bức bích họa dang dở khuất sau bàn thờ. Đôi chân dài của chị sải bước khắp Roma (chúng tôi thường gọi chị là “Catherine-Xương-Đùi-Dài-Ba-Feet”) và tôi hấp tấp theo sau chị, như tôi vẫn vậy từ thuở còn chập chững, bước hai bước hăm hở sau mỗi bước chân chị mình.

“Thấy không, Liz?” chị nói. “Xem họ vừa đập cái mặt tiền thế kỷ mười chín trên công trình bằng gạch đỏ chưa? Chị cá nếu mình rẽ qua góc thì sẽ thấy... đúng rồi!... thấy chưa, họ đã dùng đá nguyên khối La Mã nguyên thủy để làm cột chống, chắc vì họ không có nhân lực để dời chúng... ờ, chị khá là thích đặc điểm thập cẩm của nhà thờ này...”

Catherine mang theo cái bản đồ và quyển *Hướng dẫn Michelin Green*, còn tôi mang theo bữa ăn trưa dã ngoại (hai khúc bánh mì lớn cỡ bóng softball, xúc xích đậm đà gia vị, cá mòi ngâm với ô liu xanh dày cơm, patê nấm có mùi như một khu rừng, những viên mozzarella xông khói, rau arugula nướng tiêu, cà chua bi, phô mát pecorino, nước khoáng và một phần rượu trắng ướp lạnh), và khi tôi thắc mắc khi nào thì chúng tôi sẽ ăn, chị lại thắc mắc thật to, “Tại sao mình *không* nói thêm về Hội đồng xứ Trent nữa?”

Chị dẫn tôi đến hàng tá nhà thờ ở Roma, và tôi không thể nhớ hết – Thánh Này và Thánh Nọ, và rồi Thánh Nào đó trong Những người Sám hối Chân trần Khổ hạnh Công chính... nhưng tôi không thể nhớ tên hay chi tiết của tất cả những trụ tường và mái đua thì không có nghĩa là tôi không thích ở bên trong những nơi này với chị mình, người có đôi mắt xanh thăm chẳng bỏ sót thứ gì. Tôi không nhớ tên của nhà thờ có những bức bích họa nom tựa

như những bức bích họa khoa trương. Chính sách mới WPA^[25] của Mỹ, nhưng tôi nhớ là Catherine đã trở chúng và nói với tôi, “Em phải thích mấy Đức Giáo hoàng Franklin Roosevelt trên kia...” Tôi cũng nhớ buổi sáng chúng tôi dậy sớm và đến lễ Mết ở nhà thờ St. Susanna, cùng nắm tay nhau lắng nghe các xơ ở đây hát thánh ca Gregoria buổi sớm mai, cả hai chúng tôi đều khóc vì lời cầu nguyện vang vọng ám ảnh của các xơ. Chị tôi không phải người sùng đạo. Không ai trong gia đình tôi thực sự sùng đạo. (Tôi đã quen coi mình là “con ngoan” của gia đình). Chị quan tâm đến những tìm hiểu về tâm linh của tôi chủ yếu từ góc độ của sự tò mò mang tính trí tuệ. “Chị nghĩ kiểu đức tin đó là rất đẹp đẽ,” chị thì thầm với tôi trong nhà thờ, “nhưng chị không thể làm thế, chỉ là chị không thể....”

Còn đây là một thí dụ khác về sự khác biệt trong thế giới quan của chúng tôi. Một gia đình hàng xóm nhà chị tôi vừa mới đây chịu hai thảm kịch khi người ta chẩn đoán cả người mẹ trẻ và đứa con trai ba tuổi của cô ấy đều bị ung thư. Khi Catherine kể cho tôi nghe chuyện ấy, tôi chỉ có thể nói, choáng váng, “Lạy Chúa, gia đình ấy cần được phù hộ.” Chị trả lời chắc nịch, “Gia đình đó cần *món thịt hầm*,” và rồi bắt đầu tổ chức cả khu xóm giềng nhà chị mang bữa tối cho gia đình này, thay phiên nhau, tối nào cũng vậy, trong cả một năm. Tôi không rõ liệu chị tôi có hoàn toàn công nhận rằng đây là ân sủng hay không.

Chúng tôi bước ra khỏi nhà thờ St. Susanna, và chị nói, “Em có biết vì sao các Giáo hoàng cần quy hoạch thành phố vào thời Trung cổ không? Vì về cơ bản mỗi năm ta có hai triệu người hành hương Công giáo từ khắp thế giới phương Tây đến để bước từ Vatican tới St. John Lateran – đôi khi lết đến bằng đầu gối – và ta phải có *những tiện nghi* cho những người này.”

Đức tin của chị tôi là học hỏi. Kinh Thánh của chị là *Từ điển tiếng Anh Oxford*. Khi chị cúi đầu vào sách vở, mấy ngón tay lật nhanh các trang, chị đang ở cùng Chúa của mình. Tôi thấy chị đang cầu nguyện lần nữa cũng trong ngày hôm ấy – khi chị quỳ xuống giữa Roma Forum, phủi sạch mấy thứ rác rưởi trên mặt đất (như thể xóa bảng đen), rồi lượm một hòn đá nhỏ lên và vẽ trên mặt đất cho tôi xem bản vẽ một nhà thờ Roma cổ điển. Chị chỉ trở từ hình vẽ của mình đến đồng hồ nát trước mặt, hướng dẫn tôi hiểu rằng (thậm chí rõ ràng thách tôi hiểu!) tòa nhà đó đã từng trông ra sao mười tám thế kỷ trước. Chị dùng ngón tay phác trong hư không những cổng vòm bị thiếu, gian giữa giáo đường, những cánh cửa sổ từ lâu đã không còn. Như Harold với Bút Chì Tím của mình, chị lấp đầy vũ trụ vắng bóng bằng trí tưởng tượng của chị và hoàn thiện cái đã điều tàn.

Trong tiếng Ý có một thì ít khi dùng là *passato remoto*, quá khứ xa. Ta dùng thì này khi đang thảo luận những điều trong quá khứ đã xa xôi, những điều đã xảy ra lâu lắm về trước đến nỗi chúng không còn ảnh hưởng cá nhân nào đối với ta nữa – ví dụ, lịch sử cổ đại. Nhưng chị tôi, nếu chị nói tiếng Ý, sẽ không dùng thì này để thảo luận lịch sử cổ đại. Trong thế giới của chị, Roman Forum không phải xa xôi, cũng không phải là quá khứ. Nó hiện diện và gần bên chị cũng như tôi vậy.

Ngày hôm sau chị đi.

“Nghe này,” tôi nói. “Nhớ gọi cho em khi máy bay hạ cánh an toàn, OK? Không phải bệnh hoạn, nhưng...”

“Chị biết rồi, cưng,” chị nói. “Chị cũng yêu em.”

Đôi khi tôi rất ngạc nhiên nhận thấy rằng chị tôi là một người vợ và một người mẹ, còn tôi thì không. Không hiểu sao tôi cứ nghĩ lẽ ra phải là ngược lại. Tôi nghĩ lẽ ra phải là tôi, có một nhà đầy ắp đấm bần và trẻ con la hét, trong khi Catherine sẽ sống độc thân, làm việc solo, nằm một mình trong giường đọc sách. Chúng tôi lớn lên thành những người khác với điều ai đó có thể thấy trước, khi chúng tôi còn bé. Dù sao, thế này thì tốt hơn, tôi nghĩ. Ngược với mọi dự đoán, hai chị em tôi đã tạo ra đời sống phù hợp với mình. Bản tính cô đơn của chị nghĩa là chị cần một gia đình để không đơn độc; bản tính thích giao du của tôi có nghĩa tôi sẽ không bao giờ phải lo nghĩ về chuyện một mình, ngay cả khi tôi độc thân. Tôi vui vì chị đang trở về nhà với gia đình và cũng vui vì tôi còn chín tháng du lịch nữa trước mặt, khi mà tất cả những gì tôi phải làm là ăn và đọc và cầu nguyện và viết.

Tôi vẫn không thể nói trước sẽ có lúc nào đó mình muốn có con không. Tôi đã rất ngạc nhiên nhận ra rằng mình không có con lúc ba mươi tuổi; hồi ức về sự ngạc nhiên đó khiến tôi không đặt cược vào chuyện mình sẽ cảm thấy thế nào ở tuổi bốn mươi. Tôi chỉ có thể nói mình cảm thấy thế nào lúc này – biết ơn được một mình. Tôi cũng biết rằng mình sẽ không dẫn bước và có con chỉ vì sợ sau này có thể sẽ hối tiếc đã bỏ lỡ điều đó; tôi không nghĩ đây là động cơ đủ mạnh để đưa thêm nhiều trẻ con vào thế gian. Tuy nhiên tôi cho rằng người ta sinh con để cái đôi khi vì lý do đó – để bảo đảm sẽ không tiếc nuối về sau. Tôi nghĩ người ta có con vì đủ mọi loại lý do, đôi khi vì một khát khao đơn thuần là để nuôi nấng và chứng kiến sự sống, đôi khi vì không có sự chọn lựa, đôi khi để bám víu một người bên cạnh hay để có người nối dõi; đôi khi thì chẳng nghĩ về điều đó theo một cách cụ thể nào. Không phải tất cả các lý do có con đều giống nhau, và không nhất thiết tất cả các lý do đó đều vô tư. Nhưng, cũng không phải tất cả các lý do *không* có con đều giống nhau. Cũng không nhất thiết tất cả các lý do đó đều ích kỷ.

Tôi nói điều này vì tôi vẫn đang giải quyết lời cáo buộc chồng tôi đã chĩa vào tôi nhiều lần khi cuộc hôn nhân của chúng tôi đang sụp đổ - ích kỷ. Mỗi lần anh nói vậy, tôi đồng ý hoàn toàn, thừa nhận tội lỗi, chấp nhận hết tất cả. Lạy Chúa, tôi thậm chí còn chưa có con thể mà tôi đã hờ hững với chúng rồi, đã chọn mình hơn là chúng. Tôi đã là một người mẹ tồi tệ rồi. Những đứa trẻ này – những đứa trẻ ma – xuất hiện rất nhiều trong các tranh luận của chúng tôi. Ai sẽ lo liệu cho tụi nhỏ này? Ai sẽ ở nhà với tụi nhỏ? Ai sẽ chu cấp tài chính cho tụi nhỏ? Ai sẽ cho chúng ăn giữa đêm hôm? Tôi nhớ đã từng nói với cô bạn Susan khi cuộc hôn nhân của chúng tôi trở nên không thể chịu đựng nổi rằng, “Tôi không muốn con mình lớn lên trong một gia đình như thế này.” Susan nói, “Tại sao bồ không để cái gọi là trẻ con đó ra ngoài bàn cãi? Chúng thậm chí còn chưa tồn tại, Liz à. Sao bồ không thể thú nhận là *bồ* không muốn sống trong bất hạnh thêm nữa? Rằng không ai không hai bạn muốn cả. Nhân tiện, nên nhận ra điều đó bây giờ thì tốt hơn là trong phòng sinh khi bồ đã “mở” được năm centimet.”

Tôi nhớ trong khoảng thời gian đó có dự một buổi tiệc ở New York. Một cặp, một đôi nghệ sĩ thành đạt, vừa mới có con, và người mẹ đang làm lễ ăn mừng khai trương triển lãm các tác phẩm mới của cô. Tôi nhớ đã đứng nhìn người phụ nữ này, người mới vừa làm mẹ, bạn

tôi, nghệ sĩ, khi cô đang cố gắng vừa làm bà chủ của buổi tiệc (ở trong phòng áp mái của cô) vừa chăm sóc đứa bé sơ sinh vừa cố thảo luận công việc của mình một cách chuyên nghiệp. Trong đời tôi chưa từng thấy ai trông thiếu ngủ đến vậy. Tôi không bao giờ có thể quên được hình ảnh cô ấy đứng trong bếp khi đã quá nửa đêm, chậu rửa đầy lút chén đĩa đến tận cùi chỏ, cố gắng dọn dẹp sau sự kiện này. Chồng cô (tôi xin lỗi tường thuật chuyện này, và tôi nhận thức đầy đủ rằng đây *hoàn toàn* không phải tiêu biểu cho mọi ông chồng) đang ở trong một phòng khác, hai chân chính xác là đang gác trên bàn cà phê, ngồi xem TV. Cuối cùng cô ấy hỏi anh ta có thể giúp lau bếp không, và anh ta nói, “Cứ để đấy, em yêu – mình sẽ dọn dẹp vào buổi sáng.” Đứa bé lại bắt đầu khóc. Sữa rỉ ra từ ngực bạn tôi thấm qua chiếc áo dạ hội.

Gần như dĩ nhiên là những người khác dự buổi tiệc này đã ra về với các quan niệm khác quan niệm của tôi. Bao nhiêu người khách khác có thể đã cảm thấy rất ghen tị với người phụ nữ xinh đẹp có đứa con mới chào đời khỏe mạnh, với sự nghiệp nghệ thuật thành công của cô ấy, với cuộc hôn nhân cùng một người đàn ông tử tế, với căn hộ dễ thương, với cái áo dạ hội của cô. Tại buổi tiệc này nhiều người có lẽ sẽ đối đời mình với cô trong phút chốc, nếu cô cơ hội. Chính người phụ nữ này chắc rằng cũng nhìn lại buổi tối hôm đó – nếu có lúc nào cô nghĩ về nó – như một đêm mệt nhọc nhưng hoàn toàn xứng đáng trong toàn bộ cuộc đời làm mẹ, hôn nhân và sự nghiệp toại nguyện của mình. Dù sao, tất cả những gì tôi có thể nói về phần mình là tôi đã run lên hoảng sợ trong suốt cả buổi tiệc, nghĩ rằng: *Nếu mi không nhận ra đây là tương lai của mi, Liz, thì mi mất trí rồi. Đừng để chuyện đó xảy ra.*

Nhưng phải chăng tôi có trách nhiệm phải có một gia đình?Ồ, Chúa ơi – *trách nhiệm*. Từ đó đã tác động lên tôi cho đến khi tôi tác động lại nó, cho đến khi tôi xem xét nó kỹ lưỡng và bẻ nó ra làm hai từ tạo nên định nghĩa đích thực của nó: *khả năng đáp ứng*. Và điều cuối cùng tôi phải đáp ứng là hiện thực rằng mỗi hạt tồn tại của tôi bảo tôi ra khỏi cuộc hôn nhân của mình. Đâu đó trong tôi một hệ thống cảnh báo sớm dự báo là nếu tôi cứ cố đi qua cơn bão này trong căng thẳng, kết cục là tôi sẽ bị ung thư. Và rằng nếu tôi cứ đem bọn trẻ đến cuộc đời này, chỉ vì không muốn đối mặt với rắc rối phức tạp hay xấu hổ khi tiết lộ vài chuyện thiếu thực tế của bản thân – *điều này sẽ là một hành vi vô trách nhiệm tai hại*.

Cuối cùng, dù sao, tôi gần như đã đi theo sự dẫn dắt của cái gì đó mà cô bạn Sheryl nói với tôi tại buổi tiệc đêm ấy, khi cô thấy tôi nấp trong phòng tắm trên khu áp mái sang trọng của bạn mình, run rẩy sợ hãi, vã nước lên mặt. Lúc đó Sheryl chưa biết chuyện gì đang xảy ra trong hôn nhân của tôi. Chưa ai biết. Và đêm đó tôi cũng không nói cho cô ấy biết. Tôi chỉ có thể nói được một điều, “Tôi không biết phải làm gì nữa.” Tôi nhớ cô ấy nắm lấy vai tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi với một nụ cười bình thản và nói đơn giản, “Cứ nói thật, nói sự thật, nói sự thật.”

Vậy nên đó là điều tôi đã cố gắng làm.

Dù sao, bước ra khỏi hôn nhân là chuyện rất khó khăn, không chỉ vì sự phức tạp dính dáng đến luật pháp/tài chính hay những biến động to lớn trong lối sống. (Như bạn Deborah của tôi đã từng rất sáng suốt khuyên, “Chẳng ai chết vì chia tách đồ đạc trong nhà.”) Chính sự thoái lui về cảm xúc mới giết ta, cú sốc khi bước ra khỏi lộ trình đời sống quy ước và mãi mãi mất tất cả những tiện nghi bao bọc từng giữ biết bao nhiêu người trên lộ trình đó. Tạo dựng một gia đình với một người chồng hay vợ là một trong những cách cơ bản để một

người có thể tìm thấy tính liên tục và ý nghĩa của xã hội Mỹ (hay bất kỳ xã hội nào). Tôi lại nhận ra chân lý này mỗi khi đến dự buổi họp mặt lớn của họ hàng đẳng ngoại ở Minnesota và thấy mọi người sao mà vững vàng an ổn trong vị trí của mình qua nhiều năm đến thế. Đầu tiên ta là một đứa trẻ, rồi là thiếu niên, rồi là một người còn trẻ lập gia đình, rồi là bố mẹ, rồi về hưu, rồi trở thành ông bà - ở mỗi giai đoạn ta biết ta là ai, ta biết phận sự của ta là gì và ta biết phải ngồi ở đâu trong buổi họp mặt. Ta ngồi với những đứa trẻ, hay thanh thiếu niên, hay bậc cha mẹ trẻ, hay người về hưu. Cho đến khi cuối cùng ta ngồi với những bậc chín mươi tuổi trong bóng tâm, trông nom con cháu mình một cách mãn nguyện. Ta là ai? Không thành vấn đề - ta là người đã tạo dựng ra *tất cả* thứ này. Sự mãn nguyện khi biết được điều đó diễn ra ngay tức thì, và hơn nữa, được thừa nhận phổ quát. Tôi đã nghe bao nhiêu người khẳng định con cái họ là thành tựu và niềm an ủi lớn nhất của đời họ rồi? Đó là điều họ luôn có thể dựa vào trong một cuộc khủng hoảng siêu hình, hay một phút giây hồ nghi về tính thích hợp của họ - *nếu tôi đã không làm được bất cứ gì khác trong đời này, thì ít nhất tôi cũng đã nuôi dạy con cái tử tế*.

Nhưng nếu, hoặc do chọn lựa hoặc do bắt buộc khiến cưỡng, ta không tham gia vào cái vòng tròn đổ dành của gia đình và kế tục này thì sao? Nếu ta bước ra thì sao? Ta sẽ ngồi đâu ở buổi họp mặt? Làm sao ta đánh dấu thời gian trôi qua mà không sợ rằng mình đã lãng phí thời gian trên cõi đời một cách không thích đáng? Ta sẽ phải tìm ra một mục đích khác, một thước đo khác để đánh giá ta có phải là một người thành công hay không. Tôi yêu trẻ con, nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không có đứa con nào cả? Điều đó biến tôi thành loại người nào?

Virginia Woolf đã viết, “Bóng một thanh gươm sẽ đổ xuống cắt ngang lục địa rộng lớn là đời một phụ nữ.” Ở bên này của thanh gươm đó, bà nói, là quy ước, truyền thống và trật tự, nơi “tất cả đều đúng”. Nhưng ở bên kia của thanh gươm, nếu ta đủ điên rồ bước qua và chọn một cuộc đời không tuân theo quy ước, “tất cả đều hỗn loạn. Không có gì theo một tiến trình bình thường.” Lý lẽ của bà là bước qua bóng của thanh gươm đó có thể đem đến một tồn tại thú vị hơn rất nhiều cho một phụ nữ, nhưng ta có thể chắc nó cũng sẽ hiếm nghèo hơn.

Tôi may mắn là chỉ ít tôi còn có công việc viết lách. Đây là điều gì đó mọi người có thể hiểu. *À, cô ta từ bỏ hôn nhân để bảo toàn nghệ thuật của mình*. Điều này có phần nào đúng, dù không phải hoàn toàn là thế. Rất nhiều nhà văn có gia đình. Toni Morrison, ví dụ, không để việc nuôi dạy con cái cản trở bà giành được cái thứ rẻ tiền nhỏ bé mà ta gọi là Giải Nobel. Nhưng Toni Morrison đã tạo ra con đường riêng của bà, còn tôi phải tạo lập con đường của tôi. Bhagavad Gita – bản kinh Yoga Ấn Độ cổ ấy – nói là sống định mệnh của chính mình một cách không hoàn hảo thì tốt hơn là sống mô phỏng đời của người khác một cách hoàn hảo. Vậy nên giờ đây tôi bắt đầu sống cuộc sống của chính mình. Dù có thể trông không hoàn hảo và vụng về, nhưng giờ thì nó giống tôi, hoàn toàn.

Dù sao, tôi nêu ra tất cả những điều này chỉ để thú nhận là – so với tồn tại của chị tôi, với gia đình của chị, cuộc hôn nhân tốt đẹp của chị và những đứa con chị - tôi có vẻ khá bất ổn trong những ngày này. Thậm chí tôi không có lấy một địa chỉ, và điều này gần như một tội ác chống lại tính chuẩn tắc ở cái tuổi già chín chắn ba mươi tư này. Thậm chí ngay lúc này, tất cả đồ đạc của tôi đang cất trong kho nhà Catherine và chị ấy đã cho tôi một phòng ngủ tạm thời trên tầng trên cùng nhà chị (nơi chúng tôi gọi là “Khu Bà dì Chưa chồng”, vì nó bao gồm một cửa sổ gác xép nơi tôi có thể đắm đắm nhìn ra những cánh đồng hoang ngoài kia

trong chiếc áo cưới cũ của mình, u hoài về tuổi trẻ đã mất). Catherine có vẻ hài lòng với thu xếp này, và điều đó tất nhiên thuận tiện cho tôi, nhưng tôi cảnh giác với mối nguy rằng nếu trôi dạt khỏi thế giới này một cách tùy tiện quá lâu, một ngày nào đó tôi có thể trở thành Kẻ Lập dị trong Gia đình. Hoặc chuyện đó có thể đã xảy ra. Hè năm ngoái, đứa cháu gái năm tuổi của tôi mời cô bạn nhỏ đến nhà chị tôi chơi. Tôi hỏi đứa bé nó sinh nhật ngày nào. Cô bé nói là ngày 25 tháng Một.

“Ừ-ô!” Tôi nói. “Vậy con là tuổi Bảo Bình rồi! Cô đã hẹn hò với nhiều người tuổi Bảo Bình đủ để biết là họ *rắc rối*.”

Cả hai đứa bé năm tuổi nhìn tôi ngờ ngác với một chút ngờ vực sợ sệt. Đột nhiên tôi có một ý niệm kinh hãi về người đàn bà mà mình có thể trở thành nếu không thận trọng: Dì Liz Khùng. Một bà ly dị trong cái áo dài lụng thụng với mái tóc nhuộm cam, không ăn thực phẩm bơ sữa mà hút thuốc lá bạc hà, một người lúc nào cũng vừa mới trở về sau chuyến du lịch chiêm tinh trên sông nước hay sau khi đoạn giao với người bạn trai chuyên gia hương được của bà ta, một người xem bài tarô cho trẻ mẫu giáo và nói những thứ như, “Hãy đem cho Dì Liz một thùng làm lạnh rượu khác, cưng, và ta sẽ cho mi đeo cái nhẫn đá đổi màu của ta...”

Cuối cùng tôi phải trở lại là một công dân đáng tin cậy hơn, tôi biết điều ấy.

Nhưng chưa đâu... *xin làm ơn*. Vẫn chưa đâu.

Trong sáu tuần sau đó tôi đi Bologna, Florence, Venice, Sicily, Sardinia, xuống Naples một lần nữa, rồi sang Calabria. Phần lớn là những chuyến đi ngắn – một tuần ở đây, một kỳ cuối tuần ở kia – chỉ là một khoảng thời gian đủ để cảm nhận về nơi đó, để nhìn quanh, để hỏi mọi người trên phố thức ăn ngon ở đâu và rồi đến ăn. Tôi bỏ lớp học tiếng Ý vì bắt đầu cảm thấy nó gây trở ngại cho những cố gắng học tiếng Ý của mình, nó làm tôi kẹt trong lớp học thay vì lang thang khắp nước Ý, nơi tôi có thể thực tập trực tiếp với mọi người.

Những tuần lễ du lịch ngẫu hứng này là một vòng xoáy thời gian huy hoàng, những ngày phóng túng nhất trong đời tôi, chạy đến ga xe lửa mua vé liên tục, rồi cuộc tôi cũng bắt đầu uốn nắn tự do của tôi cho đúng đắn vì cuối cùng thì tôi đã thấm thía được là *mình có thể đi bất cứ nơi nào mình muốn*. Trong một thời gian tôi không gặp bạn bè mình ở Roma. Giovanni nói với tôi trong điện thoại, “*Sei una trottola*” (“Chị là một con vù”). Một đêm ở thành phố đầu đó bên bờ Địa Trung Hải, trong phòng khách sạn gần biển, âm thanh tiếng cười của chính tôi thực sự đã đánh thức tôi giữa giấc ngủ say. Tôi giật mình. *Ai đang cười trong giường tôi đấy?* Khi nhận ra đó chỉ là chính mình, tôi còn cười dữ hơn nữa. Giờ tôi không thể nhớ mình đã mơ thấy gì. Tôi nghĩ có lẽ nó có liên quan đến những con thuyền.

Ở Florence chỉ một kỳ nghỉ cuối tuần, chuyến tàu tốc hành vào buổi sáng thứ Sáu đưa tôi tới chơi với cậu Terry và vợ Deb, họ đã bay từ Connecticut đến để thăm Ý lần đầu trong đời và để gặp cô cháu, dĩ nhiên. Họ đến vào buổi tối, và tôi dẫn họ đi dạo chơi ngắm Duomo, vẫn luôn là một quang cảnh rất ấn tượng, bằng chứng chính là phản ứng của cậu tôi:

“Trời ơi!” cậu nói, rồi dừng lại và thêm, “Hay có lẽ đây là một từ sai khi ca ngợi một nhà thờ Công giáo...”

Chúng tôi nhìn Sabines bị bắt cóc ngay đó giữa vườn điêu khắc mà không có một ai làm gì để ngăn lại, rồi đến chào Michelangelo, đến viện bảo tàng khoa học, đến các sườn đồi bao quanh thành phố phóng mắt ngắm nhìn quang cảnh. Rồi tôi để cậu vợ thưởng thức phần còn lại của kỳ nghỉ mà không có tôi, và tiếp tục một mình đến Lucca rộng lớn và thịnh vượng, đến Tuscan thành phố nhỏ với những cửa hàng thịt nổi tiếng, nơi những miếng thịt ngon nhất tôi từng thấy trên khắp Ý được bày biện với một nhục cảm kiểu “bạn biết là bạn muốn mà” trong các cửa hàng khắp thành phố. Xúc xích với mọi xuất xứ, kích thước, màu sắc ta có thể tưởng tượng, được nhồi như cặp giò phụ nữ trong đôi vớ dài khiêu khích, đu đưa trêu trên trần cửa hàng thịt. Những miếng mỡ giăm bông treo trên cửa sổ, đóng đưa ra hiệu như những gái điểm hạng sang ở Amsterdam. Những con gà ngay cả khi đã chết vẫn trông béo mẫm và mẫn nguyện đến nỗi ta tưởng tượng chúng đã tự nguyện hy sinh một cách tự hào, sau khi tranh đua với nhau lúc còn sống xem ai có thể trở nên ẩm ướt nhất và mỡ màng nhất. Nhưng ở Lucca không chỉ có thịt là thứ tuyệt vời nhất; còn có hạt dẻ, đào, những quả sung bày ra lẫn lộn, Chúa ơi, những quả sung...

Tất nhiên thành phố cũng nổi tiếng là vì sinh quán của Puccini. Tôi biết mình nên quan tâm đến điều này, nhưng tôi hứng thú hơn với bí mật mà một người bán tạp phẩm địa phương chia sẻ với tôi – năm ngon nhất trong thành phố được phục vụ ở một nhà hàng *đối diện* nhà của Puccini. Thế là tôi lang thang khắp Lucca, hỏi đường bằng tiếng Ý, “Vui lòng chỉ cho tôi nhà của Puccini?” và cuối cùng một người dân tốt bụng dẫn tôi đến tận chỗ ấy, và rồi có lẽ rất ngạc nhiên khi ngay sau khi nói “*Grazie*” tôi liền quay gót và bước về hướng đối diện lối vào viện bảo tàng, bước tới một nhà hàng bên kia đường và chờ ngoài mưa để được dọn món *risotto ai funghi*.

Giờ tôi không nhớ được mình đã đến Bologna trước hay sau Lucca – một thành phố đẹp đến nỗi tôi không thể thôi hát suốt thời gian ở đó, “Bologna của tôi có một cái tên! Đó là X-I-N-H-Đ-E-P.” Theo truyền thống, Bologna – với kiến trúc gạch duyên dáng và sự thịnh vượng nổi tiếng – đã được gọi là “Đỏ, Mỡ, và Đẹp.” (Và, đúng, đây là một tựa đề có thể chọn cho quyển sách này.) Thức ăn ở đây thì rõ ràng là ngon hơn ở Roma, hay có lẽ chỉ vì họ dùng nhiều bơ hơn. Ngay cả gelato ở Bologna cũng ngon hơn (và tôi cảm thấy có chút không chung tình khi nói điều ấy, nhưng đó là sự thật). Nấm ở đây giống như những cái lưới lớn, dày và gợi tình, còn prosciutto^[26] phủ khắp bánh pizza như cái mạng che mặt bằng đăng ten phủ trên một chiếc mũ phụ nữ đắt tiền. Và tất nhiên là còn xốt Bologna nữa, cái thứ cười miệt thị bất kỳ ý tưởng *ragù*^[27] nào.

Ở Bologna tôi chợt nghĩ là trong tiếng Anh không có thuật ngữ tương đương với thuật ngữ *buon appetito*. Đây là một điều đáng tiếc và cũng rất ấn tượng. Tôi chợt nghĩ rằng các ga xe lửa của Ý là một chuyến đi suốt những cái tên thực phẩm và rượu nổi tiếng nhất thế giới: ga tới, *Parma*... ga tới, *Bologna*... ga tới nữa, đang đến *Montepulciano*... Bên trong xe lửa cũng có thức ăn, tất nhiên – bánh sandwich nhỏ và sô cô la nóng thật ngon. Nếu bên ngoài trời mưa, sẽ còn tuyệt hơn khi ăn qua loa và phóng thật nhanh. Trong một chuyến đi dài, tôi chia toa xe lửa với một anh chàng Ý trẻ đẹp cứ ngủ hàng giờ suốt cơn mưa khi tôi đang ăn món xà lách mực. Anh chàng tỉnh dậy không lâu trước khi chúng tôi đến Venice, dụi mắt, xem xét tôi kỹ lưỡng từ chân đến đầu và khẽ nói: “*Carina*.” Nghĩa là: dễ thương.

“*Grazie mille*,” tôi nói với chàng ta với một vẻ lịch sự thái quá. Ngàn lần cảm ơn.

Anh chàng ngạc nhiên. Anh ta đã không nhận ra là tôi *nói tiếng Ý*. Quả thực cả tôi cũng vậy, nhưng chúng tôi trò chuyện trong chừng hai mươi phút và lần đầu tiên tôi nhận ra mình nói tiếng Ý. Một lần ranh nào đó đã được vượt qua và giờ tôi đang thực sự nói tiếng Ý. Không phải tôi đang diễn giải; tôi đang trò chuyện. Tất nhiên, mỗi câu đều có một lỗi, và tôi chỉ biết có ba thì, nhưng tôi có thể giao tiếp với anh chàng này không mấy vất vả. *Me la cavo* là điều ta nên nói trong tiếng Ý, nó căn bản có nghĩa là, “Tôi có thể thoát được.” Nhưng nó cũng là động từ ta dùng để nói về việc mở nút một chai rượu, nghĩa là, “Tôi có thể sử dụng ngôn ngữ này để thoát ra khỏi những tình huống căng thẳng.”

Gã đang cố quyến rũ tôi đây, tên nhóc này! Không phải hoàn toàn không tán tỉnh. Anh chàng không phải hoàn toàn không hấp dẫn. Nhưng anh ta cũng không phải không mơ hồ vênh váo. Có lúc anh ta nói với tôi bằng tiếng Ý, muốn ca ngợi, tất nhiên, “Là một phụ nữ Mỹ thì cô không quá mập.”

Tôi đáp bằng tiếng Anh, “Còn là một đàn ông Ý thì anh không quá ngọt xót.”

“*Come?*”

Tôi lặp lại, bằng tiếng Ý đã được chỉnh sửa chút ít, “Còn anh thì thật lịch thiệp, cũng như mọi đàn ông Ý.”

Tôi có thể nói ngôn ngữ này! Cậu nhóc tưởng tôi thích cậu, nhưng chính là tôi đang đùa với những con chữ. Lạy Chúa – tôi đã gạn lọc được mình! Tôi đã mở nút cái lưỡi của mình, và tiếng Ý đang tràn ra! Anh chàng muốn gặp tôi ở Venice, nhưng tôi không có hứng thú với anh ta ngay từ đầu. Tôi chỉ tương tư với ngôn ngữ này thôi, nên tôi để anh ta lướt đi. Dù sao đi nữa, tôi cũng đã có một cái hẹn ở Venice. Tôi sẽ gặp cô bạn Linda ở đó.

Linda khùng, tôi vẫn thích gọi cô ấy vậy, dù cô không thể, đang đến Venice từ Seattle, một thành phố ẩm ướt và xám xịt nữa. Cô ấy muốn đến thăm tôi ở Ý, nên tôi mời cô đi cùng chặng này trong hành trình của mình vì tôi từ chối – tôi dứt khoát khước từ - đến thành phố lãng mạn nhất trên trái đất một mình, không, không phải bây giờ, không phải năm nay. Tôi chỉ cần hình dung chỉ có một mình tôi ở phía đuôi chiếc thuyền đáy bằng, để một người chèo thuyền hát ngâm nga kéo lê qua sương mù trong khi tôi ... đọc một quyển tạp chí? Đó là một hình ảnh buồn, khá giống cái ý tưởng đơn độc gò lưng đập lên một ngọn đồi trên một chiếc xe-đạp-dành-cho-hai-người. Nên Linda sẽ bầu bạn với tôi, mà lại còn là một bầu bạn tốt.

Tôi gặp Linda (và mái tóc cuốn lộn dài của cô ấy và mấy cái móc khoen của cô ấy) ở Bali gần hai năm trước khi tôi dự kỳ ẩn dật Yoga đó. Sau đó, chúng tôi đã cùng làm một chuyến đến Costa Rica. Cô là một trong những bạn đồng hành ưa thích của tôi, một con yêu tinh nhỏ, thú vị, không nao núng, có tổ chức đáng ngạc nhiên, mặc quần bó bằng nhung mịn màu đỏ. Linda là chủ nhân của một trong những tâm hồn còn nguyên vẹn trên thế giới, không thể hiểu nổi phiền muộn là gì và có lòng tự trọng ta không thể đánh giá gì hơn là rất cao. Một lần cô đã nói với tôi, khi cô tự ngắm mình trong gương: “Phải thú nhận, tớ không phải là người trông tuyệt vời về mọi mặt, nhưng tớ vẫn không thể không yêu mình.” Cô ấy có cái khả năng làm tôi câm miệng khi tôi bắt đầu bút rứt với những câu hỏi siêu hình của mình, như “Bản chất của vũ trụ là gì?” (Linda đáp: “Câu hỏi duy nhất của tớ là: Tại sao phải hỏi?”) Linda muốn một ngày nào đó để mái tóc cuốn lộn của mình dài đến độ cô có thể bện thành một công trình dây ràng trên đỉnh đầu “như một tác phẩm nghệ thuật tạo hình cây cảnh” và có thể còn nuôi một con chim ở đó. Người Bali thích Linda. Người Costa Rica cũng vậy. Khi cô ấy không chăm sóc mấy con thần lùn và chồn sương cung của mình, cô trông coi một nhóm phát triển phần mềm ở Seattle và làm ra nhiều tiền hơn bất kỳ ai trong chúng ta.

Vậy là chúng tôi gặp nhau ở Venice, và Linda cau mày nhìn tấm bản đồ thành phố, lật ngược nó lại, xác định vị trí khách sạn của chúng tôi, định hướng chính mình và nói với một vẻ khiêm cung rất riêng, “Tụi mình là những thị trưởng của cái mông thành phố này.”

Sự vui vẻ của cô, sự lạc quan của cô – chẳng cách nào phù hợp với cái thành phố đang chìm dần, hôi hám, chậm chạp, bí ẩn, yên tĩnh, kỳ cục này. Venice có vẻ là một thành phố tuyệt vời để chết một cái chết từ từ trong men rượu, hay để mất một người thương yêu, hay để mất thứ hưng khí đã cướp đi người thương yêu ban đầu. Thấy Venice rồi, tôi mừng là mình đã chọn sống ở Roma thay vì ở đây. Tôi nghĩ nếu ở đây có thể sẽ không thoát khỏi mấy viên thuốc chống suy nhược nhanh đến vậy. Venice đẹp, nhưng giống như một bộ phim của Bergman cũng đẹp; ta có thể thán phục nó, nhưng ta không thật sự muốn sống trong đó.

Cả thành phố đang tróc lở và tàn phai như những dãy phòng sang trọng của những gia đình giàu có xưa kia sẽ án ngữ phía sau lâu đài của họ khi việc duy trì bảo dưỡng trở nên quá tốn kém, sẽ là dễ dàng hơn khi chỉ cần đóng chặt các cửa lại và quên đi những kho báu hấp hối ở phía bên kia – đó là Venice. Những dòng nước xoáy ngược mù sương của biển Adriatic vỗ vào nền móng nhẵn nại của những tòa nhà đó, thử sức chịu đựng của thí nghiệm triển lãm khoa học thế kỷ mười bốn đó – *Này, nếu chúng tôi xây dựng một thành phố đứng trên nước mãi mãi thì sao nào?*

Venice trông ma quái dưới nền trời tháng Mười một vẩn vù của nó. Thành phố cọt kẹt và lắc lư như cái cầu tàu câu cá. Bất chấp sự tự tin ban đầu của Linda là chúng tôi có thể làm chủ được thành phố này, ngày nào chúng tôi cũng bị lạc, mà đặc biệt là vào ban đêm, rẽ lăm vào những góc tối chấm dứt bế tắc một cách nguy hiểm và thẳng đến mặt kênh. Một đêm mù sương, chúng tôi đi ngang một tòa nhà cũ dường như đang thực sự rên rỉ vì đau đớn. “Không việc gì phải lo,” Linda líu lo. “Đó chỉ là cái dạ dày lép kẹp của Satăng thôi.” Tôi chỉ cho cô từ tiếng Ý ưa thích của tôi – *attraversiamo* (“hãy băng qua nào”) – và chúng tôi bần chồn rút lui khỏi chỗ đó.

Cô chủ quán ăn trẻ đẹp người Venice gần chỗ chúng tôi ở là một người có số phận đáng thương. Cô ghét Venice. Cô thề rằng bất kỳ ai sống ở Venice đều xem nó như một nắm mồi.

Cô đã từng phải lòng một nghệ sĩ xứ Sardinia, người đã hứa hẹn cho cô một thế giới khác với ánh nắng và mặt trời, nhưng thay vì thế đã bỏ rơi cô với ba đứa trẻ và cô không có lựa chọn nào khác ngoài trở lại Venice, trông coi một quán ăn gia đình. Cô cùng tuổi tôi nhưng trông còn già hơn, và tôi không thể hình dung nổi loại đàn ông có thể làm *như vậy* với một phụ nữ quyến rũ đến thế. (“Anh ấy quyền uy,” cô nói “và tôi chết vì yêu trong cái bóng của anh.”) Venice bảo thủ. Người phụ nữ này đã có vài chuyện tình ở đây, có lẽ thậm chí với một số đàn ông đã có gia đình, nhưng rồi luôn luôn kết thúc đau buồn. Những người hàng xóm xì xào về cô. Mọi người ngừng nói khi cô bước vào phòng. Mẹ cô van xin cô đeo một chiếc nhẫn cưới chỉ vì thể diện và nói là – *Con yêu, đây không phải là Roma, nơi con có thể sống tại tiếng ra sao tùy thích*. Mỗi sáng khi Linda và tôi đến ăn điểm tâm và hỏi cô chủ người Venice trẻ/già sâu muộn của mình về báo cáo thời tiết trong ngày, cô cong mấy ngón trên bàn tay phải lên như một cây súng, đặt vào thái dương, và nói, “Mưa nữa.”

Vậy mà tôi vẫn chưa bị trầm cảm ở đây. Tôi có thể đương đầu, và thậm chí không hiểu sao còn thương thức, nổi u sầu chìm đắm của Venice, dù chỉ trong một vài ngày. Đâu đó trong tôi, tôi có thể nhận ra rằng đây không phải là u sầu *của mình*; đây là nổi u sầu vốn thuộc về *riêng* thành phố này, và những ngày đó tôi đủ lạnh mạnh để có thể cảm thấy sự khác nhau giữa mình và nó. Tôi không thể không nghĩ rằng, đây là một dấu hiệu của sự hàn gắn, sự kết tinh của bản ngã mình. Đã có vài năm, lạc trong tuyệt vọng vô bờ, tôi thường cảm nhận nỗi buồn của cuộc đời là của chính mình. Tất cả những gì buồn bã xuyên thấu qua tôi và để lại những vết ẩm ướt đằng sau.

Dù sao, cũng khó mà chán chường được với một Linda lắm nhảm bên mình, cố thuyết phục tôi mua một cái mũ lông màu tím khổng lồ và hỏi về bữa tối tệ hại chúng tôi đã ăn một lần kia. “Có phải món đó gọi là Những Miếng Thịt Bê của BàPaul không?” Cô ấy là một con đom đóm, cái cô Linda này. Ở Venice vào thời Trung cổ từng có một người kiểu đàn ông làm nghề gọi là *codega* – một gã ta thuê để đi trước ta ban đêm với một cái đèn lồng đốt sáng, chỉ đường cho ta, xua đuổi trộm cướp và ma quỷ, giúp ta tự tin và bảo vệ ta qua các phố tối tăm. Linda chính là *codega* tạm thời xứ Venice, kiểu du lịch, đơn đặt hàng đặc biệt của tôi.

Vài ngày sau tôi từ xe lửa bước ra một Roma đầy nắng, nóng và náo loạn vĩnh cửu – nơi mà, ngay khi bước xuống phố, tôi có thể nghe thấy những tiếng reo hò như ở sân vận động bóng đá từ một *manifestazione* gần bên, lại một cuộc biểu tình lao động nữa. Lần này họ biểu tình về chuyện gì, người lái taxi của tôi không thể cho tôi biết, chủ yếu là vì, hình như anh ta không quan tâm. “*Sti cazzi*,” anh nói về những người biểu tình. (Dịch sát: “Mấy chuyện nhảm nhí ấy,” hay, như chúng ta có thể nói, “Tôi cóc quan tâm.”) Thật tuyệt khi được trở lại. Sau cái trầm tĩnh phẳng lặng của Venice, thật tuyệt khi trở lại nơi tôi có thể thấy một người đàn ông mặc áo vest da báo đi ngang qua một cặp thiếu niên đang hôn hít vuốt ve ngay giữa đường. Thành phố thật tươi tỉnh và sống động, chung diện và gọi tình trong nắng.

Tôi nhớ điều gì đó Giulio, chồng của Maria bạn tôi, đã từng nói với mình. Chúng tôi đang ngồi ở một quán cà phê ngoài trời, thực tập đàm thoại, và anh ấy hỏi tôi nghĩ gì về Roma. Tôi nói với anh là tôi thật sự yêu nơi này, tất nhiên, nhưng chẳng hiểu sao vẫn biết nó không phải là thành phố của mình, không phải là nơi tôi có thể sống quãng đời còn lại. Có cái gì đó ở Roma không thuộc về tôi mà tôi không thể hình dung rõ ràng là gì. Đúng lúc chúng tôi đang nói, một phương diện trực quan hữu ích đi ngang qua. Đó là một phụ nữ Roma thượng lưu – một bà chừng bốn mươi tuổi đeo đầy nữ trang, chải chuốt cầu kỳ, mang một đôi giày gót cao bốn inch, một cái váy bó sát với đường xẻ dài chừng cả sải tay, còn cặp kính mát trông như những chiếc xe đua (và có lẽ đắt như vậy). Bà ta đang dắt con chó cảnh nhỏ xiu của mình với một sợi dây nạm đá quý, còn cái cổ lông trên áo vest trông như thể được làm từ da của con chó cảnh nhỏ trước đây của bà. Bà ta đang ướm ra một điệu bộ lộng lẫy không thể tin nổi kiểu như, “Mấy người sẽ nhìn ra, nhưng ta từ chối nhìn mấy người.” Khó mà hình dung được có lúc nào đó, dù chỉ trong mười phút của đời mình, bà ta không chải mascara. Người phụ nữ này trái ngược với tôi về mọi phương diện, chị tôi thường nói về phong cách ăn mặc của tôi như là “Stevie Nicks Mặc Áo Ngủ Đến Lớp Yoga.”

Tôi chỉ người phụ nữ đó cho Giulio rồi nói, “Thấy không, Giulio, đó là một phụ nữ Roma. Roma không thể vừa là thành phố của bà ta vừa là thành phố của tôi. Chỉ có một trong hai chúng tôi thật sự thuộc về nơi đây. Và tôi nghĩ cả hai chúng ta đều biết đó là ai.”

Giulio nói, “Có lẽ cô và Roma có những từ khác nhau.”

“Ý anh là sao?”

Anh nói, “Bộ cô không biết bí quyết để hiểu được một thành phố và người của nó là tìm hiểu ngôn ngữ của đường phố sao?”

Rồi anh tiếp tục giải thích xen lẫn tiếng Anh, tiếng Ý và động tác tay, rằng mỗi thành phố có một từ duy nhất xác định nó, định dạng hầu hết người dân sống ở đó. Nếu ta có thể đọc được ý nghĩ của mọi người khi họ đi ngang qua ta trên phố ở một nơi nhất định nào đó, ta sẽ khám phá ra rằng hầu hết họ đang nghĩ cùng ý nghĩ. Bất kể ý nghĩ của đa số đó có thể là gì – đây là từ của thành phố ấy. Và nếu từ cá nhân của ta không khớp với từ của thành phố, ta không thực sự thuộc về nơi đó.

“Tù của Roma là gì?” tôi hỏi.

“TÌNH DỤC,” anh nói.

“Nhưng đó không phải khuôn mẫu của Roma chứ?”

“Phải chứ.”

“Nhưng chắc chắn có *một số* người ở Roma nghĩ về những điều khác ngoài tình dục?”

Giulio nhất quyết, “Không. Tất cả họ, suốt ngày, tất cả những gì họ đang nghĩ đến là TÌNH DỤC.”

“Ngay cả ở Vatican kia?”

“Chuyện đó khác. Vatican không phải là một phần của Roma. Ở đó họ có một từ khác. Từ của họ là QUYỀN LỰC.”

“Anh nên nghĩ nó có thể là ĐỨC TIN.”

“Là QUYỀN LỰC,” anh lặp lại. “Tin tôi đi. Nhưng từ ở Roma – đó là TÌNH DỤC.”

Giờ thì nếu bạn phải tin Giulio, cái từ nhỏ đó – TÌNH DỤC – rải sỏi những con đường dưới chân ta ở Roma, chạy khắp các đài phun nước ở đây lấp đầy không khí như tiếng ồn giao thông. Nghĩ về nó, ăn mặc vì nó, tìm kiếm nó, cân nhắc nó, từ chối nó, biến nó thành một môn thể thao hay trò chơi – đó là tất cả những gì mà bất cứ ai đang làm. Điều này có thể giải thích được một chút là tại sao, với tất cả nét lộng lẫy của mình, Roma không hoàn toàn có vẻ là quê nhà của tôi. Không phải vào thời điểm này của đời tôi. Vì TÌNH DỤC không phải là từ của tôi ngay lúc này. Nó đã từng là thế vào những thời gian khác của đời tôi, nhưng không ngay lúc này. Vì vậy, từ của Roma, khi dạo khắp các phố, chỉ va vào tôi rồi lăn đi, không để lại ảnh hưởng nào. Tôi không tham dự vào từ này, nên tôi không sống trọn vẹn ở đây. Đó là một lý thuyết lập dị, không thể chứng minh, nhưng tôi phần nào thích nó.

Giulio hỏi, “Từ ở thành phố New York là gì?”

Tôi ngẫm nghĩ một lúc, rồi quyết định. “Đó là một động từ, tất nhiên. Tôi nghĩ đó là ĐẶT ĐƯỢC.”

(Tôi tin từ này khác một cách tinh tế nhưng rất đáng kể so với từ ở Los Angeles, cũng là một động từ: THÀNH CÔNG. Về sau, tôi chia sẻ toàn bộ lý thuyết này với cô bạn Sofie Thụy Điển của tôi, và cô ấy đưa ý kiến của mình là từ trên các đường phố của Stockholm là TUẦN THỦ, điều này làm nản lòng cả hai chúng tôi.)

Tôi hỏi Giulio, “Từ ở Naples là gì?” Anh ấy biết rất rõ miền Nam nước Ý.

“ĐẤU TRANH,” anh quyết định. “Từ trong gia đình cô khi cô lớn lên là gì?”

Chuyện này thì khó đây. Tôi đã cố nghĩ đến một từ cách nào đó kết hợp cả hai từ THANH ĐẠM và BẤT KÍNH. Nhưng Giulio đã sang câu hỏi kế tiếp và hiển nhiên nhất, “Từ của cô là gì?”

Giờ thì điều đó, tôi dứt khoát không thể trả lời.

Vậy mà, sau một vài tuần nghĩ về điều đó, giờ tôi cũng không thể trả lời gì hơn. Tôi biết một số từ dứt khoát là không phải. Không phải HỒNNHÂN, điều này rõ rồi. Không phải GIA ĐÌNH (dù đây là từ của thành phố tôi đã sống cùng chồng trong vài năm, và vì tôi không khớp với từ này, đó là một nguyên nhân lớn sự đau khổ của tôi). Cũng không còn là TRẦM CẢM nữa, nhờ trời. Tôi không bận tâm chuyện chia sẻ với từ TUÂN THỦ của Stockholm. Nhưng tôi cũng không cảm thấy mình hoàn toàn sống trong từ ĐẠT ĐƯỢC của thành phố New York nữa, dù nó quả thực đã là từ trong suốt những năm tuổi hai mươi của tôi. Từ của tôi có thể là từ TÌM KIẾM. (Nhưng ngược lại, hãy thành thật với nhau – nó cũng có lẽ là ẮN TRỐN.) Trong những tháng qua ở Ý, ở một mức độ lớn thì từ của tôi là THÚ VUI, nhưng từ ấy không khớp với mọi phần trong tôi, nếu không tôi đã không hăm hở đi Ấn Độ đến vậy. Từ của tôi có thể là MỘ ĐẠO, dù nó làm tôi nghe có vẻ giống một người lên mặt đạo đức hơn và cũng chưa tính đến chuyện tôi đã uống bao nhiêu là rượu rồi.

Tôi không biết câu trả lời, và tôi nghĩ nó liên quan đến chính năm du hành này. Tìm ra từ của mình. Nhưng một điều tôi có thể nói với tất cả sự đoan quyết – đó không phải là từ TÌNH DỤC.

Hay dù sao, đó là điều tôi tuyên bố. Vậy thì các bạn cho tôi biết, tại sao bước chân tôi gần như tự nguyện dẫn tôi đến một cửa hàng nhỏ kín đáo cách xa Via Condotti, nơi – dưới sự hướng dẫn chuyên nghiệp của cô gái bán hàng người Ý trẻ trung ngọt xớt – tôi dành một vài giờ mộng mị (và một số tiền đáng giá một vé máy bay xuyên lục địa) để mua đồ lót đủ cho hoàng hậu của một sultan dùng trong một nghìn lẻ một đêm. Tôi mua áo ngực đủ mọi hình dạng và cấu tạo. Tôi mua những chiếc coócxê mặc ngoài mờ ảo, mỏng tang và những chiếc quần lót nghịch ngợm đủ màu sắc trong rổ trứng Phục sinh, những chiếc quần lót bằng xa tanh bóng mịn và thứ lựa “quên sầu”, những thứ điên rồ bằng ren, nhung hay dùng làm quà tặng valentine, hết cái này đến cái khác.

Tôi chưa từng sở hữu những thứ như vậy trong đời mình. Vậy tại sao lại là bây giờ? Khi bước ra khỏi cửa hàng, kẹp chặt cái bọc gói giấy những thứ nhảm nhí đó dưới cánh tay, bất thần tôi nghĩ đến câu hỏi thống thiết đã nghe một tay cổ động viên bóng đá Roma gào lên một đêm mới đây trong trận đấu của Lazio, khi ngôi sao đội Lazio là Albertini vào thời khắc quyết định đã đưa bóng vào một nơi chẳng có ma nào, chẳng vì lý do gì cả, hoàn toàn làm phí cơ hội.

“*Per chi???*” cổ động viên này hét gần như điên loạn. “*Per chi???*”

Cho AI? Mi chuyển trái bóng này cho ai vậy, Albertini? Không có ai ở đó cả!

Ngoài đường, sau những giờ mê sảng mua sắm đồ lót, tôi nhớ lại câu này và thầm thì lặp lại với chính mình: “*Per chi?*”

Cho ai vậy, Liz? Cho ai tất cả những thứ gọi tình suy đồi này? Chẳng có ai ở đó cả. Mình chỉ còn lại vài tuần ở Ý và hoàn toàn không có ý định trăng gió với bất kỳ ai. Hay mình định thế? Cuối cùng mình đã bị từ trên phố Roma tác động phải không? Đây có phải là nỗ lực cuối cùng nào đó để trở thành một người Ý? Đây là một món quà cho chính mình, hay đó là một món quà cho một nhân tình nào đó thậm chí còn chưa hình dung ra được? Phải chăng đây là một cố gắng bắt đầu chữa lành năng lực tình dục của mình sau thảm họa tự tin tình dục trong quan hệ vừa qua của mình?

Tôi tự hỏi, “Mi sẽ mang tất cả mấy thứ này đến *Ấn Độ* hay sao?”

Sinh nhật của Luca Spaghetti năm nay trùng với ngày lễ Tạ ơn của Mỹ, vậy nên anh muốn làm một con gà tây cho tiệc sinh nhật của mình. Anh chưa từng ăn một con gà quay lễ Tạ ơn Mỹ to tướng, béo mồm nào, dù đã thấy chúng trong hình. Anh nghĩ làm ra phiên bản một bữa tiệc như vậy sẽ rất dễ (nhất là với sự giúp đỡ của tôi, một người Mỹ chính cống). Anh nói chúng tôi có thể dùng bếp của bạn anh là Mario và Simona, họ có một căn nhà lớn đẹp trên ngọn núi ở ngoại thành Roma, và là những người luôn tổ chức sinh nhật cho Luca.

Nên đây là kế hoạch của Luca cho bữa tiệc đó – anh sẽ đón tôi vào khoảng bảy giờ tối, sau khi anh xong việc, và rồi chúng tôi sẽ lái xe ra khỏi Roma về hướng Bắc trong chừng một giờ, đến nhà bạn anh (nơi chúng tôi sẽ gặp những người dự tiệc sinh nhật khác) và chúng tôi sẽ uống chút rượu, mọi người sẽ làm quen với nhau, và rồi, khoảng chín giờ tối, chúng tôi sẽ bắt đầu quay một con gà tây nặng hai mươi pound...

Tôi phải giải thích với Luca một chút về việc quay một con gà tây quay hai mươi pound mất bao nhiêu thời gian. Tôi nói với anh rằng buổi tiệc sinh nhật của anh sẽ có thể sẵn sàng, với tốc độ đó, vào khoảng bình minh ngày hôm sau. Anh rất thất vọng, “Nếu mình mua một con gà tây rất nhỏ thì sao? Một con gà tây mới chào đời?”

Tôi nói, “Luca, thôi cứ làm đơn giản và ăn pizza, như mọi gia đình Mỹ tử tế không thích nghi khác vẫn làm vào ngày lễ Tạ ơn.”

Nhưng anh vẫn còn buồn về chuyện đó. Dù sao thì ở Roma ngay lúc này cũng đang có một nỗi buồn chung. Thời tiết đã chuyển sang lạnh. Các nhân viên vệ sinh và nhân viên xe lửa và hàng không quốc gia tất cả đều tiến hành đình công vào đúng ngày hôm đó. Một nghiên cứu đã được công bố rằng 36 phần trăm trẻ em Ý bị dị ứng với chất Gluten cần có để làm mì ống, pizza và bánh mì, cũng là cả nền văn hóa Ý. Tệ hơn nữa, gần đây tôi thấy một bài báo với cái tit làm choáng, “*Insoddisfatte 6 Donne su 10!*”. Nghĩa là trong mười phụ nữ Ý thì có sáu người không thỏa mãn tình dục. Ngoài ra, 35 phần trăm đàn ông Ý cho biết họ có khó khăn trong việc duy trì *un’erezione (cương cứng)*, khiến cho các nhà nghiên cứu cảm thấy quả thực rất *perplexi (bối rối)* và khiến tôi phân vân không biết cuối cùng thì từ TÌNH DỤC có nên được làm từ đặc biệt của Roma nữa không.

Trong các bản tin tồi tệ nghiêm túc hơn, mười chín người lính Ý vừa bị giết trong cuộc Chiến tranh của người Mỹ (ở đây người ta gọi như thế) ở Iraq – số tử vong quân sự lớn nhất ở Ý kể từ sau Thế chiến II. Người Roma sốc vì những cái chết này và thành phố đã đóng cửa vào ngày chôn cất các chàng trai. Đại bộ phận người Ý không muốn liên quan gì đến cuộc chiến tranh của George Bush. Việc họ có dính líu là do quyết định của Silvio Berlusconi, thủ tướng Ý (trong vùng này người ta thường hay gọi là *l’idiota*^[28] hơn.) Doanh nhân bất tài, ông chủ câu lạc bộ bóng đá được bao bọc trong màn tham nhũng và nhớp nhúa này, người thường xuyên khiến đồng bào mình bối rối vì những cử chỉ đáng xấu hổ ở nghị viện châu Âu, bậc thầy nghệ thuật nói *l’aria fritta* (“những lời rỗng tuếch”), kẻ thao túng giới truyền thông một cách thành thạo (không khó khăn nếu ta sở hữu nó), và là người nói chung cư xử không giống một lãnh đạo thế giới đúng mực chút nào mà giống một thị trưởng Waterbury

hơn (đây chỉ là một lối đùa riêng của dân Connecticut mà thôi – xin lỗi), giờ đây đã lôi kéo người Ý vào một cuộc chiến tranh mà họ xem là chẳng việc gì đến họ cả.

“Họ chết vì tự do,” Berlusconi nói tại lễ tang mười chín binh sĩ Ý, nhưng hầu hết người Roma có ý kiến khác: *Họ chết vì mối thù cá nhân truyền kiếp của George Bush*. Trong bầu không khí chính trị này, người ta có thể nghĩ là sẽ khó khăn cho một khách du lịch người Mỹ. Thực vậy, khi đến Ý, tôi tưởng sẽ phải đương đầu với một chút phần uất nhất định nào đó, nhưng trái lại đã nhận được sự đồng cảm từ hầu hết người Ý. Bất cứ khi nào nhắc đến George Bush, mọi người chỉ gật đầu ra hiệu về phía Berlusconi, nói, “Chúng tôi hiểu điều đó thế nào – chúng tôi cũng có một người mà.”

Chúng tôi đã từng đến đó.

Vậy thì rất kỳ cục nếu Luca muốn dùng ngày sinh nhật để ăn mừng lễ Tạ ơn của Mỹ, căn cứ vào tình huống này, nhưng tôi lại rất thích cái ý tưởng ấy. Lễ Tạ ơn là một ngày lễ đẹp, cái gì đó mà một người Mỹ có thể thỏa sức tự hào, một lễ hội dân tộc của chúng tôi vẫn còn tương đối chưa bị thương mại hóa. Đây là một ngày của ân huệ, cảm tạ và của cộng đồng và – đúng vậy – của *vui thú* nữa. Có lẽ đó là tất cả điều chúng tôi cần đúng vào lúc này.

Cô bạn Deborah của tôi đã từ Philadelphia đến Ý trong dịp cuối tuần để kỷ niệm ngày lễ với tôi. Deborah là một nhà tâm lý học được quốc tế trọng vọng, một nhà văn và một nhà lý luận nữ quyền, nhưng tôi vẫn nghĩ về cô như một khách quen ưa thích của mình, từ những ngày tôi còn là một cô phục vụ quán rượu Philly và cô ấy thường vào ăn trưa, uống Diet Coke không đá và nói những điều tử tế với tôi bên quầy. Cô thật sự khác biệt ở quán bar đó. Chúng tôi thành bạn bè đã hơn mười lăm năm nay. Sofie cũng sẽ đến buổi tiệc của Luca. Sofie và tôi đã là bạn của nhau được khoảng mười lăm tuần. Mọi người bao giờ cũng được đón chào đến ngày lễ Tạ ơn. Nhất là khi ngày đó tình cờ cũng là sinh nhật của Luca Spaghetti.

Chúng tôi chạy xe ra khỏi một Roma mệt mỏi, kiệt sức vào cuối buổi chiều, thẳng đến núi. Luca thích nhạc Mỹ, nên chúng tôi mở toáng Eagles và hát, “Take it... to the limit... one more thời gian!!!!”, thêm một sound track California kỳ cục vào chuyến đi của mình xuyên qua những đám rừng ô liu và cổng dẫn nước cổ. Chúng tôi đến nhà bạn cũ của Luca là Mario và Simona, bố mẹ của hai cô con gái sinh đôi mười hai tuổi Giulia và Sara. Paolo – một người bạn của Luca trước đây tôi đã gặp ở các trận bóng đá – cũng ở đây, cùng với cô bạn gái. Tất nhiên, bạn gái của Luca, Giuliana, cũng ở đó, sau khi chạy xe đến trước. Căn nhà cực kỳ đẹp, khuất trong đám rừng ô liu, cam nhỏ và chanh. Lò sưởi đang cháy. Dầu ô liu nhà làm.

Rõ ràng là không có thời gian để quay một con gà tây hai mươi pound, nhưng Luca đã chiên áp chảo mấy miếng sườn gà tây ngon mắt và tôi chủ trì một nhóm nỗ lực cấp tốc làm món đồ nhồi kiểu lễ Tạ ơn, với công thức tốt nhất tôi có thể nhớ được, từ những mảnh vụn bánh mì Ý thượng hạng, với những thay thế văn hóa cần thiết (chà là thay vì mơ; thì là thay cho cần tây). Không hiểu sao cuối cùng nó cũng tuyệt. Luca đã lo lắng không biết cuộc trò chuyện tối nay sẽ diễn tiến thế nào, vì rằng phân nửa khách không thể nói tiếng Anh và nửa còn lại không thể nói tiếng Ý (và chỉ mình Sofie nói được tiếng Thụy Điển), nhưng dường như đây là một trong những buổi tối màu nhiệm khi mọi người hiểu nhau hoàn toàn, hay ít ra người bên cạnh ta có thể phiên dịch khi ta bỗng quên mất cái từ kỳ quái.

Tôi đếm lộn số chai rượu Sardinia chúng tôi đã uống trước khi Deborah đề nghị mọi người trong bàn là tối nay chúng tôi sẽ làm theo một phong tục Mỹ để thưởng bằng cách nắm tay nhau và – lần lượt từng người – nêu ra điều mình biết ơn nhất. Rồi thì, cảnh thể hiện lòng biết ơn này diễn ra, mỗi lời chứng một lần, bằng ba thứ tiếng.

Deborah mở đầu, cô nói rằng cô biết ơn là nước Mỹ sẽ sớm có cơ hội chọn một tổng thống mới. Sofie nói (đầu tiên bằng tiếng Thụy Điển, rồi tiếng Ý, rồi tiếng Anh) là cô biết ơn những trái tim Ý hào hiệp và bốn tháng cô được phép trải nghiệm thú vui đến vậy ở đất nước này. Mario – chủ nhà của chúng tôi – bắt đầu khóc không giấu giếm khi anh tạ ơn Chúa về công việc trong đời anh cho phép anh có ngôi nhà xinh đẹp này cho gia đình và bạn bè vui vẻ. Paolo cười nói anh cũng biết ơn là nước Mỹ sẽ sớm có cơ hội chọn lựa một tổng thống mới. Tất cả chúng tôi chìm trong im lặng vì lòng tôn trọng chung dành cho bé Sara, một trong hai chị em sinh đôi mười hai tuổi, khi bé mạnh dạn chia sẻ là bé biết ơn được ở đây tối nay với những người đáng mến như thế vì bé vừa trải qua một thời gian khó khăn ở trường – một số học sinh khác đang đối xử hẹp hòi với bé – “nên cảm ơn mọi người đã ngọt ngào với con tối nay và không hẹp hòi với con, như tụi nó.” Bạn gái Luca nói cô biết ơn những năm tháng chung thủy Luca đã dành cho cô, và sự quan tâm nồng ấm anh dành cho gia đình cô trong những lúc khó khăn. Simona – cô chủ nhà của chúng tôi – khóc còn công nhiên hơn cả chồng khi thể hiện lòng biết ơn của mình là gia đình cô được làm quen với một tục lệ ăn mừng và thể hiện lòng biết ơn mới do những người lạ từ Mỹ này mang tới, những người thực sự không xa lạ chút nào, mà là bạn của Luca và do vậy là bạn của hòa bình.

Đến lượt tôi, tôi bắt đầu “*Sono grata...*” nhưng rồi cảm thấy mình không thể nói những ý nghĩ thực của mình. Cụ thể là, tôi rất biết ơn đêm nay được giải thoát khỏi phiền muộn đã giày vò tôi như một con chuột từ nhiều năm, nỗi chán chường đã gặm một lỗ răng cưa trong tâm hồn tôi đến độ, trước đây, tôi đã không thể thưởng thức một đêm đẹp đẽ như đêm nay. Tôi không đề cập gì đến điều ấy vì không muốn làm mấy đứa trẻ hoảng sợ. Thay vì thế, tôi nói một sự thật giản dị hơn – tôi thấy biết ơn những người bạn cũ và mới. Rằng tôi biết ơn, đặc biệt nhất là tối nay, Luca Spaghetti. Rằng tôi chúc anh có một sinh nhật thứ ba mươi ba vui vẻ, và tôi chúc anh sống lâu để làm gương về một con người đậm chất, chung thủy, rộng lượng cho những người đàn ông khác. Và rằng tôi hy vọng không ai phiền vì tôi khóc khi nói tất cả những điều này, dù tôi không nghĩ họ phiền, vì tất cả những người khác cũng đều đang khóc.

Luca nghẹn ngào cảm xúc đến nỗi không tìm ra lời nào ngoài mấy lời nói với tất cả chúng tôi, “Nước mắt của các bạn là lời cầu nguyện cho tôi.”

Rượu Sardinia tiếp tục tràn. Và trong khi Paolo rửa chén còn Mario bế hai cô con gái buồn ngủ vào giường, Luca chơi guitar còn những người khác hát những bài hát trầm khàn của Neil Young với đủ tông giọng khác nhau, nhà tâm lý học nữ quyền Mỹ Deborah thầm thì với tôi, “Nhìn quanh mấy người đàn ông Ý tử tế này đi. Xem họ cởi mở trong những cảm nhận của mình ra sao và tham gia trong gia đình họ đậm chất ra sao. Xem cái nhìn và sự tôn trọng họ dành cho phụ nữ và trẻ con trong đời họ ra sao. Đừng tin những gì cậu đọc trên báo, Liz à. Xứ sở này đang rất tốt đẹp.”

Gần rạng sáng buổi tiệc của chúng tôi mới tàn. Suy cho cùng chúng tôi đã có thể quay con gà tây hai mươi pound đó, và ăn vào buổi điểm tâm. Luca Spaghetti chở tôi và Deborah và

Sofie một mạch về nhà. Chúng tôi cố gắng giúp anh tỉnh táo khi mặt trời lên bằng cách hát các bài hát mừng Giáng sinh. *Silent night, sainted night, holy night*, chúng tôi hát đi hát lại bằng mọi thứ tiếng mình biết, khi tất cả đang cùng trở lại Roma.

Tôi không chịu được nữa. Sau gần bốn tháng ở Ý, tôi không còn mặc vừa cái quần nào. Ngay cả quần áo mới tôi vừa mua tháng trước (khi tôi đã mặc chật mấy cái quần “Tháng thứ hai ở Ý” của mình) cũng không vừa nữa. Tôi không thể đủ tiền để cứ cách vài tuần lại mua một tú quần áo, và tôi biết rõ rằng mình sẽ sớm đến Ấn Độ, nơi mấy pound này *sẽ tan biến*, nhưng mà – tôi không thể đi đứng với mấy cái quần này nữa. Tôi không thể chịu nổi.

Tất cả điều đó đều có lý, vì rằng tôi vừa bước lên cái cân trong một khách sạn Ý sang trọng và biết là mình đã tăng hai mươi ba pound trong bốn tháng ở Ý – quả là một con số thống kê đáng kể. Chừng mười lăm pound trong đó tôi thật sự cần vì tôi đã trở nên gầy gò xương trong những năm ly dị và phiền muộn khó khăn vừa qua. Năm pound tăng kể tiếp, chỉ là cho vui. Còn ba pound cuối cùng thì sao? Chỉ để chứng minh một quan điểm, tôi cho là vậy.

Ấy thế mà tôi thấy mình đang mua sắm một món trang phục tôi sẽ luôn giữ trong đời như một kỷ niệm thân thương, “Quần Bò Tháng Cuối Cùng Ở Ý Của Tôi”. Cô gái trẻ trong cửa hiệu thật tử tế khi cứ mang ra cho tôi những kích thước lớn hơn rồi lớn hơn nữa, đưa qua tấm rèm hết cái này đến cái khác mà không bình luận, mỗi lần vậy chỉ lo lắng hỏi là liệu cái này có *vừa hơn* không. Vài lần, tôi phải thò đầu ra khỏi rèm và hỏi, “Xin lỗi, cô có cái lớn hơn *chút xíu* không?” Cho đến khi cuối cùng cô gái trẻ tốt bụng đưa tôi một chiếc quần jeans với kích thước vòng eo nhìn thật sốc. Tôi bước ra khỏi phòng thử áo, trình diện mình trước cô gái bán hàng.

Cô nhìn không chớp mắt. Cô nhìn tôi như một nhà quản thủ nghệ thuật đang cố đánh giá giá trị của một cái bình hoa. Một cái bình hoa khá lớn.

“*Carina*,” cuối cùng cô quyết định. Dễ thương.

Tôi hỏi cô bằng tiếng Ý cô có thể vui lòng nói thật cho tôi biết liệu cái quần jeans này có làm tôi giống như một con bò cái không.

Không, *signorina*, cô bảo tôi. Cô không giống như một con bò cái.

“Vậy tôi có giống một con heo không?”

Không, cô cam đoan với một vẻ rất nghiêm túc. Tôi cũng không giống như một con heo chút nào.

“Có lẽ là một con trâu?”

Chuyện này đang trở thành một bài tập từ vựng tốt. Tôi cũng đang cố làm cho cô bán hàng cười, nhưng cô quá mải mê giữ vẻ chuyên nghiệp.

Tôi thử một lần nữa, “Có lẽ tôi giống một miếng pho mát trâu mozzarella?”

Thôi được, *có lẽ*, cô nhượng bộ, hơi cười một chút. Có lẽ cô *hơi* giống một miếng pho mát trâu mozzarella...

Tôi chỉ còn một tuần ở đây. Tôi đang định trở lại Mỹ cho dịp Giáng sinh trước khi bay qua Ấn Độ, không chỉ vì tôi không chịu nổi ý nghĩ trải qua kỳ Giáng sinh vắng gia đình mình mà còn vì tám tháng hành trình tới của tôi - Ấn Độ và Indonesia - đòi hỏi phải đóng gói lại đồ đạc. Rất ít đồ ta cần khi sống ở Ý cũng là những thứ ta cần khi lang thang khắp Ấn Độ.

Và có lẽ vì để chuẩn bị cho chuyến đi đến Ấn Độ của mình mà tôi đã quyết định dành tuần lễ cuối cùng này rong ruổi khắp Sicily - khu vực đậm tính thế giới thứ ba nhất của Ý, và do vậy đúng là một nơi phải đến nếu ta cần chuẩn bị mình để trải nghiệm sự bần cùng cơ cực. Hay là tôi chỉ muốn đến Sicily vì điều Goethe đã nói, "Không thấy Sicily người ta không thể có một khái niệm rõ ràng về Ý."

Nhưng đến hay đi loanh quanh Sicily thật không dễ dàng. Tôi phải sử dụng tất cả mọi kỹ năng tìm thông tin của mình để kiểm tra một chuyến xe lửa chạy vào ngày Chủ nhật thẳng xuống bờ biển và rồi tìm ra đúng cái phà đến Messina (một thành phố cảng Sicily đáng ngờ và đáng sợ dường như đang gào rú từ phía sau những cánh cửa bị chặn, "Tôi xấu xí không phải lỗi tại tôi! Tôi cũng bị động đất, bị ném bom rải thảm và bị Mafia thao túng nữa!") Đến được Messina rồi, tôi phải tìm ra một trạm xe buýt (đầy bụi như phổi người hút thuốc) và tìm ra người đàn ông mà việc của ông ta là ngồi đó trong quầy vé, nuôi tiếc đời mình và xem ông ta có vui lòng bán cho tôi một vé đến thành phố ven biển Taormina không. Rồi xe tôi chạy dọc các vách đá và bãi biển của bờ đông mang dáng vẻ kỳ lạ của hội họa trừu tượng Sicily cho tới khi đến được Taormina, rồi tôi phải tìm ra một chiếc taxi và rồi phải tìm cho được một khách sạn. Rồi tôi phải tìm ra đúng người để hỏi câu hỏi ruột của mình trong tiếng Ý, "Trong thành phố này có chỗ nào có thức ăn ngon nhất?" Ở Taormina, người tôi hỏi hóa ra lại là một cảnh sát ngái ngủ. Anh ta đưa cho tôi một trong những thứ tuyệt nhất ai đó có thể cho tôi trong đời - một mẫu giấy nhỏ có ghi tên một quán ăn mơ hồ, một bản đồ vẽ tay chỉ cách tìm ra địa điểm đó.

Hóa ra đó là một nhà hàng Ý nhỏ có bà chủ cao tuổi thân thiện đang chuẩn bị đón những thực khách buổi tối của mình bằng cách đứng trên bàn với đôi chân mang vớ, cố để không làm đổ cái máng cỏ Giáng sinh, lau bóng mấy cái cửa sổ của quán. Tôi nói với bà tôi không cần xem thực đơn nhưng bà có thể mang cho tôi thức ăn ngon nhất có thể không vì đây là đêm đầu tiên của tôi ở Sicily. Bà xoa tay vui vẻ rồi hét cái gì đó bằng thổ ngữ Sicily với bà mẹ còn già hơn trong bếp, và trong khoảng thời gian hai mươi phút tôi cầm cúi ăn bữa ăn ngon lành đáng kinh ngạc nhất tôi chưa từng ăn ở đâu trên khắp nước Ý. Đó là mì ống, nhưng một hình dạng mì ống tôi chưa từng thấy trước đó - lớn, tươi, những dải mì ống gấp như kiểu bánh bao Ý thành hình thù (tuy không chính xác về kích thước) cái mũ Giáo hoàng, được nhồi vào một thứ chất lỏng đặc sệt, nóng, thơm phức gồm tôm cua, mực phủ và mực ống, trộn đều rồi được dọn ra như món xà lách nóng ăn kèm với sò tươi và những dải rau thái mỏng dài, tất cả bơi trong thứ nước sốt màu ô liu tràn trề. Tiếp đến là thịt thỏ hầm với húng tây.

Nhưng Syracuse, ngày hôm sau, còn hay hơn. Chiếc xe buýt thả tôi trên một góc đường trong mưa lạnh cuối ngày. Tôi thích thành phố này ngay lập tức. Dưới chân tôi đã có ba

ngàn năm lịch sử Syracuse. Đó là địa điểm của một nền văn minh cổ đến nỗi nó khiến Roma trông như Dallas. Thần thoại nói rằng Daedalus đã từ Crete bay đến đây và rằng Hercules đã từng ngủ ở đây. Syracuse từng là một thuộc địa của Hy Lạp mà Thucydides gọi là “một thành phố bản thân nó không thấp kém hơn Athens chút nào.” Syracuse là mối liên thông giữa Hy Lạp cổ đại và Roma cổ đại. Nhiều nhà viết kịch và nhà nghiên cứu di tích cổ tên tuổi đã sống ở đây. Plato đã nghĩ nó có thể là một địa điểm lý tưởng cho một thử nghiệm không tưởng nơi có lẽ “nhờ một số phận thần thánh nào đó” vua chúa có thể trở thành những nhà hiền triết, và những nhà hiền triết có thể trở thành vua chúa. Các nhà sử học nói rằng lối nói hoa mỹ được phát minh ở Syracuse, và cả (đây chỉ là một điều phụ) *âm mưu* nữa.

Tôi đi khắp các chợ của cái thành phố dễ sụp này và tìm tôi rộn ràng với một tình yêu tôi không thể trả lời hay giải thích khi xem người đàn ông lớn tuổi đội mũ len đen moi ruột một con cá cho khách hàng (ông cắm điều thuốc vào môi để giữ lại như kiểu cô thợ may ngậm cái ghim ở miệng khi may; con dao của ông chặt những khúc cá với một sự hoàn hảo sùng tín). Rút rề, tôi hỏi người đánh cá rằng tôi nên ăn tối ở đâu và tôi quay gót đi sau cuộc chuyện trò, giữ chặt trong tay một mẫu giấy nhỏ nữa, chỉ cho tôi đến một quán ăn nhỏ không tên, nơi – khi tôi vừa ngồi vào bàn đêm đó – người phục vụ mang đến một suất pho mát ricotta lơ lửng như mây có rắc hồ trăn, những khúc bánh mì bênh bồng trong dầu thơm tho, mấy đĩa nhỏ xúy đựng thịt và ô liu xắt, một phần xà lách cam ướp lạnh trộn cùng hành sống và ngò tây. Đây là những thứ trước khi tôi nghe nói đến món mực calamari đặc sản của quán.

Plato viết, “Không thành phố nào có thể sống thanh bình, bất luận luật lệ của nó là gì, khi công dân của nó... chẳng làm gì ngoài yến tiệc và rượu chè và làm kiệt sức mình vì chăm lo chuyện yêu đương.”

Nhưng có phải là tồi tệ lắm không nếu sống như vậy chỉ trong một thời gian thôi? Chỉ vài tháng trong đời một người, có tồi tệ lắm không nếu du lịch suốt mà không có tham vọng gì lớn hơn là lòng sục bữa ăn dễ thương kế tiếp? Hay biết nói một ngôn ngữ không vì mục đích nào cao hơn là nó làm vui tai ta? Hay chợp mắt trong một khu vườn, trong nắng, giữa ngày, ngay cạnh đài phun nước ưa thích? Và rồi tiếp tục vào ngày hôm sau?

Tất nhiên, người ta không thể sống như thế này mãi mãi. Đời sống thực và chiến tranh, tổn thương và chết chóc cuối cùng sẽ can thiệp. Ở Sicily này với đói nghèo khủng khiếp, đời sống thực không bao giờ là xa vời trong tâm trí bất cứ ai. Mafia là kinh doanh thành công duy nhất ở Sicily trong nhiều thế kỷ (điều hành việc bảo vệ công dân khỏi chính nó), và nó vẫn, bóp hầu bóp họng người ta. Palermo – một thành phố mà Goethe đã từng tuyên bố là sở hữu một vẻ đẹp không thể mô tả được – giờ có lẽ là thành phố duy nhất ở Tây Âu nơi ta vẫn có thể thấy mình rón rén từng bước qua đồng đồ nát của Thế chiến II, chỉ để đem lại một cảm giác phát triển ở đây. Thành phố bị những khối căn hộ không an toàn và góm guốc Mafia xây dựng vào những năm 1980 như là những hoạt động rửa tiền, làm xấu xí đi một cách có hệ thống, quá sức tưởng tượng. Tôi hỏi một người dân Sicily có phải những tòa nhà đó được xây bằng bê tông rẻ tiền không và ông nói, “Ồ, không – bê tông này rất đắt. Trong mỗi khối có một vài thi thể người bị Mafia giết, và cái đó được trả giá bằng tiền. Nhưng bê tông chắc chắn hơn khi được gia cố bằng tất cả xương và răng đó.”

Trong một môi trường như thế, phải chăng có chút gì hơi hợt khi chỉ nghĩ về bữa ăn tuyệt vời kế tiếp của mình? Hay có lẽ đó là điều tốt nhất ta có thể làm, căn cứ vào những hiện thực còn nặng nề hơn? Luigi Barzini, trong kiệt tác *Người Ý* năm 1964 của mình (được ông viết khi ông đã chán ngấy chuyện người nước ngoài viết về Ý hoặc là thích hoặc ghét nó quá nhiều) đã cố đính chính lại sự hiểu lầm về nền văn hóa của chính ông. Ông cố trả lời câu hỏi tại sao người Ý đã sản sinh ra những trí tuệ khoa học, chính trị, nghệ thuật vĩ đại nhất mọi thời đại, nhưng vẫn chưa bao giờ trở thành một cường quốc thế giới. Tại sao họ là những bậc thầy ngoại giao ngôn từ của hành tinh, nhưng vẫn không có khả năng cai trị nước nhà như thế? Tại sao họ là những cá nhân quả cảm như vậy, nhưng lại không thành công đến thế với tư cách là một tập thể quân đội? Làm sao họ lại có thể là những thương gia linh lợi như vậy trên bình diện cá nhân, nhưng lại là những nhà tư bản không thành công đến thế xét như một dân tộc?

Trả lời của ông cho các câu hỏi này phức tạp hơn tôi có thể tóm lược rõ ràng ở đây, nhưng có liên quan rất nhiều đến lịch sử đau buồn của Ý với sự tham nhũng của lãnh đạo địa phương và sự khai thác của kẻ thống trị nước ngoài, tất cả những cái đó nói chung đã khiến dân Ý rút ra kết luận có vẻ chính xác là không ai và không có gì trên thế giới này có thể tin cậy được. Vì thế giới là tham nhũng, dối trá, bất ổn, cường điệu và bất công đến vậy, ta chỉ nên tin tưởng điều ta chứng nghiệm bằng chính giác quan của mình, và *điều này* làm cho giác quan ở Ý nhạy hơn bất kỳ nơi đâu ở châu Âu. Đây là lý do, Barzini nói, người Ý sẽ khoan dung với những vị tướng, những tổng thống, những bạo chúa, những giáo sư, viên chức quan liêu, nhà báo và những người điều hành cơ sở ocong nghiệp lớn bất tài kinh khủng, nhưng sẽ không bao giờ tha thứ cho những “ca sĩ opera, chỉ huy dàn nhạc, vũ công ba lê, gái điểm hạng sang, diễn viên, đạo diễn phim, đầu bếp, thợ may kém cỏi...”. Trong một thế giới của hỗn loạn, thảm họa và lừa đảo, đôi khi chỉ có thể tin tưởng vào cái đẹp. Chỉ có sự hoàn hảo của nghệ thuật là không thể bị hủy diệt. Thú vui không thể bị mặc cả. Và đôi khi bữa ăn là thứ tiền tệ thật duy nhất.

Vậy thì, tận tụy với sáng tạo và thưởng thức cái đẹp có thể là một công việc nghiêm túc – không hẳn luôn là một phương tiện để thoát khỏi hiện thực, mà đôi khi là một phương tiện để bám chặt vào hiện thực khi tất cả mọi thứ khác đang bong ra thành... lối nói hoa mỹ và âm mưu. Không lâu trước đây, các nhà cầm quyền đã bắt một hội ái hữu các tu sĩ Công giáo ở Sicily đang thông đồng chặt chẽ với Mafia, vậy thì ta có thể tin vào ai đây? Thế giới độc ác và bất công. Đương đầu với bất công này và ở Sicily, chí ít, ta sẽ có một kết cục giống như nền móng của một tòa nhà mới xấu xí. Ta có thể làm gì trong một hoàn cảnh như vậy để giữ vững ý thức nhân phẩm cá nhân? Có lẽ chẳng có gì. Có thể chẳng có gì ngoài, có lẽ, lấy làm tự hào là ta luôn róc xương con cá của mình với sự hoàn hảo, hay là ta làm món pho mát ricotta nhẹ nhất trong cả thành phố?

Tôi không muốn xúc phạm bất kỳ ai khi đưa ra quá nhiều so sánh giữa mình và những người Sicily cam chịu. Nhưng bị kịch trong đời tôi có tính cá nhân và phần lớn do bản thân tự tạo ra, không phải bị áp bức như trong anh hùng ca. Tôi đã trải qua một vụ ly hôn và tình trạng suy nhược, không phải là vài thế kỷ bạo ngược giết người. Tôi đã có một cuộc khủng hoảng bản thể, nhưng tôi cũng có các nguồn lực (tài chính, nghệ thuật và cảm xúc) để cố giải quyết nó. Dù sao, tôi sẽ nói rằng điều đã giúp bao thế hệ người Sicily giữ phẩm giá cũng là điều đã giúp tôi bắt đầu giành lại được phẩm giá của mình – đó là ý niệm hiểu rõ giá trị của

vui thú có thể là một nơi nương tựa cho nhân tính của ta. Tôi tin đây là điều Goethe muốn nói khi cho rằng ta phải đến đây, đến Sicily này, để hiểu được nước Ý. Và tôi cho đó là cái tôi đã cảm thấy, theo bản năng, khi quyết định là mình cần đến đây, đến Ý, để hiểu chính mình.

Chính trong bồn tắm lúc còn ở New York, đọc to những từ tiếng Ý trong từ điển, là lần đầu tiên tôi bắt đầu hàn gắn lại tâm hồn mình. Cuộc sống của tôi đã tan thành từng mảnh và tôi không thể nhận ra chính mình nữa, đến nỗi nếu có đứng trong hàng người chờ nhận diện ở sở cảnh sát thì có lẽ tôi cũng chẳng thể chỉ được mặt chính tôi. Nhưng tôi đã cảm nhận được một tia hạnh phúc lấp lánh khi bắt đầu học tiếng Ý, và khi cảm thấy niềm hạnh phúc tiềm tàng mong manh sau những giai đoạn âm u như thế, ta phải bám chặt lấy mắt cá chân của nó và không buông ra cho đến khi nó kéo ta ngẩng mặt lên khỏi cát bụi – đó không phải là ích kỷ mà là nhiệm vụ. Ta được trao cho cuộc sống; nhiệm vụ của ta (mà cũng là quyền của ta như một con người) là phải tìm ra cái gì đó đẹp để trong kiếp sống, dù mong manh thế nào chẳng nữa.

Tôi đã đến Ý ốm yếu gầy gò. Tôi đã không biết mình xứng đáng nhận được điều gì. Có lẽ tôi vẫn chưa biết trọn vẹn mình xứng đáng với điều gì. Nhưng tôi biết mình vừa mới gom nhặt lại chính mình – bằng thưởng thức những thú vui vô hại – thành một ai đó toàn vẹn hơn nhiều. Cách thức tự nhiên cơ bản nhất, dễ dàng nhất để nói điều đó là *tôi đã tăng cân*. Giờ đây tôi tồn tại nhiều hơn bốn tháng trước. Tôi sẽ rời Ý rõ ràng mập hơn khi đến đây. Và tôi sẽ ra đi với hy vọng rằng sự phát triển của một con người – sự mở rộng của một cuộc đời – quả thực là một việc làm có giá trị trong thế giới này. Ngay cả khi cuộc đời đó, chỉ một lần này thôi, không phải của ai ngoài của chính tôi.

**ẤN ĐỘ - Hay - “Hân Hạnh Được Gặp Quý Vị” – Hay - Ba Mươi Sáu Câu
Chuyện Về Theo Đuổi Tín Ngưỡng**

ẤN ĐỘ

Hay

“Hân Hạnh Được Gặp Quý Vị”

Hay

Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Theo Đuổi Tín Ngưỡng

Hồi tôi mới lớn, gia đình tôi có nuôi gà. Chúng tôi luôn có chừng một tá gà vào bất kỳ thời điểm nhất định nào và mỗi khi một con chết – do điều hâu hay cáo hay bệnh gà khó hiểu nào đó – bố tôi thường thay thế con gà đã mất. Ông lái xe đến một trang trại gia cầm gần bên và trở về với một con gà mới trong giỏ. Vấn đề cần xem xét là, ta phải rất cẩn thận khi đưa một con gà mới vào đàn chung. Ta không thể chỉ ném nó vào đó với bọn gà cũ, vì chúng sẽ xem nó là một kẻ xâm lấn. Thay vì vậy ta phải đặt con gà mới vào chuồng giữa đêm khi những con kia đang ngủ. Đặt cô nàng lên một chỗ nghỉ cạnh đàn gà rồi rón rén đi ra. Vào buổi sáng, khi tụi gà thức giấc, chúng không nhận ra người mới đến, chỉ nghĩ là, “Hả ả đã ở đây từ xưa đến giờ vì ta đâu có thấy ả đến.” Lý lẽ vững chắc ở đây là, tỉnh dậy giữa đàn này, cả cô nàng mới đến cũng không nhớ ra ả là kẻ mới đến, chỉ nghĩ, “Mình chắc là đã ở đây xưa nay rồi...”.

Tôi đến Ấn Độ cũng đúng như vậy đó.

Máy bay của tôi hạ cánh ở Mumbai khoảng 1 giờ 30 sáng. Đó là ngày 30 tháng Mười hai. Tôi tìm hành lý, rồi bắt một chiếc taxi chở tôi hết giờ này sang giờ khác ra khỏi thành phố đến Ashram nằm trong một ngôi làng hẻo lánh. Tôi ngủ gà ngủ gật trên chặng đường xuyên Ấn Độ trong đêm, khi tỉnh dậy để nhìn ra cửa sổ, nơi tôi có thể thấy những hình thù ma quái kỳ lạ của những người đàn bà bị gầy gò mặc xari đi dọc lề đường với những bó củi trên đầu. *Vào giờ này ư?* Những chiếc xe buýt không đèn pha lướt qua chúng tôi, còn chúng tôi lướt qua những chiếc xe bò. Những cây đa xoài khóm rể tao nhã của mình khắp các con mương.

Chúng tôi dừng xe ngay cổng trước của Ashram vào lúc 3 giờ 30, ngay trước đền. Khi tôi xuống taxi, một người đàn ông trẻ mặc đồ tây và mũ len từ bóng tối bước ra và tự giới thiệu – anh là Arturo, một nhà báo hai mươi bốn tuổi từ Mexico và là một tín đồ của Sư phụ tôi, và anh ở đây đón tiếp tôi. Khi chúng tôi thì thầm những câu làm quen với nhau, tôi có thể nghe thấy những nhịp quen thuộc đầu tiên của bài tụng ca tiếng Phạn mình yêu thích từ bên trong vắng ra. Đó là arati buổi sáng, bài cầu nguyện sớm mai đầu tiên mà người ta tụng vào 3 giờ 30 sáng hàng ngày khi Ashram thức giấc. Tôi chỉ về ngôi đền, hỏi Arturo, “Tôi có thể...” và anh làm một cử chỉ xin cứ tự nhiên. Vậy là tôi trả tiền taxi, nhét ba lô sau một thân cây, cởi giày, quỳ xuống và chạm trán xuống bậc cầu thang đền thờ rồi rón rén vào bên trong, cùng tham gia vào buổi nhóm họp nhỏ gồm hầu hết là những phụ nữ Ấn đang ngồi ngâm bài tụng ca đẹp dễ này.

Đây là bài tụng ca mà tôi gọi là “Sự Duyên dáng Kinh ngạc của tiếng Phạn”, đầy niềm khát khao sùng tín. Đó là một bài hát sùng bái mà tôi đã thuộc lòng, không phải vì cố gắng mà đúng hơn là vì tình yêu. Tôi bắt đầu tụng những lời quen thuộc bằng tiếng Phạn, từ phần giới thiệu đơn giản về các giáo huấn Yoga thiêng liêng đến những đoạn cao giọng tán thán (“Tôi tôn thờ nguồn gốc của vũ trụ... Tôi tôn thờ đấng có đôi mắt là mặt trời, mặt trăng và lửa... Ngài là tất cả đối với tôi, Ôi, thần của các thần...”)

ngọc của toàn bộ đức tin (“Cái này là hoàn hảo, cái kia là hoàn hảo, nếu ta lấy hoàn hảo ra khỏi hoàn hảo, sự hoàn hảo vẫn còn lại”).

Những phụ nữ này dứt tụng. Họ im lặng lễ bái rồi đi ra một cửa bên qua khoảng sân tối om đến ngôi đền nhỏ hơn, chỉ được thắp sáng bằng một ngọn đèn dầu và ngát mùi nhang. Tôi theo họ. Trong căn phòng đầy những người sùng tín – người Ấn và người Âu – quần trong khăn choàng len để chống lại cái lạnh trước rặng đông. Tất cả đều ngồi tham thiền, làm tổ ở đó, ta có thể nói vậy, và tôi lên vào trong cạnh họ, con chim mới trong đàn, hoàn toàn không ai thấy. Tôi ngồi xếp bằng, đặt hai tay lên đầu gối, nhắm mắt.

Bốn tháng rồi tôi không thiền. Trong bốn tháng tôi thậm chí không *nghĩ* đến thiền. Tôi ngồi đó. Hơi thở lắng tĩnh. Tôi đọc thành tiếng câu chú một lần rất chậm rãi và khoan thai, từng âm tiết một.

Om.

Na.

Mah.

Shi.

Va.

Ya.

Om Namah Shivaya.

Tôi tôn kính sự thiêng liêng liêng ngự trị trong tôi.

Rồi tôi lặp lại. Lần nữa. Rồi lần nữa. Không phải tôi đang thiền mà đúng hơn là đang mở ra câu chú một cách cẩn trọng, theo cách ta mở món đồ sứ quý nhất của bà mình khi nó được cất trong hộp suốt một thời gian dài, không được sử dụng. Tôi không biết mình có thiếp đi hay có rơi vào một loại bùa chú nào đó không, hay thậm chí thời gian đã qua bao lâu rồi. Nhưng cuối cùng khi mặt trời lên cao vào buổi sáng hôm ấy ở Ấn Độ và mọi người mở mắt, nhìn quanh, nước Ý giờ đây dường như đã mười ngàn dặm cách xa tôi, và dường như tôi đã ở trong đàn này mãi mãi.

“Tại sao chúng ta thực hành Yoga?”

Tôi có ông thầy đã từng hỏi câu hỏi đó trong một lớp Yoga mang tính thử thách đặc biệt, hồi còn ở New York. Tất cả chúng tôi uốn mình thành những tam giác nghiêng sang một bên đến mệt lả, và ông thầy bắt chúng tôi giữ tư thế đó lâu hơn bất kỳ ai trong chúng tôi có thể muốn.

“Tại sao chúng ta thực hành Yoga?” ông hỏi lần nữa. “Phải chăng để chúng ta có thể trở nên *đẻo hơn* hàng xóm của mình một chút? Hay còn có một mục đích nào đó cao hơn?”.

Yoga, trong tiếng Phạn, có thể dịch là “hợp nhất”. Khởi đầu nó bắt nguồn từ từ gốc là *yuj*, có nghĩa là “ràng buộc”, gắn chặt ta với một nhiệm vụ có thể với tới trong một kỷ luật như của loài bò. Và nhiệm vụ trong tầm tay của Yoga là tìm thấy sự hợp nhất – giữa thân và tâm, giữa cá thể và Thượng Đế của mình, giữa những tư tưởng của ta và cội nguồn của tư tưởng, giữa sự phụ và môn đệ, thậm chí giữa ta và những người hàng xóm của ta. Ở phương Tây, chúng ta bắt đầu biết Yoga chủ yếu qua các bài tập luyện uốn dẻo cơ thể như bánh quy xoắn giờ đã nổi tiếng, nhưng đó chỉ là Hatha Yoga, một nhánh của triết lý này. Các tác giả cổ điển đã phát triển những bài tập uốn dẻo cơ thể này không phải cho tình trạng sức khỏe cá nhân mà là để thả lỏng các cơ và tâm trí để chuẩn bị cho việc thiền quán. Suy cho cùng, ngồi trong tĩnh lặng suốt nhiều giờ sẽ khó khăn nếu móng ta đau nhức, điều đó ngăn cản ta trầm tư về thiêng liêng nội tại của mình vì ta đang quá bận rộn quán tưởng, “Ồi chao... cái móng mình đau thật.”

Nhưng Yoga còn có thể có nghĩa là cố gắng tìm thấy Thượng Đế qua thiền định, qua nghiên cứu học thuật, qua thực hành tĩnh lặng, qua các lễ sùng bái hay niệm chú – lặp đi lặp lại những từ linh thiêng bằng tiếng Phạn. Dù một số thực hành này trong nguồn gốc của chúng thường có vẻ khá giống đạo Hindu, Yoga không đồng nghĩa với đạo Hindu, tất cả các hành giả Ấn giáo khác cũng thế. Yoga chân chính không đua tranh mà cũng không cản trở bất kỳ tôn giáo nào khác. Ta có thể dùng Yoga của mình – các thực hành hợp nhất với linh thiêng một cách có kỷ luật – để đến gần hơn với Krishna, Jesus, Muhammad, Đức Phật hay Yahweh. Trong thời gian ở Ashram, tôi đã gặp những người mộ đạo tự xác định mình là những tín đồ Cơ Đốc, Do Thái giáo, Phật giáo, Ấn giáo và thậm chí là Hồi giáo. Tôi cũng gặp những người khác hoàn toàn không muốn đề cập gì đến tín ngưỡng tinh thần của mình, điều đó thì, trong cái thế giới hay sinh sự này, ta không thể trách họ được.

Con đường Yoga liên quan đến việc gỡ rối những khiếm khuyết gắn liền với thân phận con người, mà ở đây tôi sẽ định nghĩa một cách vô cùng sơ sài là sự bất lực đến nhức nhối không thể duy trì trạng thái mãn nguyện. Các trường phái tư tưởng khác nhau qua nhiều thế kỷ đã tìm thấy những lý giải khác nhau cho trạng thái bất toàn cố hữu rõ ràng ở con người. Đạo Lão gọi đó là mất cân bằng, đạo Phật gọi là vô minh, đạo Hồi đổ lỗi khổ đau của chúng ta cho việc chống lại Thượng đế, còn truyền thống Do Thái – Cơ đốc quy tất cả đau khổ của chúng ta cho tội tổ tông. Những người theo học thuyết Freud nói rằng bất hạnh là kết quả không thể tránh khỏi từ mâu thuẫn giữa các xung lực bản năng của ta với các đòi

hỏi của nền văn minh. (Như cô bạn nhà tâm lý học Deborah của tôi giải thích: “Dục vọng là lỗi thiết kế.”) Tuy nhiên, các hành giả lại nói rằng bất mãn của con người chỉ là một trường hợp đơn giản của việc ngộ nhận về chính mình. Ta đáng thương vì tưởng ta chỉ là những cá thể, đơn độc trong nỗi sợ hãi, khiếm khuyết, oán giận, và vòng đời ngắn ngủi của mình. Ta lầm tưởng cái bản ngã bé nhỏ hạn hẹp của ta cấu thành toàn thể bản tính ta. Ta đã không nhận ra được tính chất thiêng liêng sâu kín trong ta. Ta không ngộ ra rằng, đâu đó bên trong mình còn tồn tại một Ngã tối thượng an nhiên trường cửu. Ngã tối thượng mới là bản thể chân thật của ta, phổ quát và thiêng liêng. Các hành giả nói, trước khi ta chứng ngộ được chân lý này, ta sẽ luôn luôn thất vọng, ý niệm này được thể hiện một cách duyên dáng trong câu nói đầy bức tức này của nhà hiền triết khắc kỷ Hy Lạp Epictetus, “Hỡi những kẻ khốn khổ, các người mang Thượng Đế bên trong mình mà không biết.”

Yoga là nỗ lực tự chứng nghiệm thiêng liêng của mình và rồi duy trì chứng nghiệm đó mãi. Yoga là sự tự điều ngự và nỗ lực chuyên chú kéo sự chú ý của ta ra khỏi những nghiền ngẫm bất tận về quá khứ và lo lắng triền miên về tương lai để thay vì vậy, ta khả dĩ tìm kiếm một nơi *hiện diện* vĩnh hằng mà từ nơi ấy ta có thể nhìn bản thân mình và xung quanh ta với sự điềm tĩnh. Chỉ từ phút giây tự tại đó chân tính của thế giới (và của chính ta) mới phát lộ cho ta. Từ tư thế ngồi cân bằng của mình, những hành giả chân chính thấy toàn thể thế giới này là một thị hiện bình đẳng năng lực sáng tạo của Thượng Đế - đàn ông, đàn bà, trẻ con, củ cải, rệp, san hô: tất cả đều là Thượng Đế cải trang. Nhưng hành giả cũng tin rằng kiếp người là một cơ hội rất đặc biệt, và chỉ có trong thể dạng người và chỉ với một trí tuệ người thì chứng ngộ Thượng Đế mới có thể xảy ra. Củ cải, rệp, san hô – chúng không bao giờ có được cơ hội khám phá ra chúng thật sự là ai. Nhưng chúng ta thì có cơ hội đó.

Thánh Augustine đã viết, khá giống thuyết Yoga, “Do vậy toàn thể công việc của chúng ta trong đời này là hồi phục nhân lực của trái tim, nơi từ đó ta có thể nhìn thấy Thượng Đế”.

Cũng như tất cả các tư tưởng triết học lớn, điều này rất đơn giản để hiểu nhưng gần như không thể hấp thụ. Đồng ý – vậy tất cả chúng ta là một, và sự thiêng liêng ngụ trong chúng ta như nhau. Không thành vấn đề. Đã hiểu. Nhưng giờ hãy thử sống từ nơi đó. Hãy thử đưa tri kiến đó vào thực hành hai mươi bốn giờ một ngày. Không đơn giản như vậy. Vì thế mà ở Ấn Độ người ta xem việc ta cần có một vị thầy để học Yoga là đương nhiên. Trừ phi ta sinh ra đã là một trong những bậc thánh sáng rạng hiếm hoi đã chứng đắc trước khi bước vào cõi nhân gian, nếu không ta sẽ cần sự dìu dắt nào đó suốt hành trình đi đến giác ngộ của mình. Nếu đủ may mắn, ta sẽ tìm thấy một Sư phụ còn sống. Đây là điều những người hành hương đã đến Ấn Độ tìm kiếm hàng bao nhiêu năm. Vào thế kỷ thứ tư trước Công nguyên, Alexandre Đại Đế đã cử một sứ thần đến Ấn Độ, với yêu cầu tìm một trong những hành giả nổi tiếng và đưa ông cùng về triều đình. (Sứ thần tau lại là đã tìm thấy một hành giả, nhưng không thể thuyết phục được ông du hành.) Trong thế kỷ thứ nhất đầu Công nguyên, Apollonius xứ Tyrana, một sứ thần Hy Lạp khác, viết về cuộc hành trình khắp Ấn Độ của mình: “Tôi đã thấy những người Bà La Môn Ấn sống trên mặt đất nhưng không phải dựa vào nó, vững vàng mà không cần thành lũy, không sở hữu gì, nhưng vẫn có sự giàu có của loài người”. Chính Gandhi cũng luôn muốn học hỏi với một Sư phụ, nhưng ông tiếc là đã không bao giờ có thời gian hay cơ hội để tìm thấy một Sư phụ. Ông viết, “Tôi nghĩ có một phần lớn sự thật trong học thuyết này nói rằng không thể đạt được tri kiến đích thực nếu thiếu một Sư phụ”.

Một hành giả vĩ đại là bất kỳ ai đã đạt được trạng thái tuyệt phúc giác ngộ thường hằng. Sư phụ là một hành giả vĩ đại, người có thể thực sự truyền lại trạng thái ấy cho những người khác. Trong tiếng Phạn, từ *Sư phụ* (Guru) bao gồm hai âm tiết. Âm tiết đầu nghĩa là “sự tối tăm”, âm tiết thứ hai là “ánh sáng”. Ra khỏi bóng tối và bước vào ánh sáng. Sư phụ truyền cho môn đệ cái gọi là *mantravirya*: “Uy lực của ý thức giác ngộ”. Thế thì, ta đến với Sư phụ, không chỉ để nhận được những bài học, như từ bất kỳ vị thầy nào, mà còn để thực sự nhận được trạng thái ân huệ của Sư phụ.

Việc trao truyền ân huệ như vậy có thể xảy ra ngay cả trong cuộc gặp gỡ bất ngờ thoáng qua nhất với một bậc đại nhân. Có lần tôi đã nói đến nghe nhà sư vĩ đại người Việt Nam, nhà thơ và sứ giả hòa bình Thích Nhất Hạnh nói chuyện ở New York. Đó là một buổi tối thường nhật cuồng nhiệt đặc trưng của thành phố, và khi đám đông chen lấn xô đẩy vào chính phòng, bầu không khí ở ngay chính nơi đây đã bị dồn ép vào sự căng thẳng đến loạn óc của cơn stress tập thể. Rồi nhà sư bước lên sân khấu. Thầy ngồi trong tĩnh lặng khá lâu trước khi bắt đầu nói, và cử tọa – ta có thể cảm thấy điều đó đang diễn ra, lần lượt từng dãy người New York đang trong trạng thái dễ kích động – an định trở lại nhờ sự tĩnh lặng của thầy. Chẳng mấy chốc, trong khán phòng không còn lấy một tiếng động nhỏ. Trong khoảng thời gian có lẽ chừng mười phút, người đàn ông Việt Nam nhỏ nhắn này đã thu hút chúng tôi từng người một vào tĩnh lặng của ông. Hay có lẽ chính xác hơn nếu nói là thầy đã đưa mỗi người chúng tôi vào trong yên tĩnh của *chính mình*, vào trong an tịnh mà mỗi người chúng tôi vốn đã sở đắc, nhưng chưa khám phá hay khẳng định. Khả năng thầy phát khởi trạng thái này trong tất cả chúng tôi, chỉ bằng sự hiện diện của thầy trong căn phòng – đây là một năng lực thiêng liêng. Và đây là lý do ta tìm đến một Sư phụ: với hy vọng là công đức của thầy sẽ soi rọi cho ta sự cao quý khuất lấp của chính mình.

Các nhà hiền triết Ấn Độ cổ điển đã viết rằng có ba yếu tố để biết một linh hồn đã được ban cho may mắn tốt độ và tốt lành nhất trong vũ trụ hay chưa:

1. Được sinh ra là người, có thể thực hiện tìm hiểu bằng ý thức.
2. Được sinh ra đã có – hoặc đã vun trồng – một khát khao hiểu biết bản thể của vũ trụ.
3. Đã tìm thấy một đạo sư đang còn sống.

Có một lý thuyết là nếu ta đủ khát khao chân thành, ta sẽ tìm thấy một Sư phụ. Vũ trụ sẽ xoay vần, các phân tử định mệnh sẽ tự sắp xếp và con đường của ta và con đường của người thầy ta mong cầu sẽ sớm giao nhau. Chỉ một tháng sau cái đêm tôi lần đầu tiên cầu nguyện khẩn thiết giữa sàn nhà tắm – một đêm đầy nước mắt cầu xin Thượng Đế cho câu trả lời – tôi đã tìm thấy vị thầy của mình, sau khi bước vào căn hộ của David và bất ngờ nhìn thấy bức hình người phụ nữ Ấn gây ấn tượng sâu sắc này. Tất nhiên, tôi đã khá do dự với ý niệm có một Sư phụ. Nói chung, người Tây phương không thoải mái với từ đó.

Chúng tôi có một dạng lược sử mới đây về điều này. Trong thập niên 1970, một số người tìm kiếm Tây phương trẻ, giàu có, nhạy cảm và hăm hở xung đột với một nhóm Sư phụ Ấn Độ có sức lôi cuốn quần chúng nhưng đáng ngờ. Hầu hết các hỗn loạn giờ đã lắng xuống, nhưng sự ngờ vực vẫn còn dư âm. Ngay cả với tôi, ngay cả sau toàn bộ thời gian ấy, tôi vẫn thấy mình đôi khi ngần ngại trước từ *Sư phụ*. Điều này không thành vấn đề đối với bạn bè

tôi ở Ấn Độ; họ lớn lên với nguyên tắc về Sự phụ, họ thoải mái với điều đó. Như một cô gái trẻ người Ấn đã nói với tôi, “Tất cả mọi người ở Ấn đều gần như có Sự phụ!” Tôi hiểu điều cô muốn nói (là *gần như* tất cả mọi người ở Ấn đều có Sự phụ) nhưng tôi quan tâm nhiều hơn đến phát biểu không chủ tâm của cô, vì đó là điều đôi khi tôi cảm thấy – như thể tôi *gần như* có một Sự phụ. Đôi khi, dường như tôi không thể thừa nhận điều đó vì, là một người New England chân chính, hoài nghi và thực dụng là di sản trí tuệ của tôi. Dầu sao chăng nữa, không giống như tôi có chủ ý đi sắm một Sự phụ. Chính bà đã đến. Và lần đầu tiên tôi thấy bà, dường như bà nhìn tôi qua bức hình – đôi mắt đen nồng đượm lòng bi mẫn thông tuệ - và Sự phụ nói, “Con đã kêu gọi ta và giờ thì ta đây. Vậy thì con có muốn làm điều ấy hay không?”

Gác qua một bên những trò đùa căng thẳng và sự bất ổn xuyên văn hóa, tôi sẽ luôn nhớ điều mình đã đáp lại tối hôm đó: một chữ VÂNG thẳng thắn và khôn dò.

Một trong những người cùng phòng đầu tiên của tôi ở Ashram là một người Mỹ da đen trung niên tín đồ Baptist là hướng dẫn viên thiền từ Nam Carolina. Theo thời gian, những người bạn chung phòng khác của tôi gồm một diễn viên múa người Argentina, một bác sĩ người Thụy Sĩ chuyên chữa bệnh theo phép vi lượng đồng căn, một thư ký người Mexico, một bà mẹ năm con từ Úc, một chuyên viên lập trình Bangladesh, một bác sĩ nhi khoa từ Maine và một kế toán viên người Philippin. Những người khác thường đến rồi đi, như các tín đồ vẫn theo chu kỳ ra vào nơi ở của họ.

Ashram này không phải là một nơi ta có thể tùy tiện tạt vào tham quan. Đầu tiên, không dễ đến được đó. Ashram này cách xa Mumbai, trên con đường bụi bặm trong một thung lũng sông thôn dã gần ngôi làng nhỏ xinh xắn và chập vá (gồm một con đường, một ngôi đền, lác đác vài cửa hiệu và một bầy bò cái tự do lang thang khắp nơi, đôi khi đi dạo vào tiệm may rồi nằm ra đó). Có buổi tối tôi để ý thấy một bóng đèn sáu mươi oát trần trụi treo ở đầu sợi dây vắt trên cái cây giữa thị trấn; đây là đèn đường của thị trấn. Về căn bản Ashram tạo ra một nền kinh tế địa phương, thật tình chỉ có vậy, và cũng có giá trị như một niềm tự hào của thị trấn. Bên ngoài các bức tường của Ashram hoàn toàn bụi bặm và nghèo khổ. Bên trong, toàn là những vườn cây được tưới tắm, những luống hoa, giò lan e ấp, tiếng chim hót, xoài, mít, điều, cọ, hoa mộc lan đa. Các tòa nhà đều đẹp, nhưng không thái quá. Có một phòng ăn giản dị, theo kiểu tiệm ăn nhỏ. Có một thư viện tổng hợp gồm các tác phẩm tâm linh từ nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau của thế giới. Một vài đền thờ dành cho các kiểu hội họp hác nhau. Có hai “động” thiền – những tầng hầm tối và tĩnh lặng có trải những tấm đệm thoải mái, mở cửa cả ngày lẫn đêm, chỉ để thực hành thiền. Một lều lớn ngoài trời có mái che để tổ chức các lớp Yoga vào buổi sáng, và còn có một kiểu công viên hình ô van với lối đi bộ bao quanh, nơi các học viên có thể chạy bộ tập luyện. Tôi ngủ trong một phòng ngủ tập thể bằng bê tông.

Trong thời gian lưu lại ở Ashram, tôi chưa bao giờ thấy có hơn vài trăm người cư ngụ cùng một lúc. Nếu chính Sư phụ đang có mặt, số người đó sẽ nhiều lên đáng kể, nhưng trong thời gian tôi ở đây, không lúc nào bà ở Ấn Độ. Tôi có phần nào mong điều đó; gần đây bà đã dành khá nhiều thời gian ở Mỹ, nhưng ta sẽ không bao giờ biết khi nào bà có thể bất ngờ xuất hiện tại bất kỳ đâu. Người ta không xem sự hiện diện theo nghĩa đen của bà là thiết yếu để duy trì việc học hỏi của ta với bà. Tất nhiên, có một tầm cao không thể thay thế được khi thật sự ở gần một vị thầy Yoga đang sống, và tôi đã chứng nghiệm điều đó trước đây. Nhưng nhiều tín đồ lâu năm đồng ý là điều đó đôi khi cũng là một sự xao lãng – nếu không thận trọng, ta có thể hoàn toàn mắc kẹt trong cái ồn ào phấn khích của sự nổi tiếng bao quanh Sư phụ và đánh mất chuyên chú vào mục đích chân thật của mình. Trong khi đó, nếu ta chỉ đến một trong những Ashram của bà và tự khép mình vào kỷ luật để không rời xa chương trình thực hành khổ hạnh, đôi khi ta sẽ thấy là liên lạc với thầy ta từ trong những tham thiền riêng tư này sẽ dễ dàng hơn là xô lấn trong đám đông các môn đệ háo hức để chen ngang được một lời.

Ở Ashram cũng có một số nhân viên được trả lương dài hạn, nhưng phần lớn công việc ở đây do chính các môn sinh làm lấy. Một số dân làng địa phương cũng làm việc hưởng lương ở đây. Nhiều người dân địa phương khác là tín đồ của Sư phụ và sống ở đây như những môn sinh. Một cậu thiếu niên Ấn ở gần Ashram không hiểu sao đã thực sự gọi được chú ý của tôi. Có cái gì đó nơi *hào quang* (xin lỗi vì từ này, nhưng...) của cậu rất cuốn hút tôi. Đầu tiên, cậu bé gầy gò đến không thể tin nổi (dù đây là hình ảnh khá điển hình xung quanh nơi này; nếu trên thế giới này còn có gì gầy gò hơn một thiếu niên Ấn Độ, tôi sẽ rất ngạc nhiên). Cậu ăn mặc như kiểu mấy cậu bé nghiện máy tính ở trường trung học cơ sở thường mặc đi xem các ban nhạc biểu diễn – quần sẫm màu và áo sơ mi trắng cổ cài khuy ủi thẳng thớm đều quá rộng với cậu, cái cổ khắng khiu của cậu lộ ra khỏi phần đầu như một cành hoa cúc lẻ loi ló ra từ một bình hoa khổng lồ. Cậu luôn dùng nước chải tóc gọn gàng. Cậu đeo một cái thắt lưng của người lớn quấn gần gấp đôi vòng eo có lẽ khoảng mười sáu inch. Ngày nào cậu cũng mặc bộ đồ đó. Tôi nhận thấy đó là bộ đồ duy nhất của cậu. Chắc hẳn cậu giặt tay cái sơ mi hàng đêm rồi là nó vào buổi sáng. (Để tâm đến áo quần sao cho lịch sự cũng là việc điển hình quanh đây; thanh thiếu niên Ấn trong trang phục hồ cứng của họ nhanh chóng làm tôi xấu hổ vì mấy cái áo nông dân nhàu nhĩ của mình và khiến tôi phải mặc những đồ sạch sẽ hơn, giản dị hơn.) Vậy thì có điều gì ở cậu bé này? Tại sao tôi xúc động đến vậy mỗi khi nhìn thấy gương mặt cậu – một khuôn mặt đẫm ánh sáng trông như thể cậu vừa trở về từ một kỳ nghỉ ở Thiên Hà? Cuối cùng tôi hỏi một thiếu niên Ấn khác cậu ta là ai. Cô ấy đáp một cách đơn giản, “Đó là con trai một chủ cửa hiệu trong làng. Gia đình cậu ấy rất nghèo. Sư phụ đã mời cậu ấy đến ở đây. Khi cậu ấy đánh trống, ta có thể nghe thấy giọng của Thượng Đế.”

Trong Ashram có một ngôi đền mở cửa cho công chúng, suốt ngày nhiều người Ấn đến đây để chiêm bái một bức tượng Siddha Yogi (hay “đạo sư viên mãn”), người đã thành lập dòng giáo huấn này từ những năm 1920 và là người vẫn được tôn kính khắp Ấn Độ như một bậc thánh vĩ đại. Nhưng phần còn lại ở Ashram chỉ dành cho môn sinh. Ashram không phải là một khách sạn hay một điểm du lịch. Nó giống như một trường đại học hơn. Ta phải xin phép để được chấp nhận lưu trú, ta phải chứng minh là mình đã học Yoga nghiêm túc trong một thời gian khá dài. Cần phải ở lại ít nhất là một tháng. (Tôi đã quyết định ở đây trong sáu tuần, và rồi sẽ một mình rong ruổi khắp Ấn Độ, tìm hiểu các đền đài khác, các Ashram và địa điểm tín ngưỡng khác.)

Số môn sinh Ấn Độ và phương Tây ở đây gần bằng nhau (và trong số người Tây phương, số người Mỹ và người Âu cũng gần bằng nhau). Người ta dạy các khóa học bằng tiếng Ấn và tiếng Anh. Trong đơn xin nhập học, ta phải viết một bài luận, tập hợp các nguồn tham khảo và trả lời các câu hỏi về sức khỏe tinh thần và thể chất của mình, về quá trình lạm dụng rượu hay thuốc có thể có và sự ổn định tài chính của mình nữa. Sư phụ không muốn mọi người sử dụng Ashram của bà như một lối thoát cho những hỗn độn nào đó họ có thể đã tạo ra trong đời sống thực tế của mình; chuyện ấy sẽ chẳng đem lại lợi ích cho ai. Bà cũng có một chính sách chung là nếu gia đình và người thân yêu của ta vì một lý do sâu xa nào đó phản đối ý tưởng ta theo một Sư phụ và sống trong một Ashram, thì ta không nên, không đáng phải làm vậy. Chỉ cần ở nhà, sống đời sống bình thường của mình và làm một người tốt. Không có lý do gì để quan trọng hóa chuyện này.

Mức độ nhạy cảm thực tế của người phụ nữ này luôn luôn khiến tôi thấy vững dạ.

Vậy thì, để đến đây, ta phải chứng tỏ ta cũng là một người thực tế và nhạy cảm. Ta phải cho thấy là ta có thể làm việc vì mọi người mong đợi ta đóng góp cho hoạt động chung của nơi này với khoảng năm giờ seva hay “phục vụ vị tha” mỗi ngày. Ban quản lý Ashram cũng yêu cầu là, nếu ta vừa trải qua một biến động tình cảm lớn trong vòng sáu tháng qua (ly dị; mất người thân), thì ta vui lòng hoãn chuyến viếng thăm của mình đến lúc khác, vì rất có khả năng ta sẽ không thể tập trung vào việc học hỏi của mình, và, nếu ta có một thảm họa kiểu đó, ta sẽ làm cho đồng môn của mình xao lãng thôi. Bản thân tôi vừa thực hiện một sự đoạn tuyệt sau ly dị. Và khi nghĩ về nỗi thống khổ tinh thần mình đã trải qua ngay sau khi ra khỏi đời sống hôn nhân, tôi chắc chắn là mình đã có thể làm kiệt quệ ghê gớm mọi người ở Ashram này nếu đến đây vào thời điểm đó. Tốt hơn nhiều là đầu tiên nghỉ ngơi ở Ý, lấy lại sức mạnh và sức khỏe, và rồi trình diện. Vì tôi sẽ cần sức mạnh đó lúc này.

Họ muốn ta đến đây mạnh mẽ vì đời sống ở Ashram khắc nghiệt. Không chỉ về mặt thể chất, với những ngày bắt đầu từ 3 giờ sáng và kết thúc vào 9 giờ tối, mà còn về mặt tâm lý. Mỗi ngày ta sẽ trải qua hàng giờ hàng giờ tham thiền và trầm tư tĩnh lặng, có rất ít xao lãng hay sự thư giãn từ bộ máy tâm trí ta. Ta sẽ sống trong những khu nhà ngột ngạt cùng những người lạ, ở nông thôn Ấn Độ. Ở đó có rệp, rắn, loài gặm nhấm. Thời tiết có thể khắc nghiệt cực độ - đôi khi mưa như thác hàng tuần liền, đôi khi lên tới 38 độ C trong bóng râm trước giờ điểm tâm. Mọi thứ có thể trở nên hết sức thật quanh đây, rất nhanh.

Sư phụ tôi luôn nói là chỉ có duy nhất một điều sẽ xảy ra khi ta đến Ashram – ta sẽ khám phá ra ta thật sự là ai. Vậy nên nếu ta đang trên bờ vực của sự rồ dại, bà thực sự ước gì ta đừng đến. Vì, thành thật mà nói, không ai muốn phải mang ta ra khỏi nơi này với một cái muống gỗ nhét chặt giữa hai hàm răng.

Thời điểm tôi đến nơi đây trùng hợp thú vị với năm mới sắp đến. Tôi chỉ có vừa vặn một ngày để làm quen với Ashram, và thế là đã đến đêm Giao thừa rồi. Sau bữa cơm tối, sân nhỏ bắt đầu đầy người. Tất cả chúng tôi ngồi trên sàn – một số ngồi trên sàn đá cẩm thạch lạnh và một số khác ngồi trên chiếu cỏ. Tất cả phụ nữ Ấn đều ăn mặc như đi đám cưới. Tóc họ bôi dầu, đen và tết dài xuống lưng. Họ mặc những chiếc xari lụa đẹp nhất và đeo vòng vàng, và mỗi phụ nữ đều có một chấm ngọc đỏ sáng ngời giữa trán, như phản chiếu ánh sao mờ ảo trên đầu chúng tôi. Kế hoạch sẽ là tụng niệm ở ngoài sân đến nửa đêm, đến khi sang năm mới.

Tụng là một từ tôi không thích khi nói về một thực hành mà tôi rất yêu quý. Đối với tôi, từ *tụng* bao hàm một kiểu hành vi đơn điệu đều đều và đáng sợ, như cái gì đó các nam tu sĩ Celts thường làm quanh một đám lửa hiến tế. Nhưng khi chúng tôi tụng niệm ở Ashram này, đó lại là một lối ca hát thiên thần. Thông thường, người ta tụng theo cách gọi-và-đáp. Một nhóm đàn ông và phụ nữ trẻ có giọng dễ thương nhất bắt đầu bằng cách hát một cụm từ du dương, và rồi những người còn lại lặp lại. Đó là một thực hành thiền quán – cố gắng nằm ở chỗ giữ sự chú ý của ta và tiến triển của dòng nhạc và hòa giọng với giọng người bên cạnh để cuối cùng tất cả cùng là một giọng hát. Tôi mệt mỏi sau chuyến bay dài và e rằng mình không thể tỉnh táo đến nửa đêm, chứ đừng nói chi đến lấy đâu ra năng lượng để hát lâu như vậy. Nhưng rồi đêm nhạc bắt đầu, với chỉ một cây violin trong bóng tối chơi một nốt dài khao khát. Rồi đến đàn hạc ối, rồi đến tiếng trống chậm, rồi các giọng hát...

Tôi ngồi phía sau sân với tất cả những người mẹ, những phụ nữ Ấn đang ngồi xếp bằng rất thoải mái, con họ nằm vắt qua họ mà ngủ như những tấm chăn sống nhỏ bé. Bài tụng tối nay là một bài hát ru, một lời than van, một ý định bày tỏ lòng biết ơn, được viết trong một raga (giọng điệu) nhằm gọi lên lòng bi mẫn và sùng mộ. Như mọi khi, chúng tôi đang tụng bằng tiếng Phạn (một ngôn ngữ cổ đã không còn ở Ấn Độ, ngoại từ trong cầu nguyện và nghiên cứu tôn giáo), và tôi đang cố trở thành một phản chiếu âm thanh giọng của những người hát chính, đón bắt những chuyển âm của họ như những sợi dây ánh sáng xanh nhỏ bé. Họ truyền những từ thiêng liêng qua cho tôi, tôi tiếp nối những lời này trong một lúc, rồi trả lại, và vì thế nên chúng tôi có thể hát hàng dặm dặm thời gian mà không mệt mỏi. Tất cả chúng tôi lắng lư như tảo bẹ giữa hải lưu tối trong đêm. Bọn trẻ con quanh tôi được bao bọc trong đồ lụa, như những món quà.

Tôi rất mệt, nhưng tôi không đánh rơi sợi dây ca hát màu xanh nhỏ bé của mình, và tôi dạt vào một trạng thái mà tôi nghĩ mình có thể gọi tên Thượng Đế trong giấc ngủ, hay có lẽ tôi chỉ đang rơi xuống cái giếng của vũ trụ này. Dù sao, đến 11 giờ 30, dàn nhạc đã tang nhịp độ của bài tụng và tung nó lên thành một niềm hân hoan hoàn toàn. Những phụ nữ ăn mặc đẹp đẽ đeo xuyên leng keng đang vỗ vầy và múa, cố rung trống lục lạc bằng toàn bộ cơ thể mình. Tiếng trống rầm rập, nhịp nhàng, phấn khích. Khi những giờ khắc trôi qua, tôi thấy như thể chúng tôi đang cùng nhau kéo năm 2004 về phía mình. Như thể chúng tôi vừa trối nó lại bằng nhạc của mình, và giờ đây đang kéo nó qua bầu trời đêm như thể nó là một tấm lưới đồ sộ, đầy ắp những số phận mơ hồ của chúng tôi. Và quả thực, tấm lưới mới nặng làm

sao, vì khi di chuyển nó mang theo tất cả sự sống, cái chết, thảm kịch, chiến tranh, chuyện tình, sáng tạo, chuyển hóa và tai ương định sẵn cho tất cả chúng tôi trong năm tới. Chúng tôi cứ hát và cứ kéo, tay này bắt tiếp tay kia, phút này tiếp phút trước, giọng nối tiếp giọng, gần hơn và gần hơn. Thời khắc của nửa đêm dần tới gần và chúng tôi hát với sự cố gắng hết mình, và với sự nỗ lực đầy can đảm sau cùng này, cuối cùng chúng tôi cũng đã kéo được tấm lưới Năm Mới *qua* đầu mình, để nó che phủ cả bầu trời và cả chúng tôi. Chỉ có Thượng Đế mới biết năm nay có thể chứa đựng điều gì, nhưng giờ thì nó đã ở đây, và tất cả chúng ta đều ở bên dưới nó.

Đây là đêm Giao thừa đầu tiên trong những đêm Giao thừa của đời mình tôi có thể nhớ mà tôi không quen bất kỳ ai trong số những người đang cùng tôi đón mừng. Giữa tất cả lời hát và điệu múa này, không có ai để tôi ôm hôn và lúc nửa đêm. Nhưng tôi không thể nói bất cứ điều gì về đêm đó là tôi đã đơn độc.

Không, nhất định tôi không thể nói vậy.

Ở đây tất cả chúng tôi đều được giao việc, và nhiệm vụ của tôi hóa ra là cọ rửa sàn đền thờ. Vậy nên giờ đây đó là nơi bạn có thể thấy tôi vài giờ mỗi ngày – quỳ trên sàn cẩm thạch lạnh với một cái bàn chải và một cái xô, miệt mài làm việc như đứa con ghẻ trong truyện cổ tích. (Nhân tiện, tôi ý thức được ẩn dụ này – lau chùi sạch đền thờ đó là lau chùi tim tôi, đánh bóng linh hồn tôi, cố gắng trần tục mỗi ngày phải được áp dụng vào thực hành tâm linh để thanh lọc bản ngã v.v...)

Những người bạn chùi sàn của tôi chủ yếu là một nhóm thanh thiếu niên Ấn. Họ luôn giao cho thanh thiếu niên công việc này vì nó đòi hỏi năng lực thể chất cao chứ không phải nguồn trách nhiệm lớn; có một giới hạn cho tổn thất ta có thể gây ra khi làm hỏng chuyện. Tôi thích mấy đồng nghiệp của mình. Các cô gái run rẩy như những cánh bướm có vẻ trẻ hơn các cô gái Mỹ mười tám tuổi rất nhiều, còn các cậu con trai là những nhà chuyên quyền bé nhỏ mặt mũi nghiêm trọng thì có vẻ già hơn mấy cậu bé Mỹ mười tám tuổi. Lẽ ra không ai được nói chuyện trong các đền thờ, nhưng họ là những thanh thiếu niên, vậy nên trò chuyện diễn ra liên tục khi chúng tôi làm việc. Không phải tất cả đều là chuyện tầm phào vô ích. Một trong các cậu bé cả ngày cọ rửa sàn cạnh tôi say sưa giảng cho tôi nghe làm sao để hoàn thành tốt nhất công việc mình ở đây, “Nghiêm túc. Đúng giờ. Điềm đạm và tự tại. Hãy nhớ - tất cả những gì chị làm là chị làm cho Thượng Đế. Và tất cả những gì Thượng Đế làm là ngài làm cho chị.”

Đó là một công việc thể xác mệt nhọc, nhưng những giờ làm việc hàng ngày của tôi dễ dàng hơn rất nhiều so với những giờ thiền định hàng ngày. Sự thật thì, tôi không nghĩ mình giỏi việc thiền định. Tôi biết mình không có thời gian luyện tập, nhưng thành thật mà nói tôi chưa bao giờ giỏi cả. Dường như tôi không thể giữ tâm trí mình lắng tĩnh. Tôi đã từng đề cập việc này với một thầy tu Ấn, và ông nói, “Tiếc rằng cô không phải là người duy nhất trong lịch sử thế giới gặp vấn đề này.” Rồi thầy trích dẫn cho tôi trong Bhagavad Gita, văn bản Yoga cổ thiêng liêng nhất, “Ô Krishna, tâm trí thì không yên, loạn động, mạnh mẽ và không khuất phục. Ta xem khuất phục nó cũng khó như khuất phục gió vậy.”

Thiền vừa là mỏ neo vừa là đôi cánh của Yoga. Thiền là *con đường*. Có một sự khác biệt giữa thiền và cầu nguyện dù cả hai thực hành đều tìm kiếm tương đồng với thiêng liêng. Tôi được biết rằng cầu nguyện là hành vi nói chuyện với Thượng Đế, trong khi thiền là hành vi lắng nghe. Hãy thử đoán xem cái nào dễ dàng hơn với tôi. Tôi có thể bi bô với Thượng Đế và tất cả những cảm nghĩ của mình và những vấn đề của mình suốt cả ngày, nhưng đến lúc phải bước vào tĩnh lặng và *lắng nghe*... lạ thật, đó lại là chuyện khác. Khi tôi yêu cầu tâm trí mình ngưng nghĩ trong tĩnh lặng, thật kinh ngạc biết chừng nào là nó nhanh chóng chuyển thành (1) buồn chán, (2) giận dữ, (3) phiền não, (4) lo âu hay (5) tất cả những điều trên.

Cũng như phần lớn loài linh trưởng, tôi cũng trì độn với cái mà đạo Phật gọi là “tâm thức khi” – những ý nghĩ cứ đu từ cảnh này sang cảnh khác, chỉ dừng để gãi, phun nhổ và hú. Từ quá khứ xa xôi đến tương lai vô định, tâm thức tôi quay cuồng hỗn loạn suốt, chạm vào hàng tá ý niệm mỗi phút, không kiểm chế và không khuôn phép. Điều này tự nó không hẳn là một vấn đề; vấn đề nằm ở các vương mắc cảm xúc đi cùng với suy niệm. Những ý nghĩ vui

làm tôi vui, nhưng – Ôi chào! – tôi lại đu vào lo lắng ám ảnh mới nhanh làm sao, làm hỏng cả tâm trạng này; rồi nhớ lại khoảnh khắc giận dữ nào đó, tôi lại bắt đầu thấy bức mình và lại tức điên lên; và rồi tâm trí tôi quyết định có lẽ đây là lúc thích hợp để bắt đầu cảm thấy tự thương tha, thế là nỗi cô đơn lẻ làng kéo đến. Suy cho cùng, ta là cái ta nghĩ. Cảm xúc của ta là nô lệ của tư tưởng ta, và ta là nô lệ của cảm xúc ta.

Một vấn đề khác với toàn bộ sự chao động qua đám dây leo tư tưởng này là ta không bao giờ an trụ. Ta luôn luôn đào bới vào quá khứ hay chõ vào tương lai, mà hiếm khi ta ngưng nghĩ trong giây phút này. Nó là cái gì đó như thói quen của Susan bạn tôi, người mà – mỗi khi thấy một nơi nào đẹp – lại la lên gần như hoảng loạn, “Ở đây đẹp quá! Tôi muốn trở lại đây một ngày nào đó!” và tôi phải dùng hết khả năng thuyết phục của mình để làm cô tin là cô đang ở đây rồi. Nếu ta mong cầu hợp nhất với thiêng liêng, cái kiểu quay lộn tới lui này là một vấn đề. Có lý do khi người ta gọi Thượng Đế là một *hiện diện* – vì Thượng Đế đang ở ngay *đây*, ngay *lúc này*. Hiện tại là nơi duy nhất để tìm thấy Ngài, và lúc này là lúc duy nhất.

Nhưng an trụ trong giây phút hiện tại đòi hỏi nhất tâm. Các kỹ thuật thiền khác nhau hướng dẫn tập trung vào một điểm bằng nhiều cách khác nhau – ví dụ, bằng cách tập trung mắt vào một điểm sáng duy nhất, hay bằng cách quan sát sự lên và xuống của hơi thở ta. Sư phụ tôi dạy thiền định với trợ lực của một câu chú, những từ hay âm tiết linh thiêng phải lặp đi lặp lại một cách chuyên tâm. Chú có chức năng đối ngẫu. Đầu tiên, chú cho tâm thức một cái gì đó để làm. Như thế ta giao cho con khỉ một đồng 10.000 cái hạt và nói, “Hãy đem những cái này, từng hạt một, sang một đồng mới.” Nhiệm vụ này dễ dàng cho con khỉ hơn là quăng hắt vào một góc và bảo hắt không được nhúc nhích. Mục đích nữa của chú là đưa ta sang một trạng thái khác, như thuyền có mái chèo, qua những con sóng bập bềnh của tâm thức. Mỗi khi chú ý của ta bị đẩy vào một dòng nước tư tưởng cắt ngang, chỉ cần trở lại với câu chú, trèo lại lên thuyền và tiếp tục đi. Người ta nói những câu chú tiếng Phạn cao quý chứa đựng quyền năng không thể tưởng tượng được, có khả năng đưa ta, nếu ta có thể trụ vững với một câu chú, thẳng đến bên bờ thiêng liêng.

Trong số rất rất nhiều vấn đề tôi gặp trong việc thiền định có một điều là câu chú người ta trao tôi – *Om Namah Shivaya* – không yên vị trong đầu tôi. Tôi thích cái âm thanh của nó và tôi yêu quý ý nghĩa của nó, nhưng nó không đưa tôi vào trạng thái thiền định. Chưa từng, không một lần nào trong hai năm tôi thực hành Yoga này. Khi tôi cố lặp lại *Om Namah Shivaya* trong đầu, quả thực là nó kẹt trong cổ họng tôi, khiến ngực tôi thắt lại, làm tôi căng thẳng. Tôi chưa bao giờ có thể đưa các âm tiết khớp vào hơi thở của mình.

Rất cuộc một đêm tôi phải hỏi cô bạn cùng phòng Corella về chuyện này. Tôi ngỡ ngàng phải thú nhận với cô mình gặp khó khăn khi giữ tâm trí tập trung vào việc lặp lại câu chú, nhưng cô là một thầy thiền. Có lẽ cô có thể giúp tôi. Cô bảo tôi là tâm trí cô cũng thường lang thang khi thiền, nhưng giờ thì hành thiền trở thành niềm vui có sức mạnh chuyển hóa, điều thanh thản và cao cả nhất trong đời cô.

“Dường như tôi chỉ ngồi xuống và nhắm mắt,” cô nói “và tôi chỉ *phải* nghĩ về câu chú và tôi biến ngay vào thiền đường.”

Tôi nôn nao ganh tị khi nghe thấy thế. Nhưng mặt khác, số năm Corella thực hành Yoga cũng bằng số tuổi tôi. Tôi hỏi cô có thể chỉ cho tôi chính xác cô dùng *Om Namah Shivaya* trong hành thiền của mình *như thế nào* không. Cô có hít vào khi đọc mỗi âm tiết không? (Khi

tôi làm vậy, dường như nó thật sự bất tiện và khó chịu.) Hay mỗi từ cho mỗi hơi thở? (Nhưng các từ có các độ dài khác nhau! Vậy làm sao ta rải đều ra?) Hay cô đọc cả câu chú một lần khi hít vào, rồi lại một lần nữa khi thở ra? (Vì khi tôi cố làm vậy, tất cả chúng tăng tốc và tôi trở nên bất an.)

“Tôi không biết nữa,” Corella nói. “Tôi chỉ kiểu như... đọc nó.”

“Nhưng chị có hát nó không?” Tôi hỏi dồn, giờ thì tôi đã tuyệt vọng. “Chị có đưa một nhịp vào không?”

“Tôi chỉ đọc nó thôi.”

“Chị có thể đọc to cho tôi như cách chị đọc trong đầu khi thiền không?”

Cô bạn cùng phòng tôi nhắm mắt và bắt đầu đọc to câu chú, theo cách nó xuất hiện trong đầu cô một cách bao dung. Và, quả thực, cô chỉ... đang đọc nó. Cô đọc yên tĩnh, bình thường, hơi mỉm cười. Thực tế là cô đọc vài lần, cho đến khi tôi trở nên bồn chồn và cắt ngang cô. “Nhưng chị không thấy nhàm chán à?” Tôi hỏi.

“A,” Corella nói và mở mắt, cười. Cô nhìn đồng hồ của mình. “Mười giây trôi qua, Liz. Chúng ta đã chán rồi, phải không?”

Sáng hôm sau, tôi đến đúng giờ cho buổi thiền lúc bốn giờ sáng, luôn là cách bắt đầu một ngày ở đây. Chúng tôi phải ngồi trong tĩnh lặng trong vòng một giờ, nhưng tôi ghi nhận những phút như thể chúng là những dặm – sáu mươi dặm tàn bạo tôi phải chịu đựng. Đến dặm/phút thứ mười bốn, thần kinh tôi bắt đầu yếu đi, đầu gối tôi kiệt sức và tôi không kiềm chế nổi cơn cáu. Thật dễ hiểu, vì rằng cuộc trò chuyện giữa tôi và tâm trí trong thiền định thông thường diễn ra đại loại như thế này:

Tôi: Tốt lắm, giờ chúng ta sẽ thiền. Hãy hướng sự chú ý của chúng ta đến hơi thở của mình và tập trung vào câu chú. *Om Namah Shivaya. Om Namah Shiv-*

Tâm trí: Tôi có thể giúp cô chuyện này, cô biết đấy!

Tôi: Được lắm, tốt, vì ta cần mi giúp. Bắt đầu nào. *Om Namah Shivaya. Om Namah Shi-*

Tâm trí: Tôi có thể giúp cô nghĩ đến những hình ảnh thiền đẹp đẽ. Ví dụ, này, có một cái hay đây. Hãy tưởng tượng cô là một ngôi đền. Một ngôi đền trên một hòn đảo! Và hòn đảo ở giữa biển!

Tôi: Ô, đó là một hình ảnh đẹp.

Tâm trí: Cảm ơn. Tôi tự nghĩ ra đó.

Tôi: Nhưng mình đang hình dung ra biển nào vậy?

Tâm trí: Địa Trung Hải. Hãy tưởng tượng cô là một trong những hòn đảo Hy Lạp, với một ngôi đền Hy Lạp cổ trên đó. Không, đừng bận tâm, như thế du lịch quá. Cô biết gì không? Quên biển đi. Biển quá nguy hiểm. Có một sáng kiến hay hơn – thay vì vậy, hãy tưởng tượng cô là một hòn đảo trong một *cái hồ*.

Tôi: Giờ chúng ta thiền được chưa? *Om Namah Shi-*

Tâm trí: Vâng! Dứt khoát rồi! Nhưng cố đừng hình dung là cái hồ được bao phủ bởi... người ta gọi mấy thứ đó là-

Tôi: Jet Ski^[29] phải không?

Tâm trí: Đúng đó! Jet Ski! Mấy thứ đó tiêu hao quá nhiều nhiên liệu! Chúng thật sự là một mối đe dọa cho môi sinh. Cô có biết cái gì khác sử dụng rất nhiều nhiên liệu nữa không? Máy quạt lá. Cô sẽ không nghĩ như vậy, nhưng-

Tôi: Thôi được, nhưng giờ thì hãy THIỀN, làm ơn? *Om Namah-*

Tâm trí: Đúng! Tôi rõ ràng là muốn giúp cô thiền! Và vì vậy mà chúng ta sẽ bỏ qua hình ảnh một hòn đảo trong hồ hay biển, vì điều đó rõ ràng là không hiệu quả. Vậy hãy tưởng tượng cô là một hòn đảo trên một con sông!

Tôi:Ồ, mi định nói như Đảo Bannerman trên sông Hudson ư?

Tâm trí: Đúng vậy! Chính xác! Hoàn hảo! Do vậy, kết luận là, hãy thiền về hình ảnh này – mừng tượng cô là một hòn đảo trên một con sông. Tất cả những tư tưởng trôi qua khi cô đang thiền, chúng chỉ là những dòng chảy tự nhiên của sông và cô có thể lơ chúng đi vì cô là một hòn đảo.

Tôi: Đợi đã, ta tưởng mi nói ta là một ngôi đền.

Tâm trí: Đúng vậy, xin lỗi nghe. Cô là một ngôi đền *trên* một hòn đảo. Thật ra, cô vừa là ngôi đền vừa là hòn đảo.

Tôi: Ta cũng là dòng sông nữa chứ?

Tâm trí: Không, dòng sông chỉ là những tư tưởng.

Tôi: Thôi đi! Làm ơn thôi đi! MI ĐANG LÀM TA PHÁT ĐIÊN LÊN ĐÂY!!!

Tâm trí (bị tổn thương): Xin lỗi. Tôi chỉ muốn giúp thôi mà.

Tôi: *Om Namah Shivaya... Om Namah Shivaya... Om Namah Shivaya...*

Rồi thì có một khoảng dừng tám giây hứa hẹn trong tư tưởng. Nhưng rồi...

Tâm trí: Giờ cô bức tôi đấy à?

... và rồi há hốc miệng, như tôi đang trôi lên mặt nước thở lấy không khí, tâm trí tôi đã thắng, tôi đã mở bừng mắt và tôi *xuất thiền*. Đắm nước mắt, Ashram phải là một nơi để ta tới học hỏi sâu về thiền định, nhưng điều này quả là một thảm họa. Áp lực quá sức với tôi. Tôi không thể làm được. Nhưng tôi nên làm gì đây? Chạy ra khỏi đền thờ khóc lóc sau mười bốn phút, mỗi ngày?

Sáng nay, dù sao, thay vì chống lại, tôi chỉ dừng. Tôi đầu hàng. Tôi để mình ngã vào bức tường sau lưng. Lưng tôi đau, tôi không còn sức, tâm trí tôi run rẩy. Cả người tôi sụp xuống như một cái cầu sập. Tôi lấy câu chú ra khỏi đỉnh đầu tôi (nơi nó đã ấn xuống tôi như một cái đe vô hình) và để nó xuống sàn cạnh mình. Và rồi tôi nói với Thượng Đế, “Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng đây là cách gần nhất tôi có thể đến với ngài hôm nay.”

Lakota Sioux nói một đứa trẻ không thể ngồi yên là một đứa trẻ mới chỉ phát triển một nửa. Còn một văn bản Phạn cổ nói, “Bằng một số dấu hiệu ta có thể nói khi nào thì thiền định được thực hiện một cách đúng đắn. Một trong các dấu hiệu đó là một con chim sẻ đậu trên đầu ta, tưởng ta là một vật trụ.” Điều như thế vẫn chưa xảy ra với tôi. Nhưng trong chừng bốn mươi phút tiếp theo, tôi cố giữ tĩnh lặng hết mức có thể, mắc kẹt trong cái phòng thiền đó và bị mắc bẫy trong nỗi hổ thẹn và sự bất xứng của mình, theo dõi những tín đồ quanh mình khi họ ngồi trong tư thế hoàn hảo của họ, mắt nhắm hoàn hảo, gương mặt mãn nguyện toát ra sự an nhiên chắc chắn là đã đưa họ vào một thiên đường viên mãn nào đó. Trong tôi tràn ngập một nỗi buồn thể thảm, khủng khiếp và chỉ muốn òa khóc cho khuây khỏa, nhưng tôi cố hết sức để không khóc vì nhớ lại điều gì đó Sư phụ đã từng nói – các vị đừng bao giờ cho mình cơ hội suy sụp vì, khi làm vậy, nó sẽ trở thành một khuynh hướng và nó sẽ diễn ra lặp đi lặp lại. Thay vì vậy, các vị phải thực hành để vững vàng.

Nhưng tôi không cảm thấy vững vàng. Cơ thể tôi đau đớn vì sự vô dụng nhỏ nhoi. Tôi tự hỏi “tôi” là ai khi mình trò chuyện với tâm trí, và “tâm trí” là ai. Tôi nghĩ về cái cỗ máy điều khiển tư duy, giày vò tâm hồn không ngừng nghĩ cái cỗ máy vốn là não của tôi, và thắc mắc làm thế quái nào mình có thể điều ngự được nó. Rồi tôi nhớ dòng chữ này trong *Jaws* và không thể nhịn được cười:

“Chúng ta sẽ cần một chiếc thuyền lớn hơn.”

Giờ ăn tối. Tôi đang ngồi một mình, cố ăn chậm rãi. Sư phụ tôi luôn khuyến khích chúng tôi thực hành kỷ luật trong chuyện ăn uống. Bà khuyến khích chúng tôi ăn điều độ và không nuốt ừng ực để không triệt tiêu những ngọn lửa thiêng trong cơ thể mình bằng cách đồ quá nhiều thức ăn vào bộ máy tiêu hóa quá nhanh. (Sư phụ tôi, tôi hoàn toàn chắc chắn, chưa từng đến Naples.) Khi các môn đệ đến gặp bà than phiền là họ gặp khó khăn trong thiền định, bà luôn hỏi việc tiêu hóa của họ gần đây ra sao. Thật là hợp lý vì ta sẽ khó nuốt nhẹ nhàng vào trong siêu nghiệm khi bụng ta đang vật vã để đánh toi một cái calzone^[30] xúc xích, một pound cánh gà chiên và một nửa cái bánh kem dừa. Vì vậy mà ở đây họ không dọn loại thức ăn đó. Thức ăn ở Ashram là đồ chay, nhẹ và bổ dưỡng. Nhưng vẫn ngon lành. Vì vậy mà ở đây họ không dọn loại thức ăn đó. Thức ăn ở Ashram là đồ chay, nhẹ và bổ dưỡng. Nhưng vẫn ngon lành. Vì vậy tôi khó lòng mà không ngấu nghiến như một trẻ mồ côi chết đói. Hơn nữa, các bữa ăn được dọn theo kiểu buffet, và chưa bao giờ tôi thấy dễ dàng cưỡng lại việc làm cuộc tập kích lần thứ hai hay thứ ba khi những thức ăn đẹp đẽ bày lồ lộ ra đó, bốc mùi thơm và chẳng tốn tiền.

Và khi chỉ có một mình ở bàn ăn, đang cố kiềm chế cái đĩa của mình, tôi thấy một người đàn ông bước lại gần với cái khay ăn trên tay, tìm một ghế trống. Tôi gật đầu ra hiệu cho anh ta cứ tự nhiên ngồi cùng. Tôi chưa hề thấy anh chàng này quanh đây. Chắc anh ta là người mới đến. Người lạ này có những bước đi điềm tĩnh, kiểu như ta chẳng vội gì, anh di chuyển với cái uy quyền của một cảnh sát trưởng thị trấn biên giới, hay có lẽ là một tay chơi xì phé thâm niên liều lĩnh. Trông anh ngoài năm mươi nhưng có dáng đi như mặc áo sơ mi vải flanen kẻ ô. Vai rộng và hai bàn tay khổng lồ trông như chúng có thể gây một số hư hại, nhưng gương mặt thì hoàn toàn thư thái.

Anh ta ngồi xuống bên kia bàn và lè nhè, “Ôi trời! Quanh đây họ có muối đủ bự để nuốt tươi một con gà.”

Kính thưa quý vị, Richard từ Texas đã đến.

Trong số nhiều việc Richard từ Texas đã đảm nhiệm trong đời mình – và tôi biết tôi đang bỏ sót rất nhiều trong số đó – có việc làm công nhân mỏ dầu; tài xế xe tải mười tám bánh; nhà buôn Birkenstocks được cấp phép đầu tiên ở Dakotas; người giữ bao ở một bãi rác vùng trung tâm phía Bắc nước Mỹ (xin lỗi, nhưng tôi thật sự không có thời gian để giải thích “người giữ bao” là gì); công nhân xây dựng đường cao tốc; người bán xe cũ; lính ở Việt Nam; “người môi giới hàng hóa” (hàng hóa đó thường là ma túy Mexico); một người nghiện rượu và ma túy (nếu ta có thể gọi đó là một nghề); rồi một người nghiện rượu và ma túy đã cai nghiện (một nghề đáng kính hơn nhiều); nông dân hippie trong một cộng đồng công sản; người phát thanh lồng tiếng trên đài; và, cuối cùng, nhà buôn các thiết bị y tế cao cấp thành đạt (cho đến khi cuộc hôn nhân của anh tan vỡ và anh giao toàn bộ việc kinh doanh cho vợ cũ và ra đi “gãi cái mông trắng phà sản của tôi lần nữa”). Giờ thì anh ta cải tạo nhà cũ ở Austin.

“Chưa bao giờ tôi có một con đường sự nghiệp,” anh nói. “Chưa bao giờ có thể làm gì khác ngoài xoay xở ngược xuôi.”

Richard từ Texas không phải là một anh chàng lo nghĩ về nhiều thứ. Tôi không thể gọi anh là một người loạn thần kinh chức năng, không thừa các ngài. Nhưng tôi có chút loạn thần kinh chức năng, và vì vậy nên tôi mới bắt đầu khâm phục anh. Sự hiện diện của Richard ở Ashram này trở thành cảm giác an toàn to lớn và thú vị đối với tôi. Sự tự tin phi thường và nhẹ nhàng thông thả của anh dỗ yên tất cả căng thẳng vốn có của tôi và nhắc tôi rằng tất cả thật sự sẽ ổn thôi. (Và nếu không ổn, thì chí ít cũng khô hài.) Các bạn có nhớ con gà trống hoạt họa Foghorn Leghorn không? Đúng vậy, Richard gần như thế, và tôi trở thành anh bạn nổi khố Chickenhawk nhỏ bé thích tán gẫu của anh. Theo lời của Richard, “Tôi và Hàng Tạp Hóa, tụi mình sẽ cười suốt.”

Hàng Tạp Hóa.

Đó là biệt danh Richard tặng tôi. Anh ban cho tôi cái tên này tối đầu tiên chúng tôi gặp nhau, khi anh nhận ra tôi có thể ăn nhiều đến chừng nào. Tôi cố chống chế (“Tôi ăn một cách có chủ đích với kỷ luật và tâm ý!”) nhưng tôi đã bị chết tên rồi.

Có lẽ Richard từ Texas không có vẻ như một hành giả điển hình. Tuy nhiên thời gian của tôi ở Ấn Độ cảnh báo tôi không nên quyết định thế nào là một hành giả điển hình. (Đừng bảo tôi bắt đầu với người nông dân sản xuất bơ sữa từ nông thôn Ireland tôi mới gặp ở đây, hay cựu nữ tu từ Nam Phi.) Richard đến kỳ tu tập Yoga này nhờ một cô bạn gái cũ, cô ta kéo anh từ Texas đến tận Ashram ở New York để nghe Sư phụ nói chuyện. Richard bảo, “Tôi đã tưởng Ashram là thứ kỳ cục nhất mình từng thấy, và tôi thắc mắc việc quái gì mà ta lại phải đưa họ tất cả tiền của ta và giao chúng từ nhà và xe của ta chứ, nhưng điều đó chưa từng xảy ra...”

Sau trải nghiệm đó, khoảng mười năm trước đây, Richard thấy mình cầu nguyện luôn. Lời cầu nguyện của anh luôn là một. Anh cứ cầu xin Thượng Đế, “Làm ơn, xin làm ơn, làm ơn mở rộng tim tôi.” Đó là tất cả những gì anh muốn – một trái tim rộng mở. Và anh luôn kết

thúc lời cầu nguyện có được một trái tim rộng mở bằng cách yêu cầu Thượng Đế, “Và vui lòng gởi cho tôi một dấu hiệu khi sự kiện xảy ra.” Giờ khi nhớ lại thời gian đó, anh nói “Hãy cẩn thận với điều cô cầu nguyện, Hàng Tạp Hóa à, vì cô có thể sẽ đạt được.” Vài tháng sau khi liên tục cầu nguyện có một trái tim cởi mở, bạn nghĩ Richard đạt được gì nào? Đúng vậy – mở mở tim khẩn cấp. Nó đúng theo nghĩa đen là người ta mở toang ngực anh, tách xương sườn anh ra để cuối cùng ánh sáng ban ngày rơi vào tim, như thể Thượng Đế đang nói, “Dấu hiệu đó được chứ?” Vậy nên giờ Richard luôn thận trọng với những điều cầu nguyện của mình, anh nói, “Bây giờ mỗi khi cầu nguyện bất cứ điều gì, tôi luôn kết thúc bằng câu nói, “Ôi, Thượng Đế ơi, hãy nhân từ với tôi, được chứ?”

“Tôi nên làm gì với hành thiền của mình?” Một ngày nọ tôi hỏi Richard, khi anh đang xem tôi cọ rửa sàn đền thờ. (Anh ấy gặp may – anh làm việc trong bếp, thậm chí mãi đến một giờ trước bữa cơm tối mới phải xuất hiện ở đó. Nhưng anh thích nhìn tôi lau sàn đền thờ. Anh thấy việc này thật nhộn.)

“Tại sao cô phải làm gì với mấy chuyện đó hả, Hàng Tạp Hóa?”

“Vì nó rắc rối.”

“Ai nói?”

“Tôi không thể buộc trí tôi tĩnh lặng được.”

“Có nhớ điều Sư phụ dạy chúng ta không – nếu ta ngồi xuống với tâm ý thiền thuần túy, bất cứ điều gì xảy ra tiếp đó là chẳng liên quan gì đến ta cả. Vậy sao cô lại đánh giá trải nghiệm của mình?”

“Vì điều xảy ra trong thiền định của tôi *không thể* nào là mục đích của thực hành Yoga này.”

“Hàng Tạp Hóa, cưng ơi – cô chẳng *hình dung* được chuyện gì đang diễn ra ở đó.”

“Tôi chưa từng thấy ảo ảnh, tôi chưa từng có chứng nghiệm siêu việt...”

“Cô sẽ thấy những màu sắc đẹp đẽ ư? Hay cô sẽ biết sự thật về chính mình? Mục đích của cô là gì?”

“Hình như tất cả những gì tôi làm khi cố thiền là tranh luận với chính mình.”

“Đó chỉ là bản ngã của cô đang cố gắng bảo đảm là hấn nắm quyền. Đó là điều bản ngã cô *làm*. Hấn chia cách cảm nhận của cô, giữ cô trong nhận thức nhị nguyên, cố thuyết phục cô là cô khiếm khuyết và hư hoại và đơn độc thay vì toàn vẹn.”

“Nhưng điều đó giúp gì tôi?”

“Nó *không* giúp cô. Việc của bản ngã cô không phải là giúp ích cô. Nhiệm vụ duy nhất của hấn là làm sao để vẫn được nắm quyền. Và ngay lúc này, bản ngã của cô đang sợ muốn chết vì hấn sắp sửa bị sa thải. Cô cứ duy trì con đường tâm linh này, cưng à, và số ngày của cái thằng hư hỏng đó chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Chẳng mấy chốc bản ngã của cô sẽ xuất hiện, và trái tim cô sẽ quyết định tất cả. Vậy nên bản ngã cô đang đấu tranh giành sự sống của hấn, đùa cợt với tâm thức cô, cố khẳng định uy quyền của mình, cố rào cô vào một góc xa cách phần còn lại của vũ trụ. Đừng lắng nghe nó.”

“Làm sao mà anh không lắng nghe nó được?”.

“Có bao giờ cô thử lấy đi một món đồ chơi của đứa bé đang còn chập chững chưa? Chúng sẽ không thích chuyện đó, phải không? Chúng bắt đầu giãy đạp và la hét. Cách tốt nhất để lấy đi một món đồ chơi từ đứa bé đang còn chập chững chưa? Chúng sẽ không thích chuyện đó, phải không? Chúng bắt đầu giãy đạp và la hét. Cách tốt nhất để lấy đi một món đồ chơi từ đứa bé đang còn chập chững là xao lãng nó, cho nó cái gì khác để chơi. Chuyển hướng sự chú ý của nó. Thay vì cố cưỡng bức lấy tư tưởng ra khỏi tâm trí mình, hãy còn tâm trí cô một cái gì đó hay hơn để chơi. Cái gì đó lành mạnh hơn.”

“Ví dụ như cái gì?”

“Ví dụ như tình yêu, Hàng Tạp Hóa à. Như tình yêu thần thánh thuần khiết.”

Thời gian vào động thiền đó mỗi ngày được cho là thời gian tương thông với thiêng liêng, nhưng gần đây tôi bước đến đó nao núng như kiểu con chó của tôi thường ngắc ngứ khi bước vào văn phòng bác sĩ thú y (nó biết rằng bất chấp mọi người sắp cư xử thân thiện ra sao, mọi chuyện sẽ kết thúc với một cú chích mạnh bằng dụng cụ y khoa). Nhưng sau cuộc chuyện trò gần đây nhất với Richard từ Texas, sáng nay tôi đang thử một phương pháp mới. Tôi ngồi xuống thiền và nói với tâm trí tôi rằng, “Nghe này – ta hiểu mi có chút hoảng sợ. Nhưng ta hứa, ta sẽ không tiêu diệt mi đâu. Ta chỉ cố cho mi một nơi nghỉ ngơi. Ta yêu mi.”

Mới đây một nhà sư đã nói với tôi. “nơi nghỉ ngơi của tâm trí là trái tim. Điều duy nhất tâm trí nghe thấy cả ngày là tiếng chuông vang rền, tiếng ồn ào và tranh cãi, và tất cả những gì nó muốn là sự yên tĩnh. Nơi duy nhất tâm trí có thể tìm thấy bình yên là bên trong sự tĩnh lặng của trái tim. Đó là nơi ta cần đến.”

Tôi cũng đang thử một câu chú khác. Đó là câu chú tôi đã gặp may mắn trong quá khứ. Nó đơn giản, chỉ hai âm tiết.

Ham-sa.

Trong tiếng Phạn có nghĩa là “Tôi là Đó.”

Các hành giả nói *Ham-sa* là câu chú tự nhiên nhất, câu chú Thượng Đế đã trao cho tất cả chúng ta trước khi sinh. Đó là âm thanh hơi thở của chính ta. *Ham* khi hít vào, *sa* khi thở ra. (Nhân tiện, *Ham* được phát âm nhẹ, mở, như hahhhm, không phải như món thịt ta bỏ trong bánh sandwich^[31]. Còn *sa* ăn vần với “Aaaa...”.) Chừng nào chúng ta còn sống thì mỗi lần ta hít vào hay thở ra là chúng ta đang lặp lại câu chú này. Tôi là Đó. Tôi là linh thiêng, tôi đang cùng với Thượng Đế, tôi là một thị hiện của Thượng Đế, tôi không ly cách, tôi không đơn độc, tôi không phải là cái ảo giác về cá thể giới hạn. Tôi luôn thấy *Ham-sa* dễ dàng và thư thái. Dễ dễ thiền hơn là *Om Namah Shivaya*, là – ta có thể nói sao nhỉ - câu chú “chính thức” của Yoga. Nhưng mới đây khi tôi trò chuyện với vị sư ấy thì ông bảo tôi cứ tiếp tục và dùng *Ham-sa* nếu điều đó giúp cho việc thiền định của tôi. Ông bảo, “Hãy thiền quán về bất cứ điều gì tạo ra một cuộc cách mạng trong tâm thức cô.”

Vậy nên hôm nay tôi sẽ ngồi ở đây với câu chú đó.

Ham-sa.

Tôi là Đó.

Những tư tưởng đến, nhưng tôi không mấy bận tâm đến chúng ngoài nói với chúng gần như kiểu bà mẹ nói, “Ồ, mẹ biết các con là những đứa trẻ thích đùa... giờ thì ra ngoài chơi đi... Mẹ đang lắng nghe Thượng Đế.”

Ham-sa.

Tôi là Đó.

Tôi ngủ thiếp đi một lúc. (Hay gì đó. Khi thien, ta không bao giờ thật sự chắc điều ta nghĩ là ngủ có thật sự là ngủ không; đôi khi chỉ một tầng bậc khác của ý thức.) Khi tỉnh dậy, hay gì đó, tôi có thể cảm thấy thứ năng lượng điện màu xanh nhẹ nhàng rung động dọc cơ thể mình, như làn sóng. Điều này có chút gây hoang mang, nhưng cũng thật kinh ngạc. Tôi không biết phải làm gì, nên chỉ nói thầm với năng lượng này. Tôi nói, “Ta tin ngươi,” và để đáp lại, nó tự khuếch đại, thành một khối. Giờ thì nó mạnh mẽ một cách đáng sợ, như bắt cóc toàn thể các giác quan. Nó rì rầm đi lên từ dưới cột sống tôi. Tôi có cảm giác như cổ mình muốn duỗi ra và vặn, nên tôi để mặc nó như thế, và rồi tôi ngồi đó trong tư thế kỳ lạ nhất – ngồi thẳng đứng như một hành giả thực thụ, nhưng tai trái ghì sát trên vai trái. Tôi không biết tại sao đầu và cổ mình muốn làm thế, nhưng tôi sẽ không tranh luận với chúng; chúng khẳng khẳng muốn vậy. Năng lượng xanh rần rật liên tục lan tỏa suốt cơ thể tôi, và tôi có thể nghe thấy một âm thanh gõ nhẹ trong tai, và giờ thì nó phi thường đến nỗi tôi thật sự không thể đối phó nữa. Nó làm tôi sợ đến nỗi tôi nói với nó, “Ta vẫn chưa sẵn sàng!” và mở bừng mắt. Tất cả biến mất. Tôi hiện diện lại trong một căn phòng, trở lại với xung quanh mình. Tôi nhìn đồng hồ tay. Tôi đã ở đây – hay đâu đó – trong gần một giờ.

Tôi thở dốc, thở dốc theo nghĩa đen.

Để hiểu chứng nghiệm đó là gì, cái gì đã xảy ra trong đó (tôi cũng muốn nói cả “trong động thiên” lẫn “trong tôi”) thì phải đề cập tới một đề tài khá bí truyền và dữ dội – cụ thể là, chủ đề *kundalini shakti*.

Mọi tôn giáo trên thế giới đều đã từng có một nhóm nhỏ tín đồ tìm kiếm chứng nghiệm siêu việt, trực tiếp với Thượng Đế, tự miễn cho mình khỏi nghiên cứu kinh điển nền tảng hay giáo điều để trực tiếp gặp gỡ đấng thiêng liêng. Điều thú vị về những nhà huyền bí này là ở chỗ, khi mô tả những chứng nghiệm của mình, tất cả họ đều mô tả cùng một sự kiện. Thông thường, sự hợp nhất của họ với Thượng Đế xảy ra trong trạng thái thiên, qua một nguồn năng lượng làm đầy toàn bộ cơ thể bằng thứ ánh sáng điện hoan hỉ. Người Nhật gọi năng lượng đó là *ki*, Phật tử Trung Hoa gọi là *chi*, người Bali gọi là *taksu*, tín đồ Cơ đốc gọi là Thánh Linh, thổ dân Kalahari gọi là *n/um* (những bậc thánh nhân của họ mô tả tương tự một năng lượng giống như con rắn đi dọc lên xương sống và thối một cái lỗ trên đỉnh đầu qua đó các thần có thể đi vào). Các nhà thơ Sufi Hồi giáo gọi Năng lượng-Thượng Đế đó là “Người yêu quý” và viết những bài thơ sùng mộ về nó. Thổ dân Úc mô tả một con rắn từ trời nhập vào một thầy mo và cho ông những năng lực siêu nhiên, mãnh liệt. Trong truyền thống Kabbalah Do Thái người ta nói sự hợp nhất với linh thiêng này diễn ra suốt các giai đoạn thăng thiên tâm linh, với năng lượng chạy dọc xương sống qua một loạt các kinh mạch vô hình.

Thánh Teresa xứ Avila, nhân vật huyền bí nhất của Thiên Chúa giáo, mô tả hợp nhất của mình với Thượng Đế như một sự thăng thiên ánh sáng vật lý qua bảy “lâu đài” bên trong bản thể mình, sau đó vỡ bùng vào trong sự hiện diện của Thượng Đế. Thánh thường đi vào trạng thái nhập định sâu đến nỗi các nữ tu khác không thể bắt được mạch của Người nữa. Thánh thường van xin các nữ tu đồng môn đừng nói cho bất kỳ ai về điều họ đã chứng kiến, vì đó là “một điều phi thường nhất và có thể gây nên những bàn tán đáng kể.” (Chưa kể một cuộc phỏng vấn có thể có với Quan tòa dị giáo.) Thánh viết trong nhật ký của mình, thách thức gay go nhất trong trầm tư mặc tưởng là không khuấy động trí tuệ lên, vì bất kỳ tư tưởng nào của tâm thức – ngay cả những cầu nguyện nhiệt thành nhất – cũng sẽ dập tắt ngọn lửa của Thượng Đế. Một khi trí tuệ rầy rà “bắt đầu soạn diễn văn và bịa ra lý lẽ, nhất là khi đây là những lý lẽ thông minh, nó sẽ sớm tưởng nó đang làm một việc quan trọng.” Nhưng nếu ta có thể vượt lên trên những tư tưởng này, Thánh Teresa giải thích, và thăng thiên đến Thượng Đế, “đó là một sự hoang mang thú vị, một sự điên rồ thần thánh, ở đó ta đạt đến mình triết đích thực.” Vô tình lặp lại những bài thơ của Hafiz, nhà huyền bí giáo phái Sufi của Ba Tư, người đã hỏi tại sao, với một Thượng Đế yêu thương ta đến vậy, tất cả chúng ta lại không phải là những kẻ sùng tín cuồng nhiệt, Thánh Teresa trong tự truyện của mình đã thốt lên, nếu những chứng nghiệm thần thánh này chỉ đơn thuần là sự rồ dại, vậy thì “con cầu khẩn ngài, Đức Cha, hãy để tất cả chúng con rồ dại!”

Rồi, trong những câu tiếp trong cuốn sách của Thánh, nó giống như Người đang ngừng thở. Ngày nay khi đọc Thánh Teresa, ta gần như có thể cảm thấy Thánh đang xuất khỏi trải nghiệm mê sáng đó rồi nhìn quanh bầu không khí chính trị Tây Ban Nha thời Trung cổ

(Người sống dưới thời một trong những bạo chúa tôn giáo hà khắc nhất trong lịch sử) và nghiêm trang, đầy ý thức trách nhiệm, xin lỗi vì sự phẫn khích của mình. Thánh viết, “Hãy tha lỗi cho tôi nếu đã rất táo bạo,” rồi lặp lại là mọi người nên lờ đi tất cả những lời lảm nhảm của mình vì, tất nhiên, Người chỉ là một phụ nữ và là một con giun và một con chim nhại đáng khinh vân vân và vân vân... Ta gần như có thể thấy Thánh vuốt lại thẳng thớm chiếc áo nữ tu của mình và giấu kỹ những lọn tóc buông xõa cuối cùng đó – bí mật thiêng liêng của Thánh, ngọn lửa mừng rực rỡ ẩn kín.

Trong truyền thống Yoga Ấn Độ, bí mật thiêng liêng này được gọi là *kundalini shakti* và được mô tả như một con rắn nằm cuộn tròn ở dưới xương sống cho đến khi được phóng thích nhờ cái chạm tay của một bậc thầy hay nhờ phép lạ, và rồi nó sẽ đi lên qua bảy chakra, hay luân xa, (mà ta cũng có thể gọi là bảy tòa lâu đài của linh hồn), và cuối cùng vượt qua đầu, bùng vỡ vào hợp nhất với Thượng Đế. Các hành giả nói những chakta này không tồn tại trong cơ thể xương thịt, nên đừng tìm kiếm nó ở đó; chúng chỉ tồn tại trong cơ thể vi tế, là cơ thể mà các đại sư Phật giáo nhắc đến khi khuyến khích môn đệ mình rút một bản ngã mới mẻ từ cơ thể vật lý ra như cách ta rút thanh gươm ra khỏi vỏ. Anh bạn Bob của tôi, vốn là người học Yoga và nhà khoa học nghiên cứu thần kinh, bảo tôi rằng ý niệm về những chakra này luôn khích động anh, rằng anh muốn thật sự thấy chúng trong một cơ thể người được giải phẫu để tin là chúng tồn tại. Nhưng sau một chứng nghiệm thiền đặc biệt siêu nghiệm, anh bước ra với một hiểu biết mới về nó. Anh nói, “Cũng như trong viết lách tồn tại một sự thật chữ nghĩa và một sự thật thơ ca, trong con người cũng tồn tại một cấu trúc cơ thể theo nghĩa đen và một cấu trúc cơ thể có tính thơ. Một cái, ta có thể nhìn thấy, một cái thì không. Một được làm bằng xương, răng và thịt; một được hình thành từ năng lượng, ký ức và đức tin. Nhưng cả hai đều chân thật như nhau.”

Tôi rất thích việc khoa học và sùng tín tìm thấy điểm giao nhau. Gần đây tôi đã đọc được bài báo trong *The New York Times* về một nhóm các nhà thần kinh học lắp thiết bị điện lên não một thầy tu Tây tạng tình nguyện cho chụp não thí nghiệm. Họ muốn xem điều gì xảy ra trong một tâm trí ở trạng thái siêu nghiệm, nói một cách khoa học, trong những phút giây giác ngộ. Trong tâm trí một người bình thường lúc họ suy nghĩ, một cơn bão sét sinh ra từ những tư tưởng và xung động xoáy lốc liên tục, được ghi lại trong máy chụp não là những chớp lóe vàng và đỏ. Đối tượng càng giận dữ hay xúc động mạnh, các chớp lóe đỏ đó càng chói gay gắt hơn và đậm hơn. Nhưng tất cả những nhà thần bí suốt các thời đại và ở khắp các nền văn hóa đã mô tả sự tĩnh lặng của não trong thiền định, và nói rằng hợp nhất tối hậu với Thượng Đế là một thứ ánh sáng xanh mà họ có thể cảm thấy tỏa ra từ trung tâm xương sọ mình. Trong truyền thống Yoga, cái đó được gọi là “hạt trai xanh”, và nó là một mục đích mà những người tầm đạo tìm kiếm. Không nghi ngờ gì nữa, vị thầy tu Tây Tạng này, trong trạng thái thiền được theo dõi, đã có thể an định tâm thức của mình trọn vẹn đến nỗi người ta không thấy một lóe sáng đỏ hay vàng nào. Quả thực, tất cả năng lượng thần kinh của vị thầy này cuối cùng đã tập hợp và thu vào trung tâm não của ông – ta có thể thấy điều đó diễn ra ngay trên máy phát hiện – vào một hạt ngọc trai ánh sáng nhỏ, xanh, lạnh. Đúng như những hành giả đã luôn mô tả.

Đây là điểm đến của *kundalini shakti*.

Trong Ấn Độ huyền bí, cũng như trong nhiều truyền thống Saman giáo, *kundalini shakti* được xem là một sức mạnh nguy hiểm không thể đùa nếu ta không được giám sát; hành giả

thiếu kinh nghiệm có thể thực sự trở nên loạn óc với nó. Ta cần một vị thầy – một Sư phụ để hướng dẫn ta trên con đường này, và lý tưởng là một nơi an toàn – một Ashram – để thực hành. Người ta nói cái chạm của Sư phụ (hoặc đích thân theo nghĩa đen, hoặc qua một gặp gỡ siêu nhiên hơn, ví dụ như một giấc mơ) giải phóng năng lượng *kundalini* bị tắc nghẽn khỏi tư thế cuộn tròn dưới xương sống và cho phép nó bắt đầu hành trình đi lên hướng đến Thượng Đế. Giây phút giải phóng này được gọi là *shaktipat*, điểm đạo thiêng liêng, và đó là món quà cao quý nhất từ một bậc thầy đã giác ngộ. Sau cái chạm đó, môn đệ có thể vẫn phải nỗ lực hàng nhiều năm trời để đi đến giác ngộ, nhưng ít ra hành trình đã bắt đầu. Năng lượng đã được giải phóng.

Tôi nhận được điểm đạo *shaktipat* hai năm trước, khi gặp Sư phụ mình lần đầu tiên, từ hồi ở New York. Lúc đó là vào một kỳ nghỉ cuối tuần tại Ashram của bà ở Catskills. Thành thực mà nói, tôi đã không cảm thấy gì đặc biệt sau đó. Tôi gần như hy vọng là sẽ có một gặp gỡ sùng sờ kinh ngạc với Thượng Đế, có thể là một tia chớp xanh nào đó hay một ảo tượng tiên tri, tôi kiểm tra cơ thể mình tìm những ảnh hưởng đặc biệt nhưng chỉ cảm thấy mơ hồ đôi, như thường lệ. Tôi nhớ đã nghĩ là có lẽ mình không đủ đức tin để có thể chứng nghiệm bất kỳ điều gì thực sự dữ dội như *kundalini shakti* được khai thông. Tôi nhớ là đã nghĩ mình quá lý trí, không đủ trực giác, và rằng con đường sùng tín của mình có lẽ sẽ mang tính trí tuệ hơn là thần bí. Tôi có thể cầu nguyện, tôi có thể đọc kinh sách, tôi có thể nghĩ ra những ý tưởng thú vị, nhưng có lẽ không bao giờ tôi có thể thăng thiên lên đến được loại tuyệt phúc thiền định thiêng liêng mà Thánh Teresa đã mô tả. Nhưng điều đó cũng không sao. Tôi vẫn yêu thích thực hành sùng tín. Chỉ là *kundalini shakti* đó không dành cho tôi.

Dù sao, ngày hôm sau, một điều thú vị đã thực sự xảy ra. Tất cả chúng tôi tập hợp lại bên Sư phụ lần nữa. Bà hướng dẫn chúng tôi vào trạng thái thiền định, và giữa tất cả những thứ ấy, tôi ngủ thiếp đi (hay bất kể trạng thái đó là gì) và có một giấc mơ. Trong giấc mơ này, tôi đang trên một bãi biển, ở biển. Những con sóng khổng lồ khiếp đảm và chúng hình thành rất nhanh. Đột nhiên, một người đàn ông xuất hiện bên tôi. Đó chính là thầy của Sư phụ tôi – một hành giả uy lực vĩ đại mà ở đây tôi sẽ chỉ đề cập là “Swamiji” (trong tiếng Phạn có nghĩa là “thầy tu yêu dấu”). Swamiji đã mất năm 1982. Tôi chỉ biết ngài qua các bức ảnh ở Ashram. Tôi phải thừa nhận là ngay cả qua những bức ảnh tôi vẫn luôn thấy người này hơi quá dễ sợ, hơi quá quyền thế, hơi quá mãnh liệt đối với sở thích của mình. Tôi đã tránh nghĩ về ông trong một thời gian dài, và thường tránh cái nhìn chăm chăm của ông từ trên tường chiếu xuống tôi. Ông có vẻ quá uy lực. Ông không phải là kiểu Sư phụ của tôi. Tôi luôn thích vị nữ sư phụ đang sống cảm thông và đáng yêu của mình hơn nhân vật đã qua đời (nhưng vẫn còn dữ tợn) này.

Nhưng giờ đây Swamiji đang hiện trong giấc mơ của tôi, đứng cạnh tôi trên bờ biển với tất cả quyền năng của ông. Tôi kinh hoàng. Ông chỉ về những đợt sóng đang tiến tới gần và nói nghiêm nghị: “Ta muốn con nghĩ ra một cách ngừng nó lại.” Thất kinh, tôi vớ lấy một cuốn sổ và cố vẽ những sáng chế có thể ngăn sóng biển tiến đến. Tôi vẽ những đập ngăn nước biển rồi những kênh và đập đồ sộ. Dù sao, tất cả những phác thảo của tôi đều quá ngu ngốc và vô ích. Tôi biết chuyện này không phải là sở trường của mình (tôi không phải là kỹ sư!) nhưng tôi có thể cảm thấy Swamiji đang theo dõi tôi, nóng lòng và đầy xét đoán. Cuối cùng, tôi chịu thua. Chẳng có ý định nào của tôi đủ thông minh hay mạnh mẽ để giữ cho những con sóng không xô tới.

Đó là lúc tôi nghe thấy Swamiji cười. Tôi ngược nhìn người đàn ông Ấn nhỏ nhắn trong chiếc áo cà sa màu cam này, và ông ấy rõ ràng là đang cười đến vỡ bụng, gập mình vì khoái chí, lau những giọt lệ mừng vui trên mắt.

“Cho ta biết, con yêu,” ông nói, và ông chỉ ra mặt biển hùng vĩ đang dập dềnh, mạnh mẽ và bất tận. “Vui lòng cho ta biết – chính xác là *con* đã muốn ngăn *nó* ra sao?”

Đã hai đêm liền tôi mơ thấy một con rắn vào phòng mình. Tôi đã đọc được là điều này tốt lành về mặt tâm linh (và không chỉ trong các tôn giáo phương Tây; Thánh Ignatius đã không có các ảo ảnh về rắn trong suốt các chứng nghiệm bí nhiệm của mình); nhưng điều đó cũng không khiến rắn bớt mạnh mẽ và đáng sợ đi chút nào. Tôi tỉnh dậy toát cả mồ hôi. Thậm chí còn tệ hơn, một khi tôi tỉnh thức, tâm trí tôi lại lừa gạt tôi, giao nộp tôi cho một trạng thái hoảng loạn tôi chưa từng cảm thấy kể từ sau thời gian tồi tệ nhất của những năm ly dị. Ý nghĩ tôi cứ bay trở về cuộc hôn nhân đổ vỡ của mình, về tất cả những xấu hổ và giận dữ đi kèm sự kiện đó. Tệ hơn nữa, tôi lại chỉ nghĩ về David. Tôi tranh cãi với anh ta trong trí tôi, tôi điên cuồng và cô độc, tôi nhớ lại tất cả những điều đau đớn anh ta đã nói hay làm với tôi. Còn nữa, tôi không thể thôi nghĩ về tất cả niềm hạnh phúc khi chúng tôi bên nhau, phần khích ngất ngây trong những quãng thời gian tốt đẹp. Điều duy nhất tôi có thể làm là không nhào ra khỏi giường giữa đêm và gọi cho anh ta từ Ấn Độ chỉ để - tôi không biết nữa - chỉ để gác máy, có lẽ thế. Hay van xin anh ta yêu tôi trở lại. Hay đọc cho anh ta một bản cáo trạng đanh thép về tất cả những khiếm khuyết tính cách của anh ta.

Tại sao tất cả những điều ấy lại trôi lên lúc này?

Tôi biết tất cả những người kỳ cựu ở Ashram này sẽ nói gì. Họ sẽ nói điều này hoàn toàn *bình thường*, rằng tất cả mọi người đều trải *qua* chuyện này, rằng trạng thái thiền định sâu sẽ khiến mọi thứ *trôi lên*, rằng ta chỉ đang dọn dẹp sạch tất cả *yếu ma* sót lại của mình... nhưng tôi đang trong một trạng thái cảm xúc mà tôi không thể chịu đựng và tôi không muốn nghe mớ *lý thuyết* lập dị nào của bất kỳ ai. Xin cảm ơn rất nhiều, tôi nhận ra là điều ấy đang đến, xin cảm ơn rất nhiều. Như cơn *buồn nôn*, nó đang đến.

Không hiểu sao tôi đã có thể ngủ lại được, thật may, và tôi có một giấc mơ khác. Lần này thì không phải rắn, mà là một con chó gầy gò lêu nghêu, hung ác đang đuổi theo tôi và nói, “Ta sẽ giết cô. Ta sẽ giết cô và ăn thịt cô!”

Tôi thức giấc khóc lóc và run rẩy. Tôi không muốn làm phiền người cùng phòng của mình, vậy nên tôi vào trốn trong phòng tắm. Phòng tắm, luôn là phòng tắm! Trời phù hộ, nhưng tôi lại trong một phòng tắm, lại giữa đêm, khóc lóc thảm thiết trong đơn độc trên sàn. Ôi thế gian lạnh lẽo - ta đã trở nên chán ngán mi và tất cả những cái phòng tắm kinh khiếp của mi.

Khi không thể thôi khóc, tôi đi tìm cho mình một cuốn sổ và một cây bút (nơi ẩn náu cuối cùng cho một kẻ đang thấy hổ thẹn) và một lần nữa tôi ngồi cạnh toilet. Tôi mở một trang giấy trắng và nguệch ngoạc lời khẩn cầu tuyệt vọng giờ đã thân thuộc của mình:

“TÔI CẦN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA NGƯỜI.”

Rồi tôi thở ra một hơi dài khuây khỏa khi mà, trong chính chữ viết của tôi, người bạn kiên định của tôi (*là ai vậy?*) bắt đầu đến giải cứu tôi một cách trung thành:

“Ta ở ngay đây. Được rồi. Ta yêu ngươi. Ta sẽ không bao giờ rời xa ngươi.”

Buổi chiều sáng hôm sau là một thảm họa. Tuyệt vọng, tôi van xin tâm trí tôi vui lòng tránh qua một bên và để tôi tìm thấy Thượng Đế, nhưng tâm trí tôi nhìn tôi trân trân với một sức mạnh đanh thép và nói, “Tôi sẽ *không bao giờ* để cô bỏ lơ tôi đâu.”

Cả ngày hôm đó, quả thực tôi hần học và giận dữ đến nỗi tôi lo cho mạng sống của bất kỳ ai gặp phải tôi. Tôi cắn cẩu với người phụ nữ Đức tội nghiệp vì bà nói tiếng Anh không giỏi và bà không thể hiểu khi tôi chỉ chỗ cửa hàng sách cho bà. Tôi xấu hổ vì cơn thịnh nộ của mình đến nỗi tôi phải trốn trong một phòng tắm (lại một cái nữa!) và khóc, và rồi tôi giận vì mình khóc khi nhớ lời khuyên của Sư phụ là không bao giờ được suy sụp vì nếu không nó sẽ trở thành một thói quen.. nhưng *bà* biết gì về chuyện đó? Bà đã *giác ngộ*. Bà không thể giúp tôi. Bà không thể hiểu tôi.

Tôi không muốn bất kỳ ai nói chuyện với tôi. Tôi không thể chịu đựng bất kỳ gương mặt nào đúng lúc này. Thậm chí tôi còn xoay sở tránh được Richard từ Texas một lúc, nhưng cuối cùng anh ấy tìm thấy tôi vào giờ ăn tối và ngồi xuống – người đàn ông can đảm – ngay giữa khi tôi cảm thấy cơn ngứa ngáy rửa bản thân đang bốc lên đen kịt.

“Chuyện gì làm cô căng thẳng vậy?” anh lè nhè, ngậm cây tăm trong miệng như thường lệ.

“Đừng hỏi,” tôi nói, nhưng rồi tôi bắt đầu nói và kể cho anh nghe tất cả (không sót một chi tiết), rồi kết luận, “Và tệ nhất là, tôi không thể thôi ám ảnh về David. Nhưng tôi tưởng mọi chuyện với anh ta đã xong xuôi rồi, nhưng giờ tất cả lại trở dậy.”

Anh nói, “Cho nó thêm sáu tháng nữa, cô sẽ cảm thấy khá hơn.”

“Tôi đã cho nó mười hai tháng rồi, Richard.”

“Vậy thì thêm sáu tháng nữa. Cứ quẳng cho nó thêm sáu tháng nữa cho đến khi nó cút đi chỗ khác. Mấy chuyện như vậy cần có thời gian.”

Tôi thở ra qua lỗ mũi làn hơi nóng hổi, như bò thở.

“Hàng Tạp Hóa à,” Richard nói, “nghe tôi này. Một ngày nào đó cô sẽ hồi tưởng khoảnh khắc này của đời mình như một thời gian buồn đau ngọt ngào biết chừng nào. Cô sẽ thấy là mình đã tang thương và cõi lòng tan nát, nhưng đời cô đã thay đổi và cô đã ở trong một nơi tốt nhất có thể trên thế giới để làm điều này – trong một nơi tín ngưỡng đẹp đẽ, được bảo bọc trong ân huệ. Hãy nắm lấy thời gian này, mỗi phút giây của nó. Hãy để mọi việc tự nó giải quyết ở đây tại Ấn Độ này.”

“Nhưng tôi thật sự yêu anh ấy.”

“Làm như ghê gớm lắm. Vậy là cô phải lòng ai đó. Cô không thấy chuyện gì đã xảy ra sao? Gã đó chạm đến một nơi trong trái tim cô sâu thẳm hơn cô tưởng mình có thể đạt đến, ý tôi là cô đã bị *hạ gục*, bồ ơi. Nhưng tình yêu cô cảm nhận đó, nó chỉ là sự khởi đầu. Cô chỉ mới nếm mùi tình yêu thôi. Đó chỉ là thứ tình yêu tai họa rẻ tiền lèo lẻo nhỏ nhút hạn hẹp. Hãy đợi đến khi cô thấy mình có thể yêu sâu đậm hơn vậy nhiều đến thế nào. Đồ quý tha, Hàng

Tạp Hóa à – một ngày nào đó cô sẽ có khả năng yêu thương cả thế gian này. Đó là định mệnh của cô. Đừng có cười!”

“Tôi đâu có cười.” Tôi đang khóc thực sự. “Và xin đừng cười nhạo tôi lúc này, nhưng tôi nghĩ lý do tôi khó lòng quên được anh ấy là vì tôi thật sự tin David là bạn tâm giao của mình.”

“Có thể anh ta là thế. Vấn đề của cô là cô không hiểu từ đó nghĩa là gì. Người ta nghĩ bạn tâm giao là người phù hợp hoàn hảo với mình, và đó là cái ai cũng muốn. Nhưng một bạn tâm giao đích thực là một tấm gương, là người chỉ cho ta tất cả những gì níu giữ ta, là người giúp chính ta lưu tâm đến ta để có thể thay đổi đời mình. Một bạn tâm giao chân chính có lẽ là người quan trọng nhất ta từng gặp, vì họ giật sập những bức tường của ta và tát cho ta tỉnh. Nhưng sống với một bạn tâm giao mãi mãi ư? Không. Quá đau đớn. Những bạn tâm giao, họ bước vào đời tôi ta chỉ để vén cho ta thấy một tầng khác của bản thân ta, và rồi họ ra đi. Và ơn trời vì điều đó. Vấn đề của cô là, cô chỉ không thể không nghĩ đến người này nữa. Đã xong hết rồi, Hàng Tạp hóa à. Mục đích David là thức tỉnh cô, đưa cô ra khỏi cuộc hôn nhân cô cần phải rời bỏ, phê bình nghiêm khắc bản ngã cô một chút xíu, chỉ cho cô thấy những chướng ngại và những say mê của cô, mở toang trái tim cô để ánh sáng mới có thể rọi vào, làm cô tuyệt vọng và mất tự chủ đến nỗi cô *phải* chuyển hóa đời mình, rồi giới thiệu cô với vị đạo sư của cô và rồi *cút*. Đó là nhiệm vụ của anh ta, và anh ta đã làm rất tốt, nhưng giờ đã xong rồi. Vấn đề là, cô không thể chấp nhận rằng mối quan hệ này có thời hạn sử dụng thật sự ngắn. Cô như con chó ở đồng rác vậy, cưng à – cô chỉ liếm một cái hộp thiếc rỗng, cố moi thêm từ đó chút dinh dưỡng. Và nếu cô không cần thận, cái đó có thể sẽ kẹt cứng nơi mồm cô mãi mãi và khiến cuộc đời cô trở nên thảm thương. Nên nhả nó ra đi.”

“Nhưng tôi yêu anh ta.”

“Vậy yêu anh ta đi.”

“Vậy nhớ anh ta đi. Gửi đến anh ta ít tình yêu và ánh sáng mỗi khi cô nghĩ về anh ta, và rồi quên nó đi. Cô chỉ ngại buông những mẫu David cuối cùng ra vì rồi cô sẽ thật sự cô đơn, và Liz Gillbert sợ muốn chết chuyện sẽ xảy ra nếu cô ta thực sự cô đơn. Nhưng đây là cái cô phải hiểu, Hàng Tạp Hóa à. Nếu cô dọn sạch trong tâm trí mình tất cả chỗ lúc này cô đang chứa những ám ảnh về gã ấy, cô sẽ có một khoảng chân không ở đó, một nơi rộng mở - một *lối vào*. Và thử đoán xem vũ trụ sẽ làm gì với lối vào đó? Vũ trụ sẽ ulla vào – Thượng Đế sẽ ulla vào – và lấp đầy cô bằng nhiều tình yêu hơn cả cô từng mơ ước. Nên hãy ngừng dùng David để chặn lối vào đó đi. Để mọi chuyện tự nhiên đi.”

“Nhưng tôi ước tôi và David có thể...”

Anh cắt ngang. “Thấy không, giờ thì đó là vấn đề của cô. Cô ước nhiều quá, cưng à. Cô phải thôi đeo cái chạc xương đòn của mình ở chỗ lẽ ra là của xương sống.”

Câu này làm tôi cười lần đầu tiên trong ngày.

Rồi tôi hỏi Richard, “Vậy bao lâu thì tất cả những buồn đau này mới qua đi?”

“Cô muốn một ngày cụ thể à?”

“Đúng vậy.”

“Thứ gì đó để cô khoan tròn trong lịch sao?”

“Đúng.”

“Để tôi nói với cô điều này, Hàng Tạp Hóa – cô có một số vấn đề nghiêm trọng về kiểm soát.”

Cơn thịnh nộ của tôi khi nghe câu này thiêu đốt tôi như một ngọn lửa. *Vấn đề về kiểm soát ư? TÔI ư?* Tôi thực sự nghĩ đến chuyện tát Richard vì sự xúc phạm này. Và rồi, chính từ cái cùng cực tổn thương vì bị xúc phạm này mà sự thật xuất hiện. Sự thật tức thì, hiển nhiên và buồn cười.

Anh ấy hoàn toàn đúng.

Ngọn lửa trong tôi tắt ngấm, nhanh như khi xuất hiện.

“Anh hoàn toàn đúng,” tôi nói.

“Tôi *biết* mình đúng, cưng à. Nghe này, cô là một phụ nữ mạnh mẽ và cô đã quen với việc có được cái cô muốn từ cuộc đời, rồi cô không có được cái cô muốn trong vài mối quan hệ vừa qua của mình và điều đó khiến cô hoàn toàn bối rối. Chồng cô không cư xử theo cách cô muốn anh ta phải vậy và David cũng không. Cuộc đời một lần đã không tuân theo cách cô muốn. Và không có gì làm một kẻ khoái kiểm soát sợ hơn là cuộc sống không tuân theo cách của cô ta.”

“Đừng gọi tôi là một kẻ khoái kiểm soát, xin anh đấy.”

“Cô có *vấn đề về kiểm soát*, Hàng Tạp Hóa à. Thôi nào. Chưa từng ai nói với cô điều này à?”

(Ờ,... *đúng*. Nhưng chuyện ly dị ai đó khiến ta gần như ngừng nghe tất cả những thứ tồi tệ họ nói về ta sau một thời gian.)

Nên tôi tươi tỉnh trở lại và thú nhận. “Được, tôi nghĩ có lẽ anh đúng. Có lẽ tôi có vấn đề về kiểm soát. Chỉ lạ là anh nhận ra. Vì tôi không nghĩ nó rõ đến thế nếu nhìn từ bề ngoài. Ý tôi là – tôi cá phần lớn người ở đây không thể thấy vấn đề kiểm soát của tôi khi nhìn tôi lần đầu tiên.”

Richard từ Texas cười to đến nỗi anh suýt đánh rơi cái tắm.

“Họ không thể à? Cưng yêu – Ray Charles còn có thể thấy vấn đề kiểm soát của cô nữa là!”

“Được, tôi nghĩ tôi đã xong cuộc chuyện trò này rồi, cảm ơn anh.”

“Cô phải học cách buông ra, Hàng Tạp Hóa à. Nếu không cô sẽ làm mình bệnh đó. Sẽ không bao giờ có một giấc ngủ đàng hoàng nữa. Cô sẽ chỉ trần trọc, hành hạ mình vì đã có một thất bại tồi tệ đến thế trong đời. *Điều gì không ổn với mình? Tại sao mình thất bại như vậy? Để đoán xem – có lẽ đó là điều tồi qua cô thức hàng giờ để làm với mình lần nữa.*”

“Thôi được, Richard, đủ rồi,” tôi nói. “Tôi không muốn anh lảng vảng trong đầu tôi nữa.”

“Vậy thì đóng cửa đi,” hành giả Texas khổng lồ của tôi nói.

Hồi tôi chín tuổi, sắp lên mười, tôi đã thật sự trải qua một cuộc khủng hoảng siêu hình. Có lẽ lứa tuổi đó còn quá sớm đối với một chuyện như vậy, nhưng tôi đã luôn là đứa trẻ sớm phát triển. Tất cả xảy ra vào mùa hè giữa lớp bốn và lớp năm. Tôi sắp lên mười tuổi vào tháng Bảy, và có gì đó trong sự chuyển tiếp từ chín lên mười – từ một chữ số lên hai chữ số – đã làm tôi thật sự bị sốc, một cơn hoảng loạn về tồn tại, thường thường vẫn dành cho những người bước sang tuổi năm mươi. Tôi nhớ đã nghĩ rằng cuộc đời lướt qua tôi *nhANH quá*. Có vẻ như mới hôm qua đây thôi tôi ở trường mẫu giáo, và giờ thì tôi đã sắp lên mười. Tôi sẽ sớm là một thiếu niên, rồi một trung niên, một người lớn tuổi, rồi chết. Và tất cả mọi người khác cũng già đi siêu tốc độ. Tất cả mọi người sẽ sớm chết đi. Bố mẹ tôi sẽ chết. Bạn bè tôi sẽ chết. Con mèo của tôi sẽ chết. Chị gái tôi đã gần vào *trung học*, tôi có thể nhớ dường như chỉ một giây phút trước đây thôi chị vào lớp một, mang đôi vớ dài tới đầu gối, mà giờ chị đã học trung học rồi ư? Rõ ràng sẽ không bao lâu nữa chị sẽ chết, mục đích của tất cả những chuyện này là gì?

Điều kỳ lạ nhất về cuộc khủng hoảng này là chẳng có gì cụ thể để khơi gợi nó cả. Không có bạn bè hay người thân chết để tôi lần đầu tiên nếm trải về chết chóc, tôi cũng không đọc hay thấy bất cứ điều gì đặc biệt về cái chết; tôi vẫn chưa đọc cuốn *Charlotte's Web*^[32]. Nỗi hoảng sợ tôi cảm thấy ở tuổi lên mười này không gì hơn là một nhận thức tự phát và đầy đủ về bước đi không thể tránh khỏi của chết chóc, và tôi đã không có vốn từ tâm linh để giúp chính mình xoay sở. Chúng tôi là những tín đồ Tin lành, mà thậm chí còn không phải là những tín đồ sùng đạo. Chúng tôi chỉ đọc lời cầu nguyện trước bữa ăn tối Giáng sinh và lễ Tạ ơn và thắng hoặc mới đi lễ. Bố tôi chọn ở nhà vào các buổi sáng Chủ nhật, tìm thấy thực hành tín ngưỡng trong việc làm nông. Tôi hát trong dàn đồng ca vì tôi thích hát; cô chị xinh xắn của tôi là một thiên thần trong đám rước Giáng sinh. Mẹ tôi dùng nhà thờ như một tổng hành dinh để từ đó tổ chức các việc thiện với các hoạt động tình nguyện cho cộng đồng. Nhưng ngay cả trong nhà thờ đó, tôi nhớ đã không có nhiều thảo luận về Thượng Đế. Dù sao, đây là New England, và từ Thượng Đế thường làm người Yankee bực dọc.

Cảm giác bất lực khiến tôi choáng ngợp. Điều tôi muốn làm là kéo một cái phanh khẩn cấp đồ sộ nào đó trên vũ trụ, như mấy cái phanh tôi thấy trên chiếc xe điện ngầm trong chuyến đi của toàn trường đến thành phố New York. Tôi muốn gọi một khoảng lặng, để yêu cầu mọi người DỪNG cho đến khi tôi có thể hiểu ra mọi chuyện. Tôi cho rằng cái thôi thúc buộc cả vũ trụ dừng trong đường đi của nó cho đến khi tôi hiểu thấu bản thân mình này, có lẽ là điểm khởi đầu của cái mà anh bạn thân Richard từ Texas của tôi gọi là “những vấn đề về kiểm soát” của tôi. Dĩ nhiên, những cố gắng và lo lắng của tôi là vô ích. Tôi càng nhìn thời gian nhiều hơn, nó càng quay nhanh hơn, và mùa hè đó trôi qua nhanh đến nỗi làm tim tôi đau nhói, tôi nhớ và cuối mỗi ngày tôi đã nghĩ, “Một ngày nữa lại trôi qua,” rồi òa lên khóc.

Tôi có một người bạn hồi học trung học giờ đang làm việc với người khuyết tật trí tuệ, anh ấy nói các bệnh nhân mắc chứng tự kỷ có một nhận thức đặc biệt thương tâm về thời gian trôi qua, như thể họ chưa bao giờ có tấm màn lọc tinh thần cho phép tất cả những người bình thường chúng ta thỉnh thoảng quên đi sự chết chóc và cứ sống. Một trong các

bệnh nhân của Rob mỗi đầu ngày lại hỏi anh ngày tháng, và cuối mỗi ngày lại hỏi, “Rob – khi nào thì lại đến mừng bốn tháng Hai?” Và trước khi Rob có thể trả lời, gã lắc đầu buồn bã và nói, “Tôi biết, tôi biết, đừng bận tâm... phải đến sang năm, đúng không?”

Tôi biết cảm giác này thân thuộc với tôi lắm. Tôi biết nỗi khát khao u buồn làm chậm lại cái chấm hết của một ngày mùng bốn tháng Hai nữa. Nỗi buồn này là một trong những thử thách lớn lao trong thử nghiệm trên con người của tạo hóa. Như chúng ta đều biết, chúng ta là loài duy nhất trên hành tinh được trao món quà – hay có lẽ là tai họa – ý thức về sự chết chóc của chính mình. Tất cả mọi thứ ở đây cuối cùng rồi sẽ chết; chúng ta chỉ là những kẻ may mắn có thể nghĩ về thực tế này mỗi ngày. Ta sẽ đương đầu với thông tin này như thế nào? Lúc chín tuổi, tôi đã không thể làm gì khác ngoài khóc lóc. Về sau, qua nhiều năm, ý thức quá nhạy cảm của tôi về tốc độ thời gian dẫn tôi đến chỗ buộc mình nếm trải cuộc sống với một nhịp độ tối đa. Nếu tôi phải có một chuyến viếng thăm ngắn ngủi đến vậy trên trái đất, giờ tôi phải làm tất cả những gì có thể để trải nghiệm nó. Tất cả chu du, tất cả lãng mạn, tất cả tham vọng, tất cả mĩ ống là vì thế. Chị tôi có một người bạn vẫn tưởng Catherine có hai hay ba cô em gái, vì cô ấy luôn nghe chuyện về cô em gái ở châu Phi, cô em gái đang làm việc tại một nông trại ở Wyoming, cô em gái đang làm phục vụ quầy rượu ở New York, cô em gái đang viết sách, cô em gái đã lập gia đình – chắc chắn đây không thể cùng là một người? Thực vậy, nếu tôi có thể phân thân thành nhiều Liz Gilbert, tôi sẽ sẵn sàng làm vậy, để không bỏ lỡ một giây phút nào của cuộc sống. Tôi đang nói gì vậy? Tôi đã chẻ mình thành nhiều Liz Gilbert rồi, tất cả họ đều đồng loạt sụp xuống vì kiệt quệ trên sàn phòng tắm ở ngoại ô một đêm, đầu đó tuổi ngoài ba mươi.

Ở đây tôi phải nói là tôi biết không phải tất cả mọi người đều trải qua loại khủng hoảng siêu hình này. Một số người trong chúng ta được kiểm soát bằng mạch điện điện tử để khắc khoải về chết chóc, trong khi một số khác hoàn toàn có vẻ thoải mái hơn với tất cả điều này. Dĩ nhiên, ta gặp rất nhiều người thờ ơ trong thế giới này, nhưng ta cũng gặp những người dường như có thể khoan hòa chấp nhận các nguyên lý vận hành của vũ trụ và thật tình không có vẻ buồn phiền vì những nghịch lý và bất công của nó. Bà của một người bạn tôi từng bảo cô ấy, “Trên thế gian này chẳng có rắc rối trầm trọng nào mà không thể được chữa lành bằng một chậu tắm nước nóng, một ly whisky và quyển Sách Cầu nguyện Chung.” Với một số người, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Với những người khác, cần có những biện pháp quyết liệt hơn.

Và giờ tôi sẽ đề cập đến người bạn nông dân sản xuất bơ sữa từ Ireland của tôi – nhìn bề ngoài, anh là một tính cách khó có khả năng gặp nhất ở một Ashram Ấn Độ. Nhưng Sean là một trong những người giống tôi, sinh ra với một khao khát, một giận dữ và thôi thúc không ngừng muốn hiểu được vận hành của tồn tại. Vì giáo xứ nhỏ bé của anh ở Quận Cork dường như không có bất kỳ câu trả lời nào trong những câu trả lời này, vào những năm 1980 anh rời nông trại để rong ruổi khắp Ấn Độ, tìm kiếm sự thanh thản nội tâm qua Yoga. Vài năm sau, anh trở về nông trại quê nhà ở Ireland. Anh ngồi ở bếp trong căn nhà bằng đá cũ với cha mình – một người suốt đời là nông dân và rất ít lời – và Sean kể cho cha về tất cả những khám phá tâm linh ở phương Đông kỳ lạ. Bố Sean lắng nghe không mấy quan tâm, nhìn ngọn lửa trong lò sưởi, hút tẩu thuốc. Ông chẳng nói gì cho đến khi Sean nói, “Bố à – chuyện thiền định này, nó là cái quyết định trong việc chỉ dạy sự thanh thản. Nó có thể thật sự cứu rỗi đời ta. Nó dạy ta an định tâm trí mình.”

Bố anh quay sang anh và ân cần nói, “Bố có một tâm trí tĩnh lặng rồi, con trai,” rồi tiếp tục dăm dăm nhìn ngọn lửa.

Nhưng tôi *không có*. Sean cũng không có. Nhiều người trong chúng ta không có. Nhiều người trong chúng ta nhìn vào ngọn lửa và chỉ thấy địa ngục. Tôi phải tích cực học cách làm cái mà bố Sean, hình như sinh ra đã biết – làm sao để, như Walt Whitman từng viết, “đứng tách riêng khỏi lời và kéo... mà vui thú, mãn nguyện, bi mẫn, nhàn nhã, toàn vẹn... vừa ở trong và ở ngoài cuộc chơi, vừa ngắm nhìn và ngạc nhiên với tất cả.” Thế nhưng, thay vì vui thú, tôi chỉ bất an. Thay vì ngắm nhìn, tôi điều tra và can thiệp. Mới đây khi cầu nguyện tôi đã nói với Thượng Đế, “Người hãy nghe – tôi hiểu là một cuộc sống không suy xét thì chẳng đáng sống, nhưng ngài có nghĩ một ngày nào đó tôi có thể có một *bữa ăn trưa* mà không phải kiểm tra không?”

Truyền thuyết Phật giáo có một câu chuyện về những phút giây ngay sau khi Đức Phật đắc đạo. Đó là khi – sau ba mươi chín ngày tham thiền^[33] – bức màn ảo giác cuối cùng rơi xuống và sự vận hành chân thật của vũ trụ tỏ lộ trước Đức Thế Tôn, người ta kể lại ngài đã mở mắt và nói ngay lập tức, “Điều này không thể giáo huấn.” Nhưng rồi cuối cùng, ngài đổi ý, quyết định là ngài sẽ nhập thế, và thử dạy hành thiền cho một nhóm nhỏ đệ tử. Ngài biết rằng chỉ có một phần trăm nhỏ nhoi số người sẽ được lợi lạc từ (hay có quan tâm) giáo huấn của ngài. Đa số nhân loại, ngài nói, có con mắt bị bụi mê lầm che phủ đến nỗi họ sẽ không bao giờ nhìn thấy chân lý, bất luận ai cố gắng giúp họ. Một số ít người khác (như bố của Sean, có lẽ) đã có con mắt sáng rõ và thanh thản tự nhiên đến nỗi họ không cần hướng dẫn hay trợ giúp nào cả. Nhưng rồi cũng có những người mà mắt họ chỉ phần nào bị bụi bặm che phủ, và những người này có thể, với sự giúp đỡ của những bậc chân sư, được giáo huấn để rồi đây sẽ thấy được rõ ràng hơn. Đức Phật đã quyết định ngài sẽ trở thành một người thầy vì lợi ích của thiểu số đó – “cho những người chỉ bị ít bụi che mắt.”

Tôi tha thiết mong mình là một trong số những người bị bụi bít kín mắt ở mức vừa phải đó, nhưng tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ biết là mình đã bị hoàn cảnh dồn vào thế phải tìm ra thanh thản nội tâm với những phương pháp có thể có vẻ hơi quyết liệt trong mắt mọi người. (Ví dụ, lúc còn ở New York, khi tôi bảo một người bạn của mình là tôi sắp đi Ấn Độ để sống trong một Ashram và tìm kiếm sự thiêng liêng, anh ấy thở dài rồi nói, “Ồi chao, một phần trong tôi khát khao gì điều đó.”) Dù sao, tôi không biết rằng mình có nhiều chọn lựa. Tôi đã điên cuồng tìm kiếm sự mãn nguyện trong rất nhiều năm bằng rất nhiều cách, và tất cả những sở đắc và thành tựu này – cuối cùng chúng làm ta kiệt sức. Cuộc sống – nếu ta cứ đuổi theo nó quá, nó sẽ chi phối ta tới tận khi chết. Thời gian – khi bị săn đuổi như một tên cướp – sẽ xử sự như tên cướp; luôn ở một thành phố hay một căn phòng phía trước ta, thay đổi tên và màu tóc để lẫn tránh ta, lén ra cửa sau nhà trọ vừa khi ta nện gót giày dọc hành lang với cái lệnh khám xét mới nhất của ta, chỉ để lại một liều thuốc cháy dở trong cái gạt tàn để trêu chọc ta. Một lúc nào đó ta phải dừng thôi vì sẽ *không thể*. Ta phải thú nhận là ta không thể tóm nó. Rằng ta lẽ ra không nên tóm nó. Một lúc nào đó, như Richard vẫn nói với tôi, ta sẽ phải buông ra, phải ngồi yên để sự mãn nguyện đến với ta.

Buông ra, tất nhiên, là một sự táo bạo đáng sợ đối với những ai tin rằng thế giới đang xoay chỉ vì nó có một cái tay quay trên đầu mà ta có thể tự mình vặn, và rằng nếu chúng ta đánh rơi cái tay quay này dù chỉ một giây phút, thì ôi thôi – đó sẽ là ngày tận thế của vũ trụ. *Nhưng cứ thử thả nó ra, Hàng Tạp Hóa à.* Đây là thông điệp tôi đang nhận. Giờ thì ngồi yên

tĩnh và dừng sự tham gia không ngừng nghỉ của ta lại. Nhìn xem chuyện gì sẽ xảy ra. Suy cho cùng, chim chóc sẽ chẳng đâm sầm từ trên trời xuống chết giữa đường bay. Cây cối sẽ không khô héo rồi chết, những dòng sông không chảy máu đỏ ngầu. Cuộc sống tiếp diễn. Ngay cả khi bưu điện Ý cứ rề rề làm việc của nó mà không có ta – tại sao ta cứ quá xác quyết rằng sự quản lý vi mô của ta đối với mỗi giây phút trong toàn thể thế giới này là thiết yếu đến thế? Tại sao ta không để mặc nó?

Tôi đã nghe thấy lập luận này và thấy lôi cuốn. Lý trí tôi tin điều này. Tôi thật sự tin. Nhưng rồi tôi tự hỏi – với tất cả khát khao không nguôi của mình, với tất cả nhiệt tình kích động của mình và với bản chất đói khát ngu ngốc này của mình – thay vì thế, mình phải làm gì đây với năng lượng của mình?

Câu trả lời ấy vẫn thường đến:

Tìm kiếm Thượng Đế, Sư phụ tôi khuyên. Hãy tìm kiếm Thượng Đế như một người đàn ông với cái đầu bốc cháy tìm nước.

Trong giờ thiền sáng hôm sau, tất cả những ý nghĩ đáng ghét cũ mèm cay độc của tôi lại xuất hiện. Tôi bắt đầu nghĩ về chúng như những người tiếp thị từ xa phiền phức, cứ gọi vào những lúc không thích hợp nhất. Suy cho cùng, điều tôi sợ khi thiền là nhận ra tâm thức mình thực ra không phải là một nơi thú vị gì lắm. Trong thực tế tôi thật sự chỉ nghĩ về mình, và tất cả những đôn đau trong hôn nhân của mình, và tất cả những lỗi lầm mình phạm phải, và tất cả những sai lầm chồng tôi đã mắc phải, và rồi (từ đề tài u ám không có đường lui này) tôi bắt đầu nghiền ngẫm về David...

Chuyện này đang trở nên rối tinh lên, rất thật lòng mà nói. Ý tôi là – giờ tôi đang ở nơi tìm kiếm thiêng liêng này trong lòng Ấn Độ, và tôi chỉ có thể nghĩ đến mỗi *bạn trai cũ* của mình thôi sao? Tôi là ai vậy, đang học lớp tám ư?

Và rồi tôi nhớ một câu chuyện mà cô bạn – nhà tâm lý học – Deborah của mình đã từng kể. Hồi thập niên 1980, thành phố Philadelphia hỏi cô có thể tình nguyện tư vấn tâm lý cho một nhóm người tị nạn Campuchia không – thuyền nhân – những người vừa đến thành phố. Deborah là một nhà tâm lý học hiếm có, nhưng cô đã thoái chí khùng khiếp với nhiệm vụ này. Những người Campuchia này đã chịu đựng những điều tồi tệ nhất mà con người có thể bắt nhau phải chịu – diệt chủng, cưỡng hiếp, tra tấn, đói, người thân bị giết ngay trước mắt, rồi những năm dài trong trại tị nạn và những chuyến đi nguy hiểm bằng thuyền đến phương Tây mà trên đó người ta chết và xác chết làm thức ăn cho cá mập – Deborah có thể giúp đỡ những người này sao đây? Cô có thể khả dĩ thông cảm nỗi đau của họ thế nào đây?

“Nhưng bồ có biết,” Deborah kể lại cho tôi, “tất cả những người này muốn nói về điều gì khi họ có thể gặp một người tư vấn không?”

Tất cả chỉ có thể này: *tôi đã gặp anh chàng này ở trại tị nạn, và chúng tôi phải lòng nhau. Tôi nghĩ anh ta thật lòng yêu tôi, nhưng rồi chúng tôi phải tách ra ở những thuyền khác nhau, và anh ấy thân thiết với em họ tôi. Giờ thì anh đã cưới cô ấy, nhưng anh nói anh thật sự yêu tôi, và anh cứ gọi cho tôi, và tôi biết tôi nên bảo anh đi đi, nhưng tôi vẫn yêu anh ấy và không thể thôi nghĩ về anh ấy. Và tôi không biết phải làm gì...*

Chúng ta *giống* như vậy. Một cách tập thể, như một giống loài, đây là tâm cảnh của chúng ta. Một lần tôi gặp một bà già đã gần một trăm tuổi, bà bảo tôi, “Chỉ có hai câu hỏi loài người vẫn luôn phân tranh trong suốt lịch sử. *Anh yêu tôi chừng nào? Và Ai có quyền?* Mọi thứ còn lại thì cách nào đó có thể xoay xở được. Nhưng hai câu hỏi về tình yêu và kiểm soát này làm hư hỏng tất cả chúng ta, ngáng chân ta và gây ra chiến tranh, tai họa và đau khổ. Và cả hai câu hỏi này, không may lại là (hay có lẽ rõ ràng là) cái tôi đang đối phó tại Ashram này. Khi tôi ngồi trong tĩnh lặng và quán sát tâm trí mình, chỉ những câu hỏi về ham muốn và kiểm soát hiện lên khuấy động tôi, và sự khuấy động này là cái ngăn tôi tiến về phía trước.

Sáng hôm đó, sau chừng một giờ suy nghĩ khổ sở, khi cố đi sâu trở lại vào trạng thái thiền định, tôi mang theo một ý tưởng mới: cảm thông. Tôi hỏi tim mình có thể vui lòng phả vào tâm hồn tôi một cái nhìn rộng lượng hơn về hoạt động của tâm thức tôi không. Thay vì nghĩ rằng tôi là một kẻ thất bại, có lẽ tôi nên chấp nhận mình chỉ là một con người – mà còn là

một người bình thường nữa? Các tư tưởng ủa đến như thường lệ - được thôi, đành vậy - và rồi những cảm xúc đi kèm cũng trôi dạt. Tôi bắt đầu cảm thấy thất vọng và đầy phẫn xết về bản thân, cô đơn và giận dữ. Nhưng rồi một lời đáp mạnh mẽ sôi lên từ đâu đó trong những hang lớn sâu thẳm nhất trong tim tôi, và tôi tự nhủ, “Ta sẽ *không* đánh giá mi vì những ý nghĩ này.”

Tâm trí tôi cố phản đối, nói rằng, “Ừ, nhưng cô là một kẻ thất bại như thế, cô là một kẻ bại trận như thế, cô sẽ không bao giờ lên đến được đâu cả...”

Nhưng đột nhiên như thể có một con sư tử đang rống từ trong ngực tôi, cuốn phăng tất cả những lời quấy nhiễu này ra. Một giọng gầm vang trong tôi chẳng giống bất cứ thứ gì tôi đã từng nghe thấy trước đây. Bên trong tôi nó âm vang, dai dẳng đến nỗi tôi thực sự phải mím chặt môi vì sợ rằng nếu mình mở miệng và để âm thanh này thoát ra ngoài, nó có thể sẽ làm rung chuyển nền móng của những tòa nhà xa đến tận cả Detroit.

Và đây là điều nó gầm:

MI KHÔNG HÌNH DUNG ĐƯỢC TÌNH YÊU CỦA TA MẠNH MẼ DƯỜNG NÀO ĐÂU!!!!!!

Những ý nghĩ huyền thuyên, tiêu cực trong trí tôi tan tác trong luồng gió của lời nói này như chim chóc, thỏ lớn và linh dương - chúng cong đuôi chạy ra khỏi nơi đó, kinh hoàng. Tiếp theo là tĩnh lặng. Một sự yên lặng đáng sợ, rung động và mãnh liệt. Con sư tử trong hoang mạc tìm tôi quan sát vương quốc yên tĩnh mới mẻ này một cách hài lòng. Y liếm hai bên sườn to lớn của mình một lượt, nhắm đôi mắt vàng của y và trở lại giấc ngủ.

Và rồi, trong cái yên lặng cao vợi đó, cuối cùng - tôi bắt đầu thiền về (và với) Thượng Đế.

Richard từ Texas có một số thói quen lấu cá. Mỗi khi anh ấy đi ngang và nhận thấy qua vẻ mặt lơ đãng của tôi là những ý nghĩ của tôi đang một triệu dặm xa, anh nói, “David thế nào rồi?”

“Lo chuyện của anh đi,” tôi luôn nói. “Ngài không biết tôi đang nghĩ gì đâu, thưa ngài.”

Tất nhiên, anh luôn luôn đúng.

Anh còn một thói quen nữa là chờ tôi rời khỏi phòng thiền vì anh muốn thấy tôi mất trí và ngớ ngẩn chừng nào khi bò ra từ đó. Như thể tôi vừa vật nhau với mấy con cá sấu Mỹ và ma quỷ. Anh nói anh chưa từng thấy ai chiến đấu chống lại bản thân khổ sở như vậy. Tôi không biết về *điều đó*, nhưng đúng là điều diễn ra trong phòng thiền tối om đó đối với tôi có thể trở nên khá mãnh liệt. Những chứng nghiệm mạnh mẽ nhất đến khi tôi buông bỏ chút dè dặt sợ hãi cuối cùng và để một cái tua bin năng lượng thật sự phóng tỏa dọc lên sống lưng tôi. Giờ tôi thấy khô hài vì mình đã từng xua đuổi những ý tưởng về *kundalini shakti* này như là chuyện hoang đường thuần túy. Khi năng lượng này chạy khắp tôi, nó ầm ầm như một động cơ diesel ở tốc độ chậm, và nó chỉ đòi hỏi ở tôi một yêu cầu giản dị thể này – *ngươi có thể vui lòng lộn ngược mình ra để phối, tìm ngươi và những thứ cần bã sẽ ở bên ngoài còn toàn thể vũ trụ sẽ ở bên trong? Và trong cảm xúc, ngươi cũng sẽ làm y như vậy được chứ?*

Thời gian trở nên hoàn toàn biến dạng trong không gian ầm vang này, và tôi – tê cứng, cảm lạnh, choáng váng – được đưa vào mọi loại thể giới, và tôi trải qua mọi cường độ cảm giác: lửa, lạnh, thù hận, thèm khát, sợ hãi... Khi tất cả điều ấy kết thúc, tôi loạng choạng đứng dậy và lảo đảo bước ra ánh sáng ban ngày trong một tình trạng như vậy – cực kỳ đói, cực kỳ khát, bị kích thích hơn cả một thủy thủ trong kỳ nghỉ ba ngày trên bờ. Richard thường ở đó chờ tôi, chực cười. Anh luôn chọc ghẹo tôi với cùng câu nói này khi thấy gương mặt bối rối và kiệt quệ của tôi, “Cô nghĩ mình không bao giờ lên được đến đâu sao, Hàng Tạp Hóa?”

Nhưng sáng nay trong thiền định, sau khi nghe thấy sư tử gầm MI KHÔNG HÌNH DUNG ĐƯỢC TÌNH YÊU CỦA TA MẠNH MẼ DƯỜNG NÀO ĐÂU, tôi ra khỏi động thiền đó như một nữ hoàng chiến binh. Richard thậm chí không kịp hỏi tôi đã nghĩ mình không bao giờ lên đến được bất kỳ đâu trong đời này sao thì tôi đã nhìn vào mắt anh ấy và nói, “Tôi đã đến rồi, thưa ngài.”

“Cô ra khỏi đó thôi,” Richard nói. “Đây là lý do để ăn mừng. Đi nào, bồ - tôi sẽ đưa cô vào thị trấn, mua cho cô một Thumbs-Up.”

Thumbs-Up là một thứ nước có ga của Ấn Độ, kiểu như Coca-Cola, nhưng với lượng si rô ngũ cốc nhiều hơn khoảng chín lần và lượng cafein nhiều hơn gấp ba lần. Tôi nhĩ có lẽ trong đó có chất methamphetamine nữa. Nó khiến tôi nhìn một hóa hai. Vài lần một tuần, Richard và tôi lang thang vào thành phố và chia nhau một chai nhỏ Thumbs-Up – một trải nghiệm triệt để sau sự thanh khiết của thức ăn chay ở Ashram – luôn luôn thận trọng để không thật sự chạm môi vào chai. Nguyên tắc của Richard về chuyện du lịch Ấn Độ là một nguyên tắc

chắc nịch, “Không chạm vào thứ gì trừ chính mình.” (Và, đúng, đó cũng là một tựa đề từng dự kiến cho cuốn sách này.)

Chúng tôi có những chuyến tham quan ưa thích của mình trong thành phố, luôn dừng lại jleex bãi ngôi đèn, và chào ông Panicar, người thợ may, người lúc nào cũng bắt tay chúng tôi và nói, “Hân hạnh được gặp các vị!” Chúng tôi nhìn những con bò cái chàng ràng thưởng thức địa vị thiêng liêng của chúng (tôi nghĩ chúng thật sự lạm dụng đặc quyền, nằm ình ra đó ngay giữa đường chỉ để nhấn mạnh là mình thiêng liêng), và chúng tôi nhìn mấy con chó giơ chân lên gãi gãi như đang tự hỏi không biết thế quái nào mà chúng lại có mặt ở đây. Chúng tôi nhìn những phụ nữ làm cầu đường đang đập vụn đá dưới ánh mặt trời oi ả, họ đang quai búa tạ, chân trần, trông đẹp lạ lùng trong những bộ xa ri màu đá quý và những vòng tay, vòng cổ của họ. Họ cười rạng rỡ với chúng tôi khiến tôi bắt đầu không thể hiểu – làm sao họ có thể vui vẻ khi làm công việc nặng nhọc này trong những điều kiện khủng khiếp như thế? Tại sao tất cả bọn họ không ngất xỉu và chết sau mười lăm phút trong cái nóng như sôi cùng những cái búa tạ ấy? Tôi hỏi ông thợ may Panicar chuyện này và ông nói với dân làng thì là thế đấy, những người ở nơi này của thế giới sinh ra để làm loại lao động nặng nhọc như thế và công việc nặng nhọc này trong những điều kiện khủng khiếp như thế? Tại sao tất cả bọn họ không ngất xỉu và chết sau mười lăm phút trong cái nóng như sôi cùng những cái búa tạ ấy? Tôi hỏi ông thợ may Panicar chuyện này và ông nói với dân làng thì là thế đấy, những người ở nơi này của thế giới sinh ra để làm loại lao động nặng nhọc như thế và công việc ấy là tất cả những gì họ đã quen.

“Ngoài ra,” ông thản nhiên nói thêm, “quanh đây chúng tôi sống không thợ.”

Đó là một ngôi làng nghèo, dĩ nhiên, nhưng chưa phải là tuyệt vọng theo các chuẩn mực của người Ấn; sự hiện diện (và lòng nhân hậu) của Ashram với ít tiền bạc phương Tây trôi nổi quanh đây tạo nên một thứ khác biệt lớn. Không phải là ở đây có nhiều thứ để mua, thế nhưng Richard và tôi muốn xem quanh tất cả các cửa hiệu bán tràng hạt và những pho tượng nhỏ. Có mấy anh chàng Cachemia – quả thực, họ là những người bán hàng rất linh lợi – luôn cố tổng hết hàng hóa của họ lên chúng tôi. Hôm nay một trong số họ đã bám theo tôi hỏi bà có muốn mua một tấm thảm Cachemia cho nhà mình không?

Chuyện này làm Richard cười. Trong số những trò vui khác, anh thích giễu chuyện tôi không nhà.

“Khỏi phí lời, người anh em,” anh nói với người bán thảm. “Cô gái già này chẳng có cái sàn nào để trải thảm đâu.”

Không nản lòng, người bán hàng Cachemia gợi ý, “Vậy có lẽ bà đây muốn treo thảm trên tường của bà ấy?”

“Giờ thì xem nào,” Richard nói, “vấn đề là ở chỗ đó, dạo này cô ta cũng thiếu tường nữa.”

“Nhưng tôi có một trái tim dũng cảm!” Tôi nói to lên, để tự vệ.

“Và những phẩm chất quý giá khác,” Richard nói thêm, ném cho tôi một cục xương – một lần trong đời anh ta.

Thật ra, trở ngại lớn nhất trong trải nghiệm của tôi ở Ashram không phải là thiền. Điều đó khó khăn, dĩ nhiên, nhưng không khó chịu. Với tôi ở đây có cái gì đó thậm chí còn nặng nề hơn. Điều khó chịu đó là cái chúng tôi làm mỗi sáng sau khi thiền và trước giờ điểm tâm (lạy Chúa, mà những buổi sáng này đều dài) – một bài tụng gọi là Gurugita. Richard gọi nó là “Bài Hát”. Tôi gặp rắc rối dữ dội với Bài Hát. Tôi không thích nó chút nào, chưa từng, từ lần đầu tiên tôi nghe thấy người ta hát tại Ashram ở vùng phía Bắc bang New York. Tôi thích tất cả các bài kệ và tụng ca khác của truyền thống Yoga này, nhưng Gurugita tạo cái cảm giác dài, chán ngắt, rỗng tuếch và không thể chịu đựng được. Đó chỉ là lý kiến của tôi, tất nhiên; những người khác nói họ yêu nó, dù tôi không thể hiểu được tại sao.

Gurugita dài 182 khổ thơ để đọc to lên (và đôi khi tôi cũng làm vậy), và mỗi khổ thơ là một đoạn tiếng Phạn không thể lĩnh hội được. Cùng với bài kệ mở đầu và phần đồng ca tổng kết, phải mất khoảng một tiếng rưỡi toàn bộ nghi thức mới hoàn tất. Nên nhớ là, việc ấy là trước buổi điểm tâm, và sau khi chúng tôi đã có một giờ tĩnh tọa và hai mươi phút tụng bài tụng ca đầu tiên của buổi sáng. Về cơ bản Gurugita là lý do ta phải dậy vào lúc 3 giờ sáng ở đây.

Tôi không thích âm điệu, mà cũng không thích lời Bài Hát. Mỗi khi tôi nói với bất kỳ ai ở Ashram về điều này, họ đáp, “Ôi, nhưng nó mới thiêng liêng làm sao!” Đúng, và Sách Job^[34] cũng thế, và tôi không định tụng niệm to bài này mỗi sáng trước giờ điểm tâm.

Gurugita có một nguồn gốc tâm linh ấn tượng; nó là trích đoạn từ một kinh Yoga cổ gọi là Skanda Purana mà phần nhiều đã thất lạc, chỉ phần ít được dịch ra từ tiếng Phạn. Như phần lớn kinh Yoga, bài tụng được viết ở dạng hỏi đáp, một dạng đối thoại gần như kiểu Socrate. Cuộc trò chuyện giữa nữ thần Parvati và thần Shiva toàn năng, bao trùm vạn vật. Parvati và Shiva là hiện thân thần thánh của sáng tạo (người nữ) và ý thức (người nam). Nữ thần là năng lực sản sinh vũ trụ; nam thần là sự minh triết vô hình tượng của vũ trụ. Shiva tượng trưng ra bất kỳ điều gì, Parvati đều sản sinh nó. Nam thần nghĩ ra nó; nữ thần vật chất hóa nó. Vũ điệu của họ, hợp nhất của họ (*Yoga* của họ), vừa là nguyên nhân vừa là hóa hiện của vũ trụ.

Trong Gurugita, nữ thần hỏi nam thần những bí ẩn và mẫn nguyện trần tục, và nam thần cho nữ thần biết. Cái bài tụng này, nó làm tôi phát cáu. Tôi đã mong cảm nhận của mình về Gurugita sẽ thay đổi trong thời gian mình ở Ashram. Tôi đã hy vọng rằng đặt nó vào bối cảnh Ấn Độ sẽ khiến mình biết cách yêu nó. Thật ra thì, lại xảy ra điều ngược lại. Trong vài tuần ở đây, cảm nhận của tôi về Gurugita đã chuyển từ không thích bình thường sang kinh sợ hoàn toàn. Tôi đã bắt đầu bỏ qua bài tụng và làm những việc khác trong buổi sáng mà tôi nghĩ tốt hơn nhiều cho sự phát triển tâm linh của mình, như viết nhật ký, hay tắm vòi sen, hay gọi cho chị gái ở Pennsylvania xem mấy nhóc nhà chị ra sao.

Richard từ Texas luôn tấn công chuyện tôi bỏ qua bài tụng. “Tôi thấy cô vắng mặt trong Bài Hát sáng nay,” anh sẽ nói, và tôi sẽ nói, “Tôi liên lạc với Thượng Đế bằng những cách khác.” Và anh sẽ nói, “Cô định nói là bằng cách ngủ nướng à?”

Nhưng khi tôi cố gắng đến buổi tụng kinh, tất cả những gì nó làm là quấy đảo tôi. Tôi muốn nói, về mặt thể chất. Tôi không cảm thấy như đang hát mà đúng hơn là bị nó kéo lê đằng sau. Nó làm tôi vã mồ hôi. Chuyện này thật lạ vì tôi thường là một trong những người bị lạnh kinh niên trong đời, và ở vùng này của Ấn Độ vào tháng Giêng trời lạnh trước khi mặt trời lên. Những người khác quấn chặt mền và mũ len để giữ ấm khi ngồi tụng, còn trong lúc bài tụng ca cứ đều đều, tôi lột dần các lớp áo quần, sùi bọt mép như một con ngựa ở nông trại bị bắt làm việc quá mức. Sau bài Gurugita tôi ra khỏi đền thờ, mồ hôi vã như sương mù – như sương mù hôi hám, xanh lè và kinh khủng – trong không khí lạnh ngắt buổi sáng. Phản xạ cơ thể này còn nhẹ so với những làn sóng cảm xúc nóng bùng rung chuyển tôi khi tôi cố tụng bài tụng ca. Và tôi thậm chí không thể hát. Tôi chỉ có thể rên rỉ. Một cách phần uất.

Tôi đã đề cập là nó có 182 khổ thơ chưa?

Vậy nên vài ngày trước, sau một buổi tụng kinh đặc biệt khó chịu, tôi quyết định tìm lời khuyên từ vị thầy tôi mến chuộng ở quanh đây – vị thầy tu với một cái tên Phạn dài tuyệt vời mà dịch ra là “Ông Ấy Người Ngụ Trong Trái Tim Của Trời Người Ngụ Trong Trái Tim Của Riêng Ông Ấy.” Thầy tu này là người Mỹ, tuổi chừng sáu mươi, thông minh và có học thức. Ông đã từng là một giáo sư kịch nghệ cổ điển tại NYU, và ông vẫn có dáng đi khá bệ vệ đáng kính. Ông đã phát nguyện tu hành gần ba mươi năm trước. Tôi thích ông vì ông hài hước và nghiêm túc. Trong một khoảnh khắc tối tăm bối rối về David, tôi đã từng tâm sự nỗi đau của mình với thầy tu này. Ông lắng nghe một cách kính cẩn, cố tìm những lời khuyên giải cảm thông nhất, và rồi nói, “Còn giờ thì tôi sẽ hôn áo mình.” Ông nâng một góc áo cà sa và hôn thật mạnh. Cho rằng có lẽ đây là một tục lệ tôn giáo cực kỳ thần bí nào đó, tôi hỏi ông đang làm gì. Ông nói, “Tôi luôn làm như vậy mỗi khi ai đó đến xin tôi những lời khuyên về quan hệ. Tôi chỉ đang cảm tạ Thượng Đế vì tôi là một thầy tu và tôi không phải liên quan gì đến chuyện này nữa.”

Vậy nên tôi biết mình có thể tin tưởng ông để nói thẳng vấn đề của mình với Gurugita. Một buổi tối sau giờ ăn chúng tôi cùng đi dạo một lát trong vườn, tôi nói với ông tôi ghét bài tụng ca này đến chừng nào và hỏi ông có thể vui lòng miễn cho tôi không phải tụng nữa không. Ngay lập tức ông phá lên cười. Ông nói, “Cô không phải tụng nó nếu cô không muốn. Không bao giờ có ai quanh đây bắt cô làm điều cô không muốn làm.”

“Nhưng người ta nói đó là một thực hành tâm linh quan trọng.”

“Đúng vậy. Nhưng tôi sẽ không bảo là cô sẽ phải xuống địa ngục nếu không làm vậy. Điều duy nhất tôi sẽ nói cho cô biết là Sư phụ cô đã khẳng định về việc này rồi. Gurugita là một kinh văn thiết yếu của môn Yoga này, và có lẽ là thực hành quan trọng nhất ta có thể làm, sau thiền định. Nếu cô đang ở Ashram, bà mong đợi cô dậy để tụng nó mỗi sáng.”

“Không phải là tôi thiền gì chuyện dậy sớm mỗi sáng...”

“Vậy thì nó là cái gì?”

Tôi giải thích với vị thầy tu tại sao tôi dần dần khiếp sợ Gurugita, nó gây cảm giác tra tấn ra sao.

Ông nói, “Chà – nhìn cô kìa. Chỉ mới nói về nó thôi mà cô đã trở nên khó chịu hết cả rồi.”

Đúng thế. Tôi đã có thể cảm thấy mồ hôi lạnh, ẩm ướt dần trong nách. Tôi hỏi, “Thay vì vậy tôi không thể dùng thời gian đó để làm những thực hành khác sao? Đôi khi tôi thấy nếu tới động thiền trong giờ Gurugita tôi có thể có được một rung cảm tốt để thiền.”

“À – Swamiji có lẽ sẽ rầy cô vì chuyện đó. Ông ấy có lẽ sẽ gọi cô là một tên trộm tụng kinh vì đã bắt cần công sức khó nhọc của tất cả những người khác. Nghe này, Gurugita không phải là bài hát để hát cho vui. Nó có một chức năng khác. Nó là một kinh văn quyền năng, không thể tưởng tượng được. Nó là một thực hành thanh tẩy phi thường. Nó thiêu rụi tất cả những gì tạp nhạp trong ta, tất cả những cảm xúc tiêu cực. Và tôi nghĩ có lẽ nó có một hiệu quả tích cực đối với cô nếu như cô đang trải nghiệm những cảm xúc và phản ứng thể chất mạnh mẽ như thế khi tụng. Thứ này có thể đau đớn, nhưng nó cực kỳ lợi hại.”

“Làm thế nào ông duy trì động cơ để vẫn trụ lại được với nó?”

“Có lựa chọn khác sao? Bỏ đi mỗi cái gì trở nên thách thức sao? Để lãng phí cả đời ta, thương và bất toàn sao?”

“Ông thực sự vừa nói là ‘lãng phí’?”

“Đúng. Đúng, tôi đã nói vậy.”

“Tôi nên làm gì?”

“Cô phải quyết định cho chính mình. Nhưng lời khuyên của tôi là – vì cô đã hỏi – cứ tiếp tục tụng Gurugita khi cô ở đây, *nhất là* vì cô đang có một phản ứng thái quá như vậy với nó. Nếu cái gì đó xung đột mạnh với cô như thế, cô có thể tin là nó đang có tác dụng với mình. Đây là điều Gurugita làm. Nó thiêu rụi bản ngã, biến ta thành chỉ còn tro bụi. Nó phải là mãnh liệt, Liz. Nó có một quyền năng vượt xa sức hiểu biết lý trí. Cô chỉ ở lại Ashram một tuần nữa, phải không? Và rồi cô được tự do đi đây đó và vui vẻ. Nên cứ tụng bài tụng cả này chỉ thêm bảy lần nữa thôi, rồi cô sẽ không bao giờ phải tụng nữa. hãy nhớ điều Sư phụ của chúng ta nói – hãy là một nhà khoa học của trải nghiệm tâm linh của chính ta. Cô ở đây không phải với tư cách một người đi du lịch hay một nhà báo; cô ở đây với tư cách một người tầm đạo. Vậy nên hãy khám phá nó.

“Vậy là ông không miễn cho tôi ư?”

“Cô có thể miễn cho mình bất cứ khi nào cô muốn, cô Liz. Đó là thỏa ước với thánh thần về một điều nho nhỏ mà chúng ta gọi là *tự do ý trí*.”

Vậy nên tôi đến buổi tụng kinh sáng hôm sau, hoàn toàn tràn ngập quyết tâm, và Gurugita đá vèo tôi xuống những bậc thềm xi măng cao hai mươi feet – hay dù sao, có vẻ thế. Ngày hôm sau thậm chí còn tệ hơn nữa. Tôi thức giấc giận dữ, và thậm chí trước khi đến được đền thờ tôi đã toát mồ hôi, sôi lên, và *sủi bọt*. Tôi cứ nghĩ, “Chỉ có một tiếng rười thôi – mình có thể làm bất cứ gì trong một tiếng rười. Vì Chúa, mình có những người bạn *đau đẻ* trong mười bốn giờ...” Vậy nhưng, nếu có bị đóng đinh vào cái ghế này thì tôi cũng không thể ít thoải mái hơn. Tôi cứ cảm thấy những quả cầu lửa, như là nhiệt *mãn kinh* dao động khắp người, và tôi đã nghĩ mình có thể xỉu, hay cắn ai đó vì thịnh nộ.

Cơn giận dữ của tôi thật khổng lồ. Nó thâm tóm tắt cả mọi người trên thế gian này, nhưng đặc biệt nhất nhắm vào Swamiji – thầy của Sư phụ tôi, người đã lập ra nghi thức tụng niệm Gurugita này đầu tiên. Đây không phải cuộc chạm trán khó khăn đầu tiên của tôi với vị hành giả vĩ đại đã qua đời này. Ông là người xuất hiện trong giấc mơ của tôi trên bờ biển, hỏi gắng tôi định ngừng thủy triều như thế nào, và tôi luôn cảm thấy như ông đang áp chế tôi.

Suốt cuộc đời mình, Swamiji đã luôn nghiêm khắc, là một ngọn đuốc tâm linh. Như thánh Francis xứ Assisi, mong đợi ông sẽ tham gia việc kinh doanh của gia đình. Nhưng khi chỉ mới là một cậu bé, ông đã gặp một bậc thánh nhân trong một ngôi làng nhỏ gần nơi ông ở, và đã xúc động sâu sắc về trải nghiệm này. Vẫn còn ở tuổi thiếu niên, Swamiji rời nhà đi với một cái khố và nhiều năm trời hành hương đến mọi điểm thiêng liêng ở Ấn Độ, tìm một đạo sư chân chính. Người ta nói ông gặp hơn sáu mươi vị thánh và Sư phụ, nhưng chưa tìm ra vị thầy ông mong muốn. Ông đói, đi bộ lang thang, ngủ ngoài bão tuyết Himalaya, chịu đựng sốt rét, bệnh lỵ - và gọi đây là những năm hạnh phúc nhất đời mình, chỉ tìm kiếm ai đó có thể chỉ cho mình Thượng Đế. Trong những năm ấy, Swamiji trở thành một Hatha Yogi, một chuyên gia về y khoa Ấn Độ và nấu nướng, một kiến trúc sư, một người làm vườn, một nhạc sĩ và một kiếm sĩ (cái này thì tôi thích). Đến những năm giữa đời mình, ông vẫn chưa tìm thấy một Sư phụ, cho đến một ngày ông bỗng gặp một nhà thông thái trần truồng, diên khùng khuyên ông trở về nhà, về lại làng nơi ông đã gặp bậc thánh nhân khi còn là một đứa trẻ, và học hỏi với vị thánh vĩ đại đó.

Swamiji nghe lời, trở về nhà, và trở thành môn đệ sùng tín nhất của vị thánh nhân, cuối cùng chứng ngộ nhờ sự hướng dẫn của thầy ông. Cuối cùng chính Swamiji cũng đã trở thành một Sư phụ. Theo thời gian, Ashram của ông ở Ấn Độ phát triển từ ba phòng trên một nông trại cần cỗi thành một khu vườn tươi tốt như ngày nay. Rồi ông có nguyện vọng đi khắp nơi và phát động một cuộc cách mạng thiền định trên toàn thế giới. Ông đến Mỹ vào năm 1970 – *shaktipat* – cho hàng trăm ngàn người một ngày. Ông có một quyền năng chuyển hóa tức thì. Linh mục Eugene Callender (một nhà lãnh đạo dân quyền được trọng vọng, một cộng sự của Martin Luther King Con và vẫn đang là mục sư của một nhà thờ Baptist ở Harlem) nhớ là đã gặp Swamiji vào những năm 1970 và quỳ xuống trước mặt người đàn ông Ấn Độ ấy mà kinh ngạc nghĩ thầm, “Giờ chẳng còn thời gian để cãi bốp và huyền thuyên nữa, chính là nó đây rồi... Người đàn ông này biết tất cả những gì phải biết về ta.”

Swamiji đòi hỏi sự nhiệt tình, cam kết, tự chủ. Ông luôn quở trách mọi người vì *jad*, từ Ấn Độ chỉ sự “trí tuệ”. Ông mang khái niệm kỷ luật cổ xưa vào cuộc sống của những môn đệ tây Phương trẻ tuổi thường xuyên nổi loạn, ra lệnh cho họ ngừng ngay việc phí thời gian và năng lực của họ (và của tất cả những người khác) vào cái vô nghĩa hippy thả sức. Ông thường ném cái gậy đi bộ vào ta phút trước, rồi lại ôm ghì ta phút sau. Ông phức tạp, gây nhiều tranh luận, nhưng thực sự làm thay đổi thế giới. Lý do ở phương Tây giờ đây chúng ta có thể tiếp cận nhiều kinh Yoga cổ vì Swamiji đã chủ trì việc dịch và đem lại một sức sống mới cho các kinh văn triết học đã từ lâu bị quên lãng ngay cả ở Ấn Độ.

Sư phụ tôi là môn đệ sùng tín nhất của Swamiji. Bà được sinh ra để làm môn đệ của ông, theo nghĩa đen, bố mẹ người Ấn của bà là hai trong những môn đệ sớm nhất của ông. Khi chỉ mới là một đứa trẻ, bà thường cầu kinh mười tám giờ mỗi ngày, tận tụy không mệt mỏi. Swamiji nhận ra khả năng tiềm ẩn của bà, và ông đã nhận bà làm người dịch thuật cho ông khi bà vẫn còn là một thiếu niên. Bà đi đây đó khắp thế giới với ông, chăm sóc Sư phụ của mình chu đáo, về sau này bà nói, bà thậm chí có thể cảm thấy ông nói với bà bằng đầu gối của ông. Bà đã trở thành người kế tục của ông vào năm 1982 khi vẫn còn đang trong độ hai mươi.

Tất cả những Sư phụ chân chính đều giống nhau ở chỗ họ đều tồn tại trong một trạng thái tự chứng thường hằng, nhưng các đặc điểm bên ngoài thì khác nhau. Sự khác nhau thấy được bên ngoài giữa Sư phụ tôi và thầy của bà rất lớn – bà là nữ, biết nhiều ngôn ngữ, trình độ đại học và là một nữ trí thức có nghề nghiệp; ông là một người đôi khi thất thường, đôi khi như con sư tử già Nam Ấn đường bệ. Với một cô gái New England nhà lành như tôi thì theo một vị thầy đang tồn tại với bản tính hết sức làm trấn an sẽ dễ hơn – chính là kiểu Sư phụ ta có thể mời về nhà để gặp bố mẹ. Nhưng Swamiji... ông ấy là một gã mãnh liệt đến thế. Vậy nên từ lần đầu tiên tôi đến với con đường Yoga này và thấy những bức hình ông, nghe những câu chuyện về ông, tôi tự nhủ, “Mình sẽ tránh xa nhân vật này. Ông ấy quá lớn. Ông ấy làm mình căng thẳng.”

Nhưng vì rằng giờ tôi đang ở Ấn Độ, trong Ashram này nơi từng là nhà của ông, tôi đang nhận ra rằng tất cả những gì mình muốn là Swamiji. Tất cả những gì tôi cảm thấy là Swamiji. Người duy nhất tôi trò chuyện trong cầu nguyện và thiền định của mình là Swamiji. Đó là kênh Swamiji, suốt ngày đêm. Tôi ở trong lò lửa của Swamiji tại đây và tôi có thể cảm thấy ông ấy tiếp tục tác động đến tôi. Ngay cả khi ông đã chết, có cái gì đó rất trần thế và hiện hữu ở ông. Ông là bậc thầy tôi cần khi tôi đang thật sự nỗ lực, vì tôi có thể nguyên rửa ông và cho ông thấy tất cả thất bại và khiếm khuyết của tôi mà ông chỉ cười. Cười, và yêu thương tôi. Cái cười của ông khiến tôi giận dữ hơn và cơn giận dữ thành động cơ thúc đẩy tôi hành động. Và tôi chưa từng cảm thấy ông gần mình hơn khi tôi phải vật lộn với Gurugita, với những câu thơ Phạn không thể hiểu được ấy. Tôi đang liên tục tranh luận với Swamiji trong đầu, tuyên bố mọi kiểu huênh hoang khoác lác như, “Ông nên làm cái gì đó cho tôi đi và tôi đang làm điều này cho ông! Tôi phải thấy chút ít *kết quả* ở đây! Đó phải là thanh tẩy!” Hôm qua, tôi trở nên điên tiết khi nhìn xuống cuốn kinh của mình và nhận ra chúng tôi chỉ mới ở khổ thơ Hai Mươi Lăm mà tôi đã bốc hỏa vì khó chịu, đã toát mồ hôi (và cũng không như một người toát mồ hôi, mà đúng hơn thì giống một miếng pho mát rịn mồ hôi), đến nỗi tôi thực sự bật thành tiếng, “Ông đang *chơi khăm* tôi!” và một vài phụ nữ quay

lại nhìn tôi e sợ, chắc chắn rồi, họ tưởng sắp phải thấy đầu tôi bắt đầu quay như ma ám trên cổ tôi.

Thỉnh thoảng tôi nhớ lại rằng mình vẫn thường sống ở Roma và nhàn hạ ăn bánh ngọt, uống cappuccino và đọc báo vào các buổi sáng.

Điều đó dĩ nhiên là tuyệt rồi.

Dù giờ nó dường như đã xa vời.

Sáng nay, tôi ngủ quá giấc. Nghĩa là – tôi uể oải, tôi ngủ lơ mơ tới nỗi đến tận 4 giờ 15. Tôi tỉnh dậy chỉ vài phút trước khi Gurugita bắt đầu, miễn cưỡng động viên mình ra khỏi giường, phả ít nước lên mặt, thay đồ và – cảm thấy rất gắt gỏng, cáu kỉnh và phẫn uất – rời phòng trong cái tối đen như mực trước bình minh... mới biết là người cùng phòng đã rời phòng trước và khóa tôi bên trong.

Thật sự khó mà nghĩ cô ấy có thể làm vậy. Căn phòng không lớn lắm và khó mà không nhận thấy là người cùng phòng mình vẫn còn ngủ ở giường bên. Mà cô ấy thực sự là một phụ nữ thực tế, trách nhiệm – người mẹ của năm đứa con bên Úc. Đây không phải là cách của cô. Nhưng cô ấy đã làm thế. Cô ấy đúng là đã khóa tôi lại bên trong.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là: *nếu có một cái cớ tốt nào đấy để cáo không đến tụng Gurugita thì chính là nó đây*. Thế nhưng ý nghĩ thứ hai của tôi là gì? Ồ – đó thậm chí không phải là một ý nghĩ. Là một hành động.

Tôi nhảy qua cửa sổ.

Chính xác là, tôi bò ra ngoài qua cái rào chắn, nắm chặt nó bằng lòng bàn tay dầm mồ hôi rồi đu người ở đó từ tầng hai phủ bóng tối một lúc, chỉ đến khi ấy mới tự hỏi câu hỏi hợp lý, “Tại sao mình nhảy ra khỏi tòa nhà này?” Câu trả lời của tôi đến với một sự cương quyết lạnh lùng, mạnh mẽ. *Mình phải tới Gurugita*. Rồi tôi buông tay và rơi ngược qua có lẽ mười hai hay mười lăm feet xuyên bóng tối xuống vỉa hè bê tông phía dưới, đụng phải cái gì đó lúc ngã làm toạc một khoảng da dài ở ống quyển phải, nhưng tôi chẳng bận tâm. Tôi nhồm dầy và chạy chân không, mạch tôi rầm rập trong tai, chạy một hơi thẳng tới đèn, tìm chỗ ngồi, mở cuốn kinh cầu nguyện ra đúng lúc bài tụng bắt đầu – máu chảy dọc chân tôi suốt thời gian đó – tôi bắt đầu tụng Gurugita.

Phải sau một vài khổ thơ tôi mới lấy lại được hơi thở và có thể nghĩ những suy nghĩ tự nhiên, bình thường vào buổi sáng: *mình không muốn ở đây*. Sau đó tôi nghe thấy tiếng Swamiji phá lên cười trong đầu tôi, nói rằng: *Thật buồn cười – cô rõ ràng là hành động như người muốn ở đây*.

Và tôi đáp lời ông: *Vậy thì, được rồi. Ông thắng*.

Tôi ngồi đó, hát trong khi bị chảy máu và nghĩ rằng có lẽ đã đến lúc tôi phải thay đổi mối quan hệ với thực hành tâm linh đặc biệt này. Gurugita lẽ ra là bài tụng ca của tình yêu thuần khiết, nhưng cái gì đó đã chặn đứng không cho tôi chân thành dâng hiến tình yêu ấy. Nên trong khi hát từng câu thơ tôi nhận ra rằng mình cần tìm thấy cái gì đó – hay ai đó – để có thể hiến dâng bài tụng này, để tìm thấy một khoảng tình yêu thuần khiết trong tôi. Đến Câu thơ Hai mươi, tôi đã nghĩ ra được: *Nick*.

Nick, cháu tôi, là một cậu bé tám tuổi, gầy gò so với tuổi của nó, thông minh, sắc sảo đáng sợ, nhạy cảm và phức tạp. Thậm chí vài phút sau khi chào đời, giữa tất cả những bé sơ sinh khóc nhè trong phòng dành cho bé sơ sinh, chỉ có mình nó là không khóc, mà nhìn quanh bằng cặp mắt lo âu, từng trái của người lớn, nhìn như thể nó đã làm tất cả những điều này

trước đó quá nhiều lần rồi, và không chắc mình cảm thấy phấn khích ra sao thì phải làm lại lần nữa. Đây là một đứa trẻ mà cuộc đời sẽ không bao giờ là đơn giản, một đứa trẻ nghe và thấy và cảm nhận tất cả mọi thứ một cách mãnh liệt, một đứa trẻ đôi khi có thể chìm đắm trong cảm xúc nhanh đến nỗi nó làm chúng tôi lo lắng. Tôi yêu cậu bé bằng một tình cảm sâu đậm và bảo ọc. Khi tính toán khác biệt múi giờ giữa Ấn Độ và Pennsylvania, tôi nhận ra lúc này đã gần đến giờ ngủ của Nick ở nhà. Nên tôi hồi hướng Gurugita đến cháu Nick của mình, để dỗ nó ngủ. Đôi khi nó khó ngủ vì không thể lắng tĩnh tâm trí. Nên mỗi lời cầu nguyện của bài tụng ca này, tôi hồi hướng cho Nick. Tôi lấp đầy bài hát bằng tất cả những gì tôi ước mình có thể dạy cho cậu bé về cuộc đời. Với mỗi dòng tôi cố dỗ dành cháu rằng cuộc đời này đôi khi khó khăn và bất công ra sao, nhưng tất cả đều ổn thôi vì cháu rất được yêu thương. Cháu được những người sẽ làm bất cứ điều gì để ngoan và kiên nhẫn của riêng mình, còn được chôn sâu trong con người cháu, sẽ bộc lộ theo thời gian và sẽ luôn giúp cháu vượt qua mọi thử thách. Cháu là một món quà Thượng Đế dành cho tất cả chúng tôi. Tôi đã nói cho cháu sự thật ấy qua kinh Phạn cổ này đây, và chẳng mấy chốc tôi nhận ra mình đầm đìa nước mắt. Nhưng trước khi tôi có thể gạt sạch nước mắt thì Gurugita kết thúc. Một tiếng rưỡi đã hết. Tôi cảm thấy như mười phút trôi qua. Tôi nhận biết điều đã xảy ra – rằng Nicky đã giúp tôi vượt qua bài tụng. Sinh linh bé nhỏ tôi muốn giúp đã thực sự giúp tôi.

Tôi đến trước đèn và úp mặt lay tạ tổ lòng tri ân Thượng Đế, tri ân quyền năng biến cải mạnh mẽ của tình yêu thương, tri ân chính mình, Sư phụ mình và cháu mình – khi trong khoảnh khắc hiểu ra, trên bình diện phân tử (không phải bình diện trí tuệ) rằng không có sự khác biệt giữa bất kể thành phần nào trong những từ hay những ý niệm hay những con người này. Rồi tôi lướt vào động thiền, bỏ qua buổi điểm tâm để ngồi gần hai giờ, bận rộn với sự tĩnh lặng.

Khỏi phải nói, tôi không bao giờ bỏ lỡ Gurugita lần nữa, và nó đã trở thành thực hành thiêng liêng nhất của tôi ở Ashram. Tất nhiên Richard từ Texas làm mọi cách để chọc tôi về chuyện tôi nhảy ra khỏi khu nhà ngủ tập thể, anh không quên nói với tôi mỗi tối sau giờ ăn, “Gặp lại cô ở Bài Hát sáng mai, Hàng Tạp Hóa à. Mà này, lần này thì thử dùng cầu thang, được chứ?” Và, dĩ nhiên, tuần sau đó tôi đã gọi cho chị tôi và chị nói là – không ai hiểu được vì sao – bỗng dưng Nick không còn khó ngủ nữa. Và bỗng nhiên vài ngày sau khi đang ngồi trong thư viện đọc một cuốn sách về vị thánh Ấn Độ Sri Ramakrishna, tôi tình cờ đọc được câu chuyện về một người tầm đạo đã từng đến gặp một đại sư và thú nhận với ông rằng bà sợ mình là một tín đồ không đủ thành tâm, sợ rằng bà không đủ yêu thương Thượng Đế. Và vị thánh nói, “Có cái gì đó con yêu thương không?” Người đàn bà thú nhận bà yêu tha thiết đứa cháu nhỏ của mình hơn bất cứ thứ gì trên đời này. Vị thánh nói, “Vậy thì chính đó. Nó là Krishna của con, người yêu dấu của con. Khi phục vụ đứa cháu của con, con đang phục vụ Thượng Đế.”

Nhưng tất cả những việc này không theo thứ tự. Điều thật sự kinh ngạc đã xảy ra cùng ngày tôi nhảy khỏi tòa nhà. Chiều hôm đó, tôi chạy đến chỗ Delia, người cùng phòng mình. Tôi bảo cô rằng cô đã khóa trái tôi trong phòng chúng tôi. Cô ấy thất kinh. Cô nói, “Tôi không thể tưởng tượng được làm sao lại có thể làm chuyện ấy! Nhất là khi tôi đã nghĩ về cô suốt buổi sáng. Tối qua tôi có một giấc mơ sống động về cô. Tôi đã không thể không nghĩ về nó suốt ngày.”

“Kể cho tôi nghe đi,” tôi nói.

“Tôi mơ thấy cô bốc cháy,” Delia nói, “và cái giường cô cũng bốc cháy. Tôi nhào đến để giúp cô, nhưng khi tôi tới được đó, cô không còn gì ngoài tro tàn.”

Đó là lúc tôi quyết định mình cần ở lại chính Ashram này. Việc này quả là hoàn toàn không phải kế hoạch ban đầu của tôi. Kế hoạch ban đầu của tôi là chỉ ở đây trong sáu tuần, có một chút trải nghiệm trạng thái siêu việt, rồi tiếp tục rong ruổi khắp Ấn Độ... ừm... tìm kiếm Thượng Đế. Tôi đã có bản đồ, sách hướng dẫn, ủng đi bộ đường dài và mọi thứ! Tôi có những đền thờ và nhà thờ Hồi giáo, có những vị thánh nhân tôi chờ đợi được gặp. Tôi muốn nói rằng – đây là Ấn Độ! Có quá nhiều thứ để nhìn ngắm và trải nghiệm ở đây. Tôi có rất nhiều dặm đường phải vượt qua, nhiều đền thờ phải khám phá, voi và lạc đà phải cưỡi. Và tôi sẽ tan nát nếu bỏ lỡ sông Hằng, hoang mạc Rajasthan hùng vĩ, những rạp chiếu phim Mumbai quái gở, dãy Himalaya, những đồn điền trà già cỗi, những chiếc xe kéo Calcutta chạy đua với nhau như cảnh chiến xa trong phim *Ben Hur*. Và tôi thậm chí còn mong gặp Đạt Lai Lạt Ma vào tháng Ba, tận trên Daramsala. Tôi đã hy vọng *ngài* có thể giảng cho tôi về Thượng Đế.

Nhưng còn ở yên, bất di bất dịch tại một Ashram nhỏ trong một ngôi làng nhỏ xíu ở một nơi rất xa xôi hẻo lánh – không, đây không phải là kế hoạch của tôi.

Tuy nhiên, các thiền sư luôn nói rằng ta không thể thấy phản chiếu của mình trên dòng nước trôi chảy, mà chỉ trên mặt nước tĩnh lặng. Thế nên có cái gì đó bảo tôi, chạy trốn lúc này có lẽ là chệnh mảng về tâm linh, khi mà rất nhiều điều đã xảy ra ngay nơi ẩn dật nhỏ này, nơi mỗi phút giây trong ngày được sắp xếp để giúp sự tự khám phá và thực hành tín ngưỡng. Tôi có thật sự cần lên một lô những chuyến xe lửa và mắc phải những ký sinh trùng ruột và loanh quanh với mấy du khách ba lô ngay lúc này không? Tôi không thể làm việc đó về sau này? Tôi không thể gặp Đạt Lai Lạt Ma vào lúc nào khác sao? Đạt Lai Lạt Ma không luôn ở đó sao? (Và, nếu ông ấy chết, lạy trời đừng có chuyện đó, họ sẽ không kiếm ra một người khác sao?) Không phải tôi đã có tấm hộ chiếu giống như một quý bà xăm mình trong rạp chiếu rồi sao? Chu du thêm nữa có thật sự sẽ đưa tôi đến gần sự mạc khải với linh thiêng hơn không?

Tôi không biết phải làm sao. Tôi bỏ cả ngày chao chọi với quyết định. Như thường lệ, Richard từ Texas là người có tiếng nói dứt khoát.

“Ở yên đi, Hàng Tạp Hóa,” anh nói. “Quên chuyện tham quan đi – cô có cả đời còn lại để làm chuyện đó. Cô đang ở trên một hành trình tâm linh, cưng à. Đừng trốn tránh trách nhiệm và chỉ đi nửa đường đến khả năng của mình. Cô có được lời mời cá nhân từ Thượng Đế ở đây – cô thật sự sẽ từ chối nó sao?”

“Nhưng còn tất cả những thứ đẹp để phải nhìn thấy ở Ấn Độ thì sao?” tôi hỏi. “Không phải là có phần đáng tiếc khi đi nửa vòng trái đất chỉ để ở lại suốt cả thời gian trong một Ashram nhỏ bé sao?”

“Hàng Tạp Hóa, cưng à, nghe anh bạn Richard của mình đi. Cô hãy đi mà đặt cái bàn tọa trắng như hoa huệ tây của mình ở cái động thiền ấy mỗi ngày trong ba tháng tới và tôi hứa với cô điều này – cô sẽ bắt đầu thấy cái gì đó đẹp rùng rợn đến nỗi cô sẽ ném đá vào Taj Mahal.”

Đây là cái tôi bất chợt thấy mình nghĩ khi thiền sáng nay.

Tôi đã tự hỏi mình nên ở đâu khi năm du hành này kết thúc. Tôi không muốn trở về New York chỉ vì phản xạ. Thay vì vậy, có lẽ một thành phố mới. Austin chắc là dễ thương. Còn Chicago có tất cả những kiến trúc đẹp. Dù vậy, mùa đông ở đó thật đáng sợ. Hay có lẽ tôi sẽ sống ở nước ngoài. Tôi đã nghe được những điều hay ho và Sydney... Nếu tôi sống đâu đó ít đất đỏ hơn New York, có lẽ tôi có thể lo liệu được thêm một phòng ngủ và rồi tôi có thể có một phòng thiền đặc biệt! Điều đấy sẽ rất tuyệt. Tôi có thể sơn nó màu vàng rờn. Hay có lẽ một màu xanh da trời đậm. Không, vàng. Mà không, xanh dương...

Cuối cùng khi nhận thấy dòng tư tưởng này, tôi thất kinh. Tôi tự nhủ: *Giờ mi đang ở Ấn Độ, trong một Ashram ở một trong những điểm hành hương thiêng liêng nhất trên thế giới. Và thay vì tương thông với thần thánh, mi chỉ cố lập kế hoạch xem mi sẽ thiền ở đâu một năm nữa trong một căn nhà vẫn còn chưa tồn tại trong một thành phố còn chưa được xác định nữa. Còn chuyện này thì sao, kẻ ngu dốt khó coi – mi cố gắng thiền ngay đây, ngay lúc này, ngay nơi mi thực sự đang hiện diện thì sao?*

Tôi lờ đi sự chú ý trở về việc thăm lặp lại câu chú.

Vài phút sau, tôi ngừng để rút lại nhận xét bần tiện đã gọi mình là kẻ ngu dốt khó coi. Tôi thấy có lẽ nó không dễ thương lắm.

Nhưng mà, giây phút kế tiếp tôi lại nghĩ, một phòng thiền màu vàng rờn có lẽ sẽ đẹp.

Tôi mở mắt và thở dài. Phải chăng đây là điều tốt nhất mình có thể làm?

Vậy nên, chiều hôm đó, tôi thử một cái gì đó mới. Gần đây, tôi gặp một phụ nữ ở Ashram đang học thiền Vipassana. Vipassana là một kỹ thuật thiền Phật giáo cực kỳ chính thống, tối giản và rất thâm sâu. Về căn bản, Vipassana chỉ là *ngồi*. Một đợt Vipassana dẫn nhập kéo dài mười ngày, trong thời gian đó ta ngồi mười giờ liền mỗi ngày trong những khoảng im lặng kéo dài hai đến ba giờ mỗi lần. Nó là phiên bản Thể thao Cảm giác mạnh cực độ của siêu nghiệm. Thầy dạy Vipassana của ta thậm chí sẽ không cho ta một câu chú; điều này được xem là một kiểu đánh lừa. Thiền Vipassana là thực hành quán sát thuần túy, chứng kiến tâm trí và xem xét trọn vẹn những khuôn mẫu tư tưởng của ta, nhưng không để ý bất kỳ điều gì dòi ta ra khỏi chỗ ngồi của mình.

Nó cũng làm thể chất ta kiệt sức. Ta hoàn toàn không được cử động cơ thể một khi đã ngồi, bất kể ta có không thoải mái nghiêm trọng ra sao. Ta chỉ ngồi đó và tự nhủ, “Chẳng có lý do gì để ta phải cử động trong hai giờ đồng hồ tới cả.” Nếu ta cảm thấy bất tiện thì ta phải quán sát về sự bất tiện đó, xem xét ảnh hưởng của đau đớn thể xác đó có đối với ta. Trong đời sống thực tế của mình, chúng ta liên tục nhảy lò cò loanh quanh để điều chỉnh mình quanh những bất tiện – thể chất, cảm xúc và tâm lý – để tránh hiện thực đau buồn và phiền toái. Thiền Vipassana dạy rằng đau buồn và phiền toái là không thể tránh khỏi trong cuộc đời này, nhưng nếu ta có thể gieo trồng trong ta sự tĩnh lặng đủ lâu dài, cuối cùng ta sẽ cảm nhận được chân lý rằng tất cả mọi điều (cả bất tiện và dễ chịu) cuối cùng rồi cũng qua.

“Thế gian phải chịu bệnh, tử, do vậy kẻ khôn ngoan sẽ không buồn phiền, khi đã hiểu những quy luật của thế gian,” một giáo huấn Phật giáo cổ đã nói. Nói cách khác: Hãy tập quen với nó.

Tôi không nghĩ Vipassana nhất thiết là con đường dành cho mình. Nó quá sức khắc khổ cho những quan niệm thực hành tín ngưỡng của tôi vẫn thường xoay quanh cảm thông và thương yêu, phù hoa và tuyệt phúc, và một Thượng Đế thân thiện (mà bạn Darcey của tôi gọi là “Thần học Tiệc tùng Ngủ ngon”). Vipassana thậm chí không đề cập đến “Thượng Đế”, vì một số Phật tử xem ý niệm về Thượng Đế là đối tượng lệ thuộc cuối cùng, vật che chở sơ xác sau chót, thứ cuối cùng phải quăng trên con đường đến xả bỏ tuyệt đối. Giờ thì, tôi có những vấn đề cá nhân với chính từ xả bỏ, sau khi gặp những người tầm đạo dường như đã sống trong một trạng thái mất liên lạc cảm xúc hoàn toàn với những con người còn lại và là những người, khi họ nói về cuộc theo đuổi sự xả bỏ thiêng liêng, khiến tôi muốn lay họ và la lên, “Anh bạn, đó là thứ anh *không* nên thực hành!”

Tuy nhiên, tôi có thể thấy khi nào thì tu tập một biện pháp từ bỏ thông minh trong đời ta có thể là một công cụ quý giá cho sự thanh thản. Và sau khi đọc về thiền Vipassana trong thư viện một chiều nọ, tôi bắt đầu nghĩ về mất bao nhiêu thời gian trong đời để giã giũa như một con cá lớn đang thoi thóp, để hoặc chuồn khỏi nỗi đau không dễ chịu nào đó hoặc chắt vớt một cách thêm khát tiến tới những thú vui. Và tôi tự hỏi nếu mình có thể biết cách an tĩnh và nhẫn nhục thêm chút nữa để không bị kéo lê hoài trên con đường ổ gà của các tình huống, thì điều đó có thể giúp ích cho tôi (và cho những người trĩu nặng với nhiệm vụ yêu thương tôi) không.

Tất cả những câu hỏi này trở lại với tôi tối nay, khi tôi đã tìm thấy một ghế dài yên tĩnh tại một trong những khu vườn của Ashram và quyết định ngồi thiền một giờ - thiền cả câu chú - chỉ quán sát thuần túy. Để xem cái gì sẽ đến. Không may là, tôi đã quên chuyện cái gì “đến” lúc hoàng hôn ở Ấn Độ: muỗi. Vừa ngồi xuống trên chiếc ghế dài đó trong hoàng hôn đẹp đẽ, tôi có thể nghe thấy muỗi sà tới, lướt trên mặt tôi và đập xuống - một cuộc tấn công tập thể - trên đầu tôi, mắt cá, cánh tay. Và rồi những phát châm chích nhỏ đau điếng của chúng. Tôi không thích chuyện này. Tôi tự nhủ, “Giờ là thời gian trong ngày không thích hợp để thực hành thiền Vipassana.”

Thế nhưng - khi nào là lúc thích hợp của ngày, của đời, để ngồi trong tĩnh lặng của sự xả bỏ? Khi nào *không* có gì lao xao xung quanh, cổ xao lãng ta và làm ta phát khùng lên? Nên tôi có một quyết định (lần nữa lại nhờ hướng dẫn của Sư phụ rằng chúng ta phải là những nhà khoa học của trải nghiệm nội tâm riêng ta). Một thí nghiệm nảy ra trong óc tôi - *nếu mình trụ lại đến cùng việc này một lần thì sao?* Thay vì đập và chụp, nếu mình chịu đựng sự bất tiện này, chỉ một giờ trong cả cuộc đời dài của mình thì sao?

Vậy nên tôi đã làm thế. Trong tĩnh lặng, tôi quan sát mình bị muỗi làm thít. Thành thật mà nói, một phần trong tôi đang tự hỏi cái thí nghiệm đại trượng phu nhỏ nhút này muốn chứng minh điều gì, nhưng phần khác trong tôi biết rất rõ - đó là cố gắng tự điều ngự của người mới bắt đầu. Nếu tôi có thể chịu đựng được khó chịu thể chất vô hạn này, vậy rồi đây tôi có thể chịu đựng được những khó chịu nào khác? Những khó chịu trong cảm xúc đối với tôi còn khó chịu hơn thì sao? Còn ghen tị, giận dữ, sợ hãi, thất vọng, cô đơn, xấu hổ, nhàm chán thì sao?

Thoạt đầu cái ngứa làm khủng khiếp nhưng cuối cùng nó chỉ lẫn vào trong một cảm giác nóng ran thông thường và tôi đuổi cái nóng đó vào một trạng thái ngây ngất dịu dàng. Tôi để cảm giác đau đánh mất những liên hệ cụ thể của nó và trở thành một cảm giác thuần túy – không tốt không xấu, chỉ mãnh liệt – cảm giác sự mãnh liệt đó đưa tôi ra khỏi chính mình và vào trạng thái thiền định. Tôi ngồi đó trong hai giờ. Một con chim cũng có thể đã đậu trên đầu tôi rồi lắm; mà tôi không nhận thấy.

Cho phép tôi nói rõ một điều. Tôi công nhận rằng thí nghiệm này không phải là hành vi ngoan cường chịu đựng khắc kỷ nhất trong lịch sử nhân loại, và tôi không đòi hỏi một Huân chương Danh dự Quốc hội ở đây. Nhưng có cái gì đó khích động nhẹ nhàng khi nhận ra rằng trong ba mươi tư năm sống trên đời tôi *chưa hề* không đập một con muỗi khi nó chích tôi. Tôi đã là một con rối đối với chuyện này và với hàng triệu dấu hiệu đau đớn hay lạc thú nhỏ và lớn khác suốt đời mình. Mỗi khi điều gì đó xảy ra, tôi luôn phản ứng. Nhưng giờ thì tôi đang như thế - mặc kệ phản xạ. Tôi đang làm cái gì đó tôi chưa từng làm trước đây. Một điều nhỏ thôi, cứ cho là thế, nhưng tôi có thể nói vậy thường xuyên không? Và điều gì tôi có thể làm ngày mai mà chưa hề làm ngày hôm nay?

Khi tất cả đã xong, tôi đứng dậy, bước về phòng mình và đánh giá tổn thất. Tôi đếm được khoảng hai mươi vết muỗi đốt. Nhưng trong vòng nửa giờ, tất cả những vết chích đã nhỏ lại. Tất cả đã biến mất. Cuối cùng, mọi thứ đã biến mất.

Kiểm tìm Thượng Đế là một sự đảo ngược của trật tự trần thế hàng ngày, bình thường. Khi tìm kiếm Thượng Đế, ta quay lưng lại với cái lôi cuốn ta và rơi đến cái khó khăn. Ta từ bỏ những thói quen tiện nghi và thân thuộc của mình với hy vọng (chỉ là hy vọng!) cái gì đó lớn lao hơn sẽ dâng cho ta đáp lại cái ta từ bỏ. Mọi tôn giáo trên thế giới đều vận hành trên cùng những hiểu biết chung về thế nào là kỷ luật tốt – dậy sớm và cầu nguyện Thượng Đế, mài giũa đức hạnh ta, là một hàng xóm tốt, tôn trọng mình và người, chế ngự những thèm muốn của ta. Tất cả chúng ta đều đồng ý là ngủ nướng thì dễ dàng hơn, và nhiều người chúng ta làm vậy, nhưng suốt nhiều thiên niên kỷ đã có những người khác thay vì vậy lại chọn dậy sớm trước khi mặt trời lên, rửa mặt và đi cầu nguyện. Và rồi cố gắng mãnh liệt bám chặt vào những xác tín tâm linh của mình qua suốt tình trạng điên rồ của một ngày mới.

Những tín đồ của thế giới này thực hiện những nghi thức của mình mà không có bảo đảm từ đó có điều gì đấy tốt đẹp sẽ đến. Tất nhiên có nhiều kinh điển và nhiều thầy tu hứa hẹn điều tốt ta làm sẽ đem lại điều gì (hay đe dọa những trừng phạt chờ ta nếu ta sa ngã), nhưng ngay cả tin vào những điều này cũng là một hành động của đức tin, vì không ai trong chúng ta thấy được kết cục. Lòng sùng tín là siêng năng vô điều kiện. Đức tin là một cách nói, “Vâng, tôi chấp nhận trước những điều khoản của vũ trụ bao gồm trước cả điều hiện nay tôi vẫn chưa thể hiểu.” Có một lý do tại sao chúng ta nói là “biến đổi đức tin” – vì quyết định ưng thuận bất kỳ ý niệm thần thánh nào là một cú nhảy phi thường từ lý trí sang cái bất khả tri, và tôi không quan tâm các học giả của mọi tôn giáo sẽ mẫn cán cố thuyết phục ta ngồi xuống với những chồng sách của họ, chứng minh cho ta qua kinh văn rằng đức tin của họ quả thật là hữu lý ra sao; nó không thể. Nếu đức tin là lý trí, nó sẽ - theo định nghĩa - không thể là đức tin. Đức tin là tin vào cái ta không thể thấy hay chứng minh hay sờ chạm được. Đức tin là bước ngừng mặt và hết tốc độ vào bóng tối. Nếu chúng ta thật sự biết trước tất cả mọi câu trả lời về ý nghĩa của cuộc đời và bản chất của Thượng Đế cùng định mệnh của linh hồn chúng ta, niềm tin của chúng ta sẽ không thể là một biến đổi đức tin và nó không thể là một hành động can đảm của nhân loại; nó sẽ chỉ là... một hợp đồng bảo hiểm thận trọng.

Tôi không hứng thú với ngành bảo hiểm. Tôi chán phải hoài nghi, tôi bức bối vì thận trọng tâm linh và tôi cảm thấy nhột nhẽ khô khan với những tranh luận kinh nghiệm. Tôi không muốn nghe thấy điều đó nữa. Tôi cũng không thể ít bận tâm hơn được nữa về chứng cứ và bằng chứng, cam đoan. Tôi chỉ muốn Thượng Đế chơi đùa trong dòng máu tôi như ánh nắng nô đùa trên mặt nước.

Những lời cầu nguyện của tôi đã trở nên có cân nhắc và cụ thể hơn. Tôi chợt nghĩ là sẽ chẳng ích lợi gì nhiều khi gửi những cầu nguyện lười biếng vào vũ trụ. Mỗi sáng trước khi thiền, tôi quỳ gối trong đền thờ và trò chuyện vài phút trước Thượng Đế. Trong thời gian đầu ở Ashram này tôi đã nhận ra là mình thường ngu ngốc trong các cuộc chuyện trò thiêng liêng. Một mỗi, bối rối và chán chường, những lời cầu nguyện của tôi cũng có vẻ như vậy. Tôi nhớ một buổi sáng đã quỳ xuống, dập trán dưới sàn và thầm thì với đấng sáng tạo của mình, “Ôi chao, tôi không biết mình cần gì... nhưng ngài hẳn là có vài ý tưởng nào đó... vậy nên hãy làm gì đấy đi, xin ngài?”

Tương tự cái cách đôi khi tôi nói với thợ làm tóc của mình.

Và, tôi xin lỗi, nhưng điều đó có đôi chút không đâu vào đâu. Bạn có thể hình dung Thượng Đế đang tròn tròn mắt nhìn người cầu nguyện đó, rồi gửi lại thông điệp này, “Gọi lại cho ta khi nào mi đã trở nên nghiêm túc về chuyện này.”

Dĩ nhiên Thượng Đế đã biết tôi cần gì. Vấn đề là – *tôi có biết không?* Sụp dưới chân Thượng Đế trong tuyệt vọng bất lực là hoàn toàn được và tốt – có trời chứng giám, bản thân tôi đã làm điều đó nhiều lần rồi – nhưng cuối cùng ta có thể đạt được nhiều trải nghiệm hơn nếu ta hành động có mục đích. Ở Ý thuở xưa có một chuyện cười rất hay về một người đàn ông nghèo khổ đi lễ mỗi ngày và cầu nguyện trước tượng của một bậc đại thánh, nài nỉ, “Lạy Đấng Chí Tôn – làm ơn, làm ơn, làm ơn... phù hộ cho con trúng số.” Lời van vỉ này diễn ra hàng tháng trời. Cuối cùng bức tượng cúi tiết hiện hình, nhìn xuống người đàn ông van xin và nói với sự chán ghét một mỗi, “Chàng trai – làm ơn, làm ơn, làm ơn... *mua một cái vé số.*”

Cầu nguyện là một mối liên hệ; một nửa công việc đó là của tôi. Nếu tôi muốn sự biến đổi, mà thậm chí không buồn nêu rõ chính xác tôi muốn điều gì, thì làm sao nó có thể xảy ra? Một nửa ích lợi của cầu nguyện nằm trong chính việc hỏi, trong việc nêu ra rõ ràng và có cân nhắc một mục đích. Không có điều đó, tất cả những cầu xin và mong muốn của ta đều là không xương, mềm, trơn; chúng cuộn dưới chân ta thành đám sương mù lạnh và không bao giờ tan. Vậy nên sáng nay tôi dành thời gian tìm kiếm ở chính mình cụ thể cái tôi thật sự mong cầu. Tôi quỳ ở đó, trong đền, úp mặt xuống nền đá cẩm thạch ạnh cho đến khi nào tôi hình thành được một lời cầu nguyện đích thực. Nếu tôi không cảm thấy mình thành tâm, tôi sẽ ở đó trên sàn, cho đến khi tôi cảm thấy mình thành tâm. Điều đúng cho ngày hôm qua không phải luôn đúng cho ngày hôm nay. Những lời cầu nguyện có thể trở nên cũ rích và đều đều đến nhàm chán, thậm chí sáo rỗng nếu ta để sự chuyên chú của mình tù đọng. Khi cố gắng giữ mình tỉnh giấc, tôi đang đảm nhận trách nhiệm canh giữ cru mang linh hồn của chính mình.

Định mệnh, tôi nghĩ, cũng là một mối liên hệ - một trò chơi giữa ân sủng thiêng liêng và sự tự lực đầy quyết tâm. Một nửa của nó ta không thể kiểm soát được; một nửa của nó thì tuyệt đối trong tay ta, và hành động của ta sẽ cho thấy những hệ quả đo lường được. Con người không hoàn toàn là con rối của thần thánh, cũng không hoàn toàn là thuyền trưởng của định mệnh mình; anh ta là một chút của cả hai. Chúng ta phi nước đại qua đời sống

mình như những người trình diễn xiếc đứng thẳng bằng trên hai con ngựa đang phóng cạnh nhau – một chân trên một con ngựa “số phận”, còn chân kia trên con ngựa “tự do ý chí”. Và câu hỏi ta phải hỏi mỗi ngày là – con ngựa nào là số phận và con ngựa nào là tự do ý chí? Ta cần phải thôi lo lắng về con ngựa nào vì nó không dưới sự kiểm soát của ta, và con ngựa nào ta cần hướng dẫn với nỗ lực tập trung?

Có quá nhiều điều về số phận tôi mà tôi không thể kiểm soát, nhưng những điều khác thì trong quyền hạn của tôi. Có vài cái vé số tôi có thể mua, nhờ vậy cơ hội tìm thấy sự toại nguyện tăng lên. Tôi có thể quyết định sử dụng thời gian của mình ra sao, tôi kết bạn với ai, tôi chia sẻ thân thể và cuộc đời, tiền bạc và sức lực với ai. Tôi có thể chọn cái mình ăn, đọc và học. Tôi có thể chọn cách mình nhìn nhận những tình huống không may trong đời mình như thế nào – tôi sẽ xem chúng như những tai ương hay những cơ hội (và những khi tôi không thể vươn đến được những quan điểm lạc quan nhất, vì thật quá quý, tôi quá cảm thấy thương thân phận mình, tôi có thể quyết định cứ cố gắng thay đổi cách nhìn của bản thân). Tôi có thể chọn những lời lẽ và giọng điệu mình nói với người khác. Và trên hết, tôi có thể chọn những ý nghĩ của mình.

Quan niệm cuối cùng này là một ý tưởng mới hoàn toàn đối với tôi. Gần đây Richard từ Texas đã giúp tôi chú ý đến nó, khi tôi đang phàn nàn mình không thể thôi nghiện ngập. Anh nói, “Hàng Tạp Hóa à, cô cần biết cách chọn lọc những ý nghĩ của mình cũng như cô chọn áo quần nào cô sẽ mặc mỗi ngày. Đây là một năng lực cô có thể tu tập. Nếu cô quá muốn kiểm soát mọi việc trong đời mình, hãy làm thế với tâm trí mình. Đó là thứ duy nhất cô nên cố kiểm soát. Hãy buông hết tất cả mọi thứ khác trừ nó. Vì nếu cô không thể học cách làm chủ suy nghĩ của mình, cô sẽ lún sâu trong những rắc rối mãi mãi.”

Thoạt nhìn, việc ấy có vẻ gần như một nhiệm vụ bất khả. Kiểm soát *ý nghĩ* của ta ư? Thay vì ngược lại? Nhưng hãy hình dung nếu ta có thể? Đây không phải là vấn đề kiểm chế ha phủ nhận. Kiểm chế và phủ nhận dựng nên những trò chơi tinh vi để giả vờ rằng những ý nghĩ và cảm nhận tiêu cực đang không diễn ra. Điều Richard nói là trái lại, thừa nhận sự tồn tại của những ý nghĩ tiêu cực, hiểu được chúng từ đâu và tại sao chúng đến, và rồi – với sự tha thứ và ngoan cường – giải tán chúng. Đây là một thực hành khớp với bất kỳ luyện tập tâm lý nào ta làm trong trị liệu. Ta có thể dùng văn phòng bác sĩ tâm thần, đầu tiên để hiểu tại sao ta có những ý nghĩ có tính phá hoại này; ta có thể dùng các luyện tập tinh thần để giúp ta vượt qua chúng. Tất nhiên, buông chúng ra là một hy sinh. Đó là mất đi các thói quen cũ, những đồ kỷ lâu đời dễ dàng và những hình ảnh thân thuộc. Tất nhiên toàn bộ việc này đòi hỏi thực hành và nỗ lực. Nó không phải là giáo huấn ta có thể nghe một lần và rồi hy vọng tinh thông ngay tức thì được. Đó phải là tỉnh giác liên tục và tôi muốn làm điều này. Tôi phải làm điều này, vì sức mạnh của mình. Điều này trong tiếng Ý là *Devo farmi le ossa*. “Tôi phải cố gắng hết sức để thích nghi.”

Vậy nên tôi đã bắt đầu tỉnh giác quan sát những ý nghĩ của mình suốt ngày, và giám sát chúng. Tôi lặp lại lời thề này 700 lần mỗi ngày, “*Mình sẽ không chứa chấp những ý nghĩ không lành mạnh nữa.*” Mỗi khi một ý nghĩ thấp kém nổi lên, tôi lặp lại lời thề. Mình sẽ không chứa chấp những ý nghĩ không lành mạnh nữa. Lần đầu tiên nghe thấy chính mình nói điều này, đôi tai bên trong tôi chổng lên ở từ “chứa chấp”^[35], là một danh từ và cũng là một động từ. Một bến cảng, dĩ nhiên, là một nơi ẩn náu, một cảng nhập hàng. Tôi hình dung bến cảng tâm thức tôi – có chút hư hại, có lẽ, một chút tả tơi vì bão tố, nhưng nằm ở vị trí tốt

và có một độ sâu tuyệt vời. Bến cảng tâm thức tôi là một vịnh thông thương, lối vào duy nhất đến đảo Bản Ngã của tôi (là một đảo núi lửa và còn trẻ, đúng, nhưng màu mỡ và hứa hẹn). Đảo này đã từng trải qua một vài cuộc chiến, điều này thì đúng, nhưng giờ nó đã cam kết sẽ hòa bình, dưới quyền một người lãnh đạo mới (tôi), người đã lập ra các chính sách mới để bảo vệ nơi này. Và giờ - hãy để những lời này vươn xa khắp bảy đại dương - trong sách có những luật lệ chặt chẽ hơn rất, rất nhiều quy định ai có thể vào bến cảng này.

Các người không được đến đây nữa với những ý nghĩ khắc nghiệt và dối trá, với những con tàu tư tưởng mang theo dịch bệnh, những con tàu tư tưởng nô lệ, những tàu chiến tư tưởng của các người - tất cả những thứ này sẽ bị từ chối. Cũng vậy, đem theo bất kỳ con tàu nào chở đầy tư tưởng của kẻ lưu vong giận dữ hoặc đói khát, kẻ bất mãn và những người viết sách tuyên truyền vì mục đích chính trị, kẻ khởi loạn và đám sát thủ bạo tàn, gái bán thân liều lĩnh, bọn ma cô và những kẻ đi tàu lậu vé nổi loạn - các người cũng sẽ không được đến đây. Những ý nghĩ ăn thịt đồng loại, đương nhiên, sẽ không được đón nhận nữa. Ngay cả những nhà truyền giáo cũng sẽ được kiểm tra kỹ càng xem họ có thực sự thành tâm. Đây là một bến cảng bình yên, lối vào một hòn đảo tốt đẹp và tự hào mà chỉ giờ đây mới bắt đầu vun trồng thanh thản. Nếu các người có thể tuân theo những luật lệ mới này, những ý nghĩ thân mến của ta, thì các người được đón chào đến tâm trí ta - nếu không, ta sẽ trả tất cả các người về biển cả nơi từ đó các người đã đến.

Đó là sứ mệnh của tôi, và nó sẽ không bao giờ kết thúc.

Tôi kết bạn thân thiết với một cô gái Ấn mười bảy tuổi tên là Tulsi. Cô bé cùng tôi lau chùi sàn đền thờ mỗi ngày. Mỗi tối chúng tôi cùng đi dạo khắp các khu vườn của Ashram và nói về Thượng Đế và nhạc hip-hop, hai đề tài Tulsi sùng mộ ngang nhau. Tulsi gần như là một cô gái Ấn một sách nhỏ nhắn tinh khôn nhất tôi từng gặp, càng tinh khôn hơn vì một tròng “specs” của cô (như cô gọi kính mắt của mình) tuần trước bị vỡ thành ra một mạng nhện kiểng như biếm họa nhưng chẳng vì vậy mà cô thôi đeo nó. Tulsi là rất nhiều thứ thú vị và kỳ lạ với tôi cùng một lúc – một thiếu niên, một đứa con gái tinh nghịch như con trai, một cô gái Ấn, một người nổi loạn trong gia đình, một tâm hồn quá say mê Thượng Đế đến nỗi gần như cô phải lòng theo kiểu học trò với Ông Ấy. Cô cũng nói tiếng Anh du dương, thú vị - kiểu tiếng Anh ta chỉ có thể nghe ở Ấn Độ - bao gồm các từ thuộc địa như “splendid!” và “nonsense!” và đôi khi cô nói những câu hùng biện kiểng, “Đi bộ trên cỏ vào buổi sáng khi sương đã tích đầy là có ích vì nó làm giảm một cách tự nhiên và thú vị nhiệt độ cơ thể.” Một lần khi tôi bảo cô rằng tôi sắp đi Mumbai trong ngày, Tulsi nói, “Vui lòng đứng cẩn thận, vì cô sẽ thấy ở đó có nhiều xe buýt phóng vun vút khắp nơi.”

Cô bằng đúng nửa tuổi tôi, và thực tế thì bằng nửa kích thước tôi.

Gần đây trong những lần đi dạo Tulsi và tôi đã trò chuyện rất nhiều về hôn nhân. Cô ấy sắp sửa bước qua tuổi mười tám, và trong lứa tuổi này cô được xem là có một triển vọng hôn nhân hợp pháp. Chuyện sẽ xảy ra thế này – sau sinh nhật thứ mười tám của cô ấy, người ta sẽ yêu cầu cô dự các đám cưới gia đình, mặc một chiếc sari báo hiệu cô đã đến tuổi trưởng thành. Một số Amma (“Dì”) tử tế sẽ đến ngồi cạnh cô, bắt đầu hỏi và tìm hiểu cô: “Cô bao nhiêu tuổi? Gốc gác gia đình cô ra sao? Cha cô làm gì? Cô xin vào những đại học nào? Sở thích cô là gì? Cô sinh ngày nào?” Chuyện tiếp theo các bạn biết rồi, bố Tulsi sẽ nhận được một bì thư lớn trong thùng thư với tấm hình đứa cháu trai của người phụ nữ này đang học ngành điện toán ở Delhi, cùng với lá số tử vi và bằng cấp đại học của anh ta và câu hỏi không thể tránh khỏi, “Con gái ông có vui lòng cưới cháu tôi không?”

Tôi nói, “Khiếp.”

Nhưng với gia đình thì việc này rất quan trọng, để được thấy con cái họ lấy vợ lấy chồng thành công. Tulsi có một bà dì vừa mới cạo đầu như một cử chỉ cảm tạ Thượng Đế vì con gái lớn nhất của bà - ở tuổi hai mươi tám kỷ nguyên Jura – cuối cùng cũng đã lập gia đình. Và còn là một cô gái khó mà gả tổng đi; có rất nhiều công kích chống lại cô. Tôi hỏi Tulsi điều gì khiến một cô gái Ấn khó được gả đi, và cô nói có biết bao nhiêu là lý do.

“Nếu cô ấy có tử vi xấu. Nếu cô ấy quá già. Nếu da cô ấy quá đen. Nếu cô ấy quá học thức và ta không thể tìm thấy một người đàn ông có địa vị cao hơn cô, và đây là một vấn đề phổ biến hiện nay vì một phụ nữ không thể có học thức cao hơn chồng mình. Hay nếu cô ấy đã có một chuyện tình với ai đó mà cả cộng đồng đều biết, ồ, sẽ rất khó khăn để tìm một người chồng sau chuyện đó...”

Tôi nhanh chóng lướt qua danh sách, cố thử xem mình có vẻ đủ kiêu kiện kết hôn đến chừng nào trong xã hội Ấn Độ. Tôi không biết tử vi mình tốt hay xấu, nhưng nhất định tôi

quá già và quá học thức, và đạo đức tôi đã chứng tỏ công khai là rất nhiều tì vết... Tôi không phải là một triển vọng hấp dẫn lắm. Ít ra thì da tôi khá. Chỉ có mỗi điều này là có lợi cho tôi.

Tuần trước Tulsi phải đến đám cưới một người chị họ khác, và cô ấy nói (theo cách rất không Ấn Độ) cô ghét đám cưới vô cùng. Tất cả những trò múa may và chuyện tầm phào đó. Tất cả việc chưng diện đó. Cô thù ở Ashram lau sàn và thiền. Không ai trong gia đình cô có thể hiểu điều này; lòng mộ đạo của cô với Thượng Đế vượt quá xa bất kỳ điều gì họ cho là bình thường. Tulsi nói, “Trong gia đình em, họ đã chịu thua vì em quá khác biệt. Em đã nổi danh vì là người mà, nếu bảo em làm một điều, em gần như chắc chắn sẽ làm điều khác. Tính khí em cũng nóng nảy. Em không chuyên tâm học hành, ngoại trừ cái mà em giờ đây sẽ làm, vì giờ em sẽ đi học đại học và em có thể quyết định cho mình em hứng thú cái gì. Em muốn học tâm lý học, cũng như Sư phụ của chúng ta đã làm khi bà học đại học. Người ta cho em là một cô gái khó chịu. Em nổi tiếng là đứa phải nghe một lý do chính đáng để làm một điều gì thì mới làm. Mẹ em hiểu chuyện này ở em và luôn cố đưa ra những lý do chính đáng, nhưng bố thì không. Bố nêu lý do, nhưng em nghĩ không đủ chính đáng. Đôi khi em tự hỏi mình đang làm gì trong gia đình vì em chẳng giống họ chút nào.”

Chị họ Tulsi lập gia đình tuần trước chỉ mới hai mươi mốt tuổi, và chị của Tulsi là người tiếp theo trong danh sách hôn nhân ở tuổi hai mươi, nghĩa là sau đó sẽ có áp lực lớn buộc Tulsi phải tìm một đức ông chồng. Tôi hỏi cô có muốn lập gia đình không và cô nói:

“Khoooooooooooooông...”

... và từ đó vang xa hơn hoàng hôn chúng tôi đang ngắm từ khu vườn.

“Em muốn lang thang!” cô nói. “Như chị vậy.”

“Em biết không, Tulsi, chị không thể luôn luôn lang thang như vậy. Chị đã từng lập gia đình.”

Cô chau mày nhìn tôi qua cặp kính rạn của mình, xem xét tôi với một cái nhìn hơi giễu cợt, gần như thể tôi vừa bảo cô tôi đã từng là một người đàn bà da ngăm đen và cô đang cố hình dung ra điều đó. Cuối cùng, cô nói, “Chị lập gia đình rồi? Em không thể hình dung điều đó.”

“Nhưng thật đấy – chị đã từng có gia đình.”

“Có phải chị là người chấm dứt cuộc hôn nhân không?”

“Phải.”

Cô nói: “Em nghĩ việc chị chấm dứt cuộc hôn nhân của mình là điều đáng tuyên dương nhất. Giờ chị có vẻ hạnh phúc tuyệt vời. Nhưng về phần em – làm sao em lại đến đây? Tại sao em sinh ra là một cô gái Ấn? Điều đó thật quá đáng! Tại sao em bước vào gia đình này? Tại sao em phải dự quá nhiều đám cưới vậy?”

Rồi Tulsi vừa chạy vòng quanh nán chỉ vừa la lớn (rất to đối với các tiêu chuẩn của Ashram), “Tôi muốn sống ở Hawaii!!!”

Richard từ Texas cũng đã từng kết hôn. Anh có hai con trai, cả hai giờ đã thành đàn ông, cả hai đều gần gũi với bố. Đôi khi Richard nhắc đến vợ cũ trong vài câu chuyện vặt này khác, và dường như anh luôn nói về cô ấy với niềm yêu mến. Tôi có đôi chút ghen tị mỗi khi nghe thế, và hình dung Richard may mắn ra sao khi vẫn là bạn bè với vợ cũ, ngay cả sau khi chia tay. Đây là một tác dụng phụ kỳ cục từ vụ ly dị khủng khiếp của tôi; mỗi khi nghe chuyện những đôi vợ chồng chia tay một cách thân ái, tôi lại ghen tị. Còn tệ hơn thế - tôi dần dần thực sự nghĩ rằng thật lãng mạn khi một cuộc hôn nhân kết thúc một cách ôn hòa. Kiểu như, “Ôi... ngọt ngào làm sao... họ chắc hẳn đã thật sự yêu nhau...”

Nên một ngày nọ tôi hỏi Richard về chuyện này. Tôi nói, “Có vẻ như anh có những cảm tình triu mến dành cho vợ cũ. Cả hai người vẫn còn thân nhau chứ?”

“Không,” anh nói tự nhiên. “Cô ấy nghĩ tôi đã đổi tên thành Thăng Đều.”

Việc Richard không bận tâm đến điều ấy để lại một ấn tượng trong tôi. Tình cờ thế nào chồng cũ của tôi cũng nghĩ tôi đã đổi tên, và điều đó làm tin tôi tan nát. Một trong những điều nặng nề nhất về cuộc ly dị này là chồng cũ của tôi chưa bao giờ tha thứ việc tôi ra đi, rằng bất luận bao nhiêu giả xin lỗi hay giải thích tôi đặt dưới chân anh, bao nhiêu trách cứ tôi nhận lãnh, hay bao nhiêu tài sản hay hành động ăn năn tôi đã sẵn lòng dâng cho anh để đổi lại việc ra đi – anh chắc chắn không bao giờ chúc mừng tôi và nói, “Này, tôi rất ấn tượng vì sự rộng rãi và thành thật của cô và tôi chỉ muốn nói rằng tôi rất hân hạnh được ly dị với cô.” Không. Tôi không được đền bù. Và cái hốc tối đen không được đền bù này vẫn còn bên trong tôi. Ngay cả trong những phút giây hạnh phúc và phấn khích (nhất là những giây phút hạnh phúc và phấn khích) tôi cũng không thể quên được điều đó trong một chốc lát. *Mình vẫn bị anh ta thù ghét.* Và điều đó có vẻ như sẽ không bao giờ thay đổi, không bao giờ giải tỏa.

Một hôm tôi nói về tất cả những điều này với bạn bè tôi ở Ashram – thành viên mới nhất trong họ là một thợ ống nước từ New Zealand, một anh chàng tôi quen vì anh nghe nói tôi là nhà văn và anh tìm tôi để nói anh cũng là nhà văn. Anh là một nhà thơ vừa mới xuất bản cuốn hồi ký tuyệt vời ở New Zealand là *Một tiến bộ của thợ ống nước* về hành trình tinh thần của riêng anh. Người thợ ống nước/nhà thơ từ New Zealand, Richard từ Texas, người nông dân sản xuất bơ sữa Ireland, Tulsi thiếu nữ Ấn tình nghịch như con trai và Vivian, một phụ nữ lớn tuổi với mái tóc bạc lưa thưa và cặp mắt hóm hỉnh tinh anh (người đã từng là một nữ tu ở Nam Phi) – đó là nhóm bạn thân của tôi ở đây, một đám đông những tính cách sôi nổi nhất tôi chưa từng gặp có thể gặp tại một Ashram ở Ấn Độ.

Vậy là, một ngày trong giờ cơm trưa, tất cả chúng tôi có cuộc trò chuyện về hôn nhân này, và người thợ ống nước/nhà thơ từ New Zealand nói, “Tôi xem hôn nhân là cuộc phẫu thuật may hai người lại với nhau, và ly dị là một kiểu thủ thuật chia cắt có thể mất nhiều thời gian để bình phục. Đời sống hôn nhân càng lâu, hay thủ thuật chia cắt càng nặng nề, bình phục càng khó khăn hơn.”

Điều đó có thể giải thích các cảm giác sau ly dị, sau thủ thuật chia cắt của tôi đã phải trải vài năm nay, tôi vẫn cảm thấy cái chi ma quỷ đó đu đưa bên mình, liên tục hất hết đồ đạc ra khỏi các ngăn kệ.

Richard từ Texas thắc mắc tôi có định cho phép chồng cũ sai khiến tôi cả phần đời còn lại phải cảm thấy thế nào về chính mình không, và tôi nói thực sự, tôi không rõ lắm về điều đó – đến nay, chồng cũ tôi dường như vẫn có một lá phiếu khá mạnh, mà thành thật mà nói tôi vẫn nửa như đợi chờ người đàn ông đó tha thứ cho mình, để phóng thích tôi và cho phép tôi tiếp tục sống trong thanh thản.

Nhà nông sản xuất bơ sữa từ Ireland nhận xét, “Chờ đợi ngày đó đến thì đúng là không sử dụng thời gian của cô một cách lý trí.”

“Tôi có thể nói gì, mấy anh? Tôi xoay sở rất nhiều với tội lỗi. Gần như cách những phụ nữ khác xoay sở rất nhiều với màu be.”

Cựu nữ tu Thiên chúa giáo (người suy cho cùng thì hẳn là biết về tội lỗi) không chấp nhận ý kiến đó. “Tội lỗi chỉ là cách bản ngã cô lừa cho cô nghĩ rằng mình đang có những tiến bộ đạo đức. Đừng bị nó chơi xỏ, bạn thân mến.”

“Điều tôi ghét về cách cuộc hôn nhân của mình chấm dứt,” tôi nói, “là nó chẳng đâu vào đâu. Nó chỉ là một vết thương há miệng không bao giờ lành.”

“Tùy cô thôi,” Richard nói. “Nếu đó là điều cô quyết định nghĩ về nó, đừng để tôi làm hỏng buổi tiệc của cô.”

“Chuyện này phải chấm dứt vào một trong những ngày này,” tôi nói. “Tôi chỉ ước mình biết nó kết thúc ra sao.”

Hết giờ ăn trưa, người thợ ống nước/nhà thơ từ New Zealand đẩy cho tôi một mẫu giấy. Trong đó anh yêu cầu tôi gặp anh sau bữa tối; anh muốn cho tôi xem cái gì đó. Vậy là sau bữa ăn tối hôm đó tôi đến gặp anh gần các động thiền, anh bảo tôi theo anh, anh có một món quà cho tôi. Anh dẫn tôi đi qua Ashram, rồi dẫn tôi vào một tòa nhà tôi chưa từng đến trước đây, mở một cánh cửa và đưa tôi lên một cầu thang phía sau. Anh biết được chỗ này, tôi đoán, vì anh sửa tất cả các bộ điều hòa nhiệt độ, một số được lắp đặt trên đó. Ở tận cùng cầu thang có một cái cửa mà anh phải mở với một dây số; anh làm mau lẹ theo trí nhớ. Rồi chúng tôi ở trên một mái nhà lộng lẫy, lát bằng những mảnh gốm lấp lánh trong ánh hoàng hôn như đáy hồ phản chiếu. Anh dẫn tôi bằng qua mái nhà đó đến một tháp nhỏ, một tháp giáo đường Hồi giáo thật sự, và chỉ cho tôi một cầu thang hẹp khác, dẫn đến đỉnh chót vót của tháp. Anh chỉ về phía cái tháp và nói, “Giờ tôi sẽ để cô lại đây. Cô sẽ lên trên đó. Cứ ở trên đó cho đến khi xong xuôi.”

“Cho đến khi cái gì xong xuôi?” tôi hỏi.

Người thợ ống nước chỉ cười, trao tôi một cái đèn pin, “để đi xuống an toàn khi xong xuôi,” và còn đưa tôi một mẫu giấy gấp lại. Rồi anh bỏ đi.

Tôi trèo lên đỉnh tháp. Giờ tôi đang đứng ở nơi cao nhất của Ashram, với một tầm nhìn ra toàn cảnh thung lũng sông này ở Ấn Độ. Những ngọn núi và cánh đồng trải dài đến tận chân trời. Tôi có cảm giác đây không phải là một nơi thông thường các môn sinh được phép la cà,

nhưng trên này quả là đẹp đẽ. Có lẽ đây là nơi Sư phụ ngắm mặt trời lặn, khi bà ở lại đây. Và ngay lúc này mặt trời đang lặn. Ngọn gió ấm áp. Tôi mở mẫu giấy người thợ ống nước trao.

Anh ấy đã đánh máy:

CHỈ DẪN VỀ TỰ DO

1. *Những ẩn dụ của cuộc đời là chỉ dẫn về Thượng Đế.*
2. *Cô vừa mới trèo lên và đang ở trên mái nhà. Không có gì giữa cô và Vô Tận. Giờ thì, không nghĩ đến điều này nữa.*
3. *Ngày đang tàn. Đã đến lúc để cái gì đó đã đẹp biến thành cái gì khác cũng thật đẹp đẽ. Giờ thì, không nghĩ đến điều này nữa.*
4. *Ước muốn tìm một cách giải quyết của cô là một lời cầu nguyện. Hiện diện của cô nơi đây là lời đáp của Thượng Đế. Không nghĩ đến nữa và hãy nhìn những vì sao xuất hiện – ngoại giới và nội tâm.*
5. *Bằng cả trái tim mình, hãy cầu xin ân huệ, và không nghĩ đến nữa.*
6. *Bằng cả trái tim mình, hãy tha thứ cho anh ấy, THA THỨ CHÍNH MÌNH, và không nghĩ về anh ấy nữa.*
7. *Hãy để mục đích của cô là không khổ đau vô ích. Rồi thì, không nghĩ đến điều này nữa.*
8. *Hãy nhìn hơi nóng của ngày chuyển thành đêm lạnh. Không nghĩ đến nữa.*
9. *Khi nghiệp của một quan hệ đã xong, chỉ tình yêu còn lại. Nó an toàn. Không nghĩ đến nữa.*
10. *Khi cuối cùng quá khứ trong cô đã qua, không nghĩ đến nữa. Rồi hãy trèo xuống và bắt đầu quãng đời còn lại của mình. Vói niềm hân hoan lớn lao.*

Trong ít phút đầu, tôi không thể nhìn được cười. Tôi có thể nhìn khắp toàn thể thung lũng qua những tán cây xoài, và ngọn gió thổi tóc tôi phất phơ như một ngọn cỏ. Tôi ngắm mặt trời lặn, và rồi tôi nằm ngửa ngắm những vì sao mọc. Tôi hát một bài cầu nguyện nhỏ bằng tiếng Phạn, và lặp lại mỗi khi thấy một vì sao nữa lộ dạng trên nền trời thẫm dần, gần như tôi đang làm các vì sao hiện lên, nhưng rồi chúng bắt đầu vọt ra quá nhanh và tôi không thể theo kịp chúng. Chẳng mấy chốc cả bầu trời là một màn trình diễn hào nhoáng của các vì sao. Thứ duy nhất giữa tôi và Thượng Đế là... không có gì cả.

Rồi tôi nhắm mắt và nói, “Thượng Đế thân yêu, hãy chỉ cho tôi tất cả những gì tôi cần để hiểu về sự tha thứ và từ bỏ.”

Điều tôi đã muốn từ lâu là có một cuộc chuyện trò thật sự với chồng cũ của mình, nhưng rõ ràng chuyện này không bao giờ xảy ra. Điều tôi vẫn mong muốn là một giải pháp, một hội nghị thượng đỉnh hòa bình, từ đó chúng tôi có thể bước ra với một sự thấu hiểu hòa hợp về

những gì đã xảy ra trong hôn nhân của chúng tôi, và tha thứ cho nhau về sự tồi tệ trong vụ ly dị của chúng tôi. Nhưng nhiều tháng tư vấn và hòa giải chỉ làm chúng tôi thêm chia rẽ và khóa chặt chúng tôi trong vị trí của mình, biến chúng tôi thành hai người tuyệt đối không thể giải thoát cho người kia. Nhưng đó lại chính là cái cả hai chúng tôi cần, tôi chắc chắn điều ấy. Và tôi cũng chắc chắn điều này nữa – những người tắc siêu nghiêm khăng định là ta sẽ không tiến đến gần Thượng Đế dù chỉ một inch chừng nào còn vướng vào dù chỉ một chút cám dỗ được đổ lỗi cho người khác. Cũng như hút thuốc đối với phổi, niềm phẫn hận cũng vậy đối với tâm hồn; dù chỉ một hơi của nó cũng không tốt cho ta. Ý tôi là, loại cầu nguyện này là để hấp thụ lấy điều gì vậy – “Hôm nay hãy cho chúng con sự đổ kỵ hàng ngày của mình”? Chi bằng ta thôi đi và hôn già từ Thượng Đế nếu ta thật sự cần tiếp tục trách cứ ai khác vì những giới hạn đời sống của riêng mình. Vậy nên điều tôi hỏi Thượng Đế tối đó trên mái Ashram là – dựa trên thực tế là có lẽ tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với chồng cũ của mình nữa – có thể có một tầng bậc nào đó ở đấy chúng tôi có thể tương thông? Tầng bậc nào đó ở đấy chúng tôi có thể tha thứ?

Tôi nằm trên đó, cao bên trên thế gian, và tôi hoàn toàn một mình. Tôi rơi vào trạng thái thiền và đợi xem mình được dạy phải làm gì. Tôi không biết bao nhiêu phút hay giờ trôi qua trước khi mình biết phải làm gì. Tôi nhận ra mình đã suy nghĩ tất cả những điều này theo nghĩa đen. Tôi đã muốn trò chuyện với chồng cũ ư? Vậy thì cứ nói với anh ấy. Nói với anh ấy ngay lúc này. Tôi đã chờ đợi để được tha thứ ư? Vậy thì cứ tự mình dâng lời tha thứ. Ngay lúc này. Tôi nghĩ rằng bao nhiêu người đã về nơi an nghỉ mà chưa được tha thứ và không tha thứ. Tôi nghĩ nhiều người có anh chị em hay bạn bè, con cái hay người yêu biến mất khỏi đời họ trước khi được nghe những lời khoan dung quý giá hay xá tội. Những người sống sót từ những mối quan hệ đã kết thúc chịu đựng nỗi đau của một điều dở dang ra sao? Từ nơi thiền ấy, tôi đã tìm thấy câu trả lời – tự ta có thể chấm dứt việc này, từ bên trong ta. Nó không chỉ là có thể mà còn là thiết yếu.

Và rồi, tôi rất ngạc nhiên, vẫn còn trong thiền định, tôi làm một điều kỳ lạ. Tôi mời chồng cũ vui lòng tham gia với mình trên mái nhà này ở Ấn Độ. Tôi hỏi anh ấy có vui lòng gặp tôi ở trên đó cho sự kiện chia tay này không. Rồi tôi chờ đến khi tôi cảm thấy anh ấy đến. Và anh đã đến. Sự hiện diện của anh đột nhiên xác thực và hữu hình. Thực tế tôi có thể cảm thấy anh.

Tôi nói, “Chào, anh yêu.”

Lúc đó tôi chực khóc, nhưng nhanh chóng nhận ra mình không cần phải vậy. Nước mắt là một phần của sự sống thể xác, và nơi hai linh hồn này đang gặp nhau đêm đó ở Ấn Độ không liên quan gì đến thể xác. Hai con người cần nói chuyện với nhau ở trên mái nhà đó thậm chí o phải là người nữa. Thậm chí họ không trò chuyện. Thậm chí họ không trò chuyện. Thậm chí họ không phải là vợ chồng, không phải là một người vùng trung tâm Bắc nước Mỹ bú rống bình và một Yankee dễ xúc cảm, không phải một gã ở độ tuổi bốn mươi và một phụ nữ ở độ tuổi ba mươi, không phải hai con người hữu hạn đã tranh cãi hàng năm trời về tình dục và tiền bạc và đồ dùng trong nhà – chẳng có gì trong những thứ này là tương xứng. Vì mục đích của buổi gặp gỡ này, ở tầng mức tương giao này, họ chỉ là hai linh hồn xanh lạnh đã hiểu hết mọi điều. Không còn bị ràng buộc bởi thân xác mình, không còn bị ràng buộc bởi lịch sử quan hệ phức tạp trong quá khứ của mình nữa, họ đến với nhau trên mái nhà (thậm chí trên cả tôi nữa) trong sự sáng suốt vô tận. Vẫn tham thiền, tôi nhìn hai linh hồn xanh

lạnh này đi vòng quanh nhau, hợp nhất, lại tách ra và xem xét độ hoàn hảo cũng như tương đồng của nhau. Họ biết tất cả. Họ đã biết tất cả mọi điều rất lâu từ trước và họ sẽ luôn biết mọi thứ. Họ không cần phải tha thứ cho nhau; họ *sinh ra* đã tha thứ cho nhau.

Bài học họ đang dạy tôi trong vòng quay đẹp đẽ của mình là, “Hãy ở ngoài chuyện này, Liz. Phần của cô trong mối quan hệ này đã xong rồi. Từ đây trở đi hãy để *chúng tôi* giải quyết mọi điều. Cô cứ tiếp tục cuộc đời mình đi.”

Rất lâu sau đó tôi mở mắt và tôi biết đã *xong rồi*. Không chỉ hôn nhân của tôi và không chỉ ly dị của tôi, mà toàn bộ buồn đau rỗng tuếch ảm đạm dở dang của nó... đã xong rồi. Tôi có thể cảm thấy rằng mình đã tự do. Cho phép tôi nói rõ – không phải là tôi sẽ không bao giờ nghĩ về chồng cũ của mình nữa, hay không bao giờ có cảm xúc nào gắn liền với ký ức về anh ấy. Chỉ là cái nghi thức trên mái nhà này cuối cùng đã cho tôi một nơi để tôi có thể đón tiếp những ý nghĩ và cảm xúc mỗi khi chúng trỗi dậy sau này – và chúng sẽ luôn trỗi dậy. Nhưng khi chúng xuất hiện trở lại, tôi có thể chỉ cần gửi trả chúng về *đây*, về mái nhà ký ức này, trả lại cho hai linh hồn xanh lạnh đó chăm nom, những người đã và luôn luôn hiểu mọi điều.

Đây là mục đích của các nghi thức. Chúng ta như những con người thực hiện các nghi lễ tâm linh để tạo ra một nơi yên nghỉ an toàn cho những cảm giác hân hoan hay tổn thương phức tạp nhất của mình, để chúng ta không phải kéo lê những cảm giác đè nặng lên ta đó theo mình mãi mãi. Tất cả chúng ta đều cần những nghi thức làm nơi cất giữ an toàn như thế. Và tôi tin rằng nếu văn hóa hay truyền thống của ta không có nghi thức đặc biệt của chính mình, sửa chữa các hệ thống cảm xúc hỏng hóc của chính mình với tất cả tài tháo vát của một thợ ống nước/nhà thơ hào hiệp. Nếu ta thành tâm đứng mực trong nghi lễ tự tạo ấy, Thượng Đế sẽ ban ân sủng. Và đây là lý do chúng ta cần Thượng Đế.

Rồi tôi đứng dậy và trồng cây chuối trên mái nhà Sư phụ mình, để kỷ niệm ý tưởng giải phóng. Tôi cảm nhận được sàn gỗ bụi bặm dưới bàn tay tôi. Tôi cảm thấy sức mạnh và cân bằng của chính mình. Tôi cảm thấy ngọn gió nhẹ ban đêm thanh thản trên lòng bàn chân trần của mình. Loại việc này – tư thế trồng cây chuối ngẫu hứng – không phải là thứ gì đó một linh hồn xanh lạnh đã thoát ra ngoài thể xác có thể làm, mà chỉ một con người mới có thể làm. Chúng ta có hai tay; chúng ta có thể đứng trên hai tay nếu muốn thế. Đó là đặc ân của chúng ta. Đó là niềm vui của xác thân hữu hạn. Và đây là lý do Thượng Đế cần chúng ta. Vì Thượng Đế muốn cảm thấy mọi điều qua bàn tay chúng ta.

Hôm nay Richard từ Texas đi. Bay trở về Austin. Tôi cùng anh ra sân bay, cả hai chúng tôi đều buồn. Chúng tôi đứng trên vỉa hè một lúc lâu trước khi anh vào bên trong.

“Tôi sẽ làm gì khi không còn Liz Gilbert để bàn luận nữa?” Anh thở dài. Rồi anh nói, “Cô đã có một trải nghiệm tốt ở Ashram, phải không? Cô trông hoàn toàn khác so với vài tháng trước, như thể lẽ ra cô đã tổng cổ được một ít sầu muộn cô đã kéo lê theo mình đó.”

“Bây giờ tôi cảm thấy thật sự hạnh phúc, Richard.”

“Được, chỉ phải nhớ là – tất cả đau khổ của cô sẽ chờ cô ở cửa lúc cô đi ra, cẩn thận không lại nhặt nó lên lúc cô ra đi.”

“Tôi sẽ không nhặt nó nữa đâu.”

“Giỏi lắm cô gái.”

“Anh đã giúp tôi rất nhiều,” tôi nói với anh. “Tôi sẽ nghĩ về anh như một thiên thần với bàn tay lông lá và móng chân cáu bẩn.”

“Ờ, móng chân tôi chưa bao giờ thật sự hồi phục từ sau hồi ở Việt Nam, thật tội nghiệp.”

“Nó đã có thể tồi tệ hơn.”

“Nó *đã* tồi tệ hơn đối với rất nhiều anh chàng. Chỉ ít tôi còn có thể giữ được hai giờ của mình. Không, tôi có một hiện kiếp khá nhàn hạ, bồ à. Cô cũng vậy – đừng bao giờ quên điều đó. Kiếp sau cô có thể sẽ trở lại làm một trong những phụ nữ Ấn nghèo đập đá bên đường đó, và nhận ra cuộc đời chẳng mấy vui vẻ. Nên hãy đánh giá đúng cái mà giờ cô đang có, được chứ? Hãy tiếp tục vun trồng lòng biết ơn. Cô sẽ sống lâu hơn. Còn nữa, Hàng Tạp Hóa à! Cô giúp tôi chuyện này chứ? Tiến lên với cuộc đời mình, được chứ?”

“Tôi sẽ.”

“Điều tôi muốn nói là – một ngày nào đó tìm thấy một người nào đó để yêu. Cứ dành thời gian cho mình để hàn gắn, nhưng đừng quên cuối cùng phải chia sẻ trái tim với ai đó. Đừng biến đời cô thành một tượng đài tưởng niệm cho David hay chồng cũ của cô.”

“Tôi sẽ không làm vậy,” tôi nói. Và đột nhiên tôi hiểu điều đó đúng – tôi sẽ *không* làm vậy. Tôi có thể cảm thấy tất cả nỗi đau cũ kỹ về tình yêu đã biến mất và những sai lầm quá khứ nhẹ dần trong mắt tôi, cuối cùng thu nhỏ dần nhờ khả năng hàn gắn nổi tiếng của thời gian, kiên nhẫn và ân huệ của Thượng Đế.

Và rồi Richard lại nói, nhanh chóng dồn những ý nghĩ của tôi trở về những hiện thực cơ bản hơn của thế gian, “Suy cho cùng, cưng à, hãy nhớ điều họ nói – đôi khi cách tốt nhất để quên được một người là nằm dưới một người khác.”

Tôi bật cười. “Được, Richard, thôi đủ rồi. Giờ thì anh có thể trở về Texas.”

“Cũng được thôi,” anh nói, ném cái nhìn chăm chăm quanh bãi đỗ xe của cái sân bay Ấn cũ kỹ này. “Vì tôi sẽ không có được bất cứ cái gì xinh xắn hơn những thứ quanh đây.”

Trên đường trở lại Ashram, sau khi tiễn Richard ở sân bay, tôi thấy là mình đã trò chuyện quá nhiều. Thành thật thì, suốt đời mình tôi đã nói quá nhiều, còn trong thời gian ở Ashram tôi chính xác là đã nói quá nhiều. Tôi còn hai tháng nữa ở đây, và tôi không muốn lãng phí cơ hội tâm linh lớn lao nhất của đời mình bằng việc cứ giao thiệp và tán gẫu luôn. Tôi đã ngạc nhiên phát hiện ra là ngay cả ở đây, ngay cả trong một môi trường ẩn dật tâm linh thiêng liêng ở bên kia trái đất, tôi cũng xoay sở tạo ra được bầu không khí tiệc rượu quanh mình. Không phải chỉ là nói chuyện liên miên với Richard không thôi đâu – dù đúng là chúng tôi làm nhảm nhiều nhất – tôi luôn bèn mếp vơi sai đó. Thậm chí tôi còn thấy mình – trong một *Ashram*, xin bạn nhớ kỹ! – bày ra các cuộc hẹn để gặp gỡ quen biết, và phải nói với ai đó, “Tôi rất tiếc, tôi không thể ngồi với anh giờ ăn trưa nay vì đã hứa với Sakshi sẽ ăn trưa với cô ấy... có lẽ chúng ta có thể hẹn thứ Ba tới.”

Đó đã là câu chuyện của đời tôi. Tôi là thế đấy. Nhưng gần đây tôi đã nghĩ rằng đó có lẽ là một của nợ cho tâm linh. Yên tĩnh và cô tịch được mọi người nhìn nhận là những thực hành tinh thần, và điều này có những lý do chính đáng. Học cách đưa lời nói vào kỷ luật là một cách ngăn năng lượng không tràn ra khỏi ta qua cái miệng thủng của ta, làm kiệt quệ ta và làm đầy thể gian bằng những từ, từ, từ thay vì thanh bình, yên tĩnh và tuyệt phúc. Swamiji, thầy của Sư phụ tôi, là một người rất khắt khe về vấn đề yên tĩnh trong Ashram, nghiêm khắc buộc thực thi nó như một thực hành tín ngưỡng. Ông gọi im lặng là tôn giáo đích thực duy nhất. Thật lỗi bịch là tôi đã nói quá nhiều ở Ashram này, một nơi trên thế giới mà yên lặng phải – và có thể – ngự trị.

Vậy nên tôi sẽ không làm kẻ chuyên giao du của Ashram nữa, tôi quyết định. Không chạy nhốn nháo, tán gẫu, đùa giỡn. Không lấn phần để được chú ý hay giành ưu thế trong chuyện trò nữa. Không nhảy clacket miệng chỉ vì những đồng xèng xác nhận nữa. Đã đến lúc phải thay đổi. Giờ đây khi Richard đã đi, tôi sẽ biến thời gian ở lại của mình thành một trải nghiệm yên lặng hoàn toàn. Chuyện này sẽ khó khăn, nhưng không phải là không thể, vì yên lặng được tôn trọng chung ở Ashram. Cả cộng đồng sẽ ủng hộ, công nhận, quyết định của ta là một hành vi tín ngưỡng có kỷ luật. Trong cửa hàng sách họ thậm chí còn bán những tấm bảng nhỏ để đeo có ghi, “Tôi đang trong Yên Lặng.”

Tôi sẽ mua bốn cái tấm bảng đó.

Trên đường chạy về Ashram, tôi thật sự để mình chìm vào trong tưởng tượng về chuyện giờ tôi sẽ trở nên im lặng ra sao. Tôi sẽ yên lặng đến nỗi tôi sẽ nổi tiếng vì chuyện đó. Tôi hình dung mọi người thấy mình là Cô Gái Trầm Lặng Ấy. Tôi sẽ chỉ bám theo thời gian biểu Ashram, dùng bữa trong cô độc, thiền trong nhiều giờ bất tận mỗi ngày và cọ rửa sàn đền mà không tạo ra một tiếng động nhỏ. Tương tác duy nhất của tôi với người khác là mỉm cười sung sướng với họ từ trong thế giới tĩnh lặng và mộ đạo tự kiểm chế của mình. Mọi người sẽ bàn tán về tôi. Họ sẽ hỏi, “Cô Gái Trầm Lặng Sau Đền Ấy là ai vậy, lúc nào cũng thấy quỳ dưới sàn lau chùi? Cô ấy không bao giờ nói. Cô ấy thật xa cách. Cô ấy thật bí ẩn. Tôi thậm chí không thể hình dung được giọng cô ấy nghe ra sao. Các anh chị thậm chí không bao giờ nghe thấy cô ấy đến gần sau lưng trên lối đi trong vườn khi cô ấy ra ngoài đi dạo...”

cô ấy di chuyển êm ru như làn gió. Cô ấy hẳn là trong một trạng thái thiền định tương thông liên tục với Thượng Đế. *Cô ấy là cô gái trầm lặng nhất mà tôi từng gặp.*”

Sáng hôm sau khi tôi đang quỳ gối trong đền, cọ rửa sàn cẩm thạch, tỏa ra (tôi tưởng tượng) cả một hào quang tĩnh lặng thần thánh thì một cậu thiếu niên Ấn đến tìm tôi với một lời nhắn – tôi cần phải trình diện tại văn phòng Seva ngay lập tức. *Seva* là thuật ngữ Phạn chỉ phục vụ vị tha như một thực hành tâm linh (ví dụ, chùi rửa sàn đền thờ). Văn phòng Seva quản lý toàn bộ phân công công tác cho Ashram. Nếu tôi đến đó, rất tò mò tại sao mình bị gọi lên, và người đàn bà xinh đẹp ở bàn hỏi tôi, “Có phải cô là Elizabeth Gilbert?”

Tôi cười với cô ấy với lòng mộ đạo nồng nhiệt nhất và gật đầu. Im lặng.

Rồi cô bảo tôi chi tiết công việc của tôi có thay đổi. Vì một yêu cầu đặc biệt từ ban quản lý, tôi không còn là một thành viên của nhóm lau sàn nữa. Họ có một vị trí mới cho tôi tại Ashram.

Và chức danh công việc của tôi là – nếu các bạn vui lòng chú ý tới – “Nữ Tiếp Viên Chính”.

Rõ ràng đây là một trò đùa nữa của Swamiji.

Con muốn là Cô Gái Trầm Lặng Ở Sau Đèn? Được, đoán xem...

Nhưng đây là điều luôn xảy ra ở Ashram. Ta có một quyết định to lớn trọng đại nào đó về điều ta cần phải làm, hay ta phải là ai, và rồi các tình huống nảy sinh sẽ ngay lập tức hé lộ cho ta thấy là ta hiểu biết quá ít về mình ra sao. Tôi không biết Swamiji đã nói điều đó bao nhiêu lần trong đời mình, và tôi không biết Sư phụ mình đã lặp lại không biết bao nhiêu lần nữa điều đó từ khi ông chết, nhưng dường như tôi vẫn chưa hấp thụ được hoàn toàn chân lý trong phát biểu kiên trì nhất của họ:

“Thượng Đế ngự trị trong ta, cũng như ta.”

CŨNG NHƯ ta.

Nếu có một chân lý thiêng liêng về Yoga thì câu này gói gọn chân lý đó. Thượng Đế ở trong ta cũng như *chính chúng ta*, đúng như cách ta là. Thượng Đế không hứng thú xem ta trình diễn một nhân cách nào đó để phù hợp với khái niệm lập dị nào đó ta nghĩ, một người sống tâm linh trông thế nào hay hành xử ra sao. Tất cả chúng ta dường như có cái ý tưởng là, để trở nên thần thánh, chúng ta phải có những thay đổi tính cách lớn lao, gây ấn tượng sâu sắc, rằng ta phải chối bỏ cá tính ta. Đây là một ví dụ cổ điển cho điều mà ở Đông phương người ta gọi là “tà niệm”. Swamiji vẫn thường nói là mỗi ngày những người chối bỏ tìm ra một cái gì mới để từ bỏ, nhưng cái họ đạt được thường là phiền muộn, không phải thanh thản. Ông liên tục dạy rằng khổ hạnh và chối bỏ - chỉ có mục đích tự thân - không phải là cái ta cần. Để hiểu Thượng Đế, ta chỉ cần từ bỏ một thứ - ý thức phân ly với Thượng Đế. Nếu không thì hãy cứ là chính ta, trong bản tính tự nhiên của ta.

Vậy bản tính tự nhiên của tôi ra sao? Tôi muốn học hỏi ở Ashram này, nhưng ước mơ tìm thấy đấng thiêng liêng bằng cách lướt đi lặng lẽ khắp nơi đây với một nụ cười dịu dàng, siêu thoát - người đó là ai vậy? Có lẽ là ai đó tôi thấy trên chương trình truyền hình. Thực tế là, có chút buồn khi phải thú nhận là tôi sẽ không bao giờ là nhân cách đó. Tôi luôn luôn bị cuốn hút bởi những con người tinh tế, như ảo ảnh này. Luôn muốn là một cô gái trầm lặng. Có lẽ chính xác vì tôi *không* là vậy. Đó cũng là lý do tôi nghĩ vì sao tóc đen, dày lại đẹp đến thế - chính xác vì tôi không có nó, vì tôi không thể có nó. Nhưng một lúc nào đó tôi phải nhu thuận với cái mình được cho và nếu Thượng Đế muốn tôi là một cô gái e thẹn với mái tóc đen dày, Ông Ấy đã tạo ra tôi như vậy, nhưng Ông Ấy không làm thế. Vậy thì, sẽ hữu ích nếu chấp nhận ta được tạo ra thế nào và hiện thân đầy đủ theo đó.

Hay, như Sextus, nhà hiền triết phái Pythagore cổ đại đã nói, “Người khôn ngoan luôn luôn tương tự như chính mình.”

Điều đó không có nghĩa là tôi không thể sùng đạo. Điều đó không có nghĩa tôi không thể hoàn toàn quỳ sụp xuống và nhún nhường trong tình yêu của Thượng Đế. Điều đó không có nghĩa tôi không thể phục vụ loài người. Điều đó không có nghĩa tôi không thể hoàn thiện bản thân như một con người, mài giũa đức hạnh và làm việc mỗi ngày để giảm thiểu khiếm

khuyết của mình. Ví dụ, tôi sẽ không bao giờ là một cây quế trúc, nhưng điều đó không có nghĩa tôi không thể nghiêm túc xem lại thói quen lẩm chuyện của mình và sửa đổi vài khía cạnh để tốt hơn – làm việc nơi nhân cách mình. Đúng, tôi thích trò chuyện, nhưng có lẽ tôi không cần phải nguyên rủa nhiều, có lẽ tôi không phải luôn tìm kiếm tiếng cười rẻ tiền, và có lẽ tôi không cần nói về mình khá liên miên như vậy. Hay còn một khái niệm triết để - có lẽ tôi có thể ngừng cắt lời người khác khi họ nói. Vì bất luận tôi cố gắng nhìn lại thói quen ngắt lời của mình một cách sáng tạo ra sao, tôi không thể tìm thấy một cách nhìn nào khác hơn là thế này, “Tôi tin cái tôi đang nói quan trọng hơn cái anh đang nói.” Và tôi không thể tìm ra cách nào nhìn nhận *điều đó* khác hơn là, “Tôi tin tôi quan trọng hơn anh.” Và điều đó phải chấm dứt.

Thực hiện tất cả những thay đổi này sẽ hữu ích. Nhưng ngay cả vậy, ngay cả với những điều chỉnh hợp lý thói quen hay nói của mình, có lẽ tôi cũng sẽ không bao giờ là Cô Gái Trầm Lặng Ấy. Dù cho bức tranh đó có đẹp để đến mấy và dù cho tôi cố gắng đến mấy. Vì hãy thành thật với nhau rằng chuyện ta đang bàn là về ai đây. Khi người phụ nữ ở Trung tâm Seva ở Ashram phân công cho tôi nhiệm vụ mới là Nữ Tiếp Viên Chính, cô ấy nói, “Chúng tôi có một biệt danh đặc biệt cho vị trí này, cô biết đấy. Chúng tôi gọi đó là ‘Pho Mát Kem Suzy Nhỏ Bé’, vì bất cứ ai làm việc này cần phải bật thiệp, mồm mọp và cười suốt.”

Tôi có thể nói gì đây?

Tôi chỉ chìa một tay ra để bắt tay, yên lặng chào từ biệt tất cả những ảo tưởng mơ mộng cũ mèm của mình và nói với người phụ nữ bên bàn, “Thưa bà – tôi là cô gái của bà.”

Cái mà tôi sẽ tiếp đón, chính xác là một loạt những kỳ ẩn dật sẽ được tổ chức tại Ashram mùa xuân này. Trong mỗi kỳ ẩn dật, khoảng một trăm tín đồ từ khắp mọi miền thế giới sẽ đến đây trong khoảng thời gian một tuần đến mười ngày, để đi sâu vào các thực hành thiền định của họ. Vai trò của tôi là chăm sóc những người này khi họ ở lại đây. Phần lớn thời gian ẩn dật, những người tham gia sẽ ở trong im lặng. Đối với một số trong bọn họ, đây sẽ là lần đầu tiên họ trải qua sự im lặng như một thực hành sùng tín, và điều đó có thể rất căng thẳng. Tuy nhiên, tôi sẽ là người trong Ashram mà họ được phép liên hệ nếu có gì đó không ổn.

Đúng vậy – công việc của *chính thức* đòi hỏi tôi là người ăn nói thu hút.

Tôi sẽ lắng nghe những vấn đề của những người tham gia kỳ ẩn dật và rồi cố tìm ra giải pháp cho họ. Có lẽ họ sẽ cần thay đổi người cùng phòng vì chuyện ngáy, hay có lẽ họ sẽ cần gặp bác sĩ vì rắc rối tiêu hóa do ở Ấn Độ - tôi sẽ cố gắng giải quyết. Tôi sẽ cần biết tên tất cả mọi người, và họ từ đâu đến. Tôi sẽ đi quanh với một tấm bảng, ghi chú và theo sát. Tôi là Julie McCoy, giám đốc con tàu Yoga của quý vị.

Và, đúng, chức vụ quả là có đi kèm với một cái máy nhắn tin.

Khi kỳ tu tập bắt đầu, mọi chuyện thật nhanh chóng rõ ràng là tôi *phù hợp* với công việc này đến chừng nào. Tôi ngồi đó ở Bàn Chào Đón với phù hiệu *Xin Chào, Tên Tôi Là*, và những người này đến từ ba mươi nước khác nhau, một số họ là người thâm niên nhưng nhiều người khác lại chưa từng đến Ấn Độ. Lúc này là 10 giờ sáng, nhiệt độ đã hơn 38 độ C, và hầu hết những người này đã bay cả đêm trong toa hành khách. Một số họ bước vào Ashram này trông như vừa tỉnh dậy trong một thùng hành lý sau xe – như họ hoàn toàn chẳng hình dung ra được mình đang làm gì ở đây. Bất kể ban đầu khát khao tìm kiếm sự siêu nghiệm nào đã khiến họ đăng ký vào kỳ tu tập tâm linh này thì họ cũng đã quên từ rất lâu rồi, có lẽ vào lúc nào đó trong khoảng thời gian hành lý của họ bị thất lạc ở Kuala Lumpur. Họ khát, nhưng vẫn chưa biết mình có thể uống nước không. Họ đói, nhưng không biết buổi ăn trưa là mấy giờ, hay quán ăn tự phục vụ ở đâu. Họ ăn mặc hoàn toàn lộn xộn, mặc vải sợi tổng hợp và ủng nặng nề trong cái nóng nhiệt đới. Họ không biết có ai ở đây nói tiếng Nga không.

Tôi có thể nói chút đỉnh tiếng Nga.

Tôi có thể giúp họ. Tôi đã được trang bị đến vậy để giúp đỡ. Tất cả những ăng ten tôi đã phát triển suốt đời mình đã dạy tôi làm sao để đọc được cái mà người ta đang cảm thấy, tất cả trực giác tôi đã phát triển được giờ đang lớn lên như một đứa trẻ nhỏ cực kỳ nhạy cảm, tất cả những kỹ năng lắng nghe tôi đã học được khi còn là một người phục vụ quầy rượu đáng mến và một nhà báo tọc mạch, tất cả sự chăm sóc thành thạo tôi nắm vững sau nhiều năm là vợ hay bạn gái của ai đó – tất cả các tích lũy để tôi có thể giúp những người này bước vào một nhiệm vụ khó khăn họ nhận lãnh. Tôi thấy họ đến từ Mexico, từ Philippin, từ châu Phi, từ Đan Mạch, từ Detroit và đây có vẻ giống cảnh trong phim *Close Encounters of the Third Kind*^[36] khi Richard Dreyfuss và những người khác bị thu hút giữa Wyoming vì những

lý do họ không hiểu chút nào, bị lôi kéo vì tàu không gian tới. Tôi vô cùng ngạc nhiên vì sự can đảm của họ. Những người này đã rời bỏ gia đình và cuộc sống của mình sau lưng vài tuần để đi vào kỳ ẩn dật yên tĩnh giữa một đám đông hoàn toàn xa lạ ở Ấn Độ. Trong đời mình không phải ai cũng làm được việc ấy.

Tôi yêu quý tất cả những người này, tự động và vô điều kiện. Tôi thậm chí yêu quý cả những người khó chịu. Tôi có thể thấy rõ chứng loạn thần kinh chức năng của họ và nhận ra rằng họ gần như sợ phát khiếp cái họ sắp đối mặt khi đi vào tĩnh lặng và thiền trong bảy ngày. Tôi yêu quý người đàn ông Ấn đã giận dữ đến gặp tôi, báo là trong phòng anh có một bức tượng thần Ấn Độ Ganesh dài bốn inch bị mất một bàn chân. Anh ta nổi cơn thịnh nộ, nghĩ đây là một điềm khùng khiếp và muốn người ta đem bức tượng đi – cách lý tưởng là nhờ một thầy tu Bà la môn, trong một nghi lễ tẩy rửa “thích hợp theo truyền thống”. Tôi trấn an anh ta và lắng nghe anh trong cơn giận dữ, rồi cử cô bạn Tulsi tinh nghịch như con trai của mình đến phòng người đàn ông để dẹp pho tượng đi trong khi anh ta ăn trưa. Ngày hôm sau tôi chuyển cho người đàn ông một mẫu thư, nói rằng tôi hy vọng giờ thì anh ta cảm thấy khá hơn vì không còn bức tượng gây nữa, và nhắc anh ta là tôi ở ngay đây nếu anh ta có cần bất cứ gì khác; anh ta tưởng thưởng tôi bằng một nụ cười ngoác tận mang tai, nhẹ nhõm. Anh ta chỉ sợ thôi. Người phụ nữ Pháp gần như kinh hãi với chứng dị ứng lúa mì – bà nữa, đừng sợ. Người đàn ông Argentina muốn một buổi gặp đặc biệt với toàn thể nhân viên bộ phận Hatha Yoga để được hướng dẫn làm sao ngồi đúng cách khi thiền, để mắt cá chân anh ta không đau; anh ta chỉ sợ. Tất cả họ đều sợ. Họ sẽ đi vào im lặng, đi sâu vào tâm thức và linh hồn họ. Ngay cả đối với một người thiền đã có kinh nghiệm, không có gì xa lạ hơn lãnh thổ này. Bất cứ gì cũng có thể xảy ra ở đó. Trong kỳ ẩn dật này họ sẽ được một phụ nữ tuyệt vời hướng dẫn, một thầy tu ở độ tuổi năm mươi, mỗi cử chỉ và lời nói của bà là hiện thân của lòng bi mẫn, nhưng họ vẫn sợ vì – dù đáng mến đến như thầy tu này – bà cũng không thể đi cùng họ đến nơi họ sắp đến. Không ai có thể.

Khi kỳ ẩn dật bắt đầu, tôi tình cờ nhận được một lá thư trong hộp thư từ một người bạn ở Mỹ vốn là một nhà sản xuất phim về đời sống hoang dã cho kênh *National Geographic*. Anh kể anh vừa dự một buổi ăn tối sang trọng tại Waldorf-Astoria ở New York, tôn vinh các thành viên của Câu lạc bộ những Nhà thám hiểm. Anh nói thật kinh ngạc khi được ở giữa những người dũng cảm đến không thể tin được như vậy, tất cả họ đã rất nhiều lần mạo hiểm tính mạng để khám phá những dãy núi, những hẻm núi, những con sông, những đại dương sâu thẳm, những đồng băng và núi lửa nguy hiểm và xa xôi nhất thế giới. Anh nói rằng rất nhiều người trong số họ qua nhiều năm đã mất những phần thân thể chính của họ - ngón chân, mũi và ngón tay cho cá mập, phát cước và gặp những nguy hiểm khác.

Anh viết, “Cô chưa từng thấy nhiều người dũng cảm đến vậy tập hợp ở một nơi vào cùng một lúc.”

Tôi tự nhủ: *Anh chưa thấy gì cả, Mike.*

Chủ đề của kỳ ẩn dật, và mục đích của nó, là trạng thái *turiya* – tầng ý thức thứ tư khó nắm bắt của con người. Trong kinh nghiệm con người điển hình, những hành giả nói, hầu hết chúng ta luôn di động giữa ba tầng ý thức khác nhau – thức tỉnh, mơ hay ngủ sâu không mộng mị. Nhưng còn có tầng thứ tư nữa. Tầng thứ tư này là nhân chứng của tất cả các trạng thái khác, là nhận thức trọn vẹn liên kết ba tầng kia lại với nhau. Đây là ý thức thuần túy, một nhận thức thông minh có thể - ví dụ - tường thuật những giấc mơ của ta sáng hôm sau khi ta thức giấc. Ta đã vắng mặt, ta đã ngủ, nhưng có ai đó trông chừng những giấc mơ của ta khi ta ngủ - nhân chứng đó là ai? Và ai là người luôn đứng ngoài hoạt động của tâm trí, quan sát những ý nghĩ của nó? Hành giả nói, đơn giản đó là Thượng Đế. Và nếu ta có thể chuyển vào trạng thái nhân chứng-ý thức đó, ta có thể luôn luôn hiện diện cùng Thượng Đế. Nhận thức thường hằng này và chứng nghiệm hiện diện của Thượng Đế bên trong chỉ có thể diễn ra trên tầng ý thức thứ tư của con người, gọi là *turiya*.

Đây là điều ta có thể nói nếu đã đạt đến trạng thái *turiya* – nếu ta ở trong trạng thái tuyệt phúc thường hằng. Một người sống trong chính *turiya* không bị ảnh hưởng bởi những trạng thái bất định của tâm thức, cũng không sợ hãi thời gian trôi đi hay bị tổn hại vì mất mát. “Thuần khiết, trong sạch, không rỗng, yên bình, ngưng bật, vô vị kỷ, bất tận, bất hoại, kiên định, bất diệt, vô sanh, độc lập, an trụ trong sự cao cả của chính mình,” Upnaishads, kinh Phạn cổ miêu tả bất kỳ ai đạt đến trạng thái *turiya*, luôn luôn. Còn về những người còn lại chúng ta, hầu hết chúng ta cũng đã ở đó, dù chỉ trong phút giây thoáng qua. Hầu hết chúng ta, dù chỉ trong hai phút của đời mình, vào lúc nào đó đã chứng nghiệm một cảm giác tuyệt phúc tình cờ và không giải thích được, không liên hệ chút nào đến điều đang diễn ra ở ngoại giới. Một khoảnh khắc, ta chỉ là một anh Joe bình thường, lị ạch qua cuộc đời trần tục của mình, và rồi đột nhiên – cái gì thế này? – chẳng có gì thay đổi, thế nhưng ta cảm thấy xao xuyến vì một ân điển, vỡ òa ra vì ngạc nhiên, choáng ngợp vì một tuyệt phúc. Tất cả - chẳng vì lý do nào – đều viên mãn.

Dĩ nhiên, đối với hầu hết chúng ta trạng thái này qua nhanh như khi nó đến. Gần như thế, ta được chỉ cho thấy sự hoàn hảo nội tại của mình như một trò chòng ghẹo và rồi ta ngã nhào về lại “hiện thực” rất nhanh, ngã sụp trên tất cả những lo lắng và ham muốn cũ rích của ta lần nữa. Qua nhiều thế kỷ, con người đã cố bám vào trạng thái viên mãn tuyệt phúc ấy bằng mọi kiểu phương tiện bên ngoài – bằng ma túy và tình dục, quyền lực, và adrenaline, và tích lũy những thứ xinh xắn – nhưng những điều đó không lâu bền được. Chúng ta tìm kiếm hạnh phúc khắp nơi, nhưng chúng ta chỉ như tên ăn mày trong ngụ ngôn của Tolstoy cả đời ngồi trên hũ vàng, lại xin xỏ từng xu từ ông đi qua bà đi lại, không biết rằng gia tài của hắn vẫn luôn ở ngay dưới chân hắn. Kho báu của ta – sự hoàn hảo của ta – đã ở bên trong ta rồi. Nhưng để có được nó, ta phải dứt lìa tâm trí rối loạn bận bịu, từ bỏ những ham muốn của bản ngã và bước vào sự tĩnh lặng của trái tim. *Kundalini shakti* – năng lượng thiêng liêng tối thượng – sẽ đưa ta đến đó.

Chính vì điều này mà *mọi người* đến đây.

Khi lần đầu tiên viết câu này, điều tôi muốn nói là, “Đây là lý do một trăm người tham gia tu tập từ khắp nơi trên thế giới tìm đến Ashram này ở Ấn Độ.” Nhưng thực sự, các vị thánh và các nhà hiền triết Yoga cũng sẽ đồng ý với sự thô thiển trong phát biểu ban đầu của tôi, “Chính vì điều này mà *mọi người* đến đây.” Theo các nhà huyền bí, kiếm tìm tuyệt phúc thiêng liêng này là toàn bộ mục đích nhân sinh. Đây là lý do tất cả chúng ta chọn được sinh ra, và đây là lý do tất cả khổ nạn và đau đớn của cuộc sống trên thế gian là xứng đáng – chỉ vì cơ hội chứng nghiệm tình yêu vô tận này. Và một khi ta đã tìm thấy sự thiêng liêng này trong ta, ta có thể giữ nó không? Vì nếu ta có thể... *tuyệt phúc*.

Tôi ở sau đèn tròn kỳ ẩn dật, chăm lo những người tham gia khi họ thiền trong cảnh tranh tối tranh sáng và tịch mịch hoàn toàn. Lo lắng đến sự tiện nghi của họ, quan tâm kỹ lưỡng xem có ai có rắc rối hay cần gì không là nhiệm vụ của tôi. Tất cả họ đều đã phát thệ giữ im lặng trong thời gian ẩn dật, và mỗi ngày tôi có thể cảm thấy họ đi sâu hơn vào yên lặng cho đến khi cả Ashram đắm chìm trong tĩnh mịch. Vì tôn trọng những người tham gia ẩn dật, giờ tất cả chúng tôi đều rón rén suốt ngày, và thậm chí dùng bữa cũng trong im lặng. Mọi dấu vết tán gẫu đều biến sạch. Ngay cả tôi cũng trầm lặng. Giờ thì quanh đây luôn có một sự cô tịch như lúc nửa đêm, tình trạng không-thời-gian nín lặng ta thường chỉ có thể cảm thấy vào khoảng 3 giờ sáng khi ta hoàn toàn một mình – vậy mà nó được nâng niu giữa ban ngày và được cả Ashram giữ gìn.

Khi một trăm con người này thiền, tôi không hình dung được họ đang nghĩ gì hay cảm thấy gì, nhưng tôi biết họ muốn trải nghiệm điều gì, và tôi thấy mình trong trạng thái cầu nguyện Thượng Đế cho họ không dứt, kỳ kèo những thương lượng kỳ cục cho họ kiểu như, *Xin hãy ban cho những con người tuyệt vời này bất kỳ tuyệt phúc nào ngài có thể định dành riêng cho con*. Tôi không có ý định vào thiền cùng thời gian thiền của những người tham gia ẩn dật; tôi phải để mắt tới họ mà không lo nghĩ gì đến hành trình tâm linh của riêng mình. Nhưng tôi thấy mình mỗi ngày được nâng trên những làn sóng tâm ý sùng mộ tập thể của họ, rất giống như kiểu mấy con chim ăn thịt thối rữa có thể lướt trên sóng nhiệt của khí nóng bốc lên từ trái đất, đưa chúng lên cao trong không trung nhiều hơn là chúng có thể tự bay bằng sức mạnh đôi cánh. Nên có lẽ không lạ rằng đây chính là khi điều đó xảy ra. Một buổi chiều thứ Năm ở sau đèn thờ, ngay giữa lúc thực hiện nhiệm vụ Nữ Tiếp Viên Chính, còn đeo băng tên và mọi thứ - tôi bất ngờ được đưa qua cổng vũ trụ và mang đến tâm lòng bàn tay Thượng Đế.

Với tư cách một độc giả và người tầm đạo, tôi luôn trở nên thất vọng vào thời điểm này trong nhật ký tâm linh của người khác – thời điểm mà linh hồn cáo lui khỏi thời gian và không gian rồi hợp nhất với vô tận. Từ Đức Phật đến Thánh Teresa đến các nhà huyền bí Sufi đến chính Sư phụ tôi – biết bao nhiêu linh hồn cao cả qua hàng thế kỷ đã cố thể hiện bằng biết bao nhiêu từ ngữ về sự hòa hợp với thiêng liêng, nhưng tôi chưa bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với những mô tả này. Thường ta sẽ gặp cái cụm từ làm bức điện lên là *không thể mô tả* để mô tả sự kiện này. Nhưng ngay cả những người tường thuật hùng hồn nhất về chứng nghiệm sùng tín – ví dụ Rumi, người viết rằng đã từ bỏ mọi nỗ lực và trối mình vào ống tay áo của Thượng Đế đã trở thành như Hafiz, người nói rằng ông và Thượng Đế đã trở thành như thể hai ông mập sống trong một con thuyền nhỏ - “chúng tôi cứ va vào nhau và cười” – ngay cả những nhà thơ này cũng bỏ rơi tôi. Tôi không muốn đọc về điều đó; tôi cũng muốn cảm thấy nó. Sri Ramana Maharshi, một Sư phụ Ấn được yêu mến, thường kể rất nhiều về chứng nghiệm siêu việt cho môn đệ của mình và rồi luôn kết thúc nó bằng hướng dẫn này, “Giờ thì hãy tự đi tìm.”

Vậy nên giờ tôi đã tìm thấy. Và tôi không muốn nói cái mình chứng nghiệm được chiều thứ Năm hôm ấy ở Ấn Độ là không thể mô tả, dù rằng nó là như vậy. Dù sao tôi cũng sẽ cố giải thích. Nói một cách đơn giản, tôi bị kéo qua cái hố đen^[37] của Tuyệt Đối, và trong lúc bị cuốn đi ấy tôi đột nhiên hiểu ra hoàn toàn sự vận hành của vũ trụ. Tôi rời cơ thể mình, tôi rời căn phòng, tôi rời hành tinh, tôi bước xuyên qua thời gian và bước vào không rỗng. Tôi ở bên trong không rỗng, và tôi cũng là không rỗng và tôi nhìn không rỗng, tất cả cùng một lúc. Không rỗng là một nơi thanh thản và sáng suốt không giới hạn. Không rỗng có tri giác và mẫn tuệ. Không rỗng là Thượng Đế, nghĩa là tôi ở bên trong Thượng Đế. Nhưng không phải theo cách thô thiển, vật lý – không phải như Liz Gilbert mắc kẹt trong một khúc bắp đùi của Thượng Đế. Tôi chỉ là một phần của Thượng Đế. Thêm vào Thượng Đế. Tôi vừa là một mảnh nhỏ của vũ trụ và vừa đứng bằng kích thước vũ trụ (Nhà thông thái Kabir đã viết “Tất cả mọi người đều biết là một giọt nước hòa vào đại dương, nhưng ít người biết là đại dương hòa vào một giọt nước,” – và giờ tôi có thể đích thân chứng thực điều đó là sự thật).

Cái tôi cảm thấy, nó không phải là thứ gây ảo giác. Đó là sự kiện lớn nhất trong các sự kiện. Đó là thiên đường, đúng vậy. Đó là tình yêu sâu thẳm nhất tôi từng cảm nhận, vượt lên trên bất kỳ thứ gì tôi có thể hình dung được trước đây, nhưng nó không gây ngất. Nó không phấn khích. Không có đủ bản ngã hay đam mê còn lại trong tôi để gây ra một ảo giác quang học trong một thời gian dài, căng mắt để giải mã trò mảnh lối, đột nhiên phạm vi quan sát của ta thay đổi và đây rồi – giờ ta có thể thấy nó rõ ràng! – hai cái bình hoa thật ra là hai gương mặt. Và một khi ta đã thấy rõ ảo giác thị giác, ta không bao giờ không thể thấy nó lại.

“Thế ra đây là Thượng Đế,” tôi tự nhủ. “Hân hạnh được biết ngài.”

Nơi tôi đã đứng không thể được mô tả như một chốn trần thế. Nó không tối cũng không sáng, không lớn cũng không nhỏ. Nó cũng không phải là một nơi chốn, tôi cũng không đứng ở đó theo nghĩa đen, tôi cũng không phải chính xác là “tôi” nữa. Tôi vẫn có những ý nghĩ,

nhưng chúng quá khiêm tốn, yên tĩnh và quan sát. Tôi không chỉ cảm thấy sự cảm thông và hợp nhất không ngần ngại với mọi vật và mọi người mà còn thấy mơ hồ kỳ lạ và buồn cười tự hỏi, tại sao ai đó có thể cảm thấy bất kỳ cái gì *mà lại không phải* là điều này. Tôi cũng cảm thấy lâng lâng mê hoặc với tất cả những ý niệm cũ mềm về tôi là ai và tôi giống cái gì. *Tôi là một phụ nữ, tôi từ Mỹ đến, tôi lẩm lì, tôi là một nhà văn* – tất cả điều đó sao có vẻ đáng yêu và lỗi thời đến vậy. Hãy tưởng tượng ta bị nhồi vào trong một cái hộp nhận dạng đáng thương như thế khi thay vì vậy ta có thể chứng nghiệm vô tận của mình.

Tôi thắc mắc, “Sao suốt đời mình lại đuổi theo hạnh phúc trong khi tuyệt phúc lúc nào cũng ở đây?”

Tôi không biết mình đã lơ lửng trong tình không hợp nhất điểm lệ này bao lâu trước khi có một ý nghĩ khẩn cấp đột ngột, “Tôi muốn bám vào chứng nghiệm này mãi mãi!” Và đó là khi tôi bắt đầu rơi ra khỏi nó. Chỉ hai từ nhỏ đó – *tôi muốn!* – và tôi bắt đầu trượt trở lại trái đất. Thế là tâm trí tôi bắt đầu thực sự phản đối – *Không! Tôi không muốn rời đây!* – và tôi còn trượt xa hơn nữa.

Tôi muốn!

Tôi không muốn!

Tôi muốn!

Tôi không muốn!

Với mỗi lần lặp lại những ý nghĩ tuyệt vọng này, tôi có thể cảm thấy mình đang rơi qua hết tầng ảo giác này đến tầng ảo giác khác, như một nhân vật hài-hành động xuyên thủng một tá mái hiên vải bố khi rơi xuống từ một tòa nhà. Sự trở lại của ham muốn vô ích này lần nữa đã trả tôi về lại những biên cương nhỏ bé của mình, những giới hạn sinh tử của riêng mình, thế giới truyện tranh hài hước giới hạn của mình. Tôi nhìn bản ngã mình trở lại như ta nhìn người ta rửa một tấm hình Polaroid, từng giây từng giây trở nên rõ ràng hơn – đây là gương mặt, đây là những đường nét quanh miệng, đây là lông mày – phải, giờ thì nó hoàn tất: đây là bức hình một tôi cũ mềm ngày thường. Tôi cảm thấy rùng mình kinh hoàng, và nhẹ nhàng đau xót vì đã đánh mất chứng nghiệm thiêng liêng này. Nhưng chính xác là song song với sự hoảng loạn ấy tôi cũng có thể cảm thấy một nhân chứng, một người sáng suốt hơn là già dặn hơn tôi, người chỉ lắc đầu và mỉm cười, tin rằng: nếu mình đã tin trạng thái tuyệt phúc này là cái gì đó có thể bị lấy đi từ mình, thì rõ ràng mình vẫn chưa hiểu nó. Và do vậy, mình vẫn chưa sẵn sàng sống ở nó trọn vẹn. Có thể mình phải thực hành nhiều hơn. Vào giây phút nhận ra ấy, đó là khi Thượng Đế thả tôi ra, để tôi trượt qua những ngón tay của Ngài với thông điệp vô ngôn, đầy bi ẩn cuối cùng này:

Con có thể trở lại đây một khi con bắt đầu hiểu trọn vẹn rằng con luôn luôn ở đây.

Hai ngày sau kỳ tu tập kết thúc và mọi người ra khỏi im lặng. Tôi được mọi người ôm rất nhiều, cảm ơn tôi đã giúp họ.

“Ôi, không! Cảm ơn *quý vị*,” tôi cứ nói, thất vọng vì những từ này nghe có vẻ không tương xứng, không thể nào bày tỏ được lòng biết ơn vô bờ của tôi vì họ đã nâng tôi lên đỉnh cao tột bậc như vậy ra sao.

Một tuần sau một trăm người tầm đạo khác đến dự một kỳ tu tập khác, rồi những bài giảng với những nỗ lực can đảm hướng vào bên trong và sự yên lặng bao trùm, tất cả đều lặp lại, với những người mới đang thực hành. Tôi cũng trông nom họ, và cố giúp bằng mọi cách có thể và cũng một vài lần lại lướt vào *turiya* cùng họ. Về sau tôi chỉ biết cười khi nhiều người trong họ xuất hiện và nói với tôi rằng tôi đã xuất hiện trước họ trong lúc ẩn dật như một “sự hiện diện nhẹ lâng lâng, lướt trôi và yên lặng”. Vậy đây là trò đùa cuối cùng của Ashram với tôi chăng? Cuối cùng thì, một khi tôi đã học cách chấp nhận bản tính quảng giao, ưa nói, ồn ào của mình và ôm trọn vai trò Nữ Tiếp Viên Chính trong nội tâm mình – chỉ khi đó tôi mới trở thành Cô Gái Trầm Lặng Sau Đèn?

Trong những tuần cuối cùng của tôi ở đây, Ashram nhuộm chút cảm giác của những-ngày-trại-hè-cuối-cùng u hoài. Đường như, mỗi buổi sáng lại một số người nữa mang theo một ít hành lý nữa lên xe buýt và ra đi. Không có người mới đến. Lúc này đã gần tháng Năm, bắt đầu mùa nóng nhất ở Ấn Độ, và các hoạt động ở nơi đây sẽ chậm lại trong một thời gian. Sẽ không có những kỳ ẩn dật nữa, nên tôi lại được chuyển công tác, giờ thì tôi được xếp ở Văn phòng Đăng ký, nơi tôi có một công việc cay đắng ngọt bùi là chính thức “tiễn biệt” tất cả bạn bè ra khỏi máy tính một khi họ đã rời Ashram.

Tôi chia văn phòng với một người vui tính trước đây là thợ làm tóc ở đại lộ Madison.. Chúng tôi cùng cầu nguyện buổi sáng một mình, chỉ có hai chúng tôi hát bài tụng ca dâng Thượng Đế.

Một buổi sáng, người thợ làm tóc hỏi, “Cô thấy hôm nay mình có thể tăng nhịp độ bài tụng được không? Và có lẽ nâng nó lên một quãng tám cao hơn? Vậy thì giọng tôi nghe không có vẻ như một phiên bản tâm linh của Count Basie đấy chứ?”

Giờ thì tôi đang có rất nhiều thời gian một mình ở đây. Tôi dành khoảng bốn hay năm tiếng mỗi ngày trong động thiền. Giờ tôi có thể ngồi một mình hàng tiếng liền, an nhiên trong sự hiện diện của chính mình, không bị tồn tại của chính mình trên hành tinh quấy rầy. Đôi khi trạng thái thiền của tôi siêu thực và là những trải nghiệm thể chất shakti - với tất cả sự dữ dội làm sôi máu, vận vẹo xương sống. Tôi cố nhượng bộ với ít kháng cự nhất có thể. Những lúc khác tôi chứng nghiệm một toại nghiệm thâm lặng, ngọt ngào, và điều đó cũng tốt nữa. Những câu nói vẫn hình thành trong tâm trí tôi, và những ý nghĩ vẫn thực hiện vũ điệu khoe khoang nhỏ nhít của chúng, nhưng giờ tôi biết những khuôn mẫu tư tưởng của mình rõ đến nỗi chúng không còn làm phiền tôi nữa. Những ý nghĩ của tôi đã trở thành như những người hàng xóm lâu năm, gần như phiền toái nhưng cuối cùng vẫn khá đáng mến -

ông và bà Yakkity-Yak và ba đứa con ngớ ngẩn của họ, Ba Hoa, Ba Hoa, và Ba Hoa. Nhưng họ không khuấy đảo nhà tôi. Trong chòm xóm này có chỗ cho tất cả chúng tôi.

Về phần bất kỳ thay đổi nào khác có thể xuất hiện trong tôi vào những tháng cuối cùng này, có lẽ tôi thậm chí chưa thể cảm nhận được. Những bạn bè đã học Yoga từ rất Ashram đối với ta cho đến khi nào ta rời nơi đó và trở về cuộc sống bình thường của mình. "Chỉ khi đó," cựu nữ tu từ Nam Phi nói, "ta sẽ bắt đầu nhận thấy những kho trữ bên trong ta đã được xếp đặt lại ra sao." Tất nhiên vào thời điểm đó, tôi không hoàn toàn rõ cuộc sống bình thường của mình sẽ ra sao. Tôi muốn nói là, có lẽ tôi sắp chuyển đến ở với một thầy mo già ở Indonesia - đó có phải là cuộc sống bình thường của tôi không? Có lẽ thế, ai mà biết được? Dù sao, trong mọi trường hợp, bạn bè tôi nói những thay đổi đó chỉ xuất hiện về sau này. Ta có thể sẽ thấy những ám ảnh suốt đời biến mất, hay những khuôn mẫu xấu xa, tưởng không tan rã được cuối cùng cũng thay đổi. Những chọc tức nhỏ nhặt đã từng làm ta khủng khiếp giờ không còn là vấn đề nữa, trong khi những khổ khổ cũ mềm thắm thắm ta từng chịu đựng vì thói quen bây giờ sẽ không được dung thứ nữa dù chỉ trong năm phút. Những mối quan hệ độc hại bị phơi ra hay tổng khứ đi, và những con người hữu ích hơn, sáng sủa hơn bắt đầu bước vào thế giới của chính ta.

Tối qua tôi không thể ngủ được. Không phải vì bồn chồn, mà vì sự chờ đợi phần khích. Tôi mặc áo và bước ra ngoài đi dạo trong vườn. Mặt trăng chín đỏ ngọt ngào vành vạnh, nó lơ lửng ngay trên đầu tôi, trải ánh sáng bạc khắp xung quanh. Không khí sực mùi hoa nhài và cả hương thơm ngậy ngất từ bụi cây có hoa nồng nàn chỉ nở về đêm được trồng quanh đây. Ban ngày trời ẩm ướt và nóng, còn giờ thì chỉ bớt ẩm và nóng đi một chút. Khí ẩm luân chuyển quanh tôi và tôi nhận ra, "Mình đang ở Ấn Độ."

Mình đang mang xăng đan và mình đang ở Ấn Độ!

Tôi bắt đầu chạy, phóng nhanh ra khỏi lối đi và lao xuống đồng cỏ, băng qua bãi cỏ ngập ánh trăng. Cơ thể tôi có cảm giác sống động và rất khỏe mạnh sau tất cả những tháng Yoga, thức ăn chay và ngủ sớm. Đôi xăng đan của tôi trên cỏ sương mềm tạo ra âm thanh: *shippa-shippa-shippa-shippa*, và đó là âm thanh duy nhất trong cả thung lũng. Tôi đã hân hoan đến nỗi tôi chạy thẳng tới bụi cây khuynh diệp ở giữa công viên (nơi người ta nói đã từng có một ngôi đền để tỏ lòng tôn kính Ganesh - người dẹp bỏ mọi chướng ngại) và tôi choàng vòng tay quanh một trong những thân cây đó, vẫn còn ẩm vì sức nóng ban ngày, và tôi hôn nó đắm say. Tôi muốn nói là, tôi hôn cái cây ấy bằng tất cả trái tim mình, thậm chí lúc đó không nghĩ rằng đây là cơn ác mộng tồi tệ nhất của mọi bậc cha mẹ Mỹ khi có con chạy trốn đến Ấn Độ để tìm thấy chính bản thân - rằng cuối cùng cô ta sẽ có cuộc truy hoan với cây cối dưới trăng.

Nhưng nó thuần khiết, tình yêu tôi đang cảm thấy này. Nó thần thánh. Tôi nhìn quanh thung lũng tối và tôi không thấy gì mà không phải là Thượng Đế. Tôi cảm thấy hạnh phúc sâu sắc, mãnh liệt. Tôi nghĩ, "Bất kể cảm giác này là gì - đây là cái mà mình đã cầu xin. Và đây cũng là cái mình đã cầu nguyện với."

Nhân tiện, tôi đã tìm thấy từ của mình.

Thứ một sách như tôi, dĩ nhiên, tôi tìm thấy nó trong thư viện. Tôi đã thắc mắc về từ của mình từ buổi chiều ở Roma khi anh bạn Ý Giulio bảo tôi rằng từ của Roma là TÌNH DỤC và khi anh hỏi từ của tôi là gì. Lúc đó tôi không biết câu trả lời, nhưng gần như mừng rỡ từ của mình cuối cùng rồi sẽ xuất hiện, và rằng tôi sẽ nhận ra nó khi thấy.

Vậy là tôi đã thấy nó trong tuần cuối cùng của mình ở Ashram. Khi đang đọc từ đầu đến cuối một văn bản cổ về Yoga, tôi tìm thấy một mô tả về những người tầm đạo xưa. Một từ Phạn đã xuất hiện trong đoạn văn: ANTEVASIN. Nghĩa là "người sống ở biên giới". Vào thời xưa đây là một miêu tả theo nghĩa đen. Nó chỉ là một con người đã lìa bỏ trung tâm náo động của cuộc đời trần tục để đến sống ở bìa rừng nơi các đạo sư cư ngụ. *Antevasin* không còn là một trong những dân làng nữa - không phải là một chủ hộ với cuộc đời quy ước. Nhưng y vẫn chưa là một người siêu việt - không phải là một trong những nhà hiền triết sống trong rừng sâu chưa dấu chân người, đã chứng ngộ hoàn toàn. *Antevasin* là một người ở lưng chừng. Y là một người ở biên giới. Y sống trong tầm mắt thấy của cả hai thế giới, nhưng hướng về cái chưa biết. Và y là một học giả.

Khi đọc mô tả này về *antevasin*, tôi trở nên phấn khích đến nỗi đã thốt lên vì nhận ra. Đó là từ của mình, cưng ơi! Trong thời hiện đại, dĩ nhiên, hình ảnh khu rừng chưa dấu chân người đó phải là nghĩa bóng, và biên giới cũng sẽ phải là nghĩa bóng. Nhưng ta vẫn có thể sống ở đó. Ta vẫn có thể sống trên lằn ranh lung linh đó giữa suy nghĩ cũ mòn của ta và suy nghĩ mới của ta, luôn luôn trong trạng thái học hỏi. Trong nghĩa bóng, đây là một biên giới luôn chuyển động - khi ta tiến bộ trong học hỏi và chứng đắc của mình, khu rừng bí ẩn của điều chưa biết đó luôn ở trước ta vài feet, vậy nên ta phải lướt nhẹ nhàng tiếp tục theo kịp nó. Ta phải trong trạng thái di động, dễ di dời, uyển chuyển. Thậm chí là trơn tuột nữa. Thật buồn cười, vì chỉ mới hôm trước, anh bạn thợ ống nước/nhà thơ từ New Zealand của tôi rời Ashram, và khi đi ra cửa, anh đưa tôi một bài thơ chia tay nhỏ thân ái nói về hành trình của tôi. Tôi nhớ câu thơ này:

Elizabeth, lưng chừng lơ cỡ

Những cụm từ Ý và những giấc mơ Bali,

Elizabeth, lưng chừng lơ cỡ

Trơn tuột như một con cá đôi khi...

Tôi đã dành rất nhiều thời gian trong những năm qua tự hỏi tôi phải là cái gì. Một người vợ? Một người tình? Một người độc thân? Một người Ý? Một người ham hố? Một du khách? Một nghệ sĩ? Một hành giả? Nhưng tôi không là bất cứ gì trong những thứ này, ít ra thì cũng không hoàn toàn. Và tôi cũng không phải là Dì Liz Khùng. Tôi chỉ là một *antevasin* trơn tuột

- lưng chừng lối cũ - một môn sinh nơi lằn ranh luôn dịch chuyển gần khu rừng đáng sợ, tuyệt vời của cái mới.

Tôi tin là tất cả các tôn giáo của thế giới, tận cốt lõi của mình, đều chia sẻ mong muốn tìm thấy được một ẩn dụ gây cảm xúc mạnh mẽ. Khi ta muốn đạt đến tương thông với Thượng Đế, cái ta thực sự đang cố gắng làm là rời khỏi đời sống trần tục và bước vào vĩnh cửu (từ ngôi làng đến khu rừng, ta có thể nói vậy, theo chủ đề *antevasin*) và ta cần một kiểu ý niệm cao quý nào đó để đưa ta đến đấy. Ẩn dụ này phải là một ẩn dụ lớn, thật sự lớn, ma thuật và hùng mạnh, vì nó phải đưa ta qua một khoảng cách cực kỳ lớn. Nó phải là chiếc thuyền lớn nhất có thể hình dung được.

Những nghi thức tôn giáo thường phát triển từ thực nghiệm huyền bí. Một hướng đạo sinh can đảm nào đó đi tìm con đường mới đến thiêng liêng, có được trải nghiệm siêu việt và trở về nhà thành một nhà tiên tri. Ông hay bà ấy mang về cho cộng đồng những câu chuyện về thiên đường và các bản đồ chỉ cách đến đó. Rồi những người khác lặp lại những từ, những công việc, những cầu nguyện, hay những hành động của nhà tiên tri này, để cũng vượt qua được. Đôi khi việc ấy thành công - đôi khi cùng một kết hợp quen thuộc các âm tiết và thực hành tín ngưỡng được lặp lại thế hệ này qua thế hệ khác có thể sẽ đưa nhiều người sang bờ bên kia. Thế nhưng, đôi khi nó không có kết quả. Ngay cả những ý niệm mới mẻ ban đầu cũng không thể tránh khỏi cuối cùng chai lại thành giáo điều hay ngừng phục vụ mọi người.

Những người Ấn quanh đây kể một ngụ ngôn cảnh tỉnh về một vị thánh vĩ đại luôn được những tín đồ trung thành bao quanh trong Ashram của mình. Vị thánh và các môn đệ thiền về Thượng Đế trong nhiều giờ mỗi ngày. Vấn đề duy nhất là vị thánh nuôi một con mèo con, một sinh vật quấy rầy, nó thường lang thang khắp đền và kêu meo meo rồi rên từ từ và làm phiền tất cả mọi người trong giờ thiền. Nên vị thánh, với tất cả sự sáng suốt thực tế của mình, ra lệnh buộc con mèo vào một cái cột bên ngoài vài giờ mỗi ngày, chỉ trong lúc thiền, để nó không quấy rầy ai. Việc ấy đã trở thành một thói quen - buộc con mèo vào cột và rồi thiền về Thượng Đế - nhưng nhiều năm trôi qua, thói quen chai lại thành một nghi thức tôn giáo. Không ai có thể thiền nếu không buộc con mèo vào cột trước. Rồi một ngày con mèo chết đi. Các môn đệ của vị thánh kinh hãi. Đó là một cuộc khủng hoảng tôn giáo ghê gớm - giờ làm sao họ có thể thiền nếu không có con mèo để buộc vào cột? Làm sao họ có thể đến với Thượng Đế đây? Trong óc họ, con mèo đã trở thành phương tiện.

Câu chuyện này cảnh cáo, hãy rất cẩn trọng, đừng để trở nên quá ám ảnh chuyện lặp lại nghi thức tôn giáo chỉ vì nghi thức. Nhất là trong thế gian chia rẽ này, khi mà Taliban và Liên minh Cơ đốc tiếp tục cuộc chiến tranh thương hiệu quốc tế của mình để phân tranh xem ai sở hữu các quyền đối với từ *Thượng Đế* và ai có những nghi thức đúng mực để đến được Thượng Đế ấy, có lẽ sẽ hữu ích khi nhớ rằng không phải việc buộc con mèo vào cái cột sẽ đưa bất kỳ ai đến siêu nghiệm, mà chỉ bằng mong muốn kiên trì của một cá thể tìm kiếm trải nghiệm bi mẫn vĩnh cửu của thiêng liêng. Sự uyển chuyển cũng cơ bản đối với sự thiêng liêng như kỷ luật vậy.

Vậy thì, công việc của ta, nếu ta quyết định chấp nhận nó, là cứ tìm kiếm những ẩn dụ, nghi thức và những vị thầy sẽ giúp ta ngày càng đến gần hơn với thiêng liêng. Kinh điển

Yoga nói rằng Thượng Đế đáp lại những lời cầu nguyện thiêng liêng và những nỗ lực của con người *bằng bất kỳ cách thức nào* con người đã chọn -chừng nào những lời cầu nguyện đó là chân thành. Như một dòng trong Upanishada gợi ý, "Người ta theo các con đường khác nhau, thẳng hay quanh co, tùy theo khí chất của mình, phụ thuộc vào điều họ cho là tốt nhất, hay thích hợp nhất - và tất cả đều đến với Ngài, như sông đổ về biển."

Mục đích khác của tôn giáo, tất nhiên, là cố giải thích thế giới hỗn loạn của chúng ta và giải thích những điều không giải thích được chúng ta thấy đang diễn ra mỗi ngày ngoài kia trên trái đất: người vô tội phải chịu đựng, kẻ ác được tưởng thưởng - chúng ta phải làm gì với tất cả những điều ấy? Truyền thống phương Tây nói, "Tất cả mọi sự đều được giải quyết sau cái chết, trên thiên đường và dưới địa ngục." (Tất cả công lý sẽ được ban phát nhỏ giọt, tất nhiên, bởi cái James Joyces thường gọi là "Thượng Đế, Người Hành Quyết" - với gương mặt của người cha, ngồi ở chiếc ghế phân xử cứng nhắc Của Ông Ấy trừng phạt kẻ ác và ban thưởng người tốt.) Tuy nhiên ở phương Đông, Upanishads phủ nhận bất kỳ cố gắng nào giải thích những hỗn loạn của trần gian. Họ thậm chí không chắc là thế gian hỗn loạn, mà gợi ý là nó có thể chỉ thị hiện như vậy với chúng ta, vì cái nhìn giới hạn của chúng ta. Những kinh văn này không hứa hẹn công lý hay báo thù cho bất kỳ ai, dù có nói là mỗi hành động đều có những hậu quả - vậy nên hãy chọn hành vi của ta sao cho phù hợp. Dù có thể ta không thấy những hậu quả này trong một lúc nào đó sớm. Yoga luôn nhìn xa nghĩ rộng. Hơn nữa, Upanishads gợi ý là cái được gọi là hỗn loạn có thể có một chức năng thiêng liêng thực sự, ngay cả nếu ta không tự mình nhận ra nó ngay lúc này: "Thần thánh thích cái khó hiểu và không thích cái hiển nhiên." Vậy thì, điều tốt nhất ta có thể làm, để đáp lại thế giới nguy hiểm và không thể hiểu nổi của chúng ta, là thực hành duy trì trạng thái thăng bằng *nội tại* - bất luận việc điên loạn nào đang diễn ra ngoài kia.

Sean, người nông dân Ireland sản xuất bơ sữa, bạn Yoga của tôi, giải thích điều ấy cho tôi theo cách như vậy. "Hãy tưởng tượng vũ trụ là một động cơ lớn đang quay," anh nói. "Ta muốn ở gần tâm của nó - ngay trong trung tâm của bánh xe - không phải ở ngoài rìa nơi tất cả xoáy lốc cuồng loạn này đang diễn ra, nơi mà khi đến được ta có thể bị tàn phá. Trung tâm của tĩnh lặng - đó là tim ta. Đó là nơi Thượng Đế sống trong ta. Nên hãy ngừng tìm kiếm câu trả lời trong thế gian. Chỉ cần cứ trở lại trung tâm đó và ta sẽ luôn tìm thấy thanh thần."

Về mặt tâm linh, tôi chưa từng thấy ý kiến nào có lý hơn. Nó hiệu quả với tôi. Và nếu có lúc nào tìm thấy cái gì hiệu quả hơn, tôi cam đoan với bạn - tôi sẽ dùng.

Tôi có nhiều bạn bè ở New York không theo đạo. Hầu hết, tôi có thể nói vậy. Hoặc là họ rời bỏ giáo huấn tâm linh thời trẻ của họ hoặc họ chưa từng biết đến Thượng Đế nào từ khi lớn lên để bắt đầu tin theo. Tự nhiên là, một số người trong họ có chút gì sợ hãi vì nỗ lực đến với thiêng liêng mới tìm thấy của tôi. Đã có nhiều trò đùa, dĩ nhiên. Như anh bạn Bobby đã từng chế giễu khi anh đang cố sửa cái máy tính của tôi, "Không phải xúc phạm *hào quang* của bồ đâu, nhưng bồ còn chưa biết quái gì về việc tải phần mềm xuống nữa là." Tôi cười nghiêng ngả vì câu đùa. Tôi cũng thấy hoàn toàn thú vị. Tất nhiên đúng là vậy.

Dù sao, điều tôi thấy ở một số bạn của tôi, khi họ già đi, là một khát khao có *cái gì đó* để tin vào. Nhưng khao khát này phai pha dần vì bao nhiêu trở ngại, kể cả trí tuệ và lương tri của họ. Tuy nhiên, bất chấp trí tuệ của họ, những người này vẫn đang sống trong một thế giới loạn xạ lao về phía trước giữa một loạt những chao đảo dữ dội, bị tàn phá và

hoàn toàn phi lý. Những trải nghiệm lớn lao và khủng khiếp về khổ đau hay vui sướng vẫn thường diễn ra trong đời sống của tất cả những người này, cũng như với những người còn lại trong chúng ta, và những trải nghiệm thật to lớn đó thường khiến ta khát khao một bối cảnh tâm linh để bày tỏ hoặc sự than van hoặc lòng biết ơn, hay để tìm kiếm hiểu biết. Vấn đề là - thờ phụng cái gì, cầu nguyện ai?

Tôi có một người bạn quý có đưa con đầu lòng chào đời ngay sau khi người mẹ yêu dấu của vừa mất. Sau ngã ba của điều kỳ diệu và mất mát này, bạn tôi cảm thấy khát khao có một kiểu nơi chốn thiêng liêng nào đó để đến, hay nghi thức nào đó để thực hiện, hồng sắp xếp lại mọi cảm xúc. Bạn tôi nhận được nền giáo dục để thành một tín đồ Thiên chúa giáo, nhưng lớn lên không thể cam chịu trở lại nhà thờ. ("Tôi không tin nó nữa," anh nói, "khi biết điều mình từng tin.") Tất nhiên, anh sẽ bối rối nếu trở thành một tín đồ Ấn giáo hay một Phật tử hay cái gì đó lập dị như vậy. Vậy anh có thể làm gì? Như anh bảo tôi, "Tôi không muốn lại đi kén chọn một tôn giáo tốt nhất."

Đây là một tình cảm tôi hoàn toàn tôn trọng ngoại trừ việc tôi hoàn toàn không đồng ý. Tôi nghĩ ta được tự do kén chọn cái tốt nhất trong việc thay đổi tinh thần ta và tìm thấy thanh thần nơi Thượng Đế. Tôi nghĩ ta được tự do tìm kiếm bất kỳ ẩn dụ nào có thể đưa ta vượt qua sự chia rẽ trần tục mỗi khi ta cần hoan hỉ hay được trấn an. Không có gì phải bối rối về chuyện đó cả. Đó là lịch sử tìm kiếm sự thiêng liêng của nhân loại. Nếu nhân loại không đạt được tiến bộ nào trong tiến trình khám phá tính linh thiêng, rất nhiều người chúng ta có thể còn thờ phụng mấy cái tượng mèo bằng vàng của Ai Cập. Cuộc tiến hóa trong quan niệm tôn giáo liên quan rất nhiều tới việc chọn lọc. Ta dùng bất kỳ công trình nào từ bất cứ đâu ta có thể tìm thấy nó, và cứ thế tiếp tục tiến về phía ánh sáng.

Những người Anh diêng Hopi nghĩ rằng mỗi tôn giáo trên thế giới đều chứa đựng một sợi chỉ tâm linh, và rằng các sợi chỉ này luôn tìm kiếm nhau, muốn nối liền lại. Khi cuối cùng tất cả các sợi chỉ đan lại với nhau chúng sẽ hình thành một sợi dây thừng kéo chúng ta ra khỏi chu kỳ lịch sử tối tăm này để vào cảnh giới tiếp theo. Đương đại hơn, Đạt Lai Lạt Ma đã lặp lại ý tưởng đó, ngài nhiều lần khẳng định với các môn đệ Tây phương của mình là họ không cần phải trở thành Phật tử Tây Tạng mới là học trò của ngài. Ngài hoan nghênh họ lấy bất kỳ tư tưởng nào họ muốn từ Phật giáo Tây Tạng và kết hợp những tư tưởng này vào các thực hành tôn giáo của chính họ. Ngay cả ở những nơi gần như không thể và bảo thủ nhất, đôi khi ta cũng có thể tìm thấy ý tưởng mơ hồ rằng Thượng Đế có thể cao cả hơn điều những học thuyết tôn giáo giới hạn của chúng ta đã dạy ta. Vào năm 1954, Giáo hoàng Pius XI, hơn ai hết, đã cử một số người đại diện Vatican đến Libya với những hướng dẫn bằng văn bản như sau, "ĐỪNG nghĩ các người đang đi giữa những kẻ ngoại đạo. Những tín đồ Hồi giáo cũng đạt được cứu rỗi. Những con đường của Thượng Đế là vô tận."

Nhưng điều đó không có nghĩa sao? Rằng cái vô tận có thể là, thật sự... vô tận? Rằng ngay cả những người thần thánh nhất trong chúng ta vào bất cứ thời điểm nhất định nào cũng chỉ có thể thấy những mảnh rời rạc của bức tranh vĩnh cửu? Và rằng có lẽ nếu chúng ta có thể thu nhặt những mảnh đó và đối chiếu, một câu chuyện về Thượng Đế có thể sẽ bắt đầu hiện lên, giống và bao gồm hình dung của tất cả mọi người? Và phải chăng khát khao siêu nghiệm cá thể của chúng ta chỉ là một phần của cuộc tìm kiếm cái thiêng liêng lớn hơn của loài người? Mỗi người chúng ta không có quyền tiếp tục tìm kiếm cho đến khi gần ngợp

nguồn của điều kỳ diệu nhất có thể sao? Ngay cả khi điều đó có nghĩa là đến Ấn Độ và hôn hít cây cối dưới ánh trăng trong chốc lát?

Nói cách khác, dù trong góc khuất hay giữa ánh mắt đỏ dồn vào của đám đông, tôi vẫn sẽ chọn lựa tôn giáo của mình.

Chuyến bay của tôi rời Ấn Độ vào bốn giờ sáng, diễn hình sinh hoạt ở Ấn Độ. Đêm đó tôi quyết định không ngủ chút nào mà dành trọn đêm trong động thiền, cầu nguyện. Tôi không phải người hay thức khuya, nhưng cái gì đó trong tôi muốn tỉnh thức trong những giờ cuối cùng này ở Ashram. Trong đời mình có rất nhiều thứ tôi đã thức cả đêm để làm – ái ân, tranh cãi với ai đó, chạy xe đường dài, nhảy nhót, khóc lóc, lo âu (và thực tế là, đôi lúc tất cả những thứ này trong một đêm) – nhưng tôi chưa bao giờ hy sinh giấc ngủ cho một đêm chỉ để cầu nguyện. Vậy tại sao bây giờ lại không làm thế?

Tôi xếp hành lý và để nó gần cổng đền, như vậy tôi có thể sẵn sàng chộp lấy nó và đi ngay khi taxi đến trước rạng sáng. Và rồi tôi đi bộ lên đồi, tôi vào động thiền và ngồi xuống. Tôi ở một mình trong đó, nhưng tôi ngồi nơi có thể thấy bức hình lớn của Swamiji, thầy của Sư phụ tôi, người sáng lập Ashram này, con sư tử đã đi xa nhưng bằng cách nào đó vẫn như đang hiện diện nơi đây. Tôi nhắm mắt và để câu chú tự đến. Tôi trèo xuống cái thang đó vào trung tâm tĩnh lặng của riêng mình. Khi đến được đó, tôi có thể cảm thấy thế giới ngừng lại, theo cách tôi luôn muốn nó ngừng hồi chín tuổi và hoảng sợ trước sự không ngừng nghỉ của thế giới. Trong tim tôi, dòng hồ ngừng chạy và những trang lịch thôi lìa tường. Tôi ngồi âm thầm kinh ngạc về tất cả những gì mình hiểu. Không phải tôi đang cầu nguyện nhiệt thành. Tôi đã *trở thành* chính lời cầu nguyện.

Tôi có thể ngồi đó suốt đêm.

Thật sự, tôi đã làm vậy.

Tôi không biết cái gì báo cho tôi khi đã đến giờ ra taxi nhưng sau vài giờ tĩnh lặng, có gì đó huých nhẹ tôi và khi nhìn đồng hồ tay thì đúng là lúc phải đi. Giờ tôi phải bay đến Indonesia. Thật buồn cười và kỳ lạ. Nên tôi đứng dậy và cúi lạy trước hình Swamiji – con người độc đáo, phi thường, dữ dội. Và rồi tôi đặt một mẫu giấy dưới thảm, ngay dưới bức hình ông. Trên tờ giấy là hai bài thơ tôi viết trong thời gian bốn tháng ở Ấn Độ. Đây là những bài thơ đích thực đầu tiên tôi từng viết. Một thợ ống nước từ New Zealand đã khuyến khích tôi thử thơ ca một phen – vì vậy mà có chuyện này. Một trong hai bài thơ này tôi viết khi ở đây chỉ mới một tháng. Còn bài kia, tôi vừa chỉ mới viết sáng nay.

Trong khoảng thời gian giữa hai bài thơ, tôi đã tìm thấy muôn vàn ân huệ.

Hai bài thơ từ Ashram ở Ấn Độ

Bài đầu

*Tất cả cuộc chuyện trò mật hoa và tuyệt phúc này bắt đầu làm tôi bực mình.
Tôi không biết về anh, bạn tôi ơi,
nhưng con đường tôi đến với Thượng Đế chẳng ngọt ngào trầm hương lan tỏa.
Như trong chuồng bồ câu, một con mèo được thả.
Tôi – con mèo ấy – và cũng là một trong những kẻ gào la khản cổ khi đánh ước cùng nhau.*

*Đường tôi đến với Thượng Đế như cuộc nổi dậy của chỉ một công nhân,
Chẳng thể thắng lợi chừng nào chưa đoàn kết lại.
Kẻ bảo vệ họ nếu trở nên đáng sợ
Vệ binh Quốc gia sẽ chẳng dám đến gần.*

*Đường tôi đã nằm phủ phục trước mắt tôi,
Nhờ một người da nâu nhỏ nhắn tôi chưa từng được gặp,
Khắp Ấn Độ, người đuổi theo Thượng Đế, chân lún bùn,
Chân trần và đói khát, máu mang bệnh sốt rét,
ngủ ở bậc cửa, dưới gầm cầu – một kẻ lang thang.
(Cũng là kẻ “hướng về xứ sở”, bạn biết đấy)
Và giờ ông ta đuổi theo tôi, nói rằng, “Có được nó chưa, Liz?”
XỨ SỞ nghĩa là gì? HƯỚNG VỀ thật sự là gì?*

Bài hai

*Tuy nhiên,
Nếu họ cho phép tôi mặc quần làm từ
Cỏ mới cắt nơi đây,
Tôi sẽ làm vậy.*

*Nếu họ cho phép tôi hôn hít vuốt ve
Từng cây khuynh diệp một trong rừng Ganesh,
Tôi thề, tôi sẽ làm.*

*Gần đây tôi toát mồ hôi sương,
Thanh toán mọi cận bã,
Cọ cào trên thân cây,
Ngỡ là chân thầy mình.*

Tôi không thể tiến đủ xa.

*Nếu họ cho phép tôi ăn đất nơi đây
Trên một chiếc giường làm bằng những tổ chim,
Tôi sẽ ăn chỉ một nửa,
Rồi ngủ suốt đêm trên phần còn.*

**INDONESIA – hay - “Ngay Cả Trong Quần Lót Của Mình Tôi Cũng
Thấy Khác” – hay - Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Cuộc Mưu Cầu Cân
Bằng**

INDONESIA

hay

“Ngay Cả Trong Quần Lót Của Mình Tôi Cũng Thấy Khác”

hay

Ba Mươi Sáu Câu Chuyện Về Cuộc Mưu Cầu Cân Bằng

Trong đời mình chưa bao giờ tôi được chuẩn bị ít hơn lúc đến Bali. Trong cả lịch sử chu du chuẩn bị cầu thả của mình, đây là lần tôi cầu thả nhất. Tôi không biết mình sẽ sống ở đâu, tôi không biết mình sẽ làm gì, tôi không biết tỉ giá hối đoái ra sao, tôi không biết làm sao để kiếm một chiếc taxi ở phi trường – thậm chí yêu cầu taxi chở tôi đến đâu tôi cũng không biết. Không có ai chờ tôi đến. Tôi không có bạn bè ở Indonesia, cả bạn của bạn cũng không. Và đây là vấn đề khi đi du lịch với cuốn sách hướng dẫn lỗi thời mà đã thế lại còn không đọc nó: tôi đã không nhận ra rằng mình thực sự không được phép ở lại Indonesia bốn tháng, ngay cả nếu tôi muốn. Tôi chỉ biết điều đó lúc đến đất nước này. Hóa ra tôi chỉ được cấp một thị thực du lịch một tháng. Tôi không hề nghĩ chính phủ Indonesia lại có thể có thái độ nào khác ngoài vui mừng đón tiếp tôi ở đất nước họ cho tới chừng nào tôi còn vui lòng ở lại.

Khi viên chức nhập cư tử tế đang đóng dấu hộ chiếu của tôi, cho phép ở lại Bali trong chỉ và đúng ba mươi ngày, tôi hỏi anh ta theo cách thân thiện nhất có thể rằng tôi có thể ở lại lâu hơn không.

“Không,” anh ta nói, cũng theo cách thân thiện nhất. Người Bali nổi tiếng thân thiện.

“Anh thấy đó, tôi định ở đây ba hay bốn tháng,” tôi bảo anh ta.

Tôi không đề cập đó là một *lời tiên tri* – rằng việc tôi ở lại đây trong ba hay bốn tháng đã được một thầy mo ở Bali già và có lẽ loạn trí đã tiên đoán hai năm trước trong mười phút xem tướng tay. Tôi không rõ phải giải thích việc này ra sao.

Nhưng ông thầy mo đó đã nói gì mà giờ đây tôi nghĩ đến nó? Ông ấy có thực sự nói rằng tôi sẽ trở lại Bali và sống với ông ba hay bốn tháng không? Ông ấy có thực sự nói “sống với” ông không? Hay ông ấy chỉ muốn tôi tạt qua vào lúc nào đó nếu tôi đang ở gần và đưa ông thêm mười đôla để xem tướng tay lần nữa? Ông ấy nói tôi sẽ trở lại, hay là tôi *nên* trở lại? Ông ấy có thật sự nói, “Hẹn gặp lại, cá sấu Mỹ?” Hay là, “Lát nữa nhé, cá sấu?”

Tôi chẳng liên lạc gì với ông thầy mo từ buổi tối hôm ấy. Dù sao, tôi đã không thể biết làm sao để liên lạc với ông. Địa chỉ ông ta có thể là gì nhỉ? “Thầy lang, Trên hiên nhà ông, Bali, Indonesia”? Tôi không biết ông còn sống hay đã chết. Tôi nhớ hai năm trước khi chúng tôi gặp nhau ông đã có vẻ già lắm rồi; từ đó đến nay bất cứ điều gì cũng có thể đã xảy ra ới ông. Chỉ có mỗi một điều tôi biết chắc là tên ông – Ketut Liyer – và nhớ được là ông sống trong một ngôi làng ngoài thị trấn Ubud. Nhưng tôi không nhớ tên của ngôi làng.

Có thể lẽ ra tôi phải nghĩ kỹ hơn điều này.

Nhưng Bali là một nơi có thể tìm đường khá đơn giản. Không giống như tôi đặt chân lên giữa Sudan mà không biết sẽ làm gì tiếp theo. Đây là một hòn đảo khoảng bằng tiểu bang Delaware và nó là một điểm du lịch nổi tiếng. Toàn bộ nơi này đã tự thu xếp để giúp ta, người phương Tây với thẻ tín dụng, đi lại dễ dàng. Ở đây tiếng Anh được sử dụng rộng rãi và vui vẻ. (Nó khiến tôi cảm thấy khuây khỏa một cách tội lỗi. Các khớp thần kinh não tôi đã quá tải với những cố gắng học tiếng Ý hiện đại và tiếng Phạn cổ trong mấy tháng vừa qua đến nỗi tôi đơn giản là không thể gánh vác nhiệm vụ cổ học tiếng Indonesia hay, thậm chí còn khó hơn, tiếng Bali – một ngôn ngữ còn phức tạp hơn tiếng của người sao Hỏa.) Thật sự không có gì khó khăn ở đây cả. Ta có thể đổi tiền ở sân bay, tìm một taxi với một tài xế tử tế sẽ giới thiệu ta đến một khách sạn dễ thương – chẳng có gì trong những thứ này là khó thu xếp cả. Và từ khi ngành du lịch sụp đổ theo sau vụ đánh bom khủng bố ở đây hai năm trước (xảy ra vài tuần sau khi tôi rời Bali lần đầu), giờ thì đi loanh quanh còn dễ dàng hơn; mọi người đều tha thiết giúp ta, tha thiết với công việc.

Vậy là tôi kêu một chiếc taxi đến thị trấn Ubud, có vẻ là một nơi tốt để bắt đầu hành trình của mình. Ở đó tôi đặt phòng tại một khách sạn nhỏ xinh xắn trên con phố có cái tên thật hoang đường là Đường Rừng Khỉ. Khách sạn có một cái hồ bơi dễ thương và một khu vườn đơm kín hoa nhiệt đới với những đóa hoa to hơn trái bóng chuyền (được một đội chim ruồi và bướm có tổ chức cao chăm nom). Nhân viên là người Bali, nghĩa là họ bắt đầu tự động yêu chuộng ta và khen ngợi vẻ đẹp của ta ngay khi ta bước vào. Căn phòng có tầm nhìn ra các ngọn cây nhiệt đới và bữa điểm tâm sáng được tính vào trong tiền phòng mỗi sáng với hàng núi trái cây tươi nhiệt đới. Nói tóm lại, đó là một trong những nơi đẹp dễ nhất tôi từng ở và tôi phải trả ít hơn mười đô la một ngày. Thật tuyệt để trở lại.

Ubud nằm ở trung tâm Bali, trên núi, được bao quanh bởi ruộng bậc thang và vô số những ngôi đền Hindu, với những dòng sông đi tắt qua những hẻm núi sâu của rừng rậm và núi lửa hiện rõ ở chân trời. Từ lâu Ubud được xem là trung tâm văn hóa của đảo, là nơi hội họa, múa, chạm khắc Bali truyền thống và những nghi lễ tôn giáo phát triển mạnh. Ubud không gần bờ biển nào cả, nên những du khách đến Ubud là một đám đông chọn lọc và khá ưu tú; họ thích xem một nghi lễ đền cổ hơn là ngồi uống pina colada trên bãi cát. Không kể chuyện xảy ra với lời tiên tri của ông thầy mo của tôi thì đây có lẽ là một nơi đáng yêu để sống một thời gian. Thị trấn gần như một phiên bản Thái Bình Dương thu nhỏ của Santa Fe, chỉ khác là có khí lạnh vắng và những gia đình Bali mặc đồ truyền thống khắp nơi. Có những quán ăn ngon và những hiệu sách nhỏ xinh xắn. Tôi có thể dành cả thời gian của mình ở Ubud này làm điều những phụ nữ Mỹ ly dị tử tế vẫn sử dụng thời gian của họ để làm, từ khi người ta nghĩ ra YWCA^[38] – đăng ký vào hết lớp này đến lớp khác: in hoa batic, đánh trống, làm đồ nữ trang, gốm, vũ điệu Bali truyền thống và nấu ăn... Ngay bên kia đường đối diện khách sạn tôi ở thậm chí còn có cái gì đó gọi là “Cửa hiệu Thiền” – một cửa hàng mặt tiền nhỏ với cái bảng hiệu quảng cáo các khóa thiền từ 6 đến 7 giờ mỗi tối. Cầu chúc cho hòa bình ngự trị trên trái đất, tấm bảng ghi vậy. Tôi hoàn toàn ủng hộ.

Khi tôi soạn hành lý ra thì vẫn còn là đầu giờ chiều, nên tôi quyết định đi dạo một lát, định hướng lại trong thị trấn mình vốn không đi lại từ hai năm rồi. Và rồi tôi sẽ cố hình dung xem bắt đầu tìm ông thầy mo ra sao. Tôi hình dung đây sẽ là một nhiệm vụ khó khăn, có thể mất nhiều ngày hay thậm chí nhiều tuần. Tôi không rõ nên bắt đầu cuộc tìm kiếm của mình từ đâu, nên tôi dừng ở bàn tiếp tân khi đi ra và hỏi Mario xem anh ta có giúp được tôi không.

Mario là một trong những anh chàng làm việc ở khách sạn này. Tôi đã kết bạn với anh khi tôi ghi tên lấy phòng, chủ yếu là vì tên của anh. Không lâu trước đây tôi đã đi du lịch ở một đất nước có nhiều đàn ông tên Mario, nhưng không ai trong số họ là một anh chàng Bali nhỏ nhắn, rắn chắc và đầy nghị lực, mặc một cái xà rồng lụa và giắt một bông hoa phía sau tai. Nên tôi phải hỏi, “Tên anh thật sự là Mario à? Nghe không có vẻ Indonesia lắm.”

“Không phải tên thật của tôi,” anh nói. “Tên tôi là Nyoman.”

A – lẽ ra tôi phải biết điều đó. Lẽ ra tôi phải biết là mình có một cơ hội hai mươi lăm phần trăm đoán ra tên thật của Mario. Ở Bali, nếu tôi có thể lạc đề, có bốn cái tên đa số người dân đặt cho con họ, bất kể con họ là trai hay gái. Các tên này là Wayan (phát âm là “Why-Ann”), Made (“mah-DAY”), Nyoman và Ketut. Dịch ra, những cái tên này đơn giản nghĩa là Cả, Hai, Ba, Tư, và chúng có nghĩa là thứ tự ra đời. Nếu ta có một đứa con thứ năm, ta sẽ bắt đầu các chu kỳ tên lại lần nữa, sao cho đứa thứ năm thực sự phải là, “Wayan của Sức mạnh Thứ hai”. Và cứ thế. Nếu có con sinh đôi, ta đặt tên chúng theo thứ tự chúng chào đời. Vì cơ bản chỉ có bốn tên ở Bali (những người ưu tú đẳng cấp cao hơn có lựa chọn tên của riêng họ), hoàn toàn có thể (quả thực, hoàn toàn bình thường) là hai Wayan sẽ cưới nhau. Và rồi đứa con đầu lòng của họ sẽ được đặt tên là Wayan, dĩ nhiên.

Điều này phần nào cho thấy gia đình quan trọng ra sao ở Bali, và vị thứ của ta trong gia đình này quan trọng ra sao. Ta sẽ nghĩ hệ thống này có thể trở nên phức tạp, nhưng không hiểu sao người Bali vẫn giải quyết được. Do vậy thật dễ hiểu và cần thiết, việc đặt biệt danh là phổ biến. Ví dụ, một bà tên Wayan và bà có một quán ăn đông khách gọi là Café Wayan, và vậy là người ta gọi bà là “Wayan Café” – nghĩa là “Bà Wayan chủ Café Wayan”. Một ai khác có thể là “Made Mập” hay “Nyoman cho thuê xe” hay “Ketut ngu ngốc thiêu rụi nhà cậu hần”. Anh bạn Mario người Bali mới của tôi giải quyết vấn đề đơn giản bằng cách tự đặt tên mình là Mario.

“Tại sao là Mario?”

“Vì tôi thích tất cả những gì thuộc về Ý,” anh nói.

Khi tôi bảo anh mình mới ở Ý bốn tháng, anh thấy sự kiện này kinh ngạc lạ lùng đến nỗi anh bước ra từ sau bàn và nói, “Đến đây, ngồi xuống, trò chuyện.” Tôi bước đến, tôi ngồi, chúng tôi trò chuyện. Và chúng tôi thành bạn như vậy đó.

Nên chiều nay tôi quyết định bắt đầu cuộc tìm kiếm ông thầy mo của mình bằng cách hỏi người bạn mới Mario của mình anh có tình cờ thể nào đó biết một người đàn ông tên là Ketut Liyer không.

Mario cau mày, nghĩ ngợi.

Tôi chờ anh ta nói gì đó như, “À, có! Ketut Liyer! Ông thầy mo già vừa chết tuần trước – thật buồn khi một ông thầy mo già đáng kính qua đời...”

Mario yêu cầu tôi nhắc lại cái tên, và lần này tôi ghi nó ra, cho rằng mình phát âm sai gì đó. Không còn nghi ngờ gì nữa, mặt Mario sáng bừng lên nhận ra. “Ketut Liyer!”

Giờ tôi chờ anh ta nói cái gì đó như, “À, có! Ketut Liyer! Người mất trí! Bị bắt tuần trước vì điên khùng...”

Nhưng thay vì vậy anh nói, “Ketut Liyer là một người chữa bệnh nổi tiếng.”

“Đúng! Là ông ta đó!”

“Tôi biết ông ấy. Tôi đã đến nhà ông ấy. Tuần trước tôi dẫn em họ, cô ta cần chữa cho đứa con cứ khóc suốt đêm, tới đó. Ketut Liyer chữa được. Một lần tôi dẫn một cô gái Mỹ như cô đến nhà Ketut Liyer. Cô gái muốn pháp thuật để khiến cô ta đẹp hơn trong mắt đàn ông. Ketut Liyer vẽ một bức tranh ma thuật, để giúp cô đẹp hơn. Sau đó tôi chọc cô ấy. Mỗi ngày tôi bảo cô ấy, “Bức tranh thật linh nghiệm! Xem cô đẹp biết chừng nào! Bức tranh thật linh nghiệm!”

Nhớ lại bức hình Ketut Liyer đã vẽ cho tôi một vài năm trước, tôi bảo Mario rằng mình cũng đã từng có một bức tranh ma thuật từ người thầy mo.

Mario cười. “Bức tranh cũng linh nghiệm với cô nữa?”

“Bức tranh của tôi là để giúp tôi tìm thấy Thượng Đế,” tôi giải thích.

“Cô không muốn đẹp hơn trong mắt đàn ông sao?” anh hỏi, bối rối có thể hiểu được.

Tôi nói, “Này, Mario – hôm nào đó anh dẫn tôi đến thăm Ketut Liyer được không? Nếu anh không quá bận?”

“Không phải bây giờ,” anh nói.

Đúng lúc tôi bắt đầu cảm thấy thất vọng, anh nói thêm, “Nhưng có lẽ trong năm phút nữa.”

Thế là chuyện xảy ra như vậy đó – ngay buổi chiều vừa đến Bali – tôi đột nhiên ngồi sau một chiếc xe máy, ôm chặt anh bạn mới Mario Ý-Indonesia của mình, anh chở tôi phóng khắp các ruộng bậc thang hướng đến nhà Ketut Liyer. Bằng tất cả những gì tôi đã nghĩ về việc tái ngộ với ông thầy mo trong hai năm qua, tôi thực sự không hình dung được mình sẽ nói gì với ông khi đến. Và tất nhiên chúng tôi không có một cuộc hẹn. Vậy là chúng tôi xuất hiện không thông báo. Tôi nhận ra cái bảng hiệu bên ngoài cửa nhà ông, cũng đúng là cái lần trước có ghi “Ketut Liyer – họa sĩ”. Đây là một khu nhà gia đình Bali truyền thống, điển hình. Một bức tường đá cao bao quanh toàn bộ khu nhà, ở giữa có một sân nhỏ và một ngôi đền ở phía sau. Vài thế hệ sống suốt đời cùng nhau trong những căn nhà nhỏ khác nhau liên thông bên trong những bức tường này. Chúng tôi bước vào không gõ cửa (dù sao thì cũng không có cửa) khiến mấy con chó giữ nhà Bali điển hình (gầy còm, giận dữ) hoảng loạn nhặng xị lên và rồi ông thầy mo già Ketut Liyer đang ở đó trong sân, mặc xà rông và áo sơ mi đánh golf, trông đúng như lối ông đã mặc hai năm trước lần đầu tôi gặp. Mario nói cái gì đó với Ketut, và đúng là tôi không trôi chảy tiếng Bali, nhưng tôi nghe có vẻ như một giới thiệu chung chung, cái gì đó kiểu, “Đây là một cô gái từ Mỹ - Tấn công đi.”

Ketut quay lại nhìn tôi cười với cái miệng sún gần hết răng, lòng bi mẫn tuôn trào, và điều này làm người khác được trấn an biết mấy; tôi đã nhớ chính xác, ông ấy là khác thường. Gương mặt ông là một bách khoa toàn thư về lòng tốt. Ông bắt tay tôi thật chặt, mạnh mẽ và phần khích.

“Tôi rất hân hạnh biết cô,” ông nói.

Ông không hề biết tôi là ai.

“Lại đây, lại đây,” ông nói, và tôi được dẫn vào hiên căn nhà nhỏ của ông, nơi có những tấm chiếu tre đan dùng làm bàn ghế. Trông đúng như hai năm về trước. Cả hai chúng tôi ngồi xuống. Không hề do dự, ông nắm lòng bàn tay tôi – cho rằng, cũng như hầu hết khách Tây phương của ông, tôi đến đây để xem tướng tay. Ông xem tướng tay cho tôi rất ngắn gọn, tôi thấy vững tâm vì nó là một phiên bản rút gọn đúng điều ông đã nói với tôi lần trước. (Ông có thể không nhớ mặt tôi, nhưng định mệnh tôi, trong đôi mắt tinh tường của ông, không thay đổi.) Tiếng Anh của ông khá hơn lần gặp trước, cũng tốt hơn tiếng Anh của Mario. Ketut nói như một ông già Trung Hoa thông thái trong phim kungfu cổ điển, một kiểu tiếng Anh ta có thể gọi là “Grasshopperese”, vì ta có thể chèn từ triu mền “Grasshopper” [châu chấu] vào giữa bất kỳ câu nào và nó nghe có vẻ rất thông thái. “A – cô có một số phận rất may mắn, *châu chấu*...”

Tôi đợi khi Ketut dừng trong khi xem tướng rồi ngắt lời để nhắc ông là tôi đã đến đây gặp ông rồi, hai năm trước.

Ông có vẻ bối rối. “Không phải là lần đầu tiên ở Bali à?”

“Không, thưa ông.”

Ông suy nghĩ rất lung. “Cô là cô gái từ California?”

“Không,” tôi nói, không còn hy vọng. “Tôi là cô gái từ New York.”

Ketut nói với tôi (và tôi không chắc nó có liên quan gì không), “Tôi không còn đẹp trai nữa, rụng nhiều răng. Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ đi nha sĩ, làm răng mới. Nhưng tôi rất sợ nha sĩ.”

Ông phô hàm răng trống hoác và cho tôi thấy sự hư hại. Quả thực, hầu hết răng bên trái trong miệng ông đã rụng và bên phải thì tất cả đều hỏng, những chân răng vàng trông đến đau lòng. Ông đã ngã, ông bảo tôi. Răng ông gãy hết vì như vậy đó.

Tôi bảo ông tôi lấy làm tiếc khi nghe điều đó, rồi thử nói chậm rãi lại lần nữa, “Tôi không nghĩ ông nhớ ra tôi, Ketut. Tôi đã ở đây hai năm trước với một thầy Yoga người Mỹ, một phụ nữ sống ở Bali nhiều năm.”

Ông cười, hãnh diện. “Tôi biết AnnBarros!”

“Đúng rồi. AnnBarros là tên của người thầy Yoga. Nhưng tôi là Liz. Tôi đã từng đến đây nhờ ông giúp đỡ vì tôi muốn đến gần Thượng Đế hơn. Ông đã vẽ cho tôi một bức tranh ma thuật.”

Ông nhún vai nhã nhặn, thản nhiên. “Không nhớ,” ông nói.

Đây là tin xấu đến gần như buồn cười. Giờ tôi sẽ làm gì ở Bali đây? Tôi không biết chính xác mình đã hình dung gặp lại Ketut có thể sẽ ra sao, nhưng tôi hy vọng chúng tôi sẽ có một kiểu sum họp siêu nghiệm đầy nước mắt nào đó. Và mặc dù đúng là tôi từng sợ ông có thể đã chết, tôi cũng không chợt nghĩ rằng – nếu ông vẫn còn sống – ông có thể sẽ không hề nhớ ra mình. Vậy mà giờ đây có vẻ gì như là tốt cùng ngu ngốc khi tưởng tượng rằng cuộc gặp đầu tiên của chúng tôi có thể là đáng nhớ đối với ông ấy như đối với tôi. Lẽ ra tôi nên dự liệu chuyện này đáng hoàng hơn, một cách nghiêm túc.

Vậy là tôi mô tả bức hình ông đã vẽ cho tôi, hình người với bốn chân (“đứng vững vàng trên mặt đất”) và không có đầu (“không nhìn thể gian bằng trí tuệ”) và khuôn mặt ở chỗ trái tim (“nhìn thể gian bằng trái tim”) và ông lắng nghe tôi lịch sự, với sự quan tâm vừa phải, như thể chúng tôi hoàn toàn đang thảo luận cuộc đời của ai đó khác.

Tôi ghét phải làm vậy vì tôi không muốn thử ông, nhưng phải nói ra, vậy là tôi chỉ bày nó ra. Tôi nói, “Ông đã bảo tôi nên trở lại Bali này. Ông đã bảo tôi ở lại đây ba hay bốn tháng. Ông nói tôi có thể giúp ông học tiếng Anh và ông sẽ dạy tôi những điều ông biết.” Tôi không thích cái hơi hám trong giọng điệu của mình – chỉ là chút xiu xiu thất vọng. Tôi không đề cập gì về lời mời ông đã từng nói sẽ lo cho tôi sống với gia đình ông ấy. Cái đó có vẻ không thích hợp, theo như tình huống này.

Ông lắng nghe tôi lịch sự, mỉm cười và lắc đầu, như kiểu: *Những thứ mọi người nói không buồn cười sao?*

Lúc đó tôi suýt bỏ qua luôn. Nhưng đã đi quá xa thế này rồi, tôi phải cố gắng một lần cuối cùng. Tôi nói, “Tôi là người viết sách, Ketut. Tôi là người viết sách từ New York.”

Và không hiểu sao điều này lại có tác dụng. Đột nhiên gương mặt ông trở nên sáng rạng niềm vui, trong trẻo và rõ ràng. Như thể một bông pháo hoa lóe sáng trong tâm trí khi ông chợt nhận ra. “LÀ CÔ!” ông nói. “CÔ! Tôi nhớ ra CÔ!” Ông nghiêng người về phía trước, nắm

hai vai tôi và bắt đầu lắc lắc tôi một cách vui vẻ, như kiểu đứa trẻ lắc một món quà Giáng sinh chưa mở để cố đoán xem cái gì bên trong. “Cô đã trở lại! Cô đã trở LẠI!”

“Tôi đã trở lại! Tôi đã trở lại!” tôi nói.

“Cô, cô, cô!”

“Tôi, tôi, tôi!”

Giờ thì tôi nghẹn ngào nước mắt, nhưng cố không để lộ. Sâu thẳm trong tôi được khuấy khỏa – khó mà giải thích. Thậm chí tôi ngạc nhiên. Nó như thế này – như thế tôi bị một vụ tai nạn, xe tôi rơi qua một cái cầu và chìm xuống đáy sông và tôi bằng cách nào đó xoay sở thoát khỏi chiếc xe chìm bằng cách bơi qua một cửa sổ mở và rồi bơi ếch, cố bơi một hơi qua dòng nước xanh lạnh về phía ánh sáng ban ngày, tôi gần như hết khí oxy, rồi các động mạch cổ tôi vỡ ra rồi má tôi phồng lên với ngum hơi cuối cùng và rồi – THỞ HỒN HẸN! – tôi đã xuyên lên mặt nước và tợp những ngum lớn không khí. Và tôi sống sót. Cái nhịp thở hỗn hển đó, cái đột phá đó – đây là cảm giác khi tôi nghe ông thầy mo Indonesia nói, “Cô đã trở lại!”. Sự nhẹ nhõm của tôi chính xác là lớn đến thế.

Tôi không thể tin nó có kết quả.

“Vâng, tôi đã trở lại,” tôi nói. “Dĩ nhiên là tôi đã trở lại.”

“Tôi vui mừng quá!” ông nói. Chúng tôi nắm tay nhau và giờ thì ông ấy phấn khích quá sức. “Tôi không nhớ ra cô ngay! Chúng ta đã gặp nhau lâu quá rồi! Giờ cô trông khác quá! Quá khác với hai năm trước! Lần trước, cô là một phụ nữ trông rất buồn bã. Giờ - rất vui vẻ! Như một người khác!”

Ý nghĩ này – ý nghĩ về một người trông khác đến thế sau chỉ mới hai năm – hình như khiến ông rung lên cười khúc khích.

Tôi thôi không cố giấu nước mắt và chỉ để nó trào ra. “Đúng, Ketut. Trước đây tôi đã rất buồn. Nhưng giờ cuộc sống đã tốt đẹp hơn.”

“Lần trước cô đang trong một vụ ly dị tồi tệ. Không tốt.”

“Không tốt,” tôi khẳng định.

“Lần trước cô lo lắng quá nhiều, buồn rầu quá nhiều. Lần trước, cô như một bà già buồn bã. Giờ cô trông như một cô gái trẻ. Lần trước cô xấu xí. Giờ cô xinh xắn!”

Mario bùng lên tán thưởng ngắt ngảy và tuyên bố một cách đắc thắng, “Thấy không? Bức tranh *thật linh nghiệm!*”

Tôi nói, “Ông có còn muốn tôi giúp ông học tiếng Anh không, Ketut?”

Ông bảo tôi có thể bắt đầu giúp ông ngay lúc này và lanh lẹ đứng lên, như ông thần lùn giữ cửa. Ông nhảy vào căn nhà nhỏ của mình và trở ra với một đồng thư ông nhận được từ nước ngoài trong vài năm qua (vậy ra ông có một địa chỉ!). Ông yêu cầu tôi đọc to mấy bức thư cho ông nghe, ông có thể hiểu tiếng Anh rất tốt, nhưng không đọc được nhiều lắm. Tôi đã là thư ký của ông rồi. Tôi là thư ký của một ông thầy mo. Chuyện này thật hoang đường. Các bức thư từ những nhà sưu tầm nghệ thuật ở nước ngoài, từ những người thế nào đó đã

xoay sở có được những bức hình ma thuật và những bức tranh ma thuật của ông. Một bức thư từ một nhà sưu tầm ở Úc, khen ngợi khả năng hội họa của Ketut, viết, “Nhờ đâu ông có thể thông thái đến vậy để có thể vẽ chi tiết như thế?” Ketut trả lời tôi, như đang đọc chính tả, “Vì tôi lập luyện nhiều, nhiều năm.”

Khi các bức thư đã được đọc xong, ông cho tôi biết viết cuộc sống của ông trong mấy năm qua. Một số thay đổi đã diễn ra. Ví dụ, giờ ông có một người vợ. Ông chỉ qua sân về phía một phụ nữ chắc nịch đang đứng trong bóng râm cửa bếp của mình, bà nhìn tôi trừng trừng như thể đang phân vân không biết có nên bắt tôi hay không, hay đánh thuốc tôi trước rồi hãy bắt. Lần trước khi tôi ở đây, Ketut đã buồn rầu cho tôi xem các bức hình người vợ vừa mất của ông – một phụ nữ Bali lớn tuổi xinh đẹp có vẻ sáng láng và vẫn trông nom bọn trẻ con ngay cả khi đã cao tuổi. Tôi vẫy chào qua sân về phía người vợ mới, bà ta quay trở vào bếp của mình.

“Một người đàn bà tốt,” Ketut nói về phía bóng râm của bếp. “Một người đàn bà rất tốt.”

Ông tiếp tục kể là ông rất bận bịu với các bệnh nhân Bali của mình, luôn có nhiều thứ phải làm, phải ban nhiều phép thuật cho các bé mới chào đời, những nghi lễ cho người chết, chữa người bệnh, lễ cưới. Lần tới ông sẽ đến một đám cưới Bali, ông nói, “Chúng ta sẽ đi cùng nhau! Tôi sẽ dẫn cô theo!” Vấn đề duy nhất là, không còn nhiều người Tây phương đến thăm ông nữa. Không ai đến tham quan Bali từ vụ đánh bom khủng bố. Chuyện ấy khiến ông “cảm thấy rất bối rối trong đầu”. Chuyện ấy cũng khiến ông cảm thấy “rất trống trải trong ngân hàng của tôi”. Ông nói, “Giờ cô sẽ đến nhà tôi mỗi ngày để thực tập tiếng Anh với tôi chứ?” Tôi gật đầu sung sướng và ông nói: “Tôi sẽ dạy cô thiền Bali, được chứ?”

“Đồng ý,” tôi nói.

“Tôi nghĩ ba tháng là đủ thời gian dạy cô thiền Bali, đủ để tìm thấy Thượng Đế cho cô theo các này,” ông nói. “Có lẽ bốn tháng. Cô thích Bali chứ?”

“Tôi yêu Bali.”

“Cô lập gia đình ở Bali chưa?”

“Vẫn chưa.”

“Tôi nghĩ có lẽ sớm thôi. Mai cô sẽ trở lại chứ?”

Tôi hứa mai sẽ trở lại. Ông không nói gì về chuyện tôi chuyển đến ở với gia đình ông cả, nên tôi không đề cập đến, lén lút ném cái nhìn sau cùng về phía bà vợ đáng sợ trong bếp. Có lẽ thay vì thế tôi sẽ chỉ ở lại trong khách sạn dễ thương của mình luôn. Dù sao cũng tiện nghi hơn. Hệ thống nước, và tất cả những thứ đó. Dù vậy, tôi sẽ cần một chiếc xe đạp, để đến gặp ông mỗi ngày...

Vậy là đã đến lúc phải về.

“Tôi rất hân hạnh được biết cô,” ông nói, bắt tay tôi.

Tôi đưa ra bài học tiếng Anh đầu tiên của mình. Tôi dạy ông sự khác biệt giữa “happy to meet you” và “happy to see you”. Tôi giải thích rằng ta chỉ nói “Nice to meet you” lần đầu

tiên ta gặp ai đó. Sau đó, mỗi lần ta lại nói “Nice to see you”. Vì ta chỉ gặp ai đó từng lần một. Nhưng giờ chúng tôi sẽ gặp nhau nhiều lần, ngày này sang ngày khác.

Ông thích vụ này. Ông thực tập một lượt, “Rất vui được gặp cô! Tôi rất vui được gặp cô! Tôi có thể gặp cô! Tôi không điếc!”

Chuyện này khiến chúng tôi cười, cả Mario nữa. Chúng tôi bắt tay và đồng ý là chiều mai tôi sẽ đến. Cho đến lúc đó, ông nói, “Hẹn gặp lại, cá sấu Mỹ.”

“Lát nữa nhé, cá sấu,” tôi nói.

“Hãy để lương tri cô dẫn đường. Nếu cô có bạn phương Tây nào đến Bali, chỉ họ đến tôi xem tướng tay – giờ tôi rất trống trải trong ngân hàng kể từ vụ đánh bom. Tôi là một người tự học. Tôi rất vui gặp cô, Liss!”

“Tôi cũng rất vui gặp ông, Ketut!”

Bali là một đảo Hindu nhỏ nằm giữa quần đảo Indonesia dài hai ngàn dặm, cái nôi của một dân tộc Hồi giáo đông dân nhất trên thế giới. Bali do vậy là một thứ kỳ lạ và lạ thường; thậm chí lẽ ra nó đã không tồn tại, vậy mà nó tồn tại. Đạo Ấn của đảo được du nhập từ Ấn Độ bằng con đường Java. Những nhà buôn Ấn đã mang tôn giáo này về phía Đông vào thế kỷ thứ tư. Những vị vua Java đã thành lập một triều đại Hindu hùng mạnh mà rất ít thứ của nó còn lại đến ngày hôm nay trừ những tàn tích đền đài ấn tượng ở Borobudur. Vào thế kỷ mười sáu, một cuộc đảo chính dữ dội của lực lượng Hồi giáo đã tràn qua khắp vùng và hoàng tộc Hindu thờ Shiva đã trốn khỏi Java, chạy tới Bali, làm thành những đoàn người trong cái về sau sẽ được nhớ đến như là cuộc Di cư Majapahit. Những người Java đẳng cấp cao, tầng lớp trên chỉ đem theo đến Bali hoàng tộc, những thợ thủ công và thầy tu – vì vậy nên không phải là phóng đại tùy tiện khi người ta nói tất cả mọi người ở Bali đều là con cháu của hoặc một ông vua hoặc một thầy tu hoặc một nghệ sĩ, và rằng vì vậy mà người Bali có sự tự hào và sáng chói đến thế.

Những nhà khai phá thuộc địa Bali mang hệ thống đẳng cấp Hindu của mình đến Bali, dù phân chia đẳng cấp chưa bao giờ bị buộc thi hành một cách tàn bạo như đã từng thế ở Ấn Độ. Thế nhưng, người Bali công nhận một hệ thống thứ bậc xã hội phức tạp (riêng Bà la môn đã có năm nhóm) và tôi có thể còn có may mắn khi tự mình giải mã hệ gen người hơn là cố để hiểu hệ thống thị tộc đan cài, rắc rối vẫn còn mạnh mẽ ở đây. (Nhiều tiểu luận chính xác của nhà văn Fred B. Eiseman về văn hóa Bali đã đi sâu hơn, giải thích chi tiết bằng chuyên môn những cái quá tỉ mỉ này, và chính từ nghiên cứu của ông mà tôi lấy hầu hết thông tin tổng quát cho mình, không chỉ ở đây mà khắp cuốn sách này). Với các mục đích của chúng ta, chỉ cần nói rằng tất cả mọi người ở Bali đều thuộc một thị tộc, rằng tất cả mọi người đều biết tất cả những người khác thuộc thị tộc nào. Và nếu ta bị đá ra khỏi thị tộc của mình vì một bất phục tùng nghiêm trọng nào đó, chính xác là ta nên nhảy vào núi lửa cho xong, vì, thành thật mà nói, ta cũng như đã chết rồi.

Văn hóa Bali là một trong những hệ thống tổ chức xã hội và tôn giáo có phương pháp nhất trên thế giới, một cái tổ ong phi thường với các nhiệm vụ, vai trò và các nghi lễ. Người Bali được *đặt vào*, được giữ hoàn toàn trong một cái lưới phong tục phức tạp. Một kết hợp của vài yếu tố đã tạo ra mạng lưới này, nhưng cơ bản chúng ta có thể nói rằng Bali là kết quả của các nghi thức phong phú của Ấn giáo truyền thống chồng lên trên một xã hội nông nghiệp trồng lúa rộng lớn, cùng vận hành, do sự cần thiết, với sự hợp tác cộng đồng tỉ mỉ. Các ruộng lúa bậc thang đòi hỏi một lượng không thể tin nổi sức lao động chung, hoạt động bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật để thịnh vượng, vậy nên mỗi làng Bali có một *banjar* – một tổ chức thống nhất giữa những công dân để quản trị, theo nguyên tắc nhất trí, những quyết định chính trị, kinh tế, tôn giáo và nông nghiệp của làng. Ở Bali, tập thể tuyệt đối quan trọng hơn cá thể, nếu không sẽ không ai có cái ăn.

Các nghi lễ tôn giáo có tầm quan trọng tối cao ở Bali này (một đảo, đừng quên, với bảy núi lửa không dự đoán được trên đó – các bạn có thể cầu nguyện nữa). Người ta ước tính là một phụ nữ Bali điển hình dành một phần ba thời gian thức của mình để hoặc chuẩn bị cho nghi

lễ, tham gia vào một nghi lễ hoặc dọn dẹp sau nghi lễ. Cuộc sống ở đây là một chu kỳ liên miên những cúng dường và nghi thức. Ta phải thực hiện tất cả chúng, theo thứ tự chính xác và với tâm ý đúng đắn, nếu không toàn thể vũ trụ sẽ mất cân bằng. Margaret Mead đã viết về “sự bận rộn không thể tin được” của người Bal, và điều đó đúng – hiếm khi có một giây phút an nhàn trong một khu nhà Bali. Ở đây có các nghi lễ phải được thực hiện năm lần một ngày và những nghi lễ khác phải được thực hiện mỗi ngày một lần, mỗi tuần một lần, mỗi tháng một lần, mỗi năm một lần, mỗi mười năm một lần, mỗi trăm năm một lần, mỗi một ngày năm một lần. Tất cả những ngày tháng và nghi thức này được các thầy tu và những bậc chân tu sắp xếp với sự tham khảo một hệ thống phức tạp với ba loại lịch riêng biệt.

Ở Bali có mười ba nghi thức chuyển tiếp chính cho mỗi con người, mỗi nghi thức được đánh dấu bằng một nghi lễ rất có tổ chức. Những nghi lễ có tính xoa dịu tâm linh tỉ mỉ được tiến hành suốt đời, để bảo vệ linh hồn khỏi 108 thói tật (108 – lại con số ấy!), bao gồm những thứ làm hư hỏng như bạo lực, trộm cắp, lừa dối và nói dối. Mỗi trẻ Bali trải qua một nghi lễ tuổi dậy thì quan trọng khi răng chột, hay “răng nanh”, sẽ được giũa bằng để làm đẹp. Ở Bali điều tệ nhất là ta thô tục và thú tính, và những cái răng nanh này được xem là vật nhắc nhở về bản chất tàn bạo trong chúng ta và do vậy phải loại trừ. Trong một xã hội gắn bó với nhau như vậy sẽ rất nguy hiểm nếu người ta tàn bạo. Cả một mạng lưới hợp tác của một làng có thể bị chệch dọc bởi ý đồ sát nhân của một người. Do vậy điều tốt nhất ta có thể là ở Bali là *alus*, nghĩa là “tao nhã”, hay thậm chí “làm dáng”. Ở Bali cái đẹp sẽ tốt, cho cả đàn ông và đàn bà. Cái đẹp được tôn sùng. Cái đẹp là an toàn. Trẻ con được dạy tiếp cận tất cả những khó khăn và bất tiện với một “ gương mặt sáng ngời”, một nụ cười rộng mở.

Toàn bộ ý niệm về Bali là một ma trận, một tấm lưới khổng lồ và vô hình của tinh thần, sự dẫn dắt, những con đường và phong tục. Mỗi người Bali biết chính xác anh ta hay cô ta thuộc về đâu, định hướng trong cái bản đồ vô hình to lớn này. Chỉ nhìn bốn cái tên của gần như tất cả mọi công dân Bali – Cả, Hai, Ba, Tư – cái tên nhắc tất cả bọn họ sinh ra trong gia đình khi nào, và họ thuộc về đâu. Ta không thể có một hệ thống bản đồ xã hội rõ hơn nếu ta gọi con mình là Bắc, Nam, Đông và Tây. Mario, anh bạn Ý – Indonesia mới của tôi bảo tôi là anh chỉ hạnh phúc khi anh có thể duy trì đường ngang và đường dọc, trong một trạng thái cân bằng hoàn hảo. Vì vậy mà anh cần biết chính xác anh đang ở đâu tại mỗi thời điểm, cả trong quan hệ đối với thiên nhiên và với gia đình anh ở đây, trên trần thế này. Nếu anh đánh mất sự cân bằng đó, anh sẽ mất sức mạnh của mình.

Do vậy, không phải là một giả thuyết buồn cười khi nói người Bali là những bậc thầy cân bằng toàn cầu, những nghệ thuật, một khoa học và một tôn giáo. Đối với tôi, trong cuộc kiếm tìm cân bằng cá nhân, tôi đã hy vọng học hỏi rất nhiều từ người Bali cách làm sao đứng vững trong thế giới hỗn loạn này. Nhưng càng đọc và thấy nhiều hơn về nền văn hóa này, tôi càng nhận ra rằng mình đã văng xa khỏi tấm lưới cân bằng ra sao, chỉ ít là theo quan điểm Bali. Thói quen lang thang khắp thế giới mà quên đi định hướng tự nhiên của tôi ấy, cộng với quyết định bước ra ngoài mạng lưới hôn nhân và gia đình kiềm tỏa khiến tôi – theo những mục tiêu cần đạt được kiểu Bali – là thứ gì đó như một con ma. Tôi thưởng thức cuộc sống theo cách này, nhưng đó là một ác mộng cuộc đời theo các tiêu chuẩn của bất kỳ người Bali tự trọng nào. Nếu ta không biết ta đang ở đâu hay ta thuộc về thị tộc nào, làm sao ta có thể tìm thấy sự cân bằng?

Theo như tất cả những điều này, tôi không chắc mình sẽ có thể kết hợp bao nhiêu thế giới quan Bali vào thế giới quan của mình, vì dường như lúc này tôi đang dùng một định nghĩa Tây phương và hiện đại hơn về từ *thăng bằng*. (Tôi đang dịch nó với ý nghĩa như “tự do ngang nhau”, hay khả năng như nhau rơi vào bất cứ phương hướng nào vào bất kỳ lúc nào, tùy thuộc vào... bạn biết đấy... mọi chuyện diễn tiến ra sao.) Người Bali không chờ và xem “mọi việc diễn tiến ra sao”. Điều đó hẳn sẽ làm kinh hãi. Họ *tổ chức* cách mọi chuyện diễn tiến, để giữ mọi chuyện không mất kiểm soát.

Ở Bali khi ta ra đường và đi qua một người lạ, câu hỏi đầu tiên anh ta hay cô ta sẽ hỏi ta là, “Anh đi đâu?” Câu hỏi thứ hai là, “Anh từ đâu tới?” Đối với người Tây phương điều này có thể như một sự dò hỏi khá xâm phạm riêng tư từ một người hoàn toàn xa lạ, nhưng họ chỉ cố có một định hướng về ta thôi, cố gắn ta vào tấm lưới vì mục đích an toàn và tiện nghi. Nếu ta nói với họ là ta không biết mình đi đâu, hay ta chỉ lang thang không mục đích, ta có thể gây ra một chút xấu đau buồn trong trái tim người bạn Bali mới. Sẽ tốt hơn nhiều nếu chọn một loại phương hướng cụ thể nào đó – *bất kỳ đâu* – chỉ là để tất cả mọi người cảm thấy khá hơn.

Câu hỏi thứ ba người Bali gần như chắc chắn sẽ hỏi ta là, “Anh có gia đình chưa?” Một lần nữa, đó là một dò hỏi định hướng và xác định vị trí. Họ cần biết chuyện này, để yên trí là ta đang hoàn toàn trong trật tự đời sống của mình. Họ thật sự muốn ta nói: rồi. Họ sẽ thấy rất nhẹ nhõm khi nghe ta nói là rồi. Nếu ta còn độc thân, tốt hơn đừng đề cập trực tiếp điều đó. Và tôi thật sự khuyên bạn tuyệt đối đừng nói tới chuyện ly dị của bạn, nếu chẳng may từng ly dị. Điều đó chỉ khiến người Bali lo lắng. Sự đơn độc của bạn chỉ chứng tỏ cho họ một điều duy nhất là bạn đã xa rời các ràng buộc một cách nguy hiểm. Nếu ta là một phụ nữ độc thân du lịch khắp Bali và ai đó hỏi ta, “Cô có gia đình chưa?” thì câu trả lời khả dĩ tốt nhất là, “Vẫn chưa.” Đây là một cách lịch sự để nói “không” trong khi vẫn đồng thời chỉ ra ý định lạc quan của ta sẽ quan tâm đến việc đó ngay khi ta có thể.

Ngay cả nếu ta đã tám mươi tuổi, hay là một người đồng tính luyến ái nữ, hay một người luôn lớn tiếng đòi bình quyền cho phụ nữ hay một nữ tu, hay một nữ tu tám mươi tuổi đồng tính luyến ái luôn lớn tiếng đòi bình quyền cho phụ nữ chưa từng và chưa bao giờ định kết hôn, câu trả lời lịch sự nhất khả dĩ vẫn là, “Vẫn chưa.”

Buổi sáng, Mario giúp tôi mua một chiếc xe đạp. Gần như một người Ý thực thụ, anh nói, “Tôi có biết một gã,” và anh dẫn tôi đến cửa hàng của anh họ mình, nơi tôi mua một chiếc xe đạp leo núi xinh xắn, một cái mũ bảo hiểm, một cái khóa và một cái giỏ với chỉ chưa đến năm mươi đô la Mỹ. Giờ thì tôi di động trong thị trấn Ubud mới của mình, hay ít nhất là di động chừng nào tôi có thể cảm thấy an toàn trên những con đường vốn chật hẹp, đầy gió, tu bổ kém và đông đúc xe máy, xe tải và xe buýt du lịch này.

Vào buổi chiều, tôi đạp xe xuống làng của Ketut, la cà với thầy mo của mình cho ngày đầu tiên của... bất cứ việc gì chúng tôi sẽ làm cùng nhau. Thành thật mà nói, tôi không rõ nữa. Bài học tiếng Anh ư? Bài học thiền ư? Ngồi yên theo kiểu xưa làng hoàng ư? Tôi không biết Ketut có ý định gì cho tôi, nhưng tôi chỉ vui vì được mời tham dự vào đời ông.

Khi tôi đến thì ông đang có khách. Đó là một gia đình nông dân Bali. Họ bỗng đưa con gái một tuổi của mình đến nhờ Ketut giúp. Đứa bé tôi nghiệp đang mọc răng và đã khóc vài đêm rồi. Bố nó là một người đàn ông trẻ đẹp mặc xà rồng; bắp chân anh rắn chắc như bắp chân tượng anh hùng chiến tranh Xô Viết. Mẹ bé xinh xắn và e thẹn, nhìn tôi từ xa qua mí mắt sụp xuống nhút nhát. Họ mang đến một món đồ cúng nhỏ đáp lại công của Ketut – 2.000 rupi, khoảng 25 xu, đặt trong một cái giỏ lá cọ làm bằng tay, hơi lớn hơn một cái gạt tàn ở quầy rượu khách sạn. Trong giỏ có một bông hoa cùng với tiền và ít hạt gạo. (Cái nghèo của họ đặt họ vào thế đối lập dễ thấy với gia đình giàu có hơn từ thành phố thủ phủ Denpasar đến gặp Ketut muộn hơn cùng buổi chiều hôm đó, người mẹ đội trên đầu một cái giỏ ba tầng đầy trái cây, hoa và vịt quay – một cái mũ lông lầy và ấn tượng đến nỗi Carmen Miranda có lẽ cũng phải cúi mình khiêm tốn trước nó.)

Ketut tự nhiên và tử tế với khách khứa của mình. Ông lắng nghe bố mẹ giải thích rắc rối của đứa bé. Rồi ông lục lọi một cái rương nhỏ trên hiên và lôi ra một cuốn sổ cái xưa chi chít những chữ viết Phạn Bali nhỏ li ti. Ông tra cứu cuốn sách như một học giả, tìm kiếm các kết hợp từ ông cần, trò chuyện và cười với bố mẹ đứa bé suốt thời gian đó. Rồi ông lấy một trang giấy trắng từ một cuốn sổ có hìnhẾch Kernit, và viết cái mà ông nói với tôi là “kê toa” cho cô gái nhỏ. Đứa bé đang bị một con quỷ nhỏ hành hạ, ông chẩn đoán, thêm vào những khó chịu thể chất khi mọc răng. Về phần mọc răng, ông khuyên bố mẹ bé đơn giản là chà nướu của bé bằng nước hành đỏ ép. Để xoa dịu con quỷ nhỏ, họ phải cúng một con gà nhỏ đã làm thịt và một con heo nhỏ, cùng với một miếng bánh nhỏ, trộn với các loại cỏ đặc biệt mà bà họ nhất định sẽ kiếm được trong vườn thuốc của riêng bà. (Người ta sẽ không bỏ thức ăn này; sau lễ cúng, các gia đình Bali luôn được phép ăn đồ đã cúng các thần của chính họ, vì cúng là siêu hình hơn là nghĩa đen. Theo cách người Bali quan niệm, Thượng Đế nhận cái thuộc về Thượng Đế - thiện chí – trong khi con người nhận cái thuộc về con người – chính thực phẩm đó.)

Sau khi viết toa thuốc xong, Ketut quay lại phía chúng tôi, rót đầy một chén nước, và lăm rằm vào chén nước một câu chú ấn tượng, ớn lạnh. Rồi Ketut ban phước cho đứa bé bằng nước ông thổi quyền năng thiêng liêng vào. Chỉ mới một tuổi, đứa bé đã biết cách đón nhận một sự ban phúc thiêng liêng theo truyền thống Bali rồi. Mẹ bé bỗng bé, và bé chìa bàn tay

hồng như mận ra đón chén nước, hóp một miếng, rồi hóp lần nữa rồi phả phần còn lại lên đỉnh đầu mình – nghi thức được tiến hành một cách hoàn hảo. Bé không hề sợ hãi ông già sún răng đang tung niệm về phía mình. Sau đó Ketut lấy phần nước thiêng còn lại và trút ào một cái túi bánh sandwich nhỏ bằng nhựa, cột vào miệng túi và đưa cho gia đình để dùng về sau. Người mẹ mang theo cái túi nhựa đựng nước khi ra về; trông cô như vừa trúng một con cá vàng ở hội chợ bang, chỉ có điều cô quên lấy theo con cá vàng.

Ketut Liyer đã dành cho gia đình này khoảng bốn mươi phút toàn tâm toàn ý, để nhận khoảng hai mươi lăm xu. Nếu họ không có chút tiền nào, ông cũng sẽ làm như vậy; đây là nhiệm vụ của ông với tư cách là một người chữa bệnh. Ông không thể từ chối ai, nếu không các thần sẽ rút tài năng chữa bệnh của ông. Mỗi ngày Ketut có khoảng mười người khách như vậy, những người Bali cần sự giúp đỡ hay lời khuyên về một vấn đề thiêng liêng hay sức khỏe nào đó. Vào những ngày rất tốt lành, khi mọi người muốn một ban phước đặc biệt, ông có thể có hơn một trăm người khách.

“Ông không thấy mệt sao?”

“Đây là nghề của tôi mà,” ông bảo tôi. “Đây là sở thích của tôi – thầy mo.”

Trong suốt buổi chiều một vài người bệnh nữa đến, nhưng Ketut và tôi cũng có ít thời gian một mình trên hiên. Tôi thấy rất dễ chịu với ông thầy mo này, cũng thoải mái như ông của mình vậy. Ông dạy tôi bài học đầu tiên về thiền Bali. Ông bảo tôi là có nhiều cách để tìm thấy Thượng Đế nhưng hầu hết quá phức tạp đối với người Tây phương vậy nên ông sẽ dạy tôi một kỹ thuật thiền đơn giản. Cơ bản nó như vậy: ngồi trong im lặng và mỉm cười. Tôi thích nó. Ngay cả khi đang dạy cho tôi ông cũng cười. Ngồi và mỉm cười. Tuyệt.

“Cô học Yoga ở Ấn Độ hả, Liss?” ông hỏi.

“Đúng vậy, Ketut.”

“Cô có thể tập Yoga,” ông nói, “nhưng Yoga quá khó.” Thế là, ông vặn vẹo mình trong một tư thế hoa sen câu thúc, cố gắng đến nỗi nhăn nhó mặt mày rất hài hước và như bị táo bón. Rồi ông thả lỏng và cười, hỏi, “Tại sao khi tập Yoga lúc nào trông họ cũng nghiêm túc đến vậy? Ta làm mặt nghiêm trọng như vậy, ta xua đuổi năng lượng tốt đi. Để thiền, chỉ cần ta mỉm cười. Mỉm cười bằng gương mặt, mỉm cười bằng tâm, và năng lượng tốt sẽ đến với ta và dọn sạch năng lượng xấu. Thậm chí mỉm cười trong gan của ta. Tối nay hãy thực hành ở khách sạn. Đừng dối trá, đừng cố quá. Quá nghiêm túc, cô sẽ làm mình bệnh. Cô có thể kêu gọi năng lượng tốt bằng một nụ cười. Hôm nay vậy là xong. Hẹn gặp lại cô, cá sấu Mỹ. Mai trở lại. Tôi rất vui gặp cô, Liss. Hãy để lương tri dẫn dắt cô. Nếu cô có bạn bè Tây phương đến thăm Bali, mang họ đến tôi xem tướng tay cho. Tôi rất trống trải trong ngân hàng kể từ vụ trái bom.”

Sau đây là câu chuyện đời Ketut Liyer gần đúng như những gì ông kể:

“Gia đình tôi làm nghề thầy mo đã chín thế hệ rồi. Bố tôi, ông tôi, ông cố tôi, tất cả họ đều là thầy mo. Tất cả họ đều muốn tôi làm thầy mo vì họ thấy tôi có ánh sáng. Họ thấy tôi đẹp đẽ và thông minh. Nhưng tôi không muốn làm một thầy mo. Học nhiều quá! Thông tin nhiều quá! Và tôi không tin tưởng một ông thầy mo! Tôi muốn làm một họa sĩ! Tôi muốn làm một nghệ sĩ! Tôi rất có tài này.

“Khi còn trẻ, tôi gặp một người Mỹ, rất giàu, có lẽ cũng là một người thành phố New York như cô. Ông ta thích tranh tôi. Ông ta muốn mua bức tranh lớn của tôi, có lẽ rộng khoảng một mét vuông, và trả rất nhiều tiền. Đủ tiền để giàu có. Nên tôi bắt đầu vẽ bức tranh này cho ông ta. Mỗi ngày tôi vẽ, vẽ, vẽ. Ngay cả ban đêm tôi cũng vẽ. Vào thời đó, đã lâu rồi, không có bóng đèn điện như ngày nay, nên tôi có một cái đèn dầu. Đèn dầu, cô hiểu không? Đèn bơm, phải bơm dầu lên. Và mỗi đêm tôi vẽ tranh dưới đèn dầu.

“Một đêm, đèn dầu tắt, nên tôi bơm, bơm, bơm và nó nổ! Khiến cánh tay tôi bốc cháy! Tôi đi bệnh viện trong một tháng với cánh tay bị cháy, nó nhiễm trùng. Nhiễm trùng lên tới tim tôi. Bác sĩ nói tôi phải đi Singapore để cắt tay, tức là làm thủ thuật cắt chi. Tôi chẳng khoái chuyện này. Nhưng bác sĩ nói tôi phải đi Singapore phẫu thuật cắt tay ra. Tôi bảo ông ta – tôi phải về quê đã.

“Tôi đó ở làng, tôi có một giấc mơ. Bố, ông, ông cố - trong giấc mơ tất cả họ cùng hiện ra ở nhà tôi và chỉ tôi cách làm sao chữa lành cánh tay. Họ bảo tôi làm nước ép từ nghệ và gỗ đàn hương. Đắp nước này lên chỗ cháy. Rồi làm bột từ nghệ và gỗ đàn hương. Chà bột này lên chỗ cháy. Họ bảo tôi phải làm vậy, thì tôi sẽ không mất cánh tay. Giấc mơ mới thật làm sao, như họ ở trong nhà với tôi, tất cả họ cùng nhau.

“Tôi tỉnh dậy. Tôi không biết phải làm gì, vì đôi khi những giấc mơ chỉ là đùa, cô hiểu không? Nhưng rồi tôi trở về nhà đắp nước nghệ và đàn hương ép đó lên cánh tay. Và rồi tôi đắp bột nghệ và đàn hương đó lên cánh tay. Cánh tay tôi nhiễm trùng dễ sợ, rất đau, to lên, sưng vù. Nhưng sau khi có nước ép và bột này, trở nên rất mát. Trở nên rất lạnh. Bắt đầu cảm thấy khá hơn. Trong mười ngày, cánh tay tôi ổn. Lành hẳn.

“Vì chuyện đó, tôi bắt đầu tin. Giờ tôi lại có một giấc mơ nữa, có bố, ông, ông cố. Họ nói giờ tôi phải làm thầy mo. Linh hồn tôi, tôi phải dâng cho Thượng Đế. Để làm việc ấy, tôi phải ăn kiêng trong sáu ngày, hiểu không? Không thức ăn, không nước uống. Không rượu. Không điểm tâm. Không dễ. Tôi rất khát vì nhịn. Tôi ra đồng vào buổi sáng, trước lúc mặt trời mọc. Tôi ngồi ngoài đồng lúa há miệng ra hứng nước từ không khí. Cô gọi cái này là gì, nước trong không khí ở đồng lúa vào buổi sáng? Sương? Đúng. Sương. Trong sáu ngày tôi chỉ ăn sương này. Không thức ăn nào khác, chỉ sương này thôi. Vào ngày thứ năm, tôi bất tỉnh. Tôi thấy chỉ toàn một màu vàng khắp nơi. Không, không phải màu vàng – VÀNG RÒNG. Tôi thấy màu vàng rờng khắp nơi, ngay cả trong tôi. Rất sung sướng. Giờ thì tôi hiểu. Màu vàng rờng này là Thượng Đế, cũng ở trong tôi. Cái là Thượng Đế cũng chính là cái bên trong tôi. Thật giống.

“Nên giờ tôi phải làm thầy mo. Giờ tôi phải học các sách y của ông cố. Nhưng cuốn sách này không phải làm bằng giấy, mà bằng lá cọ. Gọi là *lontar*. Đây là từ điển y khoa toàn thư của Bali. Tôi phải học tất cả các loại cây khác nhau ở Bali. Không dễ. Từng cây một, tôi học tất cả. Tôi học cách chăm sóc mọi người với nhiều vấn đề. Một vấn đề là khi ai đó bệnh thể xác. Tôi chữa bệnh thể xác này bằng các loại cỏ. Một vấn đề nữa là khi một gia đình bị bệnh, khi gia đình cứ luôn lục đục. Tôi giúp chuyện này bằng sự hài hòa, với một bức vẽ ma thuật đặc biệt, cũng nói chuyện để giúp nữa. Để bức vẽ ma thuật trong nhà, sẽ không còn lục đục. Đôi khi người ta bệnh vì yêu, không tìm thấy đám mình đã ưng ý. Đối với người Bali và cả người Tây phương, luôn có rất nhiều rắc rối trong tình yêu, khó tìm người phù hợp. Tôi chữa vấn đề tình yêu bằng thần chú và hình vẽ ma thuật, đem tình yêu đến cho họ. Ngoài ra, tôi học tà thuật, để giúp người ta nếu họ bị tà thuật trù yểm. Bức vẽ ma thuật của tôi, cô để nó trong nhà, sẽ cho cô năng lượng.

“Tôi vẫn muốn làm nghệ sĩ, tôi muốn vẽ tranh khi tôi có thời gian, bán cho mấy phòng tranh. Tranh của tôi, luôn là một loại tranh – lúc Bali còn là một thiên đường, có lẽ một ngàn năm trước. Bức tranh về rừng rậm, muông thú, đàn bà với – từ gì nhỉ? Ngực. Phụ nữ với bộ ngực. Tôi khó tìm ra thời gian để vẽ tranh vì làm thầy mo, nhưng tôi phải làm thầy mo. Đó là nghề của tôi. Đó là sở thích của tôi. Phải giúp người ta nếu không Thượng Đế sẽ nổi giận với tôi. Đôi khi phải đỡ đẻ, làm những nghi lễ cho người chết, những nghi lễ cà răng hay đám cưới. Đôi khi tôi thức dậy lúc 3 giờ sáng và vẽ tranh dưới ánh đèn điện – thời gian duy nhất tôi có thể vẽ tranh cho mình. Tôi thích được một mình vào thời gian này trong ngày, rất tốt để vẽ tranh.

“Tôi làm ma thuật chân chính, không lừa. Tôi luôn luôn nói thật, ngay cả tin xấu. Tôi phải luôn giữ nhân cách tốt trong đời mình, nếu không tôi sẽ xuống địa ngục. Tôi nói tiếng Bali, Indonesia, một chút tiếng Nhật, một chút tiếng Anh, một chút tiếng Hà Lan. Hồi chiến tranh, nhiều người Nhật ở đây. Không tòi lắm đối với tôi – tôi xem tướng tay cho người Nhật, kết bạn với họ. Trước chiến tranh, nhiều người Hà Lan ở đây. Giờ thì nhiều người Tây phương ở đây, tất cả đều nói tiếng Anh. Tiếng Hà Lan của tôi – cô nói sao nhỉ? Cái từ hôm qua cô dạy tôi là gì nhỉ? Han gì? Đúng – han gì. Tiếng Hà Lan của tôi bị han gì. Ha!

“Tôi thuộc đẳng cấp thứ tư ở Bali, đẳng cấp rất thấp như nông dân. Nhưng tôi thấy nhiều người ở đẳng cấp thứ nhất không thông minh được như tôi. Tên tôi là Ketut Liyer. Liyer là tên ông tôi đặt cho khi tôi còn là một cậu bé con. Nghĩa là “ánh sáng rực rỡ”. Đó là tôi.”

Ở Bali tôi rảnh rỗi đến gần như lỗ bịch. Thứ duy nhất tôi phải làm mỗi ngày là đi thăm Ketut Liyer vài giờ vào buổi chiều, mà cái này thì còn lâu mới là một công việc. Phần còn lại của ngày thì sử dụng theo nhiều cách uể oải khác nhau. Tôi thiền trong một giờ mỗi sáng theo các kỹ thuật Yoga Sư phụ đã dạy, và rồi tôi thiền một giờ mỗi tối với các thực hành Ketut vừa dạy (“ngồi yên và mỉm cười”). Khoảng thời gian ở giữa, tôi đi quanh, đạp xe, đôi khi trò chuyện với mọi người và ăn trưa. Tôi đã tìm thấy một thư viện nhỏ yên tĩnh cho mượn sách ở thị trấn này, làm cho mình một thẻ thư viện, và giờ đây phần ngọt ngào, tuyệt vời của đời tôi là đọc sách trong vườn. Sau cái mãnh liệt của đời sống ở Ashram, sau cả vụ thăm thú thả cửa và ăn tất cả mọi thứ nhìn thấy ở Ý, đây thật sự là một cảnh đoạn mới yên bình triệt để trong đời tôi. Tôi có quá nhiều thời gian rảnh, bạn có thể đo nó bằng tấn.

Mỗi khi tôi rời khách sạn, Mario và các nhân viên khác ở bàn tiếp tân hỏi tôi đi đâu, và mỗi khi tôi trở về, họ hỏi tôi đã đi đâu. Tôi gần như có thể hình dung là họ giữ trong ngăn kéo những cái bản đồ nhỏ xíu về tất cả những người thân yêu của họ, với những đánh dấu chỉ ra tất cả mọi người đang ở đâu vào một thời gian nhất định, chỉ để an tâm là toàn bộ cái tổ ong luôn luôn được giải thích.

Buổi chiều tôi đạp xe lên các ngọn đồi và băng qua những mẫu ruộng bậc thang phía Bắc Ubud có những quang cảnh xanh rờn và tuyệt mỹ. Tôi có thể thấy những đám mây hồng phản chiếu trên mặt nước yên ả của đồng lúa, như có hai bầu trời – một tận trên cao cho thần thánh, và một dưới đây trong ẩm ướt bùn lầy, chỉ dành cho đám người chúng ta. Mới đây tôi đạp xe lên khu bảo tồn diệc có cái bảng chào miễn cưỡng (“Thôi được, mấy người có thể xem diệc ở đây”), nhưng ngày hôm ấy không có con diệc nào cả, chỉ có vịt, vậy là tôi ngắm vịt một chốc, rồi đạp xe sang làng kế tiếp. Dọc đường tôi đi ngang qua đàn ông, đàn bà, trẻ con, gà và chó, tất cả đều bận làm việc theo cách của mình, nhưng không ai quá bận rộn đến nỗi không thể dừng để chào tôi.

Vài đêm trước, khi đứng trên đỉnh một ngọn đồi xinh đẹp của khu rừng tôi trông thấy một tấm biển, “Nhà nghệ sĩ cho thuê, có bếp”. Vì vũ trụ hào phóng, ba ngày sau tôi đã ở đó. Mario giúp tôi dọn đến, và tất cả bạn anh ở khách sạn đã từ biệt tôi trong nước mắt.

Căn nhà mới của tôi nằm trên một con đường yên tĩnh, những cánh đồng bao quanh bốn phía. Nơi này có cái lối của nhà nông thôn nhỏ bên trong một bức tường phủ cây thường xuân. Chủ nhà là một phụ nữ Anh, nhưng bà ở Luân Đôn vào mùa hè, nên tôi lướt vào nhà bà, thay thế bà trong không gian huyền diệu này. Ở đây có một cái bếp màu đỏ sáng, một cái ao đầy cá vàng, một thềm đá cẩm thạch, một buồng tắm vòi sen lộ thiên cần khảm bóng loáng; khi gội đầu tôi có thể ngắm những con diệc làm tổ trên những cây cọ. Những lối đi nhỏ bí mật dẫn thẳng đến một khu vườn thật sự mê hoặc. Nơi đây còn có một người làm vườn, vậy nên tôi chỉ có mỗi việc là ngắm hoa. Tôi không biết tên của bất kỳ hoa nào trong những loài hoa xích đạo khác thường này, nên tôi bịa tên cho chúng. Mà sao không chứ? Nó là Vườn Địa Đàng của tôi, phải không nào? Chẳng mấy chốc tôi đã cho tất cả cây cối ở đây những biệt danh mới – thủy tiên hoa vàng, cỏ cải bắp, cỏ đại áo dạ hội, phù hoa xoắn ốc, hoa rón rén, dây leo u sầu và một loại lan hồng đẹp mắt được tôi đặt tên thánh là “Cái Bắt Tay

Đầu Tiên Của Bé”. Số lượng cái đẹp thuần túy không mục đích và dư thừa quanh đây là không thể tin nổi. Tôi có thể hái đu đủ và chuối ngay trên cây ngoài cửa sổ phòng ngủ. Có một con mèo sống ở đây vẫn hết sức trù mến với tôi trong nửa giờ mỗi ngày trước khi tôi cho nó ăn, rồi than van điên loạn suốt thời gian còn lại như thể hẳn đang có những cảnh hồi tưởng Chiến tranh Việt Nam. Thật kỳ lạ, tôi không phiền gì chuyện ấy. Đạo này tôi không phiền lòng vì bất kỳ điều gì. Tôi không thể hình dung hay nhớ tới sự bất mãn.

Vũ trụ âm thanh quanh đây đầy cuốn hút. Vào buổi tối có một dàn nhạc để mèn và thêm lũ ếch đệm giọng trầm. Nửa đêm lũ chó tru tréo chuyện chúng bị hiểu lầm ra sao. Trước bình minh lũ gà trống trong vòng mấy chục cây số tuyên bố làm gà trống tuyệt vời khủng khiếp đến thế nào. (“Tụi tui là GÀ TRỐNG!” chúng la hò. “Tụi tui là những kẻ duy nhất được làm GÀ TRỐNG!”) Mỗi sáng khoảng lúc mặt trời mọc có một cuộc thi tiếng hót của chim chóc nhiệt đới, và luôn có một giải vô địch cho tất cả những nhà thi đấu. Khi mặt trời ló dạng, nơi đây lắng lại và những con bướm bắt đầu làm việc. Cả ngôi nhà phủ đầy cây leo; tôi cảm thấy như một hôm nào đó nó sẽ biến mất hoàn toàn vào trong những tán lá, tôi sẽ biến mất với nó và chính tôi cũng trở thành một cánh hoa rừng. Tiền thuê nhà thấp hơn cước taxi hàng tháng tôi vẫn trả ở thành phố New York.

Nhân tiện, từ *thiên đường* đến với chúng ta từ người Ba Tư, có nghĩa đen là “một khu vườn có tường bao quanh.”

Ấy thế nhưng, tôi phải thành thật ở đây và nói rõ là tôi chỉ mất ba buổi chiều nghiên cứu trong thư viện địa phương để nhận ra rằng, tất cả những ý tưởng ban đầu của mình về thiên đường Bali đã có chút sai lạc. Tôi đã nói với mọi người từ khi đến Bali lần đầu hai năm trước rằng, cái đảo nhỏ này là một xứ không tưởng đích thực duy nhất trên thế giới, một nơi luôn chỉ biết có hòa bình, hài hòa và cân bằng. Một Vườn Địa Đàng hoàn hảo không có lịch sử bạo lực hay đổ máu bao giờ. Tôi không rõ từ đâu mình có cái ý tưởng vĩ đại ấy, nhưng tôi đã chứng thực nó với sự tự tin hoàn toàn.

“Ngay cả cảnh sát cũng cài hoa trên tóc,” tôi thường nói, như thể điều đó chứng minh được.

Thế nhưng, trên thực tế, Bali lại cũng có một lịch sử đẫm máu, bạo lực và đàn áp như bất kỳ nơi nào trên trái đất có loài người sinh sống. Khi đầu tiên các vị vua Java nhập cư đến đây vào thế kỷ mười sáu, về cơ bản họ đã thiết lập một thuộc địa phong kiến, với một hệ thống đẳng cấp hà khắc – cũng như mọi hệ thống đẳng cấp tự tôn – thường không bận tâm xem xét đến những người dưới đáy. Nền kinh tế của Bali ngày đầu được duy trì bằng việc buôn bán nô lệ phát đạt (không chỉ ra đời trước khi châu Âu tham gia vào buôn bán nô lệ quốc tế vài thế kỷ mà còn tồn tại lâu hơn ngạch buôn người của châu Âu nhiều). Về đối nội, đảo này liên miên có chiến tranh vì các vị vua đối thủ mở các cuộc tấn công (có đủ cả cưỡng hiếp và giết người tập thể) vào láng giềng họ. Cho đến cuối thế kỷ mười chín, người Bali đã nổi tiếng trong giới nhà buôn và thủy thủ là những người chiến binh nguy hiểm. (Từ *amok* – *khát máu*, trong “lồng lên như khát máu” là một từ Bali, mô tả một kỹ thuật chiến đấu bất ngờ, theo kiểu bất ngờ điên cuồng tấn công dữ dội kẻ thù trong trận đấu tay đôi liều chết đẫm máu; thật lòng mà nói người Âu đã khiếp đảm lối đánh này.) Với một đội quân 30.000 binh sĩ kỷ luật tốt, người Bali đã đánh bại những tên xâm lược Hà Lan vào năm 1848, rồi vào năm 1849 và một lần nữa, năm 1850. Họ chỉ sụp đổ dưới sự cai trị của Hà Lan khi các vua đối lập của Bali giải tán hàng ngũ và phản bội lẫn nhau vì tranh giành quyền lực, hòa giải với kẻ thù vì những hứa hẹn các thỏa thuận kinh doanh ngon lành về sau. Vậy nên ngày nay tóm lược lịch sử của đảo này với một giấc mơ về thiên đường là có chút bôi nhọ hiện thực; sự thật không phải là người dân nơi đây chỉ ngồi với nhau mỉm cười và hoan ca trong thiên niên kỷ vừa qua.

Nhưng trong những thập niên 1920 và 1930, khi một tầng lớp thượng lưu trong số những du khách Tây phương khám phá ra Bali, tất cả sự đẫm máu này đã bị phớt lờ bởi những người mới đến đều đồng ý đây quả là “Đảo của các Thần”, nơi “ai ai cũng là nghệ sĩ” và nơi nhân loại sống trong một trạng thái tuyệt phúc bất hoại. Giấc mơ này quả là một ý niệm dai dẳng; hầu hết khách tham quan Bali (kể cả tôi trong chuyến đi đầu tiên) vẫn chứng thực nó. “Tôi đã nổi giận với Thượng Đế vì mình không được sinh ra là người Bali,” nhà nhiếp ảnh Đức George Krauser đã nói vậy sau khi thăm Bali vào những năm 1930. Bị dụ hoặc vì những tường thuật về một vẻ đẹp và thanh bình siêu thế, một số du khách thật sự thuộc danh sách A bắt đầu thăm đảo – những nghệ sĩ như Walter Spies, những nhà văn như Noël Coward, những nghệ sĩ múa như Claire Holt, diễn viên như Charile Chaplin, học giả như Margaret

Mead (người, bắt chắp tất cả những bộ ngực trần, đã sáng suốt gọi nền văn minh Bali theo đúng bản chất của nó, một xã hội cũng đứng đắn như nước Anh thời Victoria: “Trong cả nền văn hóa không có một chút xíu dục tình tự do nào”).

Cuộc vui tàn vào những năm 1940 khi thế giới bước vào chiến tranh. Người Nhật xâm lược Indonesia, và những người nước ngoài ngây ngất trong các khu vườn Bali với cậu người hầu dễ thương của mình buộc phải chạy trốn. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Bali theo sau cuộc chiến tranh đó, Bali cũng trở nên chia rẽ và bạo lực như phần còn lại của bán đảo, và đến những năm 1950 (theo báo cáo của một nghiên cứu nhan đề *Bali: Thiên đường hư cấu*) nếu có một người Tây phương nào dám đến Bali, anh ta sẽ phải đủ khôn ngoan để ngủ với một khẩu súng dưới gối. Vào những năm 1960, cuộc đấu tranh giành quyền lực đã biến cả Indonesia thành một chiến địa giữa những người Dân tộc và Cộng sản. Sau một cuộc đảo chính ở Jakarta vào năm 1965, những người lính của đảng Dân tộc được điều đến Bali cùng với tên của mọi người bị tình nghi là Cộng sản trên đảo. Trong khoảng một tuần, được sự giúp sức của cảnh sát địa phương và chính quyền làng xã ở khắp nơi, lực lượng Dân tộc đã từng bước tàn sát từng khu phố nhỏ. Đầu như khoảng 100.000 xác chết làm nghẽn những con sông xinh đẹp của Bali khi cuộc giết chóc lu bù kết thúc.

Giấc mộng Vườn Địa Đàng huyền thoại hồi sinh vào cuối thập niên 1960 khi chính quyền Indonesia quyết định sáng tạo lại Bali thành một “Đảo của các Thần” cho thị trường du lịch quốc tế, tung ra một chiến dịch tiếp thị thành công rầm rộ. Những du khách bị mê hoặc trở lại Bali là những người khá cao thượng (suy cho cùng, đây không phải là Pháo đài Lauderdale), và người ta hướng sự chú ý của họ đến cái đẹp nghệ thuật và tôn giáo vốn có trong nền văn hóa Bali. Những yếu tố lịch sử ảm đạm hơn bị lờ đi. Và đã bị lờ đi từ đó.

Tôi có chút bối rối khi đọc tất cả những điều này vào buổi chiều ở thư viện địa phương. Đợi đã – tại sao mình đến Bali lần nữa? Để tìm kiếm cân bằng giữa thú vui trần tục và lòng mộ đạo, đúng không? Thật ra, đây có phải là khung cảnh đúng cho một mưu cầu như thế không? Người Bali có thật sự dung chứa cân bằng yên bình đó, hơn bất kỳ ai khác trên thế giới không? Tôi muốn nói là, trông họ *có vẻ* cân bằng, nào là nhảy múa rồi cầu nguyện rồi yến tiệc rồi cái đẹp và nụ cười, nhưng tôi không biết cái gì thực sự đang diễn ra đằng sau những điều ấy. Những cảnh sát thật sự *cài* hoa sau vành tai, nhưng tham những tonton tại khắp nơi ở Bali, cũng như mọi nơi khác ở Indonesia (như mới đây chính tôi phát hiện ra khi trao cho một viên chức vài trăm đôla tiền hối lộ để gia hạn trái phép thị thực của mình và cuối cùng tôi có thể ở lại Bali trong bốn tháng). Người Bali hoàn toàn theo nghĩa đen là sống nhờ vào hình ảnh của mình như những người yên bình, sùng tín và biểu cảm nghệ thuật nhất thế giới, nhưng bao nhiêu phần trong đó là thực chất và bao nhiêu phần được tính toán theo lối kinh tế? Và một người ngoại cuộc như tôi có thể biết được bao nhiêu những căng thẳng bị che giấu biết đâu đang lớn vồn đằng sau “những gương mặt rạng rỡ” đó? Ở đây cũng như bất kỳ nơi nào khác – ta nhìn bức tranh quá gần và tất cả những nét rõ ràng bắt đầu nhòa đi thành một khối không rõ rệt của những nét cọ mờ mờ và những chấm màu trộn.

Trong lúc này, điều tôi chỉ có thể nói chắc là tôi thích căn nhà mình đã thuê và rằng người ở Bali đã rất tốt bụng với tôi, không có ngoại lệ. Tôi thấy nghệ thuật và những nghi lễ của họ đẹp dễ và đem lại sức sống; hình như họ cũng nghĩ vậy. Đó là cảm nhận theo kinh nghiệm của tôi về một nơi có lẽ phức tạp hơn rất nhiều so với những gì tôi có thể hiểu. Nhưng người Bali cần làm gì đi nữa để giữ cân bằng của chính mình (và kiếm sống) là hoàn toàn tùy họ.

Tôi ở đây là để thực hiện sự cân bằng của chính mình, và nơi đây vẫn có vẻ, chỉ ít trong lúc này, là một bầu không khí nuôi dưỡng để làm điều đó.

Tôi không biết ông thầy mo của mình bao nhiêu tuổi. Tôi đã hỏi ông, nhưng ông không chắc. Tôi nhớ hình như khi còn ở đây hai năm trước, người phiên dịch đã nói rằng ông tám mươi. Nhưng mới đây Mario hỏi ông bao nhiêu tuổi và Ketut nói, “Có lẽ sáu mươi lăm, không chắc.” Khi tôi hỏi ông sinh năm nào, ông nói không nhớ lúc ra đời. Tôi biết khi người Nhật chiếm đóng Bali trong Thế chiến thứ Hai thì ông đã trưởng thành, vậy là bây giờ ông khoảng tám mươi tuổi. Nhưng khi ông kể cho tôi câu chuyện làm cháy cánh tay thời còn trẻ, và tôi hỏi ông chuyện đó xảy ra vào năm nào, ông nói, “Tôi không biết. Có lẽ 1920.” Nếu ông khoảng hai mươi tuổi vào năm 1920, vậy giờ ông là bao nhiêu tuổi? Có lẽ một trăm lẻ năm? Nên giờ chúng tôi có thể ước chừng là ông đâu đó từ sáu mươi đến một trăm lẻ năm tuổi.

Tôi cũng đã nhận thấy ước lượng tuổi của ông thay đổi theo ngày, dựa theo cảm nhận của ông. Khi ông đã thật sự mệt, ông sẽ thở dài và nói, “Có lẽ hôm nay là tám mươi lăm rồi.” Nhưng khi cảm thấy vui vẻ hơn ông sẽ nói, “Tôi nghĩ hôm nay mình sáu mươi tuổi.” Có lẽ đây là một cách phỏng đoán tuổi hay hơn bất kỳ cách nào – anh *cảm thấy* mình bao nhiêu tuổi? Thật ra, còn gì quan trọng nữa? Dù vậy, tôi luôn cố hình dung ra. Một buổi chiều tôi trở nên thật sự giận dỗi và chỉ hỏi, “Ketut – sinh nhật ông khi nào?”

“Thứ Năm,” ông đáp.

“Thứ Năm này à?”

“Không. Không phải thứ Năm này. Một thứ Năm.”

Đây là một khởi đầu tốt... nhưng còn có thông tin nào khác nữa không? Một thứ Năm vào tháng nào? Vào năm nào? Không thể biết được. Dù sao, ở Bali ngày trong tuần ta ra đời quan trọng hơn năm, đây là lý do dù Ketut không biết mình bao nhiêu tuổi, ông vẫn có thể cho tôi biết là thần đỡ đầu của trẻ con sinh vào thứ Năm là Shiva Kẻ Hủy diệt, và rằng ngày đó có hai linh hồn thú dẫn dắt – sư tử và cọp. Cây chính thức của trẻ con sinh vào ngày thứ Năm là cây đa. Con chim chính thức là chim công. Một người sinh vào ngày thứ Năm thì luôn nói trước, ngắt lời tất cả mọi người khác, có thể hơi hung hăng, thường đẹp trai (“một thằng ăn chơi hay con ăn chơi” theo từ của Ketut) nhưng có một tính cách chung là đứng đắn, với một trí nhớ xuất sắc và một khát khao giúp đỡ người khác.

Khi bệnh nhân Bali của ông đến vì những vấn đề sức khỏe hay kinh tế hay quan hệ trầm trọng, ông luôn hỏi họ sinh vào ngày nào trong tuần, để pha chế những câu cầu nguyện và thuốc men đúng để giúp họ. Vì đôi khi, theo Ketut nói, “Người ta bệnh vì ngày sinh” và cần một chút điều chỉnh tử vi để đưa họ trở lại cân bằng. Mới đây có một gia đình trong vùng đã dẫn dắt đưa con trai út đến gặp Ketut. Đứa bé có lẽ bốn tuổi. Tôi hỏi vấn đề là gì vậy và Ketut diễn giải là gia đình lo lắng về “vấn đề với thằng nhỏ rất hung hăng này. Nó không chịu nghe lời. Cư xử không tốt. Không chú ý. Mọi người trong nhà mệt mỏi vì thằng bé. Ngoài ra, đôi khi thằng bé này còn bị chóng mặt ghê lắm.”

Ketut hỏi cha cậu bé ông có thể bồng cậu bé chốc lát không. Họ để thằng bé vào lòng Ketut và cậu bé ngã người dựa vào ngực ông thầy mo già, thoải mái, không sợ hãi. Ketut giữ nó

dịu dàng, đặt lòng bàn tay lên trán đứa bé, nhắm mắt. Rồi ông đặt lòng bàn tay lên bụng bé, lại nhắm mắt. Ông mỉm cười và nói nhẹ nhàng với đứa bé suốt lúc đó. Việc kiểm tra kết thúc nhanh chóng. Ketut trả đứa bé lại cho bố mẹ nó, và họ ra về ngay sau đó với toa thuốc và một ít nước thiêng. Ketut bảo tôi ông đã hỏi bố mẹ cậu bé về những chi tiết lúc sinh ra của cậu và đã phát hiện ra cậu bé ra đời dưới một ngôi sao xấu và vào ngày thứ Bảy – một ngày sinh chứa các sức mạnh thiên nhiên là những linh hồn xấu tiềm tàng, như hồn ma, hồn cú, hồn gà trống (khiến cậu bé hay đánh đấm) và hồn bù nhìn (gây ra chứng chóng mặt của cậu bé). Nhưng không phải chỉ toàn chuyện xấu. Vì ra đời vào ngày thứ Bảy, và người ta có thể làm cho những linh hồn này mạnh mẽ thêm. Có thể phải thực hiện một loạt cúng bái và cậu bé sẽ trở lại cân bằng.

“Tại sao ông đặt tay lên trán và bụng thằng bé?” tôi hỏi. “Ông kiểm tra xem có sốt không à?”

“Tôi kiểm tra não của nó,” Ketut nói. “Để xem trong tâm trí có linh hồn ác không.”

“Loại linh hồn ác nào?”

“Liss,” ông nói. “Tôi là người Bali. Tôi tin tà thuật. Tôi tin những linh hồn ác từ các dòng sông hiện lên và hại người.”

“Cậu bé có linh hồn ác không?”

“Không. Nó chỉ bệnh ở ngày sinh. Gia đình nó sẽ cúng thần. Sẽ ổn thôi. Còn cô, Liss? Cô có thực hành thiền Bali mỗi đêm không? Giữ tâm và trí sạch sẽ không?”

“Hàng đêm,” tôi hứa.

“Cô học mỉm cười ngay cả trong gan chứ?”

“Ngay cả trong gan tôi, Ketut. Cười toe toét trong gan mình.”

“Tốt. Nụ cười này sẽ biến cô thành một phụ nữ xinh đẹp. Nó sẽ cho cô quyền năng để rất xinh đẹp. Cô có thể dùng quyền năng này – quyền năng xinh đẹp! – để có cái cô muốn trong cuộc đời.”

“Quyền năng xinh đẹp!” tôi lặp lại cụm từ, thích thú. Như một con búp bê Barbie thiên. “Tôi muốn quyền năng xinh đẹp!”

“Cô cũng còn thiền Ấn Độ nữa chứ?”

“Mỗi sáng.”

“Tốt. Đừng quên Yoga của mình. Có ích cho cô. Tiếp tục thực hành hai loại thiền - Ấn Độ và Bali sẽ tốt cho cô. Hai cái khác nhau, nhưng đều tốt như nhau. Như nhau. Tôi nghĩ về tôn giáo, đa số chúng đều khá giống nhau.”

“Không phải ai cũng nghĩ vậy, Ketut. Một số người muốn tranh luận về Thượng Đế.”

“Không cần thiết,” ông nói. “Tôi có một ý kiến hay, ví dụ cô gặp ai đó từ tôn giáo khác và ông ta muốn tranh luận về Thượng Đế. Ý kiến của tôi là, cô lắng nghe tất cả những gì người này nói về Thượng Đế. Đừng bao giờ tranh cãi về Thượng Đế với hấn ta. Điều tốt nhất cần

nói là, “Tôi đồng ý với anh.” Rồi cô về nhà, cầu nguyện điều cô muốn. Đây là ý kiến của tôi để người ta có hòa bình về tôn giáo.”

Ketut lúc nào cũng hếch cằm. Tôi để ý, đầu ông hơi ngả về sau, vừa thách đố vừa thanh lịch cùng một lúc. Như một ông vua già tọc mạch, ông nhìn cả thế giới qua mũi mình. Da ông bóng láng, nâu vàng. Ông gần như hói trụi, nhưng bù lại có cặp lông mày dài và rậm một cách khác thường trông cứ như chúng háo hức muốn bay. Trừ mấy cái răng sún và cánh tay phải cháy thành sẹo, ông có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh. Ông bảo tôi ông đã từng là một diễn viên múa khi còn trẻ, trình diễn trong các nghi lễ đền thờ, và rằng hồi đó ông đẹp đẽ. Tôi tin điều đó. Ông chỉ ăn một bữa mỗi ngày – một đĩa cơm Bali điển hình giản dị với thịt vịt hay cá. Ông thích uống một tách cà phê với đường mỗi ngày, chủ yếu chỉ để ghi dấu sự kiện là ông có thể lo nổi cà phê và đường. Các bạn nữa, cũng có thể sống đến một trăm lẻ năm tuổi với chế độ ăn như vậy. Ông giữ cơ thể khỏe mạnh, ông nói, bằng thiền mỗi đêm trước khi ngủ và bằng cách rút năng lượng lành mạnh của vũ trụ vào trong trung tâm của mình. Ông nói cơ thể con người được cấu tạo bằng chỉ năm yếu tố của toàn thể sáng tạo – nước (*apa*), lửa (*tejo*), gió (*bayu*), hư không (*akasa*) và đất (*pritiwi*) – và tất cả những gì ta phải làm là tập trung vào hiện thực này khi thiền, ta sẽ tiếp nhận được năng lượng từ tất cả các nguồn này và ta sẽ mạnh mẽ. Để chứng minh tai nghe thành ngữ tiếng Anh thỉnh thoảng rất chính xác của mình, ông nói, “Tiểu vũ trụ trở thành đại vũ trụ. Ta – tiểu vũ trụ - sẽ trở thành giống như vũ trụ - đại vũ trụ.”

Hôm nay ông rất bận rộn, bệnh nhân Bali xếp chặt chứng khắp sân như nệm cối, tất cả họ đều bế trẻ con và mang đồ lễ trong lòng. Khách của ông là nông dân, doanh nhân, những ông bố và những cụ bà. Có những ông bố bà mẹ có con nhỏ không tiêu hóa được, và những ông già bị những lời nguyện tà yểm độc. Có những người đàn ông trẻ đảo điên trong sân hận và thú tính, rồi những người đàn bà trẻ tìm bạn trăm năm trong khi trẻ con chịu đựng rên la vì chứng phát ban. Tất cả đều mất cân bằng; tất cả đều mất cân bằng; tất cả đều phục hồi lại thăng bằng.

Thế nhưng tâm trạng mọi người trong sân nhà Ketut luôn là sự kiên nhẫn tuyệt đối. Đôi khi người ta phải chờ trong ba giờ đồng hồ Ketut mới hờ tay chăm sóc họ, nhưng họ không bao giờ có chuyện, ngay cả giậm chân hay trợn mắt vì bức tức. Cũng đặc biệt nữa là cách bọn trẻ chờ, tựa mình vào những bà mẹ xinh đẹp của chúng, nghịch ngón tay của mình cho qua thời gian. Về sau tôi luôn thấy buồn cười vì hóa ra chính những đứa bé yên tĩnh này được đưa đến gặp Ketut vì bố mẹ thấy đứa trẻ “quá hư” và cần chữa trị. Cô gái nhỏ ấy sao? Cô bé ba tuổi đã ngồi yên dưới mặt trời nóng ran trong bốn giờ liền, không than phiền cũng không có đồ ăn vặt hay đồ chơi đó ư? Bé mà *hư* ư? Ước gì tôi có thể nói, “Mọi người ơi – mọi người muốn thấy sự hư đốn à, tôi sẽ dẫn mọi người tới Mỹ, chỉ cho mọi người thấy những đứa trẻ sẽ khiến mọi người tin vào Ritalin^[39].” Nhưng chỉ vì ở đây có một chuẩn mực khác về hạnh kiểm ở trẻ con.

Ketut chữa trị tất cả bệnh nhân một cách ân cần, hết người này sang người khác, dường như không bận tâm thời gian trôi qua mà chú tâm đến tất cả mọi người đứng theo cái họ cần không kể là ai đang đợi để được chăm sóc tiếp theo. Ông bận đến nỗi thậm chí không ăn bữa trưa duy nhất của mình mà cứ ngồi lì ở hiên, vì lòng tôn kính với Thượng Đế và tổ tiên mình mà ngồi đó hàng giờ liên tục, chữa trị cho tất cả mọi người. Đến tối, mắt ông trông mệt mỏi như mắt của một bác sĩ phẫu thuật ở trận địa trong Nội chiến. Bệnh nhân cuối cùng của

ông trong ngày là một người đàn ông Bali trung niên có rắc rối nặng khi than phiền là ông đã không ngon giấc hàng tuần rồi; ông bị ma ám, ông nói, bởi một ác mộng bị “chết đuối ở hai dòng sông cùng một lúc.”

Cho đến chiều nay, tôi vẫn không rõ vai trò của mình trong đời Ketut là gì. Mỗi ngày tôi đã hỏi ông có thật sự chắc ông muốn tôi ở cạnh không, và ông cứ khẳng khẳng là tôi phải tới và ở cạnh ông. Tôi cảm thấy có lỗi vì đã chiếm quá nhiều thời gian trong ngày của ông ấy, nhưng ông luôn có vẻ thất vọng khi tôi ra về vào cuối mỗi buổi chiều. Tôi chẳng thật sự dạy ông tiếng Anh gì cả. Tiếng Anh ông đã học chẳng biết từ bao nhiêu thập kỷ trước rồi giờ đã ăn sâu vào trí ông đến nỗi không còn nhiều chỗ trống để sửa sai hay thêm từ mới. Tôi chỉ có thể làm được mỗi một điều là dạy ông nói, “Nice to see you,” khi tôi đến thay vì “Nice to meet you”.

Tối nay, khi bệnh nhân cuối cùng của ông về và Ketut mệt lử, trông già đi vì phục vụ mệt mỏi, tôi hỏi ông giờ tôi có nên đi và để ông được chút riêng tư không, ông đáp, “Tôi luôn có thời gian cho cô.” Rồi ông yêu cầu tôi kể ít chuyện về Ấn Độ, về Mỹ, về Ý, về gia đình tôi. Đó là khi tôi nhận ra mình không phải là thầy tiếng Anh của Ketut, cũng không đúng là học trò lý thuyết của ông, mà tôi là niềm vui nhỏ mọn nhất và giản dị nhất của ông thầy mo già này – tôi là bầu bạn của ông ấy. Tôi là ai đó để ông có thể trò chuyện vì ông thích nghe về thế giới mà ông không có nhiều cơ hội nhìn thấy.

Trong những giờ chúng tôi cùng nhau bên hiên nhà, Ketut hỏi tôi những câu hỏi về mọi thứ từ giá xe ở Mexico đến nguyên nhân bệnh AIDS. (Tôi cố gắng với cả hai chủ đề, dù tôi tin có những chuyên gia có thể trả lời cụ thể hơn.) Trong đời mình Ketut chưa bao giờ ra khỏi đảo Bali. Thật sự, ông có rất ít thời gian rời khỏi cái hiên. Đã có lần ông đi hành hương đến núi Agung, ngọn núi lửa lớn nhất và quan trọng nhất về tâm linh ở Bali, nhưng ông nói năng lượng ở đó mạnh mẽ đến nỗi chắc chắn là ông không thể thiền vì sợ mình có thể bị ngọn lửa thiêng thiêu rụi. Ông đến các đền thờ vào các dịp nghi lễ lớn quan trọng và ông được các nhà hàng xóm mời tiến hành đám cưới hay các nghi thức vòng đời, nhưng phần lớn thời gian ta có thể tìm thấy ông ở đây, ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu tre, bao quanh là những từ điển y khoa toàn thư bằng lá cọ của ông cố, chăm sóc cho mọi người, xoa dịu những con quỷ và thỉnh thoảng thưởng cho mình một tách cà phê với đường.

“Tối qua tôi có một giấc mơ về cô,” hôm nay ông bảo tôi. “Tôi mơ thấy cô đạp xe đạp đi bất kỳ nơi đâu.”

Vì ông dừng, tôi gợi ý sửa một lỗi văn phạm. “Ý ông là ông có một giấc mơ là tôi đang đạp xe đạp *khắp* nơi?”

“Đúng! Tối qua tôi mơ thấy cô đạp xe đạp đi bất kỳ nơi đâu và khắp nơi. Trong giấc mơ tôi thấy cô rất vui vẻ! Khắp thế giới, cô đạp xe đạp. Và tôi đi theo cô!”

Có lẽ ông ấy ước ông có thể...

“Có lẽ ngày nào đó ông có thể đến thăm tôi ở Mỹ, Ketut,” tôi nói.

“Không thể, Liss.” Ông lắc đầu, vui vẻ chấp nhận số phận mình. “Không có đủ xăng để đi máy bay.”

Về vợ của Ketut, phải mất một thời gian tôi mới hòa giải được với bà. Nyomo, như ông gọi bà, là một người to lớn mập mạp và bị chứng cứng liền khớp, răng nhuộm đỏ vì nhai trà. Mấy ngón chân bà co quắp đau đớn vì chứng viêm khớp. Bà có một cặp mắt sắc sảo. Tôi thấy bà đáng sợ ngay từ lúc mới gặp. Bà có thần thái của một bà già ác liệt đôi khi ta thấy ở những góa phụ Ý và những bà mẹ da đen đi lễ nghiêm cẩn. Bà trông như sẽ phết mông ta vì một biểu hiện hạnh kiểm xấu nhỏ nhặt nhất. Rõ ràng ban đầu bà nghi ngờ tôi – *cái con hạc thơ thần khắp nhà ta mỗi ngày này là ai vậy?* Bà thường nhìn tôi chằm chằm từ bóng tối đầy mờ hóng trong bếp, bắn khoả về cái quyền hiện diện của tôi. Tôi thường mỉm cười với bà còn bà vẫn cứ nhìn chằm chằm, cân nhắc xem có nên dùng chổi đuổi tôi ra hay không.

Nhưng rồi có gì đó đã thay đổi. Đó là sau toàn bộ sự việc photocopy.

Ketut Liyer có cả đồng sổ có kẻ hàng cũ và sổ cái, đầy những chữ viết tay nhỏ chi chít về các bí quyết chữa bệnh bằng tiếng Phạn-Bali cổ. Ông đã chép những ghi chú này vào những cuốn sổ đỏ từ những năm 1940 hay 1950, một lúc nào đó sau khi người ông mất, để ông có thể có tất cả những thông tin y học đã được ghi chép. Những thứ này còn hơn cả vô giá. Có những chương dữ liệu về những cây lá và cỏ quý hiếm với các dược tính của chúng. Ông có khoảng sáu mươi trang sơ đồ tư duy tay, và nhiều sổ tay nữa đầy dữ liệu tử vi, chú, bùa và cách chữa bệnh. Vấn đề duy nhất là, những sổ tay này đã trải qua hàng chục năm mốc meo và chuột bọ, chúng gần như vụn thành từng mảnh. Vàng ố, bỏ ra và mốc meo, chúng trông như những đồng lá mùa thu rã nát. Mỗi khi lật một trang là ông làm rách toạc trang đó.

“Ketut,” tuần trước tôi nói với ông, giơ lên một trong những cuốn sổ nát của ông, “Tôi không phải là một bác sĩ như ông, nhưng tôi nghĩ cuốn sổ này đang hấp hối.”

Ông cười, “Cô nghĩ nó đang hấp hối à?”

“Thưa ngài,” tôi nói một cách nghiêm trọng, “đây là ý kiến nghề nghiệp của tôi – nếu cuốn sách này không được giúp đỡ sớm, nó sẽ chết trong vòng sáu tháng tới.”

Rồi tôi hỏi ông tôi có thể lấy cuốn sổ vào thị trấn và sao chụp lại trước khi nó chết không. Tôi phải giải thích sao chụp nghĩa là thế nào, và hứa là tôi sẽ chỉ giữ cuốn sổ trong hai mươi bốn giờ và rằng tôi sẽ không làm gì hư hại đến nó. Cuối cùng, ông đồng ý để tôi mang nó ra khỏi khuôn viên cái hiên cùng với cam kết nhiệt tình nhất của tôi là tôi sẽ cẩn trọng với vốn tri thức uyên thâm của người ông của ông. Tôi đạp xe vào thị trấn đến một cửa hàng có máy tính kết nối Internet và máy photo, tôi rón rén sao chụp mỗi trang làm ba bản, rồi cho đóng những trang photo mới và sạch trong một cái bìa nhựa đẹp đẽ. Ngày hôm sau trước buổi trưa tôi mang các bản cũ và mới của cuốn sách lại. Ketut sửng sò và thích thú. Ông rất hạnh phúc vì đã có cuốn sổ đó, ông nói, trong năm mươi năm. Điều đó có nghĩa đúng là “năm mươi năm” hay có khi chỉ là “một thời gian thật sự dài”.

Tôi hỏi tôi có thể sao chụp những cuốn sổ còn lại của ông không, để bảo quản an toàn những thông tin đó nữa. Ông giơ ra một tài liệu hấp hối, mềm rũ, rách nát đầy chữ Phạn Bali và các bức phác họa rối rắm.

“Một bệnh nhân nữa!” ông nói.

“Để tôi chữa cho!” tôi đáp.

Đây là một thành công lớn nữa. Đến cuối tuần, tôi đã sao chụp được một vài bản thảo cũ. Mỗi ngày, Ketut gọi vợ đến cho bà ấy xem các bản sao mới, và ông quá sức vui mừng. Về mặt bà không hề thay đổi, nhưng bà xem xét những bằng chứng ấy thật kỹ lưỡng.

Và khi tôi đến thăm vào hôm thứ Hai sau, Nyomo mang đến cho tôi một suất cà phê nóng, dọn trong một cái bình thủy tinh. Tôi nhìn bà mang thứ đồ uống đó trên một cái đĩa sứ qua sân, ị ạch chậm chạp trên một hành trình dài từ bếp sang hiên Ketut. Tôi tưởng cà phê là làm cho Ketut, nhưng, không – ông đã có cà phê của mình rồi. Đây là dành cho tôi. Bà đã pha nó cho tôi. Tôi cố cảm ơn bà nhưng bà có vẻ khó chịu vì lời cảm ơn của tôi, gần như xưa tôi đi như xưa con gà trống cứ cố đậu trên bàn bếp ngoài trời của bà khi bà chuẩn bị bữa trưa. Nhưng ngày hôm sau bà lại mang cho tôi một ly cà phê và một chén đường bên cạnh. Và ngày tới nữa là một ly cà phê, một chén đường và một phần khoai tây luộc nguội. Mỗi ngày trong tuần đó, bà lại thêm vào một món thiết đãi mới. Chuyện này bắt đầu giống như một trò chơi chuyển xe chữ cái luyện trí nhớ của trẻ con, “Ta đang đến nhà Bà, và ta đang mang một trái táo... Ta đang đến nhà Bà, và ta đang mang một trái táo và một trái banh... Ta đang đến nhà Bà, và ta đang mang một trái táo, một trái banh, một tách thủy tinh cà phê, một chén đường và một phần khoai tây nguội...”

Thế rồi, hôm qua, khi tôi đang đứng trong sân, nói lời từ biệt Ketut, Nyomo cầm cái chổi lê bước ngang qua, quét và vờ như không chú ý đến mọi chuyện đang diễn ra trong tầm kiểm soát hoàn toàn của mình. Tôi đan hai tay sau lưng khi đang đứng đó, và bà đến sau lưng tôi, nắm một tay tôi trong tay bà. Bà lần mò khắp bàn tay tôi như bà đang cố lần tìm dây chữ số trên một cái khóa và lần ra ngón tay trở của tôi. Rồi bà nắm cả bàn tay to, nặng của mình quanh ngón tay ấy và siết thật chặt, thật lâu. Tôi có thể cảm thấy tình thương của bà rung động xuyên qua cái nắm tay mạnh mẽ của bà, truyền thẳng vào cánh tay tôi và lan đến tận bụng. Rồi bà thả tay tôi và bỏ đi, những bước chân nặng nề vì chứng viêm khớp, không nói một lời, tiếp tục quét như thể không có chuyện gì xảy ra. Trong khi đó tôi đứng đấy âm thầm chết đuối trong hai dòng sông hạnh phúc cùng một lúc.

Tôi có một người bạn mới. Tên anh là Yudhi, phát âm là “You-Day”. Anh là người Indonesia, gốc gác ở Java. Tôi biết anh vì anh cho tôi thuê căn nhà; anh làm việc cho người phụ nữ Anh sở hữu nơi này, trông nom nhà cửa của bà khi bà ở Luân Đôn vào mùa hè. Yudhi hai mươi bảy tuổi, tầm vóc rắn chắc và nói chuyện như kiểu một tay lướt sóng miền nam California. Anh cứ gọi tôi là “cậu” và “công tử” luôn. Anh có nụ cười có thể làm dừng tội ác, và một chuyện đời dài, phức tạp đối với một người trẻ tuổi như vậy.

Anh sinh ra ở Jakarta; mẹ anh làm nội trợ, bố anh là một người Indonesia hâm mộ Elvis và sở hữu một cơ sở nhỏ kinh doanh máy điều hòa và tủ lạnh. Gia đình là người Cơ đốc giáo - một trường hợp kỳ lạ ở nơi này của thế giới, và Yudhi kể những chuyện ly kỳ, anh đã bị bọn trẻ Hồi giáo hàng xóm trêu chọc ra sao về sự thiếu sót đó như, “Mày ăn thịt heo!” và “Mày yêu chúa Jesus!” Yudhi không bức vì bị chòng ghẹo; bản tính Yudhi không thấy phiền nhiều. Tuy vậy, mẹ anh không thích anh la cà với bọn trẻ con Hồi giáo, chủ yếu là vì chúng cứ đi chân trần, mà Yudhi cũng thích giống vậy, nhưng bà nghĩ thế không vệ sinh, nên bà cho cậu một lựa chọn - cậu có thể hoặc mang giày và được chơi ở ngoài, hoặc đi chân không và ở trong nhà. Yudhi không thích mang giày, nên suốt một quãng thời gian thơ ấu và tuổi dậy thì cậu ở trong phòng ngủ của mình, và đó là khi cậu học chơi guitar. Chân trần.

Anh chàng có tai thưởng thức âm nhạc có lẽ không như bất kỳ ai tôi từng biết. Anh đẹp đẽ bên cây guitar, chưa bao giờ đi học nhưng hiểu giai điệu và hòa âm như chúng là mấy chị em nhỏ cùng anh lớn lên. Những phối hợp nhạc Đông-Tây của anh gồm những bài hát ru Indonesia cổ điển với nền tảng cho nhạc reggae^[40] và phong cách nhạc funk của Stevie Wonder những ngày đầu - khó mà giải thích, nhưng đáng ra anh ấy phải nổi tiếng. Tôi chưa từng thấy ai nghe nhạc của Yudhi mà không nghĩ là anh nên nổi tiếng.

Đây là điều anh luôn muốn làm nhất trong tất cả - sống ở Mỹ và làm việc trong ngành trình diễn. Giấc mộng được cả thế giới cùng chia sẻ. Nên khi Yudhi còn là một thiếu niên Java, không hiểu sao anh đã thuyết phục được người ta để có được một công việc (trong khi anh vẫn chưa nói được từ tiếng Anh nào) trên tàu Carnival Cruise Lines, nhờ đó ném mình ra khỏi môi trường Java quê nhà chật hẹp và bước vào một thế giới xanh bao la. Công việc Yudhi kiếm được trên tàu là một trong những việc cực nhọc dành cho những người nhập cư cần cù - sống dưới boong tàu, làm việc mười hai giờ mỗi ngày, một ngày được nghỉ mỗi tháng, lau chùi. Những đồng nghiệp của anh là người Philippin và Indonesia. Những người Philippin và Indonesia ngủ và ăn trong những khu vực riêng biệt trên tàu, không bao giờ lẫn lộn (người Hồi giáo chống lại người Cơ đốc giáo, bạn biết đấy), nhưng Yudhi, theo cách đặc trưng, kết bạn với tất cả mọi người và trở thành kiểu phái viên giữa hai nhóm người lao động châu Á. Anh thấy có nhiều điểm tương đồng hơn là khác biệt giữa những cô hầu, người canh gác, người rửa chén này, tất cả họ đều làm việc những giờ bất tiện để gửi chừng một trăm đôla mỗi tháng về cho gia đình ở nhà.

Lần đầu tiên chiếc tàu giong về Cảng New York, Yudhi thức suốt đêm, ngồi trên boong tàu, nhìn bóng dáng thành phố hiện lên bên kia đường chân trời, tim đập rộn ràng háo hức. Mấy giờ sau, anh xuống tàu ở New York và vẫy một chiếc taxi vàng, cứ như trong phim. Khi ông

lái taxi là người châu Phi mới nhập cư hỏi anh muốn đi đâu, Yudhi nói, “Đâu cũng được, ông à – cứ chở tôi vòng vòng. Tôi muốn thấy tất cả.” Vài tháng sau con tàu đến thành phố New York lần nữa, và lần này Yudhi lên bờ luôn. Hợp đồng của anh với tàu du lịch đã xong và giờ anh muốn sống ở Mỹ.

Trong tất cả mọi nơi, cuối cùng anh đến ngoại ô New Jersey sống một thời gian với người đàn ông Indonesia anh gặp trên tàu. Anh có công việc ở cửa hiệu bánh sandwich trong một phố buôn bán lớn – thêm một lần nữa, mười đến mười hai giờ mỗi ngày theo kiểu hợp đồng lao động dành cho người nhập cư, lần này làm với người Mexico, không phải Philippin. Trong những tháng đầu tiên đó anh học tiếng Tây Ban Nha khá hơn tiếng Anh. Trong những phút giây rảnh rỗi hiếm hoi của mình, Yudhi thường đi xe buýt đến Mahattan chỉ để lang thang các phố, vẫn say đắm thành phố đến không nói nên lời như thế - một thành phố mà hôm nay anh tả lại là “nơi tràn đầy tình yêu nhất trên toàn thế giới”. Thế nào đó (lại nữa – vẫn nụ cười đó) ở thành phố New York anh quen biết một nhóm nhạc sĩ trẻ từ khắp nơi trên thế giới và bắt đầu chơi guitar với họ, ứng tác suốt đêm với những đứa trẻ tài năng từ Jamaica, châu Phi, Pháp, Nhật... Và trong một hợp đồng biểu diễn thuê như thế, anh đã gặp Ann – một cô gái tóc vàng xinh đẹp chơi bass từ Connecticut. Họ phải lòng nhau. Họ cưới nhau. Họ tìm được một căn hộ ở Brooklyn và họ có những người bạn tài giỏi cùng nhau thực hiện các chuyến đi dài ngày xuống Florida Keys. Cuộc đời hạnh phúc không thể tin nổi. Tiếng Anh của anh tiến nhanh không chệ vào đâu được. Anh đã tính sẽ vào đại học.

Vào ngày 11 tháng Chín, đứng trên mái nhà mình ở Brooklyn, Yudhi nhìn ngọn tháp đôi sụp đổ. Như tất cả mọi người anh ngây dại vì đau buồn trước chuyện vừa xảy ra – làm sao ai đó có thể giáng một hành động tàn bạo kinh khủng như vậy lên một thành phố mang trong nó nhiều tình yêu hơn bất kỳ nơi đâu trên thế giới? Tôi không biết Yudhi đã quan tâm đến mức nào khi Quốc hội Mỹ sau đó thông qua Đạo luật Yêu nước để đối phó mối đe dọa khủng bố - một bộ luật bao gồm các luật nhập cư mới hà khắc, rất nhiều trong số đó đã nhắm vào các quốc gia Hồi giáo như Indonesia. Một trong những điều khoản ấy yêu cầu tất cả công dân Indonesia sống ở Mỹ phải đăng ký với Bộ An ninh Nội địa. Những cú điện thoại bắt đầu reo khi Yudhi và những người bạn nhập cư Indonesia trẻ tuổi của mình cố hình dung xem phải làm gì – nhiều người trong số họ đã ở quá hạn thị thực và việc đăng ký sẽ khiến họ bị trục xuất. Tuy nhiên họ lại sợ *không* đăng ký, vì vậy họ ứng xử như những tội phạm. Có lẽ những tên khủng bố trào lưu chính thống Hồi giáo đang nhớn nhoe ở Mỹ coi thường luật đăng ký này, nên Yudhi quyết định là anh muốn đăng ký. Anh đã kết hôn với một người Mỹ, anh muốn cập nhật tình trạng nhập cư của mình và trở thành một công dân hợp pháp. Anh không muốn sống trốn tránh.

Anh và Ann hỏi ý kiến tất cả các loại luật sư, nhưng không ai biết phải khuyên họ ra sao. Trước ngày 11 tháng 9 thì có thể là chẳng có vấn đề gì – Yudhi, giờ đã kết hôn, có thể chỉ cần đến văn phòng nhập cư, cập nhật tình trạng thị thực và bắt đầu quá trình lấy quốc tịch. Nhưng hiện giờ ư? Ai mà biết được? “Các luật vẫn chưa được thử nghiệm,” các luật sư về nhập cư nói, “Người ta sẽ thử các luật ở trường hợp anh.” Nên Yudhi và vợ gặp gỡ với một viên chức nhập cư tử tế và chia sẻ câu chuyện của mình. Người ta bảo hai người họ là Yudhi phải trở lại muộn hơn vào chiều hôm đó, để có một “cuộc phỏng vấn lần hai”. Lúc đó lẽ ra họ phải đề phòng; người ta chỉ thị chỉ mình Yudhi trở lại mà không có vợ, không có luật sư, và

không mang gì theo trong túi. Hy vọng điều tốt đẹp nhất, anh đã tay không một mình trở lại cuộc phỏng vấn – và đó là khi người ta bắt anh.

Họ đưa anh đến một trại tạm giam ở Elizabeth, New Jersey, nơi anh đã phải ở lại nhiều tuần giữa một đám đông rất lớn người nhập cư, tất cả đều vừa bị bắt theo Đạo luật Nội An, nhiều người trong họ đã sống và làm việc ở Mỹ nhiều năm, hầu hết không nói được tiếng Anh. Một số không thể liên lạc với gia đình mình khi bị bắt. Họ vô hình trong trại tạm giam; không ai còn biết sự tồn tại của họ nữa. Ann mất nhiều ngày gần như mất trí để biết người ta đưa chồng mình đi đâu. Điều Yudhi nhớ nhất về trại tạm giam là người ta nhìn thấy hơn chục người đàn ông Nigeria gầy gò, đen như than và kinh hoảng bên trong một thùng vận chuyển bằng thép trên một tàu hàng; họ đã trốn trong container dưới đáy con tàu đó suốt gần một tháng trước lúc bị phát hiện trong khi cố gắng đến được Mỹ - hay bất kỳ đâu. Họ không hình dung được giờ mình đang ở đâu. Mắt họ mở lớn. Yudhi nói, trông như họ vẫn còn bị lóa vì ánh đèn pha.

Sau một thời gian giam giữ, chính phủ Mỹ đã gửi anh bạn Yudhi Cơ đốc giáo của tôi – giờ là một tình nghi khủng bố Hồi giáo, dường như thở, trở về Indonesia. Đó là năm ngoái. Tôi không biết có bao giờ anh lại được phép ở đâu đó gần Mỹ nữa không. Anh và vợ vẫn đang cố hình dung xem giờ đây phải làm sao với cuộc sống của mình; giấc mơ của họ không phải là cùng nhau sống hết phần đời còn lại ở Indonesia.

Không thể chịu nổi những khu nhà ổ chuột Jakarta sau khi sống ở thế giới thứ nhất, Yudhi đến Bali để xem anh có thể kiếm sống ở đây không, dù anh khó được xã hội này chấp nhận vì anh không phải là người Bali – anh từ Java. Và người Bali không thích người Java chút xíu nào, xem họ như chỉ toàn là trộm cắp và ăn xin. Vậy là Yudhi vấp phải nhiều định kiến ở đây - ở chính quê hương Indonesia của mình – hơn là anh đã từng chịu hồi còn ở New York. Anh không biết phải làm gì tiếp. Có vẻ vợ anh, Ann, sẽ đến sum họp với anh ở đây. Nhưng trái lại – có lẽ không. Có gì ở đây cho cô ấy chứ? Cuộc hôn nhân còn ở những ngày đầu của họ, giờ được tiến hành hoàn toàn qua email, đang lung lay. Anh quá lạc lõng ở đây, mất phương hướng. Anh giống một người Mỹ hơn là gì khác; Yudhi và tôi dùng cùng một tiếng lóng, chúng tôi trò chuyện về những quán ăn ruột của mình ở New York và chúng tôi cùng thích những bộ phim. Anh đến nhà tôi vào buổi tối và tôi mời anh bia, anh đàn cho tôi nghe những bản nhạc đáng kinh ngạc nhất. Tôi ước gì anh nổi tiếng. Nếu có chút công bằng nào, giờ anh phải rất nổi tiếng rồi.

Anh nói, “Công tử à – tại sao cuộc đời hoàn toàn điên khùng như thế?”

“Ketut, tại sao cuộc đời hoàn toàn điên khùng như thế?” Ngày hôm sau tôi hỏi ông thầy mo của mình.

Ông đáp, “*Bhuta ia, dewa ia.*”

“Nghĩa là sao?”

“Con người là ma quỷ, con người là thánh thần. Cả hai đều đúng.”

Ý niệm này quen thuộc đối với tôi. Nó rất Ấn, rất Yoga. Khái niệm này nghĩa là con người sinh ra, như Sư phụ tôi đã giải thích nhiều lần, có tiềm tàng như nhau cho cả thu hẹp và phát triển. Những thành phần bóng tối và ánh sáng tồn tại ngang nhau trong tất cả chúng ta, và rồi tùy cá thể (hay gia đình, hay xã hội) quyết định khơi dậy điều gì – đức hạnh hay ác tâm. Sự điên rồ của hành tinh này phần lớn là do con người khó bước vào cân bằng đức hạnh với chính mình. Kết quả là tình trạng điên rồ (của cả tập thể và cá thể).

“Vậy chúng ta có thể làm gì với sự điên rồ của thế giới?”

“Chẳng gì cả.” Ketut cười, nhưng đầy thiện ý, “Đó là bản chất của thế gian. Đó là định mệnh, nhưng đầy thiện ý. “Đó là sự điên khùng của bản thân mình thôi – hãy làm mình thanh thản.”

“Nhưng chúng ta nên tìm thấy bình yên trong ta bằng cách nào?” tôi hỏi Ketut.

“Thiền,” ông nói. “Mục đích của thiền là chỉ hạnh phúc và thanh thản – rất đơn giản. Hôm nay tôi sẽ dạy cô một loại thiền mới, làm cho cô là một người tốt hơn nữa. Được gọi là Thiền Bốn Anh Em.”

Ketut tiếp tục giải thích là người Bali tin rằng người ta, mỗi người sinh ra cùng với bốn anh em vô hình, cùng bước vào thế gian với chúng ta và bảo vệ chúng ta suốt đời. Khi đứa trẻ trong dạ con, bốn anh em của cô bé thậm chí cũng đã ở đó với cô rồi – đại diện cho họ là nhau, dịch ối, dây rốn và chất như sáp màu vàng bảo vệ da của bé chưa chào đời. Khi bé chào đời, bố mẹ thu nhặt càng nhiều càng tốt những chất đại diện đó, để chúng trong một cái vỏ dừa và chôn ở trước cửa nhà. Theo người Bali, trái dừa chôn này là nơi an nghỉ thiêng liêng của bốn anh em không được sinh, và nơi đó được trông nom mãi mãi, như một nấm mồ.

Đứa bé được dạy từ lúc mới có ý thức là bé có bốn người anh em này, sẽ cùng bé rên thế gian dù là bất cứ bé ở đâu, và chúng sẽ luôn chăm sóc bé. Mấy anh em chứa bốn đức tính của mỗi con người cần để an toàn và hạnh phúc trong đời, thông minh, tình bạn, sức mạnh và (tôi thích cái này) *thơ ca*. Người ta có thể cần bốn anh em này cứu nguy và giúp đỡ trong bất kỳ tình huống nguy kịch nào. Khi ta chết, bốn anh em hồn ma này sẽ thu lấy linh hồn ta và mang ta lên trời.

Hôm nay Ketut bảo tôi là ông chưa từng dạy người phương Tây nào Thiền Bốn Anh Em cả, nhưng ông nghĩ tôi đã sẵn sàng cho việc này. Đầu tiên, ông dạy tôi tên mấy anh em vô

hình của tôi – Ango Patih, Maragio Patih, Barnis Patih, và Banus Patih Ragio. Ông hướng dẫn tôi thuộc lòng các tên này và yêu cầu mấy anh em của tôi giúp đỡ trong suốt đời mình, mỗi khi tôi cần họ. Ông nói tôi không phải khách khí khi nói với họ, như kiểu ta trang trọng cầu nguyện Thượng Đế. Tôi được phép nói với anh em mình với sự triu mến thân thuộc, vì “Đó chỉ là gia đình của cô!” Ông bảo tôi đọc tên họ khi tôi tắm rửa buổi sáng, và họ sẽ theo tôi. Đọc tên họ lần nữa trước khi ăn, và tôi sẽ bao gồm luôn cả anh em mình khi thưởng thức bữa ăn. Gọi họ trước khi đi ngủ, nói, “Tôi đi ngủ đây, vậy nên các anh em phải thức và bảo vệ tôi.” Và anh em tôi sẽ che chở tôi suốt đêm, ngăn chặn ma quỷ và ác mộng.

“Điều đó tốt quá,” tôi bảo ông, “vì đôi khi tôi có ác mộng.”

“Ác mộng là sao?”

Tôi giải thích cho ông thầy mo là tôi có cùng một ác mộng kinh khủng từ hồi còn nhỏ, cụ thể là có một người đàn ông cầm con dao đứng cạnh giường tôi. Ác mộng này sống động và người đàn ông thật đến nỗi đôi khi tôi thét lên trong sợ hãi. Và mỗi lần như thế tim tôi đập thình thịch (và cũng chưa từng vui vẻ gì cho những người ngủ chung với tôi). Cứ vài tuần tôi lại có cơn ác mộng này kéo dài trong chừng nào tôi có thể nhớ được.

Tôi kể Ketut nghe chuyện này, và ông bảo tôi đã hiểu sai ảo tưởng này nhiều năm rồi. Người đàn ông cầm con dao trong phòng ngủ tôi không phải là kẻ thù của tôi, ông ấy chỉ là một trong bốn anh em của tôi. Ông ấy là người em hồn ma tượng trưng cho sức mạnh. Ông ấy không đứng đó để tấn công tôi mà là bảo vệ tôi khi ngủ. Có lẽ tôi tỉnh dậy vì cảm thấy thoáng chấn động khi em trai hồn ma của mình đánh đuổi một con quỷ nào đó có thể đang cố làm hại tôi. Không em trai tôi đang cầm con dao, mà là một *kris* – một con dao găm nhỏ quyền uy. Tôi không phải sợ. Tôi có thể đi ngủ trở lại, tin là mình được bảo vệ.

“Cô may mắn đó,” Ketut nói. “May mắn là cô có thể thấy ông ấy. Đôi khi tôi thấy em trai mình trong thiền định, nhưng một người thường thấy được điều ấy thì thật hiếm. Tôi nghĩ cô có khả năng tâm linh lớn. Tôi hy vọng có lẽ ngày nào đó cô sẽ trở thành một thầy mo.”

“Được,” tôi nói, cười, “nhưng giá như tôi có thể có phim truyền hình nhiều tập của riêng mình.”

Ông cười với tôi, dĩ nhiên không hiểu câu đùa, nhưng thích cái ý nghĩ là người ta đùa. Rồi Ketut chỉ dẫn tôi rằng mỗi khi tôi nói với bốn anh em trai hồn ma của mình, tôi phải cho họ biết tôi là ai, để họ có thể nhận ra tôi. Nhưng tôi phải sử dụng biệt danh bí mật họ dành cho tôi. Tôi phải nói, “Tôi là Lagoh Prano.”

Lagoh Prano là “Thân Thể Hạnh Phúc.”

Tôi đạp xe về nhà, đẩy cái thân thể hạnh phúc của tôi lên đồi về phía nhà mình trong nắng chiều cuối ngày. Trên đường băng qua rừng, một con khỉ đực lớn thả một khúc cây ngay trước mặt tôi và nhe nanh với tôi. Tôi thậm chí không nao núng. Tôi nói, “Lui ra, Jack – tao có bốn em trai bảo vệ cái mông tao rồi.” Và tôi cứ tiếp tục đạp xe qua mặt nó.

Dù vậy ngày hôm sau (bất kể bốn em trai bảo vệ) tôi bị xe buýt đụng. Chiếc xe là dạng xe buýt nhỏ, vậy mà nó vẫn hất tôi bay ra khỏi xe đạp khi tôi đang đạp tà tà dọc con đường không có rào chắn. Tôi bị ném vào một kênh dẫn nước bằng xi măng. Chừng ba mươi người Bali chạy xe máy dừng lại giúp tôi, sau khi chứng kiến vụ tai nạn (chiếc xe buýt đã đi xa rồi), và mọi người mời tôi đến nhà họ dùng trà hay ngỏ ý chở tôi đến bệnh viện, tất cả đều cảm thấy rất khó chịu về toàn bộ sự việc rắc rối. Dù sao, tổn thất không nặng lắm, nếu nghĩ tới điều đã có thể xảy ra. Xe đạp của tôi vẫn ổn, dù cái giỏ bị cong và mũ của tôi bị nứt. (Cái mũ còn hơn là cái đầu trong những trường hợp như thế.) Phần tổn hại nặng nhất là vết đứt sâu trên đầu gối tôi, đầy những vụn sỏi và đất và đã bắt đầu – trong vài ngày sau đó trong không khí nhiệt đới ẩm ướt – nhiễm trùng rất tệ hại.

Tôi không muốn làm ông ấy lo, nhưng vài ngày sau, cuối cùng tôi đã xắn ống quần ở hiên nhà Ketut Liyer, lộ cái băng màu vàng ra, và chỉ vết thương của mình cho ông thầy mo già. Ông nhìn kỹ, quan tâm.

“Nhiễm trùng,” ông chẩn đoán. “Đau đớn.”

“Đúng,” tôi nói.

“Cô phải đi bác sĩ.”

Việc này có chút gì đáng ngạc nhiên. Không phải *ông ấy* là bác sĩ sao? Nhưng vì lý do nào đó ông không tình nguyện giúp tôi và tôi cũng không ép. Có lẽ ông không điều trị cho người Tây phương. Cũng có thể Ketut đã có một kế hoạch tổng thể bí mật giữ kín, vì chính cái đầu gối băng bó của tôi đã cho phép tôi, cuối cùng, gặp Wayan. Và từ buổi gặp đó, tất cả mọi điều phải xảy ra... đã xảy ra.

Wayan Nuriyasih, cũng như Ketut Liyer, là một người chữa bệnh Bali. Dù sao, có những khác biệt giữa họ. Ông ấy cao tuổi và là đàn ông còn cô ấy là một phụ nữ khoảng cuối độ tuổi ba mươi. Ông có vẻ là một nhân vật thầy tu hơn, với chút gì đó bí ẩn, trong khi Wayan là một bác sĩ thực hành pha trộn cỏ và thuốc trong cửa hiệu của mình và chăm sóc bệnh nhân tại chỗ.

Wayan có một cửa hiệu mặt tiền nhỏ ở trung tâm Ubud gọi là “Trung tâm Chữa bệnh Truyền thống Bali.” Tôi đã đạp xe ngang qua đó nhiều lần trên đường đến chỗ Ketut, và chú ý tới nó vì tất cả những cây trồng trong chậu phía ngoài, và vì cái bảng đen quảng cáo viết tay làm tò mò “Bữa trưa Nhiều Vitamin Đặc biệt.” Nhưng tôi chưa bao giờ vào nơi này trước khi đầu gối mình có chuyện. Sau khi Ketut bảo tôi đi tìm một bác sĩ, tôi nhớ ra cửa hiệu và đạp xe đến đó, hy vọng ai đấy ở đó có thể giúp tôi xử lý nhiễm trùng.

Nơi của Wayan đồng thời là một phòng khám, nhà ở và quán ăn rất nhỏ. Ở tầng trệt có một cái bếp nhỏ và một khu vực ăn uống chung đơn sơ với ba cái bàn và vài cái ghế. Trên lầu là một nơi riêng tư để Wayan cung cấp dịch vụ xoa bóp và điều trị. Chỉ có một phòng ngủ hơi tối ở phía sau.

Tôi khập khiễng với cái đầu gối nhức nhối vào cửa hiệu và tự giới thiệu với Wayan thầy thuốc – một phụ nữ Bali hấp dẫn một cách ấn tượng với nụ cười rộng mở và mái tóc đen óng dài xuống thắt lưng. Hai bé gái e thẹn nấp sau cô trong bếp mỉm cười khi tôi vẫy chào, rồi lại cúi đầu lảng đi. Tôi cho Wayan thấy vết thương nhiễm trùng của mình và hỏi cô có thể giúp được không. Chẳng mấy chốc Wayan đã có nước và cỏ sôi sùng sục trên bếp lò rồi làm cho tôi một thứ nước *jamu* – thuốc Indonesia truyền thống pha chế tại nhà. Cô đặt những chiếc lá xanh nóng lên đầu gối tôi và tôi ngay lập tức bắt đầu thấy dễ chịu.

Chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Tiếng Anh của cô rất khá. Vì là người Bali, ngay lập tức cô hỏi cô ba câu hỏi mào đầu chuẩn – *Hôm nay cô đi đâu? Cô đi từ đâu đến? Cô có gia đình chưa?*

Khi tôi nói với cô tôi chưa kết hôn (“Vẫn chưa!”) cô có vẻ ngạc nhiên.

“Chưa từng kết hôn à?” cô hỏi.

“Chưa,” tôi nói dối. Tôi không muốn nói dối, nhưng thông thường tôi thấy thoải mái hơn khi không dấn động đến chuyện ly dị với người Bali vì họ sẽ trở nên rất khó chịu với chuyện đó.

“Thật sự là chưa từng kết hôn à?” cô lại hỏi, và giờ cô ấy nhìn tôi với vẻ tò mò ghê gớm.

“Thật đấy,” tôi nói dối. “Tôi chưa từng kết hôn.”

“Cô chắc chứ?” Chuyện này bắt đầu kỳ cục.

“Tôi hoàn toàn chắc!”

“Thậm chí chưa một lần nào sao?” cô hỏi.

Được rồi, vậy là cô ấy có thể nhìn suốt tôi.

“Thôi được,” tôi thú nhận, “đã một lần...”

Và gương mặt cô ấy hiện rõ một vẻ như thế: *Đúng, tôi đã nghĩ như vậy.* Cô hỏi, “Ly dị?”

“Vâng,” tôi nói, giờ thì xấu hổ. “Ly dị.”

“Tôi có thể nói là cô ly dị.”

“Chuyện đó không phổ biến ở đây, phải không?”

“Nhưng tôi cũng ly dị,” Wayan nói, khiến tôi hoàn toàn ngạc nhiên, “Tôi cũng vậy, ly dị.”

“Cô ư?”

“Tôi đã làm tất cả những gì có thể,” cô nói. “Tôi thử mọi cách trước khi ly dị, cầu nguyện mỗi ngày. Nhưng tôi phải rời xa ông ấy.”

Mắt cô đắm lệ, và chuyện tiếp theo bạn đã biết rồi đấy, tôi nắm tay Wayan, người phụ nữ Bali ly dị đầu tiên mình gặp, và tôi nói, “Tôi tin chị đã làm tất cả những gì có thể, chị yêu quý. Tôi tin chị đã thử tất cả.”

“Ly dị thật quá buồn,” cô nói.

Tôi đồng ý.

Tôi ở lại trong cửa hàng Wayan suốt năm giờ sau đó, trò chuyện với người thân mới gặp của mình về những buồn phiền của cô. Cô làm sạch vết nhiễm trùng ở đầu gối tôi khi tôi lắng nghe câu chuyện của cô. Người chồng của Wayan, cô bảo tôi, là một người đàn ông “uống rượu suốt, luôn bài bạc, thua sạch tiền, rồi đánh tôi khi tôi không đưa thêm tiền cho ông ta đánh bạc và uống rượu nữa.” Cô nói, “Hắn đánh tôi đến phải vào bệnh viện nhiều lần.” Cô vạch tóc ra, chỉ cho tôi thấy những vết sẹo trên đầu và nói, “Đây là từ lúc ông ta đánh tôi bằng cái mũ bảo hiểm đi xe máy. Luôn luôn, lão đánh tôi với cái mũ bảo hiểm đi xe máy khi lão uống rượu, khi tôi không làm ra tiền. Lão đánh tôi rất nhiều, tôi bất tỉnh, chóng mặt, không thể nhìn thấy gì. Tôi nghĩ thật may mình là người chữa bệnh, vì tôi biết cách chữa cho mình sau khi ông ta đánh tôi. Tôi nghĩ nếu mình không phải là người chữa bệnh, có lẽ tôi đã mất thính giác, cô biết không, không thể nghe thấy gì được nữa. Hay mất thị giác, không thể nhìn thấy.” Cô bảo tôi cô đã chia tay chồng sau khi ông ấy đánh cô bị thương rất nặng “đến nỗi tôi mất con, đứa thứ hai, còn trong bụng.” Sau việc xô xát đó đứa con đầu lòng của họ, một bé gái nhỏ sáng láng có tên riêng là Tutti nói, “Con nghĩ mẹ nên ly dị, mẹ à. Mỗi lần vô bệnh viện mẹ để lại quá nhiều việc nhà cho Tutti.”

Tutti nói điều ấy khi chỉ mới bốn tuổi.

Ở Bali thoát ra khỏi hôn nhân sẽ khiến một người đơn độc và không được bảo vệ theo những cách gần như không thể tưởng tượng được đối với người Tây phương. Một gia đình Bali, bao bọc giữa những vách tường của khu nhà gia đình, đơn giản là tất cả - bốn thế hệ anh chị em, anh chị em họ, cha mẹ, ông bà và con cái, tất cả sống chung trong một loạt các nhà gỗ một tầng nhỏ bao quanh đền thờ gia đình, trông nom nhau từ khi sinh ra đến lúc chết. Khu nhà gia đình này là nguồn sức mạnh, an toàn tài chính, với chức năng chăm sóc

sức khỏe, trông nom trẻ nhỏ ban ngày, giáo dục, và – điều quan trọng nhất đối với người Bali – liên kết tâm linh.

Khu nhà gia đình quan trọng đến nỗi người Bali xem nó như một người sống, độc lập. Theo truyền thống, dân số của một ngôi làng Bali không được tính theo số cá thể mà theo số các khu nhà. Khu nhà là một vũ trụ tự túc. Nên ta sẽ không rời bỏ nó. (Trừ khi, dĩ nhiên, ta là một phụ nữ, thì ta chỉ ra khỏi đó một lần – ra khỏi khu nhà gia đình cha mẹ mình và đến khu nhà gia đình chồng.) Khi hệ thống này ổn định – mà trong xã hội lành mạnh này nó gần như luôn ổn định – nó sản sinh ra những con người lành mạnh, được chở che, chăm sóc, hạnh phúc và cân bằng nhất trên thế giới. Nhưng khi nó không ổn định thì sao? Như với cô bạn Wayan của tôi? Những kẻ bị bỏ rơi sẽ lạc trong quỹ đạo không có không khí. Chọn lựa của cô sẽ là hoặc ở trong tấm lưới an toàn khu nhà gia đình với người chồng vẫn khiến cô phải vào bệnh viện, hay cứu chính mạng sống của mình và ra đi, mà điều này sẽ khiến cô mất tất cả.

Thôi được, thực ra không phải chính xác là *không có gì*. Cô đã mang theo kiểu thức toàn thư về chữa bệnh, lòng tốt của cô, đạo đức nghề nghiệp của cô và đứa con gái Tutti mà cô đã phải tranh đấu quyết liệt để được giữ. Bali là một chế độ gia trưởng đến tận cùng. Trong trường hợp ly dị hiếm hoi, con cái đương nhiên thuộc về người cha. Để đòi lại Tutti, Wayan phải thuê một luật sư mà cô phải trả bằng mọi thứ mình có. Tôi muốn nói là – *tất cả mọi thứ*. Cô bán rế không chỉ đồ đạc trong nhà và nữ trang của mình mà còn cả nĩa và muỗng của cô, vớ và giày, khăn mặt và nến cháy dở – tất cả ra đi để trả cho người luật sư đó. Tuy nhiên cuối cùng, cô đã có lại được đứa con gái của mình, sau hai năm tranh đấu. Wayan chỉ may mắn vì Tutti là con gái; nếu nó là một đứa con trai, Wayan sẽ không bao giờ có thể gặp lại đứa bé nữa. Con trai thì quý giá hơn rất nhiều.

Trong mấy năm qua đến giờ này, Wayan và Tutti đã tự sống – hoàn toàn một mình, trong cái tổ ong Bali! – cứ vài tháng là phải chuyển từ chỗ này sang chỗ khác khi tiền đến rồi đi, luôn mất ngủ vì lo âu không biết sẽ đi đâu tiếp. Việc ấy rất khó khăn vì mỗi lần dời chuyển, bệnh nhân của cô (chủ yếu là người Bali, chính tất cả họ đạo này cũng rất khó khăn) khó tìm ra cô. Ngoài ra, mỗi lần dời chuyển, Tutti bé bỏng phải tới trường. Trước đây Tutti luôn đứng đầu lớp, nhưng từ lần chuyển nhà vừa rồi bé đã tụt xuống hạng hai mươi trong số năm mươi trẻ.

Trong lúc Wayan kể cho tôi nghe câu chuyện này, Tutti tự mình vào trông coi cửa hiệu sau khi đi học về. Giờ bé đã tám tuổi và là một sự phô bày sức hút, sắc sảo phi thường. Quả bom anh đào nhỏ này (tóc bím, gầy gò và sôi nổi) hỏi tôi bằng tiếng Anh dễ thương là tôi có muốn ăn trưa không, và Wayan nói, “Tôi quên mất! Cô phải dùng bữa trưa chứ!” rồi người mẹ và đứa con gái xông vào bếp và – với sự giúp sức của hai bé gái e thẹn trốn sau đó – một lúc sau dọn ra những món ăn ngon nhất tôi từng được ăn ở Bali.

Với mỗi món mang ra bé Tutti cao giọng giải thích những thứ trên đĩa, cười toe toét, nói chung là hoàn toàn sôi nổi đến nỗi lẽ ra bé nên đi múa gậy.

“Nước ép nghệ, để giữ thận sạch!” cô bé nói.

“Rong biển, để có can xi!”

“Xà lách cà chua, để có vitamin D!”

“Cỏ trộn, để không bị sốt rét!”

Cuối cùng tôi nói, “Tutti, cháu học tiếng Anh đâu mà nói giỏi vậy?”

“Từ một cuốn sách!” cô bé tuyên bố.

“Cô nghĩ cháu là một cô gái rất thông minh,” tôi cho cô bé biết.

“Cám ơn cô!” cô bé nói, và nhảy một điệu ngẫu hứng vui vẻ.

“Cô cũng là một cô gái rất thông minh nữa!”

Nhân tiện, trẻ con Bali thông thường không như vậy. Chúng thường hoàn toàn yên lặng và lễ phép, nấp mình sau áo mẹ chúng. Nhưng Tutti thì không. Cô bé có dáng điệu rất trình diễn. Cô bé chỉ toàn trình diễn và nói.

“Cháu sẽ cho cô xem sách của cháu!” Tutti hát, và chạy ầm ầm lên cầu thang lấy sách.

“Nó muốn làm một bác sĩ thú y,” Wayan bảo tôi. “Từ này trong tiếng Anh là gì nhỉ?”

“Veterinarian.”

“Vâng, Veterinarian. Nhưng con bé có nhiều câu hỏi về thú vật, tôi không biết trả lời sao. Nó nói, “Mẹ ơi, nếu ai đó đem đến con một con cạp bệnh, con có phải băng rãng nó lại trước, để nó không cắn con không? Nếu một con rắn bị bệnh và cần thuốc men, phải bắt đầu từ đâu?” Tôi không biết nó lấy đâu ra mấy cái ý tưởng ấy. Tôi hy vọng nó sẽ có thể đi học đại học.”

Tutti lao xuống cầu thang, ôm đầy sách trong vòng tay, rồi ném mình vào lòng mẹ. Wayan cười và hôn con gái, tất cả nỗi buồn về chuyện ly dị đột nhiên biến mất khỏi gương mặt cô. Tôi nhìn họ, nghĩ rằng những cô bé đã tiếp xúc mạnh mẽ để sống cho mẹ chúng ấy khi lớn lên sẽ là những phụ nữ rất mạnh mẽ. Trong khoảng thời gian một buổi chiều, tôi đã yêu đứa trẻ này. Tôi bất ngờ gửi một lời cầu nguyện đến Thượng Đế: *Cầu cho Tutti Nuriyah một ngày nào đó băng rãng của một ngàn con cạp trắng!*

Tôi cũng quý mẹ Tutti nữa. Nhưng tôi đã ở lại cửa hiệu của họ nhiều giờ quá rồi và tôi cảm thấy mình nên ra về. Vài du khách khác đã lang thang vào cửa hiệu, và đang hy vọng được dọn bữa trưa. Một trong các du khách, một bà người Úc lớn tuổi giọng lạnh lạnh, đang hỏi to Wayan có thể giúp chữa “chứng táo bón tồi tệ” của bà ta không. Tôi đã nghĩ: *hát to hơn chút nữa, cung à, và tất cả bọn tôi có thể nhảy múa theo...*

“Mai tôi sẽ trở lại,” tôi hứa với Wayan, “và tôi sẽ gọi bữa ăn trưa đặc biệt nhiều vitamin nữa.”

“Đầu gối cô giờ khá hơn rồi,” Wayan nói. “Khá hơn rất nhanh. Không còn nhiễm trùng nữa.”

Cô chùi sạch chỗ nhót cỏ xanh cuối cùng nơi chân tôi, rồi gần như lắc tròn nhẹ xương bánh chè của tôi một chút, nghe ngóng gì đó. Rồi cô nghe đầu gối bên kia, nhắm mắt. Cô mở mắt, cười toe toét và nói, “Tôi có thể dựa theo đầu gối cô mà nói là gần đây cô không có nhiều chuyện chặn gối lắm.”

Tôi nói, “Tại sao? Vì chúng rất gần nhau sao?”

Cô ta cười. “Không – là sụn. Rất khô. Hormone từ hoạt động tình dục bôi trơn các khớp. Bao lâu rồi cô không quan hệ?”

“Khoảng một năm rưỡi.”

“Cô cần một người đàn ông tốt. Tôi sẽ tìm cho cô một người. Tôi sẽ cầu nguyện ở đền cầu xin cho cô một người đàn ông tốt, vì giờ cô là em tôi. Ngoài ra, nếu ngày mai cô trở lại, tôi sẽ lọc thận cho cô.”

“Một người đàn ông tốt và một quả thận sạch nữa? Nghe được đấy.”

“Tôi chưa từng kể cho ai những điều về ly dị của mình trước đây,” cô bảo tôi. “Mà đời tôi nặng nề, quá sức buồn, quá sức khó khăn. Tôi không hiểu sao cuộc đời khắc nghiệt đến thế.”

Rồi tôi làm một điều kỳ lạ. Tôi nắm hai tay người chữa bệnh trong tay mình và nói với niềm xác tín mạnh mẽ nhất, “Phần đời khó khăn nhất của chị giờ đã sau lưng chị rồi, Wayan à.”

Tôi rời cửa hiệu, rồi, run lên không thể giải thích được, hoàn toàn tắc nghẹn vì một trực giác hay xung động mạnh mẽ mà tôi chưa thể xác định hay giải tỏa.

Giờ thì ngày của chia thành ba phần tự nhiên. Buổi sáng tôi ngồi với Wayan ở cửa hiệu của cô ấy, cười và ăn. Buổi chiều với thầy mo Ketut, trò chuyện và uống cà phê. Tôi dành buổi tối trong khu vườn dễ thương, hoặc ở bên ngoài một mình và đọc sách, hoặc thỉnh thoảng trò chuyện với Yudhi khi anh đến chơi guitar. Mỗi sáng, tôi thiền khi mặt trời lên cao trên những đồng lúa, còn trước giờ đi ngủ tôi nói với bốn em trai linh hồn của mình và yêu cầu họ trông chừng khi tôi ngủ.

Tôi chỉ mới ở đây một vài tuần mà đã có cái cảm giác sứ mệnh đã gần như hoàn thành rồi. Nhiệm vụ ở Indonesia là tìm kiếm sự cân bằng, nhưng tôi không cảm thấy đang tìm kiếm *bất cứ thứ gì* nữa vì sự cân bằng thế nào đó đã đâu vào đấy rất tự nhiên. Chẳng phải vì tôi đang trở thành người Bali đâu (cũng như tôi không thể trở thành người Ý hay người Ấn) mà chỉ thế này – tôi có thể cảm nhận sự thanh thản của riêng mình, và tôi thích sự luân phiên thời gian những ngày của mình giữa thực hành tín ngưỡng thanh thản và vu thú với phong cảnh đẹp, bạn bè thân yêu và thức ăn ngon. Gần đây tôi đã cầu nguyện rất nhiều, thoải mái và đều đặn. Phần lớn là tôi thấy mình muốn cầu nguyện khi đang đạp xe, từ chỗ Ketut về nhà qua khu rừng khỉ và những ruộng bậc thang lúc cuối chiều chạng vạng. Tôi cầu nguyện, dĩ nhiên, để không bị xe buýt đụng nữa, hay bị một con khỉ nhảy xổ vào hay bị chó cắn, nhưng đó chỉ là chuyện lật vật; hầu hết cầu nguyện của tôi đều là để bày tỏ lòng biết ơn tuyệt đối về sự toại nguyện trọn vẹn của bản thân mà tôi chưa từng cảm thấy chính mình hay thế giới này làm giảm bớt đi.

Tôi cứ nhớ mãi một trong các giáo huấn của Sư phụ về hạnh phúc. Bà nói người ta ai cũng thường nghĩ hạnh phúc là một vận may, cái gì đó có lẽ sẽ rơi xuống ta như thời tiết tốt nếu ta đủ may mắn. Nhưng đó không phải là cách hạnh phúc diễn ra. Hạnh phúc là kết quả của nỗ lực cá nhân. Ta đấu tranh để có nó, nỗ lực có nó, kiên trì với nó, và thậm chí đôi khi đi vòng quanh thế giới để tìm nó. Ta phải tham gia không ngừng nghỉ vào những biểu thị phúc lành của riêng mình. Và một khi ta đã đạt đến một trạng thái hạnh phúc, ta không bao giờ được lơ là việc gìn giữ nó, ta phải cố gắng ghê gớm để cứ bơi về phía hạnh phúc đó mãi mãi, để nổi trên đỉnh nó. Nếu ta không làm vậy, ta sẽ làm rò rỉ hết sự mãn nguyện vốn có của mình. Khi ta đau buồn thì đơn giản là cần cầu nguyện, còn việc tiếp tục cầu nguyện ngay cả khi cơn khủng hoảng của ta đã qua thì giống với một quá trình ghi tạc, giúp tâm hồn ta bám chặt vào những sở đắc tốt đẹp ấy.

Hồi tưởng lại những giáo huấn này khi tôi đạp xe rất tự do đi khắp Bali trong hoàng hôn, tôi cứ cầu nguyện những lời cầu nguyện đã thật sự là những lời thề, thổ lộ trạng thái hài hòa của mình cho Thượng Đế thấy và nói, “Đây là cái con muốn bám vào. Xin hãy giúp con ghi nhớ cảm giác mãn nguyện này và giúp con luôn luôn nuôi dưỡng nó.” Tôi gửi hạnh phúc này vào một ngân hàng đầu đó, không chỉ được FIDIC^[41] bảo vệ mà còn được bốn anh em trai hồn ma của tôi trông giữ nữa, giữ như một bảo đảm khỏi những thử thách tương lai trong đời. Đây là một thực hành tôi bắt đầu gọi là “Niềm Hân Hoan Chuyên Cần.” Khi tôi tập trung vào Niềm Hân Hoan Chuyên Cần, tôi cũng cứ nhớ một ý kiến giản dị người bạn Darcey của tôi từng bảo – tất cả buồn phiền và rắc rối của thế gian này do những người không hạnh

phúc gây ra. Không chỉ trong bức tranh toàn cầu lớn của Hitler và Stalin mà cả trên bình diện cá nhân nhỏ nhất. Ngay cả trong đời riêng của tôi, tôi có thể thấy rõ lúc những khúc đoạn bất hạnh nhất của mình mang lại chịu đựng hay sầu não hay (ít nhất là) bất tiện cho những người xung quanh mình. Do vậy, mong cầu mãn nguyện không chỉ là hành vi bảo toàn và làm lợi lạc cho chính mình mà còn là một món quà hào phóng cho thế gian. Dọn dẹp sạch cầu não của ta sẽ *đẹp ta ra khỏi đường đi*. Ta ngừng lại một chường ngại, không chỉ đối với chính mình mà còn đối với tất cả những người khác. Chỉ khi đó ta mới tự do để phục vụ và vui thích với những người khác.

Lúc này, người tôi đang thích thú nhất là Ketut. Ông già – thật sự là một trong những người hạnh phúc nhất tôi từng gặp – đang cho tôi toàn quyền tiếp cận ông, tự do hỏi bất kỳ câu hỏi dai dẳng nào về thiêng liêng, về bản chất con người. Tôi thích những loại thiền ông chỉ cho tôi, sự đơn giản hài hước của “nụ cười trong gan” và sự hiện diện đầy tính trấn an của bốn anh em hồn ma. Mới đây ông thầy mo bảo tôi là ông biết mười sáu kỹ thuật thiền khác nhau, và nhiều câu chú với tất cả các mục đích khác nhau. Một số mang lại thanh thản hay hạnh phúc, một số để có sức khỏe nhưng cũng có một số chỉ là bí nhiệm thuần túy – để đưa ông vào những cảnh giới ý thức khác. Ví dụ, ông nói, ông biết một loại thiền đưa ông “lên đó.”

“Lên đó ư?” tôi hỏi. “Lên đó là gì?”

“Lên đến bảy tầng trời,” ông nói. “Lên thiên đàng.”

Nghe thấy cái ý niệm quen quen về “bảy tầng”, tôi hỏi có phải ông có ý nói thiền của ông đưa ta qua bảy luân xa của cơ thể như Yoga thảo luận không.

“Không phải luân xa,” ông nói. “Những nơi chốn. Thiền này đưa tôi đến bảy nơi trong vũ trụ. Lên và lên. Tầng cuối cùng tôi đến là thiên đàng.”

Tôi hỏi, “Ông đã đến thiên đàng hả, Ketut?”

Ông cười. Tất nhiên ông đã đến đó, ông nói. Lên thiên đường dễ quá.

“Nó trông ra sao?”

“Đẹp. Ở đó tất cả đều đẹp. Tất cả mọi người ở đó đều đẹp. Mọi thứ thức ăn tuyệt diệu đều ở đó. Tất cả ở đó đều là yêu thương. Thiên đường là tình yêu.”

Rồi Ketut nói ông biết một loại thiền khác. “Đi xuống.” Thiền đi xuống này đưa ông xuống bảy tầng dưới thế gian. Thiền này nguy hiểm hơn. Không dành cho người bắt đầu, chỉ dành cho một bậc thầy.”

Tôi hỏi, “Vậy là ông lên đến thiên đàng trong loại thiền thứ nhất, rồi, trong loại thiền thứ hai ông phải đi xuống...!”

“Địa ngục,” ông kết thúc câu.

Chuyện này thật thú vị. Thiên đường và địa ngục không phải là những ý niệm tôi được nghe đề cập nhiều trong Ấn giáo. Người theo Ấn giáo nhìn vũ trụ dưới dạng nghiệp, một quá trình luân hồi liên tục, nghĩa là ta không thật sự “kết thúc” bất kỳ ở đâu lúc chết – không ở thiên đường không ở địa ngục – mà chỉ đầu thai trở lại thế gian trong một thể dạng khác, để

giải quyết bất kỳ mối quan hệ hay sai lầm nào ta đã để dở dang trong kiếp trước. Khi cuối cùng ta đạt được sự viên mãn, ta hoàn tất hoàn toàn vòng tròn luân hồi và tan vào Không. Khái niệm nghiệp hàm ý là thiên đường và địa ngục chỉ có trên trần gian này, nơi chúng ta có khả năng tạo ra chúng, làm ra hoặc điều thiện hoặc điều ác tùy vào số phận và nhân các chúng ta.

Tôi luôn thích khái niệm nghiệp. Theo nghĩa đen thì không nhiều lắm. Không hẳn vì tôi tin mình đã từng là người phục vụ quây rượu của Cleopatra – mà một cách ẩn dụ hơn. Triết học về nghiệp hấp dẫn tôi trên bình diện ẩn dụ vì ngay cả trong một kiếp người rõ ràng là chúng ta cứ lặp lại sai lầm của mình thường xuyên, lúc đầu vào cũng những thói nghiện và thói thúc cũ mèm đó, tạo ra cũng những hậu quả đáng thương cũ rích và thường là tai họa đó, cho đến khi cuối cùng chúng ta dừng lại và điều chỉnh. Đây là bài học tối cao của nghiệp (nhân thiện, cũng chính là của triết học phương Tây) – quan tâm đến những vấn đề bây giờ, nếu không sau này ta sẽ lại đau khổ khi ta làm rối tung mọi thứ lần tới. Và lặp lại đau khổ – đó là địa ngục. Ra khỏi sự lặp lại bất tận đó để đến một trình độ hiểu biết mới – đó là nơi ta sẽ tìm thấy thiên đường.

Nhưng ở đây Ketut đang nói về thiên đường và địa ngục theo một cách khác, như thể chúng là những nơi chốn có thật trong vũ trụ mà ông đã thực sự đến thăm. Chỉ ít thì tôi nghĩ đó là điều mà ông muốn nói.

Cố gắng làm rõ điều này, tôi hỏi, “Ông đã đến địa ngục rồi hả Ketut?”

Ông cười. Tất nhiên ông đã đến đó.

“Ở địa ngục ra sao?”

“Cũng y như ở trên thiên đường,” ông nói.

Ông thấy vẻ hoang mang của tôi và cố giải thích, “Vũ trụ là một vòng tuần hoàn, Liss.”

Tôi vẫn không chắc mình đã hiểu.

Ông nói, “Lên, xuống – tất cả đều là một, rốt cuộc là thế.”

Tôi nhớ một ý niệm huyền bí Cơ đốc giáo xưa: Bên trên thế nào, bên dưới cũng vậy. Tôi hỏi, “Vậy làm sao ông có thể nói sự khác biệt giữa thiên đường và địa ngục?”

“Là cách thức ta đi. Thiên đường, ta đi lên, qua bảy nơi vui vẻ. Địa ngục, ta đi xuống, qua bảy nơi buồn khổ. Đây là lý do đi lên thì tốt hơn, Liss.” Ông cười.

Tôi hỏi, “Ý ông là, chi bằng suốt đời ta nên đi lên trên, qua bảy nơi hạnh phúc, vì thiên đường và địa ngục – các điểm đến – dù sao cũng như nhau.”

“Cũng vậy vậy,” ông nói. “Cuối cùng cũng như nhau. Nên tốt hơn là hạnh phúc trên hành trình.”

Tôi nói, “Vậy, nếu thiên đường là tình yêu, thế thì địa ngục là...”

“Cũng là tình yêu,” ông nói.

Tôi ngồi nghĩ điều đó một lúc, cố hiểu cho ra.

Ketut lại cười, tròng mếu vỗ lên đầu gối tôi.

“Chuyện này luôn rất khó hiểu đối với một người còn trẻ!”

Thế là sáng nay tôi lại la cà ở cửa hiệu của Wayan, và cô đang cố hình dung làm sao để tóc tôi dài nhanh hơn và dày hơn. Vì bản thân cô có mái tóc dày, óng mượt lông lẩy thả dài xuống hông, cô cảm thấy tội nghiệp cho cái túm giẻ vàng hoe thừa thừa của tôi. Là một người chữa bệnh, tất nhiên, cô có một phương thuốc giúp tóc tôi dày, nhưng sẽ không đơn giản. Đầu tiên, tôi phải tìm ra một cây chuối và tự tay chặt nó xuống. Tôi phải “ném đi phần ngọn cây” rồi đéo phần thân cây và rễ (vẫn còn bám trong đất) thành một cái chén lớn sâu “như một cái hồ bơi.” Rồi tôi phải đặt một miếng gỗ bên trên lỗ hổng này, để nước mưa và sương không rơi vào. Rồi vài ngày sau tôi sẽ trở lại và thấy rằng hồ bơi giờ đã đầy chất lỏng giàu dưỡng chất của rễ chuối, mà tôi sẽ phải múc vào những cái chai và mang đến cho Wayan. Cô sẽ làm phúc cho nước ép rễ chuối ở đền thờ cho tôi, rồi chà nước ép này lên sương sọ tôi mỗi ngày. Trong vòng vài tháng tôi sẽ có mái tóc bóng và dày thả tận xuống hông như tóc của Wayan.

“Ngay cả nếu cô hói,” cô nói, “cách này cũng làm tóc cô mọc lại.”

Khi chúng tôi trò chuyện, Tutti bé nhỏ - vừa đi học về - đang ngồi trên sàn, vẽ một bức tranh có căn nhà. Đạo này, Tutti hầu như chỉ vẽ những căn nhà. Cô bé khát khao có một ngôi nhà của riêng mình. Trong tranh của cô bé luôn luôn có một cầu vồng ở hậu cảnh, và một gia đình tươi cười - bố và mọi người.

Đó là những gì chúng tôi làm cả ngày ở cửa hiệu của Wayan. Chúng tôi ngồi trò chuyện. Tutti vẽ tranh còn Wayan và tôi tán gẫu, chòng ghẹo nhau. Wayan có khiếu hài hước về chuyện nhục cảm, luôn nói về tình dục, tấn công chuyện tôi độc thân, suy đoán khả năng sinh dục của tất cả những người đàn ông đi ngang cửa hiệu cô ấy. Cô cứ nói với tôi đến đền thờ mỗi tối và cầu xin một người đàn ông tốt xuất hiện trong đời tôi, trở thành tình nhân của tôi.

Sáng nay tôi lại bảo tôi, “Không, Wayan - tôi không cần chuyện đó. Tim tôi đã tan vỡ quá nhiều lần rồi.”

Cô nói, “Tôi biết bài thuốc chữa trị trái tim tan nát.” Một cách kênh kiệu và theo cung cách bác sĩ, Wayan đếm trên đầu ngón tay sáu yếu tố trong Điều trị Trái tim Tan vỡ Bảo đảm Công hiệu, “Vitamin E, ngủ nhiều, uống nhiều nước, đi xa khỏi nơi có người ta yêu, thiền và bảo trái tim mình rằng đây là số phận.”

“Tôi đã làm tất cả mọi thứ trừ Vitamin E.”

“Vậy là giờ đây cô đã bình phục. Và giờ cô cần một người đàn ông mới. Tôi sẽ mang lại cho cô một người, bằng cầu nguyện.”

“Ồ, tôi không cầu xin một người đàn ông mới, Wayan. Điều duy nhất bây giờ tôi cầu nguyện là có được thanh thản với chính mình.”

Wayan tròn tròn mắt, như thể *Ờ, đúng, cô tuyên bố sao cũng được, bà bé da trắng lập dị à*, và nói “Đó là vì cô có vấn đề ký ức xấu. Cô không còn nhớ là tình dục đẹp ra sao nữa. Tôi

cũng từng có vấn đề ký ức xấu, khi còn là vợ. Mỗi lần thấy người đàn ông đẹp trai đi xuống phố, tôi thường quên là mình có một ông chồng ở nhà.”

Cô gần như cười lăn. Rồi cô kiềm chế lại và nói, “Tất cả mọi người đều cần tình dục, Liz.”

Đúng lúc đó, một phụ nữ lộng lẫy bước vào cửa hiệu, nụ cười rạng rỡ như một tia harid dăng. Tutti chồm dậy rồi chạy ùa vào lòng bà, la lên, “Armenia! Armenia! Armenia!” Hóa ra đó là tên người phụ nữ - không phải là lời gọi chiến đấu của dân tộc kỳ lạ nào đó. Tôi tự giới thiệu với Armenia, và bà bảo tôi từ Brazil. Bà rất năng động, người phụ nữ này – rất Brazil. Bà lộng lẫy, ăn mặc trang nhã, đầy sức cuốn hút, hấp dẫn và không xác định được tuổi, chỉ một mực gọi tình.

Armenia cũng là một người bạn của Wayan thường đến cửa hiệu để ăn trưa theo các điều trị y học và sắc đẹp truyền thống khác nhau. Bà ngồi xuống trò chuyện với chúng tôi trong chừng mực một giờ, tham gia tán gẫu với chúng tôi, cái vòng tròn nhỏ của đám con gái. Bà chỉ còn ở Bali một tuần nữa trước khi phải bay đi châu Phi, hay có lẽ trở lại Thái Lan để trông nom công việc của mình. Hóa ra Armenia vừa có một chút xiu xiu đời sống hấp dẫn. Bà đã từng làm việc cho Cao Ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn. Trong năm 1980 bà được cử đến rừng rậm El Salvadore và Nicaragua giữa thời điểm chiến tranh căng thẳng nhất với tư cách là người đàm phán hòa bình, dùng sắc đẹp, sự quyến rũ và khôn ngoan của mình để buộc tất cả các tướng lĩnh và những người nổi loạn lắng xuống và chịu nghe theo lẽ phải. (Xin chào, quyền lực xinh đẹp!) Giờ bà điều hành công việc kinh doanh tiếp thị đa quốc gia gọi là Novica, ủng hộ các nghệ sĩ bản địa khắp nơi trên thế giới bằng cách bán các sản phẩm của họ trên Internet. Bà nói được khoảng bảy hay tám thứ tiếng. Bà có một đôi giày hoang đường nhất tôi chưa từng thấy sau thời ở Roma.

Wayan nhìn cả hai chúng tôi rồi nói, “Liz – sao cô không bao giờ cố để trông khêu gợi, như Armenia? Cô là một cô gái xinh xắn, cô có vốn quý về khuôn mặt đẹp, thân hình đẹp, nụ cười đẹp. Nhưng cô cứ mặc mỗi chiếc áo rách này, cùng cái quần jean rách này. Cô không muốn gợi tình như bà ấy à?”

“Wayan,” tôi nói. “Armenia là một người Brazil. Đó là một tình huống hoàn toàn khác.”

“Khác làm sao?”

“Armenia,” tôi nói, quay sang người bạn mới của mình. “Cô có thể vui lòng giải thích cho Wayan một phụ nữ Brazil nghĩa là sao không?”

Armenia cười, nhưng rồi có vẻ xem xét câu hỏi – một cách nghiêm túc và trả lời, “Thôi được, tôi luôn cố gắng trông đẹp và nữ tính ngay cả trong các vùng chiến sự và trại tị nạn ở Trung Mỹ. Ngay cả trong những thảm kịch và khủng hoảng tồi tệ nhất, chẳng có lý do gì để thêm vào đau khổ của mọi người bằng cách làm cho chính mình trông cũng thảm hại. Đó là triết lý của tôi. Đây là lý do tôi luôn trang điểm và đeo nữ trang vào rừng – không có gì thái quá, mà có lẽ chỉ là một cái vòng vàng đẹp và đôi hoa tai, một chút soi môi, nước hoa tốt. Chỉ đủ để chứng tỏ rằng tôi vẫn còn lòng tự trọng của mình.”

Thực ra, Armenia làm tôi nhớ các quý bà lữ khách nước Anh thời Victoria tuyệt vời đó, họ vẫn thường nói không có gì để bào chữa cho chuyện mặc đồ theo kiểu châu Phi mà hẳn sẽ chẳng phù hợp cho một phòng khách Anh. Người phụ nữ này, bà là một người thích phù

hoa. Và bà không thể ở lại cửa hiệu Wayan quá lâu vì bà có việc phải làm, nhưng điều đó không ngăn bà mời tôi đến buổi tiệc tối nay. Bà biết một người Brazil khác ở Ubud, bà bảo tôi, và anh ta đang tổ chức một sự kiện đặc biệt tại một nhà hàng xinh đẹp tối nay. Anh ta sẽ nấu một *feijoada* – một tiệc Brazil truyền thống có hàng núi thịt lợn đồ sộ và đậu đen. Sẽ có cocktail Brazil nữa. Cũng sẽ có rất nhiều người nước ngoài thú vị từ khắp nơi trên thế giới đang sống ở Bali này. Tôi có vui lòng đến không? Sau đó tất cả họ có lẽ cũng sẽ đi ra ngoài nhảy múa nữa. Bà không biết tôi có thích tiệc tùng không, nhưng...

Cocktail à? Nhảy à? Hàng núi thịt heo à?

Tất nhiên là tôi sẽ tới.

Tôi không thể nhớ lần cuối cùng mình chưng diện, nhưng tối nay tôi đào được một cái áo đầm hai dây cầu kỳ của mình từ dưới đáy ba lô và tròng nó vào. Tôi còn bôi son môi nữa. Tôi không thể nhớ lần cuối cùng mình bôi son, nhưng tôi biết là không phải đâu đó gần Ấn Độ. Tôi dừng ở nhà Armenia trên đường đến buổi tiệc, và bà phủ lên tôi vài thứ nữ trang đắt tiền của bà, cho tôi mượn nước hoa đắt tiền của bà, cho tôi gởi lại chiếc xe đạp trong sân sau nhà bà để tôi có thể đến buổi tiệc trong xe hơi sang trọng của bà, như một phụ nữ trưởng thành hoàn toàn.

Buổi ăn tối với những người nước ngoài rất vui vẻ, và tôi cảm thấy mình đang thăm lại tất cả những khía cạnh nhân cách của mình từ lâu ngủ im này. Thậm chí tôi còn ngà ngà say, điều đáng nói sau tất cả sự thanh lọc từ vài tháng cầu nguyện vừa qua ở Ashram và nhấp trà trong vườn hoa Bali. Và tôi còn đùa cợt nữa chứ! Lâu lắm rồi tôi không đùa cợt. Gần đây tôi chỉ giao du với mấy thầy tu và thầy mo, rồi bỗng nhiên tôi lại lau chùi bụi bặm năng giới tính bỏ quên lâu ngày. Nhưng tôi thật sự không thể nói mình đã cợt nhả với những ai. Gần như tôi đang phát tán nó ra khắp nơi. Tôi bị cự nhà báo Úc hóm hỉnh ngồi cạnh mình cuốn hút chẳng? (“Ở đây tất cả chúng ta đều say,” anh ta châm biếm. “Chúng ta viết *tham khảo* cho những kẻ say khác.”) Hay là nhà trí thức Đức trầm lặng phía cuối bàn? (Ông ta hứa cho tôi mượn những tiểu thuyết trong thư viện riêng của ông.) Hay trước tiên là người đàn ông Brazil lớn tuổi đẹp trai đã nấu buổi chiêu đãi đồ sộ này cho tất cả chúng tôi? (Tôi thích đôi mắt nâu hiền lành và giọng nói của anh ta. Và tài nấu nướng của anh ta nữa, dĩ nhiên rồi. Tôi đã nói cái gì đó rất khiêu khích với anh ta, chẳng biết từ đâu. Anh nói đùa bôi bác mình, “Tôi là một người đàn ông Brazil thảm họa hoàn toàn – tôi không biết nhảy, không biết chơi bóng đá và không biết chơi bất kỳ nhạc cụ nào.” Không hiểu sao tôi đáp, “Có lẽ vậy. Nhưng tôi có cảm giác anh có thể đóng vai một Casanova rất đạt.” Thời gian đột nhiên dừng lại trong một giây phút dài, thật dài, rồi, khi chúng tôi nhìn nhau thẳng thắn, như thế, *đó là một ý kiến hay để đặt lên bàn này*. Sự táo tợn trong câu nói của tôi lơ lửng trong không trung quanh chúng tôi như một làn hương thơm ngan ngát. Anh ấy không phủ nhận nó. Tôi nhìn lảng đi chỗ khác, cảm thấy mình đang đỏ mặt.)

Dù sao, món *feijoada* của anh ấy thật đáng kinh ngạc. Tròn trề, đầy gia vị và đậm đặc – tất cả những thứ thông thường ta không thể có được trong món ăn Bali. Tôi ăn hết đĩa thịt heo này qua đĩa khác và ta quyết định chính thức mình không bao giờ có thể là một người ăn chay, với món ăn như vậy trên thế gian thì không. Và rồi chúng tôi đi ra ngoài nhảy ở một hộp đêm địa phương, nếu ta có thể gọi đó là một hộp đêm. Nó giống như một cái lều đặc biệt trên bãi biển hơn, chỉ là không có bãi biển. Có một băng nhạc sống do trẻ con Bali chơi nhạc reggae tuyệt vời, và nơi này lẫn lộn những tay chơi đủ mọi lứa tuổi và quốc tịch, người nước ngoài, du khách, người địa phương và mấy cô cậu Bali lộng lẫy, tất cả nhảy nhót thoải mái, không e thẹn. Armenia không đi cùng, quả quyết là phải làm việc ngày hôm sau, nhưng người đàn ông Brazil lớn tuổi đẹp trai tiếp tôi. Anh không phải là một người nhảy tồi đến như anh nói. Có lẽ anh cũng có thể chơi bóng đá nữa. Tôi thích có anh gần bên, mở cửa cho tôi, ca tụng tôi, gọi tôi là “em yêu”. Nhưng ngược lại, tôi nhận thấy anh gọi tất cả mọi người

là “em yêu” – ngay cả anh chàng pha rượu lông lá. Nhưng mà, sự quan tâm của anh rất tuyệt...

Đã lâu rồi tôi mới ngồi trong một quán rượu. Ngay cả ở Ý tôi cũng không đến quán rượu, và tôi cũng không ra ngoài nhiều trong những năm có David. Tôi nghĩ lần cuối cùng mình đi nhảy là từ hồi tôi lập gia đình... từ hồi tôi kết hôn *một cách hạnh phúc*, thử nghĩ mà xem. Lay Chúa, đã nhiều năm rồi. Ở ngoài sàn nhảy tôi tình cờ gặp cô bạn Stefania, một cô gái trẻ Ý dễ thương tôi mới quen ở một lớp thiền ở Ubud, rồi chúng tôi nhảy với nhau, tóc bay tứ tung, vàng hoe và đen, quay cuồng vui vẻ. Đâu đó sau nửa đêm, ban nhạc ngừng chơi và mọi người trà trộn với nhau.

Đó là khi tôi gặp một anh chàng tên Ian. Ôi, tôi thật sự thích anh chàng này. Tôi thật sự thích anh ta ngay lập tức. Anh ta rất đẹp trai, kiểu như pha trộn giữa Sting và em trai của Ralph-Fiennes. Anh là người xứ Welsh, vậy nên anh có cái giọng dễ thương ấy. Anh ăn nói lưu loát, thông minh, hỏi chuyện, nói với cô bạn Stefanie của tôi cũng thú vị tiếng Ý trẻ con như tôi nói. Hóa ra anh là người đánh trống trong ban nhạc reageae này, anh chơi trống bongo^[42]. Vậy nên tôi đùa rằng anh là một “bonga-leer”, như mấy gã ở Venice, nhưng bằng đánh trống thay vì chèo thuyền và không hiểu sao chúng tôi đã tâm đầu ý hợp, bắt đầu cười và trò chuyện.

Rồi Felipe tiến lại – đó là tên người đàn ông Brazil, Felipe. Anh mời tất cả chúng tôi ra một nhà hàng địa phương sôi động do những người nước ngoài từ châu Âu làm chủ, một nơi thoải mái kinh khủng không bao giờ đóng cửa, anh hứa, nơi bia và chuyện nhảm nhí được phục vụ suốt. Tôi thấy mình nhìn qua Ian (*anh ta có muốn đi không?*) và khi anh ấy nói vâng, tôi cũng nói vâng. Vậy là tất cả bọn tôi đến nhà hàng. Tôi ngồi với Ian, chúng tôi trò chuyện đùa giỡn suốt đêm, và ồ, tôi thật sự thích anh chàng này. Anh là người đàn ông đầu tiên tôi gặp mà tôi thật sự thích *theo kiểu đó*, như người ta nói, sau một thời gian dài. Anh lớn hơn tôi vài tuổi, trải qua một đời sống thú vị với tất cả những điểm tốt trong lý lịch (thích *The Simpsons*, du lịch khắp thế giới, đã từng sống trong một Ashram, đề cập đến Tolstoy, có vẻ có việc làm.v.v...) Anh bắt đầu sự nghiệp của mình trong Quân đội Anh ở Bắc Ireland với tư cách là một chuyên gia đội gỡ mìn, rồi trở thành một tay phá bãi mìn quốc tế. Xây trại tị nạn ở Bosnia, giờ đang nghỉ phép ở Bali để hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc... tất cả đều là những thứ quyến rũ.

Tôi không thể tin mình đã thức đến 3 giờ rưỡi sáng, và cũng không thien! Tôi thức đến nửa đêm và mặc một cái áo đầm và trò chuyện với một người đàn ông hấp dẫn. Cấp tiến ghê gớm biết chừng nào. Đến cuối buổi tối Ian và tôi đều thừa nhận thật tuyệt vời được quen nhau. Anh hỏi tôi có số điện thoại không và tôi bảo mình không có, nhưng tôi có email và anh nói, “Ờ, nhưng email thì có vẻ quá... ờ...”. Vậy là cuối đêm chúng tôi không trao đổi gì ngoài ôm ghì nhau. Anh nói, “Mình sẽ gặp lại nhau khi họ,” chỉ tay về phía những thần thánh trên trời cao – “bảo vậy”.

Ngay trước bình minh, Felipe, người đàn ông Brazil lớn tuổi đẹp trai ngó ý chở tôi về. Khi chúng tôi chạy đến những con hẻm quanh co anh nói. “Em yêu, em đã trò chuyện với tên nhảm nhí kinh khủng nhất Ubud suốt cả đêm.”

Tim tôi nặng trĩu.

“Ian thật sự là một thứ nhảm nhí sao?” tôi hỏi. “Hãy cho tôi biết sự thật ngay bây giờ đi để khỏi rắc rối về sau.”

“Ian hả?” Felipe nói. Anh cười. “Không, em yêu! Ian là một gã nghiêm túc. Anh ta là người tốt. Tôi muốn nói *chính mình* kìa. Tôi là thứ nhảm nhí nhất Ubud.”

Chúng tôi chạy xe trong im lặng một lúc.

“Dù sao, tôi cũng đang đùa thôi mà,” anh nói thêm.

Rồi lại một quãng im lặng dài và anh nói, “Em thích Ian phải không?”

“Tôi không biết nữa,” tôi nói. Đầu tôi không sáng rõ. Tôi đã uống quá nhiều cocktail Brazl. “Anh ta hấp dẫn, thông minh. Đã lâu rồi tôi không nghĩ tới chuyện thích bất kỳ ai.”

“Em sắp có vài tháng tuyệt vời ở Bali đây. Em hãy đợi và xem.”

“Nhưng tôi không biết mình có thể giao du bao nhiêu nữa, Felipe. Tôi chỉ có một cái áo đầm. Mọi người sẽ bắt đầu nhận thấy là tôi lúc nào cũng chỉ mặc có mỗi một cái áo.”

“Em trẻ và xinh đẹp, em yêu. Em chỉ cần một cái áo thôi.”

Tôi trẻ và đẹp ư?

Tôi vẫn nghĩ là mình già và chỉ là một kẻ vừa ly dị.

Đêm đó tôi chẳng thể ngủ được, không quen với những giờ ngạo ngược như vậy, nhạc nhảy vẫn còn gõ nhẹ trong đầu tôi, tóc tôi có mùi thuốc lá, bao tử tôi phản ứng dữ dội với rượu. Tôi ngủ lơ mơ một tí, rồi thức dậy khi mặt trời lên vì đã quen vậy rồi. Chỉ có điều sáng hôm nay tôi không thư giãn, không thanh thản và không trong trạng thái thiền gì cả. Tại sao tôi lại kích động đến thế? Tôi đã có một đêm tuyệt vời, phải không? Tôi đã gặp được những người thú vị, ăn diện và nhảy nhót, đùa cợt với vài gã đàn ông...

ĐÀN ÔNG.

Sự kích động trở nên dữ dội hơn khi nghĩ đến từ đó, biến thành một cuộc tấn công nhỏ đầy hoảng loạn. *Tôi không còn biết làm điều này thế nào nữa.* Tôi đã từng là kẻ đùa cợt dữ nhất, bạo tợn nhất và trơ trẽn nhất hồi mười mấy hai mươi tuổi. Tôi nhớ hình như hồi đó đã từng vui vẻ, gặp gỡ vài người đàn ông, cuốn anh ta về phía mình, ném ra những lời mời mọc úp mở và khiêu khích, vứt đi tất cả sự thận trọng và để những hậu quả ra sao thì ra.

Nhưng giờ thì tôi chỉ cảm thấy hoảng sợ và không chắc chắn. Tôi bắt đầu phóng đại cả buổi tối thành cái gì đó lớn hơn nhiều cái nó thật sự là, hình dung đang mình đang bắt đầu có quan hệ với gã Welsh này, người thật chí cũng không cho tôi một cái địa chỉ email. Tôi có thể thấy cả con đường đến tương lai của chúng tôi rồi, bao gồm những tranh cãi về thói quen hút thuốc của tôi. Tôi không biết liệu lại cho một người đàn ông thì có làm hỏng hành trình/viết lách/đời sống vân vân của mình hay không. Tuy nhiên – một chút lãng mạn sẽ rất tuyệt. Đã một thời gian dài tôi sống khô khan rồi. (Tôi nhớ Richard từ Texas có lúc đã khuyên tôi về đời sống tình yêu của tôi, “*Cô cần một người làm hết hạn hán, cưng à. Phải tìm cho mình một người tài ba giải quyết được vấn đề.*”) Rồi tôi hình dung lan tiến lại gần trên chiếc xe máy của anh ta với thân hình của một chuyên viên gỡ mìn đẹp trai để ân ái với tôi trong vườn của tôi, và điều đó sẽ tuyệt biết chừng nào. Tuy nhiên ý nghĩ không-hoàn-toàn-khó-chịu này không hiểu sao cứ rít lên đẩy tôi vào cái ý nghĩ khủng khiếp ngăn chặn chính tôi rằng mình không muốn trải qua bất kỳ nỗi đau tan nát nào nữa. Rồi tôi bắt đầu nhớ David hơn bất kỳ lúc nào trong nhiều tháng nay, tôi nghĩ: *có lẽ mình nên gọi anh ta và xem anh ta có muốn cùng nhau thử lại không...* (Rồi tôi nhận được một kênh rất chính xác từ anh bạn già Richard của tôi, anh nói: *Ồ, giỏi đó, Hàng Tạp Hóa à – tối qua cô bị phẫu thuật thủy não và có thêm chuyện ngà ngà say à?*) Từ ngẫm nghĩ về David sang ám ảnh về những tình tiết vụ ly dị lúc nào cũng là một bước nhảy ngắn, và thế là chẳng mấy chốc tôi bắt đầu nghiền ngẫm (cũng y như hồi trước) về chồng cũ của mình, về ly dị...

Tôi nghĩ tại mình đã thu xếp xong chủ đề này rồi, Hàng Tạp Hóa à.

Và rồi tôi bắt đầu nghĩ về Felipe, không hiểu sao – gã đàn ông Brazil lớn tuổi đẹp trai đó. Anh ta dễ thương. *Felipe*. Anh ấy nói tôi trẻ và đẹp và rằng tôi sẽ có một thời gian tuyệt vời

ở Bali này. Anh ta đúng, phải không? Tôi nên thư giãn và vui vẻ chút nữa, đúng không?
Nhưng sáng nay có vẻ không vui.

Tôi không biết làm chuyện này thế nào nữa.

“Cuộc đời này là gì vậy? Cô có hiểu không? Tôi không hiểu.”

Đây là Wayan nói.

Tôi trở lại quán ăn của Wayan, ăn bữa trưa đặc biệt nhiều vitamin ngon lành và bổ dưỡng của cô ấy, hy vọng nó sẽ làm dịu đi dư vị khó chịu và cảm giác bất an của mình. Người đàn bà Brazil Armenia cũng ở đó, trông vẫn như mọi khi, như bà vừa ghé một thẩm mỹ viện trên đường về sau kỳ nghỉ cuối cùng ở một spa. Tutti bé bỏng đang ngồi trên sàn, vẽ những bức tranh với những ngôi nhà, như thường lệ.

Wayan vừa mới biết là hợp đồng thuê cửa hiệu của cô sắp đến kỳ gia hạn vào cuối tháng Tám – chỉ còn ba tháng nữa thôi – và rằng tiền thuê nhà sẽ tăng. Có lẽ cô sẽ phải dời nhà lần nữa vì không đủ tiền ở lại. Cô chỉ có khoảng năm mươi đôla ở ngân hàng, và không biết phải đi đâu. Dời nhà sẽ lại buộc Tutti rời trường học. Họ cần một ngôi nhà – một ngôi nhà thật sự. Một người Bali không thể nào sống như thế này.

“Tại sao đau khổ không bao giờ hết?” Wayan hỏi. Cô không khóc, chỉ đặt một câu hỏi đơn giản, không thể trả lời được và gây một mối. “Tại sao mọi thứ cứ phải lặp lại và lặp lại, không bao giờ dứt, không bao giờ được yên nghỉ? Ta làm việc cật lực hôm nay, nhưng hôm sau, ta phải làm lại. Ta ăn, nhưng ngày hôm sau, ta đã đói rồi. Ta tìm thấy tình yêu, rồi tình yêu bỏ đi. Ta sinh ra chẳng có gì – không đồng hồ, không áo. Ta làm việc cật lực, rồi ta chết đi không có gì – không đồng hồ, không áo. Ta trẻ, rồi ta già. Bất kể ta làm việc cực khổ ra sao, ta cũng không thể không già đi.”

“Nhưng Armenia thì không,” tôi đùa. “Rõ ràng cô ấy không già đi.”

Wayan nói, “Nhưng vì Armenia là *một người Brazil*,” giờ thì đã nhìn ra được vấn đề. Tất cả chúng tôi đều cười, nhưng đó chỉ là một kiểu bi hài kịch, vì chẳng có gì đáng buồn cười về tình trạng của Wayan trên thế gian này ngay lúc này đây. Đây là những thực tế: người mẹ độc thân, đứa con sớm phát triển, việc làm ăn tay làm hàm nhai, nghèo khổ cận kề, cảnh không nhà rõ ràng. Cô ấy sẽ về đâu? Rõ ràng là không thể sống với gia đình chồng cũ rồi. Gia đình của Wayan là nông dân trồng lúa ở nông thôn xa tít và nghèo nàn. Nếu cô đến sống với họ, công việc chữa bệnh trong thị trấn của cô coi như xong vì bệnh nhân không thể đến chỗ cô và ta có thể gần như quên chuyện Tutti sẽ được học hành đầy đủ để ngày nào đó vào Đại học Bác sĩ Thú y.

Theo thời gian những thực tế khác cũng xuất hiện. Hai cô bé e thẹn tôi nhận thấy hôm đầu tiên đó, nấp sau bếp thì sao? Hóa ra hai bé là một cặp trẻ mồ côi Wayan nhận nuôi. Cả hai đều mang tên Ketut (chủ làm quyển sách này rồi rắc thêm) và chúng tôi gọi chúng là Ketut Lớn và Ketut Nhỏ. Wayan thấy hai Ketut này đang đói khát và ăn xin ở kẻ chợ vài tháng trước. Chúng bị một phụ nữ kiểu như nhân vật của Dickens bỏ rơi ở đấy – có thể là một người bà con – kẻ hoạt động như một kiểu ma cô chặn dắt trẻ con ăn xin, để trẻ con không cha mẹ ở các chợ khác nhau khắp Bali để xin tiền, rồi nhặt bọn trẻ lên xe tải mỗi đêm, thu tiền và rồi cho chúng một cái lều đâu đó để ngủ. Lần đầu tiên khi Wayan tìm thấy Ketut Lớn

và Ketut Nhỏ, chúng đã không ăn uống nhiều ngày, bị rận chấy, ký sinh trùng và đòn roi. Cô đoán đứa nhỏ nhất có lẽ là mười tuổi, và đứa lớn hơn có lẽ mười ba, nhưng chúng không biết tuổi của chúng và thậm chí họ nữa cũng không. (Ketut Nhỏ chỉ biết là bé sinh cùng năm với “con lợn lớn” ở làng bé; điều này không giúp những người còn lại trong chúng tôi thiết lập được một thời biểu.) Wayan đã đem chúng về và chăm sóc chúng cũng trù mẩn như chăm sóc Tutti của mình. Cô cho cả ba đứa trẻ ngủ chung trên cùng một tấm đệm trong cùng một phòng ngủ trong cửa hiệu.

Chuyện một người mẹ độc thân Bali đang đối phó với cảnh bị đuổi ra khỏi nhà trong tâm cảm thấy thế nào khi nhận nuôi thêm hai đứa trẻ không nhà là điều gì đó vượt qua bất kỳ sự hiểu biết nào tôi từng có về ý nghĩ của lòng trắc ẩn.

Tôi muốn giúp họ.

Chính là nó. Đó chính là cái cảm giác rung lên mà tôi cảm thấy sâu thẳm đến vậy sau khi gặp Wayan lần đầu tiên. Tôi muốn giúp người mẹ độc thân này với đứa con gái của cô và thêm hai đứa trẻ mồ côi của cô. Tôi muốn đưa họ vào một cuộc sống tốt hơn. Chỉ có điều tôi không thể hình dung ra phải làm như thế nào. Nhưng hôm nay khi Wayan, Armenia và tôi đang ăn trưa và đan xen những cuộc trò chuyện thường lệ của mình về thấu cảm và sự gây khó khăn cho người khác, tôi nhìn sang bé Tutti và nhận thấy bé đang làm gì đó khá kỳ cục. Bé đi quanh cửa hiệu, vừa nâng lên lòng bàn tay một miếng gạch men gốm hình vuông nhỏ xinh xắn xanh thẫm vừa hát gần như cầu nguyện. Tôi nhìn bé một lúc, chỉ để xem bé sẽ làm gì. Tutti chơi với miếng gạch men một lúc lâu, ném nó lên không trung, thậm chí với nó, hát với nó, rồi đẩy nó dọc sàn nhà như thể nó là một chiếc xe Hộp diêm. Cuối cùng, bé ngồi trên miếng gạch men trong một góc yên tĩnh, mắt nhắm, hát một mình, chìm trong không gian bí ẩn, vô hình cách biệt của riêng mình.

Tôi hỏi Wayan tất cả chuyện này là sao. Cô ấy nói Tutti tìm thấy miếng gạch men ngoài công trường xây dựng của một dự án khách sạn sang trọng phía ngoài đường và lấy cắp nó. Từ khi tìm thấy miếng gạch men, Tutti cứ nói với mẹ, “Có lẽ nếu ngày nào đó mình có một ngôi nhà, nó có thể có màu xanh xinh xắn như cái này nè.” Giờ, theo Wayan, Tutti thường thích ngồi trên hình vuông xanh bé xíu đó hàng giờ liền, nhwams mắt và vờ như đang ở trong nhà mình.

Tôi có thể nói gì đây? Khi tôi nghe thấy câu chuyện đó và nhìn đứa bé ấy chìm trong suy tưởng về miếng gạch men xanh nhỏ của mình, tôi như thể nhận ra: *Được, vậy là đủ.*

Và tôi cáo lui khỏi cửa hiệu để đi lo dứt khoát sự tình không thể chịu đựng được này.

Có lần Wayan nói với tôi là thỉnh thoảng khi chữa bệnh cho bệnh nhân cô trở thành một con đường thông thương cho tình yêu của Thượng Đế, và cô thậm chí thôi không nghĩ cần phải làm gì tiếp theo. Trí tuệ ngừng, trực giác nổi lên và cô chỉ việc để Thiên Liêng của cô tràn ngập mình. Cô nói, “Như thể một ngọn gió ủa đến và nắm lấy tay tôi.”

Có lẽ, chính ngọn gió này là thứ đã thổi tôi ra khỏi cửa hàng Wayan hôm ấy, đẩy tôi ra khỏi bản khoản vướng vất rằng mình đã sẵn sàng *hẹn hò* lại chưa, và dẫn lối tôi đến quán cà phê Internet địa phương ở Ubud, nơi tôi ngồi và viết – trong một bản phác thảo dễ dàng – một email gây quỹ gửi cho tất cả bạn bè và gia đình mình khắp thế giới.

Tôi bảo mọi người là sinh nhật tôi sắp đến vào tháng Bảy và rằng mình sắp bước sang tuổi ba mươi lăm. Tôi bảo họ mình không cần hay muốn gì trên thế giới này, và rằng trong đời mình tôi chưa từng hạnh phúc hơn. Tôi nói với họ rằng nếu tôi ở nhà ở New York, tôi sẽ tổ chức một tiệc sinh nhật rầm rộ ngu ngốc và tôi sẽ mời tất cả họ đến dự tiệc, và họ sẽ mua cho tôi quà cùng những chai rượu và cả cuộc ăn mừng sẽ trở nên tốn kém một cách lố bịch. Do vậy, tôi giải thích, cách mừng sinh nhật này rẻ hơn và dễ thương hơn sẽ là bạn bè và gia đình tôi vui lòng quyên góp giúp một phụ nữ tên là Wayan Nuriyaih mua một căn nhà ở Indonesia cho cô và những đứa con của cô.

Rồi tôi kể cho họ nghe toàn bộ câu chuyện của Wayan, Tutti cùng những đứa trẻ mồ côi và tình cảnh của họ. Tôi hứa là bất kỳ khoản tiền nào lạc quyên được, tôi sẽ trả lại đủ từ tiền tiết kiệm của mình. Tất nhiên tôi biết, tôi giải thích, là thế giới này đau đầu khổ không được nói ra, chiến tranh, và tất cả mọi người lúc này đều khổ khó, nhưng chúng ta phải làm gì đây? Cái nhóm nhỏ người ở Bali này đã trở thành gia đình của tôi, và ta phải trông nom gia đình mình ở bất cứ nơi nào ta tìm thấy họ. Lúc kết thúc cái email tập thể, tôi nhớ điều gì đó bạn Susan của mình đã nói trước khi tôi bắt đầu cuộc hành trình này chín tháng trước. Cô e tôi sẽ không bao giờ về nhà nữa. Cô nói, “Tớ biết cậu mà, Liz. Cậu sẽ gặp ai đó và phải lòng rồi cuối cùng là mua một căn nhà ở Bali.”

Một Nostradamus^[43] bình thường, cái cô Susan này.

Đến sáng hôm sau, khi tôi kiểm tra email, 700 đôla đã được cam kết. Ngày hôm sau, tiền đóng góp đã vượt qua số tôi có thể đủ sức trả lại.

Tôi sẽ không đi vào chi tiết toàn bộ sự kiện của tuần đó, hay cố giải thích mỗi ngày mở email thấy khắp nơi trên thế giới mọi người nói: “Tính tôi vào nữa!” cảm giác ra sao. Mọi người đều góp. Những người chính tôi biết là túng quẫn hay mắc nợ cũng đóng góp, không do dự. Một trong những phản ứng đầu tiên tôi nhận được là từ một người bạn của bạn gái của người làm tóc của tôi, người đã nhận được email chuyển đến và muốn đóng góp 15 đôla. Anh bạn ngu như lừa nhất của tôi là John phải làm một nhận xét châm biếm điển hình, dĩ nhiên, bức thư của tôi dài và ngớ ngẩn và cảm động ra sao (“Nghe này – lần tới cậu có cảm thấy cần than khóc về một thùng sữa bị đổ, phải chắc chắn nó là sữa đặc, được chứ?”), nhưng rồi dù sao anh ta cũng đóng góp tiền. Bạn trai mới của Annie của tôi (một chủ ngân hàng phố Wall mà tôi còn chưa bao giờ thấy mặt) đề nghị nhân đôi tổng số tiền thu được

bất kể bao nhiêu. Rồi email đó bắt đầu được gửi đi khắp thế giới, để tôi bắt đầu nhận đóng góp từ những người hoàn toàn xa lạ. Đó là một sự hào hiệp toàn cầu đến nghẹt thở. Hãy cùng kết lại cảnh này bằng cách nói là – chỉ bảy ngày sau khi thỉnh nguyện đầu tiên được gửi đi qua thư điện tử - bạn bè và gia đình tôi và một nhóm người lạ từ khắp nơi trên thế giới đã giúp tôi có được gần 18.000 đôla để mua cho Wayan Nuriyasih một ngôi nhà của riêng cô.

Tôi biết chính Tutti đã khiến phép lạ này thị hiện bằng chính uy lực cầu nguyện của bé, buộc miếng gạch men xanh nhỏ đó của bé mềm đi và mở rộng quanh bé rồi lớn lên – như một trong những hạt đậu ma thuật của Jack – thành một ngôi nhà thật có thể chăm lo cho bé và mẹ cùng hai cô bé sinh đôi mãi mãi.

Một điều cuối cùng nữa, tôi bối rối thú nhận là chính anh bạn Bob của tôi, không phải tôi, đã nhận thấy thực tế rõ ràng là từ “Tutti” trong tiếng Ý có nghĩa là “tất cả mọi người.” Sao tôi lại không nhận ra điều đó sớm hơn? Sau ngần ấy tháng trời ở Roma! Tôi chỉ không thấy sự liên hệ. Vậy là chính Bob ở tận Utah đã chỉ cho tôi thấy. Trong một email tuần trước, cùng với cam kết đóng góp của mình vào ngôi nhà mới, anh đã nói rằng, “Vậy đó là bài học cuối cùng, phải không? Khi cô bước ra cuộc đời để giúp mình, cô không thể tránh khỏi cuối cùng giúp... *Tutti*.”

Tôi không muốn nói cho Wayan nghe chuyện này cho đến khi tất cả tiền được quyên góp xong. Khó mà giữ một bí mật lớn như vậy, nhất là khi cô ấy không ngừng lo lắng về tương lai của mình, nhưng tôi không muốn cô hy vọng thấp thỏm cho đến khi mọi việc trở thành chính thức. Vậy nên cả tuần tôi kín miệng về kế hoạch của mình, và tôi để mình bận bịu gần như mỗi tối ăn tối với Felipe người Brazil, người hình như không bận tâm chuyện tôi chỉ có một cái áo đầm đẹp.

Tôi đoán chắc mình đã phải lòng anh. Sau một vài buổi tối, tôi khá chắc là mình phải lòng anh. Anh hay hơn cái vẻ được thể hiện bên ngoài, người tự xưng là “bậc thầy chuyện nhảm nhí”, người biết tất cả mọi người ở Ubud và luôn là trung tâm của buổi tiệc. Tôi hỏi Armenia về anh. Họ đã là bạn của nhau một thời gian. Tôi nói, “Anh Felipe đó – anh ấy sâu sắc hơn so với những người khác, phải không? Còn có gì đó nhiều hơn ở anh ta, phải không?” Bà nói, “Ồ, vâng. Anh ấy là một người đàn ông tốt và hiền lành. Nhưng anh ấy đã qua một cuộc ly dị khó khăn. Tôi nghĩ anh ấy đến Bali để bình tâm.”

À – giờ thì đây là chủ đề tôi *chẳng biết gì* về nó cả.

Nhưng anh năm mươi hai tuổi. Điều này thú vị. Phải chăng tôi đã thật sự đến cái tuổi mà một người đàn ông năm mươi hai tuổi sẽ được đưa vào trong vòng xem xét để hẹn hò? Dù sao, tôi thích anh. Anh có tóc bạc và hói theo kiểu Picasso rất hấp dẫn. Mắt anh nâu và nồng ấm. Anh có một gương mặt dịu dàng và anh có mùi tuyệt vời. Anh là một người đàn ông trưởng thành thật sự. Kiểu đàn ông trưởng thành – một chút mới lạ trong kinh nghiệm của tôi.

Anh ở Bali đã khoảng năm năm nay rồi, làm việc với thợ bạc Bali để chế tác nữ trang từ đá quý Brazil rồi xuất khẩu qua Mỹ. Tôi thích việc anh đã sống đời sống gia đình chung thủy trong gần hai mươi năm trước khi cuộc hôn nhân tồi tệ đi vì vô số lý do phức tạp của nó. Tôi thích chuyện anh đã nuôi dạy con cái, và rằng anh nuôi dạy chúng tử tế, và rằng chúng yêu anh. Tôi thích chuyện anh đã là người cha ở nhà và chăm sóc con mình khi chúng còn nhỏ, trong khi người vợ Úc của anh theo đuổi sự nghiệp của cô. (Một người chồng bệnh vực nữ quyền rồi, anh nói, “Anh đã muốn ở phía đúng của lịch sử xã hội.”) Tôi thích lối bày tỏ tình cảm quá mức kiểu Brazil tự nhiên của anh. (Hồi cậu con trai Úc của anh mười bốn tuổi, cuối cùng cậu bé kêu lên, “Bố ơi, giờ con đã mười bốn tuổi rồi, có lẽ bố không nên hôn miệng con nữa khi thả con ở trường học.”) Tôi thích chuyện Felipe nói bốn thứ tiếng, có thể nhiều hơn, một cách trôi chảy. (Anh cứ khẳng định mình không nói tiếng Indonesia, nhưng tôi nghe thấy anh nói tiếng Indonesia cả ngày.) Tôi thích chuyện trong đời anh đã chu du khắp năm mươi nước, và rằng anh thấy thế giới là một nơi nhỏ và dễ điều khiển. Tôi thích cách anh lắng nghe tôi, cúi gằm, chỉ ngắt lời tôi khi tôi tự ngắt lời mình để hỏi xem tôi có làm anh chán không, mà anh luôn đáp, “Anh có tất cả thời gian trên thế giới cho em, em yêu bé nhỏ dễ thương của anh.” Tôi thích được gọi là “em yêu bé nhỏ dễ thương của anh” (dù là ngay cả cô phục vụ bàn cũng được gọi như vậy nữa.)

Một đêm mới đây anh bảo tôi, “Sao em không tìm một người tình khi ở Bali, Liz?”

Thật đáng ngưỡng mộ, anh không chỉ ngụ ý chính mình, dù tôi tin anh sẽ sẵn sàng đảm nhiệm công việc đó. Anh cam đoan với tôi là Ian – anh chàng xứ Welsh đẹp trai đó – sẽ đẹp đôi với tôi, nhưng cũng có những ứng cử viên khác nữa. Có một bếp trưởng từ thành phố New York, “một anh chàng thật tuyệt, to cao, rắn chắc, và tự tin,” mà anh nghĩ tôi có thể thích. Thật sự có đủ loại đàn ông ở đây, anh nói, tất cả họ đều lang thang khắp Ubud, người ngoại quốc từ khắp nơi, ẩn náu trong cái cộng đồng di động “không nhà và không tài sản” của hành tinh này, nhiều người trong họ sẽ hạnh phúc khi được chăm lo “để em có một mùa hè tuyệt vời ở đây, em yêu bé nhỏ dễ thương của anh.”

“Em không nghĩ mình sẵn sàng cho chuyện này,” tôi bảo anh. “Em không cảm thấy thích trải qua tất cả những cố gắng trong chuyện lãng mạn lần nữa, anh biết không? Em không cảm thấy thích phải cạo lông chân mỗi ngày hay phải trưng thân hình mình ra cho một người tình mới. Và em không muốn lại phải kể chuyện đời mình, hay lo lắng phòng tránh thai. Dù sao, thậm chí em còn không chắc mình biết làm việc đó nữa. Em cảm thấy như hồi mười sáu tuổi em còn tự tin về tình dục và lãng mạn hơn là bây giờ.”

“Tất nhiên em đã thế,” Felipe nói. “Hồi đó em trẻ và ngốc nghếch. Chỉ có người trẻ và ngốc nghếch mới tự tin về tình dục và lãng mạn. Em có nghĩ ai trong chúng ta biết mình đang làm gì không? Em có nghĩ có cách con người yêu nhau mà không có phức tạp không? Em nên thấy nó diễn ra thế nào ở Bali, em yêu. Tất cả những gã đàn ông Tây phương này đến đây sau khi đã làm hỏng bát đời sống họ ở quê nhà, và họ thấy mình chẳng hòng có được gì với phụ nữ Tây phương, nên họ đi cưới một thiếu nữ Bali trẻ ngoan ngoãn, ngọt ngào, nhỏ nhắn nào đó. Anh biết họ nghĩ gì. Họ nghĩ cô gái nhỏ này sẽ làm họ hạnh phúc, làm đời sống họ thoải mái. Nhưng mỗi khi họ thấy chuyện đó diễn ra, anh luôn muốn nói với họ cùng một điều. *Chúc may mắn*. Vì anh vẫn có một người phụ nữ trước mắt anh, bạn tôi ạ. Và anh vẫn còn là một đàn ông. Vẫn là hai con người đang cố gắng hòa hợp với nhau, nên chuyện sẽ trở nên phức tạp. Và tình yêu luôn phức tạp. Nhưng con người vẫn phải cố yêu thương nhau, em yêu. Đôi khi chúng ta phải để tim mình tan vỡ. Đây là một dấu hiệu tốt, có một trái tim tan vỡ. Có nghĩa là chúng ta đã cố đạt được một cái gì đó.”

Tôi nói, “Lần trước em đau đớn vì chia tay thì thâm đến nỗi nó *vẫn* còn đau. Chuyện đó không khủng khiếp sao? Vẫn tan nát cõi lòng gần hai năm sau khi một chuyện tình đã chấm dứt.”

“Em yêu à, anh là một người miền Nam Brazil. Anh có thể ôm một niềm đau tan nát trong mười năm vì một phụ nữ anh chưa từng hôn.”

Chúng tôi trò chuyện về hôn nhân của chúng tôi, về ly dị của chúng tôi. Không phải theo kiểu nhỏ nhặt, mà chỉ là để thương xót. Chúng tôi trao đổi ý kiến về phiên muộn thăm thăm sau ly dị. Chúng tôi uống rượu và ăn khá nhiều cùng nhau và kể cho nhau nghe những câu chuyện hay nhất chúng tôi có thể nhớ được về chồng, vợ cũ của mình, chỉ để lấy đi nỗi khó chịu khỏi câu chuyện về mất mát.

Anh nói, “Em có muốn làm gì đó với anh cuối tuần này không?” và tôi thấy mình nói có, điều đó sẽ thật tuyệt. Vì nó sẽ thật tuyệt.

Giờ thì hai lần rồi, khi thả tôi ngay trước nhà tôi và nói chúc ngủ ngon, Felipe đi vòng qua bên kia xe để hôn từ biệt tôi, và giờ đã là lần thứ hai tôi cũng làm một thứ - để mình bị kéo

về phía anh, nhưng rồi cúi đầu vào giây phút cuối và áp má mình vào ngực anh. Vậy đó, tôi để anh giữ tôi một lúc. Lâu hơn mức cần thiết kiểu bạn bè. Tôi có thể cảm thấy anh áp mặt vào tóc tôi, khi mặt tôi áp đầu đó gần xương ức anh. Tôi có thể ngửi thấy mùi áo vải mềm của anh. Tôi thật sự thích mùi anh tỏa ra. Anh có cánh tay rắn chắc, một bộ ngực rộng đẹp. Anh đã từng là huấn luyện viên thể dục giải vô địch hời còn ở Brazil. Tuy nhiên đó là hồi năm 1969, năm tôi ra đời. Cơ thể anh cho cảm giác mạnh mẽ.

Tôi cúi đầu như vậy mỗi khi anh nhào tới tôi là một kiểu trốn – tôi tránh một nụ hôn từ biệt giản dị. Nhưng nó cũng là một kiểu không trốn nữa. Bằng cách để anh ôm tôi hoàn toàn vào những giây phút dài yên tĩnh đó cuối buổi tối, tôi đang để mình được ôm.

Điều này đã không xảy ra trong một thời gian dài.

Tôi hỏi Ketut, ông thầy mo già của tôi, “Ông biết gì về chuyện lãng mạn?”

Ông nói, “Lãng mạn là gì?”

“Đừng bận tâm.”

“Không – nó là gì vậy? Từ này là nghĩa gì vậy?”

“Lãng mạn,” tôi định nghĩa. “Phụ nữ và đàn ông đang yêu. Hay đôi khi đàn ông và đàn ông đang yêu, hay đàn bà và đàn bà đang yêu. Hôn và tình dục và hôn nhân – tất cả những thứ đó.”

“Tôi không làm tình với nhiều người trong đời mình, Liss. Chỉ với vợ tôi.”

“Ông nói đúng – đó không phải là quá nhiều người. Nhưng ông muốn nói vợ đầu hay vợ thứ hai?”

“Tôi chỉ có một vợ thôi, Liss. Giờ bà đã chết rồi.”

“Thế còn Nyomo?”

“Nyomo không thật sự là vợ tôi, Liss. Bà ấy là vợ của anh trai tôi.” Thấy vẻ bối rối của tôi, ông nói thêm, “Đây là phong tục Bali điển hình,” và giải thích. Anh của Ketut là một nông dân trồng lúa, sống cạnh nhà Ketut và cưới Nyomo. Họ có ba người con với nhau. Trong khi đó Ketut và vợ của ông lại không thể có đứa con nào, nên họ nhận nuôi một trong những đứa con trai của anh trai Ketut để có người thừa kế. Khi vợ Ketut chết, Nyomo bắt đầu sống trong cả hai khu nhà gia đình, chia thời gian của bà giữa hai gia đình, chăm sóc cả chồng bà và em trai của chồng, và chăm sóc hai gia đình của con bà. Bà là một người vợ của Ketut về mọi mặt theo cách Bali (nấu nướng, lau chùi, quán xuyến các nghi lễ tôn giáo và nghi thức gia đình) trừ việc họ có quan hệ tình dục với nhau.

“Tại sao không?” tôi hỏi.

“Quá GIÀ!” ông nói. Rồi ông gọi Nyomo đến để nói lại câu hỏi cho bà, cho bà biết là cô gái Mỹ muốn biết tại sao họ không có quan hệ tình dục với nhau. Nyomo cười gần chết vì ý nghĩ ấy. Bà lại gần và thụi vào cánh tay tôi thật mạnh.

“Tôi chỉ có một vợ,” Ketut tiếp. “Và giờ bà ấy đã chết.”

“Ông có nhớ bà không?”

Một nụ cười buồn. “Phúc phần bà chỉ có thế. Giờ tôi sẽ kể cho cô nghe tôi gặp vợ mình ra sao. Khi tôi hai mươi bảy tuổi, tôi gặp một cô gái và tôi yêu cô ấy.”

“Đó là năm nào?” tôi hỏi, thiết tha muốn biết ông ấy bao nhiêu tuổi như mọi khi.

“Tôi không biết,” ông nói. “Có lẽ 1920?”

(Như vậy là giờ ông một trăm lẻ năm tuổi. Tôi nghĩ chúng tôi đang gần giải được chuyện này...)

“Tôi yêu cô gái này, Liss. Rất đẹp. Nhưng tính tình không tốt, cô gái này. Cô ta chỉ muốn tiền. Cô ta đuổi theo chàng trai khác. Cô ta không bao giờ nói sự thật. Tôi nghĩ cô ta có một tâm trí bí mật bên trong tâm trí kia, không ai có thể thấy bên trong đó. Cô thôi không yêu tôi nữa, bỏ đi với chàng trai kia. Tôi rất buồn. Cõi lòng tan nát. Tôi cầu nguyện và cầu nguyện bốn anh em trai linh hồn, hỏi họ tại sao cô ấy không yêu tôi nữa. rồi một trong bốn anh em trai linh hồn cho tôi biết sự thật. Ông ta nói, ‘Đây không phải là bạn trăm năm thật sự của anh. Hãy kiên nhẫn.’ Nên tôi kiên nhẫn và rồi tôi tìm thấy vợ tôi. Một phụ nữ đẹp, một phụ nữ tốt. Luôn ngọt ngào với tôi. Chúng tôi chưa một lần tranh cãi, luôn luôn hòa thuận trong gia đình, bà ấy luôn cười. Ngay cả khi trong nhà không còn tiền, lúc nào cũng cười và nói bà hạnh phúc biết chừng nào được gặp tôi. Khi bà ấy chết, tôi rất buồn bã trong lòng.”

“Ông có khóc không?”

“Chỉ một chút, trên mắt tôi. Nhưng tôi thiền, để xóa sạch đau buồn khỏi cơ thể. Tôi thiền cho linh hồn bà ấy. Rất buồn, nhưng hạnh phúc nữa. Tôi gặp bà ấy trong thiền định mỗi ngày, thậm chí còn hôn bà ấy nữa. Bà ấy là người phụ nữ duy nhất tôi có quan hệ tình dục. Vậy nên tôi không biết... cái từ mới đó là gì nhỉ, cái từ hôm nay ấy?”

“Lãng mạn à?”

“Đúng, lãng mạn. Tôi không biết lãng mạn, Liss.”

“Vậy là nó không thật sự là lĩnh vực chuyên môn của ông rồi, nhỉ?”

“Nó là gì, *expertise*? Từ này nghĩa là gì?”

Cuối cùng tôi ngồi xuống với Wayan và kể cho cô nghe chuyện tôi quyên góp tiền cho căn nhà của cô. Tôi giải thích về ước nguyện sinh nhật của mình, cho cô xem danh sách tên tất cả bạn bè tôi, và rồi nói cho cô số tiền cuối cùng đã quyên góp được: mười tám ngàn đôla Mỹ. Thoạt đầu cô choáng váng đến độ gương mặt cô trông như một cái mặt nạ đau khổ. Thật kỳ lạ và đúng là đôi khi cảm xúc mãnh liệt có thể khiến chúng ta phản ứng lại với biến động lớn hoàn toàn ngược với điều logic có thể sai khiến. Đây là giá trị tuyệt đối của cảm xúc con người – những sự kiện hoan hỉ đôi khi cũng có thể ghi lại trên thang đo Richter như một tổn thương thuần túy; nỗi đau thảm khốc đôi khi khiến chúng ta bật cười. Tin tức tôi vừa trao cho Wayan là quá sức cô đón nhận, cô gần như đón nhận tin này như một nguyên do sầu đau, nên tôi ngồi đó với cô vài giờ, kể đi kể lại cho cô câu chuyện và cho cô xem đi xem lại những con số, cho đến khi cô hiểu thấu được sự thật.

Phản ứng thật sự lưu loát đầu tiên của cô (tôi muốn nói, ngay cả trước khi cô òa lên khóc vì nhận ra cô sắp có thể có một khu vườn) là nói khẩn cấp. “Liz, xin làm ơn đi, cô phải giải thích với tất cả những người giúp gây quỹ là đây không phải là nhà Wayan. Đây là nhà của tất cả mọi người đã giúp Wayan. Nếu ai trong họ đến Bali, họ không bao giờ phải đến khách sạn, được không? Cô bảo họ là họ sẽ đến ở lại nhà tôi, được không? Hứa với tôi cô sẽ nói vậy nhé? Chúng ta sẽ gọi là Nhà Cộng đồng... Ngôi nhà của Tất cả mọi người...”

Rồi cô hiểu ra chuyện khu nhà vườn, và bắt đầu khóc.

Dù vậy, cô dần dần có những cảm nhận vui vẻ hơn. Như thế cô là một cuốn sách bỏ túi bị hất lật sắp và những cảm xúc tràn ra khắp nơi. Nếu có một ngôi nhà cô sẽ có một thư viện nhỏ cho tất cả các sách y khoa của cô! Và một hiệu thuốc cho các phương thuốc truyền thống của cô! Và một quán ăn đẳng hoàng với các bàn ghế thật (vì cô đã phải bán tất cả bàn ghế tốt cũ để trả cho ông luật sư lo ly dị.) Nếu cô có một ngôi nhà, cuối cùng cô có thể được ghi vào danh sách *Lonely Planet*, vốn muốn đề cập các dịch vụ của cô trong danh sách, nhưng chưa bao giờ có thể làm được, vì cô không bao giờ có một địa chỉ thường trú để họ có thể in. Nếu cô có một ngôi nhà, Tutti một ngày nào đó sẽ có một buổi tiệc sinh nhật!

Rồi cô trở nên rất tỉnh táo và nghiêm túc lại, “Tôi phải cảm ơn cô sao đây, Liz? Tôi sẽ đưa cho cô tất cả. Nếu tôi có một người chồng tôi yêu, và cô cần một người đàn ông, tôi sẽ trao chồng mình cho cô.”

“Giữ chồng của chị đi, Wayan. Chỉ phải bảo đảm là Tutti được đi học đại học.”

“Tôi sẽ làm gì nếu cô không bao giờ trở lại đây nữa?”

Nhưng tôi đã *luôn luôn* đến đây. Tôi nghĩ về một trong những bài thơ Sufi yêu thích của mình, nói rằng Thượng Đế từ xa xưa đã vẽ một vòng tròn trên cát đứng quanh nơi chúng ta đang đứng đây. Tôi chưa từng không đến đây. Điều này chưa bao giờ không xảy ra.

“Cô sẽ xây ngôi nhà mới của mình ở đâu, Wayan?” tôi hỏi.

Như một cầu thủ nhí của Little League đã nhắm một bao tay bóng chày nào đó trong một cửa kính cửa hàng từ lâu rồi, hay một cô gái lãng mạn đã thiết kế áo cưới cho mình từ mười ba tuổi, hóa ra Wayan đã biết chính xác mảnh đất cô muốn mua. Nó nằm ở trung tâm một ngôi làng gần đó, kết nối điện và nước với thị trấn, có một ngôi trường tốt gần bên cho Tutti, nó nằm duyên dáng ở địa điểm trung tâm nơi bệnh nhân và khách muốn tìm cô thì chỉ cần đi bộ đến gặp. Anh em cô có thể giúp cô xây nhà, cô nói. Cô đã gần như chọn ra nhưng mẫu màu sơn cho phòng ngủ chính rồi.

Vậy là chúng tôi đi gặp một nhà tư vấn tài chính người Pháp tốt bụng và một anh chàng ngành địa ốc, anh ta đã rất tử tế gợi ý cách tốt nhất để chuyển tiền. Anh ta khuyên là tôi cứ yên tâm và chỉ cần chuyển tiền trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của tôi vào tài khoản ngân hàng của Wayan và để cô mua bất kỳ miếng đất hay nhà nào cô muốn, vậy nên tôi không phải tất tưởi vô ích chuyện sở hữu tài sản ở Indonesia. Chừng nào tôi không chuyển những khoản tiền lớn hơn 10.000 đôla một lúc, IRS^[44] và CIA sẽ không nghi ngờ là tôi rửa tiền ma túy. Rồi chúng tôi đến ngân hàng nhỏ của Wayan, và trình bày với giám đốc ngân hàng về chuyện làm sao để mở một điện chuyển khoản ngân hàng. Để kết luận ngắn gọn, giám đốc ngân hàng nói, “Vậy là, Wayan, khi điện chuyển khoản này tới nơi, chỉ trong vài ngày, cô sẽ có khoảng 180 triệu rupiah trong tài khoản ngân hàng của mình.”

Wayan và tôi nhìn nhau và bùng ra cười thật khủng khiếp. Quả là một số tiền khổng lồ! Chúng tôi cứ cố bình tĩnh lại, vì chúng tôi đang trong văn phòng sang trọng của một chủ ngân hàng, nhưng chúng tôi không nhịn được cười. Chúng tôi nhào ra ngoài như những người say, nín nhau để khỏi ngã lăn.

Cô ấy nói, “Tôi chưa từng thấy một phép lạ nào diễn ra nhanh đến thế! Suốt thời gian này, tôi đã cầu xin Thượng Đế hãy rủ lòng thương giúp Wayan. Và Thượng Đế đã cầu xin Liz hãy giúp Wayan nữa.”

Tôi nói thêm, “Và Liz lại cầu xin bạn bè cô ấy vui lòng giúp Wayan nữa!”

Chúng tôi trở về cửa hiệu và thấy Tutti vừa mới đi học về. Wayan quỳ xuống, ôm choàng lấy con gái và nói, “Một ngôi nhà! Một ngôi nhà! Mình có một ngôi nhà!” Tutti giả vờ xịu, ngắt đi như kiểu phim hoạt hình hoạt họa ngã ngay xuống đất.

Khi chúng tôi đang cười, tôi nhận thấy hai đứa trẻ mồ côi đang nhìn cảnh này từ phía sau bếp, và tôi có thể thấy chúng nhìn tôi với nét gì đó trên mặt gần như... *sợ hãi*. Khi Wayan và Tutti chạy vòng quanh vui sướng tôi tự hỏi mấy cô bé mồ côi đang nghĩ gì. Chúng sợ cái gì vậy? Bị bỏ lại, có lẽ thế? Hay giờ tôi là một người đáng sợ đối với chúng vì tôi đã tạo ra quá nhiều tiền như vậy không biết từ đâu? (Quả là một số tiền *không thể tưởng tượng* nổi đến độ có lẽ như là tà thuật?) Hay có lẽ khi ta có một cuộc sống mong manh như của mấy cô bé này, bất kỳ thay đổi nào cũng là một nỗi kinh hoàng.

Khi không khí ăn mừng tạm lắng tôi hỏi Wayan, chỉ để chắc chắn, “Thế còn Ketut Nhỏ và Ketut Lớn thì sao? Đây cũng là tin mừng cho tụi nó nữa, phải không?”

Wayan nhìn về phía cô bé trong bếp và chắc hẳn cũng thấy sự lo lắng tôi đã nhìn thấy, vì cô lướt về phía chúng và ôm choàng lấy chúng, thăm thì trên đầu chúng mấy lời trấn an. Chúng dường như thả mình vào người cô. Rồi điện thoại reo, và Wayan cố dứt khỏi bọn trẻ mồ côi để trả lời, nhưng những cánh tay gầy guộc của hai Ketut cứ bám vào người mẹ nuôi

mãi không thôi, và chúng dụi đầu vào bụng vào nách cô, và ngay cả sau một lúc khá lâu chúng cũng không chịu để cô đi – với một sự cương quyết tôi chưa từng thấy ở chúng.

Nên tôi trả lời điện thoại thay.

“Chữa bệnh Truyền thống Bali,” tôi nói. “Từ hôm nay chúng tôi bán đại hạ giá để chuyển chỗ.”

Tôi lại đi chơi với Felipe người Brazil, hai lần vào những ngày cuối tuần. Hôm thứ Bảy tôi đưa anh đến gặp Wayan và bọn trẻ, và Tutti vẽ những bức tranh nhà cho anh trong khi Wayan nhấm nhấm đầy gợi ý sau lưng anh và nhả nhỏ, “Bạn trai mới?”, tôi lắc đầu, “Không, không, không.” (Tuy nhiên tôi sẽ nói cho bạn điều này – tôi không nghĩ về anh chàng Welsh đẹp trai đó nữa.) Tôi cũng đưa Felipe đến gặp Ketut, ông thầy mo của tôi. Ketut xem tướng tay cho anh và báo, không ít hơn bảy lần (khi nhìn chăm chăm xuyên suốt tôi), bạn tôi là “một người đàn ông tốt, một người đàn ông rất tốt, một người đàn ông rất tốt, rất tốt. Không phải một người đàn ông xấu, Liss – *một người đàn ông tốt.*”

Rồi vào hôm Chủ nhật, Felipe hỏi tôi có muốn ở biển một ngày không. Tôi chợt nghĩ mình đã ở Bali này hai tháng rồi và chưa thấy biển, mà giờ chuyện đó dường như là một sự ngu ngốc hoàn toàn, nên tôi nói có. Anh lái xe jeep đến nhà đón tôi và chúng tôi chạy một giờ đến bãi biển nhỏ khuất kín ấy ở Pedangbai, nơi hiếm khi có khách du lịch đến. Nơi anh dẫn tôi đến này hết sức giống một sự mô phỏng thiên đường mà tôi từng được thấy, với nước biển xanh, cát trắng và bóng những cây cọ. Chúng tôi trò chuyện suốt ngày, chỉ ngừng trò chuyện để tắm, chớp mắt và đọc, đôi khi đọc to cho nhau nghe. Những phụ nữ Bali trong cái lều sau bãi biển nướng cho chúng tôi cá tươi mới đánh bắt, và chúng tôi mua bia cùng trái cây ướp lạnh. Đùa trong sóng nước, chúng tôi kể cho nhau nghe bất kỳ điều gì còn lại trong những chi tiết chuyện đời chúng tôi chưa kể trong mấy tuần qua vào những buổi chiều cùng nhau trong những quán ăn yên tĩnh ở Ubud, trò chuyện qua hết chai rượu này đến chai rượu khác.

Anh thích thân hình tôi, anh bảo, sau khi nhìn ngắm tôi lần đầu tiên trên bãi biển. Anh bảo tôi người Brazil có một thuật ngữ cho đúng kiểu thân hình tôi (*tất nhiên* họ có), là *magra-falsa*, dịch ra là “béo gỏi”, nghĩa là nhìn xa người phụ nữ trông khá gầy, nhưng khi đến gần, ta có thể thấy là cô ta thực ra hoàn toàn tròn trịa và có da thịt, mà người Brazil xem điều đó là tốt. Thượng Đế phù hộ người Brazil. Khi chúng tôi nằm dài trên khăn tắm và trò chuyện, thỉnh thoảng anh nhoài qua phúi cát lên mũi tôi, hay hất một món tóc cứ nghịch ngợm trên mặt tôi. Chúng tôi trò chuyện trong khoảng mười giờ liền. Rồi trời tối, nên chúng tôi thu dọn mọi thứ và bách bộ dọc phố chính của con đường bụi bặm với ánh đèn mờ mờ của ngôi làng đánh cá Bali này, hai cánh tay chúng tôi choàng vào nhau thoải mái dưới những vì sao. Đó là khi Felipe từ Brazil hỏi tôi một cách tự nhiên và thoải mái nhất (gần như anh tự hỏi chúng tôi có nên kiếm chút gì đó để ăn không), “Chúng mình có nên có một chuyện tình với nhau không, Liz? Em nghĩ sao?”

Tôi thích tất cả cách chuyện này diễn ra. Không phải bằng một hành động – không phải bằng một nụ hôn ướm thử hay một cử chỉ bạo dạn – mà bằng một câu hỏi. Và là một câu hỏi chính xác nữa. Tôi nhớ điều gì đó bác sĩ trị liệu của mình đã nói hơn một năm trước, trước khi tôi bắt đầu cuộc hành trình này. Tôi nói với cô ấy là tôi nghĩ tôi muốn ở độc thân trong suốt năm du lịch này, nhưng lại lo lắng, “Chuyện gì xảy ra nếu tôi gặp ai đó tôi thật sự thích? Tôi nên làm gì? Tôi có nên cùng anh ta không? Tôi có nên duy trì sự tự lập của mình không? Hay cho phép mình lãng mạn?” Bác sĩ trị liệu của tôi đáp với một nụ cười thoải mái, “Cô biết

không, Liz - tất cả những điều này có thể thảo luận tại thời điểm vấn đề thật sự nảy sinh, với chính người đó.”

Vậy là giờ tắt cả đây – thời điểm, nơi chốn, vấn đề và người liên quan. Chúng tôi bắt đầu thảo luận ý tưởng này, nó diễn ra tự nhiên, trong lúc chúng tôi tay trong tay một cách thân thiện đi dạo gần bờ biển. Tôi nói, “Em có thể nói vâng, Felipe, trong hoàn cảnh bình thường. Bất kể *hoàn cảnh bình thường* nào...”

Cả hai chúng tôi cùng cười. Nhưng rồi tôi cho anh thấy sự do dự của mình. Nó là vậy – rằng khi mà tôi có thể vui thú để thể xác và trái tim mình cuộn lại trải ra một lúc trong vòng tay thuần thực của một người tình nước ngoài, còn có cái gì khác trong tôi đã đưa ra một yêu cầu nghiêm túc là tôi phải dâng hiến hoàn toàn năm chu du này cho mình. Rằng một chuyển hóa quan trọng nào đó đang diễn ra trong đời sống của tôi, và sự chuyển hóa này cần thời gian và không gian để chấm dứt quá trình của nó mà không bị quấy rầy. Rằng, về cơ bản, tôi chỉ là cái bánh vừa mới ra lò, và nó vẫn cần ít thời gian để nguội trước khi đưa vào tủ lạnh. Tôi không muốn lừa tôi ra khỏi thời gian quý giá này. Tôi không muốn mất kiểm soát đời mình lần nữa.

Tất nhiên Felipe nói anh hiểu, và rằng tôi nên làm bất kỳ điều gì tốt nhất cho mình, rằng anh ta hy vọng tôi sẽ tha thứ cho anh đã đưa vấn đề ra đầu tiên. (“Sớm hay muộn, câu hỏi này phải được nêu ra, em yêu dễ thương của anh.”) Anh cam đoan với tôi rằng, dù tôi quyết định thế nào, chúng tôi cũng sẽ giữ tình bạn của mình, vì dường như rất tốt cho cả hai, quãng thời gian chúng tôi bên nhau này.

“Nhưng,” anh nói tiếp, “giờ em nhất định phải để anh trình bày ý kiến của mình đã.”

“Thôi được,” tôi nói.

“Đầu tiên, nếu anh hiểu em đúng, cả năm này của em là tìm kiếm cân bằng giữa tín ngưỡng và thú vui. Anh có thể thấy em thực hành tín ngưỡng rất nhiều thế nào rồi, nhưng đến giờ anh vẫn không thấy rõ thú vui ở đâu.”

“Em ăn rất nhiều mì ống ở Ý, Felipe.”

“Mì ống hả, Liz? *Mì ống?*”

“Đúng thế.”

“Điều nữa là, anh nghĩ anh biết em đang lo lắng điều gì. Người đàn ông nào đó sẽ bước vào đời em và lại lấy đi mọi thứ từ em lần nữa. Anh sẽ không làm vậy với em, em yêu. Anh cũng đã một mình trong một thời gian dài, và anh đã mất mát rất nhiều trong tình yêu, cũng như em vậy. Anh không muốn chúng mình lấy đi bất cứ gì từ nhau. Chỉ là anh chưa từng ở bên ai vui vẻ như với em, và anh muốn cùng em. Đừng lo – anh sẽ không chạy theo em đến New York khi em rời nơi đây vào tháng Chín. Còn về tất cả những lý do em đã nói với anh vài tuần trước để em không muốn có một người tình mới... Thôi được, hãy nghĩ điều đó thế này. Anh không quan tâm em có cạo lông chân mỗi ngày không, anh đã thật sự thích thân hình em, em đã kể anh nghe toàn bộ chuyện đời mình rồi và em không phải lo lắng về phòng tránh thai – anh đã làm phẫu thuật cắt ống dẫn tinh.”

“Felipe,” tôi nói, “đó là một đề nghị lãng mạn và hấp dẫn nhất một người đàn ông đã từng nói với em.”

Và nó đúng là thế. Nhưng tôi vẫn nói không.

Anh chở tôi về nhà. Dừng xe trước nhà tôi, chúng tôi hôn nhau những nụ hôn ngày-ở-biển đầy cát, mặn, và ngọt. Thật dễ thương. Tất nhiên nó rất dễ thương. Nhưng, một lần nữa, tôi nói không.

“Thôi được, em yêu,” anh nói. “Nhưng tối mai đến chỗ anh ăn tối, và anh sẽ làm món bò bít tết cho em.”

Rồi anh chạy xe đi và tôi đi ngủ một mình.

Tôi có cả một lịch sử những quyết định vội vàng về đàn ông. Tôi luôn phải lòng nhanh chóng mà không đo lường những rủi ro. Tôi có khuynh hướng không chỉ thấy điều tốt đẹp nhất ở mọi người, mà còn cho rằng tất cả mọi người có khả năng *đạt đến* tận cùng cảm xúc của họ. Tôi không nhớ bao nhiêu lần rồi mình đã phải lòng khả năng tiềm tàng tốt cùng của một người đàn ông hơn là chính bản thân anh ta, và rồi tôi bám vào một mối quan hệ trong một thời gian dài (đôi khi quá dài) chờ đợi người đàn ông lên đến sự vĩ đại của chính anh ta. Nhiều lần trong chuyện lãng mạn tôi đã là nạn nhân của sự lạc quan của chính mình.

Tôi lập gia đình sớm và nhanh, dựa trên tình yêu và hy vọng, nhưng không có nhiều thảo luận về thực tế của hôn nhân có nghĩa là gì. Không ai khuyên bảo tôi về cuộc hôn nhân của tôi. Tôi đã được bố mẹ dạy độc lập, tự túc, tự quyết định. Đến khi tôi được hai mươi bốn tuổi, mọi người cho là tôi có thể đưa ra những chọn lựa của chính mình, một cách độc lập. Tất nhiên thế gian không phải luôn như thế. Nếu tôi ra đời trong một thế kỷ nào khác của chế độ gia trưởng phương Tây, tôi đã có thể được xem là tài sản của cha tôi; cho đến khi ông trao cho chồng tôi, để trở thành một tài sản hôn nhân. Tôi đã có thể có tiếng nói khiêm nhường hiem shoi trong những vấn đề hệ trọng của đời mình. Trong lịch sử đã có lúc, nếu một người đàn ông theo đuổi tôi, bố tôi có thể đã bắt người đàn ông đó ngồi xuống để hỏi một danh sách các câu hỏi dài để xác minh liệu đây có phải là một người tương hợp cho tôi không. Ông sẽ muốn biết, “Anh sẽ lo liệu cho con gái tôi ra sao? Uy tín của anh trong cộng đồng này thế nào? Sức khỏe của anh ra sao? Ưu điểm trong tính cách của anh là gì?” Bố tôi sẽ không để tôi cưới bất kỳ ai chỉ vì tôi yêu anh ta. Nhưng trong đời sống hiện đại, khi tôi quyết định cưới, người bố hiện đại của tôi không liên quan gì cả. Ông có thể sẽ không liên quan đến quyết định đó cũng như ông không thể bảo tôi nên làm kiểu tóc ra sao.

Tôi không hoài cổ về chế độ gia trưởng, xin hãy tin tôi. Nhưng tôi dần dần nhận ra là, khi chế độ gia trưởng ấy đã bị bãi bỏ (một cách đúng đắn), nó không nhất thiết được thay thế bằng một hình thức che chở khác. Điều tôi muốn nói là – tôi chưa từng nghĩ sẽ hỏi một người theo đuổi mình cùng những câu hỏi thử thách bố tôi có thể hỏi anh ta ở cùng một thời đại khác. Trong tình yêu tôi đã dâng hết mình nhiều lần, chỉ đơn thuần vì tình yêu. Và đôi khi tôi đã cho hết tất cả trong quá trình đó. Nếu tôi thật sự phải trở thành một phụ nữ tự lập, tôi phải đảm nhiệm vai trò là người canh gác của chính mình. Rất nổi tiếng, Gloria Steinem đã từng khuyên phụ nữ nên cố gắng trở thành như người đàn ông họ luôn muốn cưới. Điều tôi chỉ mới nhận ra gần đây là tôi không chỉ phải trở thành người chồng của

chính mình, mà tôi cần phải là cha của mình nữa. Và đây là lý do tôi để mình đi ngủ tối đó một mình. Vì tôi cảm thấy quá sớm để tôi đón nhận một quý ngài theo đuổi.

Nói như vậy rồi, tôi tỉnh dậy lúc 2 giờ sáng thở dài thườn thượt và đôi còng cào đến nỗi tôi không nghĩ ra được cách nào để thỏa mãn cơn đói. Con mèo điên loạn sống trong nhà tôi không hiểu sao gào thê thảm và tôi bảo hấn ta, “Tao biết rõ mày cảm thấy thế nào.” Tôi phải làm *gì đó* với thềm muốn của mình, nên trở dậy, vẫn mặc áo ngủ, đi vào bếp, lột vỏ một pound khoai tây, luộc chín, cắt, chiên với bơ, rắc thật nhiều muối và ăn hết sạch – và suốt trong lúc đó tôi tự hỏi cơ thể mình có vui lòng chấp nhận sự thỏa mãn của một pound khoai tây chiên thay cho sự mãn nguyện của việc ái ân không.

Cơ thể tôi đáp, chỉ sau khi anh ăn hết chỗ thức ăn, “Không chấp nhận, cưng à.”

Vậy là tôi trèo lại vào giường, thở dài buồn chán và bắt đầu...

Được. Một lời về thủ dâm, nếu tôi được phép. Đôi khi nó có thể là công cụ tiện dụng (xin thứ lỗi cho tôi), nhưng những lúc khác nó có thể không làm thỏa mãn một cách sâu sắc đến nỗi nó chỉ khiến ta cảm thấy tệ hơn. Sau một năm rưỡi sống độc thân, sau một năm rưỡi gọi chính tên mình trong chiếc giường dành cho một người, tôi bắt đầu đôi chút chán trò này. Dù vậy, đêm nay, trong trạng thái thao thức của mình – tôi có thể làm gì khác? Khoai tây chẳng có tác dụng. Nên tôi lại “làm” với chính mình. Như thường lệ, trí tôi lật lại hàng đồng trang hồ sơ khêu gợi của nó, tìm đúng tưởng tượng hay ký ức có thể giúp làm việc này nhanh nhất. Nhưng đêm nay chẳng có gì thật sự có kết quả - thợ cứu hỏa cũng không, cướp biển cũng không, cái cảnh dự phòng Bill Clinton già hư hỏng thường được việc cũng không, cả các quý ông thời Victoria bao quanh tôi trong phòng khách của họ với lực lượng đặc nhiệm những cô hầu trẻ khêu gợi cũng không. Cuối cùng, điều duy nhất có thể thỏa mãn là khi tôi miễn cưỡng thu nhận vào đầu mình ý tưởng về anh bạn tốt từ Brazil của mình đang trèo lên giường này với tôi... trên tôi...

Rồi tôi ngủ. Tôi tỉnh dậy thấy một bầu trời xanh yên tĩnh và một phòng ngủ thậm chí còn yên tĩnh hơn nữa. Vẫn cảm thấy không yên và mất cân bằng, tôi dành một khoảng dài buổi sáng của mình tụng cả 182 khổ thơ Phạn Gurugita – bài tụng cao quý, thanh tẩy cơ bản của Ashram của mình ở Ấn Độ. Rồi tôi thiền trong một giờ tĩnh lặng thấu xương cho đến khi cuối cùng tôi lại cảm thấy nó – hạnh phúc viên mãn đặc trưng, bất biến, thành linh, không liên quan đến bất cứ thứ gì, bất di bất dịch, không tên và không thay đổi của riêng mình. Thật vậy, thứ hạnh phúc tuyệt vời hơn bất cứ điều gì tôi đã trải nghiệm bất kỳ ở đâu trên đời, và thứ hạnh phúc bao gồm cả những nụ hôn mặn muối và bơ và cả những củ khoai tây mặn hơn và nhiều bơ hơn.

Tôi đã quá vui vì đã quyết định ở lại một mình.

Vậy nên đêm kế tiếp tôi gần như ngạc nhiên khi – sau khi anh làm bữa tối cho tôi tại nhà anh và sau khi chúng tôi cuộn tròn trong ghế dài của anh vài giờ, thảo luận tất cả mọi đề tài và sau khi anh bất ngờ ngả người về phía tôi một lát, cúi mặt về phía nách tôi và nói anh yêu cái mùi mồ hôi tuyệt diệu của tôi đến chừng nào – cuối cùng Felipe áp lòng bàn tay vào má tôi và nói: “Đủ rồi, em yêu. Giờ thì vào giường anh đi,” và tôi đã vào.

Đúng, tôi đã cùng anh đến giường, trong cái phòng ngủ với những cửa sổ mở lớn nhìn ra trời đêm và những đồng lúa Bali yên tĩnh. Anh vén mùng trắng bao quanh giường anh và dìu tôi vào. Rồi anh giúp tôi cởi áo với sự thuần thục dịu dàng của một người đàn ông rõ ràng đã thoải mái dành nhiều năm chuẩn bị cho con cái tắm, và anh giải thích cách của anh – là anh hoàn toàn không mồn bất cứ thứ gì từ tôi ngoại trừ cho phép anh yêu chiều tôi chừng nào tôi muốn anh làm vậy. Với tôi, những điều kiện như vậy có chấp nhận được không?

Sau khi lạc giọng đầu đó giữa ghế dài và giường ngủ, tôi chỉ gật đầu. Chẳng còn lại gì để nói. Đã có một mùa cô đơn dài, khắc khổ. Tôi đã làm rất tốt cho mình rồi. Nhưng Felipe đúng – đã đủ rồi.

“Tốt lắm,” anh đáp, mỉm cười khi dời ít gối ra khỏi chỗ chúng tôi và lăn thân mình tôi dưới anh. “Mình hãy sắp xếp lại ở đây.

Chuyện này thật sự khá buồn cười vì giây phút đó đặt một dấu chấm hết cho tất cả cố gắng sắp xếp của tôi.

Về sau, Felipe kể cho tôi nghe đêm đó anh thấy tôi ra sao. Anh nói tôi có vẻ trẻ trung đến thế, không hề giống người phụ nữ tự tin anh biết trong thế giới ban ngày chút nào. Anh nói tôi có vẻ trẻ trung quá mức nhưng cũng cởi mở, phấn khích và khuấy khỏa được nhận ra và cũng đã quá mệt mỏi phải tỏ ra can đảm. Anh nói rõ ràng tôi đã không được đụng chạm trong một thời gian rất dài. Anh thấy tôi tràn ngập đòi hỏi nhưng cũng biết ơn được cho phép thể hiện nhu cầu đó. Và khi tôi không thể nói mình nhớ tất cả những *điều ấy*, tôi cũng tin lời anh vì dường như anh đã quan tâm tới tôi rất kỹ.

Điều tôi nhớ nhất về đêm đó là cái mùng trắng dang cuộn cuộn quanh chúng tôi. Tôi thấy nó mới giống một cái dù làm sao. Và tôi đã cảm thấy như đang mở cái dù này để đưa mình ra khỏi lối thoát hiểm của chiếc máy bay vũng vằng, kỷ luật đã đưa tôi bay trong vài năm này ra khỏi Một Thời gian Rất Khó khăn Của Đời Mình ra sao. Nhưng giờ cái máy bay vũng vằng của tôi đã trở nên lỗi thời ngay giữa không trung, nên tôi bước ra khỏi cái máy bay một động cơ chuyên tâm đó và để cái dù trắng phập phồng này xoay tôi xuống qua bầu khí quyển trống rỗng kỳ lạ giữa quá khứ và tương lai của tôi, và đặt tôi an toàn trên hòn đảo nhỏ hình chiếc giường này, nơi chỉ có một thủy thủ Brazil đắm tàu đẹp trai cư ngụ, người (sau khi chính anh cũng đã một mình quá lâu rồi) đã rất hạnh phúc và ngạc nhiên thấy tôi đến nỗi anh đột nhiên quên tất cả tiếng Anh của mình và chỉ có thể lặp lại năm từ này mỗi khi anh nhìn vào gương mặt tôi: *xinh đẹp, xinh đẹp, xinh đẹp, xinh đẹp, xinh đẹp*.

Dĩ nhiên, chúng tôi không hề ngủ. Và rồi, thật lố bịch – tôi phải đi. Tôi phải trở về nhà một cách ngu ngốc vào sáng sớm hôm sau vì có một cái hẹn gặp bạn Yudhi của mình. Anh ấy và tôi từ lâu đã lên kế hoạch đúng tuần này chúng tôi sẽ cùng nhau thực hiện một chuyến đi đường dài thật lớn xuyên Bali. Chúng tôi nảy ra ý tưởng này một buổi tối tại nhà tôi khi Yudhi nói rằng, ngoài vợ anh và Mahattan, điều anh nhớ nhất về Mỹ là lái xe – lên đường với một chiếc xe cùng vài người bạn thực hiện một chuyến phiêu lưu vượt qua những khoảng cách dài, trên những đường cao tốc giữa các tiểu bang hoang đường đó. Tôi bảo anh, “Được, vậy chúng ta sẽ cùng thực hiện chuyến đi đường dài ở Bali này, theo kiểu Mỹ.”

Cả hai chúng tôi chợt nảy ra trò hài hước không cưỡng lại được này – ta chẳng thể nào làm một chuyến đi đường dài ở Bali. Đầu tiên, trên một hòn đảo kích thước bằng tiểu bang Delaware không có những khoảng cách dài. Và “đường cao tốc” thì thật khủng khiếp, tràn lan dày đặc và khủng khiếp đến mức thực sự những xe tải gia đình Mỹ phiên bản Bali – một chiếc xe máy nhỏ với năm người chen chúc trên đó, ông bố một tay lái xe một tay giữ đứa con sơ sinh (như trái bóng) trong khi người mẹ ngồi nghiêng sau ông trong chiếc xà rồng chật với một cái giỏ thăng bằng trên đầu, coi chừng hai đứa con sinh đôi còn đập chũng để không ngã khỏi chiếc xe máy đang phóng nhanh, có lẽ đang đi trái chiều trên đường và không có đèn xe. Người ta hiếm khi đội mũ bảo hiểm nhưng thường *manh theo* – và tôi chưa bao giờ hiểu được tại sao. Hãy hình dung rất nhiều chiếc xe máy tải nặng như vậy, tất cả phóng nhanh cầu thả, tất cả đan nhau và tránh nhau như một kiểu vũ khúc cây nêu điên cuồng có động cơ, và ta có sinh mạng trên xa lộ Bali. Tôi không biết tại sao từng người từng người Bali đã không bị chết vì tai nạn giao thông.

Nhưng dù sao Yudhi và tôi cũng đã quyết định đi xa trong một tuần, thuê một chiếc xe và chạy khắp cái đảo nhỏ xíu này, vờ như chúng tôi đang ở Mỹ và rằng cả hai chúng tôi đều tự do. Ý tưởng này quyến rũ tôi khi chúng tôi nghĩ ra vào tháng trước, nhưng thời gian dành cho nó giờ đây – khi tôi đang nằm trên giường với Felipe và anh hôn đầu ngón tay và chẳng tay và vai tôi, khuyến khích tôi nấn ná thêm – có vẻ không thích hợp. Nhưng tôi phải đi. Và về một phương diện mà nói, tôi thật sự muốn đi. Không chỉ dành một tuần với anh bạn Yudhi của tôi, mà còn là một sự nghỉ ngơi sau đêm trọng đại với Felipe, để nhận ra hiện thực là, như họ nói trong tiểu thuyết: *tôi đã có một người tình*.

Vậy là Felipe thả tôi tại nhà với một cái ôm say đắm lần cuối, tôi chỉ có đủ thời gian để tắm và tỉnh táo lại khi Yudhi chạy chiếc xe thuê của chúng tôi đến. Anh nhìn tôi một cái và nói, “Công tử à – tối qua cô về nhà lúc mấy giờ?”

Tôi nói, “Công tử - tối qua tôi *không* về nhà.”

Anh nói, “Công tửrưrưr,” và bắt đầu cười, có lẽ nhớ lại cuộc chuyện trò của chúng tôi khoảng hai tuần trước lúc tôi nghiêm túc thừa nhận là có lẽ mình không bao giờ, thật sự, có quan hệ tình dục nữa trong suốt phần đời còn lại. Anh nói, “Vậy là cô chịu thua rồi, hử?”

“Yudhi,” tôi đáp, “để tôi kể anh nghe một chuyện. Hè năm ngoái, ngay trước khi tôi rời Mỹ, tôi đến thăm ông bà mình ở vùng phía Bắc New York. Vợ của ông tôi – vợ thứ hai của ông – thật sự là một quý bà xinh đẹp tên là Gale, giờ đã ở tuổi tám mươi rồi. Bà lôi ra cuốn album cũ và cho tôi xem các bức hình từ những năm 1930, khi bà mười tám tuổi và thực hiện chuyến đi đến châu Âu trong một năm với hai người bạn thân nhất và một người bảo hộ. Bà lật những trang album này, chỉ tôi xem những bức hình cũ đáng kinh ngạc về Ý, và đột nhiên chúng tôi xem tới bức hình của một anh chàng Ý trẻ tuổi thật sự tuyệt vời ở Venice. Tôi nói, “Gale – anh chàng hấp dẫn này là ai vậy?” Bà nói, “Đó là con trai của người chủ khách sạn mà bà đã ở lại tại Venice. Anh là bạn trai của bà.” Tôi tiếp, “*Bạn trai* của bà à?” và người vợ ngọt ngào của ông tôi nhìn tôi ma mĩnh, ánh mắt bà trở nên gợi tình như Bette Davis, và bà nói, “Bà đã chán xem mấy cái nhà thờ rồi, Liz.”

Yudhi giơ hai tay vỗ vào nhau ăn mừng, “Tiến lên, công tử.”

Chúng tôi bắt đầu chuyến đi đường dài Mỹ giả hiệu khắp Bali, tôi và thiên tài âm nhạc Indonesia trẻ tuổi tuyệt vời bị đầy ải này, phía sau xe chúng tôi chất đầy guitar, bia và thực phẩm Bali tương đương với thực phẩm cho chuyến đi đường dài Mỹ - bánh quy gạo khô và kẹo bản xứ có mùi vị khủng khiếp. Các chi tiết của hành trình giờ vẫn còn chút không rõ ràng với tôi, nhờ trong những ý nghĩ xa xăm của tôi về Felipe và vì cái chệnh choáng ỳ lả luôn đi kèm một chuyến đi đường dài ở bất kỳ nước nào trên thế giới. Điều tôi còn nhớ là Yudhi và tôi nói tiếng Mỹ suốt – một thứ tiếng tôi đã không nói trong một thời gian rất lâu. Trong năm nay tôi đã nói tiếng Anh rất nhiều, dĩ nhiên, nhưng không phải *tiếng Mỹ*, và dứt khoát không phải kiểu tiếng Mỹ hip-hop mà Yudhi thích. Vậy nên chúng tôi cứ thoải mái thể suốt lúc chạy xe, biến mình thành những cô cậu tuổi dậy thì xem MTV, trêu chọc nhau như thanh thiếu niên ở Hoboken, gọi nhau là *công tử* và *cậu* và đôi khi – với sự trù mến ghê gớm – *đồ lại cái*. Rất nhiều đối thoại của chúng tôi xoay quanh những xúc phạm trù mến dành cho mẹ của cả hai.

“Công tử, cô đã làm gì với cái bản đồ?”

“Sao cậu không hỏi mẹ cậu tôi đã àm gì với cái bản đồ?”

“Tôi sẽ hỏi, cậu ạ, nhưng bà ấy mập quá.”

Và cứ thế.

Chúng tôi thậm chí không thâm nhập bên trong Bali, chúng tôi chỉ chạy dọc bờ biển, và chỉ có bờ biển, bờ biển và bờ biển suốt cả tuần. Đôi khi chúng tôi lấy một chiếc thuyền đánh cá nhỏ ra một hòn đảo, xem có gì đang diễn ra ngoài đó. Ở Bali có quá nhiều loại bờ biển. Một ngày chúng tôi thơ thẩn dọc bãi cát trắng Kuta dài hấp dẫn kiểu Nam California, rồi tiến thẳng đến khung cảnh đẹp đẽ đầy đá đen hiểm trở của bờ biển phía Tây, rồi chúng tôi vượt qua đường phân chia vô hình Bali mà du khách bình thường dường như không bao giờ đi qua, đến tận các bãi biển hoang dã của bờ Bắc nơi chỉ có những người lướt sóng dám giẫm chân lên (và hơn nữa, chỉ những kẻ điên rồ). Chúng tôi ngồi trên bãi biển ngắm những con sóng nguy hiểm, nhìn những tay lướt ván phương Tây da trắng và Indonesia da nâu cày xé khắp mặt nước như những khóa kéo xé toạc lưng chiếc áo dạ hội xanh của biển. Chúng tôi nhìn những người lướt sóng làm mất thăng bằng rồi ngã như gãy xương với sự ngạo mạn

vào san hô và đá, chỉ để trở lại lướt trên một ngọn sóng khác, chúng tôi há hốc mồm và nói, “Công tử, thật là LOẠN cả.”

Đúng như dự định, chúng tôi hoàn toàn quên (tất cả chỉ vì Yudhi) là mình đang ở Indonesia trong nhiều giờ dài khi chúng tôi đi lượn với chiếc xe thuê này, chén đồ ăn vặt và hát những bài hát Mỹ, ăn pizza bất kỳ đâu chúng tôi tìm thấy. Khi bằng chứng về Bali tràn ngập xung quanh mình, chúng tôi cố lờ đi và giả vờ mình đã về Mỹ. Tôi sẽ hỏi, “Đường nào tốt nhất để vượt qua núi lửa này?”, Yudhi sẽ nói, “Tôi nghĩ mình nên đi đường I-95,” và tôi sẽ phản đối, “Nhưng đường đó sẽ dẫn tụi mình đến thẳng Boston ngay giữa giờ cao điểm...” Đó chỉ là trò chơi, nhưng nó gần như có tác dụng.

Đôi khi chúng tôi phát hiện ra những quãng biển xanh lặng và chúng tôi bơi suốt ngày, cho phép nhau bắt đầu uống bia vào lúc mười giờ sáng (“Công tử - nó để chữa bệnh đó.”) Chúng tôi kết bạn với tất cả mọi người chúng tôi gặp. Yudhi là một kiểu chàng trai mà – khi anh đi xuống bãi biển và thấy một người đàn ông đang đóng một chiếc tàu – sẽ dừng lại và nói, “Chà! Anh đang đóng một chiếc tàu à?” Và sự tò mò của anh thu phục hoàn hảo đến độ việc tiếp theo, bạn biết không, là chúng tôi đã được mời đến sống với gia đình người đóng tàu trong một năm.

Những điều kỳ lạ xảy ra vào các buổi chiều. Chúng tôi tình cờ gặp những nghi thức đền thờ bí ẩn ở nơi xa xôi hẻo lánh, mặc cho dàn hợp xướng các giọng, trống và gamelan^[45] thổi miên chính mình. Chúng tôi tìm thấy một thị trấn nhỏ ven biển nơi tất cả dân địa phương tập hợp trên một con phố để dự một nghi lễ sinh nhật; người ta kéo cả Yudhi và tôi ra khỏi đám đông (những người lạ đáng kính) và mời Yudhi nhảy với cô gái xinh xắn nhất trong làng. (Người cô được bao bọc bằng vàng và nữ trang cùng nhang thơm, cô trang điểm trông như người Ai Cập; cô có lẽ mười ba tuổi nhưng chuyển động cặp mông với một niềm tin dịu dàng, gợi cảm của một sinh vật biết mình có thể quyến rũ bất kỳ thần linh nào nếu muốn.) Ngày hôm sau chúng tôi tìm thấy một quán ăn gia đình kỳ lạ trong cùng làng nơi người chủ Bali tuyên bố ông ta là bếp trưởng chế biến món ăn Thái xuất sắc, mà dứt khoát là không phải vậy, nhưng dù sao chúng tôi cũng đã bỏ cả ngày ở đó, uống Coke đá và ăn món pad thai mỡ, chơi đồ chơi điện tử Milton Bradley với cậu con trai tuổi thiếu niên trông có vẻ nữ tính một cách thanh nhã của ông chủ. (Chỉ về sau chúng tôi mới chợt nghĩ là cậu thiếu niên xinh xắn này có thể chính là nữ vũ công xinh đẹp đêm trước; người Bali là bậc thầy về cải trang nghi thức thành người khá giỏi.)

Mỗi ngày tôi gọi cho Felipe từ bất kỳ cột điện thoại hẻo lánh nào tôi có thể tìm ra, và anh nói, “Bao nhiêu giấc ngủ nữa thì em mới trở về với anh?” Anh nói với tôi, “Anh thích thú chuyện phải lòng em, em yêu. Nó có vẻ tự nhiên đến vậy, như nó là cái gì đó anh cảm nhận hai tuần một lần, nhưng thực ra anh chưa từng cảm thấy thế này về bất kỳ ai suốt gần ba mươi năm.”

Vẫn chưa đến đó đâu, vẫn chưa đến rơi tự do vào tình yêu, tôi ậm ừ do dự, những nhắc nhở nhẹ nhàng là mình sẽ ra đi trong vài tháng nữa. Felipe không quan tâm. Anh nói, “Có lẽ đây chỉ là một ý tưởng Nam Mỹ lãng mạn ngu ngốc nào đó, nhưng anh cần em hiểu – em yêu, vì em, anh sẵn sàng chịu đựng. Bất kỳ nỗi đau nào xảy ra cho chúng ta trong tương lai, anh đã chấp nhận nó rồi, chỉ vì niềm vui được bên em. Hãy cùng thưởng thức thời gian này. Nó quá tuyệt vời.”

Tôi nói với anh, “Anh biết không – thật buồn cười, nhưng trước khi gặp anh em đã nghĩ nghiêm túc là em có thể cô đơn và độc thân mãi mãi. Em đã nghĩ có lẽ em sẽ sống cuộc đời của một người trầm tư tâm linh.”

Anh nói, “Hãy trầm tư điều này, em yêu...,” và rồi bắt đầu nêu cụ thể chi tiết rất cẩn thận điều thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ năm anh định làm với thân thể tôi khi anh chỉ có riêng tôi trên giường anh lần nữa. Tôi lão đảo rồi điện thoại, đầu gối hơi run, sung sướng vì bị phỉnh phờ bởi tất cả đam mê mới mẻ này.

Ngày cuối cùng chuyến đi dài ngày của chúng tôi, Yudhi và tôi nằm dài ở nơi nào đó trên bãi biển hàng giờ, và – như thường xảy ra với chúng tôi – chúng tôi lại bắt đầu nói về thành phố New York, nó tuyệt đến thế nào, chúng tôi yêu nó đến thế nào. Yudhi nhớ thành phố, anh nói, gần như cũng nhiều như anh nhớ vợ anh – như thể New York là một người, một người bà con mà anh đã mất từ khi bị trục xuất. Khi chúng tôi trò chuyện, Yudhi phủi một khoảng cát trắng sạch tươm tất giữa hai khăn tắm của chúng tôi và vẽ một cái bản đồ Mahattan. Anh nói, “Mình cùng làm đầy chỗ này bằng tất cả những gì có thể nhớ được về thành phố.” Chúng tôi dùng ngón tay vẽ lên đó tất cả những đại lộ, những đường chính, cái khối hỗn độn Broadway tạo ra khi nó vắt qua quanh co đảo, những dòng sông, làng, Công viên Trung tâm. Chúng tôi chọn một cái vỏ sò mỏng, khá xinh để làm Empire State Building và một cái khác cho Chrysler Building. Vì tôn trọng, chúng tôi lấy hai cái que và đặt Tháp Đôi lại ở cuối đảo, về lại nơi chúng thuộc về.

Chúng tôi dùng cái bản đồ cát để chỉ cho nhau những điểm mình yêu thích ở New York. Đây là nơi Yudhi mua cái kính râm giờ anh đang đeo; đây là nơi lần đầu tiên tôi ăn tối với chồng cũ của mình; đây là nơi Yudhi gặp vợ anh. Chỗ này có món ăn Việt Nam ngon nhất thành phố, chỗ này bán bánh mì tròn ngon nhất, đây là tiệm mì ngon nhất (“Không đời nào, lại cái à – *đây* mới tiệm mì ngon nhất.”). Tôi phác thảo khu vực lân cận Bếp Địa ngục cũ của mình và Yudhi nói, “Tôi biết một quán ăn rẻ tiền và ngon ở trên đó.”

“Tick-Tock, Cheyenne hay Starlight?”

“Tick-Tock, công tử à.”

“Thử món kem trứng ở Tick-Tock chưa?”

Anh ta rên rỉ, “Ôi trời ơi, tôi biết...”

Tôi cảm thấy niềm mong nhớ New York của anh sâu thẳm đến nỗi trong một chốc tôi tưởng nó là của chính mình. Nỗi nhớ nhà của anh lây sang tôi trọn vẹn đến nỗi trong giây lát tôi quên là mình thật sự tự do trở về Mahattan một ngày nào đó, còn anh thì không. Anh nghịch hai que Tháp Đôi một chốc, neo chúng chắc chắn hơn trong cát, rồi nhìn ra biển xanh, nín lặng và nói, “Tôi biết ở nơi này đẹp... nhưng cô có nghĩ có lúc nào đó tôi được gặp lại New York không?”

Tôi có thể nói gì với anh bây giờ?

Chúng tôi chìm trong im lặng. Rồi anh phụt ra khỏi miệng cái kẹo cứng Indonesia dở tệ anh đã mút cả giờ trong miệng và nói, “Công tử, kẹo này mùi vị *khiếp* quá. Cô mua nó ở đâu vậy?”

“Mua ở chỗ mẹ cậu đó, công tử,” tôi nói. “Từ mẹ cậu đấy.”

Khi chúng tôi trở lại Ubud, tôi đi thẳng lại nhà Felipe và không rời phòng ngủ của anh ấy trong khoảng một tháng sau đó. Đây chỉ là sự cường điệu nhỏ nhất. Tôi chưa từng được bất cứ ai yêu thương và chiều chuộng như thế này trước đây, chưa từng, với lạc thú và tập trung thuần nhất như thế. Tôi chưa từng được gói kín, hé lộ, trải ra và ném qua sự kiện ân ái như thế.

Một điều tôi biết về sự thân mật là có vài quy luật tự nhiên chi phối trải nghiệm nhục dục của hai người, và những quy luật này không thể dịch chuyển cũng như không thể thương lượng gì với lực hấp dẫn. Cảm thấy hoàn toàn thoải mái về thể xác với cơ thể ai đó không phải là điều ta có thể quyết định. Nó liên quan rất ít đến việc hai người nghĩ hay hành động hay nói hay thậm chí nhìn. Sức hút bí ẩn hoặc là ở đây, chôn dấu đó sau xương ức, hoặc không ở đó. Khi nó không ở đó (như tôi đã biết điều này trong quá khứ, với sự sáng tỏ đau lòng) thì ta không thể buộc nó tồn tại như một bác sĩ phẫu thuật không thể buộc cơ thể bệnh nhân chấp nhận một quả thận từ người hiến thận không phù hợp. Bạn Annie của tôi nói toàn bộ điều đó rút lại thành một câu hỏi đơn giản, “Anh có muốn bụng anh ghì sát lên bụng người này mãi mãi – hay không?”

Felipe à tôi, như chúng tôi vui mừng khám phá ra, là một cặp được thiết kế hợp nhau hoàn hảo từ trong gen. Không có phần nào của cơ thể người này lại dị ứng với bất kỳ phần nào của cơ thể người kia. Không có gì nguy hiểm, không có gì khó, không có gì bị chối từ. Tất cả trong vũ trụ khoái lạc của chúng tôi – một cách đơn giản và hoàn toàn – trở nên hoàn chỉnh. Và, cũng... *đáng ca tụng*.

“Nhìn em đi,” Felipe nói, dẫn tôi đến gương sau khi chúng tôi đã ân ái lần nữa, chỉ tôi thấy thân hình trần và tóc tôi trông như tôi vừa mới chui từ máy ly tâm huấn luyện không gian của NASA ra. Anh nói, “Nhìn xem em đẹp chừng nào... mỗi đường nét của em là một đường cong... em trông như những đụn cát...”

(Quả thật, tôi không nghĩ thân hình mình đã từng có vẻ hay có cảm giác thoải mái đến thế này trong đời mình từ khi tôi có lẽ sáu tháng tuổi và mẹ tôi chụp tôi hoàn toàn sung sướng mê li trên tấm khăn trên bệ bếp sau khi tắm trong chậu rửa chén.)

Và rồi anh dẫn tôi trở lại giường, nói, bằng tiếng Bồ Đào Nha, “*Vem, gostosa.*”

Đến đây, mật ngọt của anh.

Felipe cũng là bậc thầy của những lời âu yếm. Trong giường anh chuyển qua ngưỡng mộ tôi bằng tiếng Bồ Đào Nha, nên tôi đã chuyển từ “lovely little darling” của anh sang *queridinha* của anh (dịch sát là “em yêu bé nhỏ dễ thương”). Ở Bali tôi đã quá lười để cố học thêm tiếng Indonesia hay tiếng Bali, nhưng đột nhiên tiếng Bồ Đào Nha lại đến với tôi một cách dễ dàng. Tất nhiên tôi chỉ học nói thì thầm bên gối, nhưng đó là một cách sử dụng tiếng Bồ Đào Nha tốt. Anh nói, “Em yêu, em sẽ phát bệnh vì nó. Em sẽ trở nên chán anh vượt ve nhiều lần đến thế, chán anh cứ nói em đẹp không biết bao nhiêu lần một ngày.”

Cứ thử với tôi đi, thưa ông.

Tôi mất nhiều ngày ở đây, biến mất dưới chân anh ấy, dưới bàn tay anh ấy. Tôi thích cảm giác không biết đang là ngày nào. Thời khóa biểu có tổ chức đảng hoàng của tôi đã cuốn bay theo làn gió. Cuối cùng một buổi chiều tôi ghé thăm ông thầy mo sau một quãng đứt đoạn dài không thăm viếng. Ketut đã thấy sự thật trên gương mặt tôi trước khi tôi nói được lời nào.

“Cô tìm được bạn trai ở Bali,” ông nói.

“Đúng, Ketut.”

“Tốt. Cần thận đừng để có thai.”

“Tôi sẽ làm vậy.”

“Anh ta là người tốt?”

“Ông đã bảo tôi, Ketut,” tôi nói. “Ông xem tướng tay anh ấy. Ông cam đoan là anh ấy là một người tốt. Ông nói điều đó khoảng bảy lần.”

“Tôi đã nói thế sao? Khi nào?”

“Hồi tháng Sáu. Tôi đã mang anh ấy đến đây. Anh ấy là một người Brazil, lớn tuổi hơn tôi. Ông đã bảo tôi ông thích anh ấy.”

“Tôi không hề,” ông khẳng định, và tôi chẳng thể làm gì để thuyết phục ông điều ngược lại. Đôi khi Ketut quên, như ta cũng có thể vậy, nêu ta đâu đó giữa sáu mươi lăm và một trăm lẻ năm tuổi. Phần lớn thời gian ông sắc ảo và nhạy bén, nhưng những lúc khác tôi có cảm giác mình làm xao nhãng ông khỏi tầng ý thức nào đó, khỏi một vũ trụ nào khác. (Một vài tuần trước ông nói với tôi, hoàn toàn không biết từ đâu, “Cô là bạn tốt đối với tôi, Liss. Bạn trung thành. Bạn dễ thương.” Rồi ông thở dài, nhìn đăm đăm vào khoảng không và nói thêm ai oán, “Không như Sharon.” Sharon chết tiệt nào thế hả? Ắ đã làm gì với ông ấy? Khi tôi cố hỏi ông chuyện này, ông không trả lời. Hành động đột ngột như thế ông thậm chí còn không biết tôi đang nói đến ai. Như thể *tôi* là người nêu ra câu chuyện cô ả Sharron mất nét kẻ cướp đầu tiên vậy.)

“Sao cô không bao giờ đưa bạn trai đến gặp tôi?” giờ thì ông hỏi.

“Tôi đã đưa đến, Ketut. Thật ra là tôi đã đưa anh ấy đến. Và ông bảo tôi ông thích anh ấy.”

“Không nhớ. Anh ta giàu không, bạn cô ấy?”

“Không, Ketut. Anh ta không giàu. Nhưng anh ta có đủ tiền.”

“Giàu vừa vừa?” ông thầy mo muốn những chi tiết, bảng tính cụ thể.

“Anh ta có đủ tiền.”

Câu trả lời của tôi có vẻ làm Ketut bức mình. “Cô yêu cầu người đàn ông này tiền, anh ta có thể cho cô hay không?”

“Ketut, tôi không *muốn* tiền của anh ấy. Tôi chưa bao giờ lấy tiền từ một người đàn ông.”

“Cô ở mỗi đêm với anh ta à?”

“Đúng.”

“Tốt. Anh ta có làm hư cô không?”

“Rất nhiều.”

“Tốt. Cô vẫn còn thiền đó chứ?”

Có, tôi vẫn còn thiền mỗi ngày trong tuần, trượt ra khỏi giường Felipe và qua ghế dài, nơi tôi có thể ngồi trong yên tĩnh và dâng lời cảm tạ về tất cả mọi chuyện này. Bên ngoài hiên, lũ vịt quàng quạc qua ruộng lúa, tán dóc và lắc mình làm nước bắn tung tóe. (Felipe nói những đàn vịt Bali bận bịu này luôn làm anh nhớ tới mấy phụ nữ Brazil khệnh khạng xuống bãi biển ở Rio; tán dóc lớn tiếng và liên tục ngắt lời nhau và lắc hông hết sức chảnh chệ.) Giờ tôi thoải mái đến nỗi gần như lướt vào trạng thái thiền như nó là một bồn tắm người tình mình chuẩn bị sẵn. Trần tròng trong nắng sáng, không có gì ngoài một tấm chăn mỏng quấn quanh vai, tôi biến mất trong ân huệ, chao lượn trong không rộng như một cái vỏ sò bé xíu thăng bằng trong một cái muỗng cà phê.

Tại sao cuộc đời đã có vẻ khó khăn như thế?

Một hôm tôi gọi cho bạn Susan của mình tận thành phố New York và lắng nghe cô tâm sự trên nền tiếng còi hụ của xe cảnh sát rất điển hình của thành thị, những chi tiết cuối cùng về lần tan vỡ mới nhất của cô. Giọng tôi thoát ra trong cái âm thanh tuyệt vời, êm ái của một DJ radio nhạc jazz về đêm khi tôi bảo cô chỉ phải dừng nghĩ đến nó nữa, và cô phải biết là tất cả mọi điều đều hoàn hảo như nó vốn đã vậy, rằng vũ trụ quy định cứng à, là hoàn toàn yên bình và hài hòa ở ngoài kia...

Tôi gần như có thể nghe cô ấy tròn tròn mắt khi nói trong tiếng còi, “Cậu nói như thể một phụ nữ hôm nay đã có bốn lần cực cảm rồi ấy.”

Nhưng tất cả vui chơi đuổi kịp tôi sau một vài tuần. Sau tất cả những đêm không ngủ và tất cả những ngày làm tình quá nhiều, cơ thể tôi phản công và tôi bị nhiễm trùng bàng quang khủng khiếp. Một tai họa điển hình lúc tình dục quá nhiều, đặc biệt thường giáng xuống khi ta đã không còn quen tình dục quá trớn như vậy nữa. Nó giáng xuống cũng nhanh như bất kỳ thảm kịch nào. Một buổi sáng khi đang xuống phố làm mấy việc lật vật thì bất thành linh tôi oằn mình vì đau rất và sốt. Tôi đã bị nhiễm trùng như vậy trước kia, trong thời trẻ thất thường của mình, nên tôi biết nó là gì. Trong một giây phút tôi hoảng sợ – những thứ này có thể dễ sợ – nhưng rồi nghĩ, “Cám ơn Thượng Đế, bạn tốt nhất của tôi ở Bali là một người chữa bệnh.” Rồi tôi chạy đến cửa hiệu Wayan.

“Tôi bị bệnh,” tôi nói.

Cô nhìn tôi và nói, “Cô bệnh vì ái ân quá nhiều, Liz.”

Tôi nhăn nhó, vùi mặt vào hai tay, bối rối.

Cô tủm tỉm cười, “Cô không thể giữ bí mật với Wayan.”

Tôi đau khủng khiếp. Bất kỳ ai từng bị nhiễm trùng như vậy mới biết cảm giác dễ sợ; bất kỳ ai không trải qua chịu đựng cụ thể này – thôi được, chỉ là bịa ra ẩn dụ tra tấn của riêng mình thôi, tốt nhất là dùng thuật ngữ “que còi lửa” đầu đó giữa câu.

Wayan, như một lính cứu hỏa kỳ cựu hay một bác sĩ phẫu thuật cấp cứu, không bao giờ thao tác nhanh. Cô bắt đầu cẩn thận cắt ít cỏ, đun sôi ít rễ cây, đi tới đi lui giữa bếp và tôi, mang cho tôi một loại thuốc pha chế ấm, nâu, có vị như thuốc độc, hết thứ này đến thứ khác, nói, “Uống đi, cưng...”

Mỗi khi mẻ khác sôi, cô ngồi ngay trước mặt tôi, nhìn tôi láu cá, châm biếm và lợi dụng cơ hội này để thóc mách.

“Cẩn thận không thì có thai, Liz.”

“Không thể, Wayan. Felipe đã được cắt ống dẫn tinh rồi.”

“Felipe đã được *cắt ống dẫn tinh* rồi à?” cô hỏi, cũng khủng khiếp như cô đang hỏi, “Felipe có một biệt thự ở Tuscany^[46] ư?” (Nhân tiện, tôi cũng cảm thấy y như vậy.) “Ở Bali rất khó khiến một người đàn ông làm như vậy. Luôn là vấn đề của phụ nữ, chuyện ngừa thai ấy.”

(Mặc dù đúng là ở Indonesia tỉ lệ sinh mới đây đã giảm nhờ một chương trình khuyến khích sinh đẻ có kế hoạch xuất sắc: chính phủ hứa một chiếc xe máy mới cho mỗi người đàn ông tình nguyện đến làm thủ thuật cắt ống dẫn tinh... nhưng tôi ghét ý nghĩ là mấy gã đó phải chạy chiếc xe mới của họ về nhà vào *cùng ngày hôm ấy*).

“Tình dục thật nực cười,” Wayan thì thầm khi cô nhìn tôi nhăn mặt vì đau và uống thêm thuốc nhà làm của cô.

“Đúng, Wayan, cám ơn. Nó thật vui nhộn.”

“Không, tình dục là nhục cười,” cô nói tiếp. “Khiến người ta làm những việc buồn cười. Tất cả mọi người như vậy, thời gian đầu yêu đương. Muốn quá nhiều hạnh phúc, quá nhiều lạc thú, cho đến khi ta làm mình phát bệnh. Ngay cả với Wayan chuyện này cũng đã xảy ra thời đầu yêu đương. Mất cân bằng.”

“Tôi bối rối,” tôi nói.

“Đừng,” cô nói. Rồi cô nói thêm bằng tiếng Anh rất hoàn hảo (và logic Bali hoàn hảo), “Đôi khi mất cân bằng vì tình yêu là một phần của việc sống cuộc sống cân bằng.”

Tôi quyết định gọi cho Felipe. Tôi có ít thuốc kháng sinh ở nhà, một thứ cất giấu phòng trường hợp khẩn cấp đi đâu tôi cũng mang theo, chỉ là phòng khi thôi. Vì đã bị nhiễm trùng như vậy trước đây, tôi biết chúng có thể trở nên tồi tệ ra sao, thậm chí đi vào thận ta nữa. Tôi không muốn trải qua chuyện đó, không phải ở Indonesia. Vậy là tôi gọi anh ấy và kể cho anh chuyện đã xảy ra (anh chết điếng) và nhờ anh mang đến cho tôi mấy viên thuốc. Không phải là tôi không tin tưởng năng lực chữa trị của Wayan, mà chỉ là vì cơn đau đã rất nghiêm trọng...

Wayan nói, “Cô không cần mấy viên thuốc Tây.”

“Nhưng có lẽ vậy tốt hơn, chỉ để an toàn...”

“Cho hai giờ,” cô nói. “Nếu tôi không làm cô khá hơn, cô hãy uống thuốc của mình.”

Tôi miễn cưỡng đồng ý. Kinh nghiệm của tôi với mấy chuyện nhiễm trùng này là có thể phải mất hai ngày mới hết, ngay cả với thuốc kháng sinh mạnh. Nhưng tôi không muốn cô ấy cảm thấy khó chịu.

Tutti đang chơi trong cửa hiệu và bé cứ mang mấy bức tranh vẽ nhà nhỏ đến làm tôi vui lên, vỗ lên tay tôi với lòng cảm thông của một cô bé tám tuổi. “Mẹ Elizabeth bị bệnh hả?” Ít ra bé không biết tôi đã làm gì để *mắc* bệnh.

“Chị mua nhà chưa, Wayan?” tôi hỏi.

“Vẫn chưa, cưng. Không vội đâu.”

“Còn chỗ chị thích thì sao? Tôi tưởng chị sẽ mua nó?”

“Hóa ra họ không bán. Quá đắt.”

“Chị đã tính chỗ nào khác chưa?”

“Đừng lo về chuyện đó lúc này, Liz. Để tôi làm cô chóng khá hơn đã.”

Felipe mang thuốc của tôi đến với gương mặt đầy vẻ ăn năn, xin lỗi cả tôi và Wayan và đã bắt tôi chịu cơn đau này, hay ít nhất đó là điều anh nhìn nhận.

“Không nghiêm trọng,” Wayan nói. “Đừng lo. Tôi sẽ chữa lành cho cô ấy chóng thôi. Sẽ chóng khá hơn.”

Rồi cô vào bếp và chế ra một cốc như cốc thủy tinh khổng lồ đầy lá, rễ cây, quả mọng, cái gì đó tôi nhận ra như nghệ, một ít khối tua tủa cái gì đó như tóc phù thủy, cộng với mắt của,

tôi đoán, có thể là con sa giông... tất cả lènh bênh trong nước ép màu nâu của nó. Có khoảng chừng một gallon thứ đó trong cái cốc, bất kể là thứ gì. Hôi như xác chết.

“Uống đi, cưng,” Wayan nói. “Uống hết đi.”

Tôi nhắm mắt nhắm mũi nuốt cạn. Và trong chưa đầy hai giờ... Ồ, tất cả chúng ta biết câu chuyện kết thúc ra sao rồi. Chỉ trong chưa đầy hai giờ tôi đã ổn, hoàn toàn bình phục. Một nhiễm trùng có thể phải mất hai ngày điều trị bằng kháng sinh Tây phương đã biến mất. Tôi cố trả tiền cho cô vì đã chữa cho tôi, nhưng cô chỉ cười. “Em gái tôi không phải trả tiền.” Rồi cô quay về Felipe, vờ nghiêm nghị, “Giờ anh phải thận trọng với cô ấy. Tối nay chỉ ngủ thôi, không động chạm.”

“Cô không lúng túng khi chữa cho mọi người những vấn đề về tình dục thế này sao?” tôi hỏi Wayan.

“Liz – tôi là người chữa bệnh. Tôi giải quyết mọi vấn đề, với âm hộ phụ nữ, với chuối của đàn ông. Đôi khi tôi thậm chí còn làm dương vật giả cho phụ nữ. Để làm tình một mình.”

“Dương vật giả?” tôi hỏi, choáng cả người.

“Không phải ai cũng có một bạn trai Brazil, Liz,” cô ta nhắc nhở. Rồi cô nhìn Felipe tươi cười, “Nếu có lúc nào anh cần giúp làm cho chuối của mình cứng, tôi có thể cho anh thuốc.”

Tôi cuống quýt cam đoan với Wayan là Felipe không cần một chút xú giúp đỡ nào với chuối của anh, nhưng anh ngắt lời tôi – luôn luôn là nhà doanh nghiệp – để hỏi Wayan có lẽ nên đóng chai và tiếp thị liệu pháp làm cứng chuối của cô. “Chúng ta có thể làm giàu,” anh nói. Nhưng cô ấy giải thích, không, không phải vậy. Tất cả thuốc của cô phải được sắc dùng ngay mỗi ngày mới có hiệu lực. Và phải kèm với cầu nguyện của cô nữa. Dù sao, nội khoa không phải là cách duy nhất Wayan có thể dùng làm mạnh chuối của đàn ông, cô cam đoan với chúng tôi; cô cũng có thể làm việc này bằng xoa bóp. Rồi, chúng tôi bị thôi miên khủng khiếp, cô mô tả những xoa bóp khác nhau cô làm cho chuối bất lực của đàn ông, cách cô nắm phần dưới của thứ này và gần như lắc vòng trong chừng một giờ để kích thích máu lưu thông trong khi lằm rằm một cầu nguyện đặc biệt.

Tôi hỏi, “Nhưng Wayan nè – chuyện gì sẽ xảy ra nếu một người đàn ông trở lại mỗi ngày và nói, ‘Vẫn chưa lành, bác sĩ! Cần xoa bóp nữa!’” Cô cười vì ý kiến tục tĩu này và thú nhận là, đúng, cô cần chú ý không bỏ quá nhiều thời gian để chữa trị chuối của đàn ông vì chuyện đó gây ra một lượng... cảm giác mạnh... nhất định trong cô, mà cô không chắc sẽ tốt cho năng lực chữa trị. Và đôi khi, đúng, những người đàn ông này không tự chủ được. (Ta có lẽ cũng như vậy, nếu bị bất lực nhiều năm và đột nhiên người phụ nữ có làn da màu gụ xinh đẹp với mái tóc đen dài mượt này làm cho bộ máy hoạt động lại.) Cô kể chúng tôi nghe chuyện một người đàn ông nhảy chồm lên và bắt đầu đuổi theo cô quanh phòng trong một lần chữa trị liệt dương và nói, “Tôi cần Wayan! Tôi cần Wayan!”

Nhưng không phải Wayan chỉ làm được có thế. Ngoài ra, cô bảo chúng tôi, đôi khi người ta mời cô chỉ dẫn về tình dục cho một cặp vợ chồng hoặc gặp rắc rối về chứng liệt dương hay lãnh cảm, hoặc khó có con. Cô phải vẽ những bức hình ma thuật trên khăn trải giường của họ và giải thích cho họ những tư thế làm tình nào thì thích hợp cho thời gian nào trong tháng. Cô bảo nếu một người đàn ông muốn có con anh ta nên giao hợp với vợ “rất, rất

mạnh” và nên bắn “nước từ chuối của mình thẳng vào âm hộ một cách thật, thật sự nhanh”. Đôi khi Wayan thực sự phải có mặt trong phòng với cặp vợ chồng đang giao hợp, giải thích phải làm chuyện ấy mạnh và nhanh ra sao.

Tôi hỏi, “Thế người đàn ông có thể bắn nước từ chuối thật mạnh và thật nhanh khi bác sĩ Wayan đang đứng gần quan sát không?”

Felipe giả bộ lúc Wayan đang nhìn đôi nam nữ, “Nhanh hơn! Mạnh hơn! Anh có muốn đưa con này không hử?”

Wayan nói có, cô biết chuyện này điên khùng, nhưng đây là công việc của người chữa bệnh. Dù cô thừa nhận chuyện này đòi hỏi rất nhiều nghi lễ thanh tẩy trước và sau sự kiện để giữ chân khí của mình nguyên vẹn, và cô không muốn làm việc này thường xuyên vì nó làm cô thấy “khang khác”. Nhưng nếu ai đó cần phải thụ thai một đứa bé cô sẽ lo liệu việc đó.

“Và giờ những cặp này đã có con chưa?” tôi hỏi.

“Có con chứ!” cô hãnh diện khẳng định. Tất nhiên họ có con.

Nhưng rồi Wayan tiết lộ điều gì đó nữa cực kỳ thú vị. Cô nói là nếu một cặp không có chút may mắn nào để thụ thai một đứa con, cô sẽ khám cả người đàn ông và người đàn bà để xác định ai, như họ vẫn nói, có lỗi. Nếu đó là người phụ nữ, không thành vấn đề - Wayan có thể lo chuyện này với các phương pháp chữa trị cổ xưa. Nhưng nếu là người đàn ông - ồ, chuyện này đặt ra một tình huống tế nhị ở đây, với chế độ gia trưởng ở Bali. Các chọn lựa y khoa của Wayan ở đây sẽ hạn chế vì báo cho một người đàn ông Bali rằng anh ta vô sinh là vượt quá hàng rào an toàn; điều đó không thể là sự thật. Suy cho cùng, đàn ông là *đàn ông*. Nếu thụ thai không diễn ra, nó phải là lỗi của người đàn bà. Và nếu người đàn bà không sớm cho chồng mình một đứa con, cô ta có thể sẽ gặp phiền phức lớn - bị đánh đập, bị hạ nhục hay ly dị.

“Vậy cô làm gì trong tình huống này?” tôi hỏi, thấy ấn tượng vì một phụ nữ vẫn gọi tình dịch là “nước chuối” có thể chẩn đoán vô sinh của nam giới.

Wayan kể cho chúng tôi tất cả. Điều cô làm trong trường hợp vô sinh ở nam giới là báo cho người đàn ông là vợ anh ta vô sinh và cần được gặp riêng mỗi chiều để làm các “buổi chữa trị”. Khi người vợ đến cửa hiệu một mình, Wayan gọi một người trẻ tuổi nào đó trong làng đến để làm tình với cô vợ, hy vọng sẽ có em bé.

Felipe hoảng hốt, “Wayan! Không!”

Nhưng cô bình thản gật đầu. Có. “Đó là cách duy nhất. Nếu người vợ khỏe mạnh, cô ta sẽ có con. Rồi mọi người sẽ hạnh phúc.”

Felipe ngay lập tức muốn biết, vì anh ta sống trong thị trấn, “Ai? Cô mượn ai làm việc này?”

Wayan nói, “Mấy người lái xe.”

Cả bọn chúng tôi phì cười vì Ubud đầy những anh chàng trẻ, những người lái xe, họ ngồi khắp mọi góc và quấy rầy du khách với lời rao hàng không bao giờ dứt, “Chở không? Đi

không?” khi cố kiếm một đôla bằng cách chở người ta ra khỏi thị trấn đến mấy ngọn núi lửa, bãi biển hay đền đài. Nói chung, đây là một nhóm người trông khá đẹp, nào là làn da nâu sậm như trong tranh Gauguin, thân hình khỏe mạnh và tóc dài hấp dẫn. Ta có thể kiếm được khá bộn tiền ở Mỹ bằng cách điều hành một “bệnh viện sinh sản” cho phụ nữ, với nhân viên là những anh chàng như thế. Wayan nói điều hay nhất trong điều trị vô sinh của cô là những tài xế này thường thậm chí không đòi tiền cho dịch vụ chuyên chở sinh sản của mình, nhất là nếu cô vợ đó thật sự dễ thương. Felipe và tôi đồng ý đây là những anh chàng hoàn toàn hào hiệp và có tinh thần cộng đồng. Chín tháng sau một em bé xinh xắn chào đời. Và tất cả mọi người đều hạnh phúc. Điều hay hơn cả là, “Không cần phải hủy bỏ hôn nhân.” Và tất cả chúng ta đều biết hủy bỏ một hôn nhân thì khủng khiếp thế nào, nhất là ở Bali.

Felipe nói, “Chúa ơi – bọn đàn ông chúng tôi quả là những thằng khờ.”

Nhưng Wayan không áy náy. Điều trị này chỉ là cần thiết vì không thể báo cho một người đàn ông Bali là anh ta vô sinh mà không có nguy cơ anh ta sẽ về nhà và làm điều gì đó tồi tệ với vợ. Nếu đàn ông ở Bali không như vậy, cô có thể chữa vô sinh cho họ bằng những cách khác. Nhưng đây là thực tế của một nền văn hóa, nên mọi việc là thế đấy. Cô không có một tí cắn rứt lương tâm nào về chuyện ấy mà nghĩ, đó chỉ là một cách khác khi làm một người chữa bệnh sáng tạo. Hơn nữa, cô nói thêm, đôi khi thật dễ chịu cho người vợ ái ân với một trong những anh tài xế tuyệt vời đó, vì dù sao đa số các ông chồng ở Bali không biết làm tình với phụ nữ ra sao.

“Hầu hết các ông chồng đều như gà trống hay con dê vậy.”

Tôi gợi ý, “Có lẽ chị nên dạy một lớp giáo dục giới tính, Wayan à. Chị có thể dạy đàn ông vuốt ve phụ nữ với một cách nhẹ nhàng, rồi có lẽ vợ họ sẽ thích ái ân hơn. Vì nếu một đàn ông thật sự chạm vào ta dịu dàng, vuốt ve làn da ta, nói những điều dễ thương, hôn ta khắp cơ thể, từ từ... tình dục có thể sẽ trở nên dễ chịu.”

Bất ngờ cô đỏ mặt. Wayan Nuriyasih, xoa bóp chuối này, điều trị nhiễm trùng bàng quang này, bán đạo dương vật giả này, ma cô vật này, thực sự đỏ mặt.

“Cô khiến tôi cảm thấy khác khi cô nói như vậy,” cô nói, làm dịu cơn đỏ mặt của mình. “Kiểu nói này, nó khiến tôi cảm thấy... *khác*. Ngay cả trong quần lót của mình tôi cũng thấy khác! Giờ thì về nhà đi, cả hai người. Không nói chuyện về tình dục như vậy nữa. Về đi, đi ngủ, nhưng chỉ ngủ thôi, được chứ? Chỉ NGỦ thôi!”

Trên đường về nhà Felipe hỏi, “Cô ấy đã mua nhà chưa?”

“Vẫn chưa. Nhưng cô ấy nói cô ấy đang tìm.”

“Em đưa tiền cho cô ấy đến nay đã hơn một tháng rồi, phải không?”

“Ừ, nhưng nơi cô ấy muốn, họ không bán...”

“Cẩn thận đấy, em yêu,” Felipe nói. “Đừng để chuyện này lòng thòng quá lâu. Đừng để tình trạng này khiến mọi người Bali đều hướng vào em.”

“Vậy có nghĩa là gì?”

“Anh không cố can thiệp chuyện của em, nhưng anh đã sống ở xứ này năm năm và anh biết mọi chuyện ra sao. Những câu chuyện có thể trở nên phức tạp quanh đây. Đôi khi khó biết được sự thật ở cái đang thực sự diễn ra.”

“Anh đang cố nói điều gì, Felipe?” tôi hỏi, và khi anh không trả lời ngay, tôi trích dẫn cho anh câu nói dấu hiệu của anh, “Nếu anh nói chậm cho em nghe, em có thể hiểu nhanh.”

“Anh đang cố nói là, Liz, tất cả bạn bè em đã quyên góp một khoản tiền khổng lồ cho người phụ nữ này, và ngay lúc này tất cả tiền đó nằm trong tài khoản của Wayan. Phải chắc chắn là cô ta thật sự dùng tiền đó mua một căn nhà.”

Cuối tháng Bảy đã đến, kéo theo đó là sinh nhật thứ ba mươi lăm của tôi. Wayan tổ chức một tiệc sinh nhật cho tôi, hoàn toàn không giống bất kỳ tiệc sinh nhật nào tôi đã trải qua trước đây. Wayan mặc cho tôi bộ đồ sinh nhật truyền thống Bali – một cái xà rồng tím sáng, một áo lót không dây và một tấm vải vàng ròng dài thướt mà cô quấn chặt quanh thân người tôi, tạo thành một lớp váy bó chèn chặt đến độ hầu như tôi không còn thở hay ăn bánh sinh nhật của mình được. Khi cô ướp xác tôi trong bộ đồ tuyệt đẹp này trong phòng ngủ nhỏ tối của cô (chật cả đồ dùng của ba sinh mạng nhỏ khác đang sống cùng cô), cô hỏi, không hoàn toàn nhìn tôi, mà đang nhét và ghim tấm áo quanh sườn tôi theo lối cầu kỳ, “Cô có định cưới Felipe không?”

“Không,” tôi đáp. “Chúng tôi không có dự định cưới. Tôi không muốn ông chồng nào nữa, Wayan à. Và tôi không tin Felipe muốn cô vợ nào nữa. Nhưng tôi thích ở bên anh ấy.”

“Đẹp trai bề ngoài thì dễ kiếm, nhưng đẹp trai bên ngoài và đẹp trai cả bên trong – chuyện này không dễ. Mà Felipe có được điều ấy.”

Tôi đồng ý.

Cô cười, “Và *ai* mang anh chàng này đến cho cô vậy, Liz? *Ai* cầu nguyện mỗi ngày để cô được anh chàng này?”

Tôi hôn cô. “Cám ơn chị, Wayan. Chị làm tốt lắm.”

Chúng tôi bắt đầu buổi tiệc sinh nhật. Wayan và bọn trẻ đã trang hoàng toàn bộ chỗ này bằng bong bóng và lá cọ và các bảng viết tay với những hàng chữ rối rắm, liên tục như “Chúc mừng sinh nhật trái tim hiền dịu và tử tế, chúc mừng em, em gái thân yêu nhất của chúng tôi, chúc cho cô Elizabeth yêu dấu của chúng con, chúc mừng sinh nhật, bình yên mãi mãi đến với cô và chúc mừng sinh nhật.” Một người em trai của Wayan có mấy người con là những vũ công có năng khiếu trong các nghi lễ của đền thờ, và thế là những đứa cháu trai cháu gái ấy đến múa cho tôi xem ngay trong quán ăn, họ dàn dựng một buổi trình diễn âm ảnh và kỳ diệu thường chỉ dành cho các thầy tu. Tất cả bọn trẻ trang sức bằng vàng và khăn choàng đầu to, trang điểm kiểu trai giả gái, những đôi chân giậm mạnh mẽ và những ngón tay đầy nữ tính duyên dáng.

Các tiệc Bali nhìn chung thường được tổ chức theo nguyên tắc là mọi người ăn diện những bộ đồ đẹp nhất của họ, rồi ngồi quây quần và nhìn nhau chăm chăm. Thật sự, nó rất giống các tiệc báo chí ở New York. (“Chúa ơi, em yêu,” Felipe rên rỉ, khi tôi bảo anh là Wayan tổ chức cho tôi một tiệc sinh nhật, “nó sẽ rất *chán*...”) Dù sao, nó không chán – chỉ yên ắng thôi. Và khác. Có cả phần ăn diện, rồi cả phần trình diễn múa, và rồi cả phần ngồi với nhau và nhìn nhau chăm chăm, cũng chẳng tệ lắm. Tất cả mọi người thật sự trông rất đáng yêu. Cả gia đình Wayan đã đến, họ cứ cười và vẫy chào tôi từ cách xa cả bốn feet, và tôi cứ cười lại và vẫy chào lại họ.

Tôi thổi tắt mấy ngọn nến bánh sinh nhật cùng với Ketut Nhỏ, cô bé mồ côi nhỏ nhất mà vài tuần trước tôi đã quyết định sinh nhật của bé từ nay sẽ là ngày 18 tháng Bảy, chung với

sinh nhật của tôi, vì cô bé chưa từng có một ngày sinh hay một tiệc sinh nhật trước đây. Sau khi chúng tôi thổi tắt nến, Felipe tặng Ketut Nhỏ một con búp bê Barbie, cô bé mở món quà ra với vẻ kinh ngạc sững sờ và rồi nhìn chăm chú như thể đó là một chiếc vé đi tàu tên lửa đến sao Mộc – cái gì đó bé chưa từng, chưa bao giờ, trong bảy tỉ năm ánh sáng, có thể tưởng tượng mình nhận được.

Tất cả mọi thứ về buổi tiệc gần như vui nhộn. Đó là một pha trộn kỳ quặc giữa các quốc gia và giữa các thế hệ gồm một nhóm bạn bè tôi, gia đình của Wayan và vài thân chủ Tây phương, những bệnh nhân của cô tôi chưa từng gặp trước đây. Bạn Yudhi của mang cho tôi một két sáu lon bia chúc mừng sinh nhật, và cả nhà viết kịch bản phim hippie trẻ đẹp từ Los Angeles tên Adam cũng ghé qua. Felipe và tôi đã gặp Adam trong quán rượu một đêm mới đây và đã mời anh. Adam và Yudhi dùng thời gian của họ ở tiệc trò chuyện với một cậu bé tên John, mẹ cậu là bệnh nhân của Wayan, một nhà thiết kế quần áo người Đức lập gia đình với một người Mỹ sống ở Bali. Cậu bé John – bảy tuổi và *theo kiểu* một người Mỹ, cậu thường nói thế, vì có bố là người Mỹ (dù bản thân cậu cũng chưa từng đến nơi đó), nhưng nói tiếng Đức với mẹ và nói tiếng Indonesia với bọn trẻ của Wayan – mê một Adam vì cậu phát hiện ra là anh này sống ở California và có thể lướt sóng.

“Con thú yêu thích của chú là gì, hả chú?” John hỏi, và Adam đáp, “Bồ nông.”

“Bồ nông là gì?” cậu nhóc hỏi, và Yudhi chen vào nói, “Cậu không biết bồ nông là gì à? Cậu phải về nhà và hỏi bố chuyện đó đi. Bọn bồ nông *tuyệt lắm!*”

Rồi John, cậu bé gần như người Mỹ, quay qua nói gì đó bằng tiếng Indonesia với cô bé Tutti (có lẽ hỏi cô bé con bồ nông là gì) khi Tutti ngồi trong lòng Felipe đang cố đọc thiệp sinh nhật của tôi, còn Felipe nói tiếng Pháp rất tuyệt với một quý ông về hưu ở Paris đến chỗ Wayan để điều trị thận. Trong lúc đó, Wayan đã bật radio lên và Kenny Rogers đang hát “Coward of the County”. Ba cô gái Nhật tình cờ lang thang vào cửa hiệu xem họ có thể được xoa bóp chữa bệnh không. Khi tôi đang cố thuyết phục mấy cô gái Nhật ăn chút bánh sinh nhật của mình, hai cô bé mồ côi – Ketut Lớn và Ketut Nhỏ - đang trang điểm mái tóc tôi bằng những cái kẹp dát khổng lồ chúng đã dành dụm tất cả tiền để mua làm quà cho tôi. Cháu trai cháu gái của Wayan, những vũ công thiếu nhi của đền thờ, những đứa con của nông dân trồng lúa, ngồi thật yên, nhìn chăm chăm tư lự xuống sàn, mặc toàn vàng như những vị thần thu nhỏ; chúng tắm đắm trong căn phòng một sự thần thánh từ thế giới nào khác và kỳ lạ. Bên ngoài, những con gà trống bắt đầu gáy, dù trời vẫn chưa tối, cũng chưa chạng vạng. Trang phục Bali truyền thống của tôi siết tôi như một vòng ôm mãnh liệt, và tôi đang cảm thấy như nhất định là một tiệc sinh nhật lạ lùng nhất – nhưng có lẽ cũng là hạnh phúc nhất – tôi từng trải qua trong cả đời mình.

Nhưng, Wayan cần mua một căn nhà, và tôi bắt đầu lo là chuyện đó không xảy ra. Tôi không hiểu tại sao nó chưa diễn ra, nhưng nó tuyệt đối phải xảy ra. Felipe và tôi giờ đã can thiệp. Chúng tôi tìm ra một người trong ngành địa ốc có thể dẫn chúng tôi đi quanh và chỉ cho chúng tôi nhà đất, nhưng Wayan không thích bất kỳ thứ gì chúng tôi chỉ cho cô. Tôi cứ nói cô, “Wayan, điều quan trọng là chúng ta phải mua *cái gì đó*. Tôi sẽ rời đây vào tháng Chín, và tôi cần để bạn bè mình biết trước khi đi là tiền của họ thực sự đã biến thành một căn nhà cho chị. Và chị cần phải có một mái nhà trên đầu trước khi chị bị đuổi ra khỏi nhà.”

“Mua đất ở Bali không dễ vậy,” cô cứ bảo tôi. “Không như bước vào quán rượu và mua một chai bia. Có thể mất nhiều thời gian.”

“Mình không có nhiều thời gian, Wayan.”

Cô chỉ nhún vai, và tôi nhớ lại khái niệm “thời gian cao su của Bali, có nghĩa thời gian là một ý niệm rất tương đối và đàn hồi. “Bốn tuần” đối với Wayan không thật sự có nghĩa như nó đối với tôi. Một ngày đối với Wayan cũng không nhất thiết gồm hai mươi bốn giờ; đôi khi dài hơn, đôi khi ngắn hơn, tùy vào trạng thái tinh thần và cảm xúc của ngày đó. Cũng như với ông thầy mo của tôi và tuổi tác bí ẩn của ông, đôi khi ta đếm ngày tháng, đôi khi ta cân chúng.

Trong lúc ấy, hóa ra tôi đã hoàn toàn không đánh giá đúng mua một căn nhà ở Bali đắt ra sao. Vì tất cả mọi thứ ở đây đều rất rẻ, ta có thể cho là đất cũng được đánh giá thấp, nhưng đó là một giả định sai lầm. Mua đất ở Bali – nhất là ở Ubud – có thể gần như đắt ngang mua đất ở Quận Westchester, Tokyo, hay ở Rodeo Drive. Mà điều này hoàn toàn không logic vì một khi sở hữu tài sản rồi ta không thể thu hồi tiền từ nó theo bất kỳ cách hợp lý thông thường nào. Ta có thể trả khoảng 25.000 đôla Mỹ cho một *aro* đất (một *aro* là phép đo lường đất dịch ra tiếng Anh phỏng chừng là, “Lớn hơn chỗ đậu xe của một chiếc xe kiểu thể thao một chút”), và rồi ta có thể xây một cửa hiệu nhỏ ở đó để bán một chiếc xà rồng in hoa batic cho một khách du lịch mỗi ngày trong cả phần đời còn lại, lấy lời khoảng bảy mươi lăm xu một lần. Điều đó thật vô nghĩa.

Nhưng người Bali đánh giá đất của họ với một đam mê vượt ra ngoài tầm ý nghĩa kinh tế. Vì theo truyền thống sở hữu đất là sở hữu duy nhất mà người Bali xem là hợp pháp, tài sản này được đánh giá như cách người Masai đánh giá gia súc như cô cháu gái năm tuổi của tôi đánh giá son môi bóng: cụ thể là, ta không thể có đủ nó, là một khi ta đã đòi được nó ta sẽ không bao giờ buông nó ra, và tất cả thứ đó trên đời phải thuộc về ta một cách đúng đắn.

Hơn nữa – như tôi đã khám phá trong suốt tháng Tám, trong cuộc hành trình ở Narnia của mình vào những rối rắm của địa ốc Indonesia – gần như không thể biết được miếng đất nào thật sự là để bán quanh đây. Những người bán đất ở Bali thường không thích người khác biết đất của họ là để bán. Ta có thể nghĩ quảng cáo việc bán đất là một điều lợi, nhưng người Bali không nghĩ theo cách đó. Nếu ta là một nông dân Bali và ta bán đất của ta, có nghĩa là ta đang thiết tha muốn có tiền mặt, và điều đó thật sỉ nhục. Ngoài ra, nếu hàng xóm ta và gia đình biết được là ta thực sự đã bán miếng đất nào đó, họ sẽ cho là ta có ít tiền, và tất cả mọi người sẽ hỏi xem họ có thể mượn tiền đó không. Nên thông tin về đất trong tình trạng

để bán chỉ được phát tán bằng... tin đồn. Và tất cả những vụ mua bán đất này được thực hiện dưới một bức màn bí mật và lừa dối kỳ lạ.

Những người nước ngoài phương Tây quanh đây – nghe tin tôi đang cố mua đất cho Wayan – bắt đầu tụ tập quanh tôi, kể những câu chuyện cảnh giác dựa trên kinh nghiệm ác mộng của họ. Họ cảnh cáo tôi là cô có thể không bao giờ thật sự biết chắc điều gì đang xảy ra khi đụng tới bất động sản quanh đây. Miếng đất ta đang “mua” có thể không thật sự “thuộc về” người đang “bán”. Gã đã chỉ cho ta miếng đất thậm chí có thể không phải là chủ sở hữu, mà chỉ là một đứa cháu bất mãn của người chủ, đang cố lừa gạt ông cậu vì một tranh chấp gia đình xa xưa nào đó. Đừng chờ đợi những ranh giới đất có lúc nào đó phân minh. Miếng đất ta mua cho ngôi nhà mơ ước của mình có thể về sau bị tuyên bố là “quá gần một ngôi đền” không thể cấp phép xây dựng (và thật khó tìm thấy một miếng đất không quá gần một ngôi đền trong đất nước nhỏ với khoảng 20.000 ngôi đền này).

Ta cũng phải tính đến chuyện ta hoàn toàn có thể đang sống trên dốc một ngọn núi lửa và ta cũng có thể đang đứng giữa vách đường đứt gãy nữa. Và cũng không chỉ là một vách đường đứt gãy địa chất. Dù có vẻ điển viên thôn dã như Bali – những kẻ khôn ngoan ghi nhớ là, thật ra, Indonesia – quốc gia đạo Hồi lớn nhất trên thế giới – không ổn định ngay từ trong ruột của nó, tham nhũng từ những vị bộ trưởng công lý cao nhất xuống đến gã bom xăng cho ta (và là người đang chỉ giả vờ đổ đầy). Một kiểu cách mạng nào đó luôn có thể xảy ra ở đây vào bất cứ giây phút nào, và tất cả tài sản của ta có thể bị những người chiến thắng thu hồi. Có lẽ bằng cách chĩa súng vào ta.

Thương lượng tất cả vụ việc mưu mẹo này không phải là cái gì đó tôi có khả năng để làm. Tôi muốn nói – tôi đã trải qua một quá trình ly dị ở bang New York và tất cả mọi thứ, nhưng đây lại hoàn toàn là một trang khác của Kafka. Trong lúc chờ đợi, 18.000 đôla của tôi, gia đình và bạn bè thân thiết quyên góp đang nằm trong tài khoản ngân hàng của Wayan, quy đổi thành đồng rupiah của Indonesia – một loại tiền tệ có lịch sử phá sản không báo trước và rất dễ bốc hơi. Và Wayan sẽ bị trục xuất khỏi cửa hiệu vào tháng Chín, cùng khoảng thời gian tôi rời đất nước này. Là chỉ trong ba tuần nữa.

Mà hóa ra để Wayan tìm ra miếng đất cô xem là thích hợp cho một căn nhà gần như không thể. Chưa nói tất cả các cân nhắc thực tế, cô phải xem xét *taksu* – linh khí – của mỗi nơi. Là một người chữa bệnh, khả năng phán đoán của Wayan về *taksu*, ngay cả theo tiêu chuẩn Bali, là cực kỳ chính xác. Tôi đã tìm thấy một nơi tôi tưởng là hoàn hảo, nhưng Wayan nói chỗ đó bị những con quỷ giận dữ chiếm giữ. Miếng đất tiếp theo cũng bị từ chối vì nó quá gần một con sông, mà như mọi người biết là nơi ma quỷ sống. (Đêm sau khi cô thấy miếng đất đó, Wayan nói, cô mơ thấy một người đàn bà đẹp áo quần tả tơi, khóc lóc, và đủ rồi – chúng ta không thể mua miếng đất này.) Và rồi chúng tôi tìm thấy một cửa hiệu nhỏ dễ thương gần thị trấn, với một cái sân sau và đủ mọi thứ khác, nhưng nó lại nằm ở một góc, và chỉ có ai muốn phá sản hay chết yểu mới sống trong một căn nhà nằm trong góc. Như mọi người đều biết.

“Đừng nghĩ đến chuyện bàn với cô ấy về điều đó,” Felipe khuyên tôi. “Tin anh đi, em yêu. Đừng chen vào giữa người Bali và *taksu*.”

Rồi tuần trước Felipe tìm thấy một nơi có vẻ rất khớp với các tiêu chí – một mảnh đất nhỏ xinh xắn, gần trung tâm Ubud, trên một con đường yên tĩnh, gần một cánh đồng lúa, nhiều

không gian để làm vườn và khá vừa vặn với ngân sách của chúng tôi. Khi tôi hỏi Wayan, “Chúng ta sẽ mua nó chứ?” cô đáp, “Chưa biết nữa, Liz à. Không thể quá nhanh vậy để quyết định những chuyện thế này. Tôi cần nói chuyện với một thầy tu đã.”

Cô giải thích là cô sẽ cầu xin ý kiến một thầy tu để tìm ra một ngày lành mua miếng đất, nếu cô phải quyết định mua nó. Vì ở Bali không thể tiến hành điều gì quan trọng trước khi người ta chọn được một ngày tốt. Nhưng cô thậm chí không thể hỏi ông thầy tu ngày tốt để mua miếng đất chừng nào cô chưa quyết định mình có thật sự muốn sống ở đó không. Đây là một cam kết cô từ chối thực hiện cho đến khi cô có một giấc mơ tốt lành. Biết những ngày của mình ở đây sắp hết, tôi hỏi Wayan, như một người New York thật sự. “Nhanh nữa không chị mới có thể thu xếp được một giấc mơ tốt lành?”

Wayan đáp, như một người Bali thực thụ, “Chuyện này không thể thúc hối được.” Dù, cô thì thầm, có lẽ sẽ có ích nếu cô có thể đến một trong những ngôi đền lớn ở Bali với một món cúng dường, và cầu nguyện các thần linh cho cô một giấc mơ tốt lành...

“Thôi được,” tôi nói. “Ngày mai Felipe có thể chở chị đến ngôi đền lớn, chị có thể cúng và xin các vị thần cho chị một giấc mơ tốt lành.”

Wayan muốn vậy lắm, cô nói. Đó là một ý kiến hay. Chỉ có mỗi một vấn đề. Cô không được phép vào bất kỳ ngôi đền nào trong cả tuần này.

Vì cô đang... có kinh.

Có lẽ tôi đang không giải thích rõ ràng được mọi chuyện này buồn cười ra sao. Thật vậy, quả là kỳ cục và tức cười khi cố hình dung ra tất cả chuyện này. Hay có lẽ chỉ là tôi đang thưởng thức khoảnh khắc siêu thực này trong đời mình thật nhiều vì tôi thế nào lại đang yêu, và điều đó luôn khiến thế gian có vẻ vui thú, bất kể hiện thực của ta điên rồ ra sao.

Tôi luôn thích Felipe. Nhưng có cái gì đó trong cách anh đảm nhiệm Câu chuyện Nhà Wayan đã đưa chúng tôi lại với nhau như một cặp thực thụ trong tháng Tám. Chuyện xảy ra cho nữ thầy thuốc Bali không bình thường này dĩ nhiên chẳng liên quan gì đến anh. Anh là một doanh nhân. Anh đã xoay xở để sống được ở Bali trong năm năm mà không bận vào những đòi tư và nghi thức phức tạp của người Bali, nhưng bỗng dưng giờ anh lại cùng tôi lặn lội khắp những đồng lúa bùn sinh và cố tìm một tu sĩ sẽ cho Wayan một ngày lành...

“Anh đã hạnh phúc một cách hoàn hảo trong cuộc sống chán ngán của mình trước khi em đến với anh,” anh luôn nói.

Trước đây anh đã rất chán nản ở Bali. Anh uể oải và giết thời gian, một nhân vật trong tiểu thuyết của Graham Greene. Sự biếng nhác ấy ngừng lại vào giây phút chúng tôi biết nhau. Giờ thì khi chúng tôi cùng nhau, tôi bắt đầu nghe thấy câu chuyện Felipe kể chúng tôi đã gặp nhau ra sao, một câu chuyện ngon lành tôi chưa bao giờ chán nghe – anh thấy tôi ở buổi tiệc đêm đó ra sao, đứng xoay lưng lại phía anh, và tôi thậm chí không cần quay đầu và cho anh thấy gương mặt tôi trước khi anh nhận ra đâu đó sâu thẳm trong lòng là, “Đây là người phụ nữ của mình. Mình phải làm tất cả mọi thứ để có người phụ nữ này.”

“Và có được em thật dễ,” anh nói. “Tất cả những gì anh phải làm là cầu xin và khẩn khoản nhiều tuần lễ.”

“Anh đâu có cầu xin và khẩn khoản.”

“Em không nhận thấy anh cầu xin và khẩn khoản à?”

Anh nói về chuyện chúng tôi đi nhảy ra sao đêm đầu tiên gặp nhau, và anh đã nhìn tôi hoàn toàn bị cuốn hút vào cái anh chàng Welsh đẹp trai đó ra sao, và trái tim anh trĩu nặng ra sao khi thấy cảnh đó diễn ra, nghĩ rằng, “Mình đã bỏ hết công sức để quyến rũ phụ nữ này, và giờ gã trẻ trung đẹp trai đó sắp sửa lấy cô ấy từ mình và đem đủ thứ rắc rối vào đời cô ấy – giá cô ấy biết được mình có thể dâng hiến tình yêu nhiều thế nào cho cô ấy.”

Điều đó anh *có thể*. Bản tính anh là người chăm sóc, và tôi có thể cảm thấy anh đang đi vào một kiểu quỹ đạo quanh tôi, biến tôi thành bối cảnh định hướng chính cho la bàn của anh, chuyển thành vai trò là hiệp sĩ cận vệ của tôi. Felipe là kiểu đàn ông tha thiết cần một phụ nữ trong đời mình – nhưng không phải để được chăm sóc; mà chỉ để anh có thể có ai đó để chăm chút, ai đó để anh hiến dâng bản thân mình. Sau khi sống mà không có một mối quan hệ như vậy từ khi hôn nhân kết thúc, thời kỳ gần đây anh đã trôi dạt trong cuộc đời, nhưng giờ anh đang định hình lại mình quanh tôi. Được đối xử theo kiểu như thế thì thật là dễ thương. Nhưng điều đó cũng làm tôi sợ. Đôi khi tôi nghe thấy anh ở dưới lầu làm bữa tối cho tôi khi tôi đang nằm dài trên lầu đọc sách, và anh huýt sáo một điệu samba Brazil nào

đó, gọi với lên, “Em yêu – em có muốn một ly rượu nữa không?” và tôi tự hỏi liệu tôi có thể là mặt trời của ai đó, là tất cả của ai đó không. Giờ tôi có đủ tự tin để là trung tâm trong đời một ai khác không? Nhưng khi cuối cùng tôi nêu đề tài đó ra với anh một tối, anh nói, “Anh có yêu cầu em là người đó không, em yêu? Anh có yêu cầu em làm trung tâm của đời anh không?”

Ngay lập tức tôi thấy xấu hổ vì sự hão huyền của mình, vì đã cho là anh muốn tôi ở với anh mãi mãi để anh có thể nuông chiều những ý muốn bất chợt của tôi đến cuối đời.

“Em xin lỗi,” tôi nói. “Điều đó có chút kiêu ngạo, phải không?”

“Một chút,” anh thừa nhận, rồi hôn tai tôi, “Nhưng không nhiều lắm, thật đấy. Em yêu, dĩ nhiên đó là một điều chúng ta phải thảo luận vì đây là sự thật – anh yêu em điên khùng.” Tôi tự nhiên trắng bệch ra, và anh đùa rất nhanh, cố trấn an. “Anh muốn nói điều đó theo cách hoàn toàn giả thuyết, dĩ nhiên.” Nhưng rồi anh nói hoàn toàn nghiêm túc, “Nghe này, anh đã năm mươi hai tuổi. Hãy tin anh, anh đã biết thế giới này ra sao. Anh nhận ra em vẫn không yêu anh như anh yêu em, nhưng sự thật là anh không thực sự quan tâm. Vì lý do nào đó, anh cảm nhận về em cũng như anh cảm nhận về bọn trẻ của anh khi chúng còn nhỏ - yêu anh không phải là việc của chúng, mà yêu chúng là việc của anh. Em có thể quyết định tình cảm của em như em muốn, nhưng anh yêu em và anh sẽ mãi yêu em. Ngay cả nếu mình sẽ không bao giờ gặp lại nữa, em đã mang anh trở lại cuộc đời, và điều đó đã là rất nhiều. Và dĩ nhiên, anh muốn chia sẻ cuộc đời với em. Vấn đề duy nhất là, anh không chắc anh có thể cho em cuộc đời ra sao ở Bali.”

Tôi cũng đã có điều lo nghĩ này. Tôi đã nhìn ngắm cái xã hội người nước ngoài ở Ubud, và tôi biết một sự thật vững như bàn thạch là đây không phải là cuộc sống dành cho tôi. Khắp nơi trong cái thị trấn này ta thấy cùng một kiểu tính cách – những người Tây phương đã bị cuộc đời ngược đãi và xé tả tơi đến nỗi họ buông toan bộ cố gắng và quyết định hạ trại tại Bali này vô thời hạn, nơi họ có thể sống trong một căn nhà lộng lẫy chỉ với 200 đôla mỗi tháng, có thể chọn một người đàn ông hay đàn bà Bali trẻ làm bầu bạn, nơi họ có thể uống rượu trước buổi trưa mà không trở nên đồ ỉn vì nó, nơi họ có thể làm ra ít tiền bằng cách xuất khẩu một chút đồ dùng trong nhà cho ai đó. Nhưng nói chung, điều họ đang làm ở đây chỉ là lo liệu sao cho không bao giờ bị đòi hỏi một điều gì nghiêm túc nữa. Họ không phải là những kẻ vô công rồi nghề, xin bạn nhớ kỹ. Đây là những người đẳng cấp rất cao, đa quốc gia, tài năng và thông minh. Nhưng tôi thấy hình như mọi người mình gặp ở đây đều đã từng là cái gì đó (nói chung là “đã lập gia đình” hay “đã có việc”); giờ tất cả họ cùng giống nhau ở sự vắng bóng của một thứ họ hình như đã từ bỏ hoàn toàn và mãi mãi: *tham vọng*. Khỏi cần phải nói, ở đây người ta uống rất nhiều.

Dĩ nhiên, thị trấn Ubud quý giá của Bali không phải là một nơi quá tồi tệ để tiêu phí cuộc đời mình, không màng đến ngày tháng trôi qua. Tôi cho là theo cách đó nó tương tự những nơi như Key West, Florida, hay Oaxaca, Mexico. Hầu hết người nước ngoài sống ở Ubud, khi ta hỏi họ đã sống ở đây bao lâu rồi, đều không thật sự biết rõ. Đầu tiên, họ không thật sự rõ bao nhiêu thời gian đã trôi qua từ khi họ chuyển đến Bali. Nhưng một điều nữa, giống như họ không thật sự chắc là họ có thật sự sống ở đây không. Họ chẳng thuộc về đâu, không neo lại. Một số người trong họ thích tưởng tượng là họ chỉ la cà trong chốc lát, chỉ để máy xe

chạy không ở chỗ đèn giao thông, chờ tín hiệu thay đổi. Nhưng sau mười bảy năm như thế ta bắt đầu tự hỏi... có ai đó ra đi không?

Có nhiều thứ để thưởng thức trong vòng bầu bạn lười biếng của họ, trong những chiều Chủ nhật dài chỉ ăn bữa lỡ, uống sâm banh và tán chuyện vớ vẩn. Nhưng, khi ở quanh cảnh này cảm thấy có chút như Dorothy trong những cánh đồng thuốc phiện xứ Oz. *Cẩn thận nhé! Đừng ngủ thiếp đi trong đồng cỏ thuốc mê này, nếu không ta có thể ngủ thiếp suốt phần đời còn lại của mình ở đây!*

Vậy chuyện giữa tôi và Felipe sẽ ra sao? Giờ thì dường như đang là một “tôi và Felipe”? Không lâu trước đây anh bảo tôi, “Đôi khi anh ước em là một cô gái nhỏ đi lạc và anh có thể bế bổng em lên mà nói, ‘Hãy đến và sống với anh đi, để anh chăm sóc em mãi mãi.’” Nhưng em không phải là một cô gái nhỏ đi lạc. Em là một phụ nữ có sự nghiệp, có tham vọng. Em là một con ốc sên hoàn hảo: em có thể mang nhà của em trên lưng. Em nên bám chặt vào tự do đó càng lâu càng tốt. Nhưng tất cả những gì anh đang nói đây là – nếu em muốn người đàn ông Brazil này, em có thể có anh ta. Anh đã là của em rồi.”

Tôi không rõ mình muốn gì. Tôi biết rõ là có một phần trong tôi luôn muốn nghe một người đàn ông nói, “Để anh chăm sóc em mãi mãi.” Và tôi chưa từng được nghe điều đó trước đây. Trong vài năm qua, tôi đã từ bỏ việc tìm kiếm con người đó, học cách nói câu khích lệ này với chính mình, nhất là những lúc sợ hãi. Nhưng giờ đây để nghe nó từ một ai đó, từ ai đó đang nói ra một cách chân thành...

Tôi đã nghĩ về tất cả những điều này tối qua sau khi Felipe ngủ thiếp đi, và tôi cuộn tròn bên cạnh anh, tự hỏi chúng tôi sẽ ra sao. Tương lai có thể là gì? Còn vấn đề địa lý giữa chúng tôi – chúng tôi sẽ ở đâu? Rồi còn sự khác biệt tuổi tác để xem xét. Nhưng, khi mới đây thôi tôi gọi cho mẹ để kể cho mẹ nghe mình đã gặp một người đàn ông thật sự tử tế, nhưng, chuẩn bị nghe nè, mẹ! – “anh ấy đã năm mươi hai tuổi,” mẹ đã hoàn toàn không bối rối. Mẹ chỉ nói, “Thôi được, mẹ có tin cho con đây, Liz. Con đã ba mươi lăm tuổi rồi.” (Đúng đấy, mẹ. Con may mắn khi có được *bất kỳ ai* ở cái tuổi héo tàn đó). Dù sao, thật ra, tôi cũng không thật sự bận tâm đến khác biệt về tuổi tác. Tôi thực sự thích là Felipe lớn tuổi hơn rất nhiều. Tôi nghĩ điều đó thật gọi tình. Khiến tôi cảm thấy gần như... *người Pháp*.

Chuyện gì sẽ xảy ra với chúng tôi?

Nhân tiện, tại sao tôi lo nghĩ về chuyện này?

Tôi vẫn chưa học được điều gì về tính vô ích của lo lắng?

Vậy là sau một lúc, tôi thôi nghĩ ngợi về tất cả những chuyện này và chỉ ôm anh khi anh ấy đang ngủ. *Tôi đang yêu người đàn ông này*. Rồi tôi ngủ thiếp đi cạnh anh và có hai giấc mơ đáng nhớ.

Cả hai đều về Sư phụ của tôi. Trong giấc mơ đầu tiên, Sư phụ tôi báo cho tôi biết bà đã đóng cửa Ashram và rằng bà sẽ không thuyết giảng, truyền đạo hay xuất bản sách nữa. Bà đã giảng cho môn đệ bài giảng cuối cùng, trong đó bà nói, “Các người đã có quá nhiều giáo huấn rồi. Các người đã được trao tất cả những gì các người cần để giải thoát. Đã đến lúc các người bước ra cuộc đời và sống một cuộc sống hạnh phúc.”

Giấc mơ thứ hai còn xác quyết hơn nữa. Tôi đang ăn trong một nhà hàng tuyệt vời thành phố New York với Felipe. Chúng tôi có một bữa tuyệt vời với sườn cừu, atisô và rượu ngon, và chúng tôi đang trò chuyện cười đùa vui vẻ. Tôi nhìn qua căn phòng và thấy Swamiji, thầy của Sư phụ tôi, mất từ năm 1982. Nhưng đêm đó ông vẫn còn sống, ngay trong nhà hàng New York thời thượng. Ông đang ăn tối với một nhóm bạn ông và dường như họ cũng đang vui vẻ cùng nhau. Mắt chúng tôi gặp nhau qua căn phòng, Swamiji cười với tôi và nâng ly rượu lên chúc mừng.

Và rồi – hoàn toàn rõ ràng – sư phụ người Ấn nhỏ nhắn lúc còn sống rất ít khi nói tiếng Anh này đã nói to một từ với tôi qua khoảng cách:

Vui vẻ.

Đã lâu rồi tôi không gặp Ketut Lier. Vì quan hệ của tôi với Felipe và cố gắng bảo đảm một căn nhà cho Wayan, những buổi chiều dài trò chuyện vu vơ về tâm linh trên hiên nhà ông thầy mo đã kết thúc từ lâu. Tôi có ghé nhà ông vài lần, chỉ để chào một tiếng và đưa một chút trái cây làm quà cho vợ ông, nhưng chúng tôi đã không có thời gian trọn vẹn với nhau từ hồi tháng Sáu. Dù sao, mỗi khi tôi cố xin lỗi Ketut vì sự vắng mặt của mình, ông cười như một người đàn ông đã được thấy những câu trả lời cho mỗi thắc nghiệm trong vũ trụ và nói, “Mọi chuyện đều diễn ra hoàn hảo, Liss.”

Tuy vậy tôi nhớ ông già, vậy là sáng nay tôi ghé để ngồi chơi với ông. Ông cười rạng rỡ với tôi như mọi khi và nói, “Tôi rất hân hạnh được biết cô!” (Tôi không bao giờ có thể làm ông bỏ được thói quen đó.)

“Tôi cũng vui được gặp ông, Ketut.”

“Cô sắp đi rồi phải không, Liss?”

“Đúng, Ketut. Chỉ chưa đầy hai tuần nữa. Vậy nên hôm nay tôi muốn đến. Tôi muốn cảm ơn ông vì tất cả những gì ông đã cho tôi. Nếu không nhờ ông, tôi đã không bao giờ trở lại Bali.”

“Cô đã luôn luôn trở lại Bali,” ông nói không nghi ngờ hay cường điệu. “Cô vẫn thiện với bốn anh em trai như tôi dạy cô chứ?”

“Có.”

“Cô vẫn thiện như Sư phụ cô ở Ấn Độ dạy chứ?”

“Có.”

“Cô có nằm mơ dữ nữa không?”

“Không.”

“Giờ cô hạnh phúc với Thượng Đế chứ?”

“Rất hạnh phúc.”

“Cô yêu bạn trai mới chứ?”

“Tôi cho là vậy. Có.”

“Vậy là cô phải làm hư anh ta. Và anh ta phải làm hư cô.”

“Được,” tôi hứa.

“Cô là một người bạn tốt của tôi. Tốt hơn cả bạn. Cô như con gái tôi,” ông nói. (*Không như Sharon...*) “Khi tôi chết, cô sẽ trở lại Bali, đến lễ hỏa táng của tôi. Lễ hỏa táng Bali rất vui – cô sẽ thích nó.”

“Đồng ý,” tôi lại hứa, giờ thì hoàn toàn ghen ngào.

“Hãy để lương tâm cô dẫn dắt cô. Nếu cô có bạn phương Tây tới thăm Bali, dẫn họ đến đây tôi xem tướng tay. Tôi đang rất trống trải trong ngân hàng từ dạo trái bom. Cô muốn đi với tôi đến một nghi lễ trẻ con hôm nay không?”

Và thế là cuối cùng tôi đã tham dự một lễ chúc phúc cho một đứa bé đã được sáu tháng tuổi, và giờ đã sẵn sàng chạm mặt đất lần đầu tiên. Người Bali không để con họ chạm mặt đất trong sáu tháng đầu đời, vì trẻ sơ sinh được xem là các vị thần được gửi xuống trực tiếp từ trời, và ta không thể để một vị thần bò quanh nhà đầy vẩy móng chân cắt ra và tàn thuốc. Nên trẻ con Bali được ẵm suốt sáu tháng đó, được tôn sùng như một vị thần nhỏ. Nếu một đứa bé chết trước khi được sáu tháng tuổi, nó sẽ có một nghi lễ hỏa táng đặc biệt và tro không được đặt trong nghĩa địa của người vì sinh thể này chưa từng là con người; nó chỉ mãi là một vị thần. Nhưng nếu đứa bé sống đến sáu tháng, một nghi lễ lớn sẽ được tổ chức và cuối cùng thì người ta cho phép trẻ chạm chân xuống mặt đất và giờ thì Người Con được chào đón đến với loài người.

Nghi lễ hôm na được tổ chức ở nhà một hàng xóm của Ketut. Đứa bé là con gái, đã được đặt tên riêng là Putu. Mẹ bé là một thanh nữ xinh đẹp, và bố bé, một chàng thanh niên cũng đẹp như vậy, là cháu trai của em họ Ketut, hay đại loại thế. Ketut mặc bộ đồ đẹp nhất của ông đến tham gia sự kiện này – một cái xà rồng xa tanh trắng (tô điểm vàng ròng) và một cái áo vest trắng, tay dài cài nút vàng và cổ áo kiểu Nehru, nó khiến ông trông khá giống một người phục vụ trên xe lửa hay phục vụ bàn ăn của một khách sạn sang trọng. Ông đội một cái khăn xếp trắng quanh đầu. Hai tay ông, ông hãnh diện khoe tôi, đeo đầy những chiếc nhẫn vàng khổng lồ và đá ma thuật. Khoảng bảy chiếc cả thảy. Tất cả đều có những năng lực thiêng liêng. Ông có cái chuông đồng thau lóng lánh của mình để gọi hồn, và ông muốn tôi chụp thật nhiều hình ông.

Chúng tôi cùng đến khu hàng xóm của ông. Khoảng cách khá xa và chúng tôi phải đi bộ trên con đường cái tấp nập một lúc. Tôi đã ở Bali gần bốn tháng rồi, và trước đây chưa bao giờ thấy Ketut rời khu nhà của mình. Thật bối rối khi nhìn ông bước xuống đường quốc lộ giữa đám ô tô phóng vun vút và những chiếc xe máy lao bạt mạng. Ông có vẻ nhỏ bé và dễ tổn thương biết bao. Ông trông rất *lạc lõng* trong khung cảnh giao thông và tiếng còi xe huyền não này. Điều đó làm tôi muốn khóc, không hiểu sao, nhưng dù sao hôm nay tôi cũng cảm thấy hơi dễ mũi lòng hơn một chút.

Khi chúng tôi đến, trong nhà người hàng xóm đã có khoảng bốn mươi khách rồi, đồ cúng chất cao trên bàn thờ gia đình – hàng đồng giỏ đan bằng lá cọ đầy gạo, hoa, nhang, heo quay, ít ngỗng và gà đã làm thịt, dừa và những tờ tiền bay nhẹ nhàng trong làn gió. Mọi người đều đã vận đồ lụa và ren trang nhã nhất của mình. Tôi ăn mặc xuềnh xoàng, toát mồ hôi vì đập xe, không tự nhiên trong chiếc áo nhàu giữa tất cả cái đẹp này. Nhưng tôi được mọi người tiếp đón đúng như ta muốn được như vậy nếu ta là một đứa con gái da trắng ăn mặc không phù hợp và không được mời mà lạc vào. Mọi người cười với tôi rất nồng nhiệt, rồi không để ý tôi nữa và bắt đầu phần của buổi tiệc khi tất cả ngồi trầm trồ trang phục của nhau.

Nghi lễ diễn ra hàng giờ, Ketut hành lễ. Chỉ một nhà dân tộc học với một đội phiên dịch viên mới có thể nói cho ta biết tất cả những điều đang diễn ra, nhưng một ít nghi thức thì tôi hiểu, nhờ Ketut giải thích và các sách tôi đã đọc. Trong lượt ban phước đầu tiên người bố bồng đứa bé và người mẹ cầm một hình nộm của đứa bé – một trái dừa bọc tã trông giống

như một bé sơ sinh. Người ta làm phúc và té nước thiêng vào trái dừa này như vào bé thật, rồi đặt lên mặt đất ngay trước khi đứa bé chạm chân lên mặt đất lần đầu tiên để đánh lừa ma quỷ, nó sẽ tấn công đứa bé hình nộm và để đứa bé thật được yên.

Nhưng còn hàng giờ tụng niệm trước khi đứa bé thật có thể chạm chân lên đất. Ketut rung chuông và đọc chú không dứt, còn cặp bố mẹ trẻ rạng rỡ vì vui sướng và tự hào. Khách khứa đến rồi đi, loanh quanh, tán gẫu, xem nghi lễ một lúc, dâng quà và rồi ra về để đến cuộc hẹn khác. Ngay giữa sự trang trọng mang tính nghi lễ này, tất cả lại bình thường đến kỳ lạ, gần như một sự kết hợp giữa buổi dã ngoại ngay trên sân nhà và buổi lễ nhà thờ Anh giáo. Câu thần chú Ketut đọc cho đứa bé thật ngọt ngào, nghe như một sự phối hợp của thiêng liêng và triu mến. Khi người mẹ bồng đứa bé, Ketut vẫy trước mặt bé những thức ăn làm mẫu, trái cây, hoa, nước, chuông, một cánh gà quay, một miếng thịt heo, một miếng dừa... Mỗi khi đưa lên một thứ mới ông lại hát cái gì đó về phía bé gái. Đứa bé cười và vỗ tay, Ketut cười và cứ hát tiếp.

Tôi tưởng tượng phiên dịch những lời ông thể này:

“Ô... bé cưng ơi, đây là gà quay cho con ăn! Một ngày nào đó con sẽ thích gà quay và chúng ta hy vọng con có nhiều gà quay! Ô... bé cưng ơi, đây là một khoanh cơm, cầu cho con luôn có tất cả những khoanh cơm con mong muốn, cầu cho lúa gạo đổ xuống cho con mãi mãi. Ô... bé nhỏ ơi, đây là một trái dừa, trông nó buồn cười không, một ngày nào đó con sẽ ăn rất nhiều dừa! Ô... bé cưng ơi, đây là gia đình con, con có thấy gia đình chịu đựng con đến thế nào không? Ô... bé cưng ơi, con là bảo vật của vũ trụ! Con là một học sinh điểm A cộng! Con là con thảo tuyệt vời của chúng ta! Con là một miếng mát tí^[47] ngớ ngẩn ngon tuyệt! Ô... bé xiu xiu ơi, con là Con Quỷ, con là tất cả của chúng ta...”

Mọi người được ban phúc không biết bao lần bằng những cánh hoa nhúng trong nước thiêng. Cả nhà lần lượt chuyển tay đứa bé, thủ thủ với bé trong khi Ketut đọc những câu thần chú cổ xưa. Họ còn để bố bồng bé một lúc nữa, dù tôi đang mặc quần jeans, tôi thầm thì lời chúc phúc của mình với bé khi mọi người đang hát, “Chúc may mắn,” tôi bảo bé. “Hãy can đảm.” Trời nóng sôi, ngay cả trong bóng râm. Người mẹ trẻ, mặc chiếc áo lót khêu gợi bên dưới chiếc áo đăng ten mỏng, đang toát mồ hôi. Người bố trẻ, dường như không biết biểu hiện gương mặt nào ngoài cười toe toét tự hào, cũng đang toát mồ hôi. Các cụ bà cũng quạt phành phạch, mệt mỏi, đứng lên, ngồi xuống, rối rít với những con heo quay cúng và đuối chó. Mọi người hoặc hứng thú, hoặc hờ hững, hoặc mệt, hoặc cười, sốt sắng. Nhưng Ketut và đứa bé dường như đang đắm mê trong trải nghiệm với nhau, người này bị thu hút vào sự chú tâm của người kia. Cả ngày đứa bé không rời mắt khỏi ông thầy mo già. Có ai đã từng nghe một đứa bé sáu tháng tuổi không khóc hay ầm ĩ hay ngủ mà chỉ nhìn ai đó tò mò trong bốn giờ liền dưới nắng không?

Ketut đã hoàn thành công việc của mình rất tốt, và đứa bé cũng vậy nữa. Bé hoàn toàn hiện diện cho lễ chuyển hóa của mình từ địa vị thần qua địa vị người. Bé đảm đương trách nhiệm của mình rất cừ, như đã là một cô gái Bali thực thụ rồi – đắm chìm trong nghi thức, tự tin với những niềm tin của mình, vâng thuận những đòi hỏi của nền văn hóa mình.

Vào cuối buổi tụng niệm, người ta quấn bé trong một tấm vải trắng sạch dài thông ra quá dưới hai chân bé bồng của bé, khiến bé trông trở nên dài hơn và cao quý – một người mới bước vào đời thực thụ. Ketut vẽ trên đáy một chén gốm bốn phương của vũ trụ, rót đầy

nước thiêng vào chén rồi đặt nó trên đất. Cái la bàn vẽ bằng tay này đánh dấu điểm thiêng liêng trên mặt đất cho bước chân đầu tiên của bé.

Rồi cả nhà tụ tập quanh đứa bé, gần như tất cả mọi người bỗng bé cùng một lúc, và - Ồ! Đây rồi! – họ nhẹ nhàng nhúng hai chân bé trong chén gồm đầy nước thiêng này, ngay trên hình vẽ ma thuật bao gồm cả vũ trụ, và rồi họ đặt lòng bàn chân bé lên đất lần đầu tiên. Khi họ lại nâng bé lên không trung, dấu chân ướt nhỏ in lại trên nền đất phía dưới bé, cuối cùng đã định hướng cho bé vào mạng lưới Bali rộng lớn này, xác định bé là ai bằng cách xác định bé ở đâu. Mọi người vỗ tay, vui mừng. Giờ thì cô bé tí xiu đã là một trong chúng ta rồi. Một con người – với tất cả rủi ro và phần khích sự hóa thân gây bối rối đó kéo theo.

Đứa bé nhìn lên, nhìn quanh và cười. Bé không còn là một vị thần nữa. Dường như bé không bận tâm. Bé chẳng hề sợ hãi. Bé có vẻ hoàn toàn mãn nguyện với mỗi quyết định của mình.

Vụ thương lượng của Wayan thất bại hoàn toàn. Miếng đất Felipe đã tìm thấy cho cô không mua được vì một lý do nào đó. Khi tôi hỏi Wayan có gì không ổn, tôi nhận được câu trả lời mơ hồ về một chứng thư đã mất; tôi không nghĩ có lúc nào đó mình được nghe câu chuyện thật. Chỉ một điều quan trọng là vụ thương lượng không thành. Tôi bắt đầu gần như lo hoảng về toàn bộ tình huống mua nhà này của Wayan. Tôi cố giải thích sự cấp bách của mình với cô, tôi nói, “Wayan – chỉ chưa đầy hai tuần nữa tôi phải rời Bali về Mỹ. Tôi không thể gặp bạn bè đã cho tôi tất cả tiền này và bảo họ chị vẫn chưa có một ngôi nhà.”

“Nhưng Liz à, nếu một nơi không có *taksu* tốt...”

Trong cuộc đời này tất cả mọi người có cảm nhận về tính cấp bách khác nhau.

Nhưng vài ngày sau Wayan gọi đến nhà Felipe, choáng váng. Cô đã tìm thấy một miếng đất khác, và miếng này thì cô thật sự thích. Một dải cánh đồng màu ngọc bích trên một con đường yên tĩnh, gần thị trấn. *Taksu* tốt lộ rõ khắp nơi đó. Wayan bảo chúng tôi miếng đất thuộc về một nông dân, một người bạn của cha cô, đang rất cần tiền mặt. Ông ta có tổng cộng bảy *aro* để bán, nhưng (vì cần tiền gấp) sẽ sẵn lòng bán cho cô chỉ hai *aro* cô có thể mua. Cô thích miếng đất này. Tôi thích miếng đất này. Felipe thích miếng đất này. Tutti – chạy khắp bãi cỏ, giang hai tay, một cô bé Julie Andrews Bali bé nhỏ - cũng thích nó.

“Mua đi,” tôi nói.

Nhưng vài ngày trôi qua, và cô cứ trì hoãn, “Chị có muốn sống ở đó hay không vậy?” tôi cứ hỏi.

Cô trù trù thêm, rồi đổi sang câu chuyện khác lần nữa. Sáng nay, cô nói người nông dân đó gọi báo cho cô ông không chắc ông có nên bán miếng đất chỉ hai *aro* cho cô không; thay vì vậy, ông có thể bán nguyên cả lô đất bảy *aro*... Chính vợ ông là vấn đề... Người nông dân bàn với vợ, xem vợ ông ta có đồng ý cắt miếng đất không...

Wayan nói, “Có lẽ nếu tôi có tiền...”

Lạy Chúa, cô ta muốn tôi nghĩ ra được số tiền để mua cả miếng đất. Ngay cả khi tôi đang cố choáng váng hình dung làm sao để huy động thêm 22.000 đôla, tôi bảo cô, “Wayan, tôi không thể làm được, tôi không có tiền. Chị có thể thương lượng với người nông dân không?”

Rồi Wayan, không hoàn toàn nhìn thẳng vào mắt tôi nữa, dệt nên một câu chuyện phức tạp. Cô bảo tôi mới đây cô đã tới chỗ một pháp sư, ông đã nhập định và bảo Wayan nhất định phải mua toàn bộ bảy *aro* này để làm một trung tâm chữa bệnh đàn hoàng... đây là định mệnh... và, dù sao, pháp sư ấy cũng nói nếu Wayan có thể có toàn bộ miếng đất, có lẽ một ngày nào đó cô có thể xây một khách sạn sang trọng đẹp để ở đó...

Một khách sạn sang trọng đẹp để ở?

À.

Đó là khi đột nhiên tôi ù tai và những con chim thôi hót, tôi có thể thấy môi Wayan mấp máy nhưng tôi không lắng nghe cô ấy nữa vì một ý nghĩ vừa mới xuất hiện, nguếch ngoác rành rành qua trí tôi: CÔ TA ĐANG LỪA MI ĐÓ, HÀNG TẠP HÓA!

Tôi đứng dậy, tạm biệt Wayan, lững thững về nhà và hỏi thẳng ý kiến Felipe, “Cô ấy đang lừa em phải không?”

Anh ấy chưa bao giờ bình luận về công chuyện của tôi với Wayan, không một lần nào.

“Em yêu,” anh nói chân thành. “*Tất nhiên* là cô ấy đang lừa em.”

Tim tôi rơi tòm xuống bao tử.

“Nhưng không phải chủ tâm,” anh mau mắn nói thêm, “Em phải hiểu cách nghĩ ở Bali. Đó là một cách sống ở đây, khi người ta cố moi được càng nhiều tiền từ khách tham quan càng tốt. Đó là cách người ta sống sót. Vậy nên giờ cô ta bịa ra vài câu chuyện về người nông dân. Em yêu, vì có bao giờ một người đàn ông Bali cần bàn với vợ ông ta trước khi thỏa thuận một việc làm ăn không? Nghe này – ông ta hết sức muốn bán cho cô ta một miếng đất nhỏ; ông ta đã nói ông sẽ bán. Nhưng cô ta muốn tất cả. Và cô ta muốn em mua nó cho cô ta.”

Tôi co rúm lại khi nghe điều ấy vì hai lý do. Đầu tiên, tôi ghét phải nghĩ Wayan đúng là như vậy. Thứ hai, tôi ghét những hàm ý văn hóa trong câu nói của anh, cái hơi hướng trong Điệp khúc của Đàn ông Da trắng Thực dân, cái lý lẽ trịch thượng “tất-cả-những-người-này-đều-như-thế.”

Nhưng Felipe không phải là thực dân; anh là một người Brazil. Anh giải thích, “Nghe này, anh lớn lên trong nghèo khổ ở Nam Mỹ. Em nghĩ anh không biết cái văn hóa của sự nghèo khổ kiểu này sao? Em đã cho Wayan nhiều tiền hơn cô ta từng thấy trong đời và giờ cô ta đang suy nghĩ điên khùng. Đối với cô ta, em là người hảo tâm màu nhiệm của cô ta và đây có lẽ là cơ hội cuối cùng cô ta có thể có. Nên cô ta muốn có được tất cả khi còn có thể trước khi em đi. Vì Chúa – bốn tháng trước người phụ nữ nghèo không có đủ tiền để mua bữa ăn trưa cho con mình và giờ thì cô ta muốn một *khách sạn*.”

“Em phải làm gì?”

“Đừng giận dữ vì điều đó, dù chuyện gì xảy ra. Nếu em trở nên giận dữ, em sẽ mất cô ta, và điều đó thật đáng tiếc vì cô ta là một người tuyệt vời và cô ta quý em. Đây là chiến thuật sống còn của cô ta, cứ hãy chấp nhận nó. Em không nên nghĩ cô ta không phải là một người tốt, hay là cô ta và bọn trẻ không thành thật cần sự giúp đỡ của em. Nhưng em không thể để cô ấy lợi dụng mình. Em yêu, anh đã thấy chuyện vậy lặp lại nhiều lần lắm rồi. Điều xảy ra với những người phương Tây sống lâu ngày ở đây là cuối cùng họ rơi vào một trong hai phe. Một nửa họ cứ đóng vai du khách, nói, “Ồ, những người Bali đáng yêu này, ngọt ngào quá, duyên dáng quá...” và bắt đầu bị lợi dụng tiền bạc như điên khùng. Nửa kia trở nên thất vọng vì cứ bị lợi dụng tiền bạc hoài, họ bắt đầu ghét người Bali. Và điều ấy thật đáng tiếc, vì lúc đó ta mất hết những người bạn tuyệt vời này.”

“Nhưng em nên làm gì đây?”

“Em cần lấy lại chút kiểm soát tình hình. Chơi ít trò với cô ta, như mấy trò cô ta đang chơi với em. Đe dọa cô ta bằng cái gì đó khiến cô ta phải hành động. Em sẽ cho cô ta một ân huệ; cô ta cần một ngôi nhà.”

“Em không muốn bày trò, Felipe.”

Anh hôn mái tóc tôi. “Vậy thì em sẽ không thể sống ở Bali, cưng à.”

Sáng hôm sau, tôi ngấm ngầm thực hiện kế hoạch của mình. Tôi không thể tin nổi – tôi đây, sau một năm học hỏi những đức hạnh và cố gắng tìm thấy một cuộc đời trung thực cho chính mình, lại sắp thuê dợt một trò nói dối rành rành. Tôi sắp nói láo với người mình yêu quý ở Bali, với một người đối với mình gần như một người chị, người đã lọc *thận* cho tôi. Lạy Chúa, tôi sắp nói dối mẹ của Tutti!

Tôi xuống phố, đến cửa hiệu Wayan. Wayan bước ra ôm tôi. Tôi giằng ra, vờ bực bội.

“Wayan,” tôi nói. “Mình cần nói chuyện. Tôi có một vấn đề nghiêm trọng.”

“Với Felipe à?”

“Không, với chị.”

Cô trông như sắp xỉu.

“Wayan,” tôi nói. “Bạn bè tôi ở Mỹ rất giận cô.”

“Giận tôi à? Tại sao, em yêu?”

“Vị bốn tháng trước, họ đã cho cô rất nhiều tiền để mua một căn nhà, và cô vẫn chưa mua căn nhà. Mỗi ngày, họ gửi email cho tôi hỏi, “Nhà Wayan đâu? Tiền tôi đâu?” giờ họ nghĩ cô ăn cắp tiền của họ, dùng vào việc khác.”

“Tôi không ăn cắp!”

“Wayan,” tôi nói. “Bạn bè tôi ở Mỹ nghĩ cô là... một đồ lừa đảo.”

Cô há hốc miệng như thể bị siết cổ họng. Trông cô có vẻ rất bị tổn thương, tôi do dự một chốc và sắp ôm ghì cô để trấn an rồi nói, “Không, không, không phải vậy đâu! Tôi bịa ra đó!” Nhưng, không, tôi phải chấm dứt chuyện này. Nhưng, Chúa ơi, cô ấy rõ ràng là đang lừa đảo. *Lừa đảo* là một từ về mặt cảm xúc có tác động với người Bali gần như nhiều hơn bất kỳ từ nào trong tiếng Anh. Đó là một trong những thứ tồi tệ nhất ta có thể gọi ai đó ở Bali – “đồ lừa đảo”. Trong nền văn hóa này, người ta lừa đảo nhau hàng tá lần trước bữa ăn sáng, nơi lừa đảo là một trò chơi, một nghệ thuật sống còn tuyệt vọng, nhưng thực sự gọi ai đó là đồ lừa đảo là một câu hỏi kinh khủng. Nó là cái gì đó mà nếu ở châu Âu xưa, chắc chắn ta sẽ có một cuộc đấu súng.

“Cưng ơi,” cô nói, mắt đẫm lệ. “Tôi không phải là đồ lừa đảo!”

“Tôi biết vậy, Wayan. Đây là lý do tôi bực bội. Tôi cố nói với bạn bè mình ở Mỹ là Wayan không phải là đồ lừa đảo, nhưng họ không tin tôi.”

Cô đặt bàn tay lên tay tôi. “Tôi xin lỗi đã đưa cô vào một tình thế khó khăn, cưng à.”

‘Wayan, đây là tình thế cực kỳ khó khăn. Bạn bè tôi nổi giận. Họ nói chị phải mua miếng đất nào đó trước khi tôi trở về Mỹ. Họ bảo tôi nếu chị không mua miếng đất trong tuần tới, thì tôi phải... *lấy lại tiền*.’

Giờ trông cô có vẻ sắp xỉu; trông cô như đang hấp hối. Tôi nửa cảm thấy như là sự cắn rứt lương tâm lớn nhất trong lịch sử, bịa chuyện với người phụ nữ tội nghiệp này, người – bên cạnh những điều khác – rõ ràng không nhận ra là tôi không còn có quyền lấy lại số tiền đó khỏi tài khoản ngân hàng của cô cũng như tôi không thể rút lại quyền công dân Indonesia của cô vậy. Nhưng làm sao cô có thể hiểu điều đó? Tôi đã làm cho tiền xuất hiện một cách kỳ lạ trong sổ ghi tiền gửi ngân hàng của cô ấy, phải không? Tôi không thể đơn giản là lấy nó đi sao?

“Cưng ơi,” cô nói, “tin tôi đi, giờ tôi sẽ tìm ra đất, đừng lo, tôi sẽ tìm ra đất rất nhanh. Xin đừng lo... có lẽ trong ba ngày tới chuyện này sẽ xong, tôi hứa.”

“Chị phải. Wayan,” tôi nói, với một sự trầm trọng không hoàn toàn là đóng kịch. Sự thật là, *cô ấy phải*. Con cô cần một căn nhà. Cô sắp bị đuổi ra khỏi nhà. Không có thời gian để làm trò lừa đảo.

Tôi nói, “Giờ tôi phải về nhà Felipe. Gọi cho tôi khi chị đã mua được cái gì đó.”

Rồi tôi đi khỏi nhà bạn mình, biết rằng cô ấy đang nhìn tôi nhưng nhất định không quay lại và nhìn cô. Suốt trên đường về nhà, tôi dâng lên Thượng Đế lời cầu nguyện kỳ cục nhất, “Hãy để việc cô ấy đang lừa con là sự thật.” Vì nếu cô ta không lừa đảo, nếu quả thật cô không thể tìm thấy cho một nơi để sống bất chấp khoản tiền mặt 18.000 đôla rót vào, thì có nghĩa chúng tôi đang thật sự gặp rắc rối to ở đây và tôi không biết người đàn bà này sẽ kéo bản thân ra khỏi cái nghèo như thế nào. Nhưng nếu là cô đang lừa đảo tôi, thì trong một nghĩa nào đó, đó là một tia hy vọng. Nó chứng tỏ cô có chút ít mưu chước, và suy cho cùng, cô ấy có thể ổn trong thế gian đổi thay này.

Tôi về nhà với Felipe, cảm thấy thật tệ. Tôi nói, “Giá mà Wayan biết em đang âm mưu quanh co ra sao sau lưng cô...”

“... âm mưu vì hạnh phúc và thành công của cô ta,” anh kết thúc câu cho tôi.

Bốn giờ sau – chỉ bốn giờ sau! – điện thoại nhà Felipe reo. Là Wayan. Cô hụt hơi. Cô muốn tôi biết công việc đã hoàn thành. Cô vừa mua hai *aro* đất của người nông dân (“Vợ” ông ta đột nhiên không có vẻ phiền chuyện cắt miếng đất nữa). Hóa ra, không cần bất cứ giấc mơ linh thiêng nào can thiệp của thầy tu hay kiểm nghiệm độ phát xạ của *taksu* nào. Wayan thậm chí đã có chứng nhận sở hữu rồi, ngay trong tay cô! Và đã được công chứng nữa! Ngoài ra, cô bảo đảm với tôi, cô đã đặt vật liệu xây dựng cho căn nhà và thợ sẽ bắt đầu xây vào tuần sau – trước khi tôi đi. Nên tôi có thể thấy công trình đang được xây dựng. Cô hy vọng tôi không giận cô. Cô muốn tôi biết là cô yêu quý tôi hơn yêu chính thân xác mình, hơn cuộc sống của chính mình, hơn cả thế gian này.

Tôi bảo cô tôi cũng yêu cô nữa. Và rằng tôi không thể chờ một ngày nào đó làm khách trong ngôi nhà mới xinh đẹp của cô. Và rằng tôi muốn một bản sao của giấy chứng nhận sở hữu đó.

Khi tôi rời điện thoại, Felipe nói, “Cô bé giỏi lắm.”

Tôi không biết anh muốn nói cô ta hay tôi. Nhưng anh mở một chai rượu và chúng tôi nâng ly chúc mừng cô bạn quý Wayan chủ đất Bali.

Rồi Felipe nói, “Giờ chúng ta có thể đi nghỉ mát được chưa?”

Nơi chúng tôi lần cuối cùng đến nghỉ mát là một đảo nhỏ gọi là Gili Meno, nằm cách bờ biển Lombok, là điểm dừng kế tiếp phía đông Bali trong quần đảo Indonesia rộng lớn và ngồn ngộn. Trước đây tôi đã từng đến Gili Meno rồi, và tôi muốn chỉ cho Felipe thấy, anh chưa từng đến đó.

Đảo Gili Meno là một trong những nơi quan trọng nhất trên thế giới đối với tôi. Tôi đã một mình đến đây hai năm trước khi ở Bali lần đầu tiên. Lúc đó tôi có công việc tạp chí, viết về các kỳ ẩn dật Yoga, và tôi vừa kết thúc hai tuần ở các lớp Yoga có khả năng phục hồi ghê gớm. Nhưng tôi đã quyết định kéo dài thời gian ở lại Indonesia sau khi công việc hoàn tất, vì tôi đã đi cả một đoạn đường dài để tới được châu Á. Điều tôi muốn làm, thực ra, là tìm thấy một nơi nào đó xa vắng và cho mình mười ngày ẩn dật tuyệt đối cô độc và tuyệt đối yên tĩnh.

Khi hồi tưởng lại bốn năm trôi qua từ lúc hôn nhân của mình bắt đầu tan rã và ngày cuối cùng tôi rời cũng được ly dị và tự do, tôi thấy một biên niên sử chi tiết nỗi đau hoàn toàn. Và giây phút tôi đến đảo nhỏ này hoàn toàn một mình chính là giây phút tồi tệ nhất của cả cuộc hành trình tối tăm ấy. Tới đáy của nỗi đau và phần giữa của nó. Tâm trí không vui của tôi là một chiến địa cho những ma quỷ giao tranh. Khi tôi quyết định dành mười ngày một mình trong yên tĩnh giữa một nơi đúng là xa xôi hẻo lánh, tôi đã bảo tất cả những phần còn bối rối và mâu thuẫn trong tôi một điều này, “Giờ tất cả chúng ta đang cùng nhau, mấy anh ơi, hoàn toàn một mình. Và chúng ta sẽ phải thực hiện một kiểu đàm phán nào đó để hòa thuận với nhau, nếu không tất cả sẽ cùng chết, sớm hay muộn.”

Có thể nghe có vẻ cứng rắn và tự tin, nhưng tôi cũng phải thú nhận điều này nữa – đi thuyền đến hòn đảo đó hoàn toàn một mình, tôi chưa từng kinh hãi đến thế trong đời. Tôi thậm chí không mang theo cuốn sách nào để đọc, chẳng có gì để sao nhãng mình. Chỉ có tôi và tâm trí tôi, sắp đối mặt nhau trên cánh đồng trống. Tôi nhớ hai chân mình rõ ràng run lên vì sợ. Rồi tôi đọc lại cho mình một trong những câu ưa thích của Sư phụ. “Sợ hãi à – ai quan tâm chứ?” và tôi xuống tàu một mình.

Tôi thuê một phòng nhỏ trên bãi biển với vài đôla một ngày rồi cầm miệng và thẻ không mở miệng cho đến khi điều gì đó trong tôi thay đổi. Đảo Gili Meno là sự thật tối hậu và là phiên tòa hòa giải của tôi. Tôi đã chọn chính nơi đây để làm việc này – rõ ràng như vậy. Hòn đảo này nhỏ, tinh khôi, cát, nước xanh, những cây cọ. Nó là một vòng tròn hoàn hảo với một con đường duy nhất đi quanh, và ta có thể đi bộ hết cả chu vi này trong khoảng một giờ. Nó nằm gần đúng trên đường xích đạo cho nên gần như có một sự cố định trong chu kỳ mỗi ngày của nó. Mặt trời lên ở một phía của đảo vào khoảng sáu giờ rưỡi sáng và lặn ở phía kia vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều, mỗi ngày trong năm. Nơi đây có một ít ngư dân Hồi giáo và gia đình họ cư ngụ. Không ở nơi nào trên hòn đảo này mà ta không thể nghe thấy biển. Ở đây không có xe máy. Có một máy phát chỉ phát điện vài giờ vào buổi tối. Đây là nơi yên tĩnh nhất tôi từng đến.

Mỗi sáng tôi đi dạo quanh chu vi hòn đảo lúc mặt trời lên, và đi dạo lần nữa vào lúc mặt trời lặn. Phần thời gian còn lại, tôi chỉ ngồi và nhìn. Nhìn những ý nghĩ của mình, nhìn cảm xúc của mình, nhìn những cư dân. Những nhà hiền triết Yoga nói tất cả nỗi đau, cũng như tất cả niềm vui của kiếp người do ngôn từ tạo nên. Chúng ta tạo ra ngôn từ để định nghĩa trải nghiệm của mình và những từ đó mang theo những cảm xúc đi kèm sẽ điều khiển chúng ta như chó bị xích. Chúng ta trở nên bị mê hoặc bởi chính những câu chú của mình (*Mình là một thất bại... Mình cô đơn... Mình là một thất bại... Mình cô đơn*) và chúng ta trở thành đèn đài tưởng niệm cho chúng. Vậy thì, ngừng nói trong một chốc là cố gắng lột phất quyền năng của ngôn từ, ngừng làm ta nghẹn từ ngữ, giải thoát ta khỏi những câu chú ngọt ngào.

Phải mất một thời gian tôi mới rơi vào yên lặng thật sự. Ngay cả sau khi ngừng nói, tôi thấy là mình vẫn ư ử với ngôn ngữ. Những cơ quan và cơ nói của tôi – não, cổ họng, ngực, gáy – rung động với những dư âm của trò chuyện rất lâu sau khi tôi thôi tạo ra âm thanh. Đầu tôi rung như thiết bị hồi âm của ngôn từ, giống kiểu một hồ bơi trong nhà dường như còn vang vọng mãi âm thanh và tiếng la hét, ngay cả sau khi bọn trẻ mẫu giáo đã đi khỏi. Phải mất một thời gian dài đáng ngạc nhiên thì tất cả sự rộn ràng của lời nói này mới mất đi, để âm thanh xoáy lốc lắng xuống. Có lẽ mất khoảng ba ngày.

Rồi tất cả lại bắt đầu xuất hiện. Trong trạng thái tĩnh lặng đó, vẫn còn chỗ cho tất cả mọi thứ thù hận, mọi thứ sợ hãi chạy qua tâm trí trống rỗng của tôi. Tôi cảm thấy kiểu như một tên nghiện bị giải độc, co giật với chất độc từ bất cứ thứ gì hiện lên. Tôi khóc rất nhiều. Tôi cầu nguyện rất nhiều. Rất khó khăn và rất đáng sợ - nhưng điều này thì tôi biết rõ – tôi chưa từng muốn ở đó, và tôi chưa từng ước ai khác ở đó cùng tôi. Tôi biết mình cần phải làm việc này và cần phải làm một mình.

Những du khách hiếm hoi khác trên đảo là một vài đôi đang có kỳ nghỉ lãng mạn (Gili Meno là một nơi quá xinh đẹp và quá xa xôi để đến trừ một người điên khùng đến đây một mình.) Tôi nhìn những đôi này và cảm thấy chút ghen tị với chuyện yêu đương của họ, nhưng biết là, “Đây không phải là thời gian có cặp có đôi của mi, Liz. Mi có một nhiệm vụ khác ở đây.” Tôi tránh xa mọi người. Mọi người trên đảo để mặc tôi. Tôi nghĩ mình đã phóng ra một bầu không khí ma quỷ. Cả năm rồi tôi không được ổn. Ta không thể mất ngủ đến thế và sút cân đến thế và khóc dữ lâu đến thế mà không bắt đầu trông như một người tâm thần. Nên chẳng ai trò chuyện với tôi.

Thực ra, điều đó không đúng. Có một người đã trò chuyện với tôi, mỗi ngày. Đó là một cậu bé, một trong đám trẻ con chạy tới chạy lui trên bãi biển cố bán trái cây tươi cho du khách. Cậu bé có lẽ đã chín tuổi, và có vẻ là một tên cầm đầu. Cậu bé dạn dĩ, thích gây gổ và tôi sẽ gọi cậu là ranh khôn đường phố nếu đảo của cậu thật sự có một con đường nào đó. Tôi nghĩ cậu là ranh khôn bãi biển. Không biết sao cậu học được tiếng Anh rất cừ, có lẽ bằng cách quấy rầy những người Tây phương tắm nắng. Và cậu đang nhắm tôi, cậu bé này. Chẳng có ai khác hỏi tôi là ai, không ai quấy rầy tôi, nhưng cậu bé hiểu động này thường đến ngồi cạnh tôi bên bãi biển vào một thời điểm nào đó trong ngày và hỏi, “Tại sao cô chẳng bao giờ nói vậy? Sao cô lạ như vậy? Đừng giả vờ là cô không nghe thấy tui đó – tui biết cô có thể nghe thấy tui. Sao lúc nào cô cũng một mình vậy? Sao cô chẳng bao giờ bơi? Bạn trai cô đâu? Sao cô không có chồng? Có chuyện gì với cô vậy?”

Tôi gần như nghĩ: *lui ra, nhóc! Mi là ai chứ - một bản sao những ý nghĩ đen tối nhất của ta hả?*

Mỗi ngày tôi cố cười hiền lành với cậu ta và xua cậu đi chỗ khác với một cử chỉ lịch sự, nhưng cậu bé không bỏ đi chừng nào chưa làm tôi phát khùng lên. Và không thể tránh khỏi, cậu luôn làm tôi phát khùng. Tôi nhớ là đã nổi xung lên với cậu một lần, “Tao không nói vì tao đang trong hành trình tâm linh chết tiệt, đồ vô dụng nhỏ bé bẩn thỉu – giờ thì BIẾN!”

Cậu ta cười chạy đi. Mỗi ngày, sau khi làm cho tôi phản phản ứng, cậu bỏ chạy và cười. Thường cuối cùng tôi cũng phải cười nữa, khi cậu khuất tầm mắt. Tôi sợ chú nhóc phiền toái này và mong chờ cậu nhiều như nhau. Cậu là quãng gián đoạn vui vẻ duy nhất trong hành trình thật sự khó khăn của tôi. Thánh Anthony từng viết là đã đi sâu vào hoang mạc để ẩn dật yên tĩnh và bị những ảo tượng khác nhau tấn công – ma quỷ và thiên thần, cả hai. Ngài nói, trong đơn độc của mình, đôi khi ngài chạm trán những ma quỷ trông như thiên thần, và lúc khác ngài thấy thiên thần trông như ma quỷ. Khi người ta hỏi ngài làm sao có thể chỉ ra được sự khác nhau, Thánh nói ta chỉ có thể phân biệt được nhờ cách ta cảm thấy sau khi sinh thể này trôi bầu bạn với ta. Nếu ta sợ hãi, ông nói, đó chính là ma quỷ vừa thăm ta. Nếu ta vui, đó là thiên thần.

Tôi nghĩ biết đồ vô dụng đó là gì, người luôn khiến tôi phải cười.

Vào ngày yên lặng thứ chín của mình, một buổi chiều trên bờ biển khi mặt trời đang lặn, tôi vào trạng thái thiền và không đứng dậy nữa cho đến sau nửa đêm. Tôi nhớ mình đã nghĩ, “Đây rồi, Liz.” Tôi nói với trí mình, “Đây là cơ hội của mi. Hãy cho ta thấy tất cả khiến mi sầu muộn. Hãy cho ta xem tất cả chúng. Đừng giữ lại thứ gì.” Từng đưa một, những ý nghĩ và ký ức buồn giờ tay lên, đứng lên tự giới thiệu. Tôi nhìn từng ý nghĩ, từng tên sầu muộn một, tôi công nhận sự tồn tại của nó và cảm thấy (không cố bảo vệ mình khỏi nó) nỗi đau khủng khiếp của nó. Và thế là tôi bảo nổi sầu đó, “Thôi được. Ta yêu mi. Ta chấp nhận mi. Giờ hãy vào tim ta đi. Xong rồi.” Tôi thực sự đã cảm thấy nổi sầu (như thể nó là một sinh vật) bước vào tim tôi (như thể tim tôi là một căn phòng có thực). Rồi tôi nói, “Người kế tiếp?” và một chút đau đớn kế tiếp hiện lên. Tôi nhìn kỹ nó, cảm thấy nó, chúc phúc nó, rồi cũng mời nó vào tim mình. Tôi làm như vậy với mỗi ý nghĩ buồn rầu mình có – trở về nhiều năm trước trong ký ức – cho đến khi chẳng còn lại gì.

Rồi tôi nói với trí tôi, “Giờ cho ta thấy sự giận dữ.” Lần lượt từng đưa một, mỗi sự kiện giận dữ trong đời tôi hiện lên và trình diện. Mọi sự bất công, mọi phản bội, mọi mất mát, mọi thịnh nộ. Tôi thấy tất cả chúng, từng đưa một, và tôi công nhận sự tồn tại của chúng. Tôi cảm thấy trọn vẹn từng giận dữ, như thể nó đang xảy ra lần đầu tiên, và rồi tôi nói, “Vào trong tim ta đi. Đã xong rồi. Các người có thể nghỉ yên ở đó. Giờ nó đã an toàn rồi. Đã xong rồi. Ta yêu các người.” Việc này tiếp diễn hàng giờ, và tôi chao đảo giữa các cực cảm giác đối lập mạnh mẽ - cảm thấy cơn giận run người hoàn toàn trong một giây phút, và rồi cảm thấy một sự điềm tĩnh hoàn toàn, khi cơn giận bước vào tim tôi như thể qua một cánh cửa, nằm xuống, cuộn tròn cạnh anh em của nó và thôi không phân tranh nữa.

Rồi đến phần khó khăn nhất. “Cho ta thấy sự xấu hổ,” tôi yêu cầu tâm trí mình. Lạy Chúa, nỗi kinh hoàng tôi đã thấy lúc đó. Một cuộc diễu hành đáng thương với những thất bại của tôi, dối trá của tôi, ích kỷ của tôi, ghen tuông, kiêu ngạo của tôi. Dù sao, tôi không làm ngơ bất cứ đứa nào. “Hãy cho ta xem cái tồi tệ nhất,” tôi nói. Khi tôi cố mời những tên xấu hổ này

vào tim mình, mỗi đứa chúng ngập ngừng ở cửa, nói, “Không – cô không muốn tôi vào đó đâu... Cô không biết tôi đã làm gì à?” và tôi nói, “Ta *muốn* các người. Ngay cả các người. Ta *muốn*. Ngay cả các người cũng được đón tiếp ở đây. Được mà. Các người đã được tha thứ. Các người là một phần của ta. Giờ các người có thể nghỉ ngơi. Đã xong rồi.”

Khi tất cả mọi chuyện này kết thúc, tôi trống rỗng. Không có gì xung đột trong tâm trí tôi nữa. Tôi nhìn vào tim mình, lòng tốt của chính mình, và tôi đã thấy khả năng của nó. Tôi thấy không chỉ tim mình đã gần đầy, không chỉ sau khi mời vào và chăm sóc tất cả những đứa cù bơ cù bất sâu muộn, giận dữ và xấu hổ, tai họa này; tim tôi còn có thể nhẹ nhàng đón nhận và tha thứ nhiều hơn nữa. Tình yêu của nó vô tận.

Lúc đó tôi hiểu rằng đây là cách Thượng Đế yêu thương tất cả chúng ta và đón nhận tất cả chúng ta, và rằng trong vũ trụ này không có thứ gì như địa ngục, ngoại trừ có lẽ chỉ có trong đầu óc kinh hãi. Vì nếu một con người hư hoại và hạn chế cũng có thể cảm nhận dù chỉ một cảnh đoạn tha thứ và chấp nhận tuyệt đối như vậy của bản ngã mình – thì hãy hình dung xem – chỉ hình dung thôi! – Thượng Đế, với tất cả cảm thông vĩnh cửu của Ngài, có thể tha thứ và chấp nhận điều gì.

Tôi cũng hiểu là sự nghỉ ngơi yên bình này thế nào cũng chỉ là tạm thời. Tôi biết là mình vẫn mãi mãi chưa hoàn tất mọi điều, rằng giận dữ của tôi, buồn bã của tôi và xấu hổ của tôi cuối cùng sẽ len lén trốn khỏi tim tôi, và trở lại xâm chiếm tâm trí tôi lần nữa. Tôi biết mình sẽ phải đối phó với những ý nghĩ này nhiều lần nữa đến khi tôi từ từ và kiên quyết thay đổi toàn bộ đời sống của mình. Và rằng làm điều này sẽ khó khăn và kiệt sức. Nhưng tim tôi nói với trí tôi trong lặng câm tối mù của bãi biển, “Ta yêu người, ta sẽ không bao giờ rời xa người, ta sẽ luôn chăm sóc người.” Lời hứa đó phát ra từ tim tôi, tôi chợt bắt gặp nó trong miệng mình và giữ nó ở đó, nếm nó khi tôi rời bãi biển và đi bộ trở về căn lều nhỏ nơi mình đang ở. Tôi tìm thấy một cuốn sổ tay trống, mở trang đầu tiên ra – và chỉ khi đó tôi mới mở miệng và nói những từ đó vào hư không, thả chúng ra. Tôi để những từ này phá vỡ im lặng của mình và rồi tôi cho phép cây bút chì của mình ghi lại phát biểu to lớn của chúng vào trang giấy:

“Ta yêu người, ta sẽ không bao giờ rời xa người, ta sẽ luôn chăm sóc người.”

Đó là những lời đầu tiên tôi viết trong cuốn sổ riêng của mình mà từ đó trở đi tôi thường mang nó theo, trở lại với nó nhiều lần trong hai năm sau đó, luôn yêu cầu giúp đỡ - và *luôn tìm thấy nó*, ngay cả khi buồn thê thảm nhất hay e sợ nhất. Và cuốn sổ đó, thấm đẫm lời hứa về tình yêu ấy, rất đơn giản là lý do duy nhất khiến tôi sống sót trong những năm sau đó của đời mình.

Và giờ tôi trở lại Gili Meno trong một hoàn cảnh khác một cách đáng kể. Vì tôi đã từng ở đây, tôi đã vòng quanh thế giới, giải quyết vụ ly dị, sống sót qua sự chia cách cuối cùng với David, xóa sạch mọi thuốc men thay đổi tâm trạng khỏi hệ thống của mình, học nói một ngôn ngữ mới, ngồi trong lòng bàn tay của Thượng Đế trong vài khoảnh khắc không thể nào quên ở Ấn Độ, học hỏi dưới chân một ông thầy mo Indonesia và mua một căn nhà cho một gia đình khẩn thiết cần nơi để sống. Tôi đang hạnh phúc, khỏe mạnh và cân bằng. Và, đúng, tôi không thể không nhận thấy mình đang đến hòn đảo nhiệt đới nhỏ xinh đẹp này với người tình Brazil của mình. Tôi sẽ thừa nhận đây, điều đó gần như một kết cục cổ tích lố bịch cho câu chuyện này, như một trang mơ mộng nào đó của bà nội trợ. (Có lẽ thậm chí là một trang giấc mơ của riêng tôi, từ nhiều năm trước.) Nhưng điều giữ tôi không tan ngay lúc này vào thứ ánh sáng lung linh cổ tích ấy hoàn toàn là sự thật chắc chắn này – một sự thật đã khiến tôi mạnh mẽ hơn trong vài năm qua – tôi không được một hoàng tử giải thoát; tôi là người điều khiển cuộc giải thoát chính mình.

Những ý nghĩ của tôi quay sang điều gì đó tôi đã từng đọc, gì đó như Thiền Phật giáo. Họ nói một cây sồi được hai sức mạnh tạo ra cùng một lúc. Rõ ràng, tất cả khởi từ một quả dầu, cái hạt nắm giữ tất cả hứa hẹn và tiềm tàng lớn thành cây. Ai cũng có thể nhận thấy điều đó. Nhưng chỉ ít người nhận ra ở đây còn một lực lượng khác nữa vận hành – chính cây sồi tương lai, cái cây thiết tha muốn tồn tại đến nỗi nó đẩy quả dầu thành tồn tại, kéo cây con ra với khát khao thoát khỏi không rỗng, hướng dẫn tiến hóa từ không đến phát triển. Về mặt này, Thiền giải thích, chính cây sồi tạo ra quả dầu mà từ đó cây mọc lên.

Tôi nghĩ về người phụ nữ mình mới trở thành, về cuộc đời giờ tôi đang sống, và về điều tôi đã luôn muốn là người như thế này và sống cuộc sống như thế này biết bao, giải phóng khỏi trò khôi hài vờ là ai đó chứ không phải là mình. Tôi nghĩ đến tất cả mọi điều đã chịu trước khi đến đây và tự hỏi không biết có phải là *tôi* không – ý tôi muốn nói, cái *tôi* hạnh phúc và cân bằng này, giờ đang thiu thiu ngủ trên boong chiếc thuyền đánh cá Indonesia nhỏ này – người đẩy một *tôi* khác, non trẻ hơn, bối rối hơn và giằng co hơn về phía trước trong những năm khó khăn đó. Tôi non trẻ hơn là hạt dầu đầy tiềm năng, nhưng còn *tôi* già dặn hơn, chính là cây sồi đã tồn tại luôn nói, “Đúng – Lớn lên! Thay đổi! Tiến hóa! Đến và gặp ta ở đây, nơi ta đã tồn tại toàn vẹn và chín chắn! Ta cần mi lớn thành ta!” Và có lẽ chính *tôi* hiện diện và đã chứng đắc này bốn năm trước từng lơ lửng trước đứa con gái có chồng đang thổn thức trên sàn phòng tắm, và có lẽ chính *tôi* này đã thăm thì dịu dàng vào tại đứa con gái tuyệt vọng. “Đi ngủ lại đi, Liz...” Đã biết rằng tất cả sẽ ổn, rằng cuối cùng tất cả sẽ mang chúng tôi lại với nhau ở *đây*. Ngay đây, đúng vào giây phút này. Nơi tôi luôn chờ đợi trong thanh thản và mãn nguyện, luôn chờ đợi cô ấy đến và cùng tôi.

Rồi Felipe tỉnh giấc. Cả hai chúng tôi đã ngủ chập chờn cả buổi chiều, cuộn trong vòng tay nhau trên boong tàu đánh cá Indonesia này. Biển đu đưa chúng tôi, mặt trời rạng rỡ. Khi tôi nằm đó gối đầu lên ngực anh, Felipe nói với tôi anh có một ý nghĩ khi đang ngủ. Anh nói, “Em biết không – rõ ràng là anh cần tiếp tục sống ở Bali vì công việc của anh ở đây, và vì nó rất gần Úc, nơi con anh sống. Anh cũng cần ở Brazil thường xuyên, vì đó là nơi có đá quý và

vì gia đình anh ở đó. Còn em thì rõ ràng cần ở Mỹ, vì công việc của em ở đó, và đó là nơi có gia đình và bạn bè em. Nên anh đã nghĩ... có lẽ chúng mình sẽ cố xây đắp một cuộc sống chung theo cách nào đó chia ra giữa Mỹ, Úc, Brazil và Bali.”

Tất cả những gì tôi có thể làm là cười, này – tại sao *không*? Có lẽ điều đó đủ điên rồ để thành công. Một cuộc sống như thế có thể khiến ai đó cho là hoàn toàn điên rồ, một sự khùng điên thuần túy, nhưng nó rất giống tôi. Tất nhiên đây là điều chúng tôi nên bắt đầu. Nó đã có vẻ thân thuộc rồi. Và tôi phải nói là mình cũng hoàn toàn thích sự nên thơ của ý nghĩ này nữa. Tôi muốn nói theo nghĩa đen. Sau cả năm để khám phá những I táo bạo và riêng lẻ, Felipe vừa mới gợi ý với tôi cả một lý thuyết chu du mới:

Australia, America, Bali, Brazil = A, A, B, B.

Như một bài thơ cổ điển, như một cặp câu nhịp nhàng.

Chiếc thuyền đánh cá nhỏ bỏ neo ngay ngoài bờ Gili Meno. Trên đảo không có cầu tàu. Chúng tôi phải xắn ống quần, nhảy ra khỏi tàu và lội qua sóng bằng chính sức mình. Hoàn toàn không thể nào làm thế mà không bị sóng nước hay thậm chí đâm sầm vào san hô, tất cả mọi rắc rối hoàn toàn đáng công vì bãi biển quá đẹp, quá đặc biệt. Nên tôi và người yêu của mình, chúng tôi cởi giày, chúng tôi chất mấy cái túi nhỏ đồ dùng lên đầu mình và chuẩn bị cùng nhau nhảy qua thành tàu đó, vào biển.

Bạn biết đó, có một điều thật buồn cười. Thế nào đó mà ngôn ngữ Lãng Mạn duy nhất Felipe không nói lại là tiếng Ý. Nhưng tôi bắt đầu và nói với anh, khi chúng tôi sắp nhảy.

Tôi nói, “*Attraversiamo.*”

Cùng băng qua nào.

TRI ÂN CUỐI CÙNG VÀ CAM ĐOAN LẦN NỮA

Vài tháng sau khi rời Indonesia, tôi trở lại thăm những người thân yêu và đón Giáng sinh và Năm Mới. Chuyến bay của tôi đáp xuống Bali chỉ hai giờ sau khi sóng thần Tsunami với sức tàn phá kinh hoàng giáng xuống Đông Nam Á. Người quen khắp nơi trên thế giới ngay lập tức liên lạc với tôi, lo lắng về sự an nguy của những người bạn Indonesia của tôi. Mọi người dường như đặc biệt lo lắng là “Wayan và Tutti có ổn không?” Câu trả lời là tsunami không ảnh hưởng đến Bali chút nào cả (không kể về mặt cảm xúc, dĩ nhiên) và tôi thấy tất cả mọi người đều bình an vô sự. Felipe chờ tôi ở sân bay (lần đầu tiên trong nhiều lần chúng tôi sẽ gặp nhau ở cá sân bay khác nhau). Ketut Liyer ngồi trên hiên của mình, vẫn như mọi khi, chế thuốc và thiền định. Yudhi gần đây nhận chơi guitar ở một khu nghỉ dưỡng địa phương sang trọng nào đó và đang tiến bộ. Và gia đình Wayan đang sống hạnh phúc trong ngôi nhà mới xinh đẹp của họ, xa đường biển hiểm nguy, ẩn cao trên những đám ruộng bậc thang của Ubud.

Với tất cả lòng biết ơn tôi có thể nêu lên (và thay mặt Wayan), tôi rất muốn cảm ơn tất cả mọi người đã đóng góp tiền để xây căn nhà đó:

Sakshi Andreozzi, Savitri Axelrod, Linda và Renee Barrera, Lisa Boone, Susan Bowen, Gary Brenner, Monica Burke và Karen Kudej, Sandie Carpenter, David Cashion, Anne Connell (người đã cùng với Jana Eisenberg, là một bậc thầy giải thoát vào phút chót), Mike và Mini de Gruy, Armenia de Oliveira, Rayya Elias và Gigi Madl, Susan Freddie, Devin Friedman, Dwight Garner và Cree LeFavour, John và Carole Gilbert, Mamie Healey, Annie Hubbard và gần như không thể tin được là Harvey Schwartz, Bob Hughes, Susan Kittenplan, Michael và Jill Knight, Brian và Linda Knopp, Deborah Lopez, Deborah Luepnitz, Craig Marks và Rene Steinke, Adam McKay và Shira Piven, Jonny và Cat Miles, Sheryl Moller, John Morse và Ross Petersen, James và Catherine Murdock (với chúc phúc của Nick và Mini), José Nunes, Anne Pagliarulo, Charley Patton, Laura Platter, Peter Richmond, Toby và Beverly Robinson, Nina Bernstein Simmons, Stefania Somare, Natalie Standiford, Stacey Steers, Darcey Steinke, quý cô Thoreson (Nancy, Laura và Cô Rebecca), Daphne Uviller, Richard Vogt, Peter và Jean Warrington, Kristen Weiner, Scott Westerfeld và Justine Larbalestier, Bill Yee và Karen Zimet.

Cuối cùng, về một chủ đề khác, tôi ước mình có thể tìm thấy một cách để cảm ơn một cách đúng mực cậu Terry và vợ Deborah yêu quý của tôi vì tất cả những giúp đỡ họ dành cho tôi trong suốt năm du hành này. Để gọi đó đơn thuần chỉ là “hỗ trợ kỹ thuật” là giảm nhẹ tầm quan trọng những đóng góp của họ. Hai người đã cùng nhau dệt một tấm lưới dưới sợi dây kéo căng của tôi mà nếu không có nó – rất đơn giản – tôi đã không thể viết cuốn sách này. Tôi không biết phải đền đáp họ như thế nào.

Cuối cùng, dù sao, có lẽ tất cả chúng ta phải từ bỏ cố gắng đền đáp lại những người trên thế gian này đã duy trì cuộc sống của chúng ta. Cuối cùng, có lẽ sẽ sáng suốt hơn nếu quy thuận trước tâm ý rộng lượng màu nhiệm của con người và chỉ cứ nói lời cảm ơn, mãi mãi và chân thành, chừng nào ta vẫn còn giọng nói.

10 FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

ABOUT EAT, PRAY, LOVE

1) WHAT WAS THE BIGGEST SURPRISE ABOUT YOUR JOURNEY?

How well it worked. I found exactly what I was looking for during that year of traveling. In fact, I found more than I'd dared to hope for. Looking back on it now, though, I think that this amazing result was sort of inevitable. I've come to believe that there exists in the universe something I call "The Physics of The Quest" – a force of nature governed by laws as real as the laws gravity or momentum. And the rule of Quest Physics maybe goes like this: "If you are brave enough to leave behind everything familiar and comforting (which can be anything from your house to your bitter old resentments) and set out on a truth-seeking journey (either externally or internally), and if you are truly willing to regard everything that happens to you on that journey as a clue, and if you accept everyone you meet along the way as a teacher, and if you are prepared – most of all – to face (and forgive) some very difficult realities about yourself....then truth will not be withheld from you." Or so I've come to believe. I can't help but believe it, given my experience.

2) WERE YOU EVER WORRIED THAT TAKING A YEAR OFF TO TRAVEL AROUND THE WORLD WAS A SELFISH ACT?

What is it about the American obsession with productivity and responsibility that makes it so difficult for us to allow ourselves a little time to solve the puzzle of our own lives, before it's too late? That said, yes – I did worry a great deal about selfishness. But after three years of despair and depression, I had come to believe that living my life in a state of constant misery was actually a pretty selfish act. Who would be served by a lifetime of my sorrow? How would that enrich the world? Going off for a year and creating a journey to pull myself back together, to rediscover joy, to face down my failings and rebuild my existence, was not only an important thing for my life, but ultimately for the lives of everyone around me. And it's not just my family and friends who are better off now that I am happy; it's everyone I encounter. Because the reality is that we human beings are constantly leaking our dispositions upon each other. When I was in such a dark state, everyone I passed on the street had to walk through the shadow of my darkness, whether they knew me or not. I remember once, during my divorce, crying uncontrollably on the subway in New York City. When I look back on that crying young woman, I feel great compassion for what she was going through. But I can also feel pity now, in retrospect, for those poor, weary New York commuters, who had to sit there after their own long days at work, watching this sobbing stranger. I didn't want to be that person anymore. Saving my own life (through therapy, medication, prayer and – most of all -- travel) was something I did for my own benefit, yes, but I can't help but think that it was ultimately also a little bit of a community service.

3) HOW COULD YOU AFFORD TO TRAVEL THE WAY YOU DID?

This year-long journey was paid for entirely by the book advance for "Eat, Pray, Love", which was a huge blessing. But I got that advance because this was my fourth book, and so

I'd earned my way up over the years to that level of trust from my publisher. That said, though – when I was younger, I did a whole lot of traveling around this world before anyone ever paid me to do it. For many years, I traveled on the salary of a waitress or a bartender. I would work every shift for six months, then take my savings and go away to a new place, then come home and start working again. I was able to do this because traveling was such an important force in my life (rivaled only by writing) and I willingly gave up certain comforts (nice clothes, a steady job) to save money for plane tickets. Also, I should point out that while I was traveling for “Eat, Pray, Love,” I met hordes of people of all ages and backgrounds and nationalities (families, even!) who were doing incredible journeys – and not one of them had a generous book advance. (Or, at least, nobody would admit to it.) Of course it's true that not everyone who wants to see the world will be able to. People are held in place by all sorts of forces – by commitments to work, by the needs of their families, by ill health, by poverty. Yet many, many more people could travel than do. When it becomes important enough, doors can open in mighty ways. (For more on this topic, please see: www.wherethehellisMatt.com).

4) IS IT SAFE FOR WOMEN TO TRAVEL ALONE?

Nobody can ever promise anyone else's safety. But I've personally never had any trouble traveling alone. I chalk this up to a great deal of luck, combined with a fair amount of common sense (there are certain neighborhoods – indeed, nations! – that I simply won't enter). In truth, though, my experience has always been that there are more advantages than disadvantages to being a solo female traveler. Mostly the benefit is that people trust you more. Certain barriers fall faster before the face of a friendly woman than the face of a macho man. People know that I won't hurt them. They let me hold their babies and they show me their gardens and feed me dinner. The grace-filled moments of union have always far exceeded, in my experience, the occasional moments of unease.



Dario, The Author and Giovanni in Naples

5) HOW CAN I POSSIBLY GO ON A JOURNEY LIKE YOURS, GIVEN THAT I HAVE A BUSY LIFE OF MARRIAGE, KIDS AND WORK RESPONSIBILITIES?

The last thing I ever want to become is the Poster Child for “Everyone Must Leave Their Husband And Move To India In Order To Find God.” My path is hardly a universal prescription. It was my path – that is all it ever was. I drew up my journey as a personal prescription for solving my life. Transformative journeys come in many forms, though, and often happen without people ever leaving home. Divinity is available everywhere, at all times. People find their way to God during wars, in the middle of traffic jams and in small

prison cells. (Though I would submit it's easier for a prisoner to find time to meditate in a jail cell than it is for many of my working-mom friends with young children to create time for contemplation.) The first question you can begin to ask yourself, though, is: "Where can I find a small corner of stillness?" Because that's where it all begins and ends. God resides in these pockets of silence. So where in your day, where in your home, where in your mind, is there some opportunity for a moment of silence? Or maybe even a few moments, during which you can start asking the questions you need to ask in order to find what you need to learn. Can you find the time to get out of your own way and try to step into your own light? As a dear friend of mine put it: "To change your life, the important thing is not necessarily to travel; the important thing is to SHIFT."

6) I WANT TO GO TO ITALY – WHERE CAN I GET THAT PIZZA YOU DESCRIBED?

Pizzeria da Michele. Order the double mozzarella. If you go to Naples and don't eat this pizza, please lie to me later and tell me that you did.



Sofie at Pizzeria da Michele

7) I WANT TO GO TO INDIA -- HOW CAN I STUDY IN THE ASHRAM YOU DISCUSS?

The Ashram where I studied is too small these days to accept new applicants -- and generally speaking they only have resources for teaching their long-term students. But there are many other wonderful resources out there for beginning meditators. If you're interested in travel to India, the most useful book is called "From Here to Nirvana – the Yoga Journal Guide to Spiritual Travel in India," which is a comprehensive review of dozens of spiritual outlets across India, written with practicality, humor and honesty. Also keep in mind what my mom told me once when I said, "Someday I'd like to get a boat and sail around the world!" She replied, "Why don't you start by going sailing for an afternoon, and see if you like it?" Moving to India is a big step. Try a weekend meditation retreat first, just to see if you respond to it. Or begin a meditation practice at home. I would recommend the books of Pema Chodren and Jack Kornfield. (who are both Buddhists) as excellent places to begin. Christian meditation is a centuries-old tradition, and there are now some excellent teachers and tapes out there on the topic.



Ashram friends



Richard from Texas

For more on Richard, check out <http://www.richardfromtexas.com>



Sacred Cow & Author

8) I WANT TO GO TO BALI. HOW CAN I MEET WAYAN THE HEALER AND KETUT THE MEDICINE MAN?

Ketut and Wayan can both be easily found in Ubud – a lovely place, which you should definitely visit if you are in Bali. Wayan's shop, which is called "Traditional Balinese Healing" is located a few doors up the street from the town post office, diagonally across the street from the Bali Buddha restaurant. Her "vitamin lunch" is still the best meal in Ubud (except for Ebu Oka's roast suckling pig, but that's not such a healthy option). Wayan also offers lovely massages and beauty treatments now, and is still a fantastic healer; I would trust her with any illness whatsoever. Ketut Liyer is still right there on his porch, doing his thing. Any local in Ubud can take you to see him; he is well-known and well-respected and always available to read your palm and tell you that you will live to 110. His neighborhood is called "Pengosekan." His office hours are...well: always. If you need a nice guide in Ubud, contact Mario -- my non-Italian Balinese friend -- at the Ubud Inn. You can email him directly at mariourip@yahoo.com

Also - on the topic of Bali, I can't say enough wonderful things about Robin Lim, an American-born woman who runs the Bumi Sehat Foundation, based in Ubud. Robin is an extraordinary midwife who has dedicated her life to supporting the mothers and babies of Indonesia. Robin's clinic is the best place on the island for any woman to find access to safe care during pregnancy - and for Balinese Muslim women (a not-always-embraced minority) her clinic is a special haven, where they are sure to always be treated with respect and kindness. Of course, Robin is operating on a shoestring budget, but it's amazing what she can do with so little. She delivers 60 to 70 babies a month (the woman appears to never sleep) as well as offering prenatal care and breast-feeding support. The clinic has

been so successful that Robin has expanded her work to Aceh (site of the recent Tsunami disaster, where she arrived at the scene of the tragedy even before the Red Cross got there) and she's looking to open a new clinic in Timor (which has the highest infant mortality rate in all of Asia.) If you can, please make a donation, and be as generous with your financial support as you can be. All donations are tax-deductible, and you can be sure your money will be well spent bring gorgeous new babies safely into the world. Robin desperately needs to build a new clinic that will not only provide more beds (she often takes recovering post-natal moms into her own home) but will also be earthquake proof, and ready to support the larger community in case of a natural disaster. Your donation will help enormously. And if you happen to be going to Bali, take a look at the WISH LIST on her website, and see if you can pack up an extra suitcase full of gifts for the clinic. Every blanket and every toothbrush helps as much as every dollar. Robin Lim is what we all should strive to be - a great, abundant, generous, warm and tirelessly running faucet of humanity and grace.



Wayan & Tutti



Ketut Liyer

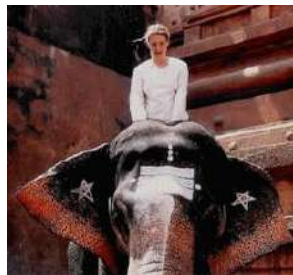


Group shot on an average day at Bumi Sehat Bali

The 7 small babies were all born within 24 hours of the photo

9) WHAT WAS IT LIKE RETURNING TO REALITY AFTER ALL YOUR TRAVELS?

Returning to America, I desperately wanted to hold onto all that I had learned during my journey. But I also didn't want to be the jerk who comes home from Bali and says, "Whoa, man...why's everyone so stressed out?" So I returned to very much a normal life (cell phones, bills, friends and family, obligations), but I do feel that I am changed. There is a small, new, holy part of me which I hold onto and treasure very carefully – cupping it in my hands like a freshly lit match. I try to protect that new part of me as much as possible from the sheering winds of 21st Century America. (Generally, this means avoiding particularly spastic invasions of too much television, consumer debt, competition, over-consumption, success-pressure, greed and other forms of our daily cultural life.) This is not to say that I walk around in constant, perfect bliss, or that I'm not still capable of exploding with rage at minor frustrations, but I do live differently now. I won't race you to beat that traffic light anymore. These days I slow down when the light turns yellow (I mean this in many ways) instead of speeding through every intersection blindly. The American capitalist machine is a marvel to behold (and I am a grateful beneficiary of it), but the race to always be the fastest, richest, most productive and best can also become a killing addiction. I push against that force with all my might. I don't always succeed, but I always try. Meditation helps. (When I actually do it, that is. Which is not as often as I should, but what can I say, people? I'll be working on that till the day I die. That's why they call it a mediation PRACTICE.)



Author on elephant



Gili Meno Island, off Bali

10) LASTLY (and the most frequently asked question of all time) ARE YOU AND FELIPE STILL TOGETHER?

Very much so! We are happily married. Life is wonderful. Thanks for asking..."



A taste of the next book to come --Author in August 2006, in Northern Vietnam, with water buffalo

[1] Trừ khi cố gắng giải quyết các giao dịch địa ốc Bali khẩn cấp như được miêu tả trong phần 3.

[2] Tu viện (ở Ấn Độ).

[3] Yogi.

[4] Nguyên văn: Guru.

[5] Tiếng Ý: khiêu khích.

[6] “Chúc ngủ ngon, bạn thân,” trong tiếng Ý.

[7] LakeInferior: Một hồ ở quận Campbell thuộc tiểu bang Kentucky, Mỹ.

[8] Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

[9] Tên một vị trí phòng thủ trong môn bóng chày.

[10] Người đàn ông chuyên dụ dỗ khiến đàn bà mang họa.

[11] Trong tiếng Anh, Ý là Italia, Ấn Độ là India.

[12] Bờ Biển Ngà.

[13] Trò chơi tương tự như bóng chày, chơi trên sân nhỏ hơn với quả bóng mềm to hơn.

[14] Bánh mì nhỏ, bánh sandwich Ý.

[15] Tôi đã đi học.

[16] Thịt bò, thịt bê hay cá ngừ sống thường được thái mỏng hay tán mỏng làm món khai vị.

[17] Tiếng Ý: tranh tường.

[18] Bia Budweiser.

[19] Cửa hiệu bán pho mát.

[20] Ngu ngốc.

[21] Dầu hàng, từ bỏ.

[22] Bánh mì nướng dùng làm món khai vị có phủ các phụ liệu thơm ngon.

[23] Bánh mì Ấn.

[24] Viết tắt của carbohydrate.

[25] Works Progress Administration: Cơ quan Cải thiện Việc làm.

[26] Tiếng Ý: Giăm bông.

[27] Xốt dùng với mì ống.

[28] Tiếng Ý: Thằng ngốc.

- [29] Nhãn hiệu tàu cá nhân.
- [30] Bánh pizza xếp có nhân.
- [31] Ham: giăm bông
- [32] Đã dịch sang tiếng Việt với tựa đề *Charlotte và Wibur*.
- [33] Bốn mươi chín ngày. Có lẽ ở đây tác giả nhầm.
- [34] Một trong 5 sách văn thơ của Cựu Ước, được cho là của Thánh Job, nhân vật chính trong sách.
- [35] Harbor: nghĩa là bến cảng, chứa chấp.
- [36] Tạm dịch: Cuộc chạm trán loài thứ ba – Một bộ phim khoa học giả tưởng năm 1977 của Steven Spielberg kể nỗi ám ảnh và những lần chạm trán của nhân vật Roy Neary (Richard Dreyfuss thủ vai) với các UFO.
- [37] Wormhole: cấu trúc giả thuyết được cho rằng có thể nối tắt các không-thời gian vốn tách biệt. Tên gọi “hố giun” được tạo ra khi tưởng tượng rằng vũ trụ là một bề mặt cầu. Muốn đi từ một điểm đến điểm đối diện trên mặt cầu cần quãng đường là nửa chu vi đường tròn lớn của mặt cầu. Tuy nhiên, nếu có một con giun đục lỗ xuyên vào trong lòng hình cầu, nối thẳng hai điểm, quãng đường đi chỉ còn là đường kính mặt cầu.
- [38] Hội nữ thanh niên Cơ đốc, tổ chức phụ nữ xưa nhất và lớn nhất ở Mỹ.
- [39] Ritalin: Loại thuốc phổ biến tại Mỹ, có tác dụng điều trị chứng ngủ rũ và xu hướng bạo lực thái quá ở trẻ em.
- [40] Thể loại nhạc có tiết tấu mạnh.
- [41] Federal Deposit Insurance Corporation: Quỹ Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang.
- [42] Trống nhỏ gõ bằng tay.
- [43] Nostradamus hay Michel de Nostredame (1503-1566), bác sĩ kiêm chiêm tinh gia nổi tiếng người Pháp.
- [44] Internal Revenue Service: Sở Thuế Vụ.
- [45] Hình thức âm nhạc quan trọng và lâu đời nhất Indonesia, được biểu diễn cùng với múa, kịch và nhạc.
- [46] Một vùng đất mỹ lệ của Ý.
- [47] Putty trong tiếng Anh, tên bé gái là Putu.

Chia sẻ ebook: <https://downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://facebook.com/caphebuoitoi>